

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH LINH
Tập I (1930-1975)**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY VĨNH LINH**

**BAN BIÊN SOẠN
Cuốn Sơ thảo *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh*
(1930-1975)**

**NGUYỄN HỮU THẮNG
LÊ VĨNH BÁ
THÁI VĂN TUYÊN**

**BAN BIÊN SOẠN, CHỈNH LÝ, BỔ SUNG
Cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - tập I (1930-1975)***

**NGUYỄN ĐỨC LÝ
NGUYỄN THANH TOÀN
NGUYỄN THỊ KHỎI
TRẦN THỊ THU HÀ
NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN
NGUYỄN ĐỨC THÔNG
TRẦN THANH HẢI**

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH LINH**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN VĨNH LINH**

Tập I (1930-1975)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2020**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Huyện Vĩnh Linh nằm ở phía bắc tỉnh Quảng Trị; phía đông giáp Biển Đông và huyện đảo Cồn Cỏ, phía tây giáp huyện Hướng Hóa, phía nam giáp huyện Gio Linh, phía bắc giáp huyện Lệ Thủy (tỉnh Quảng Bình).

Vĩnh Linh có nguồn gốc hình thành từ rất xa xưa. Ngay từ thời Hùng Vương, nơi đây đã là một phần của nước Văn Lang. Trải qua nhiều biến động của lịch sử, Vĩnh Linh đã trải qua nhiều lần thay đổi tên gọi, địa giới hành chính. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hệ thống chính quyền trên địa bàn huyện Vĩnh Linh dần hoàn thiện. Năm 1954, Hiệp định Giơnevơ tạm thời chia cắt nước ta thành hai miền Nam - Bắc. Sông Bến Hải, cầu Hiền Lương trở thành “nhân chứng lịch sử”, mang trên mình nỗi đau chia cắt đất nước ròng rã hơn 20 năm. Với vị trí “đầu sóng ngọn gió”, “đứng mũi chịu sào”, Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ quyết định thành lập đặc khu Vĩnh Linh - “ngang với một tỉnh, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Trung ương”, với tên gọi chính thức là khu vực Vĩnh Linh. Vĩnh Linh vừa là đầu cầu giới tuyến, vừa là tiền đồn miền Bắc xã hội chủ nghĩa và là hậu phương cho chiến trường miền Nam.

Bước ra khỏi chiến tranh, Vĩnh Linh là địa phương gánh chịu hậu quả nặng nề về người và của. Từ trong hoang tàn đổ nát, dù ở trong ngôi nhà chung Bến Hải (tỉnh Bình - Trị - Thiên) hay khi về với tên gọi của chính mình thuộc tỉnh Quảng Trị, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh luôn thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong tái thiết và xây dựng quê hương. Từ vùng đất bị bom đạn cày xới, Vĩnh Linh đã và đang đổi thay từng ngày.

Trải qua quá trình đấu tranh gian khổ trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc cũng như xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc từ ngày đất nước thống nhất và cùng cả nước bước vào thời kỳ đổi mới, Vĩnh Linh đã vinh dự và tự hào được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Để chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; đồng thời ghi lại chặng đường lịch sử đã qua như là cách thể hiện sự tri ân với các thế hệ cha, anh đi trước; và tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ của huyện hôm nay và mai sau biết trân trọng, phát huy truyền thống quý báu đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Linh khóa XVIII phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh* gồm 2 tập: *tập I (1930-1975)*, *tập II (1975-2015)*.

Ngoài phần phụ lục, nội dung cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - tập I (1930-1975)* được chia thành 4 phần với 10 chương, giới thiệu chung về vùng đất Vĩnh Linh và những đóng góp của Đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh Linh từ năm 1930 đến năm 1975 được chia thành các giai đoạn: 1930-1945, 1945-1954, 1954-1975; nội dung cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - tập II (1975-2015)* gồm 1 phần với 4 chương, giới thiệu những đóng góp của Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh từ năm 1975 đến năm 2015 được chia thành các giai đoạn 1975-1977, 1977-1990, 1990-2000 và 2000-2015.

Mặc dù Ban biên soạn và Ban biên tập đã có nhiều cố gắng trong quá trình sưu tầm tư liệu, biên soạn, biên tập, song do nguồn tư liệu lịch sử không được lưu trữ đầy đủ nên nội dung cuốn sách khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - tập I (1930-1975)*** với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Thường vụ Huyện ủy trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ sách: ***Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - Tập I (1930-1975)*** và ***Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - Tập II (1975-2015)***.

Bộ sách là bức tranh khái quát về lịch sử hình thành, phát triển của mảnh đất Vĩnh Linh giàu bản sắc văn hóa và truyền thống cách mạng, đặc biệt nổi bật từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo nhân dân trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập, thống nhất cũng như trong xây dựng, phát triển và đổi mới quê hương. Suốt quá trình đấu tranh cho sự tồn tại và phát triển, dù ở bất cứ giai đoạn hay hoàn cảnh lịch sử nào, đất và người Vĩnh Linh luôn thể hiện một sức sống mãnh liệt. Truyền thống yêu nước, yêu quê hương được xây đắp và ngày càng được phát huy, bề dày văn hóa và cách mạng ngày càng được hun đúc.

Năm 1931, ba chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời ở Vĩnh Linh, đánh dấu một mốc son lịch sử có tính bước ngoặt của phong trào yêu nước và đấu tranh cách mạng của quê hương. Từ đây, Đảng bộ Vĩnh Linh đã không ngừng lớn mạnh, lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, gian khổ; kiên cường đấu tranh giành thắng lợi trong 2 cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nước Việt Nam bị chia cắt thành 2 miền Nam - Bắc, lấy sông Bến Hải làm giới tuyến quân sự tạm thời. Vĩnh Linh trở thành đặc khu trực thuộc Trung ương; vừa là tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa là hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam, cho đảo Cồn Cỏ; vừa tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong suốt hơn 20 năm gian khổ, ác liệt, Vĩnh Linh vẫn kiên cường đứng vững nơi tuyến đầu, dũng cảm chiến đấu lập nên những chiến công vang dội, tạo nên những kỳ tích oai hùng. Với thành tích đặc biệt xuất sắc ấy, Vĩnh Linh vinh dự được Đảng, Nhà nước 02 lần phong tặng danh hiệu Anh hùng, 8 lần được Bác Hồ gửi thư khen, được bề bạn gần xa mến phục, tặng cho những danh hiệu cao quý “Vĩnh Linh lũy thép”, “Tuyến lửa anh hùng”...

Sau ngày đất nước thống nhất, Vĩnh Linh là vùng đất bị tàn phá có tính hủy diệt. Từ chiến hào, địa đạo bước lên, từ nơi sơ tán trở về, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh bắt đầu lại công cuộc kiến thiết, xây dựng quê hương từ hai bàn tay trắng. Hơn 13 năm cùng Gio Linh, Cam Lộ trong ngôi nhà chung Bến Hải, đặc biệt từ năm 1990, khi trở về với tên gọi trước đây, phát huy truyền thống cách mạng được tôi rèn trong chiến đấu, vượt lên muôn vàn khó khăn, thử thách, mảnh đất hoang tàn do đạn bom hủy diệt đã nhanh chóng được hồi sinh, có bước đổi thay mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu rất đáng tự hào trên mọi lĩnh vực, viết tiếp bài ca anh hùng của thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong những năm đổi mới, với đội ngũ cán bộ, đảng viên đông đảo, được rèn luyện, thử thách qua các thời kỳ cách mạng, Đảng bộ Vĩnh Linh đã kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhiều kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo, quản lý, điều hành đã được đúc rút, kế thừa và tiếp tục bồi đắp, bổ sung thêm qua từng nhiệm kỳ đại hội.

Với những thành tựu về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị qua hơn 30 năm đổi mới, Vĩnh Linh đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng những danh hiệu cao quý: Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, được công nhận huyện điển hình văn hóa, huyện dẫn đầu trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới của tỉnh Quảng Trị.

Năm tháng đã đi qua, nhằm ghi lại trọn vẹn những giai đoạn trong tiến trình ra đời, xây dựng và phát triển với những chiến công vẻ vang, mốc son lịch sử chói lọi của quê hương, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực hiện công trình khoa học “Biên soạn, chỉnh lý, bổ sung Lịch sử Đảng bộ Vĩnh Linh 1930-2015”. Bộ sách được thực hiện dựa trên cơ sở hiệu chỉnh, bổ sung cuốn sơ thảo *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh (1930-1975)* xuất bản năm 1994 và cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh (1975-2000)* xuất bản năm 2007 và biên soạn tiếp giai đoạn 2000-2015. Đây sẽ là tài liệu quan trọng phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của địa phương trong giai đoạn

mới; đồng thời vô cùng bổ ích trong việc giáo dục truyền thống văn hóa, lòng yêu nước và tinh thần cách mạng cho các thế hệ sau.

Ban Thường vụ Huyện ủy chân thành cảm ơn các cơ quan, đơn vị trong huyện, trong tỉnh; nhất là các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện qua các thời kỳ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị, đặc biệt là Ban chỉ đạo, Ban biên soạn cuốn sơ thảo *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh (1930-1975)* và cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh (1975-2000)* đã dày công tổng hợp, tích cực cộng tác, giúp đỡ, góp ý có hiệu quả; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã có những đóng góp quan trọng để công trình được hoàn thành.

Mặc dù đã cố gắng sưu tầm tư liệu để biên soạn, trải qua nhiều hội thảo khoa học song chắc chắn việc chỉnh lý và biên soạn, xuất bản bộ sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh* lần này vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong các đồng chí lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong huyện và bạn đọc gần xa tiếp tục đóng góp ý kiến để cuốn sách ngày càng hoàn chỉnh về nội dung.

Trân trọng giới thiệu hai tập sách:

- **Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - tập I (1930-1975);**
- **Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Linh - tập II (1975-2015).**

Vĩnh Linh, tháng 6 năm 2020

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY VĨNH LINH

Phần thứ nhất

VĨNH LINH - MẢNH ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

Vĩnh Linh là huyện nằm ở phía bắc tỉnh Quảng Trị, ở tọa độ địa lý từ 17°01'35" đến 17°02'64" vĩ Bắc và 106°53'49" đến 106°59'07" kinh Đông. Vị trí địa lý: phía đông giáp biển Đông và huyện đảo Cồn Cỏ, phía tây giáp huyện Hướng Hóa, phía nam giáp huyện Gio Linh, phía bắc giáp huyện Lệ Thủy (tỉnh Quảng Bình). Chiều dài huyện từ Bắc vào Nam (từ thôn Cháp Bắc - Vĩnh Cháp đến thôn Hiền Lương - Vĩnh Thành) là 17 km. Chiều rộng từ Tây sang Đông (từ vùng rừng núi xã Vĩnh Ô giáp huyện Hướng Hóa đến bờ biển xã Vĩnh Thái) hơn 40 km. Tổng diện tích tự nhiên là 626,35 km².

Nhìn tổng thể, Vĩnh Linh có địa hình nghiêng và thấp dần từ Tây sang Đông, kéo từ đỉnh Trường Sơn xuôi dần xuống vùng đồi núi trung du, đồng bằng và ra biển. Hầu hết đất đai đều nằm trên lưu vực sông Bến Hải.

Khí hậu: Cũng như các huyện trong tỉnh, Vĩnh Linh là vùng chịu tác động rõ rệt của khí hậu nhiệt đới gió

mùa. Hạn, úng, chua, mặn, lũ, bão, gió phơn nóng Tây Nam (gió Lào) khá khắc nghiệt. Nhiệt độ trung bình hằng năm là 26°C, tuy vậy, lại có sự chênh lệch lớn về nhiệt độ và độ ẩm không khí giữa các mùa trong năm. Nhiệt độ thấp nhất có lúc xuống dưới 10°C, độ ẩm lên đến 75%; nhưng vào mùa khô hạn, nhiệt độ có lúc lên đến 40°C, độ ẩm giảm xuống dưới 45%.

Lượng mưa trung bình hằng năm ở Vĩnh Linh trên 2.300 mm, song lại phân bố không đều, với 80% lượng mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm. Lượng mưa trong thời gian này có lúc rất cao (trên 500 mm/tháng), cộng với việc thoát úng chậm ở vùng hạ lưu vì cửa sông Bến Hải hẹp, nên thường gây lũ lụt ở vùng đồng bằng và xói mòn, rửa trôi ở vùng đồi núi. Ngược lại, từ tháng 4 đến tháng 8 lại thường xảy ra hạn hán nghiêm trọng, kéo dài hàng tháng. Hằng năm, bão và lũ luôn là nguy cơ lớn nhất ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và sinh hoạt. Khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 11, Vĩnh Linh là địa phương thường xuyên hứng chịu trung bình mỗi năm 8-10 cơn bão nhiệt đới từ Biển Đông. Mùa bão lại trùng với mùa mưa, nên thường kèm theo lũ lớn gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Sông, suối: Vĩnh Linh có hệ thống sông, suối, bầu, hói phủ khắp địa bàn. Lớn nhất là hệ thống sông Bến Hải (còn có tên là sông Hờ, Minh Lương, Hiền Lương, Rào Thanh) bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, đến Tiên An (Vĩnh Sơn) thì chảy giữa vùng đồng bằng của 2 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh, rồi đổ ra biển ở Cửa Tùng, với chiều dài

hơn 100 km. Lòng sông dốc, bề ngang khá hẹp, phía hạ lưu nơi rộng nhất khoảng 200 m. Cửa Tùng là nơi thoát nước ra biển nhưng chỉ rộng khoảng 150 m, nên rất trở ngại cho việc tiêu nước mùa lũ. Sông Sa Lung cũng bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, đổ vào sông Bến Hải ở phía tây cầu Hiền Lương. Sông đào Hồ Xá chảy qua Vĩnh Chấp, Vĩnh Long, thị trấn Hồ Xá và đổ vào sông Sa Lung ở vùng Gia Lâm. Ngoài ra còn có sông Bến Tám và hệ thống khe, suối, kênh mương tự nhiên cũng như do sức người đào đắp, lấy nước tưới cho ruộng vào mùa khô và tiêu nước vào mùa lũ lụt. Không chỉ có tác dụng thủy lợi, các sông, suối này còn là đường giao thông vận chuyển nông sản, giao lưu đi lại giữa các vùng, miền. Vĩnh Linh có một hệ thống hồ, đập và kênh mương thủy lợi tương đối hoàn chỉnh. Các công trình thủy lợi lớn như: hồ La Ngà, Bàu Nhum, Bảo Đài, đập ngăn mặn Sa Lung, đập Bến Tám... cùng hệ thống cống, đập, kênh mương có ở hầu hết các xã, hiện đã được bê tông hóa, kiên cố hóa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cũng như góp phần quan trọng trong việc thoát lũ vào mùa mưa, chống hạn hán vào mùa khô.

Biển: Vĩnh Linh có 24 km đường bờ biển, với một ngư trường rộng, có nhiều hải sản quý như tôm hùm, tôm he, cua, ốc, điệp, sò mai, mực nang, ghẹ, sẫm biển, cá mú, cá thu, cá chim, cá bớp... Vùng biển Vĩnh Linh vừa có vùng cửa lệch (Cửa Tùng) và vùng bãi ngang (Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch). Đây là một điều kiện thuận lợi trong việc khai thác nguồn lợi thủy hải sản cũng như giao lưu, buôn bán và dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng.

Rừng: Trước đây, rừng Vĩnh Linh vào loại giàu có và nằm gần với đồng bằng, chiếm hơn 80% độ che phủ đất đai toàn huyện, trong đó có nhiều mảng rừng nguyên sinh với hệ sinh thái đa dạng, phong phú; nhiều chủng loại thực vật, động vật quý hiếm. Nhưng do bom đạn chiến tranh cùng với nạn phá rừng và tình trạng khai thác, chặt, đốt đã làm cho rừng ngày càng bị thu hẹp. Gỗ quý và chim, thú quý hiếm giảm dần. Hiện nay trên địa bàn vẫn còn giữ lại một khu rừng nguyên sinh là Rú Lịnh, với diện tích hơn 100 ha.

Đất đai: Toàn huyện có 10.025 ha đất nông nghiệp, chiếm 16,18% diện tích tự nhiên; trong đó, có 6.600 ha diện tích đất trồng lúa. Đất lâm nghiệp 22.204 ha. Đất có khả năng nông nghiệp 8.291 ha. Đất có khả năng lâm nghiệp 14.353 ha. Vĩnh Linh có 14 loại đất chính; trong đó, đất đỏ bazan có gần 5.000 ha có thể trồng cây cao su, tiêu, chè, cà phê. Những loại cây công nghiệp này đã xuất hiện khá sớm ở Vĩnh Linh.

Tài nguyên khoáng sản: Vĩnh Linh có một số khoáng sản, nổi bật như vàng sa khoáng ở vùng rừng núi thuộc xã Vĩnh Hà, Vĩnh Ô; đá granit ở Vĩnh Hòa, thị trấn Hồ Xá; cát xây dựng, cát vàng ở Cửa Tùng, Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch; cát có hàm lượng titan ở Vĩnh Thái, Vĩnh Tú, Vĩnh Trung, Vĩnh Kim, hiện đang được khai thác. Vật liệu xây dựng khác như cát, sạn có ở sông Sa Lung, Bến Hải, song trữ lượng không nhiều.

Giao thông ở Vĩnh Linh cũng khá thuận lợi. Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 15 và đường sắt Bắc - Nam chạy suốt chiều dọc huyện từ Bắc vào Nam. Tỉnh lộ

70 dài 9 km, nối quốc lộ 1A với bãi tắm Cửa Tùng. Đường Cáp Lài nối thị trấn Hồ Xá với xã Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch và thị trấn Cửa Tùng đã được nhựa hóa và mở rộng, thuận lợi trong lưu thông đối với các xã phía đông huyện. Ngoài ra còn có 2 tuyến tỉnh lộ quan trọng là 572 và 523 được xây dựng khá hiện đại, nối liền các xã phía đông với các xã, thị trấn ở phía tây huyện. Đường dọc bờ sông Bến Hải được xây dựng trong giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ, dài 18,5 km, vừa có tác dụng ngăn mặn, vừa thuận tiện cho việc vận chuyển và đi lại của các xã Vĩnh Thành, Vĩnh Giang, thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Lâm và Vĩnh Sơn. Đường từ Tứ Chính đi Sa Lung đến thị trấn Bến Quan, Bãi Hà, Khe Hó, dài 23 km. Đường từ thị trấn Bến Quan đi Vĩnh Hà, Vĩnh Ô, dài 20 km, nối liền miền núi với miền xuôi. Đường từ thị trấn Hồ Xá đi Phúc Lâm, ga Tạm, Thủy Ba, dài 13 km, nối liền các xã đồng bằng trung du với thị trấn. Với việc đẩy mạnh phong trào “Bê tông hóa giao thông nông thôn, thị trấn” và hiệu quả từ việc thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới” đã làm cho hệ thống giao thông liên thôn, liên xã được xây dựng, nâng cấp khá hoàn chỉnh; việc lưu thông đi lại rất thuận lợi.

Di tích văn hóa: Với lịch sử hình thành lâu đời, Vĩnh Linh là huyện có nhiều di sản văn hóa nổi bật. Theo một số tài liệu nghiên cứu, người Chăm có mặt ở vùng đất này khá sớm, còn người Kinh phần lớn có gốc gác từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ di cư vào sau chỉ dụ “Chiêu dân lập ấp” của các triều đại phong kiến Đại Việt. Nông nghiệp trồng lúa nước giữ vai trò quan trọng trong xã hội người Chăm

cổ, vì vậy công tác điều tiết nước tưới theo phương thức “dẫn thủy nhập điền” với hệ thống giếng đá xếp là chủ đạo¹. Dấu vết mà nhóm dân cư người Chăm tiền trú để lại là những công trình đền tháp ở Duy Viên (Vĩnh Lâm), Cổ Lũy (Vĩnh Giang), Nam Sơn, Huỳnh Xá (Vĩnh Sơn), Liêm Công Đông (Vĩnh Thành), Sơn Hạ (Vĩnh Thạch), hệ thống các công trình khai thác nước và các giếng cổ (giếng Đán, giếng Ba Vòi, giếng Mài Rạ, giếng Máng, giếng Thồ Lồ...) có ở Vĩnh Thành, Vĩnh Hiền, Vĩnh Tú, Vĩnh Trung, Vĩnh Thái. Với đặc điểm cộng cư trong sinh hoạt giữa người Chăm và người Kinh buổi đầu hình thành làng mạc đã để lại nhiều dấu tích văn hóa, phong tục tập quán xen kẽ, hòa trộn những nét đặc trưng của hai dân tộc. Tuy nhiên, do thời gian và bom đạn chiến tranh nên hệ thống di tích lịch sử, văn hóa phần lớn đã bị hủy hoại. Hiện tại, theo thống kê trên địa bàn huyện có 180 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng các cấp; trong đó, tiêu biểu có 3 di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia là: khu di tích đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, và đường Trường Sơn (nhánh đông). Có 2 di tích lịch sử cấp quốc gia là bến đò Tùng Luật (bến đò B) và điểm bắn rơi máy bay B52 đầu tiên tại miền Bắc.

Về văn hóa phi vật thể tiêu biểu có chuyện trạng Vĩnh Hoàng, lễ hội chơi bài chòi ở Vĩnh Hòa, Vĩnh Nam, Hồ Xá, dân ca Tùng Luật... Làng Tùng Luật (xã Vĩnh Giang) từ

1. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1991, t.1.

lâu được biết đến là một ngôi làng “nghệ sĩ”, nơi được xem là chiếc nôi sinh ra các nghệ nhân nổi tiếng về đàn hát dân ca Bình Trị Thiên rất đặc sắc. Trong tác phẩm *Vĩnh Linh*, nhà văn Nguyễn Huy từng viết về nét đặc sắc của Vĩnh Linh: “... một làng giỏi võ, với tài bắt cộp là Thủy Ba, một làng giỏi văn, với tài ứng tác các chuyện trạng nổi tiếng khắp cả nước là Vĩnh Hoàng”¹. Bên cạnh đó, các thiết chế văn hóa hiện đại ngày càng được quan tâm, đầu tư xây dựng khá hoàn chỉnh, đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của người dân các vùng, miền trong toàn huyện.

Thắng cảnh: Vĩnh Linh là vùng quê có cảnh sắc khá đẹp, một bức tranh hữu tình với sông ngòi uốn lượn, đồng ruộng xanh mướt xen kẽ núi đồi, đất cát bạc màu bên cạnh những vùng đất đỏ bazan màu mỡ. Phía tây có núi Lò Reng (Linh Sơn, đồi 74) nổi lên giữa bốn bề đồng lúa xanh tươi và những làng mạc trù phú xung quanh. Phía đông có bãi biển Cửa Tùng, một nơi nghỉ mát tuyệt đẹp, từng được mệnh danh “nữ hoàng của các bãi tắm”; có nhà nghỉ Thừa Lương là nơi nghỉ dưỡng của vua chúa, quan lại quý tộc thời nhà Nguyễn (nay đã không còn dấu tích do bị bom đạn tàn phá). Ngoài ra còn có bãi biển Vĩnh Thái và một số điểm tắm biển với cảnh sắc khá đẹp ở Mũi Trèo (Vĩnh Kim), Mũi Si (Vĩnh Thạch), Tân Mạch (Vĩnh Thái). Một số địa phương khác đã hình thành các mô hình, điểm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng quy mô nhỏ nhưng khá hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài

1. Nguyễn Huy: *Vĩnh Linh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1982.

huyện như: khu du lịch sinh thái Bảo Đài (Vĩnh Long), bầu Trạng, bầu Thủy Ú (Vĩnh Tú), rú Lịnh (Vĩnh Hiền, Vĩnh Hòa), rú Đưng (Vĩnh Thạch), hồ La Ngà (Vĩnh Thủy),...

Dân số: Toàn huyện hiện có 93.939 người, trong đó có 2.708 người dân tộc Vân Kiều. Đặc điểm phân bố dân cư ở Vĩnh Linh không đều giữa các vùng, miền, tập trung chủ yếu ở các trung tâm thị trấn, các xã thuộc vùng gò đồi bazan và đồng bằng ven biển. Xuất phát từ một huyện thuần nông, kế thừa truyền thống yêu nước và truyền thống cách mạng hào hùng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, người Vĩnh Linh đã rèn luyện và hun đúc cho mình một nền tảng chính trị tư tưởng vững vàng; bản tính cương trực, anh dũng; tinh thần lao động cần mẫn, chăm chỉ, chất phác, thật thà, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo.

Truyền thống khoa bảng: Trong thời kỳ phong kiến, Vĩnh Linh được biết đến là nơi có nhiều người đỗ đạt. Đặc biệt, từ thế kỷ XVIII, người Vĩnh Linh học rộng, tài cao, làm quan to xuất hiện khá nhiều. Hàng chục người đỗ cử nhân, phó bảng. Nhiều người tham gia thi hội, trúng “đệ tam giáp đồng tiến sĩ”. Trong số này phải kể đến Lê Đức (thôn Sa Trung, xã Vĩnh Long) và Nguyễn Xuân Duệ (thôn Đơn Duệ, xã Vĩnh Hòa) khoa Tân Sửu (đời Thiệu Trị năm 1811). Lê Khánh Trinh đỗ cử nhân đời Minh Mạng, làm Hàn lâm viện thị giảng, sung nội các, thăng Thị lang bộ Hộ, ra làm Bố chánh Gia Định, đầu đời Thiệu Trị được triệu về kinh, thăng Tham tri bộ Hộ. Phan Văn Song làm Vệ úy Vũ Lâm, năm Minh Mạng thứ 14, đánh

Ngụy Khôi ở thành Phan An, bị chết trận, được tặng Chuông cơ. Nguyễn Văn Chương (xã Vĩnh Hòa), sinh năm 1812, đỗ tiến sĩ năm 1844, thời Thiệu Trị. Lê Khánh Thiện (làng Cổ Trai, xã Vĩnh Giang), sinh năm 1834, đỗ Phó bảng năm 1868, thời Tự Đức¹. Ngày nay, Vĩnh Linh cũng là nơi sản sinh và đóng góp nhiều trí thức cho đất nước, với các học hàm, học vị cao như giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, nhà văn, nhà báo, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang... Nhiều người hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, được Nhà nước phong tặng các danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú. Nhiều người làm lãnh đạo, quản lý các cấp từ trung ương đến địa phương, là những doanh nhân thành đạt ở trong và ngoài tỉnh, có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, TÊN GỌI VĨNH LINH VÀ SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ

Vĩnh Linh có nguồn gốc hình thành từ rất xa xưa. Thời Hùng Vương, Vĩnh Linh thuộc Bộ Việt Thường, là 1 trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đến đời Âu Lạc, khi nhà

1. Theo Dương Văn An: *Ô châu cận lục* (Phan Đăng - Phan Thanh dịch và chú giải), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 và *Đại Nam nhất thống chí* (Bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, t.1.

Hán đặt ách đô hộ, Vĩnh Linh là vùng đất thuộc huyện Tỷ Ảnh, thuộc quận Nhật Nam. Đến đời nhà Tùy, Vĩnh Linh thuộc đất huyện Nông Châu. Thời nhà Đường, Vĩnh Linh thuộc đất Lâm Châu¹. Từ khi Khúc Thừa Dụ dấy nghiệp đến năm 1069, Vĩnh Linh có tên gọi là châu Ma Linh (đây là tên gọi đã được Hán - Việt hóa từ phương ngữ của người Chăm). Châu Ma Linh lúc này có địa giới phía nam là tuyến Sông Hiếu - ngã ba Dạ Độ - Thạch Hãn, phía bắc giáp châu Địa Lý, phía đông giáp biển, phía tây là miền rừng núi.

Vào năm Thái Ninh thứ 4 (năm 1075), đời vua Lý Nhân Tông, châu Ma Linh được đổi tên thành châu Minh Linh. Lý Thường Kiệt được cử vào đây để vẽ địa đồ và chiêu tập dân đến ở. Khi quan hệ giữa Đại Việt và Chăm-pa được thiết lập, vào năm 1306, với cuộc tình duyên lịch sử giữa Huyền Trân Công chúa (con gái vua Trần Nhân Tông, vị vua thứ 3 đời nhà Trần) với quốc vương Chăm-pa là Chế Mân (Jaya Shinhavarman III) không những củng cố mối bang giao ngày càng nồng ấm giữa Đại Việt và Chăm-pa, mà với món quà sính lễ là châu Ô và châu Lý (Rí), đã chính thức mang về cho Đại Việt một phần đất đai rộng lớn từ chân đèo Hải Vân đến bắc Quảng Trị ngày nay².

1. Theo Dương Văn An: *Ô châu cận lục* (Phan Đăng - Phan Thanh dịch và chú giải), *Sđđ*; và Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, 1994.

2. Viện Khoa học và Xã hội Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.2, tr.288.

Thời Trần, châu Minh Linh thuộc trấn Tây Bình, gồm 3 huyện: Đơn Duệ, Tả Bố và Dạ Độ¹. Lúc nhà Minh đô hộ, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 5 (năm 1407), châu Minh Linh đổi tên thành châu Nam Linh. Thời nhà Lê lại đổi tên thành châu Minh Linh, sau đó đổi thành huyện Minh Linh, trực thuộc phủ Tân Bình (tỉnh Quảng Bình sau này), nằm trong thừa tuyên Thuận Hóa, bao gồm 64 xã, 2 huyện². Dưới thời Lê - Mạc, huyện Minh Linh thuộc phủ Tân Bình, quản lãnh 65 xã, làng. Chiếu theo tài liệu ghi chép lúc này thì có 33 làng, xã nằm trong địa giới hành chính của huyện Vĩnh Linh ngày nay³. Như vậy, địa giới hành

1. Theo Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời* (Nxb. Thuận Hóa, 1994) thì huyện Đơn Duệ là vùng đất phía bắc châu Minh Linh kéo đến phía bắc sông Minh Lương/Hiên Lương. Dạ Độ là vùng hạ nguồn sông Thạch Hãn (phía đông nam Gio Linh và phía đông bắc Triệu Phong ngày nay), Tả Bố là vùng thuộc phía nam sông Minh Lương/Hiên Lương đến phía bắc Trung Giang/Hối Tre (phía tây Gio Linh ngày nay).

2. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (năm 1438) và *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên.

3. Theo Dương Văn An: *Ô châu cận lục* (*Sđd*, tr.46-48), 33 làng/xã đó là: Tùng Công (Huỳnh Công), Tân Sài (Tân Trại), Minh Ái (Hiên Lương), Lân Trì (Đan Thầm), Cổ Trai, Tùng Luật, Đơn Duệ, Tang Ma (Gia Lâm), Lâm Sài (Phúc Lâm), Sa Lung, Hàm Hòa, Hồ Xá, An Điền (An Du Nam), An Do (An Du Đông), Thượng Lập, Trung Lập, Lai Cách, Mô Nham, Thạch Ma (Thạch Bàn), Cổ Hiên, Tiên Trạo, Võ Tá (Mỹ Tá), Phan Xá, Hoàng Xá Thượng (Huỳnh Thượng), Huỳnh Xá Hạ (Huỳnh Hạ), Nguyễn Xá (Quảng Xá), Lâm Cao, Tử Lai (Tiên Lai), Đặng Xá, Duy Viên, Lại Xá, Thủy Ba Thượng (Thủy Ba Tây, Thủy Ba Đông), Thủy Ba Hạ. Riêng 3 làng: Thử Luật (nay thuộc xã Vĩnh Thái), Thủy Càn (nay thuộc xã Vĩnh Kim), Thủy Trung (nay thuộc xã Vĩnh Trung) và thôn Mỗi Thôn (tên gọi khác của Thủy Tú, nay thuộc xã Vĩnh Tú) lúc bấy giờ thuộc huyện Lệ Thủy (Quảng Bình).

chính của huyện Minh Linh lúc này tương ứng với huyện Vĩnh Linh và Gio Linh ngày nay, trừ các xã vùng biển và giáp biển là Vĩnh Thái, Vĩnh Trung, Vĩnh Kim và Vĩnh Tú lúc này vẫn thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ngoài ra, ở phía đông cửa Minh Lương (tức Cửa Tùng) còn có Thảo Phù Phong (đảo Cồn Cỏ). Ở cửa này có lập đồn phòng ngự vì là một nơi xung yếu¹.

Đến đời nhà Nguyễn, huyện Vĩnh Linh mới thực sự có những thay đổi lớn về địa giới, diện tích cũng như tên gọi. Đời vua Gia Long đã lệnh trích huyện Minh Linh (thuộc phủ Tân Bình) cùng hai huyện Hải Lăng và Đăng Xương (thuộc phủ Triệu Phong) để lập ra dinh Quảng Trị. Năm Gia Long thứ 5 (năm 1806) huyện Minh Linh thuộc dinh trực lệ Quảng Trị, nhưng thống hạt vẫn để thuộc phủ Tân Bình. Vào năm 1821, khi Phan Huy Chú hoàn thành bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*, ở phần Dư địa chí có ghi “huyện Minh Linh gồm 28 xã”. Năm 1822, đời Minh Mạng, lệnh cho huyện Minh Linh lệ vào phủ Triệu Phong. Đến năm 1836, lại trích lấy huyện Minh Linh giao cho huyện Đăng Xương kiêm lý, gồm có 5 tổng, 142 xã, thôn, phường, trang, giáp². Cũng trong năm 1836, vào tháng 12 âm lịch, triều đình trích 3 tổng của huyện Minh Linh cùng với 1 tổng của huyện Đăng Xương để lập nên một huyện mới là Địa Linh (sau đổi tên thành huyện Gio Linh). Lại lập thêm 2 tổng mới cho huyện Vĩnh Linh.

1. Theo Dương Văn An: *Ô châu cận lục*, *Sđd*, tr.28.

2. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, t.1.

Lúc này, huyện Minh Linh có 4 tổng, 77 xã, thôn, phường, trang, giáp¹. Năm 1852, đời vua Tự Đức, triều đình lệnh bỏ huyện Địa Linh, cho huyện Minh Linh kiêm nhiếp. Đến năm Đồng Khánh thứ 1 (năm 1886) mới đặt lại huyện Gio Linh (huyện Địa Linh cũ) nhưng vẫn do huyện Minh Linh kiêm nhiếp. Theo *Đồng Khánh dư địa chí*, dưới thời Đồng Khánh, huyện Minh Linh có 4 tổng là: Minh Lương (gồm 19 xã, thôn, phường), Xuân Hòa (gồm 14 xã, phường), Thủy Ba (gồm 21 xã, thôn, phường) và Hồ Xá (gồm 21 xã, thôn, phường). Năm Hàm Nghi thứ 1 (năm Ất Dậu, 1885 dương lịch), vì kiêng (húy) chữ “Minh” (Nguyễn Phúc Minh, tên húy của vua Hàm Nghi), nên huyện Minh Linh được đổi tên thành huyện Chiêu Linh. Năm Thành Thái thứ 1 (năm 1889), lại kiêng chữ “Chiêu” (Nguyễn Phúc Chiêu là tên húy của vua Thành Thái), nên huyện Chiêu Linh được đổi tên thành huyện Vĩnh Linh. Như vậy, sau 6 lần thay đổi tên (Ma Linh, Minh Linh, Nam Linh, Minh Linh, Chiêu Linh, Vĩnh Linh), tên gọi “Vĩnh Linh” ra đời năm 1889 và tồn tại cho đến ngày nay. Năm 1900, triều đình đổi huyện Vĩnh Linh thành phủ Vĩnh Linh, dời phủ trị về xã Hồ Xá. Năm Duy Tân thứ 13 (năm 1901), địa giới phủ Vĩnh Linh được mở rộng ra phía bắc với việc cắt một số xã, phường từ tổng Thủy Liên và tổng Thạch Xá (thuộc huyện Lệ Thủy, Quảng

1. *Đại Nam nhất thống chí* (Bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, t.1.

Bình) để nhập vào phủ Vĩnh Linh¹. Như vậy, đến năm 1914, phủ Vĩnh Linh có 5 tổng, với 129 làng, thôn. Đến năm 1940, phủ Vĩnh Linh vẫn giữ 5 tổng nhưng số xã, phường, giáp rút xuống còn 92². Ngày 05 tháng 8 năm Bảo Đại thứ 16 (ngày 25/9/1941), theo Chỉ dụ 61, khu thị tứ Cửa Tùng được cải lập thành thị trấn Cửa Tùng, địa giới hành chính gồm các làng Vĩnh An và Di Loan, diện tích 69 mẫu 6 sào 13 thước 9 tấc (tương đương 1.234 ha)³.

Thời thuộc Pháp, tên gọi phủ Vĩnh Linh vẫn giữ nguyên; là 1 trong 3 phủ, 2 huyện và 1 thị xã của tỉnh Quảng Trị.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các đơn vị hành chính cấp phủ được đổi thành cấp huyện, cấp tổng bị bãi bỏ; nhiều làng nhỏ hợp thành đơn vị lớn gọi là xã và mang những tên mới, do Ủy ban hành chính xã trông coi mọi việc. Sau bầu cử Quốc hội (ngày 06/01/1946) và Hội đồng nhân dân các cấp (tháng 02/1946), hệ thống chính quyền trên địa bàn huyện Vĩnh Linh được hình thành có

1. Các xã, phường này gồm: xã Thủy Tú, phường Thủy Tú, xã Hoàng Công (Huỳnh Công), xã Thủy Trung (nay là xã Vĩnh Trung), xã Thủy Cần (nay là xã Vĩnh Kim), xã Thủ Luật (nay là xã Vĩnh Thái), xã Cháp Lễ (nay là xã Vĩnh Cháp), xã Mỹ Duyệt (nay là xã Vĩnh Tú). Một số xã lớn được chia thành nhiều thôn, ấp và thành lập thêm một tổng mới là Huỳnh Công.

2. Theo Nguyễn Đình Tư: *Non nước Quảng Trị* (Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr.99): 5 tổng của Vĩnh Linh gồm: tổng Hồ Xá (20 xã), tổng Hiền Lương (22 xã, 1 giáp), tổng Thủy Ba (25 xã, 1 phường), tổng Xuân Hòa (15 xã), tổng Huỳnh Công (7 xã, 1 phường).

3. Nguyễn Đình Tư: *Non nước Quảng Trị*, Sdd.

tổ chức chặt chẽ, nhiều xã nhỏ được sáp nhập thành xã lớn hơn. Căn cứ vào lần sáp nhập xã lần thứ ba được thực hiện theo Nghị quyết số 1109-QN/P5 ngày 14/9/1950 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV huyện Vĩnh Linh lúc này có 11 xã, gồm: Vĩnh Hội, Vĩnh Phong (về sau hợp thành Vĩnh Hội), Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang, Vĩnh Lộc (về sau hợp thành Vĩnh Hiền), Vĩnh Dinh (về sau hợp với một số thôn của Vĩnh Lộc thành Vĩnh Hoàng), Vĩnh Tiên, Vĩnh Đức (về sau hợp thành Vĩnh Thủy), Vĩnh Xuân, Vĩnh Hòa (về sau hợp thành Vĩnh Liêm) và Vĩnh Trường. Ngày 17/5/1950, theo Quyết định số 443-TC/CB/QN của Ủy ban Hành chính Liên khu IV, xã Vĩnh Trường chia thành 2 xã là Vĩnh Trường và Vĩnh Thượng.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, vĩ tuyến 17 trở thành ranh giới tạm thời chia cắt nước ta thành 2 miền Nam - Bắc. Địa bàn huyện Vĩnh Linh ở bờ bắc sông Bến Hải thuộc về miền Bắc. Ngày 16/6/1955, theo Nghị định số 551-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Khu vực Vĩnh Linh (phần phía bắc sông Bến Hải) thuộc tỉnh Quảng Trị được tổ chức thành một đơn vị hành chính đặc biệt (đặc khu), ngang với một tỉnh, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ Trung ương. Lúc này, toàn Khu vực Vĩnh Linh có 1 thị trấn và 22 xã¹.

1. Gồm thị trấn Hồ Xá và các xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Vĩnh Long, Vĩnh Cháp, Vĩnh Trung, Vĩnh Nam, Vĩnh Tú, Vĩnh Thái, Vĩnh Hiền, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà, Vĩnh Trường, Hướng Lập. Trung tâm hành chính Khu vực đặt tại thị trấn Hồ Xá.

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất. Tháng 5/1976, Khu vực Vĩnh Linh trở thành đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bình Trị Thiên. Ngày 11/3/1977, theo Quyết định số 62-CP của Hội đồng Bộ trưởng, các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ hợp nhất thành huyện Bến Hải. Theo Quyết định số 73-HĐBT ngày 13/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng, thị trấn Hồ Xá đổi tên thành thị trấn Vĩnh Linh.

Sau khi tách tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Quảng Bình (ngày 01/7/1989), theo Quyết định số 91/HĐBT ngày 23/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Bến Hải tách thành 2 huyện Gio Linh và Vĩnh Linh. Sau khi chia tách, huyện Vĩnh Linh có 1 thị trấn và 20 xã¹. Tổng diện tích tự nhiên là 61.956 ha, dân số toàn huyện lúc này là 77.678 người.

Ngày 01/4/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 79/CP về việc thành lập thị trấn Bến Quan của huyện Vĩnh Linh trên cơ sở một phần đất đai, dân cư của xã Vĩnh Hà và Nông trường Quyết Thắng. Thị trấn đổi tên Vĩnh Linh thành thị trấn Hồ Xá.

1. Gồm thị trấn Vĩnh Linh (6 khu phố) và các xã Vĩnh Lâm (6 thôn), Vĩnh Sơn (11 thôn), Vĩnh Thủy (5 thôn), Vĩnh Long (8 thôn), Vĩnh Thành (5 thôn), Vĩnh Cháp (11 thôn), Vĩnh Nam (3 thôn), Vĩnh Trung (3 thôn), Vĩnh Tú (6 thôn), Vĩnh Thái (7 thôn), Vĩnh Kim (3 thôn), Vĩnh Thạch (5 thôn), Vĩnh Hòa (2 thôn), Vĩnh Hiền (7 thôn), Vĩnh Quang (4 thôn), Vĩnh Giang (4 thôn), Vĩnh Tân (2 thôn), Vĩnh Khê (7 thôn), Vĩnh Ô (7 thôn), Vĩnh Hà (6 thôn).

Dẫn theo: Nguyễn Quang Ân: *Việt Nam - Những thay đổi về địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1997*.

Ngày 01/10/2004, theo Nghị định số 174/2004/NĐ-CP của Chính phủ, đảo Côn Cỏ thuộc xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Linh được tách ra để thành lập một huyện mới mang tên huyện đảo Côn Cỏ.

Ngày 24/8/2009, theo Nghị quyết 39/NQ/CP của Chính phủ, thị trấn Cửa Tùng được thành lập trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Vĩnh Quang và sáp nhập thêm 4 thôn của xã Vĩnh Thạch. Diện tích tự nhiên là 470 ha, dân số là 6.200 người.

Trải qua nhiều lần tách, nhập; đến nay, huyện Vĩnh Linh có 3 thị trấn: Hồ Xá, Bến Quan, Cửa Tùng và 15 xã: Vĩnh Giang, Kim Thạch, Hiền Thành, Vĩnh Hòa, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Vĩnh Long, Vĩnh Cháp, Trung Nam, Vĩnh Thái, Vĩnh Tú, Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà.

III. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC Ở VĨNH LINH TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO

1. Vĩnh Linh dưới chế độ thực dân, phong kiến

Năm 1896, thực dân Pháp bình định Việt Nam và thực hiện cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Ở Trung Kỳ, thực dân Pháp thực hiện chính sách “bảo hộ”. Bên cạnh vua, chúng đặt khâm sứ (là cố vấn tối cao chỉ phối mọi hoạt động của vua quan nhà Nguyễn). Ở mỗi tỉnh, chúng đặt chức Phó sứ bên cạnh Tổng đốc tuần vũ là quan đầu tỉnh.

Đồng Khánh ra lệnh củng cố và xây dựng bộ máy cai trị từ tỉnh đến tận xã, thôn; yêu cầu quân đội Pháp đóng

giữ ở các nơi trọng yếu như Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh. Chúng lập một vệ có 200 người để tuần tra trong toàn tỉnh, khí giới do bộ binh cấp. Ở phủ huyện, chúng lập thành phủ đoàn, huyện đoàn. Mỗi đoàn có 200 người do chánh tổng, phó tổng trông coi. Ở làng có tuần đinh, thôn xóm có điểm canh, gọi là xích hậu.

Guồng máy cai trị của phong kiến Nam triều bao gồm mỗi thôn có 1-2 đại hào chịu trách nhiệm trong làng. Một đến hai tộc biểu chịu trách nhiệm trong họ. Đảm trách việc hành chính thì có 1 lý trưởng, 1 hương bộ, 1 hương kiểm, 1 hương bản, 1 hương thơ, còn gọi là “ngũ hương”. Có nơi còn có thêm một hương đoàn hoặc một tổng đoàn, cùng với một đội tuần đinh làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác ban đêm. Trên lý hương còn có chánh tổng, phó tổng cai quản. Trên tổng là bộ máy phủ, huyện, gồm: 1 tri huyện hoặc tri phủ, 1 lại mục, 1 thông nhất, 1 thông nhì, 1 đội lệ có 5-7 lính. Nhiệm vụ của bộ máy này là đàn áp phong trào cách mạng, thu thuế, quản lý mọi công việc trong thôn xóm, địa hạt của mình phụ trách và thực hiện các hoạt động tư pháp.

Về đời sống và tình cảnh của nhân dân Vĩnh Linh:
Ngay từ trước, người dân Vĩnh Linh và Quảng Trị nói chung đã bị quan lại, địa chủ phong kiến bóc lột tận xương tủy. Những người khỏe mạnh bị vua chúa bắt làm không công, đi xây dựng cung điện, lăng tẩm, đền đài cho triều đình Huế. Ngay cả việc săn bắt cọp để phục vụ thú tiêu khiển của vua chúa nhà Nguyễn cũng từ sức dân làng Thủy Ba (Vĩnh Thủy) rong rã hàng tháng trời ở núi

rừng Thừa Thiên. Ruộng đất thì bị địa chủ phong kiến, cha cố nhà chung chiếm đoạt gần hết. Hạn hán, lũ lụt đe dọa, mất mùa, đói kém xảy ra thường xuyên. Đặc biệt là nạn thuế khóa hết sức nặng nề, “nào là thuế thân, thuế đất, thuế chợ, nào là đi canh. Bọn địa chủ bóc lột dân cày nghèo mỗi năm đến 60% hoa lợi, sau lại rút tiếp 10%; đó là chưa kể đến sự cho vay lời rút đũa nồi lúa non công nông...”¹. Đời sống của nhân dân Vĩnh Linh luôn trong tình cảnh nghèo khổ truyền kiếp và cơ cực da diết. Nhiều gia đình phải bỏ làng mạc, dòng tộc, họ hàng, ly tán phiêu bạt làm ăn ở các tỉnh Nam Bộ, hoặc trôi nổi sang tận Lào, Thái Lan...

Nhân dân Vĩnh Linh lúc này hầu hết bị mù chữ. Toàn huyện chỉ có 1 trường tiểu học từ lớp 5 đến lớp nhất tại Hồ Xá. Hai, ba xã thì chỉ có một hương sư, mở lớp dạy tam tự kinh A-B-C. Con những nhà khá giả, muốn học lên phải vào tỉnh, gọi là trường tỉnh. Cả Vĩnh Linh lúc bấy giờ chỉ có trên 10 người đạt trình độ cấp I (Ruyme) và 1 người học hết cấp II (Diplome). Người dân Vĩnh Linh số đông bị sốt rét, ho lao, ghẻ hờm (sâu quầng)... Thế nhưng, cả huyện chỉ có 1 trạm xá với 1 y tá phụ trách. Một viên thuốc stôvisol phải đổi 10 quả trứng gà. Trong khi đó quan lại lại huy động một số lượng lớn tiền của để lập ra các cơ sở Thiên Chúa giáo ở An Ninh, Di Loan, Ba Bình, Hòa Lạc và dòng Phước Sơn. Đặc biệt, dòng tu Phước Sơn, vốn trước đây là nơi do Thượng thư Nguyễn Hữu Bài lập

1. Tài liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bình - Trị - Thiên, 1985, hồ sơ số 21, tr.1.

đồn điền cao su, sau bán cho một người Pháp. Năm 1922, chúng đã lập ra một dòng tu lớn, trực thuộc La Mã, do một cha cố người Pháp phụ trách. Dòng Phước Sơn có một hệ thống nhà cửa kiên cố cùng hàng trăm lao động và trên 200 ha ruộng đất. Quan hệ giữa cha cố với người lao động theo kiểu chủ nô - nô lệ, nhưng lại đứng trên danh nghĩa một cơ sở từ thiện đối với người nghèo. Đây cũng là nơi đào tạo linh mục cho các xứ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tình hình chính trị - xã hội trong tỉnh có những thay đổi qua việc khai thác thuộc địa của Pháp như mở đường giao thông, lập đồn điền, xây dựng thị xã, thị trấn làm cho xã hội có những biến đổi nhất định. Giai cấp công nhân, tiểu tư sản thành thị xuất hiện, tầng lớp phú nông, hào lý, địa chủ cũng có sự phân hóa.

2. Các phong trào đấu tranh chống thực dân, phong kiến của nhân dân Vĩnh Linh trước khi có Đảng

Với lịch sử hình thành gần 1.000 năm, đất và người Vĩnh Linh luôn bị cuốn theo những cơn lốc của những cuộc chiến tranh triền miên qua các triều đại phong kiến khác nhau. Thế kỷ XIII, người dân Vĩnh Linh đã biết thực hiện “vườn không nhà trống” làm chậm bước tiến của đội quân Toa Đô giặc Nguyên, để cùng với cả nước quét sạch chúng ra khỏi bờ cõi. Rồi kháng chiến chống quân Minh, nhân dân nô nức đi theo Lê Lợi đánh bại quân Minh. Giữa thế kỷ XVI, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ

Thuận Hóa, rồi sang thế kỷ XVII, vì quyền lợi giữa hai dòng họ Trịnh - Nguyễn, cuộc nội chiến đẫm máu đã diễn ra. Vĩnh Linh cũng là địa bàn nằm trong ranh giới giữa 2 thế lực phong kiến đó. Tiếp theo là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn chống quân Thanh, 3 lần chiến đấu chống quân Xiêm, nhân dân Vĩnh Linh đã không tiếc máu xương của mình góp phần bảo vệ Tổ quốc. Khi thực dân Pháp mới đặt chân đến Vĩnh Linh, để thăm dò đường đi lối lại, chúng đã bắt 25 người dân cáng 5 tên Pháp từ Hồ Xá ra Quảng Bình, đến địa phận làng Cháp Lễ (xã Vĩnh Cháp), đã bị người dân dùng đòn khiêng đánh chết, rồi đem chôn xác cạnh quốc lộ 1A.

Đến khi thực dân Pháp xâm lược từ Nam Bộ đến Đà Nẵng, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước nhân dân Vĩnh Linh đã hăng hái hưởng ứng phong trào “văn thân”, chống bọn phản động trong đạo Thiên Chúa ở An Ninh, Di Loan. Nhất là khi Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Tân Sở, hiệu triệu đánh giặc, ra chiếu Cần Vương, thì phong trào yêu nước càng phát triển mạnh. Nổi bật lúc ấy có hai anh em Đề Ớn, Đề Chít đã dựng cờ khởi nghĩa, lấy Thủy Cần (Vĩnh Kim) làm căn cứ kháng chiến, đã anh dũng chiến đấu và gây cho quân Pháp nhiều tổn thất. Cụ Hoàng Văn Phúc, một người yêu nước đang giữ chức sắc trong đội quân triều đình nhà Nguyễn, quê ở xã Vĩnh Giang, đã giương cao lá cờ “trung hiếu”, lãnh đạo nông dân khởi nghĩa đánh nhau với Pháp rất oanh liệt ở Cửa Việt và đã anh dũng hy sinh năm 1886. Đề đốc Lê Chuẩn (quê ở làng Liêm Công Tây - xã Vĩnh

Thành) trấn nhậm Nghệ An, được Tôn Thất Thuyết triệu vào kinh đô cùng Ông Ích Khiêm, Trần Xuân Soạn chiến đấu giữ cửa Thuận An và bảo vệ thành Mang Cá, đã tử trận tại Huế trước ngày kinh đô thất thủ.

Tháng 3/1908, hưởng ứng phong trào kháng sưu Nam Ngãi, hàng nghìn nông dân nghèo của Vĩnh Linh cùng hương lý tiến bộ đã biểu tình, kéo vào Triệu Phong, lên thị xã Quảng Trị, vào tòa khâm sứ đấu tranh chống thuế. Tiếp theo là cuộc phá ngục Lao Bảo ngày 28/9/1915 của anh em tù chính trị, trong đó có một số người Vĩnh Linh. Họ đã trốn vào rừng vận động đồng bào dân tộc thiểu số đánh nhau với giặc. Tiếp đó, cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân thất bại và bị đàn áp đẫm máu. Đến đây, phong trào yêu nước toàn tỉnh nói chung và của Vĩnh Linh nói riêng tạm thời lắng xuống.

Đặc biệt, những ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài, tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái, phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, truy điệu và để tang cụ Phan Châu Trinh... đã có những tác động rất mạnh đến ý thức chính trị của nhân dân Vĩnh Linh lúc bấy giờ.

3. Hoạt động của các tổ chức tiền thân của Đảng

Cuối năm 1926, hàng vạn người dân Quảng Trị tham gia các cuộc hội họp đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, truy điệu cụ Phan Châu Trinh, do một số học sinh, trí thức yêu nước tổ chức; trong đó, có một số thanh niên yêu nước

người Vĩnh Linh theo học ở Trường Pháp - Việt (Huế). Trong bối cảnh chung ấy, ở Quảng Trị đã xuất hiện tổ chức đoàn thể cách mạng mới: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt Cách mạng Đảng. Hầu hết số học sinh Vĩnh Linh đã từng học ở Trường Pháp - Việt Quảng Trị đều được kết nạp vào hội như Nguyễn Đạm, Lê Hiền, Tô Sắt, Xu Quảng... Từ đây, phong trào yêu nước có xu hướng xã hội ở Vĩnh Linh bắt đầu hình thành, với tổ chức Chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tính từ cuối năm 1926 đến cuối năm 1929, cả Vĩnh Linh có 20 hội viên, chia thành 5 nhóm:

- Nhóm Quảng Xá gồm: có Trương Đình Đương, Hoàng Đức Hình, Lê Liên (tức Cửu Nghiên).

- Nhóm Tân Trại gồm: Nguyễn Đạm, Nguyễn Hường, Hoàng Tạo, Nguyễn Uẩn, Nguyễn Cẩn.

- Nhóm Huỳnh Công gồm: Ngô Sừ, Trần Sanh, Tạ Cầu, Trần Công Khanh, Thái Viễn, Trần Thúc, Trần Tăng, Tạ Mong.

- Nhóm Thượng Lập gồm: Trần Nhượng, Trần Văn Ngoạn, Xu Quảng.

- Nhóm Võ Xá có Lê Hiền.

Năm 1928, hai đồng chí Nguyễn Xuân Luyện (tức Cửu Luyện) và Hoàng Hữu Đàn, đại biểu của Tỉnh hội Quảng Trị ra Vĩnh Linh trực tiếp huấn luyện cho Chi hội về mục đích, tôn chỉ của Hội *“trước làm quốc dân cách mạng, sau làm thế giới cách mạng”*..., cụ thể là chống lại ách áp bức, đô hộ của thực dân, phong kiến, giải phóng dân tộc. Tài liệu học tập có cuốn *Đường cách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, viết năm 1927, phục vụ cho lớp học

thanh niên Việt Nam tại Quảng Châu - Trung Quốc; cùng một số sách báo tiến bộ từ Pháp đưa qua. Trên cơ sở đó, Chi hội đi sâu tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, nhất là tầng lớp thanh niên, công nhân, nâng cao lòng yêu nước, căm thù giặc Pháp. Chi hội phát động các phong trào đòi cải cách quy chế hương thôn, giảm bớt đình đám, ma chay, cưới xin, đòi lý hương sửa sang đường sá, đòi mở các lớp học cho con em. Một số địa phương còn tổ chức học chữ quốc ngữ cho nam, nữ thanh niên.

Để có tài chính hoạt động, Chi hội đã tổ chức một chi điểm buôn bán tại chợ huyện, do anh Đạm phụ trách, đồng thời lấy đó làm chỗ liên lạc. Vốn hoạt động là cổ phần do từng hội viên đóng góp, ngoài ra còn lạc quyên thêm ở những gia đình khá giả, có tinh thần yêu nước, có cảm tình với Hội. Tổ chức này được gọi là *“Hưng nghiệp Hội xã”* do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập. Song, có nơi lẫn lộn giữa hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với hội viên Hưng nghiệp Hội xã (những hội viên của Hưng nghiệp Hội xã gọi là tán trợ hội viên). Do đó, khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chuyển sang cộng sản thì một số hội viên của tổ chức này tự nhận mình là Cộng sản. Ở Quảng Trị, tổ chức chính trị có hệ thống với toàn xứ và toàn quốc là Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nhưng trong nội bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lúc này bắt đầu có sự phân liệt. Một số muốn duy trì thanh niên, số khác muốn chuyển qua cộng sản.

Ngày 15/5/1929, đồng chí Nguyễn Phong Sắc - đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng đến Quảng Trị, bàn

với đồng chí Nguyễn Đình Cương, Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị về việc rải truyền đơn đả kích thanh niên và kêu gọi thành lập Đảng Cộng sản. Nguyễn Đình Cương tán thành và ngày hôm sau, nhóm thanh niên cộng sản đầu tiên ở Quảng Trị họp bàn việc giải tán thanh niên, chuyển sang cộng sản. Đồng thời, thảo luận kế hoạch tổ chức chi bộ cộng sản và các tổ chức công, nông hội đỏ, thanh niên cộng sản đoàn. Trong số những người cộng sản đầu tiên này có Nguyễn Đạm, Chi hội trưởng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Vĩnh Linh tham gia.

Đêm 17/6/1929, truyền đơn Cộng sản Đảng và thư của Đông Dương Cộng sản Đảng được rải ở nhiều nơi trong tỉnh. Ở Vĩnh Linh, truyền đơn đã được một số hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chia nhau đi rải dọc đường tỉnh lộ đến Cửa Tùng và khắp các ngã đường lớn trong huyện. Sự kiện này đã thôi thúc mạnh mẽ ý thức thành lập Đảng Cộng sản trong các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhất là các phần tử tiên tiến.

Trước sự xuất hiện công khai lần đầu tiên của truyền đơn cộng sản, kẻ địch tìm cách khủng bố. Nhân việc tri phủ Hải Lăng là Ngô Đình Diệm tìm được tài liệu của thanh niên, chúng đã bắt một số hội viên. Số này không chịu nổi tra tấn đã khai ra tổ chức, dẫn đến Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Hưng nghiệp Hội xã bị vỡ. Phần lớn các đồng chí lãnh đạo bị bắt và bị giặc cầm tù. Sau đợt khủng bố này, số hội viên còn lại tạm thời không hoạt động, chờ đợi thời cơ.

Như vậy, từ cuối năm 1929 trở đi, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Vĩnh Linh đã hoàn thành sứ mệnh

lịch sử của mình. So với các phong trào yêu nước như “Văn thân”, “Cần Vương” trước đây thì hoạt động của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Vĩnh Linh là một bước tiến lớn, không những về mặt đường lối, mà còn về mặt tổ chức, có điều lệ, có quy tắc, có mục đích, tôn chỉ rõ ràng. Đặc biệt, chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường đấu tranh cách mạng, đánh đuổi thực dân, phong kiến, giải phóng dân tộc theo tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Ái Quốc đã được truyền bá rộng rãi. Đây cũng là sự chuẩn bị, là giai đoạn quá độ cho sự ra đời của các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Vĩnh Linh để thực hiện sứ mệnh lịch sử, trở thành hạt nhân lãnh đạo, đưa phong trào cách mạng Vĩnh Linh bước sang một trang sử mới.

Phần thứ hai

**CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN
ĐƯỢC THÀNH LẬP; PHONG TRÀO CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN VĨNH LINH
(1930-1945)**

Chương I

CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG ĐẦU TIÊN ĐƯỢC THÀNH LẬP - BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VĨNH LINH

I. SỰ RA ĐỜI CỦA 3 CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN Ở VĨNH LINH

Ngày 03/02/1930, tại bán đảo Cửu Long (Hong Kông, Trung Quốc), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước thành Đảng Cộng sản được tiến hành và thành công. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đây là mốc son đánh dấu một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Giữa tháng 3/1930, Xứ ủy Trung Kỳ cử đồng chí Lê Viết Lượm - Xứ ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên ra Quảng Trị chỉ đạo để xúc tiến thành lập Tỉnh ủy Quảng Trị. Đồng chí Lê Viết Lượm đến Quảng Trị gặp đồng chí Lê Thế Tiết bàn việc thành lập Ban vận động thành lập Đảng bộ tỉnh. Sau đó, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Trị được thành lập.

Tháng 10/1930, do sự đàn áp dữ dội của thực dân Pháp và tay sai, Tỉnh ủy bị vỡ.

Tháng 11/1930, Tỉnh ủy được lập lại.

Đồng chí Trần Ngọc Hoàn, Tỉnh ủy viên, được phân công phụ trách gây dựng cơ sở Đảng ở Vĩnh Linh và Gio Linh.

Đầu năm 1931, đồng chí Trần Ngọc Hoàn lần lượt đến Thượng Lập, Huỳnh Công, Lại Xá, Quảng Xá, Duy Viên và Đơn Duệ, gặp các đồng chí: Trần Nhượng, Trần Văn Ngoạn, Trần Công Khanh, Ngô Sừ, Trần Phác, Lê Nghiên, Lê Đăng, Trương Đình Đương, Lê Huyền, Nguyễn Chư để thông báo chủ trương của Tỉnh ủy và hướng dẫn cách tổ chức tuyên truyền, hoạt động bí mật, phương pháp liên lạc, phương pháp tập hợp quần chúng đấu tranh và các điều kiện cần thiết khác để tiến hành thành lập các chi bộ cộng sản.

Sau một thời gian chuẩn bị chu đáo các điều kiện cần thiết, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, tháng 5/1931, các chi bộ: Thượng Lập, Quảng Xá, Huỳnh Công lần lượt ra đời.

Chi bộ Thượng Lập do đồng chí Trần Văn Ngoạn làm Bí thư.

Chi bộ Quảng Xá do đồng chí Trương Đình Đương làm Bí thư.

Chi bộ Huỳnh Công do đồng chí Trần Công Khanh làm Bí thư.

Sau khi thành lập xong 3 chi bộ, đồng chí Trần Ngọc Hoàn trở vào báo cáo với Tỉnh ủy. Tiếp đó, Tỉnh ủy phái thêm đồng chí Đoàn Thị (tức Đoàn Bá Thừa) ra kiểm tra và công nhận 3 chi bộ Đảng đầu tiên của Vĩnh Linh là Thượng Lập, Quảng Xá và Huỳnh Công.

Sự ra đời của 3 chi bộ Đảng ở Vĩnh Linh đánh dấu một mốc son lịch sử rất quan trọng trong đời sống chính trị của

nhân dân trong huyện. Đây là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng tiến bộ, con đường giải phóng dân tộc đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc. Chính đường lối này là cơ sở bảo đảm cho việc tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Từ mốc son lịch sử này, phong trào cách mạng ở Vĩnh Linh bắt đầu được đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng. Vĩnh Linh vốn có truyền thống kiên cường, bất khuất, đã nhiều lần đứng lên dưới ngọn cờ đại nghĩa của các sĩ phu yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược, nhưng những cuộc nổi dậy đó đều bị kẻ thù đàn áp và thất bại. Từ đây, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng của Đảng, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và lãnh đạo, thì sự ra đời của 3 chi bộ cộng sản ở địa phương là hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân trong huyện. Từ đây, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân chủ của nhân dân Vĩnh Linh tất yếu sẽ tiến lên những bước cao hơn, đúng đắn và vững chắc hơn.

II. PHỦ ỦY VĨNH LINH ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CHỐNG THỰC DÂN, PHONG KIẾN

Trước những hoạt động sôi nổi của phong trào cách mạng trong tỉnh, tháng 6/1931, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị tại Cam Lộ để kiểm điểm lại tình hình sau cuộc đấu

tranh ngày 01/5/1931 và bàn kế hoạch củng cố, xây dựng các Huyện ủy, các chi bộ đảng trong toàn tỉnh. Đồng chí Đoàn Bá Thừa (tức Đoàn Thị) được cử ra hoạt động tại Vĩnh Linh.

Đến Vĩnh Linh, đồng chí Đoàn Bá Thừa tổ chức hội nghị tại nhà bà Xinh (ở Thượng Lập). Tham gia hội nghị có các đồng chí Trần Văn Ngoạn, Trần Công Khanh, Trương Đình Dương, Lê Nghiên, Trần Sanh, Trần Nhượng. Hội nghị quyết định thành lập Phủ ủy Vĩnh Linh, gồm các đồng chí: Đoàn Bá Thừa, Trần Văn Ngoạn, Trần Công Khanh, do đồng chí Đoàn Bá Thừa làm Bí thư. Về sau, Phủ ủy Vĩnh Linh bổ sung thêm 2 đồng chí Trương Đình Dương và Trần Sanh. Hội nghị nêu hướng lãnh đạo sắp tới là: tích cực xây dựng tổ chức quần chúng cách mạng, phát triển đảng viên, lập các chi bộ mới và lãnh đạo quần chúng đấu tranh với nhiều nội dung và hình thức mới. Phủ ủy phân công cán bộ phụ trách các vùng như sau:

Các đồng chí: Trần Công Khanh, Phạm Chí, Nguyễn Khương phụ trách vùng bên trái quốc lộ 1A, từ Cháp Lễ vào chân Ba Dốc.

Các đồng chí: Trần Văn Ngoạn, Trần Nhượng phụ trách vùng bên phải quốc lộ 1A, từ Ba Bình, Hòa Lạc, Lai Cách đến Sa Lung, Kẻ Sầy, Trung Lập, Thượng Lập.

Các đồng chí: Trương Đình Dương, Lê Nghiên phụ trách từ vùng Duy Viên, Lại Xá, Thủy Ba vào tận phía bắc Hiền Lương.

Để phù hợp với địa bàn và quy mô, Chi bộ Huỳnh Công được chia thành 3 chi bộ:

Chi bộ Huỳnh Công Tây do đồng chí Trần Công Khanh làm Bí thư.

Chi bộ Huỳnh Công Nam do đồng chí Tạ Cầu làm Bí thư.

Chi bộ Huỳnh Công Đông do đồng chí Trần Duyến làm Bí thư.

Phủ ủy Vĩnh Linh ra đời đã làm cho tổ chức của Đảng từ huyện đến cơ sở được xây dựng thống nhất và có liên hệ chặt chẽ với Tỉnh ủy. Dưới sự lãnh đạo của Phủ ủy, phong trào cách mạng trong huyện ngày càng mạnh mẽ và rộng khắp, tiêu biểu là phong trào nông dân đoàn kết đấu tranh chống áp bức bóc lột của cường hào, địa chủ. Đây là cuộc đấu tranh lâu dài, quyết liệt, từ thấp đến cao. Lúc đầu là những cuộc đấu tranh bài trừ hủ tục, tiến tới đòi những quyền lợi kinh tế thiết thực hằng ngày. Phong trào nổi lên rất mạnh ở Huỳnh Công, Thượng Lập, Quảng Xá và nhiều vùng trong huyện.

Để giác ngộ quần chúng, các đảng viên đã đến từng gia đình, nhất là những gia đình nghèo khổ, phân tích cho mọi người thấy thủ phạm làm cho đời sống mình khổ cực, đói rách chính là đế quốc, thực dân cấu kết với địa chủ phong kiến. Vì vậy, muốn thoát khổ trước hết phải chống lại những lễ nghi cúng bái do chúng đặt ra để kiểm soát và ru ngủ dân ta trong mê tín dị đoan. Kết quả, nhiều nơi nông dân kiên quyết chống lại các khoản đóng góp cho các hủ tục lễ bái. Đặc biệt, ở Thượng Lập, nông dân còn nổi dậy đập phá nhà tế, làm cho các chức sắc hoảng sợ chạy trốn. Việc cúng bái quan viên khi làng cúng tế cũng được bãi bỏ.

Cuộc đấu tranh bước đầu thắng lợi làm cho nông dân rất phấn khởi. Chi bộ đã thực hiện tốt Chỉ thị về công tác nông hội của Tỉnh ủy Quảng Trị “Hợp làng đòi lại ruộng công bị cường hào chiếm để chia lại, ruộng công bị địa chủ chiếm mà dân đòi lại không được thì đến ngày mùa, khi thóc chín kéo nhau ra đồng gặt lấy, chia đều cho thượng hạ rồi sau cứ việc chia cho dân”¹. Để đưa phong trào lên một bước cao hơn, tháng 10/1931, Phủ ủy tổ chức cuộc họp tại Huỳnh Công Tây, nhằm kiểm điểm phong trào đấu tranh của quần chúng, rút ra những bài học kinh nghiệm và chuyển hướng đấu tranh đòi: vay lúa cho dân ăn cứu đói; tăng tiền thuê công cày, cấy, gặt; chia lại công điền thổ, chống lại sự hà lạm ruộng đất của địa chủ, cường hào đối với nông dân...

Được khích lệ bởi những thắng lợi cụ thể của các cuộc đấu tranh, nhân dân phấn khởi, tin tưởng, hết lòng ủng hộ cách mạng. Lần này phong trào diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và đều khắp trong toàn huyện, tiêu biểu là ở Huỳnh Công, Thượng Lập và Quảng Xá. Thấy uy thế cách mạng lên cao, bọn cường hào không dám hống hách như trước.

Ở Huỳnh Công, nhân dân các làng đồng loạt kéo đến nhà hào phú đòi chúng ký giấy cho dân vay ăn chống đói. Trước sức mạnh áp đảo của nhân dân, địa chủ, hào phú buộc phải bỏ ra hàng vạn quan tiền đồng, hàng nghìn thúng lúa cho dân vay. Chi bộ Huỳnh Công còn lãnh đạo nông dân lấy lại 14 mẫu ruộng, 120 mẫu đất công bị

1. Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Trị ngày 12/4/1931, Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bình - Trị - Thiên, 1975.

cường hào địa chủ lấn chiếm, chia lại cho những gia đình thực sự không có ruộng, đất. Nhờ vậy, sau cuộc đấu tranh, bình quân ruộng đất mỗi người dân ở đây được nâng từ 3 thước lên 5 thước.

Ở Thượng Lập, đúng vụ cày cấy, nông dân kéo về đông đủ tại sân nhà tổng Chua, đòi tất cả địa chủ trong xã phải tăng tiền thuê cày, cấy, gặt. Nếu không, dân bỏ làng đi làm thuê nơi khác, buộc chúng phải nhượng bộ, trả thêm mỗi công một tiền. Cũng tại đây, có kho lúa dự trữ của làng rất lớn, hàng năm giới chức sắc, hương lý lợi dụng cúng tế để chèn ép và tìm mọi cách chia nhau. Dân có hỏi thì chúng bảo “vay”, nhưng thực ra đó là một cách tham nhũng trắng trợn. Chi bộ lãnh đạo nông dân đấu tranh đòi mở kho lấy lúa cho dân vay. Kết quả, số lúa dân nghèo Thượng Lập vay trong vụ giáp hạt năm 1931 lên đến hơn 600 thúng.

Ở Quảng Xá, ngày 14/12/1931, tức ngày 16/11 năm Tân Mùi, hàng trăm dân nghèo đã kéo về nhà địa chủ Hoàng Tương đòi y phải mở kho lấy thóc chia cho dân cứu đói. Hoàng Tương là địa chủ lớn nhất ở Quảng Xá lúc bấy giờ, có gần 300 mẫu ruộng “nhất đẳng điền”, nhà lúc nào cũng đầy ắp tiền bạc, thóc lúa. Trong lúc đó, nông dân Quảng Xá quanh năm quần quật lam lũ mà đói rách vẫn hoàn đói rách. Trước sự ngoan cố của tên địa chủ khét tiếng này, Chi bộ Quảng Xá quyết định cho dân phá kho, tịch thu 2.300 thúng thóc và 4.200 quan tiền, phân phát cho dân nghèo, mỗi người được 7 quan tiền và 3 thúng thóc. 600 quan tiền còn lại được sung vào quỹ dự trữ của

nông hội. Liên đó là cuộc đấu tranh đòi chia lại ruộng đất công bằng, hợp lý; có xấu, có tốt; có xa, có gần và phải chia theo nhân khẩu, bao gồm cả việc tịch thu 121 mẫu ruộng do địa chủ chiếm đoạt, sung vào số ruộng công. Để bảo vệ an toàn cho cuộc đấu tranh, Chi bộ bố trí lực lượng tự vệ giám sát, theo dõi hương lý; đồng thời nhấn chìm tất cả dò ngang ở Phan Xá, Lâm Cao để cắt đứt liên lạc với quan lại ở phủ.

Lần đầu tiên trong lịch sử của huyện, người dân Vĩnh Linh đã ngẩng cao đầu đứng lên đối mặt với đế quốc, phong kiến, trực tiếp là địa chủ, cường hào ngay tại thôn, xã mình. Đây là cuộc đấu tranh mang tính chất giai cấp rõ rệt, có tổ chức, có định hướng, dựa trên sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, được Đảng lãnh đạo, khích lệ và tập hợp.

Trước phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, một số làng, xã chính quyền cơ sở của địch gần như tê liệt. Có nơi như Quảng Xá, Huỳnh Công, nhất là Thượng Lập, bọn hào lý không còn tác dụng quyền lực. Lý trưởng bị các tổ chức quần chúng khống chế. Địa chủ, cường hào vốn quen hà hiếp nhân dân, nay tỏ ra hoang mang lo sợ, không dám hống hách như trước. Ở Thượng Lập, nhân dân thực sự làm chủ thôn xóm hơn 1 năm.

Phát huy những thắng lợi bước đầu đã đạt được, nhiều cuộc mít tinh, diễn thuyết do Phủ ủy tổ chức đã diễn ra ở Thượng Lập, Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Nam, Quảng Xá... nhằm kêu gọi nhân dân siết chặt hơn nữa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, một lòng theo Đảng, theo cách mạng

chống áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc.

Phủ ủy còn xây dựng cơ sở in ấn tài liệu, truyền đơn, biểu ngữ rải khắp các chỗ đông người qua lại, như bến đò, nhà ga, chợ và ngay cả ở Phủ đường Vĩnh Linh. Tờ báo *Tiến lên, Bạn dân cây* của Tỉnh ủy Quảng Trị xuất bản cũng được lưu hành trong huyện. Những cuốn sách như *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lênin... được bí mật truyền nhau đọc, rồi chép lại được gần 20 cuốn. Các sách, báo, tài liệu đó đã có tác dụng to lớn trong việc nâng cao trình độ chính trị cho đảng viên và quần chúng nhân dân, củng cố thêm lòng tin vào sự tất thắng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Qua đấu tranh, Đảng bộ được rèn luyện và trưởng thành nhanh chóng. Do cơ sở đảng phát triển, Phủ ủy Vĩnh Linh chủ trương thành lập 3 tổng ủy. Mỗi Tổng ủy phụ trách một số chi bộ. Chi bộ ít nhất có 4-5 đảng viên; trong số đó có chi bộ ghép. Cuối năm 1931, toàn phủ có 10 chi bộ; trong đó: Chi bộ Huỳnh Công Đông có 5 đảng viên, Chi bộ Huỳnh Công Tây có 8 đảng viên, Chi bộ Huỳnh Công Nam có 2 đảng viên, Chi bộ Thủy Tú có 5 đảng viên, Chi bộ Thượng Lập có 12 đảng viên, Chi bộ Lai Cách có 2 đảng viên, Chi bộ Phù Mỹ có 7 đảng viên, Chi bộ Chợ Huyện - Đơn Duệ có 12 đảng viên, Chi bộ Quảng Xá có 8 đảng viên, Chi bộ Duy Viên có 4 đảng viên. Ngoài ra, một số xã mới phát triển 1-2 đảng viên nên chưa thành lập chi bộ, như: Tiên Trạo, Mỹ Tá, Trung Lập... Đến cuối năm 1931, toàn phủ có 55 đảng viên. Các tổ chức quần chúng cũng được phát triển rất mạnh như Nông hội đỏ, Thanh

niên Phản đế, Phụ nữ Phản đế. Ngoài ra còn có các hội biến tướng khác như hội đưa ma, hội lợp nhà, hội đi củi, hội đọc sách báo... Hội nghị Tỉnh ủy ngày 12/4/1931 nhận xét, “Các hội quần chúng ngày một bành trướng thêm, các cuộc đấu tranh trong xã hội đã có tính chất chính trị cách mạng có thể bành trướng rất cao trong thời kỳ quần chúng rất quần bách và đấu tranh kịch liệt sắp tới đây”¹. Có thôn như Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Nam, Quảng Xá, Duy Viên, Thượng Lập... hầu hết quần chúng nhân dân đều vào các tổ chức cách mạng, kể cả hương lý có tư tưởng tiến bộ.

Hoảng sợ trước phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng, tên Tri phủ Nguyễn Trọng Tịnh đích thân cùng mật thám kéo hơn 100 lính về Quảng Xá, Thượng Lập, Huỳnh Công, Lai Xá, Duy Viên và các làng có phong trào đấu tranh mạnh, thẳng tay đàn áp, khủng bố. Cuộc khủng bố kéo dài từ cuối tháng 12/1931 đến tháng 02/1932. Đồng chí Trần Công Khanh bị bắt, đã công khai là “cộng sản” để nhận hết mọi “tội” về mình, tránh cho đảng viên và quần chúng sự tra tấn, nhục hình của địch. Đồng chí Trần Văn Ngoạn cũng bị địch tra tấn, đánh đập hết sức dã man nhưng không hề khai báo.

Toàn phủ có hơn 300 người bị bắt, 93 người bị kết án tù; trong đó, các đồng chí Trần Công Khanh và Trần Văn Ngoạn lãnh án 20 năm, bị đày đi Lao Bảo. Số bị kết án 1-5 năm như các đồng chí Trần Ấm, Dương Liêu, bị giam ở

1. Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Trị ngày 12/4/1931, Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bình - Trị - Thiên, 1975.

nhà lao Quảng Trị. Một số đồng không làm án được thì giao về xã quản thúc. Nhiều chi bộ bị vỡ như Quảng Xá, Huỳnh Công, Thượng Lập, Duy Viên, Lại Xá, Phù Mỹ, Lai Cách, Đơn Duệ, Tân Trại. Các đồng chí nằm trong Phủ ủy bị bắt, bị kết án gần hết.

Thời gian này, đồng chí Trần Hữu Dục - Bí thư Tỉnh ủy bị địch bắt. Hội nghị Tỉnh ủy ngày 12/4/1931 quyết định cử đồng chí Đoàn Thị làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Hữu Dục.

Không riêng gì ở Vĩnh Linh mà khắp cả tỉnh, cả nước, phong trào cách mạng suốt từ cuối năm 1931 đến năm 1932 đều bị địch khủng bố hết sức dã man. Địch tăng cường lực lượng chống phá phong trào cách mạng, mở rộng mạng lưới mật thám, chỉ điểm đến tận xã, làng, thôn; củng cố hệ thống xã đoàn, tổng đoàn, tăng cường lính lệ. Ở Vĩnh Linh, quan lại địa phương cấu kết với cường hào, địa chủ như Cửu Kiêm (ở Thượng Lập), Đoàn Á (ở Huỳnh Công Nam), Cửu Trang (ở Đơn Duệ), Tôn Thất Quỳnh (ở ga Sa Lung), Phạm Nhiếp, Trần Ủy (ở Huỳnh Công)... ngày đêm rình mò, sục sạo bắt bớ. Cùng lúc, phong trào cách mạng ở Triệu Phong, Hải Lăng bị vỡ. Hai đồng chí trong Tỉnh ủy là Trần Ngọc Hoàn và Hồ Chơn Nhơn bị bắt. Tỉnh ủy chỉ còn một mình đồng chí Đoàn Thị hoạt động ở Vĩnh Linh vẫn được bảo vệ chu đáo.

Từ tháng 02/1932 trở đi, Tỉnh ủy không đủ người để chỉ đạo phong trào. Do vậy, cơ sở đảng ở ngoài liên lạc với cơ sở đảng trong nhà tù, đặt kế hoạch tổ chức cho một số đồng chí đảng viên vượt ngục ra hoạt động.

Đêm 06/10/1932, các đồng chí Trần Ngọc Hoàn, Hồ Chơn Nhơn, Lê Chuông được sự giúp đỡ của các đồng chí đảng viên và cơ sở cách mạng trong nhà lao Quảng Trị, đã vượt ngục thành công. Đồng chí Hồ Chơn Nhơn và Lê Chuông lên Cam Lộ chấp nối lại cơ sở để hoạt động, tuy nhiên, khi vừa đến Đông Hà thì bị bắt lại, bị tăng án và đày đi Lao Bảo. Đồng chí Trần Ngọc Hoàn thoát được, ra thẳng Vĩnh Linh để gây dựng lại cơ sở cách mạng. Tại đây, sau khi bắt liên lạc, đồng chí Trần Ngọc Hoàn đã gặp được đồng chí Đoàn Thị tại nhà đồng chí Lê Nghiên (ở Lại Xá) (lúc này đồng chí Lê Nghiên đang bị giam ở nhà lao Quảng Trị). Gặp nhau, hai đồng chí bàn kế hoạch hoạt động, củng cố cơ sở đảng ở Vĩnh Linh, liên lạc với cấp trên. Trước mắt, tập trung mọi nỗ lực củng cố phong trào và tổ chức đảng ở Vĩnh Linh, lấy Vĩnh Linh làm địa bàn hoạt động chính, từ đó mở rộng cơ sở ra Lệ Thủy (Quảng Bình) và vào Gio Linh. Đồng chí Trần Ngọc Hoàn được phân công ở lại Vĩnh Linh chỉ đạo. Đồng chí Đoàn Thị trở vào lại Triệu Phong để hoạt động.

Đầu năm 1933, dưới sự chủ trì của đồng chí Trần Ngọc Hoàn, một hội nghị được triệu tập tại Thượng Lập để lập lại Phủ ủy Vĩnh Linh lần thứ hai. Hội nghị cử đồng chí Trần Văn Luận làm Bí thư Phủ ủy và 2 đồng chí ủy viên là Trần Đồng (ở Huỳnh Công) và Hoàng Hành (ở Quảng Xá).

Hội nghị chủ trương củng cố lại các chi bộ, tập hợp lực lượng quần chúng, bàn cách phát triển đảng ở Gio Linh. Cử đồng chí Phạm Chí - Bí thư Chi bộ Đơn Duệ - làm giao thông ở Tỉnh ủy, vào Gio Linh làm ăn sinh sống để

gây dựng cơ sở đảng ở đây. Tháng 12/1932, các đồng chí Cổ Tuế, Võ Tính, Lâm Tính (ở Gio Linh) được thông báo ra Đơn Duệ để làm lễ kết nạp Đảng. Chi bộ chợ Cầu là chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Gio Linh được ra đời từ đó.

Lúc này, Đảng gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, trong khi đó địch khủng bố khắp nơi, nhiều cơ sở đảng trong tỉnh bị đàn áp nặng nề. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy xuống huyện và các chi bộ gặp nhiều khó khăn. Mọi chi phí cho các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy đang hoạt động tại Vĩnh Linh đều trông chờ vào Phủ ủy Vĩnh Linh. Về phần mình, lúc này Phủ ủy cũng rất cần tiền để giúp đỡ các đồng chí trong tù, nuôi cán bộ thoát ly. Cơ quan in ấn của Phủ ủy và Tỉnh ủy đặt tại nhà đồng chí Nguyên (Thượng Lập) cũng cần tiền để mua sắm giấy, mực, phương tiện in ấn tài liệu, truyền đơn. Tỉnh ủy chủ trương mở lạc quyền để giải quyết khó khăn về tài chính. Phong trào lạc quyền tiền, gạo, thóc được tổ chức rộng rãi trong các thôn, xóm và nhân dân, mang lại những kết quả tích cực. Nhờ vậy, phong trào cách mạng trong huyện từng bước được khôi phục trở lại. Các chi bộ: Thượng Lập, Quảng Xá, Lai Cách, Huỳnh Công, Liêm Công, Thủy Cần, Tân Trại, An Du được củng cố. Các tổ chức Nông hội đỏ, Công hội đỏ, được chỉ đạo biến tướng thành các hội ái hữu như: hội vằn công (vằn công), hội đưa ma, hội lợp nhà... đã thu hút đông đảo nông dân, thợ thủ công, hương lý nghèo, hương sư cùng tham gia.

Giữa lúc phong trào đang có dấu hiệu hồi phục thì xảy ra vụ ám sát Cữu Kiệm ở Thượng Lập. Lấy cớ này, địch huy động lực lượng thẳng tay đàn áp phong trào cách

mạng ở Vĩnh Linh, trọng tâm là tìm bắt các đồng chí cán bộ lãnh đạo cốt cán. Do sự phản bội của một người trong Chi bộ Thượng Lập, ngày 02/7/1935, chúng lần lượt bắt các đồng chí Trần Văn Luận, Trần Văn Trích, Trần Văn Ấm, Dương Liêu và nhiều đồng chí khác, đem tra tấn, xét hỏi. Chúng kết án các đồng chí Trần Văn Luận, Trần Văn Trích, Trần Văn Ấm, Dương Liêu là thủ phạm gây ra vụ ám sát. Chúng cho lính về vây bắt hàng trăm người ở Thượng Lập và các làng khác đem về giam ở Phủ đường Vĩnh Linh. Tên chánh mật thám Quảng Trị là Livécxê cùng tên tri phủ Dương Ngọc Phụ, lại mục Trần Nguyên Hựu đã dùng mọi cực hình tra tấn dã man nhiều cán bộ, đảng viên. Hầu hết những người bị bắt đều kiên cường, bất khuất, không chịu khai báo. Tiêu biểu như đồng chí Lê Đôn, bị tra tấn suốt một tháng trời, chúng cố tìm cho được cơ sở đảng ở Lệ Thủy, nhưng trước sau như một, đồng chí cắn răng chịu đựng không mảy may tiết lộ. Chị Ngung bán hàng ở chợ Huyện là cơ sở liên lạc của Đảng, bị tra tấn, đánh đập truy thai nhưng chị vẫn một mực không khai. Các đồng chí Phạm Chí, Hoàng Đức Pháp, Nguyễn Chư bị chúng đánh đập rất dã man, vẫn kiên quyết giữ mọi bí mật của Đảng. Đặc biệt, hai đồng chí Trần Văn Luận và Trần Văn Trích bị tra tấn cực kỳ man rợ vẫn nêu cao khí tiết người cộng sản, trước sau vẫn tự nhận mọi trách nhiệm về mình. Cuối cùng, chúng kết án tử hình hai đồng chí; 18 đồng chí khác lĩnh án tù, trong đó, đồng chí Trần Đức Ấm tù chung thân; đồng chí Dương Liêu: 20 năm khổ sai; các đồng chí Nguyễn Chư, Trần Đồng bị đày đi Buôn Mê Thuật; đồng chí Trần Ngọc

Hoành bị tử hình vắng mặt. Phủ ủy Vĩnh Linh bị vỡ lần thứ hai.

Sau một thời gian cầm cố ở xà lim nhà lao Quảng Trị, ngày 11/11/1935, thực dân Pháp và tay sai đã cho xe chở hai đồng chí Trần Văn Luận và đồng chí Trần Văn Trích ra Vĩnh Linh xử bắn. Dọc đường, hai đồng chí không ngớt lời vạch trần tội ác của thực dân Pháp và bọn tay sai quan lại Nam triều đối với nhân dân ta. Kẻ địch rất nham hiểm, chúng tưởng mở trường bắn tại Thượng Lập để uy hiếp tinh thần quần chúng nhân dân ngay tại quê hương của hai đồng chí, nhưng chúng đã thất bại. Gặp lại những người thân và bà con làng xóm, hai đồng chí nhắc nhở mọi người hãy đoàn kết đấu tranh, một lòng tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Đồng chí Trần Văn Luận chỉ nhấn với vợ: Tôi chết, tôi không ân hận gì cả, nhà cố thay tôi làm lụng nuôi con, cho con ăn học thành người. Thế nào rồi chúng ta cũng sẽ thắng. Đến phút cuối cùng hai đồng chí vẫn hô vang: Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Nước Việt Nam độc lập muôn năm!

Tám gương hy sinh của hai chiến sĩ cách mạng kiên trung bất khuất Trần Văn Luận, Trần Văn Trích đã để lại cho nhân dân Vĩnh Linh, Quảng Trị niềm tiếc thương vô hạn. Đồng chí Võ Tính, một đảng viên của Chi bộ chợ Cầu (Gio Linh) đã làm bài thơ tưởng nhớ và ca ngợi tám gương hy sinh anh dũng của hai đồng chí:

*Đau lòng cái chết hồi thương ôi
Trích, Luận hai anh địch giết rồi
Bát giác lâu cao theo Võ Tánh
Tứ phương núi ấn rọi Lê Khôi*

*Hiến thân chịu chết cho đời sống
Trải ruột, phơi gan để thế soi
Vẫn biết âm dương nay cách biệt
Thù nhà nợ nước gánh chung vai.*

Sau vụ khủng bố, từ tháng 7/1935, cơ sở đảng ở Vĩnh Linh và Gio Linh cũng như nhiều địa phương trong tỉnh bị thiệt hại nặng. Phong trào lắng xuống. Hai đồng chí Đoàn Bá Thừa và Trần Ngọc Hoành không bị bắt nhưng không còn địa bàn hoạt động, bị kẻ địch truy lùng ráo riết, phải tạm lánh ra tỉnh khác.

Như vậy, từ giữa năm 1935, hệ thống tổ chức đảng từ huyện đến cơ sở ở Vĩnh Linh tạm thời bị vỡ. Tuy vậy, một số cơ sở đảng và đảng viên còn lại vẫn nuôi dưỡng ý chí cách mạng, bảo toàn lực lượng, chờ đợi thời cơ phát động quần chúng đấu tranh. Được rèn luyện thử thách trong những năm qua, quần chúng nhân dân thấy rõ sức mạnh của mình, thấy rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nên tuy bị đàn áp dữ dội, vẫn tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, đợi thời cơ mới là tiếp tục đứng dậy đấu tranh.

Chương II

PHỦ ỦY VĨNH LINH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1936-1939)

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG

Bước sang năm 1936, cục diện thế giới có những biến động lớn, bọn phát xít lên cầm quyền ở nhiều nước như Đức, Nhật Bản, Italia... Chúng thực hiện dã tâm chia lại thế giới, lãnh thổ và thị trường, ráo riết chuẩn bị các điều kiện phát động Chiến tranh thế giới thứ hai.

Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935), Quốc tế Cộng sản chủ trương thống nhất lực lượng, lập mặt trận nhân dân rộng rãi, đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, thực hiện dân chủ, bảo vệ hòa bình. Ở Pháp, cuộc tổng tuyển cử tháng 5/1935 đưa đến thắng lợi cho Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội. Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm quyền đã ban hành và thực thi nhiều chính sách dân chủ, tiến bộ đối với các nước thuộc địa.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng họp từ ngày 25/8/1937 đến ngày 04/9/1937, đã chủ trương: đấu tranh chống thực dân Pháp ở thuộc địa và tay sai, đòi các quyền dân sinh, dân chủ,

cải thiện đời sống, qua đó giác ngộ quần chúng, tập hợp lực lượng. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương (sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương). Hình thức hoạt động từ bí mật, đấu tranh bất hợp pháp chuyển sang hình thức đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp.

Ở Đông Dương, do cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cũng như tại Pháp diễn ra nghiêm trọng, guồng máy cai trị của thực dân Pháp càng đẩy mạnh việc khai thác, bóc lột lao động, vơ vét tài nguyên, của cải ở các nước thuộc địa để bù đắp. Thiên tai 3 năm liên tiếp xảy ra đã khiến mùa màng mất trắng làm cho cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam vốn đã khổ lại càng thêm khổ cực, bần cùng.

Ở Vĩnh Linh, sau cuộc đàn áp của địch do vụ ám sát Cửu Kiệm, trong nông thôn, không khí chính trị căng thẳng. Cường hào, địa chủ bắt đầu ngóc đầu dậy. Về tổ chức, Phủ ủy Vĩnh Linh lúc này dù chưa tan rã hết, song, do Xứ ủy không còn, Tỉnh ủy chưa kịp lập lại nên việc liên lạc với cấp trên rất lúng túng. Ở Pháp, Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên nắm quyền đã thực thi một số chính sách tiến bộ, trong đó có việc thả tự do cho các phạm nhân là tù chính trị bị giam ở các nhà lao thuộc địa. Trong số tù chính trị được thả có đồng chí Trần Công Khanh và đồng chí Trần Xuân Miên. Hai đồng chí vốn là những đảng viên lãnh đạo chủ chốt trong phong trào cách mạng của Vĩnh Linh.

Cuối năm 1936, từ Côn Đảo, đồng chí Lê Duẩn được ra tù, trở lại hoạt động đã có vai trò to lớn trong việc xây

dựng lại Đảng bộ tỉnh và đẩy mạnh phong trào mặt trận dân chủ trong toàn tỉnh Quảng Trị. Được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 7/1936 soi sáng, lại thêm những tin tức dồn dập của phong trào đấu tranh chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, dân sinh của giai cấp công nhân tiến bộ Pháp và thế giới, cán bộ, đảng viên trong toàn phủ tin tưởng, tích cực vận động nhân dân đấu tranh. Mở đầu là phong trào Đông Dương Đại hội và việc Quốc hội Pháp tuyên bố sẽ cử phái đoàn sang Đông Dương và các nước thuộc địa để điều tra tình hình, Đảng ta chủ trương phát động và tổ chức nhân dân ở tất cả các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, khu phố, trường học, làng mạc công khai hội họp, thảo luận những yêu cầu về tự do, dân chủ, dân sinh và cử đại biểu đi dự Đại hội nhân dân toàn Đông Dương.

II. HƯỞNG ỨNG PHONG TRÀO ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI VÀ BIỂU TÌNH ĐƯA BẢN DÂN NGUYỆN ĐẾN CHÍNH PHỦ NHÂN DÂN PHÁP

Hưởng ứng phong trào trù bị Đại hội nhân dân Đông Dương ở Nam Kỳ (gọi tắt là Đông Dương Đại hội), một số cựu tù chính trị phạm ở Trung Kỳ mở một cuộc họp tại Huế vào ngày 24/8/1936, đã quyết định thành lập Ủy ban trù bị Đại hội nhân dân Đông Dương ở Trung Kỳ (trong đó có đồng chí Trần Công Khanh đại diện cho tỉnh Quảng Trị). Sau hội nghị, các đại biểu chia nhau về các địa phương vận động quần chúng sưu tập dân nguyện, lập ủy ban vận động Đông Dương Đại hội từ xã trở lên trong

phạm vi địa phương mình. Hai đồng chí Trần Công Khanh và Trần Xuân Miên được giao nhiệm vụ vận động nhân dân hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội ở tỉnh Quảng Trị, mà trọng điểm là ở phủ Vĩnh Linh.

Tháng 11/1936, đồng chí Trần Công Khanh triệu tập một hội nghị cựu chính trị phạm trong toàn phủ tại nhà ông Trình (Liêm Công Tây) để thành lập Ủy ban vận động sưu tập dân nguyện. Hội nghị làm việc một ngày với các nội dung: nghe báo cáo tình hình thế giới, trong nước và thành lập ủy ban vận động.

Sau hội nghị, phong trào hưởng ứng Đông Dương Đại hội ở phủ Vĩnh Linh phát triển rầm rộ. 72/93 thôn, xã trong toàn phủ đã thành lập ủy ban vận động; tổ chức các hội: tương tế, ái hữu, vãn công, đọc sách báo... Một số xã còn thành lập được ủy ban cải cách hương thôn, thu hút cả một số hào lý tiến bộ cùng tham gia. Tháng 11/1936, Ủy ban vận động của phủ được thành lập. Ủy ban vận động hướng dẫn quần chúng thảo luận nguyện vọng, lập bản “dân nguyện”, tổ chức các cuộc đấu tranh hợp pháp đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ; đã thu hút đông đảo nhân dân tham gia; trong đó, có nhiều giáo dân ở các vùng An Ninh, Di Loan gia nhập vào các nghiệp đoàn.

Ảnh hưởng của cuộc vận động không những có tác dụng khôi phục lại phong trào cách mạng trong phủ một cách nhanh chóng mà còn tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở các phủ, huyện khác trong tỉnh. Cuộc vận động Đông Dương Đại hội tại Vĩnh Linh trở thành lá cờ đầu, mở đầu cho phong trào mặt trận dân chủ ở Quảng Trị trong giai đoạn 1936-1939.

Được tin Chính phủ Nhân dân Pháp sẽ cử phái đoàn sang điều tra điều kiện sinh hoạt của nhân dân Đông Dương, do phái viên Gôđa¹ dẫn đầu, sẽ đi qua tỉnh Quảng Trị, các cựu chính trị phạm trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn chủ trương nhân cơ hội này phát động phong trào quần chúng tập trung nguyện vọng, chuyển tới đại diện Chính phủ Pháp. Ở phủ Vĩnh Linh, các chính trị phạm chia nhau về các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân khởi thảo dân nguyện.

Nhằm ngăn chặn hoạt động của các cựu chính trị phạm, thực dân Pháp và phong kiến Nam triều giao cho tên Nguyễn Định, tri phủ Triệu Phong, viết giấy mời các cựu chính trị phạm nổi tiếng trong tỉnh vào Phủ đường Triệu Phong để bày trò thảo bản dân nguyện. Bằng thủ đoạn này chúng muốn giam chân, cách ly các chính trị phạm với quần chúng nhân dân khi Gôđa đi qua. Tương kế tựu kế, từ Triệu Phong, đồng chí Lê Duẩn đã viết thư ra Vĩnh Linh đề nghị gấp rút chuẩn bị lực lượng kéo biểu tình vào Triệu Phong, lấy cớ theo thư mời của tri phủ Triệu Phong vào để thảo nguyện vọng. Nhận được thư của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Công Khanh đã triệu tập một cuộc họp đại biểu các xã, với gần 60 người đến dự tại nhà bà Lê Thị Quyên (ở Đơn Duệ - Vĩnh Hòa).

1. Gôđa (Justin Godart) - Phái viên Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp, đảng viên Đảng Xã hội. Năm 1937, Gôđa được Chính phủ Pháp cử sang Đông Dương và một số nước thuộc địa Pháp để điều tra về tình hình và chế độ cai trị của Pháp, đồng thời tiếp nhận thư thỉnh nguyện của người dân bản xứ.

Cuộc họp thảo luận và nhất trí huy động đông đảo quần chúng nhân dân toàn phủ kéo vào biểu tình tại tỉnh, tham gia dự thảo dân nguyện. Hội nghị bầu 4 đồng chí vào ban chỉ huy cuộc biểu tình là: Trần Công Khanh, Trần Xuân Miên, Lê Thế Tiết, Lê Đăng; do đồng chí Trần Công Khanh làm tổng chỉ huy.

Quảng Xá được chọn làm địa điểm tập trung và trung tâm xuất phát của cuộc biểu tình. Trong những ngày giữa tháng 02/1937, một không khí sôi nổi tỏa khắp các đường, thôn, ngõ, xóm trong phủ. Các tổ chức cứu tế cách mạng tích cực đi quyên góp tiền gạo, thực phẩm làm lương thực phát cho những người tham gia cuộc biểu tình. Được giác ngộ cách mạng, nhiều quần chúng vét đến lon gạo cuối cùng mang ra ủng hộ. Những người khá giả như Hoàng Đức Viêm thì ủng hộ cho đoàn biểu tình 120 quan tiền và 50 thúng thóc.

Đúng kế hoạch, rạng sáng ngày 20/02/1937, đông đảo quần chúng nhân dân trong phủ kéo đến tập trung tại bến đò Quảng Xá. Đứng trước gần 1 vạn người, đồng chí Trần Công Khanh thay mặt ban chỉ huy kêu gọi đồng bào hăng hái tham gia cuộc biểu tình; đồng thời đề ra nhiệm vụ cho bộ phận ở lại, tiếp tục tổ chức mítting làm nghi binh... Đoàn biểu tình chia thành ba cánh. Cánh đi thuyền, gồm hơn 3.000 người, do ba đồng chí: Trần Công Khanh, Trần Xuân Miên, Lê Đăng chỉ huy. Cánh đi tàu hỏa có khoảng 300 người, do đồng chí Lê Thế Tiết chỉ huy. Cánh đi bộ có hơn 500 người, do đồng chí Trần Giác chỉ huy.

Sáng ngày 21/02/1937, cả ba đoàn kéo đến tập trung tại bến đò chợ Sãi (phủ Triệu Phong). Vô cùng kinh ngạc

và hoảng sợ trước lực lượng và khí thế của đoàn biểu tình của phủ Vĩnh Linh, tri phủ Triệu Phong là Nguyễn Định từ chối không chịu tiếp, lấy cớ là bản dân nguyện đã được thảo xong. Cùng lúc đó, quần chúng nhân dân phủ Triệu Phong do các cựu chính trị phạm ở đây lãnh đạo, cùng kéo đến họp cùng đoàn người từ Vĩnh Linh vào, thành một đoàn biểu tình lớn, kéo lên tỉnh lỵ Quảng Trị. Đoàn biểu tình lúc này lên đến hàng vạn người. Khi đến địa điểm Miếu Đồi (gần tỉnh lỵ) thì gặp đoàn xe của công sứ, tuần vũ giám binh, chánh mật thám và một đại đội lính khố xanh chặn lại. Song, trước khí thế và sức mạnh đoàn kết của đoàn biểu tình, bọn địch không làm gì được. Lúc đó, đoàn biểu tình của Hải Lăng nhập vào và cùng dự mítting thảo nguyện vọng. Sau đó, đoàn biểu tình kéo về chợ Sãi họp lần thứ hai. Tại đây, Ủy ban vận động đón tiếp Gôđa toàn tỉnh được thành lập, gồm đủ đại biểu các phủ, do đồng chí Lê Duẩn đứng đầu. Ủy ban cử một số đại biểu, trong đó có đồng chí Trần Công Khanh của Vĩnh Linh, cùng đại biểu các tỉnh bạn tham gia đón tiếp Gôđa tại Huế.

Ngày 22/02/1937, đoàn biểu tình của phủ Vĩnh Linh đáp thuyền về lại bến đò Châu Thị. Sau đó, đến tập trung tại phủ lỵ Vĩnh Linh tổ chức cuộc mítting chào mừng thắng lợi bước đầu của nhân dân trong phủ. Sau cuộc biểu tình, ban vận động liền tổ chức ngay cuộc họp rút kinh nghiệm. Ban vận động chỉ định một số đại biểu công khai để giao thiệp với nhà cầm quyền và với Gôđa lúc cần phải tiếp xúc. Hệ thống các ban vận động đồng thời là hệ thống chỉ huy khi biểu tình. Những đồng chí lãnh đạo chưa bị lộ

vẫn hoạt động bí mật, không tham gia các cuộc biểu tình. Bằng các đường dây thông tin liên lạc công khai và bí mật, ban vận động truyền đạt đến tận quần chúng nhân dân làm cho quần chúng nhân dân trong toàn phủ hiểu rõ mục tiêu, kế hoạch phải làm sau khi đón tiếp Gôđa.

III. ĐÓN GÔĐA TẠI HIỀN LƯƠNG

Ngày 24/02/1937, được tin Gôđa từ Hà Nội trên đường vào Huế, Ban vận động toàn tỉnh quyết định sẽ tổ chức đón tiếp Gôđa thật rầm rộ tại Hiền Lương, giao cho đồng chí Trần Công Khanh phụ trách.

Tối 24/02/1937, khi từ Huế ra, đồng chí Trần Công Khanh đến thẳng phủ đường gặp tri phủ Vĩnh Linh là Trần Cao Thúc, trao thư của Tuần vũ Quảng Trị về việc phải phối hợp để tổ chức trọng thể việc đón tiếp Gôđa. Trần Cao Thúc lâm vào thế bí phải miễn cưỡng đồng ý. Tận dụng các điều kiện do Trần Cao Thúc cung cấp như ngựa, xe, thuyền và nhân lực, lực lượng của ta tỏa đi các nơi kêu gọi triệu tập dân chúng trong toàn huyện.

8 giờ sáng ngày 26/02/1937, xe của Gôđa và đoàn tùy tùng vừa lên khỏi ngã ba đoạn quốc lộ đoạn rẽ vào Vĩnh Thành thì dừng lại trước đoàn biểu tình có khoảng 15.000 người đang hô vang khẩu hiệu: Hoan hô Gôđa! Mặt trận Nhân dân muôn năm! Thả hết tù chính trị! Bỏ thuế thân, giảm thuế điền thổ! Ban hành tự do dân chủ! Gôđa xuống xe, bắt tay Trần Công Khanh và phát biểu với quần chúng: Nhân danh đại biểu Chính phủ Nhân dân Pháp, tôi xin nhận tất cả những nguyện vọng thiết tha và chính đáng của các bạn... nhân dân Pháp luôn ủng hộ các bạn,

song, muốn thực hiện được nguyện vọng, chính các bạn phải đấu tranh để giành lấy... Tôi thay mặt Chính phủ Nhân dân Pháp chúc các bạn thắng lợi. Thay mặt nhân dân Vĩnh Linh, đồng chí Trần Công Khanh đáp từ và đưa bản nguyện vọng của nhân dân cho Gôđa. Cuộc biểu tình thắng lợi tốt đẹp. Kể từ sau ngày các tổ chức đảng ở Vĩnh Linh bị khủng bố, chưa có cuộc biểu tình nào rầm rộ bằng hai cuộc biểu tình trong tháng 02/1937; chứng tỏ sức mạnh, khả năng, khí thế đấu tranh cách mạng hợp pháp của quần chúng nhân dân được nâng cao, là thời cơ tập dượt quần chúng đấu tranh công khai, mặt giáp mặt với quân thù. Trước sự đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, bọn thống trị lúng túng, không kịp đối phó, không thể đàn áp phong trào cách mạng trắng trợn như những năm 1930-1932. Phong trào đòi đưa dân nguyện và đón tiếp Gôđa ở phủ Vĩnh Linh nói riêng, ở Quảng Trị nói chung đã có tiếng vang khắp Trung Bộ và cả nước¹.

1. Trong báo cáo ngày 27/3/1937, Thái Văn Toản - Thượng thư Bộ Lại chính phủ Nam triều - gửi lên Khâm sứ Trung Kỳ, đã phải thú nhận rằng: Tình hình trong xứ nói chung là yên ổn. Trừ 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế có những sự kiện chính trị rất quan trọng: Những cựu chính trị phạm theo lời kêu gọi của Trần Công Khanh, Lê Duẩn đã xúi giục dân chúng đi đón Gôđa và đưa nguyện vọng cho Gôđa... Ngày 21/02/1937, dân chúng phủ Vĩnh Linh có khoảng 300 người (bọn thống trị cố ý hạ thấp số lượng người tham gia) do các cựu chính trị phạm cầm đầu đã đáp 10 chiếc thuyền đến tỉnh lỵ xin phép đón tiếp Gôđa. Ngày 26/02/1937, một đoàn khoảng 500 người, cả nam, phụ, lão, ấu quê ở Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ do các cựu chính trị phạm cầm đầu đã đón tiếp Gôđa và trao nguyện vọng tại bến đò Hiền Lương....

Cuộc vận động quần chúng đón tiếp Gôđa ở Vĩnh Linh cũng như một số địa phương trong tỉnh dưới sự lãnh đạo đúng đắn của đồng chí Lê Duẩn không gây ra trong quần chúng nhân dân tâm lý ảo tưởng ở Gôđa và Mặt trận Nhân dân Pháp. Những người cộng sản Vĩnh Linh đã vạch ra cho quần chúng nhân dân thấy rằng: phải đoàn kết đấu tranh thì mới giành được quyền lợi. Sau cuộc biểu tình đón tiếp Gôđa, theo sự chỉ đạo của các đồng chí cộng sản trong huyện, quần chúng được tổ chức vào các hội công khai như hội đọc sách báo, hội truyền bá chữ quốc ngữ, hội hiếu, hội lập nhà, tổ văn công, tổ đi gặt, hội chài lưới. Số hào lý ở các thôn xã như: Huỳnh Công, Thủy Tú, Phú Mỹ, Thượng Lập, Đôn Duệ, Châu Thị, Lai Xá... bị quần chúng nhân dân lật đổ và lựa chọn những người tiêu biểu đại diện được cho dân bầu vào hào lý mới. Nhiều nơi còn thực hiện chia lại công điền công thổ một cách công bằng. Đặc biệt tại Quảng Xá, lần đầu tiên trong lịch sử, chi bộ Đảng đã có chủ trương vận động chị em phụ nữ đòi quyền được làm chủ ruộng đất như nam giới. Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân đòi cải cách hương thôn cũng lên cao khiến bọn thống trị càng lo sợ. Chúng tăng cường đàn áp, tìm có bắt giam cán bộ lãnh đạo phong trào. Tháng 5/1937, đồng chí Trần Công Khanh bị bắt và bị kết án 6 tháng tù về tội vi phạm luật quản thúc và 6 tháng tù về tội hội họp trái phép. Nhiều đồng chí khác ở Vĩnh Linh cũng bị bắt. Lúc đưa vào giam ở Quảng Trị, các đồng chí này đã tuyệt thực để phản đối.

Phát huy những thắng lợi đã giành được, các tổ chức đảng trong địa phương được tiến hành xây dựng tích cực.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được xây dựng, củng cố. Tỉnh ủy Quảng Trị lâm thời và các Huyện ủy lâm thời cũng được thành lập. Một số đồng chí đã lộ mặt trong các cuộc đấu tranh công khai và bị mật thám theo dõi ráo riết thì không tham gia các cấp ủy để bảo vệ bí mật cho các tổ chức đảng.

Tháng 3/1937, đồng chí Lê Duẩn về tham gia cuộc họp của Phủ ủy lâm thời mở rộng tại Vĩnh Linh, đồng chí biểu dương, khen ngợi và đánh giá cao kết quả phong trào đấu tranh của huyện; đồng thời phê phán, uốn nắn, chỉ ra bệnh chủ quan, mất cảnh giác, khinh địch của một số cán bộ lãnh đạo phong trào cũng như bệnh rụt rè cố thủ ở một số đồng chí khác nên phong trào ở Vĩnh Linh mới có bề rộng mà chưa có bề sâu. Công tác phát triển Đảng và các đoàn thể quần chúng chưa được chú trọng đúng mức. Trong phương hướng tới, sau khi tiếp thu ý kiến của đồng chí Lê Duẩn, Hội nghị Phủ ủy quyết định:

Về tổ chức: Rút các đồng chí đã ra đấu tranh công khai lộ mặt và các đồng chí có biểu hiện dao động, hoài nghi trước phong trào khỏi cấp ủy. Đưa các đồng chí có tinh thần đấu tranh đúng theo chủ trương của Đảng và chưa lộ mặt vào Phủ ủy.

Phủ ủy Vĩnh Linh được lập lại, lúc này gồm các đồng chí: Trần Xuân Miên, Trần Giác, Nguyễn Mực, Lê Đăng, đồng chí Nhạn, do đồng chí Trần Xuân Miên làm Bí thư Phủ ủy. Ở các xã đã có từ 3 đảng viên trở lên thì tiến hành thành lập chi bộ đảng. Xã nào mới có 2 đảng viên thì thành lập chi bộ ghép.

Về tư tưởng: Tăng cường tuyên truyền giác ngộ quần chúng nhân dân về cương lĩnh, đường lối cách mạng của Đảng, về thắng lợi của 2 cuộc biểu tình với quy mô lớn vừa qua.

Về hoạt động: Đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, bằng các hình thức tổ chức biến tướng đa dạng.

Sau hội nghị, đồng chí Trần Xuân Miên được cử đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh, trên đường đi đồng chí đã bị địch bắt. Đồng chí Lê Đăng thay đồng chí Trần Xuân Miên làm Bí thư Phủ ủy. Ngày 30/6/1937, đồng chí Lê Đăng bị bắt. Sau khi đồng chí Nguyễn Mực và một số đồng chí khác sa vào tay giặc, nhiều cơ sở đảng ở Vĩnh Linh cũng bị vỡ. Song, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, nhất là từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân trong phủ vẫn không ngừng lên cao. Các hội biến tướng như hội đưa ma, hội đổi công, hội lợp nhà, hội đi tranh, đi củi đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các hội tương tế, hộ sinh do phụ nữ đảm nhận. Hội truyền bá chữ quốc ngữ được tổ chức ở khắp nơi thu hút thanh niên, học sinh, thầy giáo... gia nhập, mở lớp dạy chữ quốc ngữ ngay tại nơi cư trú. Thông qua các lớp học chữ quốc ngữ, nhiều loại sách báo tiến bộ, công khai hoặc chỉ lưu hành trong nội bộ như *Nhàn lúa* được phổ biến đến nhiều người đã có tác dụng rất lớn trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng. Các nhóm đọc sách, báo vừa mua, vừa bán sách, báo, vừa quyên góp tiền ủng hộ các báo tiến bộ, vừa đấu tranh đòi

tự do báo chí, chống cấm các báo tiến bộ. Đồng chí Lê Duẩn đã đánh giá cao kinh nghiệm về tổ chức các tổ đọc báo ở Quảng Trị như sau: “Ở Quảng Trị chỉ có mấy nghìn người tham gia biểu tình thôi, nhưng sau đó biết ghép họ vào tổ chức, đưa họ vào các tổ đọc báo công khai là hình thức tổ chức đơn giản mà nhờ đó giữ được lực lượng, duy trì được phong trào”¹.

Hệ thống tổ chức của Đảng từ phủ đến thôn, xã được gây dựng lại sau một thời gian dài bị gián đoạn. Sự liên hệ giữa phủ với tỉnh, với xứ được chấp nối lại, được chỉ đạo chặt chẽ hơn, đánh dấu một bước phát triển mới rất quan trọng trong lịch sử Đảng bộ. Tổ chức đảng được củng cố, lực lượng đảng viên càng được tăng cường. Tính đến cuối năm 1938, các địa phương trong toàn phủ Vĩnh Linh hầu hết đều đã có tổ chức đảng, với tổng số 21 chi bộ², 166 đảng viên.

IV. ĐẤU TRANH ĐÒI HOÀN THUẾ, GIẢM THUẾ KẾT HỢP BẦU CỬ NGHỊ VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ

Vụ lúa tháng 5/1937, ở Vĩnh Linh cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh bị mất mùa nghiêm trọng. Trong khi đó đã đến hạn nộp thuế, triều đình nhà

Nguyễn đang ra sức thúc ép. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương, tập trung mọi cố gắng đấu tranh chống thuế. Mục tiêu đòi chính quyền cho nộp thuế làm 2 kỳ, đi đến chống nộp và chống phụ thu lạm bổ. Thực hiện chủ trương trên, các phủ ủy viên phân công nhau đi các nơi vận động chống thuế, nhiều cuộc biểu tình nhỏ lẻ từ các làng, các xã kéo lên phủ đấu tranh đòi miễn thuế, mở đầu là Huỳnh Công, Mỹ Duyệt, Thủy Tú, tiếp đến là Quảng Xá, Đơn Duệ...

Giữa năm 1937, Trung Kỳ có cuộc bầu cử nghị viên vào Viện Dân biểu khóa 3. Theo chủ trương của Đảng là kết hợp chống thuế với việc bầu cử đại biểu vào Viện Dân biểu Trung Kỳ. Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ được bầu 1 đại biểu. Tiêu chuẩn là phải có phẩm hàm, tài sản và không tham gia chính trị. Dưới sự chỉ đạo, định hướng của Tỉnh ủy và Phủ ủy các địa phương, quần chúng Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ được vận động bầu cho Trần Đăng Hiến, ở vùng Nhĩ Trung (Gio Linh), nguyên lính khổ vàng được phong hàm bát phẩm, thái độ chính trị không thân Pháp và cũng không chống cách mạng. Kết quả, Trần Đăng Hiến đắc cử.

Theo chủ trương của tỉnh, ngày 28/9/1937, 3.000 quần chúng Vĩnh Linh kéo biểu tình vào chợ Cầu, ngay nơi làm việc của Trần Đăng Hiến, đưa bản nguyện vọng 16 điểm để Trần Đăng Hiến chuyển cho chính phủ trong dịp ông

1. Bài nói ngày 13/01/1937 của đồng chí Lê Duẩn.

2. Tiêu biểu với các chi bộ như: Huỳnh Công, Quảng Xá, Phú Mỹ, Thủy Tú, Thủy Càn, Khe Ba, Liêm Công Đông, Liêm Công Tây, Cát Sơn, Đơn Duệ, chợ Huyện, Võ Xá, Duy Viên, Lại Xá, Thượng Lập, Sa Lung, Lai Cách...

ta đi dự kỳ họp Viện Dân biểu sắp tới¹. Thấy nhân dân kéo đến đông, Trần Đăng Hiến hoảng sợ không dám ra tiếp. Nhưng sau khi được đồng chí Trần Giác, đại diện đoàn biểu tình giải thích, Trần Đăng Hiến mới vui vẻ ra tiếp đoàn biểu tình, nghe đại diện đoàn biểu tình nói lên nguyện vọng của nhân dân Vĩnh Linh hãy vì lợi ích của nhân dân mà đấu tranh để đạt nguyện vọng của nhân dân ở cuộc hội nghị Viện Dân biểu sắp tới. Trần Đăng Hiến phát biểu lời cảm ơn và hứa sẽ mang nguyện vọng ra trước cuộc họp của Viện Dân biểu Trung Kỳ sắp họp ở Huế.

Tháng 3/1938, thi hành chủ trương của Tỉnh ủy về phát động quần chúng đấu tranh chống nghị định tương hạng điền thổ của Khâm sứ Trung Kỳ, Phủ ủy Vĩnh Linh lúc đó gồm 3 đồng chí: Nguyễn Đức Thuởng, Trần Giác, Trần Xuân Miên họp tại nhà ông Dực (ở Liêm Công Tây) để nghiên cứu chủ trương của Tỉnh ủy. Hội nghị đã quyết định tổ chức cuộc biểu tình kéo lên phủ, với khẩu hiệu: Phản đối nghị định tương hạng điền thổ. Hội nghị phân công đồng chí Trần Xuân Miên trực tiếp lãnh đạo cuộc

1. 16 điểm là: (1) Bỏ thuế thân; (2) Bỏ thuế điền thổ; (3) Bỏ độc quyền rượu, muối, thuốc lá; (4) Bố trí việc làm cho người thất nghiệp; (5) Bỏ chế độ tư ích; (6) Thi hành quyền tự do lập nghiệp đoàn; (7) Hạn chế cho vay nặng lãi; (8) Trừng phạt những hành vi lạm dụng; (9) Bỏ thuế môn bài; (10) Bãi bỏ những lệ phí đốn gỗ ở rừng; (11) Hạn chế tăng giá hàng hóa; (12) Lập lại danh sách cử tri (chiếu dụ của vua Bảo Đại: 50 người mới có 1 cử tri); (13) Ban hành phổ thông đầu phiếu; (14) Ban hành quyền tự do dân chủ; (15) Bãi bỏ chế độ quản thúc chính trị phạm; (16) Đại xá chính trị phạm.

biểu tình. Địa điểm tập trung tại chợ Huyện, vào lúc 5 giờ sáng ngày 16/3/1938 khoảng 7.000 người từ khắp các xã trong phủ do đồng chí Trần Công Ái làm tổng chỉ huy. Đoàn biểu tình giương cao khẩu hiệu: Phản đối nghị định tương hạng điền thổ rầm rập kéo lên phủ lý. Trước đông đảo quần chúng, viên tri phủ phải đứng ra nhận bản kháng nghị của đoàn biểu tình và hứa sẽ chuyển đến quan Khâm sứ Trung Kỳ. Trước áp lực đấu tranh của nhân dân khắp nơi trong tỉnh, cộng với sự đồng tình của báo chí công luận, ngày 06/9/1938, Viện Dân biểu buộc phải thông qua một nghị quyết, bãi bỏ dự án tăng thuế của chính phủ thực dân. Nhưng tình hình trong nước ngày càng khó khăn. Bọn thống trị một mặt chuẩn bị tăng cường chiến tranh, xóa bỏ các điều hứa hẹn trước đây; mặt khác, ra sức bắt bớ cán bộ, hòng bóp chết phong trào, xóa mọi thành quả cách mạng. Vì vậy, trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, các tổ chức đảng ở Vĩnh Linh được chỉ thị gấp rút chuyển hình thức hoạt động phù hợp với tình hình mới.

Qua phong trào cách mạng 1936-1939, Đảng đã rèn luyện được một đội ngũ đảng viên kiên trung, quần chúng được giác ngộ, tập hợp và đoàn kết thành một lực lượng cách mạng to lớn, sẵn sàng đi theo lời kêu gọi của Đảng, đấu tranh kiên cường đến thắng lợi cuối cùng. Đây là bước tập dượt đấu tranh công khai thành công, chuẩn bị cho bước đi căn bản là tiến tới giành chính quyền trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Chương III

PHỦ ỦY VINH LINH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1939-1945)

I. ĐẢNG CHUYỂN HƯỚNG VÀO HOẠT ĐỘNG BÍ MẬT

Ngày 01/9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Pháp, chính phủ phản động Pétan nắm quyền, thi hành chính sách độc tài, phát xít; giải tán Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản ở các nước thuộc địa, thủ tiêu những tiến bộ của Chính phủ Nhân dân trước đây.

Đối với thuộc địa, chúng điên cuồng khủng bố các Đảng Cộng sản, thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng và hoạt động của các tổ chức quần chúng, đặt Đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, đẩy mạnh chính sách vơ vét tài nguyên, tăng cường sưu thuế, cưỡng bức công nhân làm việc mỗi ngày 10-12 giờ nhằm cung cấp vật lực cho chiến tranh. Nhân dân vốn đã nghèo đói nay càng cùng cực hơn. Mâu thuẫn dân tộc ngày càng tăng.

Ở Quảng Trị, bộ máy cai trị của thực dân Pháp và phong kiến Nam triều được tăng cường. Chúng tiến hành bắt bớ nhiều cựu chính trị phạm trong tỉnh, chúng điều

về những tên thực dân cáo già, tay sai khét tiếng gian ác để đàn áp phong trào cách mạng. Ở Vinh Linh, chúng phái tên Trần Mậu Trinh đã từng tham gia các cuộc đàn áp phong trào Xôviết - Nghệ Tĩnh những năm 1930-1931, làm tri phủ. Ở nông thôn, tất cả những người giữ các chức việc trong làng do dân cử trong thời kỳ mặt trận dân chủ đều bị bãi bỏ. 200 lính khố xanh do 2 sĩ quan Pháp chỉ huy thường xuyên tổ chức những cuộc lùng sục, khám xét, cướp bóc tài sản. Bản thân tên Tri phủ Trần Mậu Trinh trực tiếp thực hiện việc tra tấn, xét hỏi những người bị bắt. Song, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, quần chúng nhân dân vẫn một lòng theo Đảng. Cụ Trần Tấn Giản, bố đồng chí Trần Công Khanh, bị Trần Mậu Trinh bắt tra tấn cực hình đã quyết định dùng cái chết của mình để tố cáo tội ác của kẻ thù, bằng việc viết tờ cáo trạng vạch tội ác của Trần Mậu Trinh quăng vào người rồi thắt cổ tự tử ngay tại phủ đường. Cái chết oanh liệt của người đảng viên già đã gây xúc động mãnh liệt và căm thù cực độ trong quần chúng nhân dân ở Vinh Linh đối với đế quốc, tay sai. Hàng nghìn quần chúng nhân dân ở Huỳnh Công, quê hương cụ và các làng lân cận dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đã ồ ạt kéo phủ đường lên biểu tình đấu tranh vạch mặt kẻ thù. Kết quả, bọn thống trị Pháp và phong kiến Nam triều phải điều Trần Mậu Trinh vào phủ Triệu Phong nhằm xoa dịu sự công phẫn của quần chúng. Tuy nhiên, kẻ địch ngày càng bộc lộ bộ mặt xảo quyệt, hòng đàn áp khủng bố đi đến tiêu diệt cách mạng, vì vậy các tổ chức, các đoàn thể gấp rút chuyển vào hoạt động bí mật, nhằm bảo toàn lực lượng.

Cuối tháng 9/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị chuyển hướng hoạt động: “Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều, hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc. Giải quyết hoàn toàn vấn đề ấy mau hay chậm tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí. Phải lựa chọn những đồng chí trung thành, hăng hái, tổ chức các ban dự bị vào các cơ quan. Trong các hội quần chúng chọn người nào trung thành, có giác ngộ chính trị thì tổ chức vào hội bí mật”. Thực hiện chủ trương của trên, một số cán bộ của Vĩnh Linh như các đồng chí Trần Văn Ngoạn, Trần Xuân Miên nhanh chóng rời khỏi địa phương cũ, gây dựng cơ sở ở ven rừng núi. Các chi bộ đảng được giao nhiệm vụ xây dựng một lúc nhiều địa điểm bí mật khác nhau và phải đổi địa điểm hội họp. Nhờ đó mà trong các cuộc khủng bố trắng từ giữa năm 1939, chỉ một số ít đồng chí trong Phủ ủy bị bắt, còn các tổ chức đảng ở mọi nơi vẫn được giữ vững.

Việc chuyển hướng rút vào hoạt động bí mật, gây dựng cơ sở ở vùng rừng núi có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào của toàn phủ lúc này, không những có tác dụng bảo toàn lực lượng cán bộ cốt cán để lãnh đạo phong trào chống khủng bố của địch, mà còn có ý nghĩa quyết định cho việc duy trì và phát triển cách mạng sau này.

Đầu tháng 12/1939, một cuộc hội nghị cán bộ toàn tỉnh được triệu tập tại một trại làm gỗ ở Khe Đào gần làng An, giữa rừng núi Quảng Trị, gồm hầu hết cán bộ thoát ly. Hội nghị quyết định:

- Kiểm điểm tình hình trong toàn tỉnh sau cuộc khủng bố tháng 9/1939.

- Quyết định chuyển hướng công tác của toàn Đảng bộ rút vào hoạt động bất hợp pháp, tổ chức các đoàn thể quần chúng cách mạng bí mật.

- Lập lại Tỉnh ủy để lãnh đạo phong trào trong tỉnh.

Hội nghị phân công đồng chí Trần Hữu Dực trong ban lãnh đạo Tỉnh ủy phụ trách tuyên huấn và trực tiếp chỉ đạo Vĩnh Linh. Tháng 7/1940, đồng chí Trần Hữu Dực được Xứ ủy điều đi công tác khác, Tỉnh ủy cử đồng chí Trần Xuân Miên làm Bí thư Phủ ủy Vĩnh Linh.

Mặc dù điều kiện vô cùng khó khăn, kẻ địch thường xuyên lùng sục bắt bớ nhưng các cơ sở đảng ở Vĩnh Linh vẫn được chấp nối củng cố. Hệ thống Đảng dần dần được phục hồi và phát triển. Sáu tháng đầu năm 1940, các chi bộ: Thượng Lập, Huỳnh Công, Phú Mỹ, Liêm Công Đông, Liêm Công Tây, Thủy Cần, Yên Du, Quảng Xá, Quảng Xá Phường... được củng cố và phát triển thêm đảng viên mới. Các đoàn thể quần chúng chuyển hình thức hoạt động từ các hội ái hữu, tương tế sang phản đế như Hội Nông dân Phản đế, Hội Phụ nữ Phản đế, số lượng hội viên lên trên 1.300 người.

Ngày 23/9/1940, sau khi Nhật kéo vào Đông Dương, Pháp ký hiệp định chấp nhận Nhật chiếm đóng. Từ đây, nhân dân ta một cổ hai tròng, gây một làn sóng phản nộ trong các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động. Tỉnh ủy chủ trương sẵn sàng chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện đợi thời cơ đánh Pháp, đuổi Nhật.

Tại Vĩnh Linh xuất hiện nhiều truyền đơn biểu ngữ kêu gọi quần chúng, thanh niên, học sinh, Hoa kiều và cả binh lính Pháp đoàn kết chống Nhật. Để đối phó với tình

hình, thực dân Pháp tăng cường mật thám lùng sục bắt bớ khắp nơi. Không khí khủng bố trắng bao trùm toàn tỉnh, có hàng trăm người bị bắt, trong đó có một số đồng chí trong Phủ ủy. Tuy vậy, một số tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể phản đế vẫn đứng vững qua cuộc khủng bố. Nhờ đó, phong trào cách mạng ở địa phương còn có cơ sở để phục hồi.

Ngày 09/01/1941, theo chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội nghị mở rộng để lập lại Phủ ủy Vĩnh Linh được tổ chức tại nhà chị Sửu (ở Liêm Công Đông) kiểm điểm công tác năm 1940, nghe đồng chí phái viên Tỉnh ủy báo cáo chủ trương của Tỉnh ủy về việc tổ chức mítting, rải truyền đơn ủng hộ khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương. Hội nghị ra Nghị quyết:

- Tổ chức 4 cuộc mítting trong phủ nghe báo cáo ý nghĩa của 2 cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và Nam Kỳ.

- Thành lập ban chỉ đạo phong trào.

- Phủ ủy quyết định cử đồng chí Hoàng Đức Sản làm Bí thư và phân công các đồng chí phủ ủy viên về các cơ sở mình phụ trách tổ chức diễn thuyết và rải truyền đơn.

Để có kinh phí hoạt động, Phủ ủy đã phát động một cuộc lạc quyền trong toàn phủ được các hội viên tích cực tham gia. Tiêu biểu có những hội viên như ông Hương Dực (ở Liêm Công Tây) bán 2 con trâu lấy tiền ủng hộ cách mạng. Các ông Tạ Mong, Trần Uyển, mỗi người ủng hộ 20 đồng tương đương hàng chục thúng thóc.

Cùng với truyền đơn xuất hiện khắp các nơi ở Vĩnh Linh, các cuộc mítting, diễn thuyết cũng liên tiếp được tổ chức. Tiêu biểu có trên 600 hội viên phản đế và quần

chúng ở các thôn Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Đông, Mỹ Duyệt, Liêm Công Tây, Thủy Cần, Yên Du Bắc đã tập trung tại Lũng Sâu Sa, một địa điểm hẻo lánh, cạnh một hồ nước và bãi cát thuộc Huỳnh Công Tây để nghe diễn thuyết. Các cuộc diễn thuyết ca ngợi tinh thần anh dũng bất khuất của đồng bào, đồng chí ở Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương và kêu gọi các hội viên phản đế đoàn kết xung quanh Đảng Cộng sản Đông Dương, vận động quần chúng nhân dân trung kiên vào các tiểu đội tự vệ sắm sửa vũ khí đợi thời cơ khởi nghĩa.

Cùng với việc tổ chức diễn thuyết, Phủ ủy đã tăng cường rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm ở những nơi công cộng. Đêm 21/01/1941, cờ và truyền đơn được treo và rải ngay tại chợ Chấp Lễ, chợ Do, chợ Huyện. Đồng chí Nguyễn Chanh - Bí thư Chi bộ Yên Du Bắc và đồng chí Chuồng thực hiện sự phân công của Phủ ủy đã rải truyền đơn và treo cờ ngay tại phủ đường Vĩnh Linh.

Các cuộc rải truyền đơn, mítting, tuyên truyền, diễn thuyết đã gây tiếng vang rất lớn trong địa phương. Phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân sôi sục, làm cho kẻ địch hoang mang lo sợ, tìm cách đối phó. Tên tri phủ Hồ Tánh huy động lính khố xanh mở một cuộc lùng sục ráo riết trong 3 ngày nhằm dập tắt phong trào. Nhiều đồng chí trong Phủ ủy bị bắt, nhiều chi bộ đảng bị vỡ. Hai đồng chí Nguyễn Như Hải và Nguyễn Như Tao (ở Chi bộ Khe Ba), 2 đồng chí phủ ủy viên là Trần Sanh và Lê Dung chỉ đạo rải truyền đơn và mítting tại tổng Hiền Lương cũng bị địch bắt. Mật thám Pháp đã dùng mọi cực hình tra tấn, kể cả mua chuộc, dụ dỗ, song trước sau như

một, các đồng chí vẫn không khai báo. Đồng chí Lê Dung còn dũng cảm nhận hết mọi trách nhiệm để đồng chí mình đỡ bị đòn roi.

So với các cuộc khủng bố cuối năm 1939, cuộc khủng bố lần này của địch đã gây cho Phủ ủy Vĩnh Linh những tổn thất rất nghiêm trọng. 8/9 chi bộ của Phủ ủy bị vỡ, các đảng viên còn lại phải tìm đủ mọi cách tránh địch, bảo toàn lực lượng. Trong khó khăn ác liệt, nhiều gương hy sinh anh dũng, một lòng bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng không sao kể hết, tiêu biểu như tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Trần Công Ái. Nhờ vậy, cơ quan Tỉnh ủy Quảng Trị vẫn được bảo vệ an toàn, các đồng chí trong Tỉnh ủy cũng như quần chúng nhân dân làm liên lạc viên ở cơ sở không ai bị địch bắt.

Đồng chí Trần Công Ái sinh năm 1905 (quê ở thôn Giáp Tây, xã Vĩnh Tú) cùng anh trai là Trần Công Đại, theo đuổi chí hướng làm cách mạng, được đồng chí Trần Công Khanh và Chi bộ Huỳnh Công giác ngộ. Cuối năm 1933, Trần Công Ái được kết nạp Đảng, tham gia Phủ ủy Vĩnh Linh, Tỉnh ủy Quảng Trị. Đồng chí được Tỉnh ủy phân công đi khắp các địa bàn trong tỉnh như Gio Linh, Cam Lộ, Hải Lăng, Triệu Phong để diễn thuyết, tuyên truyền, gây dựng phong trào. Khi trở lại Vĩnh Linh hoạt động, do bị chính cha ruột và dì ghẻ bán đứng, bị mật thám Pháp truy lùng gắt gao, đồng chí Trần Công Ái quay lại Triệu Phong hoạt động. Ngày 10/12/1941, đồng chí bị mật thám Pháp bắt tại chợ Ngô Xá (ở Triệu Phong) và bị giam tại nhà lao Quảng Trị. Ròng rã suốt 20 ngày đêm bị tra tấn với đủ loại cực hình, đồng chí vẫn trung

kiên không khai báo, giữ vững khí tiết của người cộng sản. Rạng sáng ngày mùng 1 Tết (1941), đồng chí Trần Công Ái gọi người cai ngục lên báo với mật thám là: *Tôi nhận lời đi chỉ cơ quan Tỉnh ủy*. Trên đường dẫn giải từ thị xã Quảng Trị ra Đông Hà, khi đến cầu Lai Phước, nhân lúc địch sơ hở, đồng chí đã nhảy xuống sông tự tử. Sự hy sinh anh dũng để bảo vệ bí mật của Đảng của đồng chí Trần Công Ái đã làm chấn động dư luận trong tỉnh, nhất là đối với hàng trăm đảng viên, quần chúng cách mạng đang bị giam cầm ở nhà lao Quảng Trị. Cảm phục và xúc động trước hành động dũng cảm hy sinh của đồng chí Trần Công Ái, đồng chí Trương Am, một người bạn tù đã làm bài thơ để truy điệu:

*... Da dù nát, thịt dù tan
Anh vẫn nghiêng răng thà chết không khai
Còn một chút tàn hơi
Anh gượng sống với niềm tin mãnh liệt
Điện đốt, dây treo, đòn roi kìm kẹp
Dạ vẫn trung thành, không một chút đổi thay...*

II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐƯỢC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN

Sau một thời gian bị mất liên lạc với cấp trên, đến cuối năm 1941, đường dây liên lạc giữa Tỉnh ủy với Trung ương được chấp nối lại. Từ đó, Đảng bộ tỉnh nói chung, Phủ ủy Vĩnh Linh nói riêng mới nhận được tài liệu Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941). Văn kiện Hội nghị gồm: Tuyên ngôn của Việt Minh, thư

của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào toàn quốc, Chương trình và Điều lệ của Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, được phổ biến và lưu hành trong nội bộ. Chương trình Việt Minh rất phù hợp với nguyện vọng giành độc lập, tự do của các tầng lớp nhân dân, nên phong trào cách mạng ở Vĩnh Linh được phục hồi và củng cố lại một cách nhanh chóng. Các đoàn thể phản đế được chuyển thành các Hội cứu quốc như: Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Nhi đồng Cứu quốc, Tự vệ Cứu quốc...

Mặc dù bị địch khủng bố, mật thám ráo riết theo dõi, phong trào cách mạng ở Vĩnh Linh vẫn lên mạnh. Nhiều làng, xã lập được Ủy ban Việt Minh hay Ủy ban vận động như ở Quảng Xá, Huỳnh Công... Tầng lớp thống trị cũng đã có những chuyển biến về thái độ chính trị. Một số địa chủ, hương lý ngả về cách mạng, một số khác tỏ thái độ lừng chừng và một bộ phận phản động, cam tâm làm tay sai cho thực dân, đế quốc, thẳng tay đàn áp phong trào, chống phá cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, đứng đầu là đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Đức Thưởng, Phủ ủy Vĩnh Linh đã tiến hành củng cố các chi bộ, toàn phủ có 9 chi bộ, có một số chi bộ lúc này đã phát triển thêm đảng viên. Để nâng cao chất lượng chi ủy viên và đảng viên, giữa năm 1942, Phủ ủy đã mở lớp huấn luyện ngắn ngày, với nội dung học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), Tuyên ngôn, Chương trình và Điều lệ Việt Minh... Tuy vậy, lớp học mới khai giảng được 3 ngày thì phải bỏ dở vì đồng chí Hoàng Thạch phụ trách lớp hy sinh.

Trước sự hoạt động của cán bộ, đảng viên trong phủ ngày càng đi vào chiều sâu thì cuối năm 1942, mật thám Pháp lại tổ chức các cuộc vây ráp, khám nhà, bắt người. Hương lý, cường hào nông thôn cho tuần đinh canh phòng nghiêm ngặt. Ác ôn đầu sở đã dùng các thủ đoạn hết sức tinh vi, thâm độc để phá hoại Đảng ta từ trong nội bộ. Tại Vĩnh, chúng bắt được một cán bộ Tỉnh ủy Quảng Trị do Xứ ủy điều ra hoạt động vùng Nghệ An. Do không chịu nổi đòn roi của kẻ thù, người này đã khai báo với địch những cơ sở bí mật của Đảng ở Vĩnh Linh và Quảng Trị. Một chiến dịch khủng bố trắng chưa từng có của địch diễn ra trên phạm vi từ Vĩnh Linh đến Huế. Đặc biệt, ở Vĩnh Linh, chúng điều thêm 2 tên chánh mật thám Pháp là Vidilăng từ Huế ra và Himbe từ Vinh vào, cùng tên Livécxê (chánh mật thám ở Quảng Trị) mở cuộc lùng ráp trong hơn một tuần. Mục tiêu của địch là lùng bắt cho được các cán bộ Xứ ủy như các đồng chí Trần Xuân Miên, Nguyễn Đức Thưởng, Lê Chuởng, các cán bộ Tỉnh ủy (như các đồng chí Lê Thị Diệu Muội, Trần Thị Thí, Trần Thao...) và tìm diệt hết các cơ sở của Phủ ủy. Kẻ phản bội đã đích thân dẫn mật thám Pháp cùng tên việt gian Trần Chúc mang theo hòm điện cùng nhiều dụng cụ tra tấn khác về tận cơ sở bí mật của từng thôn, từng chi bộ. Đầu tiên, chúng về Quảng Xá Phường bắt 2 đồng chí là Thị Dậu và Thị Thiết (là những liên lạc viên của Tỉnh ủy) cùng tất cả các đảng viên trong chi bộ, thực hiện tra tấn ngay tại nhà hoặc ở điểm canh. Sau đó, chúng kéo về thôn Thủy Tú, bao vây trại nuôi dê của đồng chí Lê Thô (nơi làm liên lạc bí mật của Xứ ủy và Tỉnh ủy). Chúng bắt cả

mẹ, cha, con của đồng chí Lê Thơ tra tấn hết sức dã man nhưng không moi được bí mật nào. Theo sự dẫn đường của kẻ phản bội, chúng kéo lên thôn Huỳnh Công Tây bao vây nhà đồng chí Trần Thịnh (cơ sở bí mật của các đồng chí Xứ ủy, Tỉnh ủy) và bắt đồng chí Trần Thịnh, tiếp đó bắt đồng chí Trần Leo. Chúng dùng đủ mọi cực hình tra tấn nhưng cả 2 đồng chí vẫn nghiến răng chịu đựng, không khai báo. Bọn địch đưa cả 2 đồng chí lên xe chở vào nhà lao Quảng Trị để tiếp tục tra tấn với những phương tiện hiện đại hơn hòng khai thác bằng được những bí mật quan trọng nhưng cuối cùng vẫn bất lực. Sau 5 ngày ném đủ mọi cực hình tra tấn, 2 đồng chí Trần Thịnh và Trần Leo (Chi bộ Huỳnh Công Tây) đã anh dũng hy sinh tại nhà lao Quảng Trị.

Chưa chịu dừng bước, kẻ địch tiếp tục lùng ráp khủng bố, sau Quảng Xá Phường, Huỳnh Công Tây đến Thủy Tú, Thượng Lập, Liêm Công Tây, Võ Xá (chợ Kênh). Các cơ sở đảng lần lượt bị vỡ, gần 40 cán bộ, đảng viên bị bắt. Cả 4 đồng chí trong Phủ ủy Vĩnh Linh cũng bị sa vào tay giặc trong cuộc khủng bố trắng này. Đó là các đồng chí: Lê Ái - Bí thư Phủ ủy, Hoàng Đức Sản, Lê Thơ, Duy Trống - Phủ ủy viên. Toàn tỉnh có trên 200 đồng chí bị bắt, trong đó có đồng chí Lê Thị Diệu Muội - Tỉnh ủy viên. Đến tháng 6/1943, Trần Thị Biên là giao thông viên của Xứ ủy bị địch bắt ở Nghệ An. Do không chịu nổi đòn roi tra tấn và sự mua chuộc của địch, Biên đã khai tiếp các cơ sở đảng còn tồn tại ở Vĩnh Linh và Gio Linh. Phong trào tiếp tục chịu tổn thất do sự đàn áp, khủng bố trắng của địch. Như vậy, suốt trong những năm 1942-1944, cơ

quan Tỉnh ủy có nhiều đồng chí lãnh đạo bị sa vào tay giặc, bị đày đi nhà tù Lao Bảo, nhà lao Quảng Trị, nhà đày Buôn Mê Thuật. Phủ ủy Vĩnh Linh và Huyện ủy Gio Linh bị tổn thất rất nặng nề. Song, nhờ tinh thần dũng cảm của các đảng viên trước quân thù và lòng tin tưởng bảo vệ Đảng của quần chúng, nên số đảng viên và quần chúng tốt còn lại vẫn vững vàng trụ lại, tiếp tục hoạt động cách mạng. Tuy nhiên, vì bị địch thường xuyên theo dõi, vây ráp, nên phạm vi hoạt động chỉ nhỏ hẹp, chủ yếu là nghe ngóng, tìm bắt liên lạc với nhau và liên lạc với cấp trên. Hai đồng chí Nguyễn Đức Thưởng và Trần Xuân Miên mật thám dân ảnh khắp nơi, truy lùng ráo riết, phải chạy sang tỉnh khác, cơ quan Phủ ủy đặt tại Mỹ Tho - Trung Lực (Quảng Bình). Mùa hè năm 1943, mật thám Pháp tiếp tục săn đuổi gắt gao, 2 đồng chí phải chạy ra vùng Thanh Thủy (Lệ Thủy), rồi sau đó tạm lánh sang Thái Lan.

Bị địch càn đi quét lại nhiều lần, hàng loạt cán bộ, đảng viên bị sa vào tay giặc. Số còn lại, phần do thiếu nòng cốt hướng dẫn, phần do hoang mang, dao động nên phong trào ở phủ Vĩnh Linh cũng nằm trong tình trạng chung của 2 tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình tạm thời lắng xuống.

Tháng 6/1944, đồng chí Nguyễn Đức Thưởng và đồng chí Trần Xuân Miên, sau một thời gian tạm lánh sang Thái Lan, đã trở lại hoạt động ở địa bàn Vĩnh Linh. Mặc dù bị cả tay sai Pháp lẫn Nhật luôn bám sát theo dõi, 2 đồng chí vẫn tìm mọi cách móc nối, gây dựng cơ sở cách mạng. Cũng trong thời gian đó, các cán bộ, đảng viên ở

phủ bị địch bắt giam ở các nhà tù vẫn giữ vững tinh thần và chí khí của người cộng sản, chờ đợi thời cơ.

Đầu năm 1945, sau khi được củng cố, Phủ ủy Vĩnh Linh bắt đầu hoạt động trở lại, đóng tại Liêm Công Tây. Việc đầu tiên là in lại tờ báo *Cờ giải phóng* để phân phát cho các chi bộ. Đồng chí Lê Nghĩa Sỹ sau khi ra tù về Vĩnh Linh trực tiếp phụ trách việc in ấn. Đồng thời tổ chức việc đọc sách báo, mítting diễn thuyết trong phạm vi từng thôn xóm, nói rõ diễn biến tình hình thế giới và trong nước để động viên, cổ vũ quần chúng.

Các chi bộ đảng ở Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Nam, Huỳnh Công Đông, Thượng Lập, Quảng Xá, Phú Mỹ, Đơn Duệ... được củng cố. Nhiều cấp ủy mới được lập lại. Các đội tự vệ chiến đấu, các hội cứu quốc Liêm Công Tây, Phú Mỹ và Huỳnh Công Nam được thành lập. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản để Đảng bộ Vĩnh Linh góp phần cùng toàn tỉnh lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

III. VĨNH LINH SAU NGÀY NHẬT ĐẢO CHÍNH PHÁP

Sự vỡ vét, bóc lột thậm tệ của phát xít Nhật và thực dân Pháp cộng với thiên tai mất mùa liên tục đã làm cho hàng triệu người dân miền Bắc chết đói.

Đêm 09/3/1945, Nhật nổ súng đánh úp Pháp. Pháp nhanh chóng đầu hàng vô điều kiện. Sau khi chiếm được Quảng Trị, phát xít Nhật dùng bộ máy quan lại của Nam triều làm công cụ đàn áp nhân dân trong tỉnh. Chúng đổi lính khố xanh làm bảo an binh, lập các tổ chức thân Nhật

như Thanh niên ái quốc đoàn, Thanh niên Việt Nam, tuyên truyền rùm beng về việc trao trả độc lập cho Bảo Đại, về thuyết Đại Đông Á, đồng văn - đồng chủng... Sự tuyên truyền của Nhật lúc đầu đã được một số người nhẹ dạ, kể cả một số chính trị phạm ảo tưởng mơ hồ, cả tin, đã giúp thêm sự lừa bịp của chúng đạt kết quả.

Ở Vĩnh Linh, chúng đưa Cao Xuân Thọ làm Phủ trưởng thay thế Hồ Xuân Tánh. Bộ máy cai trị từ phủ đến thôn vẫn như cũ. Phát xít Nhật thực thi chính sách bóc lột còn thậm tệ hơn cả thực dân Pháp. Hàng nghìn lính Nhật đóng dọc quốc lộ 1, ở ga Sa Lung, Cửa Tùng, ga Hà Thanh, cầu đập Huyện, hằng ngày chúng lừa lừa, ngựa phá phách ruộng vườn của nhân dân. Việt gian thân Nhật được thể càn lên mặt hống hách, ức hiếp đồng bào. Hằng ngày, máy bay đồng minh đến bắn phá các vị trí của Nhật làm chết thêm nhiều người dân vô tội.

Để đối phó với tình hình, Phủ ủy Vĩnh Linh triệu tập Hội nghị gồm bí thư các chi bộ: Liêm Công Tây, Huỳnh Công Nam, Phú Mỹ... để đề ra chủ trương, biện pháp gấp rút vận động quần chúng vào các tổ chức cứu quốc, thành lập các đội tự vệ, sắm sửa vũ khí đợi thời cơ đánh đuổi Nhật - Pháp. Một số chính trị phạm ở nhà lao Quảng Trị, nhà đày Buôn Mê Thuật trở về làm tăng thêm lực lượng lãnh đạo cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Tháng 4/1945, các đồng chí Nguyễn Đức Thuởng, Trần Xuân Miên đứng ra triệu tập Hội nghị tại Liêm Công Đông. Hội nghị gồm các đồng chí: Nguyễn Đức Thuởng, Trần Xuân Miên, Bùi Trung Lập, Nguyễn Đàm,

Nguyễn Hữu Khiếu, Hoàng Thị Ái, Hồ Ngọc Chiêu, Hà Xuân Mỹ... Hội nghị nghe báo cáo tình hình cụ thể, kiểm điểm tình hình chung toàn tỉnh và đề ra nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn tới. Vạch trần bản chất, âm mưu của Nhật, kiểu độc lập giả hiệu của chính phủ bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim, phê phán tư tưởng mơ hồ non kém của một số cán bộ, đảng viên. Hội nghị đã thành lập Tỉnh ủy lâm thời, đồng chí Bùi Trung Lập được cử làm Bí thư. Ủy ban Việt Minh từ làng, tổng, xã đến phủ được thành lập; hoạt động theo chương trình Việt Minh. Hội nghị đề ra việc tổ chức tốt hơn nữa các đoàn thể cứu quốc, tổ chức tự vệ, dân quân, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, thành lập lại Phủ ủy. Từ đây, phong trào cách mạng trong toàn tỉnh được phục hồi và phát triển, mạnh nhất là ở Vĩnh Linh, là tiền đề để chuẩn bị phát triển lại phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, khắc phục tình trạng thiếu sự lãnh đạo kéo dài.

Về phía địch: Chính phủ Trần Trọng Kim mới thành lập, tung tay sai hoạt động ráo riết để tuyên truyền cho cái bánh vẽ độc lập và ra sức phát triển lực lượng thanh niên xuống các địa phương trong tỉnh. Mặc dù vậy, ảnh hưởng này không đáng kể, vì tổ chức của chúng không thâm nhập được vào quần chúng công nông.

Sau hội nghị của Tỉnh ủy ở Liêm Công Đông, hầu hết các thôn, xóm trong phủ đều có phong trào và cơ sở Mặt trận Việt Minh.

Cuối tháng 6/1945, sau khi nhận được Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đ.C.S.Đ.D ngày 12/3/1945¹ Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, Tỉnh ủy lâm thời liền triệu tập Hội nghị thứ hai tại nhà ông Nguyễn Thước (ở Liêm Công Đông). Dự Hội nghị có các đồng chí: Nguyễn Đức Thưởng, Trần Xuân Miên, Bùi Trung Lập, Hà Xuân Mỹ, Hồ Ngọc Chiêu, Hoàng Thị Ái, Nguyễn Đàm... Hội nghị thảo luận và thống nhất nhận định của Tỉnh ủy và ra quyết định 6 điểm:

- Cấp tốc xây dựng và phát triển các đội tự vệ.
- Lập căn cứ kháng chiến từ Quảng Xá đến Bến Quan.
- Vũ trang tuyên truyền và mítting khắp phủ.
- Lạc quyền tiên, gạo, thực phẩm.
- Rèn đức vũ khí.
- Thành lập các ban hòa giải ở các làng, xã.

Hội nghị quyết định đổi Tỉnh ủy lâm thời thành Ban vận động thống nhất Đảng bộ Quảng Trị, chọn hai phủ: Triệu Phong và Vĩnh Linh làm chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm chung trong toàn tỉnh.

Hội nghị phân công đồng chí Bùi Trung Lập phụ trách chung. Đồng chí Trần Xuân Miên phụ trách Vĩnh Linh.

Bước sang tháng 7/1945, phong trào Việt Minh ăn sâu vào quần chúng, lan rộng khắp thôn, xóm, đâu đâu

1. Sau khi liên lạc được với Ban Vận động thống nhất Trung Kỳ, tại Vinh (Nghệ An), đồng chí Nguyễn Đức Thưởng nhận được Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đ.C.S.Đ.D ngày 12/3/1945 “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” do đồng chí Chu Văn Biên (cán bộ của Tỉnh ủy Nghệ An) trao.

cũng hội họp, ca hát, luyện tập. Nhiều cuộc mítting được tổ chức tại rú Đôn Thâm (Vĩnh Hòa, Vĩnh Thành) với 2.000 người dự, gồm quần chúng các thôn: Đôn Duệ, chợ Huyện, Liêm Công Tây. Tại động Mã Quan (ở Huỳnh Công Tây) có trên 3.000 người dự, gồm dân các làng: Thủy Tú, Mỹ Duyệt, Phú Mỹ. Tại rú Trầm (ở Thượng Lập) có trên 1.500 người tham dự, gồm quần chúng nhân dân các nơi như: Thượng Lập, Trung Lập, Hàm Hòa, Hồ Xá.

IV. KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI

Tình thế cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi. Khắp Vĩnh Linh đâu đâu cũng nghe bàn việc Việt Minh sắp nổi dậy giành chính quyền và lực lượng tự vệ hăng hái say sưa luyện tập võ nghệ. Nhiều cuộc mítting, diễn thuyết liên tiếp được tổ chức. Nổi bật nhất là cuộc biểu dương lực lượng quy mô lớn được tổ chức vào ngày 02/8/1945 tại sân vận động với hàng ngàn người tham dự, có lực lượng cảnh giới và bảo vệ. Ban lãnh đạo của đội tự vệ vũ trang do đồng chí Trần Giác chỉ huy. Lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới ngay trên bầu trời sân vận động, chỉ cách phủ đường mấy trăm mét. Cách tuyên truyền, diễn thuyết linh hoạt, phong phú như dùng các phiên chợ, nơi tập trung đông người để cán bộ đứng lên diễn thuyết. Cuối tháng 7, các lò rèn đã rèn được một khối lượng khá lớn giáo mác để trang bị cho các đội tự vệ. Trước tiến triển của phong trào cách mạng, không ít người trong các tổ chức Thanh niên ái quốc đoàn của Trần Trọng Kim đã ngã theo cách mạng.

Nhờ tin tức nhanh chóng của tỉnh đưa về, cộng với tin tức của đài thu thanh ở Cửa Tùng, Việt Minh ở Vĩnh Linh nắm bắt được tình hình quân đội Nhật có nguy cơ bị đồng minh tiêu diệt. Ngày 14/8/1945, Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, lực lượng cách mạng phát lệnh gấp rút chuẩn bị đồng khởi giành chính quyền.

Ngày 18/8/1945, Hội nghị toàn tỉnh được triệu tập tại làng Phước Lễ (sau chuyển sang làng Mỹ Lược - Triệu Phong) nhằm thống nhất các lực lượng trong tỉnh để tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Hội nghị tập trung vào ba điểm cơ bản:

- Vạch kế hoạch tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh.
- Bầu ban khởi nghĩa toàn tỉnh, phân công cán bộ phụ trách chỉ đạo từng vùng, từng mũi.
- Phân công cán bộ phụ trách khởi nghĩa các phủ.

Hội nghị ấn định ngày, giờ tổng khởi nghĩa là giữa đêm 22 rạng ngày 23/8/1945. Hội nghị bầu Ủy ban khởi nghĩa tỉnh gồm các đồng chí: Trần Hữu Dực, Đặng Thới, Nguyễn Hữu Khiếu, Hoàng Thị Ái, Lê Vụ. Hội nghị phân công đồng chí Nguyễn Đức Thuởng và đồng chí Hồ Ngọc Chiêu ra Vĩnh Linh truyền lệnh tổng khởi nghĩa và trực tiếp chỉ đạo giành chính quyền. Đồng chí Nguyễn Đức Thuởng được bầu làm Chủ tịch phủ.

Ủy ban khởi nghĩa phân công cán bộ phụ trách 4 khu vực quan trọng nơi có lực lượng địch tập trung binh lính và cơ quan đầu não là: phủ đường Vĩnh Linh, ga Sa Lung, ga Tiên An, Cửa Tùng. Ngay đêm đó, cán bộ trong Ủy ban đến các vị trí túc trực đợi lệnh.

Quần chúng nhân dân ở tổng Huỳnh Công và một phần tổng Hồ Xá tập trung tại Trạng Cù, do 2 đồng chí

Nguyễn Đức Thưởng và Trần Giác chỉ huy, sẵn sàng chiếm Phủ đường. Quân chúng nhân dân ở tổng Hiền Lương tập trung tại cây đa ngã ba chợ Đàng (do các đồng chí Nguyễn Nhạn, Lê Nghĩa Sỹ chỉ huy, đội lệnh chiếm Cửa Tùng).

Quân chúng nhân dân ở tổng Xuân Hòa và vùng xung quanh Hiền Lương tập trung tại Võ Xá, do các đồng chí Hoàng Đáo, Nguyễn Chư chỉ huy, có nhiệm vụ chiếm ga Tiên An.

Quân chúng nhân dân ở tổng Hồ Xá gồm các thôn, xã: Hàm Hòa, Từ Chính, Khe Me, Cháp Lễ, Lai Cách, Tiên Yên, Mỹ Lộc, Trung Lập, Thượng Lập, Sa Lung, Gia Lâm, Phúc Lâm, Quảng Xá Phường, Minh Đức, Vạn Côn..., do các đồng chí Dương Liêu và Đoàn Quýnh chỉ huy, có nhiệm vụ chiếm ga Sa Lung.

Đúng nửa đêm 22/8/1945, lệnh khởi nghĩa của tỉnh được đồng chí Hoàng Xuân Túc mang về.

Rạng sáng 23/8/1945, hàng ngàn quân chúng nhân dân với các đội tự vệ chính tề, gậy gộc, giáo mác, dao rựa tiến công, chiếm các nơi được phân công rồi cùng kéo về phủ đường Vĩnh Linh hô vang khẩu hiệu.

- Đả đảo Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim!
- Thành lập Chính phủ Cộng hòa dân chủ Việt Nam!
- Việt Nam độc lập muôn năm!

8 giờ sáng ngày 23/8/1945, quân chúng nhân dân Cách mạng hoàn toàn làm chủ Phủ đường. Toàn bộ lính tráng, chính quyền tay sai nộp vũ khí xin tha tội chết. Phủ trưởng Cao Xuân Thọ định tẩu thoát nhưng đã bị tự vệ bắt giữ.

Đúng 9 giờ ngày 23/8/1945, trước hàng vạn quân chúng nhân dân, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời được

thành lập, ra mắt đồng bào trong tiếng reo vui vang trời dậy đất. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời gồm các đồng chí: Nguyễn Đức Thưởng - Chủ tịch, Trần Giác - Phó Chủ tịch, Hoàng Tiết - Ủy viên, Hoàng Thị Miên - Ủy viên.

Ngày 24/8/1945, nhân dân Vĩnh Linh phấn khởi tập trung dọc quốc lộ 1 từ Hồ Xá vào Hiền Lương, đón tiếp phái đoàn Chính phủ lâm thời Trung ương từ Hà Nội vào Huế tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã mang lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả nước nói chung, Vĩnh Linh nói riêng một luồng sinh khí mới; xóa đi những tủi nhục, đắng cay, uất hận dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, làm bùng lên niềm phấn khởi và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 02/9/1945, nhân dân Vĩnh Linh náo nức cùng cả nước hướng về Thủ đô Hà Nội để lắng nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếng nói của Bác Hồ âm vang và đánh thếp làm rung động trái tim của hàng triệu người dân Việt Nam yêu nước.

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phátxít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.3.

Phần thứ ba

**ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1945-1954)**

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (9/1945 - 3/1947)

I. Củng cố và bảo vệ chính quyền, xây dựng lực lượng cách mạng

Sau ngày khởi nghĩa thành công, toàn bộ chính quyền thuộc về tay nhân dân. Bộ máy chính quyền phản động cùng với ách kìm kẹp của chúng bị xóa bỏ hoàn toàn. Chính quyền cách mạng nhanh chóng đưa các hoạt động xã hội và mọi sinh hoạt của nhân dân trở lại bình thường. Phấn khởi trước những thành quả cách mạng vĩ đại vừa mới giành được, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh với truyền thống cách mạng vẻ vang của mình đã hăng hái, tích cực tham gia mọi hoạt động, quyết tâm bảo vệ và xây dựng thành công chế độ mới.

Tuy nhiên, giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền cách mạng trong buổi đầu trũng nước còn khó hơn nhiều. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ phải đối mặt với tình thế vô cùng khó khăn, phức tạp. Dựa vào nghị quyết

hội nghị Postdam, lấy tiếng là quân đồng minh vào tước khí giới phát xít Nhật, đế quốc Anh và Tưởng Giới Thạch vội vã đưa quân vào nước ta với âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập.

Tại miền Nam, quân Pháp được sự bảo trợ của phái bộ Anh bắt đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Tại miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng vượt biên giới vào nước ta theo kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Chưa bao giờ trên đất nước ta lại có nhiều kẻ thù hung bạo đến vậy.

Trên phạm vi cả nước, hậu quả do chính sách cai trị và vơ vét của thực dân Pháp và phát xít Nhật cộng với thiên tai, dịch bệnh triền miên đã làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói. Nền kinh tế bị kiệt quệ, sản xuất ngưng trệ và đình đốn, tài chính quốc gia trống rỗng. Di hại văn hóa nô dịch của gần một thế kỷ đô hộ của chủ nghĩa thực dân, phong kiến còn để lại những hậu quả hết sức nặng nề, trở thành một thử thách to lớn đối với chính quyền cách mạng.

Là huyện thuần nông, Vĩnh Linh vốn nghèo khó lại thường xuyên bị hạn hán và bão lụt đe dọa nên nạn đói đã trở thành một căn bệnh kinh niên. Đời sống nhân dân lao động càng khốn khó hơn do chính sách cai trị áp bức bóc lột tận xương tủy của bọn thực dân xâm lược, địa chủ phong kiến. Trong lòng xã hội, di hại về các tệ nạn, tập tục lạc hậu còn rất nặng nề, trên 95% nhân dân trong huyện bị mù chữ, dịch bệnh thường xuyên đe dọa. Thêm vào đó tình hình trị an cũng khá phức tạp. Địa chủ cường hào, phản động đội lốt tôn giáo, các đảng phái chính trị

của chế độ cũ để lại vẫn ngấm ngấm hoạt động, chờ thời cơ để nổi lên chống phá cách mạng.

Trong khi đó, chính quyền cách mạng vừa mới thành lập còn rất non yếu, chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý nhà nước, kinh tế và xã hội. Cán bộ chính quyền từ phủ đến các thôn, xã hầu hết là những bần nông, cố nông, trình độ văn hóa thấp, thậm chí có người còn chưa biết đọc, biết viết. Lực lượng vũ trang cách mạng còn quá non yếu cả về lực lượng, vũ khí và kinh nghiệm chiến đấu. Song, cũng như cả tỉnh, cả nước, Cách mạng Tháng Tám đã mang lại cho Vĩnh Linh thế và lực mới. Sau hơn 80 năm bị đô hộ, nhân dân ta giờ đây đã thực sự trở thành người làm chủ vận mệnh của mình. Khí thế cách mạng đã thổi bùng lên ngọn lửa nhiệt tình trong tất cả mọi người từ già, trẻ, gái, trai, tạo nên sức mạnh để vượt qua những khó khăn, trở ngại của buổi đầu. Tuy nhiên, khó khăn thử thách còn nhiều. Tình hình đó đặt ra cho Đảng bộ và chính quyền cách mạng ở Vĩnh Linh một loạt những vấn đề cấp bách, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là phải nhanh chóng xây dựng và củng cố thực lực, khắc phục những khó khăn chồng chất sau ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công.

Để triển khai những chủ trương của Tỉnh ủy và vận động nhân dân thực hiện những biện pháp cấp bách của Chính phủ Cách mạng lâm thời đề ra, tháng 10/1945, Hội nghị Phủ ủy Vĩnh Linh xác định những nội dung cần tập trung lãnh đạo ở địa phương. Đồng chí Đặng Thí - Bí thư Tỉnh ủy - đã trực tiếp ra chỉ đạo Hội nghị. Những nội dung chủ yếu được Hội nghị đề ra là: Phân công cán bộ

của Phủ ủy về các cơ sở để trực tiếp chỉ đạo củng cố chính quyền các thôn, xã, bầu ban mặt trận Việt Minh; phát động nhân dân tham gia bảo vệ thành quả cách mạng; tổ chức làm trong sạch địa bàn; giáo dục tại chỗ và bắt đi cải tạo tập trung những tên tay sai ngoan cố; tuyên truyền giáo dục trong nhân dân về các chủ trương, chính sách mới của Nhà nước cách mạng.

Cũng trong thời gian này, Phủ ủy đã triệu tập tất cả các đồng chí đảng viên trước tháng 8/1945 để học tập chính trị và củng cố lại các cấp ủy cơ sở, xác định những nhiệm vụ cần tập trung lãnh đạo trong thời gian trước mắt.

Đến tháng 10/1945, Ban Chấp hành Đảng bộ được bổ sung gồm 9 đồng chí, do đồng chí Hoàng Xuân làm Bí thư Phủ ủy, đồng chí Nguyễn Đức Thuởng được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, đồng chí Trần Văn Ngoạn làm Chủ nhiệm Việt Minh, đồng chí Ngô Sòa làm Chỉ huy trưởng quân sự.

Một nhiệm vụ cấp bách được đặt lên hàng đầu lúc này là khắc phục nạn đói và ổn định đời sống nhân dân. Phủ ủy và chính quyền các cấp đã tiến hành một loạt các biện pháp quan trọng như hủy bỏ và miễn giảm các loại thuế phi lý của bọn thực dân, phong kiến đặt ra. Tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp, tịch thu gian phản động và số ruộng vắng chủ để sung vào của công và tạm chia cho dân nghèo. Thành lập cơ quan cứu tế xã hội nhằm kịp thời giải quyết nạn thiếu đói trong nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của chính quyền cách mạng các cấp, phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm được quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ. Mọi nhà, mọi người tích

cực khai phá thêm đất đai, giúp nhau giống, vốn, trồng rau màu, đậu đỗ các loại. Chỉ trong một thời gian ngắn, từ cảnh xác xơ hoang tàn, màu xanh đã trở dậy từ khắp mọi thôn quê, nạn đói được khắc phục dần. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, noi theo gương sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, một tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo để cứu dân nghèo, đâu đâu cũng dấy lên phong trào nhường cơm sẻ áo, hũ gạo tiết kiệm, ngày đồng tâm để góp gạo giúp những gia đình, những vùng bị đói. Từ phong trào này, toàn huyện đã quyên góp được hàng tấn lúa gạo, hàng trăm gánh sắn khoai, hàng trăm đồng bạc Đông Dương giao cho chính quyền để cứu tế cho các địa phương đang gặp khó khăn.

Từ ngày 17 tháng 9 năm 1945, hưởng ứng “Tuần lễ vàng”, “Tuần lễ đồng”, “Công trái” do Chính phủ phát động để xây dựng “Quỹ độc lập”, nhân dân ở tất cả các thôn xóm, làng, xã đã nô nức hưởng ứng phong trào, đóng góp tiền của, vàng, bạc, đồ đồng để ủng hộ Chính phủ. Nhiều gia đình đã đưa cả mâm đồng, chậu thau đồng, bộ tam sự, ngũ sự ra đóng góp. Nhiều bà mẹ, nhiều chị em phụ nữ đã ủng hộ cả những tư trang và vật lưu niệm của mình như hoa tai, nhẫn, xuyên, dây chuyền vàng cho cách mạng. Là một địa phương nghèo, sự tích lũy trong nhân dân hết sức hạn chế, nhưng nhờ tổ chức phát động rầm rộ, tuyên truyền giáo dục rộng khắp nên chính quyền cách mạng từ cơ sở đến phủ đã tập hợp được một lượng của cải khá lớn, góp phần vào cuộc vận động chung của cả nước.

Thực hiện khẩu hiệu “Tiền tuyến diệt xâm lăng, hậu phương diệt giặc đói”, cuộc vận động cải cách văn hóa - xã

hội, xây dựng nếp sống mới cũng được coi trọng. Phong trào xóa nạn mù chữ, học tập văn hóa diễn ra khắp các địa phương, bằng nhiều hình thức. Các lớp bình dân học vụ được lập ra ở từng thôn, xóm, với phương châm người biết chữ dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít. Khắp các đường thôn, ngõ xóm đều có các khẩu hiệu khuyến khích mọi người đến lớp. Để khắc phục khó khăn về phương tiện học tập, nhân dân dùng cả vôi, than, sắn khô để làm phấn. Có nơi dùng cả mặt nong, nẻn, mẹt để viết khẩu hiệu, nhiều nơi dùng nhựa cây chai, đốt đuốc tre thay đèn dầu học tập. Ở nhiều địa phương, để bắt buộc mọi người phải học văn hóa, đã lập trạm để kiểm tra, ai trả lời đúng mới được đi qua đường, qua cổng chợ gọi là “cổng sáng, cổng mù”. Nhờ có biện pháp đúng trong giáo dục nên đã khơi dậy niềm tự tôn dân tộc, lại được tổ chức rộng rãi, sâu sát đối tượng nên phong trào “diệt giặc đói” đã diễn ra sôi nổi, liên tục trong một thời gian dài. Tỷ lệ người biết chữ, đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ tăng lên rõ rệt. Nhiều trường tiểu học được thành lập ở các xã để huy động con em đến học. Tuy bước đầu trường lớp còn rất tạm bợ và thiếu thốn nhưng đã thực sự mở ra một cuộc đời mới cho nhân dân ta.

Cùng với phong trào “diệt giặc đói”, chính quyền địa phương các cấp còn vận động nhân dân thực hiện đời sống văn hóa mới, bãi bỏ các tập tục lạc hậu, chống mê tín dị đoan, bói toán. Phong trào ăn chín uống sôi, dọn vệ sinh thôn, xóm, tạo vẻ phong quang cho đường thôn, ngõ xóm, nơi sinh hoạt cộng đồng cũng được chú ý.

Trong lúc đặt lên hàng đầu nhiệm vụ lãnh đạo kinh tế - xã hội, sớm đưa cuộc sống nhân dân ra khỏi tình trạng đói khổ và mù chữ, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc cũng được Đảng bộ coi trọng. Chính quyền cách mạng đã từng bước xây dựng và củng cố vững chắc từ phủ đến tận làng, xã.

Các hội: Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc được phát triển mạnh mẽ, thu hút rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia động viên mọi công dân phát huy tinh thần làm chủ đất nước, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ mới.

Ngày 06/01/1946, lần đầu tiên trong lịch sử, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Vĩnh Linh đã nô nức tham gia bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Đây cũng là lần đầu tiên nhân dân ta biết đến hai từ “Quốc hội”, thấm thía với ý nghĩa của tự do, dân chủ và quyền làm người của mình. Ở Vĩnh Linh lúc đó, ứng cử viên gồm ba đồng chí là: Đặng Thí, Trần Mạnh Quỳ, Lê Hiếu. Cuối tháng 2 năm 1946, nhân dân ta lại nô nức đi bỏ phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp. Chính quyền cách mạng đã động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình, hăng hái tham gia vào công cuộc bảo vệ và xây dựng quê hương. Chỉ một thời gian ngắn, chính quyền cách mạng đã tổ chức lãnh đạo nhân dân làm được nhiều việc lớn. Bước đầu khắc phục được nạn đói, nạn dốt, là một trong những thắng lợi quan

trọng, thể hiện rõ bản chất tốt đẹp của chế độ mới. Thắng lợi bước đầu đã trở thành nguồn động viên cổ vũ to lớn, tạo thêm niềm tin, sức mạnh cho toàn Đảng, toàn dân hăng hái vững bước đi lên.

Ngày 23/9/1945, được thực dân Anh giúp sức, thực dân Pháp gây hấn, nổ súng trở lại xâm lược Nam Bộ. Giữ vững “lời thề độc lập”, nhân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên cầm chắc vũ khí, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng vừa mới giành được. Máu chảy ruột mềm, đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước dốc sức chi viện cho miền Nam đánh giặc. Sục sôi lòng căm thù, hàng vạn nhân dân trong toàn huyện đã tổ chức cuộc mít tinh lớn tại Trạng Cù (Vĩnh Nam) bày tỏ lòng quyết tâm cùng Trung ương Đảng, Bác Hồ quyết giữ vững nền tự do, độc lập. Hưởng ứng phong trào “Nam tiến”, hàng trăm thanh niên Vĩnh Linh đã hăng hái xung phong vào Nam giết giặc. Mặt trận Việt Minh đã phát động phong trào quần chúng ủng hộ đồng bào miền Nam. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân, phụ lão tích cực quyên góp tiền bạc, thuốc men, chăn màn, quần áo cho người đi chiến đấu. Phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến vừa là tình cảm, vừa là trách nhiệm, đồng thời biểu thị ý chí, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh, bừng bừng hào khí chống thực dân Pháp xâm lược, kiên quyết bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc.

Bước sang năm 1946, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện dần dần trở nên phức tạp trước sự xuất hiện và phá hoại của nhiều loại kẻ thù. Với danh nghĩa là quân đội đồng minh vào tước khí giới của quân

đội Nhật, 20 vạn quân Tưởng đã lũ lượt kéo vào nước ta. Chúng đóng quân khắp nơi từ vĩ tuyến 16 trở ra. Quân Tưởng dùng bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách với dã tâm của chúng là Tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh giúp bọn phản động đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng. Quân Tưởng theo quốc lộ 1 tràn qua Vĩnh Linh. Chúng đóng quân ở Hồ Xá, Cửa Tùng và một vài nơi khác, ngang nhiên lộng hành, cướp giết các chợ, đánh đập nhân dân. Chúng kích động, thúc đẩy làm chỗ dựa cho bọn Quốc dân đảng nổi dậy chống phá lại chính quyền cách mạng. Một số tên cầm đầu bọn Quốc dân đảng ở tỉnh Quảng Trị ra Vĩnh Linh liên kết với bọn cầm đầu trong Liên đoàn công giáo phản động để bàn mưu tính kế chống phá. Chúng tổ chức họp tại nhà tên Cửu Trang, thôn Đôn Duệ. Ta đã phát hiện, trực tiếp đấu tranh giải tán và tịch thu tài liệu, dao, kiếm dùng để phổ biến và tuyên thệ. Tuy chính quyền đã nghiêm khắc cảnh cáo, nhưng chúng vẫn ngoan cố, vừa công khai vừa ngấm ngầm hoạt động móc nối, lôi kéo để chống phá. Một số tên linh mục và tu sĩ phản động ở dòng Phước Sơn, các nhà thờ An Ninh, Di Loan... còn trắng trợn cầm giáo dân tham gia vào các đoàn thể của Việt Minh, cấm thanh niên Thiên Chúa giáo tham gia vào các tổ chức Vệ quốc đoàn và tự vệ. Chúng lập ra tổ chức Thanh niên Công giáo chống Cộng và nhiều hội đoàn thể biến tướng, dùng giáo lý để khống chế giáo dân, thực hiện mưu đồ biến giáo dân thành lực lượng chống lại cách mạng. Chúng còn tổ chức bắt cóc cán bộ ta đi công tác vào vùng Công giáo.

Tháng 3/1946, Hội nghị Tỉnh ủy do đồng chí Đặng Thỉ chủ trì đã tập trung kiểm điểm đánh giá tình hình trong tỉnh từ sau ngày khởi nghĩa và đề ra những nhiệm vụ trong thời gian sắp tới. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Vĩnh Linh đã tổ chức Hội nghị mở rộng, xác định nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân trong huyện cần tập trung lúc này là: đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất, học tập văn hóa, củng cố chính quyền cách mạng và các đoàn thể nhân dân thì phong trào luyện tập quân sự, tòng quân, sẵn sàng chiến đấu phải được coi trọng. Thanh niên nam nữ phải là lực lượng xung kích của phong trào. Hàng ngàn nam, nữ thanh niên đã tình nguyện ghi tên tham gia vào các tổ chức tự vệ chiến đấu, du kích và gia nhập vệ quốc đoàn. Phong trào tự mua sắm, chế tạo vũ khí được đẩy mạnh. Việc tổ chức tập luyện quân sự được tiến hành rầm rộ.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, các huyện bổ chức ủy viên quân sự trong Ủy ban hành chính để tổ chức thành Huyện đội, trực tiếp xây dựng và lãnh đạo lực lượng vũ trang địa phương. Công tác dân quân tự vệ lúc này được Đảng bộ và chính quyền đặc biệt coi trọng. Đồng chí Hoàng Mộng Huống được cử giữ chức Trưởng ban Tự vệ của huyện. Cuối năm 1946, khi ở huyện chưa hình thành tổ chức an ninh, Ty Công an tỉnh đã chọn những đồng chí cán bộ có năng lực về làm đặc phái viên ở các huyện. Đồng chí Phạm Văn Bia được cử phụ trách ở Vĩnh Linh. Sau đó một thời gian, Quận Công an Vĩnh Linh được thành lập do đồng chí Nguyễn Cương phụ trách. Lực lượng dân quân kết hợp với lực lượng trinh sát công an,

cảnh vệ có nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ cơ quan đảng, chính quyền ở các địa phương.

Việc huấn luyện quân sự cho bộ đội và dân quân tự vệ được tỉnh và các huyện hết sức coi trọng. Ở tỉnh đã thành lập trường quân sự đóng tại Nhan Biều (Triệu Phong) có nhiệm vụ huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật và các bài quân sự cơ bản cho đơn vị bộ đội tập trung của tỉnh và cán bộ quân sự các huyện. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, từ những người nông dân quen cầm cày, cầm cuốc, các học viên đã biết sử dụng một số vũ khí thông thường và tổ chức chỉ huy đánh địch. Đây là lớp cán bộ và chiến sĩ đầu tiên của lực lượng vũ trang của huyện và các cơ sở, sau này đã trở thành lực lượng nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc trong 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Tại các lớp huấn luyện, học viên còn được nghe các đồng chí lãnh đạo huyện trực tiếp truyền đạt một số bài chính trị cơ bản nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về ý thức giai cấp, về Đảng và phát động lòng căm thù đế quốc, thực dân xâm lược. Từ các lớp huấn luyện, lực lượng nòng cốt tỏa về các địa phương chỉ đạo phong trào. Nhờ đó, phong trào quân sự hóa toàn dân được mọi người tham gia sôi nổi. Một trong những vấn đề được hết sức quan tâm trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang lúc này là việc tự trang bị và mua sắm, rèn đúc vũ khí. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, huyện đã phát động phong trào tự trang bị vũ khí bằng nhiều nguồn. Từ phong trào “cướp súng giặc giết giặc”, đến phong trào thu góp vũ khí và lạc quyền tiền bạc để mua sắm súng đạn, cung cấp

cho lực lượng vũ trang đã được nhân rộng trong các địa phương. Ở huyện đã chủ trương hình thành các xưởng để tự chế tạo vũ khí như rèn kiếm, đại đao, lựu đạn, trái nổ để cung cấp cho các đội tự vệ.

Nhờ bám sát sự lãnh đạo của cấp trên, có chủ trương kịp thời, biết phát động tuyên truyền tinh thần yêu nước, căm thù giặc trong các tầng lớp nhân dân nên chỉ sau một thời gian ngắn, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã chuyển được tinh thần chuẩn bị kháng chiến vào trong nhân dân. Tuy còn nhiều thiếu thốn, bỡ ngỡ bước đầu nhưng việc tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được chuẩn bị chu đáo và tích cực. Thực lực cách mạng được tăng lên rõ rệt. Toàn quân, toàn dân trong huyện nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, hành động phá hoại của kẻ thù.

Trong tình hình đất nước cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, để có thêm thời gian và điều kiện chuẩn bị lực lượng đối phó với thực dân Pháp và loại bỏ những kẻ thù nguy hiểm khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946. Ngày 09/3/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị hòa để tiến. Chỉ thị nêu rõ hòa với Pháp là nhằm “Bảo toàn thực lực, dành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào... chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.49.

Tháng 6/1946, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị tiến hành thảo luận Chỉ thị hòa để tiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Thực hiện chỉ thị của Đại hội, ở Vĩnh Linh, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện đã chủ trương thành lập Ủy ban phòng thủ của huyện, chuyên lo việc tổ chức xây dựng dân quân tự vệ và bố phòng kháng chiến. Huyện đã thành lập đơn vị tập trung chiến đấu đầu tiên. Ở các xã đều thành lập một đơn vị dân quân tự vệ trực chiến.

Nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946, ta đã tranh thủ thời gian hòa hoãn để củng cố, chuẩn bị lực lượng vũ trang, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Nhưng, thực dân Pháp với bản chất ngoan cố, hiếu chiến và xâm lược vẫn cố tình phá hoại Hiệp định. Ở phía tây Quảng Trị, chúng đem quân áp sát biên giới và tăng cường lực lượng chốt giữ những vị trí quan trọng ở hai bên trục đường số 9. Ở phía đông, chúng cho tàu thủy, ca nô xâm nhập một số cửa sông để thăm dò, quấy rối và khiêu khích. Trong nội địa, gián điệp, tay sai của Pháp tăng cường hoạt động nhằm đẩy mạnh việc chống phá ta. Chúng tuyên truyền xuyên tạc Hiệp định sơ bộ, gây chia rẽ giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân. Chúng phá hoại về kinh tế, tài chính, làm cho tình hình trật tự trị an mất ổn định. Trên mặt trận ngoại giao, thực dân Pháp cố tình phá hoại Hội nghị Fontainebleau, làm cho hội nghị đi đến bế tắc. Thực dân Pháp ngày càng lộ rõ bản chất xâm lược, trắng trợn vi phạm các điều khoản của Hiệp định, tiếp tục mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Quân đội Pháp lần chiếm nhiều nơi ở miền Bắc, tăng cường khiêu khích ở Hà

Nội, đổ quân trái phép lên Đà Nẵng, điều quân ở Lào tăng cường cho các vị trí của chúng ở miền tây các tỉnh Khu 4, đặc biệt là vùng đường 9 - Quảng Trị.

Ngày 19/10/1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng họp dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường Chinh, đã nhận định: “nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”¹. Đồng thời Hội nghị cũng đã quyết định những biện pháp khẩn cấp chuẩn bị kháng chiến.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương, tháng 12/1946, tỉnh Quảng Trị tổ chức Hội nghị quân, dân, chính, đảng bàn kế hoạch chuẩn bị kháng chiến. Hội nghị đã quyết định:

- Giải thể Ủy ban hành chính các cấp, lập Ủy ban kháng chiến hành chính từ xã đến tỉnh.
- Gấp rút xây dựng chiến khu cách mạng làm căn cứ địa cho cuộc kháng chiến lâu dài.
- Tăng cường củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang, mua sắm, rèn đúc các loại vũ khí trang bị cho dân quân tự vệ và bộ đội địa phương.
- Thực hiện quân sự hóa toàn dân; tăng cường phòng thủ ở tuyến biển và tuyến biên giới.
- Làm trong sạch địa bàn, trừng trị bọn phản cách mạng, việt gian làm tay sai cho giặc.
- Thực hiện tiêu thổ kháng chiến.

Ở Vĩnh Linh, các chủ trương của Hội nghị quân, dân, chính, đảng ở tỉnh đã được gấp rút triển khai. Huyện ủy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.8, tr.133.

đã cử cán bộ đảng, cán bộ các đoàn thể và đồng chí phụ trách công tác quân sự tăng cường về các xã để chỉ đạo các bước chuẩn bị. Chính quyền các cấp đã được củng cố và tăng cường. Bổ sung, bố trí thêm đảng viên vào các chức vụ quan trọng như quân sự, công an, giao thông, xây dựng cơ sở vững chắc khi xảy ra chiến sự. Tuyệt đối không để mất liên lạc giữa huyện và xã, giữa huyện với tỉnh. Việc củng cố, xây dựng các đơn vị tự vệ chiến đấu ở các xã được tăng cường. Phong trào học tập quân sự được mọi tầng lớp nhân dân tham gia sôi nổi. Nhiều chị em cắt tóc ngắn, đội mũ ca nô, mặc quần soóc, được trang bị súng trường, giáo mác, đại đao hoặc gậy tre hăng hái luyện tập quân sự.

Bên cạnh công tác tổ chức lực lượng, huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ, việc nâng cao chất lượng chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang được chú trọng. Huyện ủy giao cho các cấp ủy địa phương trực tiếp lãnh đạo tổ chức, xây dựng, quản lý dân quân tự vệ của cấp mình. Đồng thời nhấn mạnh các chi ủy và đảng viên phải thực sự làm lực lượng nòng cốt của các đội vũ trang ấy. Công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân, chuẩn bị tinh thần bước vào cuộc kháng chiến được quan tâm. Để tố cáo âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, biểu thị lòng quyết tâm và sự ủng hộ đối với đồng bào Nam Bộ kháng chiến, mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng đã tổ chức nhiều buổi mít tinh, tuần hành với hàng nghìn lượt người tham gia. Nhiều xã còn tổ chức họp dân để phổ biến tình hình, nhiệm vụ mới và phổ biến những công việc cần thực hiện trước mắt. Nhờ vậy, chỉ một thời gian ngắn sống trong chế độ mới

nhưng ý thức công dân của quần chúng nhân dân được giác ngộ và thể hiện rất cao. Khí thế cách mạng được đẩy lên thành một cao trào mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn huyện. Đối với một số thân hào, nhân sĩ, sĩ quan, quan lại cũ, cấp ủy và chính quyền cách mạng các địa phương đã bố trí theo dõi và bằng nhiều hình thức gặp gỡ, tác động từng người để giáo dục, giác ngộ, phân hóa, chọn một số tích cực tham gia vào một số công việc của cách mạng như giúp về huấn luyện quân sự, tham gia vào một số công việc của chính quyền, của mặt trận. Trong số này, có nhiều người đã thành tâm hối cải, tích cực tham gia công tác cách mạng và sau này đã trở thành cán bộ cốt cán ở các địa phương.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, từ cuối năm 1946, huyện đã tổ chức bắt một số tên tay sai, địa chủ phản động, có nợ máu với nhân dân đưa ra tập trung cải tạo ở Thanh Hóa, Nghệ An. Số còn lại ta bố trí theo dõi và giáo dục tại chỗ bằng cách quản thúc tại các địa phương. Gần đến ngày địch đánh ra Quảng Trị, tình hình nội an càng phức tạp. Địa chủ cường hào, việt gian, liên đoàn Công giáo phản động trỗi dậy, hoạt động gắt gao hơn trước. Chúng tìm cách móc nối gây dựng tổ chức, tuyên truyền nói xấu cách mạng, lung lạc tinh thần của quần chúng. Trước tình hình ấy, chính quyền cách mạng và lực lượng an ninh, tự vệ của ta đã áp dụng những biện pháp kiên quyết nhằm làm trong sạch địa bàn.

Để chuẩn bị kháng chiến, công tác tiêu thổ kháng chiến là một trong những nhiệm vụ được tập trung nhiều công sức và thời gian nhất trong lúc này. Ủy ban kháng

chiến hành chính các cấp một mặt tuyên truyền, giải thích cho nhân dân biết mục đích, ý nghĩa của nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến; mặt khác tổ chức huy động nhân dân dựa vào các đội tự vệ vũ trang, lực lượng thanh niên làm nòng cốt để thực hiện tiêu thổ. Mặc dù đang là thời vụ sản xuất Đông - Xuân, ban ngày nhân dân phải ra đồng sản xuất nhưng ban đêm, hàng trăm thanh niên, tự vệ dưới sự hướng dẫn của cán bộ cách mạng đã nô nức kéo đi phá hoại những cơ sở vật chất của Pháp để lại và cả những ngôi nhà khang trang mà suốt một đời dành dụm mới làm nên, quyết không để cho giặc Pháp sử dụng đánh lại dân mình. Vì vậy, trong mấy ngày này, nhờ huy động lực lượng đông nên ta đã phá tan thành phủ lý, các hotel ở Cửa Tùng, nhà ga Sa Lung, Tiên An. Cả Vĩnh Linh lúc đó không một nhà ngói, nhà xây nào còn nguyên vẹn. Song song với việc phá nhà cửa, nhân dân ta đã tiến hành phá hủy cầu, đường nhằm ngăn chặn bước tiến quân của giặc. Đoạn đường sắt từ Vĩnh Thủy vào Vĩnh Sơn, đoạn đường số I từ Hồ Xá đi Cao Xá bị đào bới và phá nát. Một số cầu, cống lớn trên các quốc lộ, tỉnh lộ từ cầu Sa Lung, Tiên An, đường đi Cửa Tùng... cũng bị phá sập. Các phương tiện địch có thể lợi dụng khi hành binh cũng bị ta triệt phá.

Thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống” quyết tâm làm cho kẻ thù phải sa vào tình thế khó khăn khi đặt chân đến Vĩnh Linh, nhân dân ta đã tiến hành thu giấu, chôn cất lúa gạo, hoa màu và các đồ dùng cần thiết. Cùng với việc phá hoại, cất giấu lương thực, của cải, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện đã tập trung sức người, sức của, xây dựng các công trình phòng thủ, chiến đấu. Giao thông

hào, hầm hố được đào đắp ở mọi nơi, chạy dọc ngang qua các thôn, xóm để phòng chống phi pháo và cơ động khi chiến đấu. Cũng trong thời gian này, Tỉnh đội Quảng Trị còn chỉ đạo lực lượng vũ trang Vĩnh Linh và nhân dân đóng góp vật liệu làm cầu dã chiến bắc qua sông Tiên Lai, Quảng Xá, Châu Thị để chuẩn bị đường rút lui về phía sau khi thực dân Pháp tấn công từ Đông Hà ra. Lực lượng thanh niên trai trẻ được huy động tối đa vào việc xây dựng các công trình phòng thủ và tiêu thổ kháng chiến.

II. XÂY DỰNG CHIẾN KHU THỦY BA LÀM CĂN CỨ ĐỊA, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

Sau Hội nghị quân, dân, chính, đảng của tỉnh (tháng 12/1946), Huyện ủy Vĩnh Linh tổ chức Hội nghị quán triệt các chủ trương của tỉnh để xác định những nhiệm vụ cần tập trung lãnh đạo chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Một trong những chủ trương quan trọng là gấp rút thành lập vùng chiến khu cách mạng làm căn cứ địa cho cuộc kháng chiến lâu dài. Sau khi bàn bạc và thống nhất, Huyện ủy đã quyết định chọn Thủy Ba và vùng phụ cận để xây dựng thành chiến khu cách mạng của Vĩnh Linh.

Thủy Ba được chọn làm địa bàn để xây dựng chiến khu bởi đây là vùng có nhiều lợi thế rất cơ bản, thể hiện tầm nhìn chiến lược sáng suốt, nhanh nhạy và đúng đắn của Huyện ủy.

Thủy Ba là một vùng bán sơn địa nằm ở phía tây xã Vĩnh Thủy, tuy khá gần vùng đồng bằng nhưng địa hình tương đối hiểm trở, đường sá đi lại khó khăn, kể cả đường

bộ lẫn đường thủy. Phía tây là miền rừng rậm với những đồi núi cao hiểm trở, tạo thành bức tường thành án ngữ vững chắc; hai phía đông, nam bao bọc bởi những con sông như Bến Hải, Sa Lung, Hối Cự, tuy không rộng nhưng rất trắc trở bởi dòng chảy xiết, lắm thác ghềnh. Địa hình này bảo đảm các điều kiện để xây dựng một căn cứ kháng chiến phù hợp với chiến tranh du kích của ta nhưng lại gây khó khăn cho địch khi chúng tấn công. Điều kiện đất đai, thổ nhưỡng ở vùng Thủy Ba lại khá màu mỡ, tươi tốt và rộng rãi. Rừng có nhiều lâm sản, bao quanh các phía đều có làng, bản của người dân... Thủy Ba hội tụ đủ điều kiện để khi hình thành, lực lượng sinh sống tại chiến khu sẽ tự sản xuất được lương thực, thực phẩm, tự cung, tự cấp các nhu yếu phẩm để phục vụ lực lượng kháng chiến trong điều kiện bị bao vây, chia cắt với bên ngoài; thậm chí còn đủ khả năng để cung cấp lương thực thực phẩm cho các xã vùng đồng bằng, vùng địch hậu.

Đối với việc đi lại, từ các xã đồng bằng ở phía đông muốn lên Thủy Ba phải vượt qua sông Sa Lung, sông Hồ Xá và phải đi qua đồi 74 (Linh Sơn) - một ngọn núi thấp nhưng như một bức tường thành nằm án ngữ giữa vùng đồng bằng, khá lợi hại về mặt quân sự. Nếu đi từ phía nam ra cũng phải vượt qua sông Bến Hải, Hối Cự và một vùng rừng núi hoang sơ, khá trắc trở về đường sá, từ phía tây xuống chiến khu lại càng khó khăn, vì phải qua một vùng rừng núi rất hiểm trở. Ngược lại, từ Thủy Ba có thể liên lạc bằng đường rừng vào Gio Linh, Cam Lộ, lên vùng phía tây Hướng Hóa và vào chiến khu Ba Lòng của tỉnh thông qua các con đường độc đạo, hoặc đi ra phía bắc nối

liên với chiến khu Ba Rền của Quảng Bình. Chiến khu được xây dựng lúc đầu bao gồm một vùng rộng lớn ở Thủy Ba, sau mở rộng thêm cả miền Rào Trường ra đến vùng Khe Xanh (Bắc Ngạn). Dưới sự chỉ đạo quyết liệt và khẩn trương của Huyện ủy, chỉ trong một thời gian ngắn đầu năm 1947, hệ thống cơ quan, nhà cửa, lán trại, hầm, giao thông hào và đường sá liên lạc đi lại khép kín giữa các cơ quan đóng tại vùng chiến khu được cơ bản hình thành. Huyện ủy phân công đồng chí Tạ Cầu, đảng viên thế hệ những năm 1930, làm Bí thư Chi bộ của chiến khu, cùng nhiều cán bộ quan trọng nắm giữ các vị trí chủ chốt về chính quyền và quân sự.

Chiến khu Thủy Ba trở thành chỗ dựa đáng tin cậy về mặt tinh thần của quân và dân Vĩnh Linh; đó còn là hình ảnh thu nhỏ về một chế độ mới: chế độ dân chủ nhân dân. Hình thức tổ chức bộ máy ở chiến khu Thủy Ba tương đối hoàn chỉnh, gần giống như một chính quyền của một nhà nước kháng chiến, với đầy đủ bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, quân đội, giáo dục, y tế, mặt trận và các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông dân, thiếu niên, nhi đồng và nhiều hội, đoàn thể khác tập hợp xung quanh. Cơ cấu kinh tế có đủ các ngành như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp. Ở chiến khu, tuy nhà cửa đều làm bằng tranh, tre và gỗ nhưng khá khang trang. Cùng với hệ thống nhà cửa, hầm hào, các cơ quan, đơn vị kháng chiến đóng ở chiến khu đều tận dụng đất đai khai hoang để tăng gia sản xuất. Các khe ruộng choi đến các dãy đất đồi bãi đều được trồng lúa, khoai, sắn, đỗ (đậu) các loại. Cả một vùng đồi núi hoang

vu ở Phước Ngu, Quán Đông, Trọc Léc, Choi Á, Choi Mít... đã trở thành những nương rẫy xanh mướt hoa màu, làm bật dậy một sức sống mới của tinh thần kháng chiến. Chợ chiến khu Thủy Ba tuy đơn sơ, nhỏ gọn nhưng đã được hình thành để lưu thông, trao đổi hàng hóa phục vụ dân sinh ngay trong lòng chiến khu. Cũng trong thời điểm này, Huyện ủy chủ trương thành lập ban “di - tản - tăng” (di cư - tản cư - tăng gia sản xuất). Các trại “di - tản - tăng” của các xã đồng bằng cũng chuyển lên vùng chiến khu ở các địa bàn như Ngu Lăn, Quảng Xá, Trạng Mít, Chòi Mụ Chôn, Rào Trường... Chỉ trong mấy tháng, tính từ đầu năm đến cuối mùa hè năm 1947, chiến khu Thủy Ba đã được xây dựng khá hoàn chỉnh. Ngoài vị trí đứng chân của các cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến của huyện và vị trí tập kết của lực lượng vũ trang, Thủy Ba còn là một cơ sở kinh tế chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Các doanh trại bộ đội, các cơ quan của Đảng, chính quyền, các đoàn thể được củng cố, vừa có nhà cửa, lán trại vừa xây dựng hầm hào công sự chiến đấu để đề phòng máy bay oanh tạc và địch càn quét.

Ngoài việc tập trung xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng cơ sở vật chất và phát triển kinh tế, giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống của cán bộ, bộ đội và nhân dân phục vụ cuộc kháng chiến lâu dài; các mặt về văn hóa, xã hội cũng rất được chú trọng. Phong trào bình dân học vụ ở chiến khu được phát triển rộng khắp. Tại đây đã xây dựng một bệnh viện phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân, nhất là các bệnh phổ biến như sốt rét, bệnh ngoài da do điều kiện sống ở vùng

rừng núi ẩm thấp. Các buổi biểu diễn văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể thao thường xuyên được tổ chức ở các thôn, xóm đã tạo nên một đời sống tinh thần lạc quan, sinh động, khí thế thi đua hướng về một cuộc sống mới dâng cao trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân chiến khu.

Đầu năm 1948, Liên khu và Tỉnh ủy chỉ thị cho các địa phương tiến hành củng cố, xây dựng vững chắc chiến khu trên địa bàn tỉnh, nhất là vấn đề bảo đảm an ninh. Thực hiện chủ trương, Công an huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện việc tổ chức lực lượng bảo vệ các cơ quan đầu não, bảo vệ chiến khu của huyện. Tháng 9/1948, Công an huyện đã bắt được tên Lê Cựơc, là cộng tác viên chi an ninh nguy, được tung vào vùng chiến khu để phá hoại ta. Trên các con đường dẫn vào Thủy Ba có đồn công an trật tự để kiểm soát sự đi lại, đồng thời bảo vệ đường giao thông liên lạc lên tỉnh, vào Ba Lòng và đi qua các địa phương lân cận, như lên Hướng Hóa, vào Cam Lộ, Gio Linh, ra Lệ Thủy (Quảng Bình); nhờ đó bảo vệ an toàn cho các đoàn cán bộ công tác của liên khu, lãnh đạo Trung ương và của tỉnh đi qua và ở lại chiến khu, như các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu, Trần Hữu Dực... Đồng chí Sơn Ngọc Minh, lãnh đạo cao cấp của Chính phủ kháng chiến Campuchia trên đường công tác cũng dừng chân tại Thủy Ba một thời gian. Ở chiến khu, ta còn xây dựng trại giam bọn tù binh Âu Phi, bọn việt gian; có xưởng chế tạo vũ khí đặt tại Rào Trường cung cấp vũ khí cho các xã, các đơn vị vũ trang trong toàn huyện.

Với quyết tâm nhỏ “cái gai nhọn” Thủy Ba, thực dân Pháp nhiều lần mở các cuộc càn quét với quy mô lớn đánh vào vùng chiến khu bằng nhiều lực lượng, nhiều phương tiện. Chúng tung gián điệp vào vùng chiến khu để dò la nắm tình hình chuẩn bị cho các cuộc càn quét. Thực hiện âm mưu “phá hoại kinh tế, phá hoại cơ sở quần chúng của đối phương”, thực dân Pháp tập trung lực lượng ở các đồn Mỹ Tá, Cổ Hiền tổ chức càn quét vào chiến khu, tập trung vào ba thôn Thủy Ba Đông, Thủy Ba Tây, Thủy Ba Hạ và các địa bàn phụ cận, là những cửa ngõ dẫn vào chiến khu. Chúng đốt sạch nhà cửa của đồng bào, giết hại hàng chục người. Đáp trả, lực lượng kháng chiến ở chiến khu phối hợp với lực lượng các địa bàn lân cận tổ chức đánh trả, chống càn khá hiệu quả. Cũng trong thời gian này, bọn địch từ vị trí Hồ Xá có gián điệp dẫn đường bí mật tập kích vào vùng Khe Đen, Bến Trạng, Bàu Dồi. Đây là những địa bàn trọng yếu nằm sát chiến khu Thủy Ba. Nhưng tất cả những trận phục kích và càn quét của địch đều bị quân và dân ta ở vùng chiến khu đánh bật trở lại. Tại đây, đã diễn ra nhiều cuộc đọ sức quyết liệt giữa lực lượng vũ trang kháng chiến của Vĩnh Linh với thực dân Pháp và tay sai, ta đã tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, bảo vệ vững chắc vùng chiến khu cách mạng. Tiêu biểu như trận đánh từ ngày 02/4/1947 đến ngày 06/4/1947, lực lượng vũ trang chiến khu phối hợp với dân quân xã Vĩnh Thủy đánh tan một đại đội quân Pháp, diệt 10 tên, làm bị thương hàng chục tên khác, buộc chúng phải bỏ đồn tháo chạy. Ngày 08/6/1947, lực lượng phối hợp của ta đánh đồn Cao Xá, gây cho địch nhiều tổn thất.

Ngày 16/7/1947, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn đánh thọc sâu vào chiến khu. Áp dụng lối đánh du kích, lực lượng vũ trang chiến khu phối hợp với các tiểu đoàn 13, 14 (Trung đoàn 35) tổ chức phục kích và đánh phủ đầu địch ở các đoạn đường quan trọng mà địch hành quân, buộc chúng phải co cụm về Choi Ốm (Thủy Ba Tây). Đây cũng chính là ổ phục kích trọng điểm của lực lượng ta, bởi vậy, khi địch vừa co cụm, ta đồng loạt nổ súng, giạt mìn, ném lựu đạn làm 10 tên địch bỏ mạng, trong đó có 1 tên sĩ quan Pháp; số còn lại hốt hoảng bỏ chạy. Ngoài ra, trong suốt thời gian tồn tại, tại chiến khu Thủy Ba, các lực lượng vũ trang của ta đã bẻ gãy hàng chục cuộc càn quét khác của thực dân Pháp, tay sai và bọn thuộc Liên đoàn Công giáo, giáo dân phản động ở Phước Sơn, Di Loan, An Ninh cùng phối hợp; vì vậy chiến khu được bảo vệ an toàn.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Quảng Trị, được sự phân công của Tỉnh ủy, chiến khu Thủy Ba cùng xã Vĩnh Hoàng đã đón nhận và bảo vệ một lực lượng lớn các cơ quan lãnh đạo, các ngành của Trung Bộ và của tỉnh cùng các phương tiện, cơ sở hậu cần sơ tán ra. Lực lượng công an, quân sự cùng nhân dân chiến khu đã vận chuyển, cất giấu và bảo vệ lực lượng sơ tán của tỉnh chu đáo, an toàn tuyệt đối. Ty Công an tỉnh chuyển ra đóng tại Thủy Ba Hạ và vùng Cổ Kiềng. Lúc này, một bộ phận lực lượng an ninh tỉnh được phân công vận chuyển 7.000.000 đồng bạc tài chính và nhiều lương thực, nhu yếu phẩm ra cất giấu ở vùng Cổ Kiềng an toàn. Một trăm phạm nhân do Công an tỉnh chuyển ra cũng được quản lý tốt ở trại giam chiến khu.

Ngoài việc phải đối đầu với lực lượng quân Pháp, một trong những vấn nạn khủng khiếp, gieo rắc nỗi sợ hãi ở chiến khu Thủy Ba giai đoạn này chính là nạn cọp dữ hoành hành. Do phải sống trong điều kiện rừng núi, phân tán thành từng bộ phận nhỏ lẻ, đường rừng hẻo lánh; cọp đã làm chết và ăn thịt nhiều đồng bào, cán bộ, trong đó đau đớn nhất là trường hợp đồng chí Tạ Cầu, Bí thư Chi bộ chiến khu Thủy Ba. Nhiều đoàn cán bộ của tỉnh, Trung ương khi đi qua Thủy Ba cũng bị cọp đe dọa, một số người mất mạng, bị trọng thương... Trong thời gian này, tính chung từ chiến khu Thủy Ba đến vùng rừng núi giáp giới Lệ Thủy - Quảng Bình, cọp dữ đã làm chết 120 người, trong đó có nhiều cán bộ, bộ đội.

Vượt qua mọi khó khăn, gian khổ và cả những hy sinh, mất mát lớn lao, chiến khu Thủy Ba trở thành một mắt xích trọng yếu của chiến khu Quảng Trị nói riêng, của cả vùng miền Trung nói chung; đóng vai trò quan trọng trong tuyến giao thông Bắc - Nam; vừa là hậu phương lớn, vừa là bàn đạp để tiến công địch; là sự thể hiện sáng tạo hình thái chiến tranh nhân dân của quân và dân ta. Bằng ưu thế về địa hình, tinh thần chiến đấu gan dạ, dũng cảm và sự thông minh, linh hoạt trong chống càn, chống phá hoại; quân và dân chiến khu Thủy Ba đã lần lượt đánh bại các cuộc tấn công của quân Pháp, làm thất bại mọi âm mưu đen tối của địch, bảo toàn lực lượng kháng chiến. Chiến khu Thủy Ba tồn tại vững chắc, là trung tâm đầu não kháng chiến của huyện Vĩnh Linh trong suốt 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chương V

ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “ĐÁNH NHANH THẮNG NHANH” CỦA THỰC DÂN PHÁP (1947-1949)

I. THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH CHIẾM QUẢNG TRỊ. NHỮNG KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH BƯỚC ĐẦU

Ngày 19/12/1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Ngày 20/12/1946, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh:
“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt

Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để gìn giữ đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta”¹.

Lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lập tức được truyền đến tận từng làng, xã, xóm, thôn làm rung động con tim hàng triệu người. Cả huyện dấy lên một khí thế sục sôi, căm giận, ai cũng muốn ra tiền tuyến để đánh giặc. Những cuộc tiến đưa người thân, chồng con, anh em lên đường đi chiến đấu diễn ra rất xúc động. Những người ở lại càng sát cánh bên nhau góp sức xây dựng làng, xóm, đội tự vệ ngày thêm vững mạnh. Trên các đường thôn, ngõ xóm, trên các bãi tập quân sự vang lên những bài ca hùng tráng: “Tiếng súng vang sông núi miền Nam, âm đất nước Việt Nam”, “Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi”...

Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực hiện các phương án đã được chuẩn bị từ trước, chuẩn bị chiến đấu, phòng tránh, phương án bảo vệ an toàn cho các cơ quan đảng, chính quyền; tăng cường các đội giao thông

liên lạc, bảo đảm nhiệm vụ chỉ huy, chỉ đạo thống nhất, thông suốt.

Ngày 10/01/1947, hơn 500 tên lính Pháp vượt biên giới Việt - Lào đánh vào Quảng Trị.

Ngày 12/01/1947, quân Pháp đánh chiếm Khe Sanh.

Ngày 13/02/1947, quân Pháp đánh chiếm Cam Lộ.

Ngày 17/02/1947, quân Pháp đánh chiếm Đông Hà.

Sau hơn một tháng dừng chân ở Đông Hà để củng cố, bổ sung lực lượng, ngày 27/3/1947, thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn hải quân, lục quân, không quân mở đợt tiến công ồ ạt đánh chiếm hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng.

Ngày 30/3/1947, quân Pháp đánh ra Vĩnh Linh bằng hai hướng dưới sự yểm trợ của 4 chiếc máy bay đội bom, 2 tàu chiến và hàng chục xe thiết giáp, xe cơ giới bắn phá dọn đường. Một cánh quân bám theo đường sắt, tràn qua sông Bến Hải ở cầu Tiên An. Từ Tiên An, chúng tràn qua bến đò Phúc Lâm để đánh chiếm phủ Vĩnh Linh. Một cánh quân khác theo quốc lộ 1 vượt cầu Hiền Lương bằng phà dã chiến.

Ở hướng biển, chúng dùng tàu chiến nã pháo vào các xã ven biển để yểm trợ cho hai hướng trên và nhằm phân tán lực lượng của ta. Dọc đường tiến quân, ở đâu địch cũng vấp phải sự đánh trả quyết liệt của lực lượng bộ đội chủ lực Tiểu đoàn 15 và các đội tự vệ của các xã tuyến trước, gây thiệt hại và làm chậm bước tiến của chúng. Cánh quân địch ở phía tây bị ta chặn đánh ở cầu Tiên An và bến đò Hiền Lương. Ta diệt 30 tên địch và làm bị thương một số tên khác. Song, do tương quan lực lượng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

quá chênh lệch, để bảo toàn lực lượng, ta vừa đánh địch vừa bảo vệ cho các đơn vị rút lui. Chiều 31/3/1947, hai cánh quân của địch đã chiếm được phủ lỵ Vĩnh Linh. Địch để lại một số quân chốt giữ ở những vị trí quan trọng như Hồ Xá, Hiền Lương, dòng Phước Sơn, Tiểu chủng viện An Ninh, Ba Bình... Lực lượng còn lại của chúng tiếp tục đánh thẳng ra các huyện phía nam tỉnh Quảng Bình. Sau đó, thực dân Pháp mới đưa quân trở lại thực hiện âm mưu càn quét, chiếm đóng Vĩnh Linh trên diện rộng.

Khi quân Pháp đánh ra, theo kế hoạch đã được chuẩn bị từ trước, các cơ quan của huyện đều di chuyển lên vùng phía tây. Lúc đầu đóng ở Khe Xanh, sau đó chuyển về chiến khu Thủy Ba. Một phần nhân dân các xã cũng được tổ chức tản cư lên vùng rừng núi. Nhưng do đang ở giữa mùa thu hoạch vụ chiêm xuân nên sau khoảng 10 ngày ở lại trong rừng, thấy tình hình địch chưa có hành động chống phá, càn quét ác liệt nên ta chủ trương cho nhân dân hồi cư trở về các xã đồng bằng để tranh thủ thu hoạch.

Bộ máy lãnh đạo của một số xã gồm cấp ủy, chính quyền, công an, xã đội và lực lượng du kích, các đội tự vệ tập trung vẫn ở lại chiến khu để củng cố, chuẩn bị kế hoạch đối phó với âm mưu sắp tới của địch. Ở một số xã, một bộ phận cán bộ, đảng viên được bố trí ở lại để bám đất, bám dân.

Như vậy, sau gần 3 tháng thực hiện âm mưu đánh chiếm Quảng Trị, thực dân Pháp đã huy động một lực lượng lớn có đủ các quân binh chủng, với trang thiết bị hiện đại để tiến hành càn quét, bình định. Khói lửa chiến tranh, đau thương chết chóc, ly tán đã trùm lên mọi làng

quê, mọi gia đình. Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh cùng với cả tỉnh, cả nước nung nấu chí căm thù. Từ trong khói lửa, một lần nữa, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân quyết tâm vùng lên giành lại quyền độc lập, tự do thiêng liêng của dân tộc.

Về phía thực dân Pháp, sau khi đánh chiếm được toàn bộ tỉnh Quảng Trị, với chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” nhằm đẩy lực lượng kháng chiến vào thế tiêu vong, chúng tiến hành đóng đồn bốt ở các đường chiến lược, ráo riết tiến hành càn quét vào các vùng sâu ở đồng bằng với chiến thuật “vết dầu loang” và “siết chặt”. Càn quét đến đâu, chúng thẳng tay giết người, cướp của, đốt phá nhà cửa hòng uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân ta và bắt nhân dân ta phải lập tề vệ, làm tay sai cho chúng. Thực dân Pháp dựa vào một số địa chủ cường hào, phản động, tay sai cũ dưới thời chúng cai trị, phản động trong các cơ sở Thiên Chúa giáo, các đảng phái để lập chính quyền tay sai các cấp. Cùng với bọn tay sai, chúng thi hành chính sách tuyên truyền, chia rẽ trong nhân dân, chia rẽ dân tộc, đả kích nói xấu Mặt trận Việt Minh. Mạng lưới gián điệp của cơ quan Phòng Nhì quân đội Pháp tung ra khắp nơi để thu thập tin tức, phục vụ kế hoạch đánh chiếm, càn quét và chỉ điểm bắt cán bộ của ta. Sở Mật thám Trung Kỳ đặt tại Huế nhưng mạng lưới tổ chức và cơ sở có ở khắp các địa phương. Ty Liêm phóng Quảng Trị do tên Canvin làm chủ sự đã tuyển dụng nhiều tên phản động người Việt làm nhân viên cho chúng, trong đó có một số tên người Vĩnh Linh. Lực lượng cảnh sát nguy cũng được hình thành từ cấp tỉnh đến các huyện.

Từ tháng 4/1947, thực dân Pháp thực hiện âm mưu “chiếm đất, giành dân” đã tập trung càn quét, tiến hành bình định ở Vĩnh Linh hết sức ác liệt. Chúng chiếm đóng ở các vùng Công giáo và một số trục đường, vị trí quan trọng như Ba Bình, Hòa Lạc, An Ninh, Di Loan, An Bằng, An Ngãi, Cổ Hiền, Mỹ Tá, Cao Xá, Cháp Lễ, Thủy Cần, Cửa Tùng, Xuân Hòa. Chúng xây các lô cốt ở Hải Chũ, Đàng Đàng, Dốc Miếu, Lèo Heo, Hàm Hòa, Châu Thị, Tân Trại. Địch chiếm đóng đến đâu chúng dựa vào việt gian, phản động lập các tổ chức hội tề, hương vệ đến đó. Từ các vị trí nói trên, địch thực hiện chính sách “tam quang” (đốt sạch, giết sạch, cướp sạch) và “vết dầu loang” để nong ra tất cả các vùng còn lại trong toàn huyện. Chúng chỉ huy hội tề, hương vệ bắt nhân dân nộp tranh tre, gỗ để xây dựng đồn bốt. Chúng tổ chức ở mỗi làng có từ một đến hai trung đội hương vệ làm nhiệm vụ canh gác, lùng sục, vơ vét của cải của nhân dân. Điển hình như làng Thủy Trung, chúng dùng tre rào làng, canh gác, trưng biển “nội bắt xuất, ngoại bắt nhập” nhằm tách nhân dân khỏi cán bộ và lực lượng kháng chiến của ta.

Suốt trong một năm, quân Pháp tổ chức hàng chục trận càn lớn nhỏ vào khắp các xã trong toàn huyện. Có những trận càn chúng huy động từ 2 đến 3 tiểu đoàn đánh vào một xã. Có những đợt chúng mở những chiến dịch càn quét hàng chục ngày, thẳng tay giết người, đốt nhà, cướp của, hãm hiếp phụ nữ. Chúng còn huy động hàng trăm người ở những vùng xung quanh đồn bốt đi theo để chuyên chở của cải cướp được. Trâu, bò, lợn, gà chúng đều bắt lừa đi cả đàn đem về đồn để giết thịt. Lửa

khói, đau thương, chết chóc trùm lên khắp nơi. Có nhiều gia đình chỉ một túp lều nhỏ nhưng bị chúng càn qua quét lại, đốt phá phải dựng lại hàng chục lần. Có nhiều phụ nữ do bị hãm hiếp mà mắc bệnh, triệt đường sinh nở, có chị bị chúng hãm hiếp đến chết. Máu của người dân vô tội loang đỏ theo gót giày của thực dân xâm lược.

Tháng 4/1947, thực dân Pháp mở trận đại càn vào xã Vĩnh Hoàng, bắn chết 150 đồng bào ta trong một buổi sáng, trong đó có một số đảng viên và chiến sĩ du kích. Cũng tại Vĩnh Hoàng, sau đợt càn quét, chúng bắt 40 người dân trong xã phải gánh số lúa chúng cướp bóc được đem về tập trung tại thôn Thủy Trung. Có 2 người chống lại lệnh của chúng, bỏ chạy, liền bị chúng dùng súng máy bắn chết cả 40 người. Có gia đình cả 3 người con trai khỏe mạnh đều bị chúng bắn chết trong trận này. Tháng 6/1947, tại thôn Thủy Tú, chúng chặt đầu 12 người cầm lên cọc nhọn, còn xác thì vứt la liệt. Đối với cán bộ du kích của ta nếu bị chúng bắt được thì đem về tra tấn rất tàn ác, sau đó đem thủ tiêu hoặc xử bắn. Tại vùng sân bay dã chiến gần căn cứ Ba Bình (Vĩnh Cháp) là nơi chúng làm địa điểm hành quyết và chôn sống hàng trăm đồng bào và cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

Ngoài việc tổ chức càn quét, bắn giết, chúng còn âm mưu phá hoại ta về kinh tế, cứ mỗi mùa gặt, chúng bắt hội tề, địa chủ gom hết lúa gạo về đồn, sau đó phát dân cho dân để ngăn chặn đồng bào ta tiếp tế cho lực lượng kháng chiến. Chúng còn mua chuộc dụ dỗ về chính trị, đầu độc về văn hóa để làm cho nhân dân ta chết dần chết mòn vì đạn bom, đói rét, bệnh tật và ngu dốt.

Do chưa có kinh nghiệm chiến đấu, vũ khí, đạn dược và quân trang, quân dụng quá thô sơ và thiếu thốn; trước sức mạnh áp đảo của địch, lúc đầu ta không tránh khỏi gặp những khó khăn, lúng túng. Do giặc đánh phá ác liệt, cộng thêm thiên tai dồn dập, vụ mùa năm 1947 bị thất bát, khi thu hoạch lại bị địch cướp, đốt. Liên tiếp các trận lụt cuối năm 1947 làm cho một số hoa màu còn lại bị hư hỏng. Phần lớn lúa gạo của nhân dân thu giấu trong thời gian thực hiện tiêu thổ kháng chiến bị thối mục, hư hỏng. Đời sống nhân dân trong toàn huyện rơi vào tình trạng đói rách, thiếu thốn. Nhà cửa bị đốt phá, trâu bò và dụng cụ sản xuất không còn. Nhiều gia đình phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, thoát chết vì bom đạn lại bị đói rét đe dọa về mạng sống. Bộ đội, du kích và các cơ quan kháng chiến của huyện ở chiến khu cũng phải chịu hoàn cảnh tương tự. Bộ đội phải ăn cơm nấu bằng gạo thối. Muối và thực phẩm cũng không đủ dùng. Đơn vị bộ đội tập trung của huyện phải phân tán thành từng tổ nhỏ, hoạt động dọc các xã từ Vĩnh Hiền đến Vĩnh Hoàng, dựa vào dân để gây dựng cơ sở và tránh sự khủng bố của giặc. Nhiều nơi như ở Vĩnh Hoàng, bộ đội, du kích ban ngày phải ẩn nấp trong bờ bụi, giấu mình dưới nước, ban đêm tìm vào dân để tuyên truyền, củng cố gây dựng cơ sở. Hàng tháng trời, bộ đội với dân cùng chịu cảnh ăn sắn non với nước biển gánh từ Vĩnh Thái vào. Áo quần không đủ mặc, chăn màn thiếu thốn, bộ đội, cán bộ phải dùng bao tải rách, tờ lá che thân. Bệnh tật như sốt rét, ghẻ phát triển; muỗi, rệp, chấy, rận hoành hành trong lúc thuốc chữa bệnh rất khan hiếm. Một viên thuốc quinine (chống sốt rét) được

hòa vào nước để nhiều người cùng được tiêm và uống. Trước tình hình đó, một bộ phận quần chúng nhân dân đã nảy sinh tư tưởng hoài nghi, hoang mang, dao động. Một số phần tử cơ hội đứng ra làm tay sai, chỉ điểm hoặc đi lính cho giặc. Ở một số địa phương, cán bộ, đảng viên, chính quyền và lực lượng tự vệ bị đánh bật ra khỏi dân, không nắm được dân, không nắm được địch. Ở một số xã, tất cả các cơ quan lãnh đạo đều phải di chuyển lên đóng ở chiến khu. Tư tưởng cầu an bảo mạng, sợ địch đã xuất hiện đầy đủ trong các địa phương, ở một số bộ phận nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên.

II. XÂY DỰNG THỂ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, TỪNG BƯỚC LÀM THẤT BẠI CHIẾN LƯỢC “ĐÁNH NHANH THẮNG NHANH” CỦA THỰC DÂN PHÁP

Trước tình hình cuộc kháng chiến đang ngày càng gay go quyết liệt, ngày 14/4/1947, Tỉnh ủy Quảng Trị mở cuộc họp tại Teng Teng (vùng miền núi phía tây Triệu Phong) với chủ trương: quyết không để mất dân, địch có thể chiếm đất, địch có thể chiếm được đồng bằng nhưng ta phải giữ vững vùng rừng núi; giành giật khu vực đồng bằng đông dân với địch. Địch sẽ ra sức tiêu diệt cơ sở kháng chiến, đánh bật bộ đội, cán bộ, đảng viên lên núi để lập hội tề, nhưng cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang ta quyết không rời quần chúng nhân dân, giữ vững các vùng căn cứ đồng bằng, nhất định sẽ bảo toàn lực lượng. Chi bộ các xã một mặt phải nhanh chóng chuyển sang đấu tranh vũ trang, bám đất, bám dân, giữ vững cơ sở,

khôi phục lực lượng kháng chiến, lãnh đạo chiến tranh du kích ở địa phương, mặt khác phải kiên quyết đập tan kế hoạch lập nguy quyền của địch.

Thực hiện chủ trương nói trên, được sự chỉ đạo của tỉnh và sự hỗ trợ của Tiểu đoàn 13, Tiểu đoàn 15 (thuộc Trung đoàn 95) và Đại đội độc lập của huyện, lực lượng dân quân tự vệ ngày càng được củng cố và phát triển. Các cơ quan, các ngành cấp huyện đã được Huyện ủy thống nhất chỉ đạo về bám sát cơ sở, bám dân để hoạt động, tổ chức phong trào kháng chiến. Mối quan hệ giữa cán bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân ngày một gắn bó. Nhân dân đã ra sức che chở, bảo vệ cán bộ, sự gắn bó này đã được phát huy trong suốt cuộc kháng chiến. Thời kỳ này lực lượng cán bộ của ta từ chiến khu về đồng bằng hoạt động thường vào ban đêm. Có nơi, ban ngày cán bộ tìm cách ém lại ở đồng bằng nhờ sự che chở của dân. Có địa phương hoạt động theo hình thức con thoi như xã Vĩnh Lộc. Cuối năm 1947, nhiều vùng ta đã làm chủ. Giặc càn quét đốt nhà, nhân dân giúp nhau làm lại. Có nơi dân làm lán cơ động, khi giặc lùng sục thì tháo tung ra cất giấu mỗi nơi một ít, lúc giặc đi thì dựng lại. Giặc khủng bố ban ngày, nhân dân tranh thủ sản xuất ban đêm.

Nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt và vai trò chiến lược của dân quân tự vệ, các địa phương đã tập trung chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang và lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc. Dân quân tự vệ không những được xây dựng ở vùng tự do, vùng du kích mà ngay cả những vùng địch kìm kẹp. Nhìn chung do các vị trí, đồn bốt của địch xây dựng có tính cài

ràng lược nên ở các xã đều hình thành hai lực lượng du kích. Bộ phận du kích mật bám làng, bám dân hoạt động hợp pháp ở những thôn còn chịu sự kìm kẹp và gần căn cứ địch. Bộ phận dân quân du kích tập trung hoạt động công khai hoặc bất hợp pháp. Lực lượng này, mỗi xã thành lập một trung đội, có trang bị từ lựu đạn, bom mìn tự chế, đại đao, mã tấu, còn súng thì rất hạn chế. Mặc dù vậy, lực lượng dân quân du kích của các xã đều nêu cao tinh thần chiến đấu, thể hiện sự dũng cảm, gan dạ, để lại niềm cảm phục trong nhân dân và sự khiếp đảm của kẻ thù. Ở xã Vĩnh Liêm, trung đội du kích do đồng chí Bút chỉ huy đã mai phục giữa vùng cỏ lác đón toán lính Pháp đi càn quét. Khi chúng lọt vào trận địa, theo lệnh chỉ huy, cả trung đội dùng đại đao, mã tấu nhất loạt xung phong đánh giáp lá cà với giặc và tất cả đều hy sinh anh dũng. Ở Vĩnh Hoàng, đơn vị tự vệ do đồng chí Nguyễn Vãng chỉ huy dùng bàn chông, đạn đập và mìn tự tạo phục kích đánh địch, gây cho chúng một số thương vong.

Trước tình hình địch ngày càng đánh phá quyết liệt, nhằm thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, giành đất, giành dân hòng tiếp tục dồn cuộc kháng chiến của quân và dân ta vào tình thế khó khăn; ta chủ trương đi đôi với việc chiến đấu tiêu hao, tiêu diệt địch, công tác phá tề, trừ gian là một nhiệm vụ cấp bách và vô cùng quan trọng. Hội nghị cán bộ Liên khu 4 họp ngày 28 tháng 7 năm 1947 chủ trương phát động chiến dịch phá tề, trừ gian trong toàn liên khu và chỉ rõ: chính sách phá tề, trừ gian không phải chỉ có xử phạt mà còn phải cảm hóa, lôi kéo

họ về với dân tộc. Từ chủ trương của Liên khu và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân, trên địa bàn huyện đã phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội, lực lượng công an, dân quân du kích và dựa vào lực lượng quần chúng ở các địa phương để tiến hành nắm đối tượng, trừ gian, diệt tề, phá vỡ âm mưu lập chính quyền bù nhìn của địch. Các “đội biệt động” của lực lượng vũ trang, các “đội danh dự” của công an, tổ dân quân tự vệ một mặt kiên quyết trừng trị những tên việt gian đầu sỏ có nhiều nợ máu với nhân dân; mặt khác tổ chức tuyên truyền, giáo dục, cảnh cáo bọn tề nguỵ, việt gian để chúng bớt hung hăng tàn ác, tự từ bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân. Một số ban hội tề đã bí mật hoạt động cho cách mạng.

Ở vùng Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, sau khi lập nên vị trí đồn Mỹ Tá và tổ chức một số tề nguỵ, bọn Liên đoàn Công giáo tập trung vào một số ngôi nhà kiên cố để chống lại chính quyền ta. Lực lượng trừ gian, diệt tề của ta được sự chỉ đạo của trên đã tiến hành đột nhập vào các hang ổ để tiêu diệt và giải tán tổ chức của chúng. Sau các đợt tiến công của ta đánh vào tề nguỵ, việt gian phản động, bọn đầu sỏ trong tổ chức Liên đoàn Công giáo, số tề nguỵ bị cưỡng ép hoặc bị địch lừa gạt theo chúng đã bỏ vị trí địch trở về nhà làm ăn. Số còn lại thật sự ngoan cố, cam tâm làm tay sai cho Pháp cũng bỏ chạy theo giặc vào các vị trí kiên cố hòng tránh sự trừng phạt của ta.

Tháng 7 năm 1947, quân Pháp và nguỵ tổ chức trận càn “giặc lúa” (Guerre de riz) vào vùng ga Tiên An. Lê Hữu Hiến, một tên việt gian phản động lợi dụng Thiên

Chúa giáo đã huy động trên 300 giáo dân vùng An Ninh, Di Loan đi theo giặc để gặt lúa, cướp bóc. Tổ Công an danh dự Vĩnh Linh, do đồng chí Ngô Quang Châu chỉ huy cùng với du kích hóa trang trà trộn trong nhân dân. Lợi dụng khi Lê Hữu Hiến đang tuyên truyền kích động giáo dân, các đội viên danh dự trừ gian của ta đã diệt tên Hiến và tên lý trưởng tay sai đắc lực, thu một súng lục, một cặp tài liệu có danh sách những tên phản động trong tổ chức Liên đoàn Công giáo. Từ danh sách này, ta nắm được tổ chức và lai lịch từng tên cụ thể. Lực lượng công an, tự vệ các địa phương đã bắt và phá tan tổ chức phản động của chúng.

Cũng trong thời gian này, tổ Công an danh dự huyện và lực lượng du kích Vĩnh Giang trong một đêm đã tổ chức phối hợp với lực lượng tại chỗ bắt gọn 5 ban tề ở 5 thôn của xã Vĩnh Giang và một số tên phản động, chỉ điểm trong xã làm cho địch hoang mang, khiếp sợ. Thực hiện chủ trương thống nhất của huyện, ở các xã khác cũng triển khai kế hoạch trừ gian, diệt tề, bước đầu có hiệu quả tốt, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân thoát khỏi vòng kìm kẹp của địch, thu hẹp vùng kiểm soát của chúng, tạo điều kiện cho phong trào gây dựng cơ sở của ta phát triển mạnh mẽ hơn trước.

Thực dân Pháp vô cùng bối rối và cay cú trước những thắng lợi ta giành được trong cuộc vận động phá tề, trừ gian. Chúng điên cuồng tìm mọi thủ đoạn tăng cường khủng bố, đàn áp, lùng bắt cán bộ, bộ đội để bảo vệ tay sai. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên mặt trận này diễn ra vô cùng quyết liệt. Chúng cố gắng lập ra, ta quyết

tâm phá bỏ. Nhiều thôn, xã ta vừa phá xong, địch đã quay trở lại đàn áp, khủng bố nhân dân, cán bộ, phá cơ sở, lập lại ngục quyền tay sai. Có nơi ta phá đi, địch lập lại đến ba, bốn lần. Xảo quyệt và thâm độc hơn, chúng còn lập hội tề “hai mặt”: tề bí mật và tề cơ động để đối phó với ta. Nhiều tên tề gian ác chỉ dám hoạt động ban ngày, còn ban đêm bỏ vào trong đồn ngũ để bảo toàn tính mạng.

Nhận rõ âm mưu thâm độc của giặc Pháp và tác hại của hội tề, ta vừa chủ trương tiêu diệt sinh lực địch vừa phối hợp chặt chẽ giữa công an, bộ đội và du kích hỗ trợ quần chúng diệt ác, trừ gian, bảo vệ cơ sở, bảo vệ cán bộ, thành lập chính quyền nhân dân. Huyện ủy chỉ đạo các xã tiếp tục duy trì hoạt động của các đội công an danh dự trừ gian, diệt tề. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về thành lập các đơn vị chiến đấu nhỏ, có tinh thần độc lập tác chiến với lực lượng là bộ đội, tự vệ, đoàn viên thanh niên cứu quốc, gọi là “biệt động đội”. Đây là những “đội quân đặc biệt tích cực và linh hoạt, thừa lúc thuận tiện, tiến thật nhanh và sâu vào vùng địch kiểm soát, đánh chớp nhoáng tiêu diệt địch, rồi rút lui thật nhanh, ra khỏi vùng địch kiểm soát...”¹. Thực hiện cách đánh này, ở Vĩnh Linh, các “biệt động đội” tổ chức lực lượng vừa thọc sâu, đánh chớp nhoáng và rút nhanh vào các vị trí dọc tuyến đường Cáp Lài, Thủy Cầm, An Bằng, An Ngải, Chợ Do...

Trong chiến tranh ác liệt, công tác xây dựng Đảng, xây dựng và củng cố chính quyền vẫn được đặc biệt quan

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.8, tr.183.

tâm. Đầu năm 1948, Huyện ủy tổ chức các lớp học chính trị cho đảng viên, học tập *Thư gửi cho các đồng chí Trung Bộ* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong dịp Người về thăm Thanh Hóa. Người viết: “Trong lúc dân tộc đang đứng ở ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, đồng chí và toàn cả đoàn thể phải đem hết tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp và làm cho nước thống nhất độc lập.

Vì vậy mỗi một đồng chí và toàn cả đoàn thể phải: sáng suốt, khôn khéo, cẩn thận, kiên quyết, siêng năng, nhất trí... Trong lúc này tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất có quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to”¹. Các chi bộ đã tiến hành kiểm điểm từng đảng viên, cấp ủy và từng địa phương, củng cố phong trào thêm một bước mới. Cùng với công tác tư tưởng, công tác tổ chức cũng được chú ý, việc phát triển đảng viên mới được quan tâm, đồng thời kiên quyết xử lý đưa ra khỏi Đảng những đảng viên có tư tưởng sợ địch, cầu an, nằm im, bỏ nhiệm vụ. Huyện ủy đã phân công nhiều đồng chí Huyện ủy viên, trưởng các ngành, các đoàn thể tăng cường chỉ đạo cơ sở, giúp những địa phương mà phong trào còn những khó khăn, các mũi, các địa bàn trọng yếu. Các chi bộ cơ sở ở xã, các đoàn thể, ban chỉ huy các xã đội, công an, thông tin tuyên truyền, văn hóa xã hội được củng cố và hoạt động bám trụ có hiệu quả.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.93.

Cũng trong thời gian này, để phối hợp với chiến trường Việt Bắc, Vĩnh Linh được tỉnh hỗ trợ một đại đội độc lập phân tán về các xã vùng đông của huyện từ phía An Ninh, Di Loan, qua Chợ Do, An Bằng, An Lễ và vùng Vĩnh Hiền, Vĩnh Hoàng, Vĩnh Tùng. Đại đội độc lập phối hợp với các tổ du kích thôn xã bao vây vị trí Thủy Cầm, áp sát Chợ Do, quấy rối vị trí Hồ Xá, chặn đường tiếp tế dọc quốc lộ 1 và đường Cáp Lài.

Thủy Cầm (xã Vĩnh Kim) là một vị trí có tính chiến lược của Pháp, nằm án ngữ vùng phía đông Vĩnh Linh, che chắn cho vùng Công giáo từ Di Loan ra An Bằng, An Lễ. Chúng còn dựa vào Thủy Cầm để khống chế các vùng phía tây và phía nam huyện như Vĩnh Hoàng, Hồ Xá; khống chế tuyến vận tải đường biển của ta. Trước tình hình đó, ta chủ trương bao vây, quấy rối đồn Thủy Cầm buộc chúng phải co cụm lại, không dám ngang nhiên chống phá như trước nữa. Đại đội độc lập 135 thuộc Tiểu đoàn 14 và lực lượng du kích của các xã trong vùng đã tổ chức đánh đồn bằng hình thức bao vây, quấy rối, đột kích tiêu diệt sinh lực địch. Trong trận này, đồng chí Cao Viết Khâm, Chính trị viên Đại đội 135 đã anh dũng hy sinh. Học tập gương của đồng chí Khâm, chi bộ địa phương đã quyết định lấy tên của đồng chí đặt tên cho chi bộ mình. Đặc biệt, chị Lê Thị Thỏn, 22 tuổi, mới xây dựng gia đình, đã tham gia trận đánh đốt phá căn cứ địch. Bị địch bắt, chúng đã man cường hiếp, xẻo vú nhưng chị vẫn kiên cường bất khuất, không khai một lời. Chị đã anh dũng hy sinh, nêu một tấm gương sáng cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuộc bao vây, bắn tỉa, phục kích, quấy rối đồn Thủy Cầm và

chặn đường tiếp tế từ Hồ Xá về Cáp Lài, từ Cửa Tùng lên, kéo dài liên tục trong 3 tháng liền. Bọn địch trong vị trí Thủy Cầm bị cạn kiệt đạn dược, lương thực, phải thụt đến con chó bégiê cuối cùng và rút chạy. Giải phóng được vị trí Thủy Cầm đã tạo được một bước phát triển mới của phong trào kháng chiến, củng cố được niềm tin của nhân dân và dân quân du kích, bộ đội vào khả năng, sức mạnh của ta. Đồng thời, mở ra một vùng hoạt động và căn cứ du kích rộng lớn áp sát vùng Trầm, Đầu Chùa về tận Chợ Do. Địch ngày càng hoang mang co cụm, không còn hung hăng đi lùng sục như trước. Vùng căn cứ du kích của ta ở Vĩnh Hoàng, Vĩnh Hiền càng được củng cố, mở ra một hành lang hoạt động thuận tiện ở phía đông, tạo địa bàn đứng chân vững chắc cho lực lượng chủ lực hoạt động.

Từ kết quả của các hoạt động quân sự, chính trị của quân và dân ta, đến cuối năm 1948, trên địa bàn toàn huyện, hình thái chiến trường đã hình thành khá rõ với 3 vùng:

- Vùng du kích già (vùng căn cứ du kích),
- Vùng du kích non,
- Vùng địch tạm chiếm.

Bước phát triển này tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến của Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh tiến lên giành những thắng lợi mới.

III. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH LINH LẦN THỨ I

Sau gần 2 năm kháng chiến trong điều kiện phải đương đầu với một kẻ thù mạnh hơn gấp bội, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh đã phải chịu đựng nhiều hy sinh

gian khổ, khó khăn và thiếu thốn. Chính sách “tam quang” của địch đã gây ra hậu quả vô cùng nặng nề. Hàng trăm cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào ta bị hy sinh, bị bắt. Làng mạc bị càn quét, đốt phá xác xơ, tiêu điều. Đồng ruộng nhiều nơi bị bỏ hoang. Đời sống, sinh hoạt của quân và dân ta vô cùng thiếu thốn, đói rét.

Tuy nhiên, sức mạnh của vũ khí hiện đại cùng với sự dăm của kẻ thù không khuất phục được lòng yêu nước và ý chí quyết tâm kháng chiến của quân và dân ta. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, phong trào kháng chiến đã nhanh chóng vượt qua những khó khăn, bỏ ngõ ban đầu. Lực lượng quần chúng nhân dân được tuyên truyền giáo dục, vận động và tập hợp lại đã tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ và phục vụ kháng chiến. Bộ đội địa phương, dân quân du kích, công an phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Phong trào trừ gian, diệt tề, bao vây quấy rối vị trí địch, phục kích chặn đường tiếp tế đã làm cho giặc Pháp và việt gian phản động phải run sợ và co cụm lại. Hàng trăm thanh niên xung phong vào các đơn vị bộ đội chủ lực, hàng ngàn lượt người tham gia chuyển thương, vận tải cho kháng chiến.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức các đoàn thể đều có chuyển biến mạnh mẽ, tạo thành sức mạnh tổng hợp, mở ra một cục diện mới của cuộc kháng chiến trên địa bàn huyện. Nhưng, kẻ thù vô cùng thâm độc, chúng không từ một âm mưu và thủ đoạn nào nhằm chống phá cách mạng, hòng dè bẹp ý chí kháng chiến của quân và dân ta. Khó khăn, thử thách còn nhiều, kháng chiến đang đi vào giai đoạn quyết liệt.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, tháng 11 năm 1948, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh lần thứ I tiến hành họp tại Rào Trường.

Đại hội tiến hành đánh giá lại tình hình sau 2 năm tiến hành kháng chiến, kiểm điểm những mặt còn tồn tại, thiếu sót và đề ra những quyết sách mới cho thời kỳ tới, nổi bật có các chủ trương lớn như: “hạ sơn”, “bao vây kinh tế địch”, “trừ gian, diệt tề”, “rào làng chiến đấu”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 13 đồng chí. Đồng chí Hoàng Đức Sản được bầu giữ chức Bí thư. Đồng chí Trần Văn Ngoạn được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện. Đại hội tiến hành bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh, dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 3/1949.

Đại hội đánh dấu sự chuyển hướng nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ phù hợp với yêu cầu và tình hình của cách mạng đang đòi hỏi. Đây là một đại hội có ý nghĩa quan trọng, giải quyết và thống nhất được những vấn đề lớn của cuộc kháng chiến.

Với sự phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm cao, các đại biểu dự Đại hội tỏa về các địa phương truyền đạt đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về các chủ trương, quyết sách lớn của Nghị quyết Đại hội, chuẩn bị đầy đủ về tinh thần và vật chất để bắt tay vào cuộc chiến đấu mới với kẻ thù xâm lược.

Chương VI

ĐẢNG BỘ VINH LINH LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC KHÁNG CHIẾN, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1949-1954)

I. XÂY DỰNG THẾ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN

1. Thực hiện các chủ trương lớn của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh lần thứ I

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ I, phong trào “hạ sơn” tiến về đồng bằng được phát động mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn huyện. Mở đầu ở chiến khu Thủy Ba, huyện tổ chức buổi lễ phát động “hạ sơn” có đủ các cơ quan, ban, ngành, các giới tham dự, hạ quyết tâm tiến về đồng bằng bám dân, bám đất, bám địch để lãnh đạo chiến đấu, sản xuất.

Sau buổi lễ của huyện, tại hậu cứ riêng của các xã, các cơ quan đóng ở chiến khu đều tổ chức làm lễ hạ sơn. Cán bộ, đảng viên, lực lượng trẻ, khỏe sau khi được học tập Nghị quyết Đại hội, đã nô nức tiến về đồng bằng. Lực lượng ở lại chiến khu được bố trí, sắp xếp lại có nhiệm vụ vừa xây dựng, bảo vệ khu vực hậu cứ, vừa đẩy mạnh tăng

gia sản xuất để tạo nguồn lương thực tại chỗ phục vụ kháng chiến. Với đặc điểm là phần đông đồng bào, cán bộ, đảng viên ở các xã khi Pháp ồ ạt đánh ra Vĩnh Linh đã sơ tán lên ở chiến khu, nên sau khi có chủ trương “hạ sơn”, song hành cùng lực lượng cán bộ, đảng viên, một bộ phận lớn nhân dân đã lần lượt trở về làng để làm ăn, sinh sống. Một số khác theo hình thức “một cảnh đôi quê”, đàn ông, thanh niên ở lại chiến khu, dựng lều trại tăng gia sản xuất; phụ nữ, người già trở về làng song vẫn giữ mối liên hệ mật thiết. Đảng viên, cán bộ, lực lượng vũ trang của một số xã cũng đứng chân tại chiến khu đã tìm cách hoạt động theo hình thức con thoi, nhưng phải sống xa dân, xa địch, không chủ động nắm bắt được tình hình. Thực trạng đó ban đầu đã làm cho ta gặp một số khó khăn trong việc giành dân, giành đất và tổ chức tiến công địch. Vì vậy, Đại hội chủ trương “hạ sơn” để trở lại đồng bằng nhưng phải thực hiện bằng được chính sách “3 bám”: bám dân, bám đất, bám địch. Trong Đảng, những đồng chí trẻ, khỏe đều phải trở về bám cơ sở, lãnh đạo sản xuất và chiến đấu. Một số ít tỏ ra bạc nhược, cầu an hoặc đầu hàng trước khó khăn và sợ địch thì tiến hành kiểm điểm, xử lý kỷ luật. Đồng thời tăng cường phát triển đảng viên mới đối với những nhân tố quần chúng tiêu biểu.

Lực lượng trở về đồng bằng đã nhanh chóng hòa nhập vào cuộc chiến đấu mới, đẩy mạnh xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân. Ngoài lực lượng du kích hoạt động bí mật, công khai, từ năm 1949, tất cả các xã đều thành lập đơn vị dân quân du kích tập trung làm nòng cốt trong

chiến đấu, đánh địch chống càn, canh gác, cảnh giới, bao vây vị trí, quấy rối địch. Đơn vị dân quân du kích của các xã do nhân dân đóng góp nuôi ăn và mặc. Tuy vậy, do đời sống nhân dân còn đói khổ vì kẻ thù thường xuyên càn quét, cướp phá, lại bị thiên tai, nên cán bộ, chiến sĩ đều phải sống cùng cảnh thiếu thốn với nhân dân. Đói rét thường xuyên, sẵn non ăn cho qua ngày, thuốc chữa bệnh, bông băng, dụng cụ y tế càng thiếu thốn nghiêm trọng. Nhiều chiến sĩ, nhân dân đau ốm không có bông băng và thuốc sát trùng, nhiều trường hợp phải chết rất đáng tiếc. Y tế phải dùng bẹ chuối non phơi khô để làm băng, cấp cứu người bị thương. Nhưng khó khăn nhất là vũ khí đánh giặc. Buổi đầu mới thành lập, vũ khí chỉ có các loại thô sơ như đại đao, mã tấu, lựu đạn. Tỷ lệ súng đạn còn rất ít và chất lượng kém nên hiệu suất chiến đấu rất thấp. Để khắc phục tình trạng này, ngoài phong trào cướp súng giặc giết giặc, các đơn vị còn đẩy mạnh việc tự tạo các loại vũ khí như hầm chông, đạn đập, bom mìn để chiến đấu. Ở huyện, thành lập các cơ sở sản xuất vũ khí thô sơ cung cấp cho cơ sở. Ngoài đơn vị du kích tập trung, các xã, thôn đều thành lập đội dân quân làm nhiệm vụ tải thương, vận chuyển, đi dân công hỏa tuyến.

Huyện ủy chủ trương bao vây kinh tế địch, đẩy mạnh tăng gia sản xuất phục vụ kháng chiến. Với âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt đánh người Việt”, giặc Pháp và bọn ngụy quân, ngụy quyền ráo riết tiến hành càn quét, cướp bóc trâu bò, lúa gạo của nhân dân ta, thu hút hàng hóa vào các chợ trong vùng

địch, làm cho ở vùng tự do và chiến khu của ta gặp phải khó khăn về lương thực, thực phẩm. Vì vậy, ta chủ trương bao vây kinh tế địch, khép chặt vòng vây xung quanh các vị trí đồn bốt, ngăn chặn hàng của địch không đưa được vào vùng của ta (chỉ trừ một số mặt hàng ta rất cần hoặc chưa tự sản xuất được). Nhân dân sống trong vùng địch kiểm soát tổ chức đấu tranh chống thu thóc, chống nộp thuế, chống bắt lính, phản đối những hành động phá hoại mùa màng, phá hoại sản xuất của địch; tăng cường công tác binh vận, địch vận. Đồng thời, đẩy mạnh việc bảo vệ thu hoạch mùa màng và lưu hành đồng bạc Ngân hàng Việt Nam. Tổ chức lực lượng du kích canh gác bảo vệ chống địch đi càn quét cướp phá lúa gạo. Mặt khác, tập trung lực lượng tay liềm, tay súng đi thu hoạch mùa với nhân dân. Phát động rộng rãi trong toàn dân phong trào đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tăng thêm diện tích, trồng thêm rau màu để chống đói. Tổ chức lực lượng cất giấu và vận chuyển lương thực, thực phẩm lên vùng chiến khu.

Đại hội chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công tác trừ gian, diệt tề, phá vỡ âm mưu bình định của địch, phá tan các tổ chức tề ngụy từ xã đến huyện.

Ngày 15/12/1948, Trung ương Đảng lại ra lệnh tổng phá tề trong cả nước. Chấp hành chỉ thị của Trung ương và tỉnh Quảng Trị, Vĩnh Linh bước vào đợt tổng phá tề lần thứ hai.

Rút kinh nghiệm của đợt tổng phá tề lần trước có một số nơi phạm sai lầm tả khuynh hoặc hữu khuynh, nhiều cấp, nhiều ngành cùng tiến hành nên chưa có sự phối hợp

chặt chẽ, lần này, Huyện ủy chỉ đạo sát sao hơn, đánh đúng đối tượng; vừa trừ gian, diệt tề, vừa tuyên truyền vận động, cảm hóa bọn tề ngụy để phân hóa lực lượng của chúng. Kết quả qua hai đợt tiến công trừ gian, phá tề, ta đã nhiều lần phá được hội tề ở cấp huyện; hội tề ở cấp xã cũng bị phá và bắt, diệt nhiều tên phản động làm tay sai cho Pháp, cảm hóa được hàng trăm đối tượng. Những tên lọt lưới trong hai đợt phá tề cũng không còn hung hăng như trước. Đến tháng 8/1949, Vĩnh Linh cơ bản đã triệt hạ hầu hết các ban hội tề ở cấp thôn, xã, chỉ còn một ít phải rút vào các đồn địch nên hạn chế hoạt động. "Sự canh gác được chặt chẽ và tổ chức chu đáo. Đặc biệt là dân quân Vĩnh Linh đã có nhiều thành tích tác chiến. Dân và quân đã thực hiện được phần lớn khẩu hiệu: ép địch vào đồn, ngăn địch đi lòng lẻ tẻ"¹. Song song với việc trừ gian, diệt tề, trong suốt năm 1949, lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đã tổ chức phục kích, đánh một số vị trí địch giành thắng lợi. Tiểu đoàn 227 phối hợp với Đại đội Lê Hồng Phong và du kích tập trung xã Vĩnh Hiền tập kích bất ngờ Chợ Do, bao vây đồn Cửa Tùng, diệt 2 trung đội địch, bắt sống tên quan hai Pháp. Du kích bố trí phục kích ở chợ Đàng, giữa ban ngày bắt được tên phó tỉnh trưởng ngụy, thu được một cặp tài liệu quan trọng.

Chủ trương về chăm lo công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền và các đoàn thể nhân dân: Huyện ủy đã tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị

nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm đảng viên, nhận thức về tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, nhiệm vụ của từng tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện hiện tại của địa phương; kiểm điểm sâu sắc những sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể và xử lý một số đảng viên, cán bộ giảm sút tinh thần, ý chí chiến đấu, bạc nhược trước quân thù; đẩy mạnh công tác xây dựng các chi bộ cơ sở và phát triển đảng viên mới; tăng cường những cán bộ nòng cốt của Huyện ủy, lãnh đạo chủ chốt các ngành cấp huyện cho cơ sở, trực tiếp theo dõi và chỉ đạo phong trào.

2. Phong trào “Rào làng chiến đấu”

Từ cuối năm 1948 đến đầu năm 1949, sau khi các lực lượng ở chiến khu “hạ sơn”, tiến về đồng bằng, phong trào chiến tranh du kích phát triển sôi nổi ở khắp các xã trong toàn huyện.

Học tập kinh nghiệm của các địa phương trong cả nước, phong trào “Rào làng chiến đấu” phát triển mạnh mẽ. Từng thôn, từng xã đều tổ chức rào làng bằng tre nứa, cọc rào nhằm ngăn chặn sự càn quét và cướp bóc của giặc; đồng thời, dựa vào đó để tiến công tiêu diệt chúng. Vĩnh Hoàng là một xã điển hình của phong trào “Rào làng chiến đấu”. Từ phía tây đường Cáp Lài kéo dài đến thôn Mỹ Duyệt được rào thành một bờ tre dày đặc, dài trên 5 km. Các cửa ra vào làng có các tổ dân quân trực gác, được gài sẵn bom mìn, hầm chông, lựu đạn. Ở trong mỗi làng, mỗi xóm lại rào thành từng ô ngang dọc, có hệ thống công sự chiến đấu, hầm hào chi chít. Lực lượng du

1. Báo cáo số 112 ngày 20/9/1949 của Tỉnh ủy Quảng Trị.

kích ngày đêm được bố trí gác ở vòng trong và vòng ngoài. Ở vòng ngoài, vọng gác đặt ngay ở vị trí của địch, thường gọi là "kẹp vị trí". Mỗi lần địch đi càn, vị trí gác bên ngoài liền tổ chức báo động về xã để nhân dân kịp thời sơ tán, ẩn nấp; còn lực lượng du kích thì sẵn sàng ra công sự chiến đấu. Trong trận càn vào Vĩnh Hoàng đầu năm 1949, địch dùng xe thiết giáp húc vào hàng rào ở Huỳnh Công Nam. Mìn nổ, một chiếc xe bị tiêu diệt, địch phải bỏ dở trận càn. Hầm công và đạn đập là thứ vũ khí thô sơ nhưng rất lợi hại. Du kích các xã bố trí hầm công, đạn đập dọc đường địch hay hành quân. Chúng bị thương vong rất lớn. Trong trận phục kích của du kích xã Vĩnh Tiên ở Bàu Ngang (Lê Xá), gần 20 tên Pháp và ngụy từ đồn Mỹ Tá đi lùng sục ban đêm, bị sập hầm công. Những năm 1947-1948, bọn địch hoạt động ngênh ngang, chỉ một tốp lính nhỏ cũng có thể đi xa vị trí hàng chục cây số để cướp bóc, hãm hiếp; nhưng bước sang năm 1949, phong trào rào làng chiến đấu và hoạt động của du kích phát triển mạnh làm cho địch phải co cụm vào các vị trí, không dám đi lại tự do như trước. Địa bàn hoạt động của du kích được mở rộng vào sát vị trí đồn bốt địch.

Kinh nghiệm rào làng chiến đấu của Vĩnh Hoàng đã được nhân rộng ra vùng căn cứ địa đến các xã còn tranh chấp như Vĩnh Giang, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hiền. Riêng vùng Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn đã tổ chức dựng hàng rào bằng tre, gỗ, dứa dại, dài trên 8 km, ngăn cách giữa vùng chiến khu với đồng bằng để bảo vệ căn cứ địa của huyện là chiến khu Thủy Ba. Phong trào "Rào làng chiến đấu" đã huy động sức mạnh tổng hợp của nhân dân với hàng chục

ngàn ngày công, hàng trăm ngàn cây tre, gỗ các loại. Phong trào đã tập hợp được sức mạnh của nhân dân trong việc bảo vệ quê hương, bảo vệ mùa màng và góp phần làm suy yếu sự hoạt động, chống phá của kẻ thù.

Với thành tích rào làng chiến đấu và đẩy mạnh chiến tranh du kích xã Vĩnh Hoàng đã trở thành điển hình trong cả tỉnh và Liên khu 4. Vĩnh Hoàng vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen và tặng 60 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam; Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

Phong trào "Rào làng chiến đấu" và đẩy mạnh chiến tranh du kích đã làm cho lực lượng kháng chiến lớn mạnh về thực lực và năng lực chiến đấu. Tương quan lực lượng trên chiến trường đã có nhiều thay đổi. Lực lượng du kích đã thực sự phát huy tác dụng, làm nòng cốt trong bảo vệ dân, giành đất, trực tiếp chiến đấu, giết giặc lập công.

3. Hoạt động của lực lượng vũ trang Vĩnh Linh và việc kiện toàn, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể, xây dựng đời sống mới

Từ năm 1948, do những khó khăn về vũ khí và trang bị, hậu cần, tương quan lực lượng trên chiến trường, ta chủ trương phân tán đơn vị bộ đội về trong dân, gọi là "Đại đội độc lập". Từ năm 1949 trở đi, các Đại đội độc lập được tập trung lại làm nhiệm vụ chiến đấu và hỗ trợ cho các địa phương củng cố, xây dựng các đơn vị du kích, phối hợp với du kích tiến hành trừ gian, diệt tề, tổ chức phục kích, quấy rối, đánh các vị trí nhỏ lẻ của địch.

Đầu năm 1949, đại đội bộ đội địa phương huyện được thành lập, lấy phiên hiệu là Đại đội 354, do đồng chí Nam Sơn làm Đại đội trưởng, đồng chí Đoàn Xuân Lư làm Chính trị viên. Từ đây, cuộc chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện được tăng thêm sức mạnh mới. Tuy nhiên, do yêu cầu chiến đấu của các chiến trường trong cả nước, cả liên khu và trên địa bàn tỉnh; các đơn vị chủ lực của Trung đoàn 95 phải phân tán ra đứng chân trên nhiều địa bàn. Vì vậy, lực lượng bộ đội địa phương và các đơn vị du kích tập trung phải từng bước vươn lên đảm đương nhiệm vụ chiến đấu.

Sau trận bao vây, bức rút đồn Thủy Cần, phong trào chiến tranh du kích trong giai đoạn này phát triển mạnh chưa từng có. Từ các trận đánh bom mìn lẻ tẻ nhằm mục đích phá hoại, quấy rối đã xen kẽ các hình thức hoạt động từ thấp đến cao, nâng lên trình độ phối hợp quy mô lớn giữa các xã, giữa bộ đội với du kích như chiến dịch tổng quấy rối, nghi binh, đốt hàng rào đồn địch đến bắn tỉa, khua chiêng đánh trống làm cho địch bị tiêu hao đạn dược, mất ăn mất ngủ, giảm sút tinh thần chiến đấu. Trong năm 1949, ta đã tổ chức được nhiều chiến dịch tổng phá hoại từng đoạn dọc quốc lộ 1, tỉnh lộ, kết hợp với các trận đánh của bộ đội chủ lực làm nhiệm vụ chặn chi viện, làm chậm trễ, ngăn chặn các cuộc hành quân phá hoại của địch. Có đợt đánh vào hoạt động tiếp tế của địch trên đường 1 và đường 70, làm cho bọn địch trong các đồn vô cùng khiếp sợ, khốn đốn. Trong thời kỳ này, thực dân Pháp đã tiến hành xây dựng trên địa bàn huyện một hệ thống đồn bốt khá dày đặc, chốt giữ các vị trí quan trọng,

gồm 11 đồn bốt của Pháp và 7 đồn hương vệ. Có đồn như Hồ Xá, chúng tăng cường một tiểu đoàn lính ứng chiến Âu - Phi, bố trí pháo 105 ly bắn đi các vùng trong huyện. Có đồn chúng bố trí một đại đội như Di Loan, Cửa Tùng, Ba Bình... chưa kể đến các hang ổ của bọn Liên đoàn Công giáo phản động, tiêu biểu như ở dòng tu Phước Sơn.

Sau các đợt tổng quấy rối, phá hoại, chặn đường tiếp tế của địch thắng lợi, ta tổ chức đồng loạt bao vây vị trí địch. Các địa phương du kích sáng tạo ra nhiều hình thức bao vây như đem bom mìn đặt sát hàng rào, cửa ngõ, vị trí của địch, phục kích bắn tỉa, không cho địch ra khỏi vị trí. Đồng thời không cho các vị trí của địch đi lại liên lạc, ứng cứu cho nhau. Do ta tiến hành hoạt động đều khắp, mạnh mẽ, nhiều đồn địch như đồn Cửa Tùng bị cạn kiệt lương thực, vũ khí, phải kêu cứu tàu thủy từ biển vào tiếp tế gạo, đạn. Có đồn bị cô lập hoàn toàn, không liên lạc ứng cứu cho nhau được như đồn Mỹ Tá, Tân Trại.

Đi đôi với việc bao vây vị trí địch, công tác địch vận được quan tâm và đem lại kết quả lớn. Dựa vào lực lượng quần chúng, bằng nhiều hình thức tổ chức vận động như bắc loa hướng vào đồn địch kêu gọi binh lính phản chiến, bỏ ngũ; từ đó đã kêu gọi được hàng chục binh lính địch từ bỏ vị trí về với nhân dân. Nhiều đồn bốt địch ta đã gây dựng được cơ sở, cài cắm người vào dưới nhiều hình thức để hoạt động. Nhiều binh sĩ địch do bị bắt lính, làm bia đỡ đạn cho quân Pháp nhưng tấm lòng vẫn hướng về kháng chiến, nên khi được tuyên truyền, vận động đều quay súng trở về với cách mạng. Tình cảm của những người mẹ, người vợ luôn luôn là một chỗ dựa tinh thần

cho những ai lầm đường lạc lối. Bằng công tác binh nguy vận, ta đã lấy được lô cốt Hiền Lương, thu 6 súng, bắt tên đồn trưởng gian ác. Binh lính hương vệ đóng ở đồn Cháp Lễ đồng loạt mang súng trở về với nhân dân, đồng thời bắt gọn ban chỉ huy, trong đó có tên Ngọc đồn trưởng. Điển hình trong phong trào này là xã Vĩnh Giang, được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Hai. Một số lính Âu - Phi khi nhận ra được bản chất của cuộc chiến tranh bản thủ của thực dân Pháp ở Việt Nam cũng đã tìm đường về với cách mạng. Có người còn ở lại chiến khu tham gia kháng chiến cùng với nhân dân ta.

Phong trào cách mạng của quần chúng ngày một dâng cao làm cho địch phải lúng túng đối phó. Kết hợp với việc tiến công địch bằng quân sự, binh vận; công tác bao vây kinh tế địch cũng được chú ý đẩy mạnh. Chỉ sau vài tuần phát động việc bao vây kinh tế địch đã đem lại hiệu quả rõ nét. Ở các chợ nằm trong vùng địch kiểm soát thực phẩm trở nên khan hiếm trầm trọng, giá cả nhẩy vọt, thậm chí có lúc không có để mua. Cùng với việc bao vây, quấy rối đồn bốt địch, công tác bao vây kinh tế đã dồn địch vào thế thiếu thốn, cùng quẫn.

Về phía ta, nhờ đẩy mạnh bao vây kinh tế địch mà công tác bảo vệ mùa màng, cất giấu lương thực, thực phẩm được tiến hành tích cực. Ta đã tổ chức lực lượng dân công vận tải đưa lúa gạo từ đồng bằng lên chiến khu và tổ chức cất giấu tại chỗ để phòng địch cướp phá. Trâu, bò, lợn, gà cũng được bảo vệ, tổ chức sơ tán trước khi địch càn quét. Nhờ vậy đã góp phần giải quyết được vấn đề

thiếu thốn lương thực, thực phẩm, tránh được nạn đói, bảo vệ được giá trị đồng bạc Việt Nam.

Bước sang năm 1949, tình hình chung đã giảm bớt một phần khó khăn, thiếu thốn về lương thực, thực phẩm. Thế và lực của ta ngày càng được xây dựng củng cố và phát triển. Tháng 3/1949, Hội đồng nhân dân tỉnh họp Hội nghị đề ra những chủ trương, biện pháp bổ sung kịp thời chờ tình hình và nhiệm vụ mới, trong đó nhấn mạnh:

- Kiện toàn bộ máy chính quyền ta, ra sức phá tan bộ máy nguy quyền của địch.

- Tích cực phát triển dân quân, xây dựng bộ đội địa phương huyện, tỉnh.

- Đặc biệt quan tâm cải thiện dân sinh và vận động thực hiện đời sống mới trong nhân dân.

- Đối phó với chủ trương của địch đưa Bảo Đại về nước.

- Tiếp tục bao vây kinh tế địch.

Thực hiện chủ trương đó, phong trào chống địch tập trung lúa, chống lập hội tề, phong trào tăng gia sản xuất cải thiện đời sống ngày càng được đông đảo nhân dân tích cực tham gia.

Ngày 14/7/1949, Chính phủ ta ra sắc lệnh về giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của việt gian và tạm giao số ruộng đất vắng chủ cho nông dân chưa có ruộng cấy. Ở huyện, phong trào vận động người nhiều ruộng hiến ruộng, hiến đất cho chính quyền cách mạng để tạm cấp cho nông dân được các địa phương tích cực ủng hộ. Hàng trăm gia đình đã tham gia hiến ruộng với hàng trăm mẫu. Số ruộng trên được Ủy ban kháng chiến hành chính

các xã chia cho các gia đình nông dân nghèo khổ. Đối với người nông dân làm thuê cuốc mướn, đây thực sự là một cuộc đổi đời.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và việc tạm cấp ruộng đất cho nông dân đã có tác dụng thiết thực. Đời sống của phần lớn nông dân trong các xã từng bước được cải thiện, phong trào tăng gia sản xuất phát triển. Nhân dân tự giác hăng hái tham gia vào các hoạt động phục vụ kháng chiến như đi dân công vận tải lương thực, muối, vũ khí từ đồng bằng lên chiến khu hoặc các chiến dịch vận chuyển lớn.

Cùng với những bước phát triển về kinh tế, các mặt văn hóa xã hội, giáo dục, y tế mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, khó khăn thiếu thốn mọi mặt nhưng vẫn có những tiến bộ đáng kể. Huyện chủ trương xây dựng các trường cấp I ở các xã cho con em học tập. Một số con em của cán bộ nhân dân được gửi ra vùng Hà Tĩnh, Nghệ An để học tập, đào tạo. Hàng trăm cán bộ các cấp, các ngành được cử đi bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo ở tỉnh, ở Liên khu, cung cấp nguồn cán bộ cho phong trào. Bên cạnh đó, phong trào "Diệt giặc đói" vẫn được duy trì. Đã thanh toán được nạn mù chữ cho phần lớn nhân dân trong toàn huyện. Với thành tích xóa mù chữ, Vĩnh Linh vinh dự được Chính phủ tặng bằng khen. Ba cán bộ được công nhận là chiến sĩ thi đua, được đi dự hội nghị mừng công toàn quốc.

Phong trào xây dựng nếp sống mới, ăn chín uống sôi, ăn dưa hai đầu, giữ vệ sinh phòng bệnh được phổ biến sâu rộng, nhân dân tích cực thực hiện. Huyện tổ chức

trạm xá tại chiến khu để chữa bệnh và điều trị cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Các đội cứu thương, phòng bệnh xuống tận từng xóm, thôn, theo các đơn vị du kích để phục vụ. Phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển rộng rãi, trở thành nguồn cổ vũ động viên trực tiếp đối với công cuộc kháng chiến. Nhiều bài ca dao, hò vè, nhiều câu chuyện trạng, vở kịch, bài thơ, bài hát được lưu truyền trong nhân dân.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng như phụ nữ, thanh niên, nông dân càng có điều kiện để củng cố, phát triển. Phong trào "Mùa đông chiến sĩ" do Hội Mẹ chiến sĩ phát động đã thu hút được nhiều người tham gia, quyên góp được hàng trăm đồng, hàng nghìn bộ quần áo ủng hộ bộ đội và du kích đánh giặc.

Công tác xây dựng Đảng được coi trọng. Huyện ủy chủ trương thành lập các chi bộ theo từng thôn, xã. Nơi nào chưa đủ số đảng viên để hình thành chi bộ thì tổ chức chi bộ ghép. Đồng thời chăm lo công tác phát triển đảng viên mới; bồi dưỡng những người có thành phần cơ bản, tiêu biểu trong sản xuất, chiến đấu trong hoạt động đoàn thể, xã hội để kết nạp vào Đảng. Tháng 2 năm 1949, toàn huyện có 544 đảng viên. Sau 3 tháng tổ chức chăm lo phát triển đã có thêm 218 đồng chí được kết nạp, phần lớn là bộ đội địa phương, du kích, cán bộ nòng cốt các tổ chức, các đoàn thể. Diện chi bộ ghép dần dần được xóa. Tuy nhiên, việc kết nạp đảng viên mới nhiều nơi chạy đua về số lượng, chưa quan tâm đến chất lượng. Cũng thời gian này, đồng chí Phan Trọng Tịnh được cử làm Bí thư Huyện ủy. Huyện ủy cử một đồng chí Ủy viên Thường vụ

phụ trách công tác nuôi quân hậu cần. Một đồng chí Huyện ủy viên được tăng cường làm Chính trị viên Đại đội bộ đội địa phương huyện.

Cơ quan Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính được tổ chức gọn nhẹ, thường xuyên di động từ chiến khu Thủy Ba đi các vùng như Kinh Môn, Hối Cự, Bàu Giời, Quảng Xá, Thủy Trung, Thủy Cần, Vĩnh Hoàng... mỗi địa điểm chỉ đứng chân một thời gian ngắn rồi lại chuyển đi, dựa vào dân để ăn ở, làm việc, nên bọn địch không thể phát hiện.

Nhờ có những quyết định, chủ trương đúng đắn của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I cùng với sự chỉ đạo sát đúng, kịp thời của Tỉnh ủy và Trung ương, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh đã tạo ra những thay đổi, chuyển biến tích cực trong năm 1949. Những khó khăn, gian khổ giai đoạn 2 năm (1947-1948) đến đây đã được giải quyết, tháo gỡ một phần. Lực lượng kháng chiến đã mạnh lên cả về quân sự, kinh tế, chính trị. Niềm tin tưởng lạc quan vào thắng lợi của cuộc kháng chiến trong nhân dân không ngừng tăng lên. Chiến khu Thủy Ba ngày càng được củng cố. Địa bàn đứng chân và hoạt động của du kích được mở rộng. Kẻ địch bị co cụm, bị động đối phó và không còn hung hăng như trước. Lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đã đủ mạnh để tổ chức đánh lại địch có hiệu quả.

Từ năm 1949, được sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu IV và của Tỉnh ủy, ta còn mở tuyến đường vận tải biển từ Thanh - Nghệ - Tĩnh, Quảng Bình và Vĩnh Hoàng (vùng Vĩnh Thái thuộc 2 thôn Thái Lai, Mạch Nước). Từ đây, vũ khí, lương thực, thuốc chữa bệnh... được cất giấu rồi được

vận chuyển tiếp bằng đường bộ lên chiến khu Thủy Ba hoặc theo đường biển vào tiếp Cửa Việt, Mỹ Thủy (Hải Lăng). Huyện chỉ đạo thành lập các đội thuyền vận tải, cử những du kích, những ngư dân dũng cảm có kinh nghiệm, có năng lực ở Vĩnh Thái phụ trách vận chuyển. Theo tuyến đường này, ta đã chuyển từ khu IV vào chiến trường Trị - Thiên hàng ngàn tấn gạo, súng đạn, bom mìn cho cuộc kháng chiến, đồng thời chở nhiều đoàn cán bộ của phân khu, của tỉnh ra vùng tự do Nghệ - Tĩnh. Ngoài đội thuyền, huyện đã huy động hàng ngàn lượt người đi làm công tác vận tải đường bộ. Thanh niên, nhân dân các xã trong vùng đều hăng hái, tích cực tham gia hàng ngàn ngày công cho công tác vận tải, nhất là các chiến dịch Hạ Lào. Bọn địch biết được, nhiều lần tổ chức càn quét, đánh phá nhưng không thể nào phá được tuyến đường vận tải lợi hại này. Cuối năm 1949, bọn Pháp huy động lực lượng binh lính của 2 đồn Ba Bình, Cháp Lễ tổ chức một trận càn lớn đánh vào tuyến vận tải biển. Chúng đánh xuống thôn Mạch Nước, Thái Lai bằng hai mũi, bắt hàng trăm người để đào bới sục tìm kho vũ khí, lương thực nhưng không phát hiện được gì. Chúng bắn chết 17 người dân làng Mạch Nước và đốt cháy hàng chục nóc nhà, thuyền và ngư, lưới cụ của dân. Du kích các xã Vĩnh Hoàng, Vĩnh Thái đã phối hợp chặn đánh, làm cho chúng thiệt hại nặng, phải rút quân. Nhờ nguồn tiếp tế của Trung ương, những khó khăn về vũ khí, thuốc chữa bệnh, lương thực được giải quyết một bước quan trọng. Nguồn lực cho cuộc kháng chiến không ngừng được bổ

sung, tăng cường. Công tác hậu cần, nuôi quân của huyện được đánh giá là một trong những địa phương dẫn đầu¹.

Bước vào năm 1950, cục diện chiến trường có nhiều thay đổi theo hướng thuận lợi cho ta. Thấm nhuần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 năm 1950 của Đảng “... cần phải nhân đà tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sức giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng sự lúng túng của địch... gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”².

Trên địa bàn huyện, thế trận chiến tranh nhân dân đã có bước phát triển vượt bậc. Lực lượng cách mạng được thử thách qua 3 năm kháng chiến đã tích lũy được một số kinh nghiệm quý. Cả 3 thứ quân đã trưởng thành về mọi mặt. Nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lớn mạnh của cách mạng, vào khả năng thắng lợi của cuộc kháng chiến, đã tích cực hăng hái tham gia các hoạt động phục vụ kháng chiến. Hàng trăm thanh niên đã nô nức lên đường tham gia quân chủ lực, bộ đội địa phương, tham gia vận tải đông đến hàng ngàn người. Các tổ chức quần chúng

1. Báo cáo số 13 ngày 17/12/1949 của Tỉnh ủy Quảng Trị ghi nhận: ... huyện Vĩnh Linh là một huyện nghèo nhất và có phong trào nuôi quân mạnh nhất. Riêng trong năm 1949 đã thực hiện được:

- Thành lập ban vận động nuôi quân trong các xã;
- Số dân quân được nuôi vĩnh viễn không thời hạn là 361 đội viên;
- Lúa được 208 thúng;
- Đất 2 mẫu 9 sào, ruộng 9 mẫu;
- Số tiền được 104.825 đồng;
- Áo quần đủ cho 5 trung đội mặc...

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.11, tr.199.

hoạt động ngày càng mạnh, thu hút đông đảo hội viên tham gia, trở thành lực lượng nòng cốt của Đảng trong các phong trào cách mạng.

Sau chiến thắng của Chiến dịch Biên giới năm 1950, thực dân Pháp ngày càng sa lầy vào thế bị động, lúng túng đối phó. Trên địa bàn Quảng Trị, sau khi bị thất bại nặng nề trong Chiến dịch Lê Lai, địch thay đổi âm mưu, tổ chức một chiến dịch lớn trên phạm vi rộng nhằm cướp phá thóc lúa, gọi là “chiến dịch mùa lúa”, với ý đồ thâm hiểm là bóp nát cái “dạ dày” của Việt Minh. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương “quyết không để một hạt thóc rơi vào tay giặc”. Ta đã tổ chức nhiều cuộc phản công phá tan các trận càn của địch, làm cho chúng thất bại nặng nề trong âm mưu cướp phá lúa gạo. Tiếp đó, để phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, quân và dân Quảng Trị đã mở Chiến dịch Phan Đình Phùng, địa bàn của chiến dịch gồm các huyện nam Quảng Bình và bắc Quảng Trị. Lực lượng bộ đội địa phương và du kích của huyện đã phối hợp với Tiểu đoàn 302 (Trung đoàn 95) và bộ đội địa phương của tỉnh bao vây căn cứ Ba Bình, uy hiếp các đồn bốt trong vùng. Bọn chỉ huy ở đồn Ba Bình bị động đối phó, hoang mang, lúng túng chỉ biết gọi quan thầy tiếp viện. Nắm được ý đồ của địch, lực lượng của ta đã phục kích ở Sen Động diệt trên 100 tên trên đường từ Đồng Hới kéo vào ứng cứu.

Sau thất bại này, bọn Pháp càng cay cú, chúng quyết định mở một cuộc hành binh lớn với sự tham gia của 2.000 quân và 200 xe quân sự có máy bay và pháo binh yểm trợ từ Đồng Hới vào Đông Hà - Quảng Trị nhằm tiêu diệt chủ

lực của ta. Nắm được âm mưu của địch, ta đã chủ động bố trí trận phục kích trên tuyến quốc lộ 1 từ Sen Thủy (Quảng Bình) đến ngã ba Sa Lung dài trên 7 km. Lực lượng tham gia đánh địch gồm Trung đoàn 95 (Quảng Trị), Trung đoàn 189 (Quảng Bình), Đại đội địa phương 354 và lực lượng du kích các xã Vĩnh Hoàng, Vĩnh Hồ. Để chuẩn bị cho trận đánh, theo yêu cầu của bộ đội chủ lực, Huyện ủy đã chỉ đạo Chi ủy và chính quyền xã Vĩnh Hoàng bảo đảm các điều kiện công tác hậu cần, nuôi quân. Xã Vĩnh Hoàng đã huy động được 200 chiếc nồi lớn, 5 tạ gạo, nhiều lợn, gà nấu cơm cho bộ đội. Lực lượng của ta dùng chiến thuật ém sẵn, “độn thổ” để chờ giặc. Sáng 27/6/1950, một đoàn xe bọc thép từ Đồng Hới chở đầy lính Âu - Phi theo quốc lộ 1 chạy đến địa phận Hạ Cờ, Cháp Lễ, thì chiếc đi đầu bị mìn nổ tung. Cả đoàn xe ùn lại. Lập tức, bộ đội ta bật nắp hầm xông lên bắn xối xả vào đội hình địch. Một máy bay Moran (Morane) đến ném bom yểm trợ, bị lực lượng ta bắn rơi tại cống Tiểu Khay, tên phi công bị thiêu cháy. Địch điều thêm quân tiếp viện từ Đồng Hới vào cũng bị ta chặn đánh, không cho chúng kịp thời ứng cứu nhau. Sau 5 giờ chiến đấu, bọn Pháp bị chết và bị thương trên 300 tên, 1 máy bay bị bắn cháy, nhiều xe cơ giới bị phá hủy. Ta thu được nhiều chiến lợi phẩm. Chiến thắng Hạ Cờ - Cháp Lễ là thắng lợi mở đầu của lực lượng vũ trang ta trong một chiến dịch lớn, làm tổn thất nặng nề một đội quân thiện chiến, có trang bị hiện đại của địch. Tin chiến thắng làm nức lòng quân và dân toàn huyện. Nhiều nơi trong vùng địch tạm chiếm như Hồ Xá, Tân Trại, Cửa

Tùng nhân dân nghe tin bộ đội chiến thắng cũng tìm cách gửi gạo, vải, gà, vịt, thuốc men ra tặng bộ đội.

Thu - Đông năm 1950, quân và dân ta phải đương đầu với những khó khăn gian khổ mới. Về phía địch, sau những thất bại nặng nề của Chiến dịch Lê Lai, chiến dịch mùa lúa, Chiến dịch Phan Đình Phùng và thường xuyên bị bao vây, quấy rối khắp nơi, chúng đang điên cuồng tìm cách phản ứng để lấy lại quyền làm chủ trên chiến trường. Kẻ thù liên tục mở những cuộc hành quân, càn quét, đánh phá khốc liệt. Chúng tăng cường máy bay và pháo binh đánh vào vùng du kích và căn cứ địa của ta. Đặc biệt, trận lụt ngày 30/10/1950 với sức tàn phá nặng nề chưa từng có trong gần 100 năm qua đã làm nhiều người bị chết, hàng ngàn gia súc, gia cầm, hàng trăm nóc nhà bị trôi. Lúa mùa bị mất trắng, lương thực dự trữ, muối, gạo bị mất gần hết. Trước tình hình đó, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu 4 ra lời kêu gọi:

- Tiết kiệm lương thực cho tiền tuyến,
- Tiết kiệm thì giờ để sản xuất,
- Tiết kiệm chi tiêu để giữ giá đồng bạc Việt Nam,
- Ai vào Bình Trị Thiên mang theo 1 kg gạo và 0,5 kg giống.

Nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa, sớm ổn định tình hình, đầu tháng 11/1950, Tỉnh ủy họp hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách cần tập trung giải quyết lúc này là: Xây dựng, củng cố cơ sở chống giặc.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, khắp các địa phương, các đơn vị lực lượng vũ trang đều dấy lên phong trào tăng gia sản xuất sôi nổi. Tại chiến khu Thủy Ba và

các vùng tiền chiến khu, nương khoai, sắn, ngô của nhân dân, bộ đội, du kích bạt ngàn xanh tốt. Tuyến vận tải biển từ Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa tấp nập ghe, thuyền vận chuyển lương thực, vũ khí... cho chiến trường Bình Trị Thiên. Nhờ đó, những khó khăn về đời sống đã sớm được khắc phục. Vụ chiêm được mùa lớn, lương thực không chỉ đủ dùng tại chỗ mà ta còn cung cấp cho các huyện Triệu Phong, Hải Lăng. Công tác đấu tranh vũ trang, địch vận vẫn được đẩy mạnh. Ban địch vận của huyện phối hợp với lực lượng vũ trang đã nổ súng thị uy, gọi hàng 8 đồn hương vệ ở Di Loan, An Ninh, Chợ Do, An Bằng, An Nghĩa, Cửa Tùng, An Lễ, An Trí. Ngày 20/01/1951, dân quân Vĩnh Hoàng bắt một ghe chở vũ khí, thu 4 súng trường, 2 súng lục và 1 khẩu Tômxơn (Thompson). Dân quân các xã Vĩnh Hồ, Vĩnh Hiền phối hợp với Tiểu đoàn 302 (Trung đoàn 95) phá hoại đoạn đường từ Hồ Xá vào Hiền Lương, đắp nhiều vật cản chặn xe địch, phối hợp cùng lực lượng vũ trang huyện Gio Linh đánh vị trí Ba Dốc, xóa sổ một căn cứ quân sự quan trọng của địch thường dùng pháo binh khống chế địa bàn của 2 huyện.

Ngày 20/02/1951, Tỉnh ủy ra Chỉ thị kế hoạch tác chiến mùa xuân, nêu rõ: Chuyển hướng sự lãnh đạo của các cấp, các ngành; tập trung thực hiện kế hoạch quân sự, bộ đội địa phương phải đánh tiêu diệt cho kỳ được bọn lòng sục đi lẻ tẻ, phục kích địch trên các tuyến đường giao thông. Giúp đỡ dân quân về đánh du kích trong thôn, xóm, gây dựng cơ sở bí mật và tổ chức quần chúng cơ sở. Phân tán lực lượng dân quân tập trung của các xã về diu

dắt dân quân các thôn, hướng dẫn cách đặt bom mìn đánh địch, phối hợp với công tác phá tề, trừ gian, bao vây kinh tế địch, cung cấp địch tình... Phong trào "hũ gạo nuôi quân" được nhân dân các xã hưởng ứng sôi nổi.

II. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH LINH LẦN THỨ II

Giữa lúc cuộc kháng chiến đang trên đà phát triển thuận lợi, tháng 02/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại chiến khu Việt Bắc quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Đại hội đã đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Lao động Việt Nam và bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng.

Trên tinh thần ấy, tháng 5/1951, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II họp tại Rú Sẻ (Thủy Càn, Vĩnh Kim). Đại hội được chuẩn bị chu đáo, có tính chiến đấu cao, thể hiện được niềm tin tưởng, lạc quan vào mục tiêu kháng chiến. Đại hội xác định rõ những nhiệm vụ sắp tới là: tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tiếp tục bao vây kinh tế và chăm lo tăng gia sản xuất, xây dựng tiềm lực cho kháng chiến. Đồng thời, coi trọng việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, chống văn hóa phản động, nô dịch. Thực hiện chủ trương trên, Đại hội quyết định tạm dừng công tác phát triển đảng

viên mới để tập trung củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ.

Tại Đại hội, đồng chí Hoàng Đức Sản được bầu làm Bí thư Huyện ủy, thay đồng chí Phan Trọng Tịnh được phân khu Bình Trị Thiên điều đi nhận nhiệm vụ mới. Có 2 đồng chí mới được bổ sung vào ban Thường vụ Huyện ủy là Mai Nam và Trần Phú Tuyển.

Sau Đại hội, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh. Đi đầu là phong trào du kích xã Vĩnh Hoàng, kẻ thù chỉ cần nghe tiếng đã khiếp sợ. Đồng chí Nguyễn Vãng - Xã đội trưởng xã Vĩnh Hoàng - trở thành một chuyên gia về đánh bom mìn. Nhiều tấm gương chiến đấu giỏi xuất hiện như Trần Đức Đá (ở Vĩnh Hồ), Phan Thị Lành (ở Vĩnh Thủy), Phùng Thuận (ở Vĩnh Giang); đặc biệt là 2 chiến sĩ thi đua toàn quốc Trần Thị Cam và Trần Thị Nghey.

Từ năm 1951, theo chủ trương của Ủy ban Kháng chiến hành chính, địa giới các xã được tổ chức lại theo hướng chia nhỏ như trước đây. Lực lượng vũ trang cũng được củng cố theo địa phương mới. Chiến tranh du kích phát triển đến đỉnh cao, đánh địch ngay giữa ban ngày. Toàn bộ hệ thống đồn bốt địch theo trục đường 70 bị bao vây, buộc địch phải điều một tiểu đoàn ứng chiến Âu - Phi về giải tỏa. Cuộc chiến đấu ở một số địa phương lại trở nên quyết liệt. Lực lượng du kích và bộ máy chính quyền xã Vĩnh Giang ban ngày phải tạm lánh sang xã Vĩnh Liêm, ban đêm mới trở về hoạt động.

Cuối năm 1951, Hội nghị Huyện ủy mở rộng họp tại Bàu Dồi đã đề ra một số chủ trương kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Tăng cường phá thế kìm kẹp, giành dân, đẩy mạnh trừ gian, diệt tề, chống địch bắt lính. Việc đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích được xác định là một khâu quan trọng để giành thế chủ động trên chiến trường. Huyện ủy đã điều động một số cán bộ có năng lực chỉ huy tốt, có kinh nghiệm tổ chức đánh địch cho những địa bàn xung yếu; trong đó, có việc tổ chức lại lực lượng vây ép đồn Mỹ Tá, vốn là một căn cứ lợi hại của địch, án ngữ ngay cửa ngõ vào chiến khu của ta. Cũng trong thời gian này, công an Vĩnh Linh đã bố trí giết tên Gioàng - tay sai đắc lực của Pháp - ở nhà thờ Hòa Lý. Đầu năm 1952, nhờ cơ sở bí mật báo tin, ta đã bố trí bắt gọn bọn tay sai liên lạc của Bécna là Chu Kim Tuyển ở dòng Phước Sơn khi đang tìm cách cứu quân Pháp. Từ tháng 7 đến tháng 9/1952, ta đã triệt hạ 37 ban tề trên địa bàn huyện.

Thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy phân khu Bình Trị Thiên, trong thời gian này phải đẩy mạnh hoạt động của các lực lượng vũ trang, tiêu diệt sinh lực địch, cầm chân địch không cho chúng điều động, ứng cứu cho các chiến trường chính, Huyện ủy phát động đợt thi đua “đẩy mạnh chiến tranh du kích, ra sức xây dựng cơ sở và tăng cường đấu tranh ở vùng sau lưng địch”.

Ngày 23/11/1952, địch huy động 3 tiểu đoàn gồm Tiểu đoàn 27 Bắc Phi, Tiểu đoàn 6 Saphis và tiểu đoàn 27

ngụy với máy bay, tàu chiến, pháo binh yểm trợ; chia thành 3 mũi, càn vào xã Vĩnh Hoàng. Giặc Pháp mở trận càn này nhằm phá hoại tuyến vận chuyển đường biển và triệt hạ vùng có phong trào du kích mạnh của ta. Du kích xã Vĩnh Hoàng được sự hỗ trợ của Tiểu đoàn 320 bộ đội địa phương tỉnh đã chủ động triển khai lực lượng chống càn. Cánh quân thứ nhất của địch, từ Hồ Xá theo đường Cáp Lài mò vào đầu xã liền vấp phải mìn nổ tung, 2 xe chở đầy lính bị tiêu diệt. Ta vận dụng lối đánh du kích, dựa vào hàng rào tre dày đặc, hệ thống hầm hào để vận động đánh địch. Sau hai ngày bị ta phản công quyết liệt, địch bị tổn thất nặng nề, buộc phải rút lui. Ta tiêu diệt trên 50 tên địch và 2 xe quân sự. Chiến công của du kích xã Vĩnh Hoàng đánh bại trận càn quy mô của Pháp làm nức lòng quân và dân toàn huyện.

Trong năm 1952, lực lượng vũ trang huyện mà chủ yếu là du kích xã đã tổ chức đánh nhiều trận; trong đó, tiêu biểu là trận phục kích tại cầu Lèo Heo diệt bọn địch hành quân từ Hồ Xá về Dốc Miếu, tiêu diệt 8 tên, bắt một số tù binh, có cả lính Âu - Phi, thu vũ khí. Trận phối hợp với bộ đội chủ lực của Trung đoàn 95 do đồng chí Vân Hùng chỉ huy vây đồn Mỹ Tá, tiêu diệt đồn Cỏ Hiên, giành thắng lợi. Cũng trong thời gian này, một bộ phận lực lượng vũ trang huyện và các đội dân công vận tải được tỉnh điều động tăng cường cho Chiến dịch Nam Đông -Đường 74 (Gio Linh) góp phần giành thắng lợi lớn.

Cuối năm 1952, một vinh dự to lớn đến với Đảng bộ và lực lượng vũ trang Vĩnh Linh, được đón nhận thư khen về thành tích chiến đấu giết giặc lập công của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

III. PHỐI HỢP VỚI CÁC CHIẾN TRƯỜNG, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG HOÀN TOÀN THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

Năm 1953, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào năm thứ 8.

Trải qua thử thách vô cùng quyết liệt, cùng với địch họa, thiên tai, khó khăn, thiếu thốn chồng chất; nhưng thế và lực của ta đã phát triển lên một bước mới. Đảng bộ huyện đã trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Tổng số đảng viên có trên 1.000 đồng chí. Các xã đều có chi bộ đảng. Trong toàn huyện chỉ còn 15 thôn chưa có đảng viên, chủ yếu là những thôn ở vùng địch tạm chiếm, vùng Công giáo hoặc vùng mới giải phóng¹. Lực lượng du kích đã được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Vũ khí đánh địch được trang bị tương đối đầy đủ, đủ sức để tổ chức đánh địch ở quy mô lớn. Phong trào tòng quân tham gia xây dựng bộ đội chủ lực được các địa phương được thực hiện tích cực, có nền nếp như ở Vĩnh Hồ, Vĩnh Giang, Vĩnh Hoàng, Vĩnh Thủy.

1. Báo cáo số 60-TC của Tỉnh ủy Quảng Trị cuối năm 1953.

Sau chiến thắng Tây Bắc và Thượng Lào, tình hình càng thuận lợi cho ta và bất lợi cho địch. Bộ đội chủ lực được trên điều ra Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh để củng cố và tăng cường cho mặt trận Tây Bắc. Lúc này, phương châm hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương được xác định: du kích chiến là chính, chống càn quét là chủ yếu. Trong điều kiện thuận lợi sẽ đánh công kiên và vận động đánh nhỏ nhằm phát triển du kích chiến tranh, luồn sâu vào vùng địch hậu để xây dựng cơ sở.

Thực hiện phương châm này, các cấp ủy đảng, các đơn vị du kích địa phương đã khẩn trương triển khai có kết quả. Tháng 3/1953, ta chặn đánh và diệt gọn 1 đại đội địch càn quét cách đồn Hồ Xá 1 km. Đại đội 354 cùng du kích các xã phối hợp phục kích giao thông trên các đoạn đường Hiền Lương, Ba Dốc, Chấp Lễ, Hạ Cờ gây cho địch nhiều thiệt hại. Để chống phá âm mưu càn quét của địch, Huyện ủy kịp thời chỉ đạo các địa phương chủ động chống càn bảo vệ mùa, lấy đấu tranh quân sự làm trung tâm, kiên quyết bẻ gãy các trận càn của địch, không để một hạt thóc lọt vào tay kẻ thù. Từ ngày 28 đến ngày 30/12/1953, du kích và bộ đội địa phương đánh tan trận càn lớn của địch vào vùng Cửa Tùng, diệt 150 tên, phá hủy 4 ca nô, thu nhiều súng đạn. Trong trận này, du kích xã Vĩnh Liêm cũng phối hợp bắn chìm 4 ca nô của địch.

Cùng với hoạt động vũ trang đánh địch càn quét, ta đã khám phá vụ gián điệp lớn ở xã Vĩnh Hồ do tên Gái cầm đầu. Năm 1954, Công an huyện phối hợp với du kích

diệt tên Chánh Tạo, vừa làm chánh tổng vừa cầm đầu bọn Liên đoàn Công giáo ở huyện. Đồng chí Nguyễn Cáo, Phó Công an xã Vĩnh Tùng đã bố trí cơ sở nội tuyến theo dõi quy luật hoạt động của tên Tạo để bố trí phục kích. Ngay giữa ban ngày, công an huyện đã đột nhập Chợ Do, trong lúc người họp chợ đang đông, nổ súng diệt gọn tên Tạo khi hắn đang ngồi uống rượu trong quán, rồi rút lui an toàn. Cũng trong thời gian này, công an huyện tiếp tục khám phá vụ bọn phản động ở dòng Phước Sơn, vốn đã được phát hiện và theo dõi từ năm 1952. Bọn Pháp lợi dụng Thiên Chúa giáo để biến dòng Phước Sơn thành hang ổ gián điệp của chúng ở Bình Trị Thiên. Tên tướng Lebris là người trực tiếp chỉ huy bọn gián điệp ở đây nhằm phục vụ kế hoạch do thám từ ga Sa Lung trở vào phía Nam. Năm 1949, trong một bức thư gửi tướng Lebris và Pacul - Đồn trưởng đồn Ba Bình, Barecha bề trên của dòng Phước Sơn viết: Vùng Phước Sơn là một căn cứ bất khả xâm phạm. Tại đây có thể thu lượm và cung cấp cho các ông đủ loại tin tức. Như vậy, cái gọi là "dòng khổ tu Phước Sơn" thực chất chính là sào huyệt của bọn cầm đầu phản động, lợi dụng tôn giáo cấu kết với thực dân Pháp thu thập tin tức tình báo về mọi mặt của ta, cung cấp cho cơ quan phòng Nhì của thực dân Pháp ở Đông Hà và Huế. Từ những tin tức thu thập được về hoạt động của chúng, công an huyện đã làm tham mưu cho cấp ủy đảng chỉ đạo phối hợp giữa an ninh, vũ trang, dân vận phát động quần chúng giáo dân từng bước đấu tranh, trấn áp bọn phản

động, vạch mặt những tên cầm đầu nguy hiểm. Kết quả, ta bắt 6 linh mục đầu sỏ và nhiều tên phản động nằm trong mạng lưới gián điệp. Khám phá được vụ án này, ta đã trực tiếp làm thất bại âm mưu chiến tranh gián điệp của Pháp ở phân khu Bình Trị Thiên, đồng thời, ta còn tịch thu trên 150 ha ruộng đất bị dòng Phước Sơn chiếm đoạt trước đây để chia cho những giáo dân, nông dân nghèo thiếu ruộng cày, củng cố thêm niềm tin của giáo dân vào chính sách tôn giáo của Đảng, vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Cùng với việc đẩy mạnh tiến công địch về mặt quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở các vùng địch tạm chiếm cũng phát triển mạnh. Bằng nhiều hình thức như mítting, hội họp, biểu tình đưa yêu sách, rải truyền đơn, nhân dân chủ động đứng lên chống sưu cao thuế nặng, chống áp bức, bóc lột, chống bắt lính, đòi chồng, con, anh, em bị bắt lính trở về, vận động binh sĩ địch bỏ ngũ. Tháng 12/1953, nhân dân Vĩnh Linh đã phối hợp đấu tranh buộc địch thả 458/559 người bị chúng bắt đi lính. Chị em phụ nữ xã Vĩnh Giang vào tận Đông Hà đấu tranh buộc chúng phải thả 70 con em bị chúng bắt lính trở về với gia đình. Mẹ Ngô Thị Lấy đã dũng cảm nằm ngang đường, chặn xe giặc để giải thoát 45 thanh niên bị địch bắt lính. Cũng trong thời gian này, để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh chính trị và địch vận, đội trinh sát công an huyện phối hợp với du kích diệt 13 tên tề điệp gian ác ở các xã và bao vây, răn đe cảnh cáo một số tên

khác. Phong trào đấu tranh của quần chúng đã tác động mạnh mẽ đến hàng ngũ binh sĩ địch. Nhiều binh lính nguy bỏ đồn trở về với gia đình hoặc chống lệnh hành quân đi các chiến trường Lào, Bắc Bộ.

Các hoạt động phục vụ tiền tuyến và phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng” được đẩy mạnh. Các xã đều huy động hàng ngàn lượt người đi vận chuyển cho Chiến dịch Trung Lào. Bộ đội địa phương phối hợp với du kích và công an tổ chức thành các đơn vị cơ động bảo vệ đoàn dân công vận chuyển qua các tuyến đường trên địa bàn huyện, nổi chiến khu Thủy Ba với các căn cứ địa trong toàn liên khu.

Để cứu vãn đội quân viễn chinh Pháp đang ngày càng lún sâu vào thế thất bại, mùa hè năm 1953, thực dân Pháp cử tướng Nava sang làm tổng chỉ huy quân đội xâm lược Pháp ở Đông Dương. Y vạch ra “kế hoạch Nava”, bình định Việt Nam trong vòng 18 tháng, xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh làm bàn đạp để khống chế và tiêu diệt lực lượng cách mạng Việt Nam, Lào và Campuchia. Đây là một kế hoạch lớn, một âm mưu thâm độc và xảo quyệt, một ảo vọng điên cuồng nhằm đánh phá phong trào cách mạng của 3 nước Đông Dương.

Để phá kế hoạch của địch, từ cuối năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn những chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953-1954 với phương châm: khắc phục mọi khó khăn, sử dụng mọi biện pháp, giữ vững chủ

động, kiên quyết buộc địch phải phân tán, phá vỡ khối cơ động tập trung của chúng, điều động từng bộ phận chủ lực của chúng ra những hướng khác nhau rồi chọn hướng thuận lợi cho ta mà tiêu diệt chúng.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, các địa phương đều tích cực tham gia vào đợt huy động lớn nhân tài vật lực cho tiền tuyến, tổng động viên toàn bộ lực lượng cho mặt trận chính để giành chiến thắng. Ở Vĩnh Linh lúc này, các đơn vị chủ lực và bộ đội địa phương được điều động ra các chiến trường ở Tây Bắc. Hàng ngàn thanh niên nam nữ tham gia vào các đoàn dân công hỏa tuyến phục vụ chiến dịch. Bộ phận còn lại của bộ đội địa phương huyện và du kích các xã đảm nhận nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động vũ trang, chống càn trên địa bàn, kìm chân địch tại chỗ, không cho chúng rảnh tay để tăng cường cho mặt trận chính đang mở ra ở Điện Biên Phủ. Mặt khác, để phối hợp với cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Giơnevơ, gây sức ép với địch, đồng thời cũng để biểu dương thực lực cách mạng của quần chúng, Huyện ủy chủ trương huy động lực lượng quần chúng biểu tình thị uy, đòi lập lại hòa bình.

Với việc huy động sức mạnh tổng hợp của quân và dân ta trong cả nước, Chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954 kết thúc, với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Hiệp định Giơnevơ (ngày 20/7/1954) về đình chỉ chiến tranh, lập lại hòa bình

ở Đông Dương được ký kết, kết thúc thắng lợi 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ở Vĩnh Linh, được sự lãnh đạo của Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính, với tinh thần và khí thế dâng cao, hàng chục cuộc mítting diễu hành mừng chiến thắng của quần chúng nhân dân được tổ chức rất rầm rộ và sôi nổi.

Ngày 01/8/1954, tiếng súng chiến tranh ngừng nổ trên đất Vĩnh Linh.

Ngày 25/8/1954, tên lính Pháp cuối cùng rút qua cầu Hiền Lương.

Vĩnh Linh là huyện duy nhất của Quảng Trị được hoàn toàn giải phóng. Từ đây, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh bước vào giai đoạn cách mạng mới trong tư thế của những người chiến thắng.

*

* *

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Vĩnh Linh là một chiến trường thống nhất của tỉnh Quảng Trị. Vốn là một vùng quê nghèo, lại luôn bị thiên tai tàn phá nên khi bước vào chiến tranh cũng như suốt trong quá trình kháng chiến, Vĩnh Linh luôn luôn phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách chưa từng có trong lịch sử quê hương. Qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh đã phải gánh chịu bao đau thương, tổn thất về người và của. Nhưng qua thử thách, Vĩnh Linh đã lớn mạnh hẳn lên,

trưởng thành vượt bậc về mọi mặt, nhất là về nhận thức chính trị, lòng yêu nước và tinh thần quyết tâm kháng chiến, kinh nghiệm đánh giặc và nếp sống văn hóa tốt đẹp. Tấm lòng, tình cảm của đảng viên, cán bộ, quân và dân Vĩnh Linh với Đảng vĩ đại và Bác Hồ kính yêu ngày càng sâu đậm. Tình quân, dân, đất nước càng thêm nồng nàn thấm thiết.

Từ trong khói lửa vùng lên, từ "áo vải chân không đi lòng giặc đánh", Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh đã dần dần tích lũy được những kinh nghiệm quý báu để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, đó là:

Một là, biết giáo dục, động viên và tổ chức các tầng lớp nhân dân kể cả lương, giáo, giữa đồng bào người Kinh và đồng bào dân tộc Vân Kiều thành một mặt trận rộng rãi, lấy công - nông liên minh làm nòng cốt tham gia kháng chiến, buộc địch phải đương đầu với cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện và lâu dài. Các cấp ủy đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến kiến quốc. Hầu hết đội ngũ cán bộ, đảng viên đều trung dũng, kiên cường, gan góc, trụ bám, gắn bó với nhân dân, gương mẫu về mọi mặt, là một yếu tố quan trọng trực tiếp quyết định phong trào chiến tranh nhân dân ngày càng lớn mạnh.

Hai là, biết sáng tạo, thông minh trong đánh địch và nuôi dưỡng lực lượng kháng chiến. Xây dựng thành công các điển hình đánh giặc giữ làng. Tổ chức tốt phong trào chiến tranh du kích rộng rãi, đều khắp trong các vùng, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc để đánh

địch. Xây dựng chiến khu, hình thành làng chiến đấu, căn cứ du kích liên hoàn với nhau để đánh địch là một phương thức hoạt động đúng đắn, sáng tạo, có hiệu quả cao ở một chiến trường cơ bản là địch hậu, đánh du kích là chủ yếu.

Ba là, quan tâm bồi dưỡng, xây dựng, đào tạo rèn luyện được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng, chính quyền, các đoàn thể và lực lượng vũ trang từ huyện đến cơ sở thực sự là những hạt nhân nòng cốt của phong trào, gắn bó với thực tế, gắn bó với nhân dân, được quần chúng tin yêu, đùm bọc, che chở.

Những bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã được Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh kế thừa và phát huy, mở rộng nhận thức, vận dụng vào thực tiễn một cách đúng đắn, linh hoạt và sáng tạo trên những chặng đường cách mạng mới, tiếp tục chiến đấu để lập nên những thắng lợi vẻ vang về sau.

Phần thứ tư

**ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO
TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI HAI NHIỆM VỤ
CHIẾN LƯỢC: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954-1975)**

Chương VII

ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG KHU VỰC ĐẦU CẦU GIỚI TUYẾN (1954-1957)

I. VĨNH LINH SAU HIỆP ĐỊNH GIÒNEVO

1. Bối cảnh lịch sử về việc hình thành giới tuyến quân sự tạm thời tại Vĩ tuyến 17 và việc thiết lập khu phi quân sự (DMZ)

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Việt Nam tạm thời chia làm hai miền Nam - Bắc, lấy sông Hiền Lương nằm trên Vĩ tuyến 17 thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị làm giới tuyến quân sự tạm thời trong thời gian chờ cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước (dự kiến vào tháng 7/1956). Ở vùng giới tuyến sẽ thiết lập một khu phi quân sự - Vĩ tuyến 17 (gọi tắt là DMZ), rộng tối đa 5 km mỗi bên (kể từ bờ sông của 2 phía) để ngăn cách lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam, Quân đội Liên hiệp Pháp và kiểm soát việc đi lại giữa nhân dân 2 miền. Việc kiểm soát hoạt động ở DMZ

sẽ do “Tổ Quốc tế 76” thuộc Ủy ban Quốc tế, gồm đại diện 3 nước: Ba Lan, Canada và Ấn Độ phụ trách. Tổ này có nhiệm vụ kiểm tra việc thi hành Hiệp định ở khu DMZ, có thể triệu tập Ban liên hợp nếu thấy cần thiết. Mỗi lần tổ muốn đi kiểm tra ở đâu thì phải báo trước với Ban liên hợp và phải có đại diện Ban liên hợp đi theo để cùng giải quyết tại chỗ những việc xảy ra trong khu vực.

Để đảm bảo cho việc thi hành Hiệp định, tại Hội nghị quân sự Trung Giã (thuộc tỉnh Thái Nguyên, từ ngày 04/7 đến ngày 27/7/1954), đại diện của Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân đội Liên hiệp Pháp thỏa thuận thành lập Ủy ban Liên hợp Trung ương¹. Ủy ban có nhiệm vụ “đại diện cho hai bên đặt kế hoạch và thể thức thực hiện các điều khoản trong hiệp định đình chỉ xung đột và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ấy. Đồng thời thương lượng giải quyết mọi việc khác có liên quan đến hiệp định”, nhằm “đảm bảo tôn trọng các đường ranh giới đóng quân tạm thời, giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự”. Để “bảo đảm trật tự an ninh và sự tôn trọng quy chế khu phi quân sự, mỗi bên sẽ thành lập một đại đội công an giới tuyến, gồm 100 người”². Trang bị cho mỗi đại đội công an thì 50% tổng số toàn đội mang súng ngắn, số

1. Đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam do Thiếu tướng Văn Tiến Dũng làm Trưởng đoàn, đoàn đại biểu quân đội Pháp do Thiếu tá Marcel Lennuyeux làm Trưởng đoàn.

2. Ủy ban Liên hợp Trung ương: Quyết định số 1, ngày 13/8/1954, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Hà Nội, Phòng Bộ Nội vụ, hộp 544, hồ sơ số 3767.

còn lại 1/3 mang súng carbine, 2/3 mang tiểu liên, không có lựu đạn. Mỗi khẩu carbine hoặc tiểu liên có 200 viên đạn, mỗi súng ngắn có 50 viên”. Hiệp định quy định cấm không một người nào, dù quân nhân hay thường dân ra, vào khu phi quân sự của hai bên, trừ nhân viên Ủy ban quốc tế, Ủy ban Liên hợp và nhân viên hành chính công an ở khu phi quân sự khi thực thi nhiệm vụ kiểm soát.

Về hệ thống tổ chức, ngoài Ủy ban Liên hợp Trung ương, hiệp nghị Trung Giã còn quy định từng chiến trường có ban liên hợp chiến trường, dưới ban ấy có các “tổ chức liên hợp tỉnh tại” và các “tổ chức liên hợp lưu động”. Thực thi Quyết định số 1 của Ủy ban Liên hợp Trung ương (ngày 13/8/1954) và căn cứ tình hình thực tế, từ ngày 10/8/1954, Ban Liên hợp chiến trường Bình - Trị - Thiên của cả 2 bên¹ hợp, thống nhất việc khảo sát và cắm mốc giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự theo các yêu cầu sau²:

(1) Thiết lập khu phi quân sự (DMZ) ở 2 phía Nam - Bắc rộng tối đa 5 km kể từ giới tuyến quân sự tạm thời (nhưng không nói rõ độ hẹp nhất là bao nhiêu). Do đó,

1. Ban Liên hợp chiến trường Bình - Trị - Thiên, về phía Quân đội nhân dân Việt Nam có: Trần Chí Hiền - Trưởng ban, Hồ Sỹ Thản - Phó Trưởng ban, các thành viên Vũ Kỳ Lân, Vũ Hắc Bông, Hoàng Bằng. Về phía Quân đội Liên hiệp Pháp có: Le Courteois, André Aulerti, Maurois, Diert Lert và Thiếu tá Thường (người Việt).

2. Theo Ngô Tiến Quân, nguyên cán bộ Ban Liên hợp DMZ (1954-1956), Sĩ quan liên lạc (1956-1960), người trực tiếp tham gia quy hoạch DMZ phía Bắc.

để đảm bảo yêu cầu khoảng cách vừa đủ và phù hợp thực tế, hai bên nhất trí DMZ mỗi bên có giới hạn từ 2,5 km đến 5 km.

(2) Thiết lập khu phi quân sự không ảnh hưởng đến công việc làm ăn bình thường của nhân dân như không chia cắt xóm làng, ruộng vườn. Nếu đường ranh giới DMZ chạy ngang qua xóm làng nào thì đưa làng đó vào hoặc ra ngoài, miễn sao đảm bảo DMZ rộng trong khoảng 2,5 km đến 5 km¹.

(3) Giới tuyến quân sự tạm thời và DMZ chỉ kéo dài đến những nơi có thể kiểm soát được. Khu vực từ Bến Tắt (nay thuộc vùng Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn) lên đến biên giới Việt - Lào rất dài, địa hình rừng núi hiểm trở nên trong thời hạn 25 ngày (theo quy định tại Điều 5 của Hiệp định), Ban Liên hợp không thể hoàn thành việc quy hoạch². Do đó, trên thực tế thì giới tuyến chỉ lên đến Khe Bầm, Bến Tắt. Đến đây, ta viện lý do rừng núi hiểm trở, đi lại khó khăn không thể kiểm soát được. Như vậy, từ Cù Rừng lên đến biên giới Việt - Lào không có ranh giới quân sự.

1. "...Về phạm vi đường giới tuyến, ta đấu tranh không để ranh giới cắt qua giữa thôn, làng, nghĩa là khi gặp thôn, làng thì đường ranh giới phải lùi ra, đi vòng. Vì vậy, khi cắm mốc giới tuyến không theo đường thẳng mà dích dắc, quanh co". Theo Hùng Sơn, Lê Khai: *Đường Hồ Chí Minh qua Bình Trị Thiên*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1992, tr.241.

2. Ngoài ra, theo ông Ngô Tiến Quân, do Bến Tắt là cửa ngõ vào Chiến khu Thủy Ba nên ta cần phải giữ bí mật, không thể để cho các lực lượng khác vào kiểm soát khu vực này.

Điều 4 Hiệp định Giơnevơ ghi rõ: “Giới tuyến quân sự giữa hai vùng tập hợp kéo dài ra ngoài hải phận theo một đường thẳng vuông góc với đường ven biển”. Cụ thể là: “Cửa sông Bến Hải (sông Cửa Tùng) và dòng sông đó (trong vùng núi sông này gọi là sông Rào Thanh) cho đến làng Bôhôn, rồi vĩ tuyến Bôhôn cho đến biên giới Việt Nam - Lào”¹. Ở giới tuyến quân sự tạm thời mỗi bên sẽ đặt ở những địa điểm qua lại các bảng hiệu bằng hai thứ tiếng Việt và Pháp:

Giới tuyến quân sự tạm thời - Ligne de démarcation militaire provisoire

Ranh giới khu phi quân sự là những đường hạn định khu phi quân sự ở phía Bắc và phía Nam Vĩ tuyến 17. “Đường ranh giới Bắc và Nam khu phi quân sự được đánh dấu trên những địa hình bằng cọc gỗ, cao 1,7 m, cắm xa hay gần tùy vào địa hình, nhưng tối thiểu là 50 m, tối đa 300 m; riêng vùng rừng núi (phía Bắc từ Thủy Ba Hạ, phía Nam từ Thanh Khê trở lên đến biên giới Việt Nam - Lào, cọc cách cọc chừng 1 km). Trên mỗi cọc gỗ có ghi: “K.P.Q.S” hoặc ghi rõ “Khu phi quân sự”; biển chữ ghi ngang, nền trắng, chữ xanh hoặc đen”.

Ngày 20/8/1954, từ bờ biển (Mũi Si ở phía Bắc và Thủy Bạt ở phía Nam), hai bên bắt đầu khảo sát và cắm

1. Nguyên bản tiếng Pháp: “L'embouchure du Song Ben Hai (rivière de Cua Tung) et le cours de cette rivière (qui prend dans la montagne le nom de Rao Thanh) jusqu'au village de Bo Ho Su jusqu'à la frontière lao-vietnamienne”.

mốc DMZ. Ngày 25/8/1954, khi hai bên mới quy hoạch đến quốc lộ 1, thực hiện Điều 5 của Hiệp định, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi bờ Bắc, qua cầu Hiền Lương. Vĩnh Linh là huyện duy nhất của tỉnh Quảng Trị được hoàn toàn giải phóng. Ngày 27/8, khi công việc cắm mốc lên đến Bến Tắt thì thời hạn mà Ủy ban Liên hợp đặt ra đã hết, hai bên thống nhất dừng lại và kết thúc công việc. Tổng cộng, ranh giới DMZ phía Bắc (từ Mũi Si lên đến Hải Cự) có 133 cột mốc, ranh giới DMZ phía Nam (từ Thủy Bạt lên Bến Tắt) có 141 cột mốc¹. Tính chung, DMZ dài khoảng 20 km và ở mỗi vùng, mỗi bên, tùy địa hình có độ rộng hẹp khác nhau². DMZ phía Nam gồm toàn bộ 11 thôn của xã Vĩnh Liêm, với 10.406 dân và 4 thôn của xã Vĩnh Sơn, với 2.861 dân³. DMZ phía Bắc có 8 thôn của xã Vĩnh Giang, với 4.557 dân; 8 thôn của xã Vĩnh Sơn, 3.070 dân; 8 thôn của xã Vĩnh Tùng, với 3.607 dân

1. Ghi theo hồ sơ cá nhân của ông Huỳnh Văn Trình, nguyên Trưởng đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hợp DMZ 1961-1963. Địa chỉ: 26 Hàng Chuối, Hà Nội.

2. Chẳng hạn, cột mốc DMZ Nam ở Cao Xá (trên quốc lộ 1) cách cầu Hiền Lương 4,5 km trong khi cột mốc DMZ Bắc ở Cầu Trìa (cũng trên quốc lộ 1) chỉ cách cầu 2,5 km và cột mốc phía sau làng Tân Trại lại cách bờ sông hơn 6 km.

3. Xã Vĩnh Liêm gồm các thôn: Cát Sơn Phường, Xuân Mỹ, Bạch Lộc, Xuân Long, Xuân Hòa, Hải Chữ, Cao Xá, Võ Xá, Cương Gián, Thủy Bạt, Thủy Khê.

Xã Vĩnh Sơn gồm các thôn: Tân Xuân, Võ Kim Đông, Tân Kim Đông, Tân Lập.

và 5 thôn của xã Vĩnh Hiền, 3 xóm thuộc thôn Liêm Công Đông¹.

Ngày 26/8/1954, Ủy viên Chính phủ Quốc gia Việt Nam tại Trung Việt ra Nghị định số 1908-NĐ-PC nâng cấp toàn bộ khu DMZ phía Nam thành quận Trung Lương trực thuộc tỉnh Quảng Trị, gồm 3 xã Trung Giang, Trung Hải, Trung Sơn với 19 thôn².

Tháng 10/1956, sau khi chia tách và lập thêm xã, thôn mới; DMZ phía Bắc gồm các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Sơn (trong đó xã Vĩnh Thành được lập trên cơ sở một số thôn của xã Vĩnh Hiền cũ, xã Vĩnh Quang thành lập trên cơ sở các thôn của

1. 8 thôn của xã Vĩnh Giang gồm: Tân Trại Hạ, Cổ Trai, Phước Lý, Mỹ Lộc, Tùng Luật, An Ninh, Di Loan, An Du Đông.

8 thôn của xã Vĩnh Sơn gồm: Cổ Hiền, Phan Xá, Lê Xá, Huỳnh Thượng, Huỳnh Hạ, Tiên Cự, Phước Sơn, Minh Đức).

8 thôn của xã Vĩnh Tùng gồm: Vĩnh An, Xóm Trăn, Xóm Chùa, Xóm Dâu, Tân Lý, An Bằng, An Ngãi, Hộ Tây.

5 thôn của xã Vĩnh Hiền gồm: Hiền Lương, Liêm Công Phường, Tân Trại Thượng, Mô Nham, Liêm Công Tây.

Xem Đảng bộ huyện Vĩnh Linh: *Báo cáo về tình hình lãnh đạo và chỉ đạo trong Khu phi quân sự*, số 426/TC, ngày 15/9/1954, Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, cặp 01, hồ sơ số 7.

2. Nguyễn Đình Tư: *Non nước Quảng Trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr.108.

Cụ thể gồm: Cao Xá, Cẩm Phổ, Thủy Khê, Cương Gián, Thủy Bạ và An Lộc (xã Trung Giang); Xuân Hòa, Hải Chử, Xuân Long, Xuân Mỹ, Bạch Lộc và Cát Sơn (xã Trung Hải); Võ Xá, Kinh Môn, An Xuân, Giang Phao, Hải Cự, An Xá và Tân Môn (xã Trung Sơn).

xã Vĩnh Tùng cũ, xã Vĩnh Tân tách ra từ xã Vĩnh Giang)¹, gồm 26 thôn², với 13.058 dân, trong đó hơn 300 gia đình có người thân, 60 gia đình có mồ mả và 30 mẫu ruộng ở bờ Nam³.

Để tiến hành kiểm soát đường giới tuyến quân sự tạm thời, bản quy chế nêu rõ 10 địa điểm được phép qua lại gồm có: Cầu Hiền Lương và 9 cặp bến đò nối thôn xóm tương ứng đôi bờ sông giới tuyến là: Cửa Tùng - Cát Sơn, Tùng Luật - Xuân Mỹ, Phước Lý - Bạch Lộc, Chòi - Xuân Long, Hiền Lương - Xuân Hòa, Huỳnh Thượng - Võ Xá, Tiên An - Kinh Môn, Minh Hương - Hối Cự, Bến Tắt - Cẩm Sơn.

1. Chủ tịch Ủy ban Hành chính Liên khu IV (1954): *Quyết nghị số 1.508 TC/CBNQ*, ngày 13/12/1954, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Hà Nội, Phòng Bộ Nội vụ, hộp số 122, hồ sơ 771.

2. Gồm: Vĩnh An, Tiên Lý, Lộc Đức (xã Vĩnh Quang), Tân Trại Hạ, Cổ Trai, Phước Lý, Mỹ Lộc, Tùng Luật, An Ninh, Di Loan (xã Vĩnh Giang); An Du Đông, Thôn Đông, Thôn Xóm Cát (xã Vĩnh Tân); Hiền Lương, Liêm Công Phường, Liêm Công Đông, Liêm Công Tây, Tân Trại Thượng (xã Vĩnh Thành); Tiên Sơn, Tiên An, An Cư, Huỳnh Thượng, Huỳnh Hạ, Phan Xá, Cổ Hiền, Tiên Trạo (xã Vĩnh Sơn).

Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực Vĩnh Linh (1956): *Danh sách các xã thuộc khu vực Vĩnh Linh*, số 1.714/TCCB, ngày 27/10/1956, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Hà Nội, Phòng Bộ Nội vụ, hộp số 122, hồ sơ 771.

3. Ghi theo hồ sơ cá nhân của ông Huỳnh Văn Trình, nguyên Trưởng đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hợp DMZ 1961-1963. Địa chỉ: 26 Hàng Chuối, Hà Nội.

Giữa tháng 8/1954, Bộ Tư lệnh Liên khu IV ra Quyết định số 817/BTL-IV thành lập Đại đội công an giới tuyến. Từ ngày 25/8/1954, đại đội bắt đầu được triển khai ở 13 đồn, trạm từ Cửa Tùng lên đến Bến Tắt. Đến ngày 07/11/1954, để đảm bảo việc học tập, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ cũng như đảm bảo thường xuyên có đủ quân số 100 người làm nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh Liên khu IV ra Quyết định số 112/BTL-IV lập Đại đội 2 Công an giới tuyến. Quân ủy quyết định tập hợp một số đơn vị trong các đại đội đang làm nhiệm vụ bảo vệ giới tuyến, biên giới, bờ biển và các mục tiêu nội địa ở Vĩnh Linh, bổ sung thêm quân số, trang bị, tăng cường cán bộ chỉ huy hợp thành một đơn vị lấy phiên hiệu là Tiểu đoàn 25 và giao cho Liên khu IV chỉ đạo. Toàn bộ lực lượng Công an giới tuyến được tập huấn về nội dung của Hiệp định và Quy chế DMZ, các biện pháp nghiệp vụ, kể cả từng lĩnh vực chuyên môn sâu. Cán bộ, chiến sĩ cũng được trang bị những kỹ năng ứng xử cần thiết và phải tìm hiểu kỹ nhân thân, sở thích, năng khiếu của từng cảnh sát Sài Gòn để khi làm việc chung, ta chọn người có sở trường về lĩnh vực đó tham gia. Ngoài ra, toàn lực lượng còn phải học lịch sử, nhất là lịch sử Thiên Chúa giáo để thực hiện công tác vận động tín đồ của tôn giáo này, tham gia cuộc đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm cưỡng ép đồng bào miền Bắc di cư vào Nam đang diễn ra phức tạp trên địa bàn¹.

1. PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu: “Lực lượng công an bảo vệ giới tuyến quân sự tạm thời (1954-1959)”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 3/2009, tr.27.

Trong 13 đồn, trạm công an giới tuyến, đồn Cửa Tùng có vị trí đặc biệt quan trọng; vì đồn nằm ở cửa biển, nơi thường xuyên ra vào làm ăn của nhân dân hai bờ Hiền Lương. Ngoài việc bảo vệ giới tuyến quân sự và DMZ, đồn công an Cửa Tùng cùng với đồn cảnh sát Cát Sơn (ở bờ Nam) còn thực hiện công tác đổi bờ (một tuần bên bờ Nam, một tuần bên bờ Bắc) để kiểm soát thuyền bè ra vào Cửa Tùng. Công tác đổi bờ được quy định: Về quân số, hằng ngày mỗi bên có 1 chỉ huy và 2 nhân viên (ban đêm số nhân viên tăng lên 3 người); về kiểu cách kiểm soát, có một cuốn sổ ghi chép từng ngày về các thuyền ra vào Cửa Tùng (số hiệu thuyền, tên và địa chỉ chủ thuyền, số người đi trên thuyền, dưới có chữ ký xác nhận của chỉ huy đồn Cát Sơn - Cửa Tùng) và một cuốn sổ ghi chép cụ thể các sự việc xảy ra từng ngày trong 1 tuần trên địa bàn thuộc phạm vi đồn kiểm soát, trong đó có các “biên bản đổi bờ”. Như vậy, với sự ra đời và hoạt động của Đồn kiểm soát liên hợp Cửa Tùng, đây là nơi duy nhất trong gần 12 năm (11/11/1954 - 23/10/1966), các chiến sĩ công an miền Bắc công khai đặt chân lên miền Nam, công khai tiếp xúc với nhân dân miền Nam để nắm bắt tình hình Mỹ - ngụy ở bờ Nam, đấu tranh đòi chúng phải thực hiện Hiệp định và Quy chế DMZ, qua đó góp phần hạn chế những hành động khủng bố nhân dân của địch.

Do hằng ngày tiếp xúc với cảnh sát nên nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ đồn Cửa Tùng là vừa phải đấu tranh với chúng để thực hiện công tác liên hợp, bảo vệ Quy chế DMZ và việc làm ăn của nhân dân ở hai bờ, đồng thời vừa

phải “hết sức chú ý đến công tác tranh thủ”¹. Yêu cầu đặt ra cho toàn lực lượng công an giới tuyến là không để cảnh sát khiêu khích, gây căng thẳng ở giới tuyến; không để địch đàn áp, khủng bố, tiến tới trung lập và ủng hộ các cuộc đấu tranh chống Mỹ - nguy của nhân dân bờ Nam; không để địch ngăn cản sự đi lại làm ăn của nhân dân hai bên giới tuyến². Phương châm đấu tranh là bên bĩ, kiên trì, cứng rắn về nguyên tắc nhưng mềm dẻo về biện pháp. Nếu tranh thủ được cảnh sát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công việc hằng ngày, nếu giác ngộ được cảnh sát sẽ góp phần tuyên truyền ảnh hưởng của cách mạng lan sâu vào hàng ngũ địch ở tuyến sau. Nhận thức được “sự nguy hiểm” trong công tác tranh thủ của ta, chính quyền Ngô Đình Diệm áp dụng biện pháp thường xuyên thay đổi đơn vị gác liên hợp. Trung bình từ 4 đến 6 tháng lại thay quân tất cả các đồn một lần hoặc thay thế 2/3 quân số mỗi đồn. Có lúc, chúng chuyển hết lính người Trị Thiên đi nơi khác, điều cảnh sát được huấn luyện kỹ ở Sài Gòn ra. Có lúc, chúng chọn cảnh sát là người Thiên Chúa giáo di cư. Do đó, để nhanh chóng nắm bắt tình hình và sớm có biện pháp chỉ đạo lực lượng công an giới tuyến thực hiện tốt công tác tranh thủ, Cục Địch vận (nay là Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam) cử hẳn một tổ vào Vĩnh Linh chỉ đạo công tác này. Cán bộ

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Quảng Trị: *Lịch sử Đồn Biên phòng Cửa Tùng*, Đông Hà, 2004, tr.27-28.

2. Phòng Dân vận - Cục Chính trị (1961): *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ công tác binh vận giới tuyến Vĩnh Linh*, Phòng Hồ sơ Bảo mật, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

chỉ huy đã dày công giáo dục, rèn luyện, đi sát từng chiến sĩ, từng phiên gác để hướng dẫn, rút kinh nghiệm trong việc phát hiện âm mưu và thủ đoạn của đối phương để có biện pháp đối phó thích hợp. Giai đoạn này, công tác tranh thủ bước đầu tạo ra những tiền đề thuận lợi để Công an giới tuyến giành được kết quả trong thời gian tiếp theo¹.

2. Vĩnh Linh chống cưỡng ép đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, đón tiếp cán bộ và nhân dân miền Nam tập kết

Ngay từ tháng 7/1954, lợi dụng Điểm 14.D của Hiệp định Giơnevơ về việc cho phép nhân dân 2 miền tự do lựa chọn nơi sinh sống, đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã dụ dỗ, cưỡng ép những người đã từng tham gia quân đội và một số trí thức, tư sản, công nhân kỹ thuật... nhất là đồng bào theo Thiên Chúa giáo, di cư vào Nam. Trong số gần 1 triệu người bị cưỡng ép di cư từ miền Bắc vào miền Nam, có khoảng 2 vạn người (chủ yếu ở Quảng Bình và Hà Tĩnh) theo đường bộ đổ về Vĩnh Linh để vượt tuyến vào Nam. Trong lúc này, ở Vĩnh Linh đang có 19 nhà thờ, trong đó có 02 nhà thờ lớn ở Phước Sơn và Di Loan với 27 linh mục, trong đó có nhiều linh mục cực kỳ phản động. Với âm mưu trên, chúng đã dụ dỗ được 7.164 giáo dân vào Nam. Vĩnh Linh trở thành một trong những

1. PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu: “Công tác tranh thủ cảnh sát nguy ở đồn công an Cửa Tùng, Hiền Lương (1954-1967)”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 7/2005, tr.19.

địa bàn cực kỳ phức tạp, nhất là trong điều kiện hòa bình mới lập lại, chính quyền cách mạng còn nhiều khó khăn¹.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng chủ trương coi việc chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm cưỡng ép nhân dân di cư vào Nam là công tác đặc biệt và cấp bách. Ngày 06/11/1954, Ban Bí thư chỉ thị “các cấp ủy phải coi cuộc đấu tranh chống địch ngụy bắt dân di cư vào Nam là một cuộc vận động chính trị to lớn, một cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt với đối phương, không phải một đôi tuần, một vài tháng, mà là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ”². Thực hiện chủ trương đó, cấp ủy Đảng và chính quyền Vĩnh Linh đã tăng cường chỉ đạo, tập trung lực lượng đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, tranh thủ quần chúng giáo dân, tích cực đấu tranh chống phá âm mưu cưỡng ép di cư. Ban chống cưỡng ép di cư được thành lập, do đồng chí Trần Giác, Huyện ủy viên, phụ trách, cùng 36 thành viên khác (trong đó: 28 đồng chí được rút từ các lực lượng quân sự, 8 thành viên là cán bộ các ban, ngành huyện)³. Ngoài lập nhiều trạm đón tiếp dọc quốc lộ 1 để đón những

1. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Chỉ thị công tác chống âm mưu địch cưỡng ép di cư*, số 344-CT/VL, ngày 30/6/1955, Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, cặp 06, hồ sơ số 73.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.368.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo Vĩnh Linh trong hơn hai năm từ khi thành lập Khu vực đặc biệt Vĩnh Linh đến nay*, số 182-BC/ĐU, ngày 28/8/1957, Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, cặp 09, hồ sơ số 92.

người di cư vào Nam, cùng với cán bộ và nhân dân địa phương, Ban chống cưỡng ép di cư đã phân công cán bộ về cơ sở bám dân, tuyên truyền, giải thích chính sách tôn giáo của Đảng, giúp đồng bào theo đạo sửa chữa nhà thờ, giúp bà con giải quyết khó khăn về đời sống, đẩy mạnh tăng gia sản xuất... Để góp phần ổn định tư tưởng giáo dân, Ban Tôn giáo liên vận Liên khu 4 đã mời linh mục Vương Đình Ái vào làm lễ tại các nhà thờ ở Vĩnh Linh. Việc làm này không chỉ tuyên truyền, giải thích chính sách tôn giáo của Đảng cho giáo dân hiểu, mà còn là một câu trả lời thiết thực và có ý nghĩa đập tan luận điệu xuyên tạc của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm như: “Mỹ sẽ ném bom nguyên tử xuống Hà Nội, Đồng Hới, Vĩnh Linh, chiến tranh sẽ trở lại, Chúa đã vào Nam, Cộng sản sẽ giết đạo, Cộng sản sẽ phá nhà thờ...”. Tổng cộng, các lực lượng tham gia đấu tranh chống cưỡng ép di cư đã vận động được 30 gia đình rút đơn xin đi Nam và ngay cả một số người đã đi sau khi được tuyên truyền đã quay trở về; giác ngộ cho hơn 60 người từ miền Bắc vào ở lại Vĩnh Linh hoặc trở về quê sinh sống; tổ chức cho nhân dân viết 2.160 lá đơn gửi Ủy ban Quốc tế tố cáo âm mưu phá hoại Hiệp định của Mỹ - ngụy¹.

Song song với đấu tranh chống Mỹ - ngụy cưỡng ép đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Vĩnh Linh khẩn trương tổ chức đón tiếp, sắp

1. Lê Cung, Hoàng Chí Hiếu: “Đấu tranh chống Mỹ và tay sai cưỡng ép di cư ở Khu phi quân sự những năm sau Hiệp định Giơnevơ (1954)”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 5/2001, tr.17.

xếp nơi ăn chốn ở và việc làm cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ miền Nam tập kết, chủ yếu là cán bộ, chiến sĩ của 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên cùng gia đình. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đón tiếp bộ đội, thương binh, một số cán bộ và đồng bào miền Nam ra Bắc (31/8/1954) nêu rõ: "Việc đón tiếp, phân phối công tác, tìm nơi tạm ở và công ăn việc làm cho số người nói trên là rất trọng yếu, có ảnh hưởng và tác dụng chính trị rất lớn không những đối với tinh thần tư tưởng của những người ra ngoài này, mà còn có ảnh hưởng rất lớn đối với tinh thần đồng bào miền Nam ở trong kia; do đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với việc tổng tuyển cử để thống nhất toàn quốc sau này"¹.

Số đồng bào, chiến sĩ miền Nam tập kết ở lại Vĩnh Linh khá đông, hơn 6.000 người trên tổng số khoảng 46.000 dân địa phương². Do vậy, việc tổ chức đón tiếp, sắp xếp nơi ăn chốn ở và nhất là bố trí việc làm phù hợp, ổn định cho tất cả những người tập kết là một sự nỗ lực rất lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Vĩnh Linh. Hội nghị tiếp sức đồng bào miền Nam của Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh (tháng 10/1955) tổ chức đã đề ra nhiệm vụ: "Việc tiếp sức cho gia đình cán bộ và đồng bào miền Nam là tiếp sức cả về tinh thần lẫn vật chất, hiện nay phải giải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 259.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo Vĩnh Linh trong hơn hai năm từ khi thành lập khu vực đặc biệt Vĩnh Linh đến nay*, số 182-BC/ĐU, Tlđd, cặp 09, hồ sơ số 92, tr.10.

quyết đời sống cho anh chị em, phải giáo dục cho anh chị em hiểu rõ sản xuất lao động là vinh quang, là tốt đẹp, làm cho anh chị em an tâm phấn khởi tích cực tham gia sản xuất, tham gia mọi công tác lao động hướng về sản xuất nông thôn"¹.

Ngoài một số cán bộ, nhân dân Liên khu V được đưa về nông thôn sản xuất hoặc tham gia các công trường, một bộ phận được đưa ra Quảng Bình hoặc Liên khu IV, số còn lại ở Vĩnh Linh là 4.751 người². Vĩnh Linh tranh thủ sự hỗ trợ từ Trung ương được 720 m vải, 6.040.486 đồng, 15.879 kg gạo, 452 cái chăn, 100 bộ áo quần, 295 cái áo ấm, 90 búp len³ để giải quyết khó khăn trước mắt; về lâu dài, phát huy nguồn lực tại chỗ, đã thành lập Hợp tác xã Tiên Phong ở Vĩnh Long, Hợp tác xã Khai Minh ở Vĩnh Thủy, bố trí người có tay nghề vào các cơ sở sản xuất mộc, may mặc, làm chổi... Ý thức về trách nhiệm và bằng tình cảm của mình, nhân dân Vĩnh Linh đã giúp đỡ đồng bào tập kết từ nơi ăn chốn ở, chăn chiếu, áo quần, cơm

1. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Biên bản cuộc hội nghị cán bộ Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh để xây dựng kế hoạch tiếp sức cho gia đình đồng bào cán bộ miền Nam do Đảng ủy triệu tập ngày 27, 28/10*, Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, cặp 07, hồ sơ số 77, tr. 6.

2. Trong đó: 2.137 người về nông thôn sản xuất, 1.646 người ở thị trấn Hồ Xá, 204 người lên miền núi và 764 học sinh.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo tình hình công tác quan hệ Bắc Nam cuối tháng 9 đến ngày 13/10/1955*, số 514-BC/VL, ngày 17/10/1955, Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, cặp 07, hồ sơ số 77, tr.7, tr.3.

nước, đến hỗ trợ ruộng đất, trâu bò, giống má để sản xuất. Kết quả, đồng bào tập kết đã được nhường trên 783 mẫu ruộng (trung bình mỗi người được từ 3 sào đến 1 mẫu ruộng), thu hoạch bình quân đạt 244 kg thóc/nhân khẩu (chưa kể thu nhập từ làm nghề phụ), mua được 207 trâu và 427 bò, có hàng chục ghe thuyền, hàng trăm xấp lưới để làm nghề biển, hình thành 65 tập đoàn làm chung ăn chung và đại bộ phận đều có nghề nghiệp ổn định¹. Nhờ vậy, đời sống của đồng bào miền Nam tập kết dần ổn định. Báo cáo của Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh (9/1956) cho biết: “Một điểm đáng mừng là gần 5.000 đồng bào và cán bộ miền Nam tập kết ở đây, đại bộ phận là no ấm, có số gia đình thừa chút ít”².

3. Đặc khu Vĩnh Linh được thành lập - bước ngoặt lịch sử trong giai đoạn cách mạng mới

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết và đi vào thực thi trên thực tế, lúc này, Vĩnh Linh với phần lớn đất đai thuộc bờ bắc sông Bến Hải trở thành huyện duy nhất của tỉnh Quảng Trị được giải phóng. Cũng trong thời gian trên, từ ngày 15 đến ngày 17/7/1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 6 mở

1. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo Vĩnh Linh trong hơn hai năm từ khi thành lập Khu vực đặc biệt Vĩnh Linh đến nay*, Tlđđ, số 182-BC/ĐU, cấp 09, hồ sơ số 92, tr.13.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo tình hình khu vực Vĩnh Linh trong 8 tháng qua*, tháng 9/1956, tài liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh, tr.14.

rộng (khóa II). Hội nghị thảo luận tình hình và nhiệm vụ mới nhằm phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của địch. Hội nghị đã nhất trí đề ra 3 nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân là:

1. “Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

2. Tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh, thích hợp với yêu cầu của tình thế mới.

3. Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng, ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà”¹.

Tiếp đó, ngày 22/7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “...Vì hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của Tổ quốc mà tám, chín năm nay, nhân dân, quân đội, cán bộ và Chính phủ ta, đoàn kết chặt chẽ, trên dưới một lòng, chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn, kiên quyết kháng chiến và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang... Toàn thể nhân dân, quân đội và cán bộ ta từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí... Chúng ta phải ra sức củng cố hòa bình, tỉnh táo đề phòng âm mưu của những kẻ phá hoại hòa bình... ra sức đấu tranh để thực hiện tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc đang *thống nhất* nước nhà... ra sức thực hiện những cải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.226.

cách xã hội để nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện *dân chủ thực sự*...”¹.

Ngày 21/7/1954, tại chiến khu Ba Lòng, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị đã mở Hội nghị cán bộ toàn tỉnh để quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II. Hội nghị thảo luận, phân tích vị trí Quảng Trị sau Hiệp định Giơnevơ, đặc biệt nhấn mạnh đến công tác tư tưởng của cán bộ, đảng viên “không vì hòa bình mà lơ là mất cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn mới của địch...”. Chấp hành Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Quảng Trị, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính, Ủy ban mặt trận huyện Vĩnh Linh đã tổ chức tốt việc tiếp thu vùng mới giải phóng ngay sau khi thực dân Pháp rút khỏi khu vực Vĩnh Linh vào ngày 25/8/1954. Các cơ quan dân, chính, Đảng từ chiến khu và các vùng du kích cấp tốc chuyển về khu trung tâm của huyện, đồng bào ở các nơi trước đây sơ tán lên miền Tây huyện nay trở về thôn xóm của mình. Nhân dân, cán bộ, bộ đội gặp nhau tay bắt mặt mừng, chào hỏi nhau tít tít. Cả Vĩnh Linh hồ hởi, phấn đấu nô nức trong ngày hội hòa bình. Băng cò, khẩu hiệu mọc lên rợp trời từ thị trấn Hồ Xá đến nông thôn, từ vùng biển đến miền núi chào mừng quê hương đã sạch bóng quân thù.

Ngày 02/9/1954, Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện đã tổ chức cuộc mít tinh lớn tại sân vận động Trạng Cù để kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.228-230.

Tám và Quốc khánh 2/9, mừng quê hương Vĩnh Linh được giải phóng. Cuộc mít tinh đã có gần 3 vạn người ở khắp các địa bàn trong huyện về dự. Tại cuộc mít tinh, sau khi điểm lại thành tích trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp mà quân và dân cả nước nói chung, quân và dân Quảng Trị, Vĩnh Linh nói riêng đã giành được, đồng chí Trương Đình Đường - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện - kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và dân trong huyện phấn khởi với thắng lợi rực rỡ đã giành được, ra sức tăng gia sản xuất và tiết kiệm, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, sớm ổn định cuộc sống; đồng thời, đồng chí cũng nhắc nhở cán bộ, đảng viên và nhân dân không mất cảnh giác đối với mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Ngày 30/9/1954, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mở Hội nghị cán bộ để kiểm điểm tình hình của huyện từ sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết đến nay và đề ra chủ trương, biện pháp giải quyết các vấn đề đã và đang nổi lên như: đời sống nhân dân chưa ổn định, nạn đói và thất học đang diễn ra ở nhiều nơi... Hội nghị xác định rõ vị trí, đặc điểm của khu vực đầu cầu giới tuyến, nơi tiếp giáp với miền Nam thì trách nhiệm lãnh đạo của Đảng bộ là không thể xảy ra nạn đói, đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân Vĩnh Linh phải thể hiện cho được chế độ ưu việt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với miền Nam. Trên cơ sở đó, Hội nghị Huyện ủy chủ trương: Trước hết phải làm cho cán bộ, bộ đội, đảng viên thấy được nhiệm vụ chính trị của khu vực, thấy được trách nhiệm

của mình đối với nhân dân, cùng nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng cuộc sống, chống tư tưởng ỷ lại Trung ương, hoặc chờ sự giúp đỡ của các tỉnh bạn. Hội nghị Huyện ủy đề ra các biện pháp tích cực như toàn Đảng, toàn quân và toàn dân khu vực phải tiến quân vào mặt trận khai hoang, phục hóa, trồng rau màu ngăn ngày chống đói, mở thêm trường lớp và vận động nhân dân cho con em đi học. Triển khai thực hiện nghị quyết đó, toàn khu vực đã đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi, làm nghề phụ, xây dựng cuộc sống mới.

Sau khi giới tuyến quân sự tạm thời được hình thành, việc giữ liên lạc giữa Vĩnh Linh với tỉnh Quảng Trị và Trung ương gặp khó khăn. Có thời gian, lãnh đạo Vĩnh Linh phải ra Quảng Bình để họp, báo cáo tình hình. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và vị trí đặc biệt của Vĩnh Linh trong giai đoạn cách mạng mới, ngày 16/6/1955, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 551-TTg thành lập Đặc khu Vĩnh Linh tương đương cấp tỉnh, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ Trung ương. Lúc này, bộ máy chính quyền ở Vĩnh Linh mới dần hoàn thiện và tự đảm trách mọi công việc. Qua thực tế càng thấy rõ vị trí đặc biệt của khu vực Vĩnh Linh là: Tiền đồn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là nơi trực tiếp đấu tranh với địch để bảo vệ khu vực phi quân sự, bảo vệ pháp lý Hiệp định Giơnevơ đang diễn ra gay gắt, là bàn đạp phục vụ phong trào cách mạng miền Nam, là cửa khẩu quan hệ miền Nam - Bắc Việt Nam... mới thấy hết tầm nhìn đúng đắn của Chính phủ Trung ương trong việc ban hành Nghị định này.

Ngày 28/5/1955, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 16-NQ/TW về thành lập Đảng ủy khu Vĩnh Linh, gồm 3 đồng chí: Đồng chí Lê Thanh Liêm*, nguyên Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị làm Bí thư Đảng ủy. Đồng chí Hồ Sỹ Thản, nguyên Trưởng ban Cán sự Bình - Trị - Thiên làm Đảng ủy viên. Đồng chí Nguyễn Ngự (tức Nhơn) - E trưởng 270, làm Đảng ủy viên¹. Nhiệm vụ của Đảng ủy là: “Ra sức củng cố, xây dựng khu vực Vĩnh Linh về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội. Kiên quyết đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ Quy chế khu phi quân sự, bảo vệ an toàn đời sống của nhân dân, thực hiện chính sách quan hệ hai miền Bắc - Nam của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”.

Thực hiện Nghị định số 551/TTg và Nghị quyết số 16-NQ/TW, Ủy ban Hành chính khu vực Vĩnh Linh được thành lập, do đồng chí Hoàng Đức Sản làm Chủ tịch. Cuối năm 1955, đồng chí Lê Thanh Liêm, Bí thư Khu ủy được Trung ương điều động đi làm nhiệm vụ khác, đồng chí Hồ Sỹ Thản, Đảng ủy viên khu vực, giữ chức Quyền Bí thư Đảng ủy khu vực.

Về hoạt động hành chính, thời gian đầu do một số ban, ngành của ủy ban hành chính khu vực chưa kịp

* Theo Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập* (t.16, tr.311) ghi là đồng chí Lê Hữu Liêm. Tuy nhiên các tư liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh ghi là đồng chí Lê Thanh Liêm (BT.).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.16, tr.311.

thiết lập nên các mảng công việc hành chính thông thường được tạm giao cho tỉnh Quảng Bình phụ trách¹.

4. Xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ giới tuyến

Lực lượng vũ trang đóng chân trên địa bàn khu vực Vĩnh Linh lúc này chủ lực là Trung đoàn 270 (còn gọi là trung đoàn bảo vệ giới tuyến, E.270) cùng một tiểu đoàn phòng không phối hợp. Ngoài việc củng cố, tăng cường E.270 vững mạnh, Khu ủy còn đặc biệt chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng dân quân tự vệ của khu vực. Với sự chỉ đạo và quan tâm sâu sát, năm 1955 toàn khu vực có 1.731 người tham gia dân quân tự vệ, đến năm 1957 đã tăng lên 3.684 người. Ngoài ra, ở 6 xã thuộc khu phi quân sự (Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Hiền, Vĩnh Sơn) đã thành lập các tổ “nhân viên hành chính”, lực lượng tham gia được trang bị đầy đủ và được huấn luyện chu đáo. Đây là lực lượng xung kích trong công tác bảo vệ an toàn khu vực giới tuyến.

Đặc biệt, với vị trí và đặc thù của khu vực Vĩnh Linh lúc này, việc thành lập lực lượng công an bảo vệ giới tuyến là một yêu cầu bức thiết hàng đầu.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trước ngày chuyển quân tập kết theo quy định tại Hiệp định Giơnevơ, huyện Cam Lộ chọn một trung đội lấy từ Đại đội 340 (bộ đội địa phương của huyện), huyện Gio Linh chọn một trung đội từ Đại đội 348 (bộ đội địa phương của huyện);

1. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Hà Nội, Phòng Bộ Nội vụ, hộp số 380, hồ sơ số 2.838.

huyện Triệu Phong rút từ Đại đội 355 (bộ đội địa phương của huyện) hai cán bộ bổ sung cho việc thành lập đơn vị Đại đội Công an giới tuyến của khu vực Vĩnh Linh. Trên cơ sở đó theo Quyết định số 817, ngày 01/8/1954, Đại đội Công an giới tuyến được thành lập (phiên hiệu Đại đội 1), gồm 100 cán bộ, chiến sĩ; do đồng chí Trần Tình (nguyên Đại đội trưởng Đại đội 340 bộ đội địa phương Gio Linh) làm Đại đội trưởng, đồng chí Lê Văn Bản - Thường vụ Huyện ủy Vĩnh Linh làm Chính trị viên. Đại đội được biên chế làm 2 trung đội: Trung đội 1 (còn gọi là Trung đội phía Đông) do Nguyễn Thanh Hà làm Trung đội trưởng, tiếp quản từ Hiền Lương về Cửa Tùng. Trung đội 2 (còn gọi là Trung đội phía Tây) do Nguyễn Công Khanh làm Trung đội trưởng, đảm nhận phần giới tuyến từ Huỳnh Hạ đến Bến Tắt.

Tuy vậy, để đảm bảo quân số thường xuyên làm nhiệm vụ bảo vệ dọc giới tuyến, ngày 07/11/1954, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 ra quyết định thành lập thêm một đại đội công an giới tuyến, lấy phiên hiệu là Đại đội 2, do đồng chí Nguyễn Bang làm Đại đội trưởng, đồng chí Trần Hữu Thanh, nguyên cán bộ Ty Công an tỉnh Thừa Thiên, làm Chính trị viên. Về sau, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, Đại đội 1 và Đại đội 2 Công an giới tuyến đã hợp nhất thành Tiểu đoàn Công an bảo vệ giới tuyến.

Với vị trí đặc biệt của Vĩnh Linh lúc này, việc xây dựng, củng cố và tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang đủ sức đối phó với mọi mưu mô và hành động chống phá của Mỹ và tay sai trở thành một nhiệm vụ bức thiết. Ngoài lực lượng vũ trang địa phương và Tiểu

đoàn Công an bảo vệ giới tuyến mới thành lập, tháng 3/1956 khu vực Vĩnh Linh được Tổng Quân ủy Trung ương cho thành lập Tiểu đoàn 25 (D25). Tiểu đoàn 25 có 4 đại đội: Đại đội 1 chịu trách nhiệm địa bàn từ Hiền Lương đến Cửa Tùng, Đại đội 2 chịu trách nhiệm địa bàn từ Huỳnh Hạ đến Bến Tắt, Đại đội 3 đóng chân ở miền núi (Cù Bai), Đại đội 4 chịu trách nhiệm bảo vệ nội địa, bảo vệ cơ quan. Ngoài ra còn có Đại đội 6, đơn vị bảo vệ bờ biển của Quân khu 4 cũng được tăng cường cho D25 phụ trách địa bàn vùng biển Vĩnh Thái. Sau này, Đại đội 5 được thành lập thêm để bảo vệ đoạn giới tuyến từ Cù Bai đến Cơn Tằm.

Ngoài ra, Đảng bộ còn chú trọng xây dựng lực lượng quần chúng để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của nhân dân bờ Nam, đồng thời làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự an toàn thôn xóm.

II. VĨNH LINH HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tình hình chung sau kháng chiến chống thực dân Pháp

Dưới thời Pháp thuộc, nhân dân ta dù ở bất cứ đâu cũng đều phải sống trong cảnh nghèo đói tối tăm. Đặc biệt ở Vĩnh Linh, cái nghèo đói da diết đã trở thành truyền kiếp, ăn thì may ra có cơm “bữa diếp”, mặc thì quần chằm áo vá quanh năm. Đã vậy, hậu quả nặng nề sau 9 năm chiến tranh càng làm cho nền kinh tế Vĩnh

Linh điêu đứng thêm. Ruộng đất hầu hết bỏ hoang, số còn lại tập trung vào tay địa chủ, cha cố ở các nhà thờ. Cả Vĩnh Linh không có lấy một công trình thủy lợi, một cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp nào. Nạn đói thường xuyên đe dọa.

Sau ngày hòa bình lập lại, thực thi Hiệp định Giơnevơ và các văn bản pháp lý liên quan, Vĩnh Linh lúc này gồm phần lớn đất đai (820 km²) và dân cư (44.700 người) ở bờ Bắc sông Bến Hải đã hoàn toàn được giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Còn toàn bộ xã Vĩnh Liêm và một phần xã Vĩnh Sơn (với dân số 13.267 người) vốn là một phần máu thịt của Vĩnh Linh ở bờ Nam sông Bến Hải cùng các huyện Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Triệu Phong, Hải Lăng, Thị xã tỉnh lỵ biến thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Như vậy, với việc vạch giới tuyến quân sự tạm thời và hình thành khu phi quân sự (DMZ) tại vĩ tuyến 17, không chỉ đất nước Việt Nam bị chia đôi, tỉnh Quảng Trị bị chia cắt mà ngay cả một huyện là Vĩnh Linh, thậm chí đến một xã (Vĩnh Sơn) cũng bị chia cắt. Đi kèm với sự chia cắt về địa giới, nhiều dòng họ và gia đình ở Vĩnh Linh, nhất là những gia đình ở dọc hai bên sông Hiền Lương cũng lâm vào cảnh chia ly¹. Nỗi đau chung của dân tộc thấm sâu vào nỗi đau riêng của từng gia đình. Nỗi đau này càng gia tăng gấp bội kể từ sau tháng 7/1956,

1. Không kể số cán bộ và đồng bào miền Nam (chủ yếu ở Trị - Thiên) tập kết, ở Vĩnh Linh còn hơn 300 gia đình có người thân, 60 gia đình có ruộng đất và nhiều gia đình có mồ mả bên bờ Nam.

khi chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “khóa tuyến”, biến sông Bến Hải, cầu Hiền Lương thành đường biên giới 2 miền Nam - Bắc Việt Nam. Chứng kiến nỗi đau của sự chia ly, đối với nhân dân hai bờ Nam - Bắc dòng Hiền Lương thì khát vọng hòa bình, thống nhất non sông; niềm mong ước được đoàn tụ của mỗi người dân nơi đây càng bùng cháy mãnh liệt hơn, ý chí đấu tranh vì sự nghiệp độc lập, vì hòa bình thống nhất non sông càng trở nên nóng bỏng.

Vĩnh Linh từ đây trở thành khu vực đầu cầu giới tuyến của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cùng với cả nước thực hiện nhiệm vụ chiến lược: vừa tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai nhiệm vụ đó cùng đồng thời tiến hành, nhưng có vị trí ưu tiên khác nhau, trong đó nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước luôn được xác định là nhiệm vụ hàng đầu.

Với vị trí có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng đó nên ở Vĩnh Linh lúc này, cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra gay gắt, quyết liệt và dai dẳng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh. Trước tình hình ấy, Trung ương đã đề ra cho khu vực Vĩnh Linh hai nhiệm vụ cụ thể trước mắt là: “Ra sức củng cố và xây dựng Vĩnh Linh về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội, chủ yếu là mức sống của nhân dân, làm nổi bật tính chất hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đối với miền Nam.

Kiên quyết đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ quy chế khu phi quân sự, thực hiện quan hệ Bắc - Nam”.

Từ năm 1955, Đảng bộ Vĩnh Linh đã lãnh đạo nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm nhanh chóng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trước hết, xóa bỏ mọi áp lực bất công; thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” tạo nguồn động lực và sinh khí mới, xây dựng Vĩnh Linh vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng là vị trí tiền tiêu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là biểu tượng của chế độ mới, có sức mạnh khích lệ và cổ vũ đối với cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam.

2. Thực hiện chủ trương cải cách ruộng đất

Ngày 04/12/1953, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Luật Cải cách ruộng đất¹. Mục tiêu và ý nghĩa là thủ tiêu quyền chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ để thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân; giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và mở đường cho công, thương nghiệp phát triển, cải thiện đời sống của nông dân; bồi dưỡng lực lượng của nhân dân, lực lượng

1. Luật Cải cách ruộng đất được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua trong khoá họp lần thứ III, ngày 4 tháng 12 năm 1953, gồm 5 chương, 11 mục, 38 điều.

của kháng chiến; đẩy mạnh kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, củng cố chế độ dân chủ nhân dân, phát triển công cuộc kiến quốc¹. Tại Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 11/1953) bàn về cải cách ruộng đất, đã nêu rõ quan điểm: Cải cách ruộng đất chính là để làm cho kháng chiến mau chóng thắng lợi... Cải cách ruộng đất là một phương pháp chủ yếu đẩy mạnh kinh tế quốc dân phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 2 nhiệm vụ trung tâm trước mắt có quan hệ mật thiết với nhau là đánh giặc và cải cách ruộng đất²... Để chuẩn bị thi hành cải cách ruộng đất sâu rộng trên toàn lãnh thổ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thành lập Ủy ban lãnh đạo chương trình cải cách ruộng đất, do đồng chí Trường Chinh làm trưởng ban. Về phía Nhà nước cũng thành lập Ban Cải cách ruộng đất Trung ương, do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ nhiệm. Sau 3 năm tiến hành cải cách ruộng đất (1955-1957) trên phạm vi toàn quốc, đã thu được những kết quả

1. Trích *Luật Cải cách ruộng đất*, Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp, tại địa chỉ: <http://www.moj.gov.vn/pages/vbpq.aspx>

2. Chủ trương cải cách ruộng đất được đề ra lúc này là đúng đắn, bởi trên thực tế Việt Nam lúc ấy, địa chủ phong kiến, địa chủ thực dân Pháp và địa chủ Công giáo chiếm chưa đầy 5% dân số nhưng chiếm trên dưới 70% diện tích ruộng đất, 95% dân số còn lại chỉ sở hữu 30% ruộng đất, hầu hết là ruộng xấu, manh mún; đã vậy hằng năm còn bị địa chủ bóc lột bằng tô cao, lãi nặng... Hậu quả của sự bất công này đã thấy rõ qua nạn đói năm Ất Dậu 1945, làm hơn 2 triệu người chết.

to lớn¹. Tuy nhiên, khi bước vào giai đoạn 2 (từ giữa năm 1955), vì nóng vội và hạn chế về nhận thức của cán bộ, do đánh giá tình hình nông thôn miền Bắc không toàn diện và thiếu điều tra, nghiên cứu, xem xét một cách đầy đủ và cụ thể nên việc cải cách ruộng đất đã phạm những sai lầm nghiêm trọng². Tại Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1958), Đảng ta thẳng thắn nhìn nhận những sai lầm về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, phương châm, chính sách cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Phát hiện sai lầm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, Đảng ta kiên quyết sửa sai. Nhờ vậy, sai lầm đã được sửa chữa, thành quả của cải cách ruộng đất được phát huy.

Đối với khu vực Vĩnh Linh, quán triệt chủ trương cải cách ruộng đất của Trung ương, từ ngày 11 đến ngày 15/5/1955, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh mở Hội nghị quán triệt chỉ thị, nghị quyết giảm tô đợt 8 và chuẩn bị tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5. Hội nghị thảo luận và đề ra 3 yêu cầu cụ thể:

1. Báo cáo tại kỳ họp lần thứ 6 Quốc hội khóa I nêu rõ: Cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã căn bản hoàn thành, giai cấp địa chủ đã căn bản bị đánh đổ, chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất bị xóa bỏ. Nông dân đã làm chủ nông thôn...

2. Trong cải cách ruộng đất, theo thống kê cả nước có 172.008 người bị quy là địa chủ, trong đó số người bị quy kết oan sai là 123.266 người (chiếm tỷ lệ 71,66%). Dẫn theo *Phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất*, Tạp chí Xưa và Nay, Hà Nội, số 297-2007, tr.10-15.

(1) Kiên quyết thanh thải những phần tử thuộc giai cấp bóc lột và những phần tử xấu khác ra khỏi Đảng.

(2) Giáo dục, rèn luyện đảng viên, nâng cao trình độ giác ngộ của họ, đề cao tinh thần trách nhiệm của đảng viên đối với Đảng, với nhân dân.

(3) Đề bạt vào chi ủy những đảng viên ưu tú nhất, xây dựng chi ủy thành hạt nhân lãnh đạo của chi bộ, đề cao vai trò trách nhiệm của chi ủy trong quần chúng nhân dân.

Thực hiện chủ trương thống nhất của Trung ương về việc cử cán bộ tham gia lớp chỉnh huấn, trọng tâm là giúp cho cán bộ các địa phương nắm vững đường lối của Đảng trong cải cách ruộng đất. Sau khi được bồi dưỡng, các đội cải cách ruộng đất ở Vĩnh Linh được thành lập với nòng cốt là những cán bộ đã tham gia lớp chỉnh huấn. Sau 3 tháng hoàn thành cuộc vận động giảm tô đợt 8, từ ngày 25/12/1955 đến ngày 30/7/1956, toàn khu vực Vĩnh Linh bước vào thực hiện đợt 5 cải cách ruộng đất ở 21 xã (trong gần 3 năm, từ ngày 25/12/1953 đến ngày 30/7/1956, cả nước tiến hành 5 đợt cải cách ruộng đất tại 3.314 xã). Đây là cuộc vận động lớn đối với cuộc đời của mỗi người nông dân Việt Nam nói chung và người dân Vĩnh Linh nói riêng. Trong một thời gian ngắn, cuộc vận động cải cách ruộng đất ở Vĩnh Linh đã giành được thắng lợi hết sức to lớn: Đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ, phong kiến - một đối tượng của cách mạng dân tộc dân chủ, vĩnh viễn xóa bỏ quyền phong kiến chiếm hữu ruộng đất. Hàng ngàn mẫu ruộng, hàng trăm con trâu bò, cùng nhiều tài sản có giá trị khác của giai cấp địa chủ phong kiến được tịch thu chia cho nông dân. Đã hoàn toàn giải phóng giai cấp nông dân

khỏi ách phong kiến hàng nghìn năm ở nước ta, đưa giai cấp nông dân thực sự làm chủ cả về chính trị và kinh tế.

Tuy nhiên, cũng như tình hình chung về cải cách ruộng đất ở miền Bắc, trong quá trình chỉ đạo thực hiện, do không nắm vững đặc điểm, tình hình nên Vĩnh Linh cũng đã phạm một số sai lầm nghiêm trọng. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, ngày 20/11/1956 Đảng ủy Khu vực đã tổ chức cho toàn thể cán bộ, đảng viên học tập, nghiên cứu nghị quyết, nhằm thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thống nhất tư tưởng, đoàn kết nhất trí, kiên quyết sửa chữa sai lầm, chỉnh đốn tổ chức, phát huy những thắng lợi đã thu được. Từ đó, đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, tạo không khí phấn khởi đẩy mạnh sản xuất. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà.

Vào thời gian này, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, đã vào Vĩnh Linh để trực tiếp chỉ đạo công tác sửa sai sau cải cách ruộng đất. Nhờ có sự quan tâm của Trung ương Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác sửa sai ở Vĩnh Linh kết thúc nhanh, gọn và đạt được thắng lợi lớn, vừa đảm bảo quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, vừa thận trọng, chính xác, được quần chúng đồng tình ủng hộ. Những gia đình và phần lớn những đảng viên bị quy sai đều được phục hồi, các tổ chức Đảng bị giải tán đều được xác minh và tổ chức lại cơ sở.

Đến giữa năm 1957, công cuộc cải cách ruộng đất ở Vĩnh Linh đã hoàn thành. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của Đảng ta trong cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân, khẩu hiệu “Người cày có ruộng” - ước mơ ngàn đời của người nông dân đã trở thành hiện thực.

3. Kết quả sau 3 năm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh

Phát huy thắng lợi to lớn của cải cách ruộng đất, toàn khu vực đẩy lên phong trào thi đua lao động sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng nông thôn mới; đồng thời không ngừng nâng cao cảnh giác, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu chống kẻ thù nếu chúng liều lĩnh xâm phạm miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tại Hội nghị xây dựng kế hoạch phục hồi kinh tế (từ ngày 24 đến ngày 28/02/1956) Đảng ủy khu vực khẳng định: “Nhiệm vụ của Vĩnh Linh là ra sức thi đua đẩy mạnh phục hồi kinh tế, nhằm làm cho nền kinh tế giàu mạnh, quân đội hùng mạnh, chính trị, văn hóa mạnh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân...”.

Mở đầu là phong trào khai hoang phục hóa, với khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng” với hàng triệu ngày công. Kết quả sau 3 năm phấn đấu đã đưa tổng diện tích gieo trồng lên 12.119 ha, tăng 2.510 ha so với năm 1955. Đi đôi với chiến dịch khai hoang, phục hóa là chiến dịch toàn dân làm thủy lợi. Toàn khu vực đã huy động hàng triệu ngày công đắp đập Bến Tranh, Bến Tám, Ba Ra đến Ga Tạm, Ba Ra đến Mỹ Tá, Tiên Lai, đường mương từ Thượng Lập đến ga Sa Lung, đập Cầu Trìa, đập Mô Nham, đập Tùng Luật, đê ngăn mặn Di Loan... Huy động 55.159 công để

xây dựng 3 công trình: Cổ Trai, Phước Lý, Bến Tám. Đào vét 116 con mương lớn nhỏ, tu sửa 206 đê đập. Năm 1956 do hạn hán kéo dài, Đảng ủy đã phát động phong trào “vắt đất ra nước, thay trời làm mưa”. Thực hiện phong trào, toàn khu vực đã huy động lực lượng “đào 450 con mương lớn nhỏ, tổng cộng 35.883 công, đắp 339 con đập với khối lượng 8.598 m³, cùng hơn 400 cái giếng và 417 cái ao. Nhờ đó đã tưới được 9.648,3 mẫu: riêng hai đập Bến Tranh và Hầm Hòa đã hoàn thành hết 51.086 công, tưới cho 2.500 mẫu; đê ngăn mặn Di Loan hết 31.670 công, tính chung năm 1956 đã huy động 137.727 công để làm thủy lợi”¹. Nhờ có phong trào thủy lợi đã biến 9.648 mẫu ruộng một vụ thành hai vụ, đưa năng suất từ 12,38 tạ/ha năm 1955 lên 15,01 tạ/ha năm 1957. Tổng sản lượng lương thực đạt 14.285 tấn năm 1957, bình quân lương thực đạt 323 kg/người, mức tăng trưởng của lương thực đã chấm dứt cơ bản nạn thiếu đói thường xuyên đối với người nông dân Vĩnh Linh từ bao đời nay.

Chăn nuôi cũng phát triển mạnh, đặc biệt là trâu, bò cày kéo từ 11.478 con năm 1955 tăng lên 15.517 con năm 1957. Đã vận động nhân dân trồng cây rừng ở các vùng đất trống và các tuyến đê, đặc biệt đê ngăn mặn Di Loan. Hàng vạn gốc tre được trồng dọc các tuyến.

Trong ngư nghiệp, trước chiến tranh cả Vĩnh Linh chỉ có 246 thuyền lớn nhỏ, hòa bình lập lại chỉ còn 178 chiếc, sau ba năm khôi phục, được Trung ương đầu tư hàng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo tình hình khu vực Vĩnh Linh trong 8 tháng qua*, tháng 9/1956. Tài liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh.

triệu đồng, đã mua sắm được 327 thuyền lớn nhỏ và 1.055 vàng lưới các loại. Vì vậy, sản lượng đánh bắt ngày càng tăng, từ 688 tấn năm 1955 tăng lên 920 tấn năm 1957. Đến năm 1957 các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp đều vượt mức kế hoạch. Thắng lợi này góp phần làm ổn định tình hình chính trị, xã hội trong toàn huyện.

Việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mở mang ngành nghề cũng được đẩy mạnh. Trong 3 năm, toàn khu vực đã xây dựng được các cơ sở rèn, mộc, gạch, vôi. Xây dựng xí nghiệp chế biến bột sắn có công suất 1.000 tấn/năm, nhằm khôi phục và phát triển sản xuất, giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, ưu tiên trước hết cho cán bộ, nhân dân miền Nam tập kết.

Về giao thông vận tải, gấp rút khôi phục và xây dựng các tuyến đường: từ cầu Hồ Xá qua Gia Phúc (Vĩnh Long), từ Bến Tám qua Huỳnh Hạ, từ Di Loan đến Hiền Lương, từ Lâm Cao đi chợ Kênh... nhằm bảo đảm giao thông thông suốt giữa các vùng trọng yếu trong khu vực, vừa kết hợp với bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Việc khôi phục kinh tế được kết hợp với cuộc vận động tổ chức lại sản xuất. Từ năm 1955, Vĩnh Linh đã tiến hành mở các lớp huấn luyện và phổ biến 5 nguyên tắc tổ đổi công. Đến năm 1957 đã mở được 2 lớp tại khu vực với 220 cán bộ và đào tạo tại cơ sở cho 1.144 cán bộ. Nhờ đó phong trào tổ đổi công phát triển nhanh, mạnh và đúng hướng. Năm 1957 đã có 1.087 tổ với hơn 6.888 gia đình, chiếm 85,71% số hộ trong khu vực. Ở miền núi, trong 6 xã đã xây dựng được 90 tổ gồm 328 gia đình. Tháng 10/1956,

Khu ủy đã chủ trương xây dựng hai hợp tác xã thí điểm là Vĩnh Kim và Vĩnh Hòa để rút kinh nghiệm.

Hệ thống giáo dục phổ thông được phát triển nhanh chóng, năm học 1956-1957 đã có 97 lớp học với 4.800 em học sinh cấp I, 9 lớp với 412 em học sinh cấp II. Phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa được phát động rộng khắp trong toàn khu vực: phong trào văn nghệ, thể dục thể thao được phát triển sôi nổi. Đêm đêm lời ca, tiếng hát vang lên khắp mọi thôn xóm, tạo nên không khí thanh bình, cổ vũ tinh thần tăng gia lao động sản xuất, xây dựng lại quê hương. Mạng lưới y tế được chú ý và phát triển, nhiều bệnh xã hội đã được ngăn chặn, sức khỏe của nhân dân tăng hơn trước.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đã thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, chống tư tưởng ỷ lại, khắc phục tư tưởng mệt mỏi, bồi dưỡng ý chí và phẩm chất cách mạng, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Đặc biệt là đợt học tập quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10 về sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất. Sau đợt học tập, nội bộ Đảng, nội bộ nhân dân đoàn kết hơn, quan hệ giữa Đảng và nhân dân ngày càng mật thiết.

Về công tác phát triển Đảng: Sau hòa bình, đảng viên trong toàn Đảng bộ là 1.052 đồng chí, đến cuối năm 1956, Đảng bộ đã phát triển thêm 60 đảng viên mới. Đưa tổng số đảng viên lên 1.112 đồng chí. Đã kiện toàn lại 17 ban chi ủy với 124 cấp ủy viên, đủ sức lãnh đạo phong trào.

Ngày 16/6/1957, Bác Hồ thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ đã vào thăm cán bộ, đồng bào, chiến sĩ Quảng Bình - Vĩnh Linh. Song do tình hình khu phi quân sự căng thẳng, Bác không vào được Vĩnh Linh. Đảng ủy, Ủy ban Hành chính khu vực đã cử một đoàn cán bộ do đồng chí Hồ Sỹ Thản, Bí thư Khu ủy làm Trưởng đoàn, thay mặt cho 5 vạn đồng bào Vĩnh Linh ra Đồng Hới gặp Bác. Bác ân cần dặn dò mọi người phải cảnh giác, chủ động đối phó với mọi âm mưu của địch. Người nói: "... Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền Bắc. Mọi việc làm tốt hay xấu của các cô, các chú ở đây đều có ảnh hưởng nhất định đến Cách mạng miền Nam, đều có ý nghĩa đối với việc bảo vệ miền Bắc. Nếu kẻ địch có hành động liều lĩnh gì thì Quảng Bình, Vĩnh Linh phải đương đầu với chúng trước hết và phải bảo đảm đánh thắng chúng trước hết..."¹. Những lời dạy của Bác đã khẳng định vị trí quan trọng của Vĩnh Linh, và chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ cho đồng bào, chiến sĩ Vĩnh Linh trong cuộc chiến đấu hy sinh gian khổ với kẻ thù cướp nước và bán nước.

Sau 3 năm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, bộ mặt Vĩnh Linh có sự biến đổi sâu sắc, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, trực tiếp cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam.

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.6, tr.376.

III. ĐẤU TRANH ĐÒI THỰC HIỆN HIỆP THƯƠNG TỔNG TUYỂN CỬ, THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ

Các văn bản của Hội nghị Giơnevơ đều công nhận độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Đối với Việt Nam, Hiệp định quy định ngày ngừng bắn, thời gian chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời là Vĩ tuyến 17. Quy định đến ngày 20/7/1956 sẽ tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước Việt Nam. Nhân dân hai bên bờ sông Bến Hải được tự do đi lại làm ăn, buôn bán. Theo Hiệp định, ở khu phi quân sự bờ Nam sông Bến Hải thuộc lực lượng quân đội Liên hiệp Pháp quản lý. Tuy nhiên, từ tháng 7/1954 đến ngày 20/02/1955, do điều kiện bảo đảm của phía quân đội Liên hiệp Pháp chưa đủ nên lực lượng hai bên chưa tổ chức kiểm soát trong khu phi quân sự.

Về tình hình miền Nam, lợi dụng sự bất ổn trong nội bộ Chính phủ Pháp cũng như sự suy yếu về mặt quân sự sau những thất bại ê chề ở chiến trường Đông Dương của quân đội Liên hiệp Pháp, đế quốc Mỹ tìm mọi cách nhảy vào miền Nam nhằm nhanh chóng hất cẳng Pháp và bòn tay sai thân Pháp để dựng lên chế độ thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Ngày 26/10/1955, bằng chiêu trò bầu cử riêng lẻ, với sự chống lưng của quan thầy Mỹ, Ngô Đình Diệm phế truất Bảo Đại, lên làm Tổng thống bù nhìn ở miền Nam. Ngày 30/6/1956, toàn bộ quân viễn chinh Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam. Tại vùng giới tuyến, Mỹ - Diệm đưa lực lượng cảnh sát ra thay thế lực lượng

quân đội Liên hiệp Pháp ở khu phi quân sự. Ngày 20/7/1956, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm cự tuyệt Hiệp thương tổng tuyển cử và ngang nhiên phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tuyên bố khóa tuyến, hô hào "Lấp sông Bến Hải, Bắc tiến"¹. Ở bờ Nam khu phi quân sự, Mỹ - Diệm điều chỉnh lại địa giới đơn vị hành chính, bỏ huyện Gio Linh để thành lập 2 quận mới: quận Trung Lương gồm 3 xã: Trung Sơn, Trung Hải, Trung Giang (vốn là các thôn, xã của huyện Vĩnh Linh), quận lỵ đóng ở Cao Xá; và quận Gio Linh gồm 6 xã còn lại, quận lỵ đóng ở Chợ Cầu.

Ở các xã, các thôn, chúng gấp rút thành lập bộ máy kìm kẹp để đàn áp nhân dân, xây dựng hệ thống đồn bốt từ Cát Sơn lên đến Hối Cự. Thành lập đại đội cảnh sát giới tuyến, lập trung tâm đóng tại Xuân Hòa (Trung Hải), bọn này được rải đều ở các vùng để hoạt động dọc khu vực giới tuyến, đây hầu hết là những tên chống phá cách mạng điên cuồng. Chúng xây dựng hệ thống phát thanh ở

1. Ngày 16/7/1955, Ngô Đình Diệm phát biểu trên Đài phát thanh Sài Gòn: "Chúng ta không bị ràng buộc dưới bất kỳ hình thức nào với các hiệp định được ký kết... Không nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ không xem xét bất kỳ đề nghị nào của Việt Minh". Ngày 07/10/1955, trong thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Anh (đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ), Bộ trưởng Ngoại giao chính quyền Ngô Đình Diệm khẳng định: "Chính phủ Nam Việt Nam vì đã không ký Hiệp định Giơnevơ, nên tuyệt đối không bị ràng buộc bởi những hiệp định này". Ngày 06/01/1956, Phủ Tổng thống Sài Gòn tuyên bố: "Chính phủ Việt Nam Cộng hòa không ký Hiệp định, vì vậy nên không công nhận những điều khoản trong Hiệp định và không thay thế cho Chính phủ Pháp trong việc thi hành Hiệp định ấy",...

quận Trung Lương và hệ thống loa phóng thanh công suất lớn ở dọc bờ Nam sông Bến Hải, suốt ngày đêm tuyên truyền chiến tranh tâm lý, ca ngợi cái gọi là "chính nghĩa quốc gia" và xuyên tạc nói xấu chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Trước tình hình đó, ngày 23/4/1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương công tác đối với khu phi quân sự và chỉ rõ: Giữ vững và phát triển quan hệ bình thường Bắc - Nam. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh thực hiện Quy chế khu phi quân sự để ngăn chặn mọi âm mưu của địch. Phải tích cực giáo dục chính sách, tư tưởng cho cán bộ và nhân dân, vì ở đây kẻ địch hàng ngày, hàng giờ tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp gieo rắc ảnh hưởng xấu đến Vĩnh Linh. Mặt khác, tích cực tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ ta cho đồng bào miền Nam và ổn định tinh thần, bồi dưỡng ý chí chiến đấu cho cán bộ, đồng bào miền Nam.

Thực hiện nhiệm vụ của Trung ương, Đảng ủy Khu vực đã chỉ thị cho cán bộ, đảng viên, phát động 3 vùng trọng điểm là Cửa Tùng, Hiền Lương, Hồ Xá đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi thực hiện hiệp thương Tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Đây là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp giữa ta và địch. Hiệp định không quy định ranh giới giữa hai miền trên sông, trên biển và trên cầu, nhưng đối phương nằng nặc muốn chia đôi cả sông, cả biển; đã có lúc chúng định xây dựng một số pháo đài trên biển, đóng cột mốc ranh giới giữa dòng sông giới tuyến, hoặc đem dây kẽm gai rào ngang qua cầu Hiền Lương... Sự đấu tranh có lý, có tình nhưng kiên quyết và

khôn khéo của ta đã buộc đối phương không thực hiện được sự chia cắt đó.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Vĩnh Linh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, phong trào lấy chữ ký đòi thi hành Hiệp định, đòi thực hiện hiệp thương Tổng tuyển cử, đặc biệt là yêu cầu về thông tin liên lạc của nhân dân hai miền Nam - Bắc sau khi tiến hành tập kết. Việc trao đổi thông tin liên lạc qua thư từ, bưu thiếp đã được Hiệp định quy định rõ. Trên thực tế, chính quyền miền Bắc mà trực tiếp là khu vực Vĩnh Linh đã thực hiện rất tốt. Tuy nhiên, về phía chính quyền Ngô Đình Diệm lại cố tình thực hiện thất thường, thậm chí là từ chối chuyển bưu thiếp mà không có lý do. Thông qua phái đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hiệp DMZ, ta đấu tranh đòi đối phương phải nối lại việc trao đổi bưu thiếp. Tổ Quốc tế 76 cũng có ý kiến, yêu cầu chính quyền Sài Gòn phải tiếp tục duy trì việc trao đổi bưu thiếp. Do sự đấu tranh đó, chính quyền Ngô Đình Diệm phải cho cảnh sát Xuân Hòa thực hiện trở lại việc giao nhận bưu thiếp với công an Hiền Lương một cách bình thường. Tổng cộng, trong gần 1 năm đầu tiên thực hiện, từ ngày 15/5/1955 đến ngày 31/3/1956, miền Bắc chuyển vào 331.047 bưu thiếp, miền Nam chuyển ra 111.022 bưu thiếp¹.

Nhờ việc thông thương 2 miền tương đối thuận lợi, ta đã hình thành một số điểm đầu mối ở bờ Nam để nắm bắt

1. PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu: “Một số đường liên lạc Bắc Nam qua giới tuyến quân sự tạm thời”, Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 5/2009.

thông tin, nhất là thông qua hình thức họp chợ. Tiêu biểu lúc này là điểm Chợ Bận (hợp ở rú Xuân Mỹ, Trung Hải), đây là nơi bà con hai bờ Nam - Bắc đi lại, gặp nhau trao đổi tin tức, là nơi cán bộ ta thường lui tới để nắm bắt tình hình và chỉ đạo phong trào. Bọn địch biết được ý đồ của ta, chúng tiến hành phá chợ. Ngày 23/8/1955, chúng huy động 130 lính do Chi trưởng cảnh sát quận Trung Lương chỉ huy kéo về Chợ Bận, chúng ra sức đốt phá, chặn các ngã đường rồi bắt đi nhiều người. Những người đi chợ và quần chúng ở Bạch Lộc, Xuân Mỹ kéo đến chống cự và phản đối hành động dã man của địch. Bà con ở Xuân Long, Hải Chữ, Thủy Bận cũng kéo đến tiếp sức đòi thả những người bị bắt vô tội. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, địch buộc phải thả 20 người dân Hồ Xá, Vĩnh Linh và 10 thanh niên làng Xuân Mỹ. Cuộc đấu tranh thắng lợi, tinh thần quần chúng được củng cố. Ngày 24/8/1955, phái đoàn liên lạc Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã gửi Công văn số 951/CTUB đến Ủy ban Quốc tế tố cáo hành động khiêu khích của đối phương, đòi đối phương phải tôn trọng Hiệp định. Để cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân bờ Nam, ngày 02/9/1955, Đảng ủy và Ủy ban Hành chính khu vực Vĩnh Linh tổ chức các hoạt động kỷ niệm 10 năm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/1955) và một năm ngày quê hương giải phóng. Hàng vạn đồng bào Vĩnh Linh và hơn 3.000 đồng bào bờ Nam sông Bến Hải vượt tuyến ra dự lễ kỷ niệm trong không khí thắm tình đoàn kết ruột thịt Bắc - Nam, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân đôi bờ sông Bến Hải, đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Để làm tốt công tác tuyên truyền, phục vụ đấu tranh chính trị, được Trung ương và các tỉnh đầu tư giúp sức, Vĩnh Linh đã xây dựng phòng văn hóa thông tin, nhà triển lãm, câu lạc bộ, đội chiếu bóng số 1... Đặc biệt trong thời gian này, Trung ương đã giúp Vĩnh Linh xây dựng một hệ thống tăng âm có công suất lớn và một mạng lưới truyền thông rải dọc bờ Bắc sông giới tuyến, dài hơn 10 km, với hàng chục cột loa phóng thanh cỡ lớn (1 cột có 40 cái loa công suất lớn) để kịp thời cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, ca ngợi công cuộc lao động sản xuất, xây dựng quê hương Vĩnh Linh giàu mạnh và ca ngợi chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Đặc biệt, thể theo nguyện vọng của đồng bào, đồng chí ở bờ Nam và của nhân dân Vĩnh Linh, cột cờ được dựng ở đầu cầu Hiền Lương. Lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên mảnh đất thanh bình, vẫy gọi đồng bào miền Nam hướng về miền Bắc, hướng về Bác Hồ, ra sức đấu tranh cho ngày Bắc - Nam sum họp. Chiều cao của cột cờ không ngừng tăng lên, mục đích cũng để đáp ứng yêu cầu bức thiết và chính đáng của đồng bào miền Nam, lá cờ của ta phải cao hơn, đẹp hơn lá cờ ngụy ở đầu cầu phía Nam. Ban đầu cột cờ của ta là một cây phi lao cao 12 m được dựng lên sau ngày 20/7/1956. Bọn Pháp cấm cờ của chúng lên nóc lô cốt Xuân Hòa cao 15 m. Lúc này việc đi lại trên cầu Hiền Lương còn tự do, đồng bào bờ Nam sang bờ Bắc trực tiếp yêu cầu các chiến sĩ công an giới tuyến treo cờ cao hơn cờ ba sọc của ngụy. Sau đó các chiến sĩ ta lần lộn lên miền tây, chặt một cây gỗ làm cột cờ, cao 18 m. Liên

đó, Mỹ - Diệm xây trụ cờ bằng sắt cao 25 m treo cờ ba sọc cỡ lớn, trên gắn hệ thống đèn neon nhấp nháy như để thách thức. Ngày 19/7/1957, công an vũ trang khu vực Vĩnh Linh lắp ráp trụ cờ bằng sắt, cao 34,5 m, sơn màu trắng, treo lá cờ rộng đến 134 m², nặng 15 kg, trên gắn ngôi sao vàng 5 cánh bằng đồng, đường kính 1,2 m; trên 5 đỉnh ngôi sao gắn chùm bóng điện 15 cái (mỗi đỉnh gắn chùm 3 bóng đèn 500W). Ít lâu sau, Mỹ - Diệm nâng trụ cờ của chúng lên 35 m. Năm 1962, Chính phủ điều một đơn vị xây dựng từ miền Bắc vào xây trụ cờ cao 38,6 m, cắm một lá cờ rộng 108 m² bay lồng lộng trên bầu trời phía Bắc Vĩ tuyến 17, là biểu tượng cho ý chí quyết chiến quyết thắng, cho độc lập và khát vọng hòa bình, thống nhất non sông, làm nức lòng nhân dân miền Nam và nhân dân cả nước.

Về quan hệ buôn bán giữa hai miền, Vĩnh Linh là cửa khẩu chính để trao đổi kinh tế giữa hai vùng. Vì vậy, phải khuyến khích phát triển mạng lưới giao thông, các luồng xe ô tô liên tỉnh để thuận tiện cho việc đi lại buôn bán. Tổ chức ở Vĩnh Linh ba cửa khẩu: Tùng Luật, Hiền Lương, Mũi Si để tăng cường quản lý việc xuất, nhập khẩu. Khuyến khích các thương nhân nhập những thực phẩm cần thiết cho miền Bắc, nhất là gạo, xăng dầu, cho đưa gạo ra bán tự do ở Liên khu 4. Đối với việc đi lại và trao đổi kinh tế của nhân dân hai miền, dù chính quyền miền Nam cố tình phá hoại Hiệp định nhưng qua đấu tranh quyết liệt của ta và ý kiến của Ủy ban Liên hợp, Tổ Quốc tế 76, Quận trưởng Trung Lương phải ký 8.120 giấy

thông hành cấp cho nhân dân bờ Nam được ra Bắc¹, cấp cho nhân dân bờ Bắc 640 giấy thông hành đặc biệt dài hạn và chuyển qua ta cấp 91 giấy thông hành cho đồng bào bờ Nam. Từ ngày 16/01 đến ngày 15/3/1956 có 879 người ở miền Nam ra Vĩnh Linh, trong đó có 545 người ở lại². Nhờ vậy, quan hệ kinh tế giữa nhân dân hai bên giới tuyến vẫn duy trì như giúp nhau cày ruộng, trâu bò, giống cây để sản xuất... Từ tháng 8/1954 đến tháng 8/1955, việc buôn bán giữa hai miền diễn ra khá thuận lợi, Vĩnh Linh nhập những mặt hàng cần thiết cho miền Bắc như gạo, xăng dầu. Đặc biệt, qua cửa khẩu Hiền Lương, cuối năm 1954, mỗi ngày Vĩnh Linh nhập hơn 10 tấn gạo nhằm bình ổn giá cả lương thực, góp phần tích cực vào việc chống đói ở Quảng Bình. Trong năm 1955, giá trị hàng xuất, nhập qua Vĩnh Linh là: 2.187.929.000 đồng. Ta dựa vào Điều 9 của Hiệp định Giơnevơ, thường xuyên đấu tranh đòi đối phương phải đảm bảo sự đi lại của nhân dân hai miền. Vì vậy, ở tuyến biên giới người qua lại tấp nập, có ngày qua lại trên 300 người, có tháng đồng bào miền Nam ra miền Bắc trên 5.000 người, miền

1. Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo tình hình công tác quan hệ Bắc Nam và bảo đảm Quy chế phi quân sự trong một năm qua*, số 592/BC-QHBN, Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, cấp 07, hồ sơ số 79, tr.8.

2. *Báo cáo tình hình công tác vận động lập lại quan hệ bình thường Bắc Nam 3 tháng đầu năm 1956*, số 905/BC-MN, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Hà Nội, Phòng Tổng cục Bưu điện, hộp số 18, hồ sơ số 328, tr. 3.

Bắc vào miền Nam hơn 3.000 người. Quan hệ kinh tế giữa đôi bờ sông Bến Hải được phát triển như giúp nhau cày ruộng, cây giống, trâu bò. Trong 8 tháng đầu năm 1956, qua cửa khẩu Hiền Lương, Vĩnh Linh xuất 81.310.945 đồng, nhập 113.659.000 đồng, buộc đối phương chuyển vào Nam 2.797,5 tấn thư từ, bưu thiếp, hàng hóa¹.

Từ cuối năm 1955 đến hết năm 1956, sau khi hết hạn chuyển quân tập kết, kẻ địch ngoan cố cấm đoán không ký giấy qua lại cho đồng bào nên việc đi lại, thăm viếng, buôn bán giữa hai miền có phần gián đoạn và kiểm soát gắt gao, buôn bán giảm sút, nhất là từ tháng 4 đến tháng 10/1956. Thương nhân qua lại đến giữa năm 1956 chỉ còn lại 50 người. Tổng giá trị hàng hóa xuất nhập năm 1956 là 290.076.000 đồng, chỉ bằng 13% năm 1955. Đến năm 1957, lợi dụng những sai lầm của ta trong cải cách ruộng đất, với âm mưu tuyên truyền chia rẽ quần chúng với Đảng, địch chủ trương thông qua con đường kinh tế để đánh về chính trị, chúng lại mở rộng buôn bán nhằm tung gián điệp biệt kích ra nắm tình hình miền Bắc. Ta lợi dụng chủ trương đó của địch để nối lại quan hệ bình thường, phát triển buôn bán, đi lại. Mặt khác kiên toàn và củng cố lại bộ máy để đánh địch. Do đó, tình hình đi lại, buôn bán giữa hai miền phần nào được thuận lợi hơn, đặc biệt là các đội thương thuyền. Đầu năm 1957, số thuyền ra buôn bán có 53 chiếc, 103 chuyến từ Khu 5 ra,

1. Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh: *Báo cáo tình hình Khu vực Vĩnh Linh trong 8 tháng qua*, tháng 9/1956, *Tlđđ*, tr.6-7.

nhiều nhất là Triệu Phong, Hải Lăng, Gio Linh... Giá trị hàng xuất nhập đạt 496.589.000 đồng, tăng gấp 5 lần so với 6 tháng đầu năm 1956 và tăng 71% so với cả năm 1956. Nhờ có chủ trương quan hệ kinh tế hai miền đã phần nào tạo điều kiện cho Vĩnh Linh xây dựng và phát triển sản xuất, đáp ứng yêu cầu lúc bấy giờ. Cũng từ sau khi có Hiệp định Giơnevơ, Vĩnh Linh đã chủ trương mở các tuyến đường liên lạc hợp pháp và bất hợp pháp nối liền giữa miền núi, đồng bằng và ven biển, giữa Vĩnh Linh - Gio Linh, Vĩnh Linh - Liên khu 5 để đưa cán bộ ra, vào hoạt động, xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào với tinh thần “ngày Bắc, đêm Nam”. Tuyến ven biển từ Cửa Tùng đến Cửa Việt, Thuận An vào Liên khu 5 đã đưa đón hàng trăm cán bộ cốt cán qua lại hoạt động. Tuyến đường này hoạt động cho đến khi kết thúc chiến tranh. Tuyến miền núi từ Bãi Hà đến Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong và Khu 5 sau này sáp nhập vào tuyến đường mòn Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Trung ương còn lập một tuyến đường riêng do Ban thống nhất Trung ương quản lý, gọi là C10.

Sau 3 năm phấn đấu gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ khu vực, nhân dân Vĩnh Linh đã tiến hành cải cách ruộng đất thắng lợi, xóa bỏ giai cấp địa chủ phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân. Công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, phát triển văn hóa - xã hội đã làm cho Vĩnh Linh có những biến đổi quan trọng. Hoạt động phát triển kinh tế đã trở lại bình thường; các mặt về văn hóa, giáo dục, y tế phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân

dân bước đầu được cải thiện; quốc phòng - an ninh ổn định và giữ vững, nhất là việc bảo vệ và thực thi Quy chế Khu phi quân sự, chống địch phá hoại Hiệp định Giơnevơ và xâm nhập, gây rối ở vùng giới tuyến. Lòng tin của quần chúng nhân dân vào Đảng, vào chế độ ngày càng được củng cố. Những thành tựu và đóng góp tích cực ấy tạo tiền đề quan trọng để Vĩnh Linh bước vào công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội; góp phần củng cố và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành hậu phương lớn phục vụ sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương VIII

ĐẢNG BỘ VINH LINH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ - DIỆM PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH GIÒNEVƠ VÀ THỰC HIỆN CÔNG CUỘC CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1958-1964)

I. ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH GIÒNEVƠ

Từ sau năm 1958, Mỹ - Diệm tuyên bố khóa tuyến, cự tuyệt hiệp thương Tổng tuyến cử, tăng cường phá hoại Hiệp định Giơnevơ và Quy chế khu phi quân sự, với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Liên sau đó, chúng đưa bọn tướng tá Mỹ đến Sài Gòn trực tiếp xây dựng bộ máy cai trị, hòng biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự để tấn công miền Bắc, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ khắp nơi. Chúng gấp rút thành lập các tổ chức phản động với tên gọi như “phong trào Cách mạng quốc gia”, “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”, “Đảng cần lao nhân vị”...

Ở vùng giới tuyến, cùng với việc củng cố nguy quyền tay sai, Mỹ - Diệm ráo riết bắt lính, đồn quân, đưa thêm lực lượng cảnh sát ra các đồn ở khu phi quân sự. Chúng thực hiện dồn dân, lập ấp chiến lược ngay bên bờ Nam sông Bến Hải. Thực hiện Luật 10/59, chúng lê máy chém đi khắp nơi để tìm diệt những người kháng chiến cũ. Mục tiêu của Mỹ - Diệm là xây dựng vùng Nam sông Bến Hải thành bàn đạp triển khai các hoạt động tình báo, gián điệp nhằm xâm nhập phá hoại Vĩnh Linh. Chúng sử dụng 11 cơ quan tình báo, quân báo, phản gián từ Trung ương đến địa phương, đặt trụ sở tại Quảng Trị. Chi nhánh Sở tình báo nghiên cứu chính trị - xã hội ở Sài Gòn, quân báo ở Quảng Trị, tình báo Sư đoàn 1, phòng 6 Ty Công an Quảng Trị, Ty Cảnh sát đặc biệt Bến Hải. Bọn này hoặc bí mật vượt tuyến, hoặc công khai sang sông với nhiều lý do: trốn quân dịch, giả ốm đau, điên loạn, trá hàng, bắt măn... để sang bờ Bắc nắm tin tức, điều tra quân sự, móc nối với các tổ chức phản động cũ được gài lại. Tháng 9/1958, chúng tiến hành tập trận quy mô lớn gồm cả hải, lục, không quân ngay trong khu phi quân sự, biến khu phi quân sự thành vùng an toàn, khu đệm nhằm thực hiện kế hoạch “lấp sông Bến Hải, Bắc tiến!”.

Ở vùng miền núi, nổi lên lúc này là cuộc đấu tranh chống lấn chiếm đất đai ở miền tây Vĩnh Linh. Sau hòa bình lập lại, bọn tay chân Mỹ - Diệm đã đưa một lực lượng quân đội đến Cù Rường (Hướng Lập). Chúng tuyên bố với nhân dân các dân tộc Vân Kiều là từ Cù Bai trở lên thuộc đất của chính quyền Ngô Đình Diệm. Đảng ủy khu vực và Chi bộ xã Hướng Lập đã kịp thời lãnh đạo quần

chúng tổ chức đấu tranh và xác định Hướng Lập là đất của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, của Bác Hồ. Sau hàng chục lần đưa quân lấn chiếm đất đai bị thất bại, cuối năm 1958, chúng phối hợp với bọn phản động ở Vương quốc Lào lấn chiếm Tà Rìn rồi đóng chốt tại Ra Mai, Vàng Rớ, A Ròng, Chong Túc, Pa Tăng Tây, Rà Cồ...

Âm mưu và hành động của địch đã gây khó khăn cho ta trong việc tiếp tế lương thực, đạn dược từ đồng bằng lên miền núi cho các lực lượng biên phòng đóng giữ ở Hướng Lập. Trước tình hình đó, Quân ủy Khu 4 đã yêu cầu Tỉnh ủy Quảng Bình bằng mọi cách cố gắng giúp Vĩnh Linh giải quyết khó khăn trên. Ngày 29 Tết năm 1959, hơn 3.000 đồng bào hai huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh đã vượt suối, băng rừng, ròng rã 20 ngày đường, đã đưa được 60 tấn hàng hóa lên Hướng Lập. Nhờ đó, bộ đội và nhân dân ở Hướng Lập đã có đủ lương thực, thực phẩm trấn giữ nơi biên cương Tổ quốc.

Đầu năm 1959, tình hình chiến sự ở miền Nam có những thay đổi đòi hỏi cần có sự chi viện một khối lượng lớn hàng hóa, vũ khí từ miền Bắc vào phục vụ chiến trường miền Nam. Ngày 19/5/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định thành lập “Đoàn công tác quân sự đặc biệt”, lấy tên là Đoàn 559, với nhiệm vụ xây dựng một tuyến đường vận tải chiến lược xuyên Trường Sơn, phục vụ các chiến trường miền Nam. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Bác Hồ, tháng 6/1959, thượng tá Võ Bẩm dẫn đầu tổ công tác vào Vĩnh Linh khảo sát địa điểm để mở đường Trường Sơn. Sau khi bàn bạc với Thường vụ Khu ủy Vĩnh Linh, tổ công tác quyết định chọn bản Khe

Hó (Vĩnh Hà) làm điểm mốc xuất phát tuyến vận tải chiến lược đường Trường Sơn. Đây là địa điểm tuy khá hẻo lánh song từ đây hàng hóa có thể vận chuyển theo 3 hướng: từ Khe Hó đi Khe Che, từ Khe Hó lên Vĩnh Ô để ra đường 9 và từ Khe Hó có thể ngược ra đường 20 để vào chiến trường miền Nam. Nhằm đảm bảo tuyệt đối bí mật khi mở tuyến đường, Đoàn 559 cùng với Đại đội thanh niên xung phong 331 (C331) của Vĩnh Linh và bà con Vân Kiều bản Khe Hó đã chịu đựng vô vàn gian khổ, mất mát, hy sinh; ngày đêm vượt núi cao, đèo sâu đầy hiểm nguy, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mà Trung ương giao phó. Ngày 13/8/1959, chuyến hàng đầu tiên gồm vũ khí và quân trang, quân dụng sau 8 ngày được hàng trăm dân công mang, vác, gửi, cống từ Khe Hó chuyển đến Tà Riệp an toàn, chính thức mở đầu cho hành trình vượt Trường Sơn chi viện cho chiến trường miền Nam của cung đường chiến lược đặc biệt này¹.

Tháng 12/1959, một số đồng chí lãnh đạo của Mặt trận Pathét - Lào đã vượt vòng vây của địch tìm đến đồn công an Cù Bai đề nghị Việt Nam giúp sức. Sau khi xin ý kiến của Ban Bí thư, đồng chí Hồ Sỹ Thản và đồng chí Vân Hùng đến Hướng Lập tổ chức vận động bà con Vân Kiều đứng lên bảo vệ làng, bản. Bộ Tư lệnh giao nhiệm vụ cho một phân đội công an vũ trang gồm 36 đồng chí sang giúp đỡ bạn. Phân đội này được giao nhiệm vụ cùng

1. Năm 2011, Khe Hó, điểm mở đường Trường Sơn huyền thoại đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

với Trung đoàn 101 thuộc Sư đoàn 325 đánh 4 đồn: Chiềng Tốp, Ra Mại, Bản Na, Rà Cồ. Thực hiện các yêu cầu: nắm chắc tình hình địch, đánh phải thắng, hạn chế đối đa thương vong, làm tốt công tác vận động quần chúng, giúp các địa phương bạn xây dựng chính quyền cách mạng.

Tối 10/3/1960, Trung đoàn 101 có lệnh hành quân chiến đấu. Do nắm chắc tình hình nên ta thu được kết quả tốt. Các vị trí Chiềng Tốp, Ra Mại, Bản Na, Rà Cồ nhanh chóng bị hạ. Ngoài 4 vị trí đã tiêu diệt, chúng ta đã bao vây, bức rút 6 đồn khác dọc tuyến biên giới Việt Nam - Lào, mở rộng vùng giải phóng dọc tuyến biên giới từ Vĩnh Linh đến Quảng Bình, nối liền hành lang chiến lược của tuyến đường vận chuyển từ Bắc vào Nam.

Mặt đối mặt với kẻ thù, quân và dân Vĩnh Linh đã tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ Quy chế khu phi quân sự, bảo vệ tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh diễn ra gay go, ác liệt và lâu dài, vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính quần chúng trên cả hai mặt trận: chính trị và quân sự. Cuộc đấu tranh của các “chiến sĩ giới tuyến” bắt đầu từ việc đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện Hiệp định Giơnevơ, giữ vững quan hệ bình thường giữa chiến sĩ ta với cảnh sát bờ Nam, tranh thủ binh lính và sĩ quan địch, đấu tranh duy trì mọi mối quan hệ bình thường giữa hai bờ, qua lại thăm người thân, chuyển nhận bưu thiếp.

Ngày 02/9/1960, các chiến sĩ công an giới tuyến tổ chức mừng ngày Quốc khánh lần thứ 15 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân đó, các chiến sĩ ta tuyên

truyền về sự trong sáng của nền văn hóa chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Sáng ngày 02/9/1960, cuộc đua thuyền trên sông mở đầu ngày hội. Các chiến sĩ giới tuyến tiếp cận cảnh sát bờ Nam làm nhiệm vụ gác cầu nhằm tranh thủ từng tên một. Vợ, con binh lính bờ Nam ra tận bờ sông tụ tập đứng xem, bà con các thôn Xuân Hòa, Xuân Mỹ, Xuân Long cũng lần lượt kéo đến. Người ra xem đứng chật cả hai bờ sông Bến Hải. Tên quận trưởng quận Trung Lương biết tin vội vã ra lệnh giải tán dân chúng. Đúng lúc đó, cuộc vui kết thúc, nhân dân bờ Nam được chung vui một ngày hội đầy tình đoàn kết dân tộc. Lối sống lành mạnh và những việc làm chính nghĩa, đầy tính nhân đạo, trong sáng của các chiến sĩ công an giới tuyến đã thức tỉnh nhiều tên tay sai trong hàng ngũ nguy quân, nguy quyền. Địch phải thường xuyên thay quân, đổi tướng để đối phó với tình trạng phân tán, ngả theo cách mạng ngày càng cao trong hàng ngũ của chúng ở bờ Nam giới tuyến. Cũng từ những ngày đầu làm nhiệm vụ bảo vệ giới tuyến, cán bộ, chiến sĩ ta đã cảm hóa và xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến trong lòng địch, đã cung cấp nhiều tin tức bí mật, phục vụ kịp thời công cuộc bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam.

Sau chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của Aixenhao bị phá sản, đế quốc Mỹ vội vã tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, với kế hoạch Stalây-Taylo (Staley-Taylor) nhằm “bình định miền Nam trong vòng 18 tháng”. Ở bờ Nam sông Bến Hải, chúng tích cực xây dựng hệ thống đường chiến lược 3 tuyến chạy song song từ biển lên tận Gio An, Trung Sơn, nối liền các trục đường

73, 74, 75, 76 để đối phó với lực lượng tiến công của ta, chuẩn bị âm mưu “Bắc tiến”. Năm 1961, chúng thành lập “Biệt đội cảnh sát cộng hòa”, gồm 250 lính chính quy, 7 trung đội dân vệ cùng một hệ thống mật vụ, biệt kích, thám báo đóng trà trộn ở các thôn, xã giới tuyến. Ngày 16/02/1961, Ngô Đình Diệm ra tận Cát Sơn để thị sát tình hình. Ngày 20/10/1961, chúng lại điều một tiểu đoàn súng cối ra tận cầu Hiền Lương, ngang nhiên bắn 58 quả đạn sang bờ Bắc. Từ tháng 7/1957 đến tháng 6/1962, Mỹ - Diệm đã 240 lần cho lực lượng vũ trang xâm nhập trái phép khu phi quân sự, 551 vụ nổ súng khiêu khích, đưa 5.976 lượt người vào, ra khu phi quân sự trái quy định, 89 lần tàu thuyền và 39 lần cho máy bay xâm phạm vùng trời, vùng biển của Vĩnh Linh. Từ năm 1963 trở đi, những hành động khiêu khích của Mỹ - Diệm ngày càng tăng và tạo nên không khí căng thẳng giữa 2 bờ Nam - Bắc giới tuyến. Rõ ràng, Mỹ - Diệm đã cố tình, ngang nhiên và trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, phá hoại Quy chế khu phi quân sự.

Từ cuối năm 1959, Mỹ - Diệm liên tục mở các cuộc càn quét, gom dân với quy mô lớn, tập trung vào các “khu trù mật”, thực hiện “tố Cộng, diệt Cộng”, lê máy chém đi khắp nơi với phương châm “giết nhằm còn hơn bỏ sót”. Nhằm thực hiện âm mưu tách các lực lượng cách mạng với quần chúng, biến vùng giới tuyến thành “vành đai trắng”. Sự điên cuồng của Mỹ - Diệm làm cho phong trào cách mạng Trị - Thiên gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Tháng 01/1959, Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết lần thứ 15 (mở rộng), chỉ rõ: “Con đường phát triển

cơ bản của Cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”¹. Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Trị đã lấy địa bàn Vĩnh Linh làm hậu phương trực tiếp, thường xuyên cử cán bộ, đảng viên vượt tuyến ra liên hệ với Khu ủy Vĩnh Linh bàn bạc, tìm cách bảo vệ và đưa phong trào Nam tuyến tiến lên. Bàn kế hoạch chi viện, Khu ủy Vĩnh Linh đã mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho chiến trường miền Nam. Ngay từ những ngày đầu mới thành lập của Công an nhân dân vũ trang Vĩnh Linh, “Ban 8” đã được thành lập có nhiệm vụ tìm cách móc nối, liên lạc với các tổ chức Đảng trong lòng địch, nắm tình hình, bám dân, xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức cơ sở. Bộ phận này xuất phát từ xã Vĩnh Ô, Vĩnh Trường, vượt tuyến, bắt liên lạc với Huyện ủy Hướng Hóa. Đầu năm 1960, trước yêu cầu phát triển của chiến trường Quảng Trị, Công an nhân dân vũ trang Vĩnh Linh đã gấp rút thành lập các đội trinh sát chính trị để sang hoạt động ở địa bàn Nam tuyến. Tháng 5/1960, 4 đội trinh sát chính trị ở Vĩnh Linh được tổ chức và lên đường vào Nam công tác.

Đội K1 hoạt động ở khu Đông theo hướng Gio Linh, Đông Hà, Cửa Việt.

Đội K2 hoạt động ở khu Tây, tiến thẳng vào Gio Linh, Cam Lộ.

Đội K3 mở đường vào đường 9, Ba Trắng, Đầu Mầu.

Đội K4 hoạt động theo hướng Khe Sanh và vùng lân cận.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr.82.

Các đội trinh sát chính trị này đã từng làm cho quân thù khiếp sợ, với những hoạt động xuất quỷ nhập thần. Họ dựa vào các tổ chức Đảng, cơ sở cách mạng, sự giúp đỡ và che chở của nhân dân và chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng Cam Lộ, Gio Linh, Hướng Hóa, đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ cán bộ, xây dựng cơ sở trong quần chúng, diệt ác phá kìm, mở đường đưa các lực lượng vũ trang từ Bắc vào Nam hoạt động. Ở trên biển, công an vũ trang Vĩnh Linh còn tổ chức một đội thuyền B6 để vượt tuyến, đưa cán bộ vào hoạt động vùng sau lưng địch.

Thực hiện chủ trương và yêu cầu của Huyện ủy Gio Linh, tháng 10/1962, các chiến sĩ Đội K1 khu Đông nhận nhiệm vụ giết tên Tào ấp trưởng ở Bạch Lộc, xã Trung Hải, quận Trung Lương, nổi tiếng ác ôn, chống phá cách mạng. Đồng thời nhân đó kêu gọi nhân dân nổi dậy ở các ấp Bạch Lộc, Xuân Mỹ, Xuân Long.

Ngày 25/12/1962, theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Quảng Trị, Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang quyết định thành lập một phân đội trinh sát đặc công chi viện chiến trường miền Nam, trực tiếp là địa bàn Bắc Quảng Trị. Hơn 30 cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang Vĩnh Linh được lựa chọn và thành lập một đơn vị với phiên hiệu Phân đội 3. Phân đội này được huấn luyện tại Hà Nội. Sau 7 tháng học tập, tháng 6/1963, Phân đội 3 về nhận nhiệm vụ tại Vĩnh Linh. Trung tuần tháng 7/1963, Phân đội 3 ra quân với nhiệm vụ đặc biệt là phải diệt bằng được tên Phương, tên ác ôn khét tiếng ở quận Trung Lương. Tên này đã dùng

hệ thống loa phóng thanh có công suất mạnh, ngày đêm diên cuồng gào thét, nói xấu, chửi bới chế độ miền Bắc. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã tặng cho hân danh hiệu “Anh hùng chống Cộng trên sông Bến Hải”. Nhân dân đôi bờ giới tuyến hết sức căm phẫn, muốn tiêu diệt bằng được tên cuồng tín chống Cộng này. Theo yêu cầu của Huyện ủy Gio Linh và nguyện vọng của nhân dân, tổ trinh sát của Phân đội 3 được giao nhiệm vụ thực hiện bản án. Được sự phối hợp của lực lượng trinh sát chính trị, ngày 26/7/1963, tổ trinh sát đặc công đã trừng trị tên ác ôn tay sai của Mỹ - Diệm làm nức lòng bà con hai bờ giới tuyến. Từ trận ra quân đầu tiên cho đến trận chống càn đánh xe cơ giới của địch ở Thiệu Chánh ngày 16/10/1964, các phân đội an ninh vũ trang Vĩnh Linh đã phối hợp với các lực lượng Nam tuyến đánh 31 trận (5 phân đội độc lập đánh 25 trận), 25 lần dùng bom, mìn đánh các cầu cống, phá hoại giao thông của địch. Tiêu diệt 138 tên địch trong đó có 6 sĩ quan Mỹ, phá hủy 1 xe M113, 5 xe vận tải GMC, 4 xe Zeep, đánh sập 9 cầu lớn, thu 24 súng các loại, 47 quả mìn, 14 lựu đạn, 2 máy vô tuyến và nhiều loại quân trang khác.

Về chính trị, các phân đội vũ trang an ninh đã cùng với nhân dân Hướng Hóa, Gio Linh, Cam Lộ phá 91 ấp chiến lược, tạo điều kiện bảo vệ và thúc đẩy phong trào cách mạng trên toàn vùng giáp ranh giới tuyến và khu vực miền núi phát triển. Cùng với cấp ủy các cấp ở Nam tuyến từng bước củng cố, phát triển các lực lượng vũ trang địa phương, hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đồng khởi ở địa bàn bắc Quảng Trị phát triển lên một giai đoạn mới.

II. VĨNH LINH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1958-1960)

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ I

Trước những diễn biến của tình hình mới, nhất là việc cần xác định rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ đặc biệt của Vĩnh Linh là tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương của cách mạng miền Nam, trực tiếp là Trị Thiên. Được sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng, từ ngày 23/3 đến ngày 02/4/1959, Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ I được tổ chức. Về dự Đại hội có 126 đại biểu chính thức, đại diện cho 2.175 đảng viên trong toàn Đảng bộ khu vực. Đại hội bàn, thảo luận và quyết định 3 nội dung quan trọng: Kiểm điểm, đánh giá lại tình hình lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian từ ngày hòa bình lập lại, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1959-1960 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh khóa mới.

Đồng chí Hồ Sỹ Thản - Bí thư Khu ủy - đã đọc báo cáo chính trị và nêu lên phương hướng, nhiệm vụ các năm 1959-1960. Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm về những thành tích và những khuyết điểm của Vĩnh Linh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là phong trào hợp tác hóa trong toàn khu vực. Báo cáo có đoạn chỉ rõ: “Nhìn chung các mặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Liên khu ủy Khu 4, qua mấy năm phấn đấu gian khổ, trong hòa bình lập lại, Đảng bộ của chúng ta đã

nắm vững đường lối, chính sách và nhiệm vụ trọng tâm của Đảng, ra sức đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời tích cực xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã. Trong lúc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đó, chúng ta đã kết hợp nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, phát triển và cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách chặt chẽ. Đồng thời, chúng ta coi trọng công tác đấu tranh chính trị, công tác quan hệ Bắc - Nam, giữ gìn trật tự an ninh của khu vực giới tuyến”¹.

Về xây dựng Đảng, Đại hội đánh giá: “Phải coi trọng đường lối, phương châm xây dựng Đảng, trước hết phải đẩy mạnh giáo dục chính trị, phê bình và tự phê bình, tiếp tục đấu tranh chống tư tưởng tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc phong kiến, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Không ngừng nâng cao tư tưởng phục vụ nhân dân, dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, tích cực phấn đấu vì lợi ích Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Chống chủ nghĩa tự do tản mạn, đề cao ý thức tập thể, kỷ luật trong công tác và lao động, đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Chống quan liêu, lãng phí, tham ô, đề cao tiết kiệm, khắc phục tư tưởng bảo thủ, phải tích cực, khẩn trương, không lè mề. Đồng thời chống tư tưởng thỏa mãn, chủ quan, y lại đang ngăn chặn sự phát triển của phong trào”².

1, 2. Trích *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực lần thứ I*, từ ngày 23/3 đến ngày 02/4/1959, Tài liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh.

Đại hội đã thảo luận và quyết nghị nhiệm vụ, phương hướng của kế hoạch 3 năm mà đề án 1958-1960 đã đề ra, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) (khóa II) về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc. Từ đó, Đại hội nêu lên quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch.

Đại hội đã lựa chọn và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực gồm 20 ủy viên (trong đó có 5 ủy viên dự khuyết). Ban Thường vụ Đảng ủy khu vực gồm 5 đồng chí: Hồ Sỹ Thản, Trần Đồng, Hoàng Đức Sản, Vân Hùng và Phan Ngô. Đồng chí Hồ Sỹ Thản được bầu làm Bí thư Khu ủy, đồng chí Trần Đồng và đồng chí Hoàng Đức Sản được bầu là Phó Bí thư Khu ủy.

2. Thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa

Cải cách ruộng đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa, khôi phục kinh tế thắng lợi đã làm cho Vĩnh Linh có những biến đổi quan trọng. Nhưng nền kinh tế vẫn còn nhiều thành phần, trong đó kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ chiếm tỷ lệ lớn. Mặt khác, để trở thành pháo đài vững chắc của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đủ sức đánh bại mọi âm mưu và hành động điên cuồng của kẻ địch, làm hậu phương trực tiếp cho chiến trường miền Nam, trước hết là Trị - Thiên ruột thịt, Vĩnh Linh phải không ngừng được xây dựng và củng cố về mọi mặt.

Tháng 11/1958, Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) tổ chức Hội nghị lần thứ XIV, đề ra nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là: "... đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công..., đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân..."¹. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cụ thể là: (1) Đẩy mạnh sản xuất, lấy sản xuất nông nghiệp làm khâu chính, chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời coi trọng các loại hoa màu và cây công nghiệp. (2) Ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh theo xã hội chủ nghĩa, khâu chính là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời, tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh. (3) Trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nhất là nhân dân lao động và tăng cường củng cố quốc phòng.

Căn cứ vào nhiệm vụ của Trung ương, từ ngày 13 đến ngày 16/12/1958, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực tổ chức Hội nghị đề ra nhiệm vụ giai đoạn 1958-1960 về cải tạo và xây dựng kinh tế ở Vĩnh Linh. Hội nghị khẳng định: "Vĩnh Linh chúng ta có đủ điều kiện để cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và những người buôn bán nhỏ đi theo xã hội chủ nghĩa với mức độ nhanh hơn, mạnh hơn,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr.400.

để đến năm 1960 hoàn thành cải tạo 3 thành phần trên, làm cho thành phần kinh tế quốc doanh phát triển mạnh mẽ, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, biến Vĩnh Linh - một vùng nghèo khó - thành một vùng giàu có, thể hiện sự tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tạo điều kiện cho việc phát triển quan hệ Bắc - Nam, góp phần tích cực vào sự nghiệp thống nhất Tổ quốc”.

Đề án về cải tạo và xây dựng kinh tế đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 1958-1960 là: (1) Cải tạo và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống quần chúng, phát triển văn hóa. (2) Ra sức nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất Tổ quốc, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường công tác mặt trận trên cơ sở công - nông liên minh, đẩy mạnh việc đấu tranh mở rộng quan hệ hai miền. (3) Muốn đưa phong trào tiến lên, nhất là bảo đảm sự toàn thắng của kế hoạch 3 năm, việc xây dựng Đảng lớn mạnh để giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng là vấn đề mấu chốt¹.

Đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng đối với nông nghiệp là đưa nông dân tự làm ăn riêng lẻ đi vào tổ đổi công, tiến lên hợp tác xã bậc thấp rồi hợp tác xã bậc cao. “Phải không ngừng bồi dưỡng, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng như các mặt quản lý, tổ chức để sang năm 1960 chúng ta hoàn thành căn bản tổ chức hợp tác xã bậc cao trong toàn nông thôn Vĩnh Linh.

1. Trích *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực ngày 16/12/1958*. Tài liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh.

Đối với tiểu thương và thợ thủ công thì đưa họ vào hợp tác xã thủ công nghiệp và hợp tác xã mua bán, từng bước đưa họ vào con đường làm ăn tập thể với mức độ cuối năm 1959 đạt 75% để đến năm 1960 hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở khu vực thị trấn”.

Ở nông thôn, nhằm mục đích xóa bỏ tận gốc cơ sở kinh tế tư hữu tư nhân, Đảng ủy khu vực tổ chức quán triệt và thực hiện đúng với phương châm mà Trung ương đã nêu ra: “Tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên; quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt, vững, nhanh và gọn”¹. Theo phương pháp đi từ thấp đến cao, chủ yếu là để nông dân tự nguyện đi vào làm ăn tập thể, tránh gò ép nóng vội.

Song song với phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã trong nông nghiệp, năm 1958, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực đã ra Nghị quyết thành lập hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán nhằm tổ chức cho nông dân góp vốn, giúp đỡ lẫn nhau đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống.

3. Những kết quả đạt được sau khi thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương, Đảng ủy Khu vực đã chủ trương mở đợt chỉnh huấn rộng rãi trong toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đợt chỉnh huấn rộng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr.322.

rãi bắt đầu triển khai từ ngày 21/7/1959, kết thúc tháng 11/1959, nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức được cơ bản đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng. Tham gia đợt chỉnh huấn có 9.597 cán bộ, đảng viên, đoàn viên và hội viên trong khu vực.

Trong báo cáo tổng kết công tác năm 1959, Đảng ủy khu vực khẳng định: Sau chỉnh huấn, đảng viên, cán bộ và nhân dân thể hiện tinh thần phấn khởi, công tác tích cực hơn, tinh thần đó được phản ánh qua các phong trào sản xuất xây dựng ngọn cờ hồng ở nông thôn và các mặt hoạt động khác như văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh - quốc phòng.

Tiếp đó, Đảng ủy đã lãnh đạo việc mở cuộc vận động xóa bỏ quan hệ sản xuất lạc hậu, xây dựng quan hệ sản xuất tiên tiến trong nông nghiệp, tổ chức nông dân đi vào con đường hợp tác hóa để đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, khắc phục nghèo nàn lạc hậu. Hợp tác hóa nông nghiệp là cuộc cách mạng sâu sắc, triệt để diễn ra trong nông thôn. Đó là cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ nông thôn, trong từng gia đình và trong từng người về hai con đường: con đường làm ăn cá thể của nền sản xuất nhỏ và con đường làm ăn tập thể đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã trở thành cao trào trong nông thôn Vĩnh Linh. Đứng trước yêu cầu của quần chúng, nhân sự kiện Hợp tác xã Vĩnh Kim - lá cờ đầu của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của khu vực Vĩnh Linh - vinh dự được cử đại biểu tham gia Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 16 tại

Hà Nội để bàn về: đường lối nguyên tắc và một số chính sách đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Tại Hội nghị Trung ương, đại biểu hợp tác xã Vĩnh Kim đã báo cáo những kết quả công việc đã làm như: công tác tư tưởng động viên quần chúng, công tác hóa giá trâu bò, nông cụ sản xuất, công tác 3 quản (lao động, tài vụ và diện tích). Báo cáo được Hội nghị hoan nghênh và đánh giá cao. Đảng ủy khu vực đã lấy sự kiện đó để tuyên truyền, vận động đẩy mạnh phong trào tổ đổi công, hợp tác hóa trong toàn khu vực lên thành cao trào. Đảng bộ đã kịp thời mở 18 lớp với 1.407 cán bộ cơ sở huấn luyện đào tạo cho đội ngũ cán bộ của phong trào. Đến vụ Đông - Xuân 1958-1959, toàn khu vực Vĩnh Linh đã xây dựng được 80 hợp tác xã, tăng gấp 40 lần so với trước. Đến cuối năm 1959, toàn khu vực đã căn bản hoàn thành xây dựng hợp tác xã sơ cấp nông nghiệp, đánh dấu bước tiến mới có tính chất lịch sử trong quan hệ sản xuất ở nông thôn Vĩnh Linh. Vấn đề làm ăn tập thể đã trở thành ý thức chính trị của quần chúng nhân dân lao động.

Kết thúc toàn đợt vận động xây dựng hợp tác xã, toàn khu vực Vĩnh Linh đã thành lập được 198 hợp tác xã bậc thấp, đạt tỷ lệ 90,36% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Đến giữa năm 1959, phong trào hợp tác hóa phát triển thêm một bước mới, 77 hợp tác xã sơ cấp được tổ chức thành 33 hợp tác xã bậc cao. Đến năm 1960, đã có 116 hợp tác xã bậc thấp và 33 hợp tác xã bậc cao (trong đó có 10 hợp tác xã của đồng bào miền Nam tập kết) gồm 94,34% số hộ nông dân nông nghiệp đồng bằng, với 19.661 xã viên, bao

gồm 32.776 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 80,5% diện tích đất đai trong toàn khu vực.

Bên cạnh hợp tác xã nông nghiệp, khu vực cũng đã xây dựng được 17 hợp tác xã tín dụng (8 sơ cấp và 9 cao cấp) với số lượng 8.524 xã viên, tổng số vốn đóng góp là 15.327.000 đồng, kịp thời giải quyết được nhiều vấn đề trong sản xuất. Nhờ có làm ăn tập thể, phong trào khai hoang phục hóa phát triển, đã đưa hàng trăm hecta đất đai vào sử dụng. Đến năm 1960, tổng diện tích gieo trồng toàn Vĩnh Linh tăng lên 13.526 ha, tăng thêm 4.000 ha so với năm 1955, diện tích cây công nghiệp đạt 400 ha.

Trong ngư nghiệp, đã thực hiện việc vận động ngư dân vào các hợp tác xã đánh cá. Ở các xã miền biển đã xây dựng được 30 hợp tác xã, với 1.061 hộ dân tham gia, chiếm 95,2% tổng số hộ ngư dân toàn vùng.

Ở miền núi, Khu ủy tăng cường chỉ đạo chặt chẽ, chống mọi âm mưu phá hoại của bọn phản động, đồng thời tích cực vận động nhân dân định cư và đi vào làm ăn tập thể. Đến năm 1960, ở vùng miền núi đã xây dựng được 102 tổ đổi công với 776 hộ, chiếm 98%.

Các thành phần tiểu thương và thợ thủ công ở Vĩnh Linh chỉ chiếm 1,3% số dân, với 710 hộ, gồm 21 ngành nghề khác nhau, chủ yếu là những người buôn bán nhỏ và thợ cơ khí. Sau 3 năm cải tạo, toàn khu vực đã xây dựng được 35 cơ sở, gồm 565 hộ, chiếm 80,1%. Riêng tại thị trấn Hồ Xá đã xây dựng được 21 cơ sở, có 3 cơ sở cao cấp, 2 hợp tác xã trung cấp.

Đánh giá tình hình cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực, họp từ ngày 11

đến ngày 16/01/1960, chỉ rõ: “Thắng lợi ấy có tính chất lịch sử trong đời sống chính trị và kinh tế ở nông thôn. Làm thay đổi tận gốc xã hội cũ, đưa người nông dân từ làm ăn riêng lẻ sang làm ăn tập thể, từ nền kinh tế tiểu nông lạc hậu sang nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, làm cho xu thế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối ở nông thôn. Sự phát triển của phong trào hợp tác xã vừa qua với nhịp độ tương đối nhanh, thực chất là phong trào của quần chúng rộng rãi, căn bản là tốt. Thành tích ấy rất vĩ đại”.

Song song với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, được Trung ương và các tỉnh bạn quan tâm giúp sức, từ năm 1956, Vĩnh Linh đã tiến hành khởi công xây dựng thị trấn Hồ Xá - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của cả khu vực - thể hiện bộ mặt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Sau một thời gian ngắn, nhiều công sở, công trình được xây dựng như: Cửa hàng bách hóa tổng hợp 2 tầng với đầy đủ hàng hóa, khách sạn Vĩnh Linh khang trang, nhà bảo tàng, phòng trưng bày triển lãm, trụ sở làm việc của Đảng ủy và Ủy ban hành chính khu vực... Nhà máy chế biến bột sắn có công suất 1.000 tấn/năm, nhà máy xay 3.000 tấn/năm, nhà máy điện 250 mã lực đủ điện phục vụ sản xuất và đời sống ở thị trấn, Xí nghiệp chèo hương Bến Hải nổi tiếng thơm, ngon. Bệnh viện Vĩnh Linh khang trang, bề thế, đầy đủ tiện nghi phục vụ nhân dân trong khu vực và vùng lân cận. Cũng từ năm 1958, tiến hành xây dựng nông trường quốc doanh 22/12 chuyên trồng cao su, cà phê, chè, tiêu, dầu sỏ... để xuất khẩu. Năm 1959, khởi công xây dựng và hoàn thành đài

Anh hùng Vĩnh Linh làm nơi an nghỉ và tôn vinh các anh hùng, liệt sĩ đã anh dũng hy sinh vì nước, vì dân. Đồng chí Tôn Đức Thắng - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã vào dự lễ và cắt băng khánh thành công trình.

Trong thời gian này ở Vĩnh Linh, phong trào học bổ túc văn hóa trong quần chúng được phát triển sâu rộng, sôi nổi từ nông thôn đến thành thị, từ miền biển đến rừng núi xa xôi. Ở cơ quan và thị trấn, mặc dù công việc bận rộn song trong năm 1959 đã thu hút hàng nghìn người theo học. Toàn khu vực đã mở 121 lớp với 2.619 học viên. Ở nông thôn, phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa của nhân dân đã đi vào nền nếp và trở thành chế độ bắt buộc. Đến năm 1959 mở được 1.196 lớp với 8.345 học viên tham gia. Ở miền núi, phong trào học tập văn hóa cũng được hưởng ứng rầm rộ. Để có đủ cán bộ lãnh đạo phong trào, Đảng ủy còn mở các lớp học tại chức cho khối nông thôn và thị trấn tại trường Đảng Nguyễn Thị Minh Khai. Đến năm 1959, đã mở được 2 khóa đào tạo với 200 học viên là những cán bộ chủ chốt của các địa phương, đơn vị trong khu vực tham gia. Ngành giáo dục phổ thông cũng phát triển mạnh, tỷ lệ học sinh cấp 1 năm 1959 tăng 7,9% so với các năm trước; cấp 2 tăng 65%. Đặc biệt, năm 1959 đã khởi công xây dựng Trường cấp 3 Vĩnh Linh. Khóa học đầu tiên có 2 lớp 8, với 95 học sinh. Tổng số học sinh các cấp trong toàn khu vực Vĩnh Linh lúc này là 7.751 học sinh.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao cũng được phát triển sôi nổi và đều khắp. Một số xã thành lập các đội văn nghệ không chuyên phục vụ nhân

dân trong các ngày lễ, Tết... tiêu biểu như các đội văn nghệ của các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim. Nhiều xã có đội bóng đá, bóng chuyền nam - nữ thi đấu nhiều nơi. Ở khu vực, thành lập đội Văn công Vĩnh Linh, đội Dân ca Trị Thiên, Đội chiếu bóng số 1, đồng thời mời các đoàn văn công Trung ương, Tổng cục Chính trị,... vào biểu diễn, giao lưu, phục vụ tốt cho nhu cầu tinh thần của nhân dân khu vực Vĩnh Linh.

Về an ninh - quốc phòng: Để bảo vệ địa bàn, kịp thời đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch, Đảng ủy đã chú ý tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, trang bị và huấn luyện chu đáo. Một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của Đảng bộ và nhân dân trong khu vực về học tập luật nghĩa vụ quân sự cũng được tổ chức nhằm làm cho mọi người, đặc biệt là lớp trẻ thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước. Ngày 02/9/1959, Vĩnh Linh đã tổ chức đưa tiễn 300 thanh niên lên đường bảo vệ Tổ quốc trong không khí tương bừng, phấn khởi.

Trong công tác xây dựng Đảng: Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng, Đảng ủy khu vực đã ra nhiều Nghị quyết để lãnh đạo phong trào, mở các đợt chỉnh huấn, học tập, nghiên cứu Nghị quyết nhằm làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam, nhiệm vụ chính trị của Vĩnh Linh trong giai đoạn mới. Thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng bộ và chi bộ “4 tốt” do Trung ương nêu ra, tạo nên không khí mới trong các chi bộ. Trong cuộc vận động này, Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh và 3 chi bộ: Vĩnh

Kim, Vĩnh Giang, Hướng Lập được Trung ương công nhận là “đơn vị 4 tốt”.

Tính đến năm 1960, toàn khu vực Vĩnh Linh lúc này đã có 3.500 đảng viên, với 44 chi bộ trực thuộc Khu ủy.

Hướng đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, ngày 17/6/1960, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực đã tổ chức hội nghị quan trọng, thảo luận và quyết định 2 nội dung: Tham gia góp ý kiến vào văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc và bầu Đoàn đại biểu của Đảng bộ Vĩnh Linh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, gồm 03 đồng chí, trong đó: đồng chí Hồ Sỹ Thản và đồng chí Trần Đồng là đại biểu chính thức, đồng chí Trần Hữu Quốc làm đại biểu dự khuyết.

Tổng kết phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong 3 năm (từ năm 1958 đến năm 1960), Vĩnh Linh đã cơ bản hoàn thành kế hoạch cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa, bước đầu đã xác lập được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, đưa nông dân từ người làm thuê sang người làm chủ. Từ chỗ nền kinh tế nhiều thành phần chuyển sang nền kinh tế thuần nhất, với hai hình thức sở hữu: toàn dân và tập thể. Bộ mặt Vĩnh Linh không ngừng khởi sắc, chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội ngày càng được củng cố, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Với thành tích đó, Khu vực Vĩnh Linh vinh dự được Quốc hội và Chính phủ tặng thưởng: 03 Huân chương Lao động hạng Ba cho Đảng bộ, nhân dân và thanh niên Khu vực, 05 Huân chương Lao động hạng Ba cho 05 chiến sĩ thi đua, 02 Huân chương Lao

động hạng Ba cho nhân dân xã Vĩnh Kim và thị trấn Hồ Xá. Đặc biệt, Bác Hồ đã dành một phần thưởng đặc biệt tặng Hợp tác xã Vĩnh Kim - lá cờ đầu của phong trào xây dựng Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp khu vực Vĩnh Linh - đó là chiếc máy cày Zetor mà Đại sứ nước Tiệp Khắc đã tặng Bác vào năm 1959.

III. VĨNH LINH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ II

Sau 6 năm khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa, bộ mặt của Vĩnh Linh có nhiều biến đổi sâu sắc. Đời sống nhân dân lao động ngày càng được nâng cao, song nền kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp; trong khi đó ruộng đất ít và xấu, gần 60% diện tích còn bỏ hoang. Mặc khác, với âm mưu phá hoại, xuyên tạc của Mỹ - Diệm bên bờ Nam, thường xuyên gây cho ta nhiều khó khăn trong việc đấu tranh chính trị và bảo vệ trật tự an ninh giới tuyến. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960) đã chỉ rõ: Miền Bắc nước ta chuyển sang thời kỳ lấy xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội làm nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức phấn đấu thực hiện một bước công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội và

hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội¹.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa III) về tổ chức đại hội các cấp, ngày 29/3/1961, Thường vụ Đảng ủy Khu vực đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ II. Đại hội lần này nhằm kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trong việc thực hiện kế hoạch cải tạo 1958-1960, đồng thời bàn nhiệm vụ, phương hướng của Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Đại hội nhất trí khẳng định: “Khu vực Vĩnh Linh lấy phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc làm trọng tâm nhằm giải quyết vấn đề lương thực: phải đủ tự túc hoàn toàn và khoai sắn phải có thừa để bán, đồng thời ra sức phát triển cây công nghiệp... Trên cơ sở đó nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động lên một bước vững chắc”.

Đại hội đã nêu lên 3 nhiệm vụ cụ thể: (1) Phát triển nông nghiệp một cách toàn diện mạnh mẽ, vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, chuẩn bị cơ sở, dần đưa nền kinh tế địa phương có cả công nghiệp và nông nghiệp cơ giới hóa. (2) Tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và người buôn bán nhỏ, củng cố và tăng cường hợp tác xã với quy mô toàn xã, mở

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.913-945.

rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh ở địa phương. (3) Đi đôi với phát triển kinh tế, ra sức củng cố lực lượng vũ trang, tăng cường an ninh trật tự, đề cao cảnh giác trong cán bộ và nhân dân sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của kẻ địch¹.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực gồm 20 ủy viên (trong đó có 17 ủy viên chính thức). Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 5 đồng chí: Hồ Sỹ Thản, Trần Đồng, Phan Ngô, Văn Hùng, Trần Hữu Quốc.

Đồng chí Hồ Sỹ Thản được bầu lại làm Bí thư Khu ủy, đồng chí Trần Đồng là Phó Bí thư Khu ủy.

Sau Đại hội, thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ngày 07/4/1961, Đảng ủy khu vực đã tiến hành mở đợt chỉnh huấn sâu rộng trong toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, xây dựng đạo đức mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; nâng cao tinh thần căm thù đế quốc, phong kiến, nêu cao cảnh giác cách mạng. Đợt chỉnh huấn được tổ chức một cách nghiêm túc, sôi nổi trong toàn khu vực và đã thu được kết quả tốt đẹp. Đảng viên cũng như quần chúng sau đợt sinh hoạt chính trị đều có nỗ lực, quyết tâm cao trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III và Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của khu vực. Với khẩu hiệu: “Phát cao cờ Đông

1. Trích *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực tháng 3/1963*. Tài liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh.

Xuân, rửa hận Hướng Điền” đã trở thành khẩu hiệu hành động của từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên trong khu vực. Đảng ủy đã phát động phong trào thi đua yêu nước với những danh hiệu: “Cờ Ba Nhất” trong quân đội; “Gió Đại Phong” trong nông nghiệp; “Sóng Duyên Hải” trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; “Trống Bắc Lý” trong giáo dục. Ngày 25/01/1962, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực đề ra Nghị quyết đẩy mạnh phong trào thi đua với Đại Phong lên một bước cao hơn, học tập và tiến kịp các hợp tác xã tiên tiến trong khu vực, với các yêu cầu và mục tiêu sau:

- Về sản xuất nông nghiệp: Đẩy mạnh tăng diện tích, tăng vụ. Cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất các loại cây trồng.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi.

- Nâng cao trình độ quản lý hợp tác xã.

- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong cán bộ và xã viên.

- Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với sản xuất nông nghiệp.

Quyết tâm đuổi kịp và vượt các hợp tác xã trong khu vực như: Học tập Hợp tác xã Khe Mội về quản lý lao động (260,5 công lao động trong một năm), học tập Hợp tác xã An Sơn kinh doanh nhiều nghề, học tập Hợp tác xã Vĩnh Kim về trồng cây công nghiệp, học tập Hợp tác xã Duy Viên về phát triển xe vận chuyển, học tập Hợp tác xã Cháp Đông về chăn nuôi lợn (3,7 con/hộ). Hưởng ứng chủ trương đó, nhiều hợp tác xã trong khu vực đã lập chỉ tiêu

thi đua, trở thành phong trào sôi nổi, sâu rộng trong toàn khu vực và đạt được kết quả cao¹.

Tháng 11 năm 1961, được Bộ Thủy lợi quan tâm và hỗ trợ vật chất, Vĩnh Linh đã khởi công xây dựng công trình Đại thủy nông La Ngà, với diện tích mặt hồ rộng 400 ha, dung tích chứa khoảng 17 triệu m³ nước. Nhân dân Vĩnh Linh đã đóng góp hàng triệu ngày công để xây dựng công trình. Sau 3 năm khẩn trương thực hiện, khắc phục khó khăn, thiếu thốn, đến cuối năm 1964, Đại thủy nông La Ngà đã được hoàn thành cơ bản. Hệ thống kênh mương La Ngà vượt hàng chục cây số dẫn nước tưới cho 2.400 ha ruộng, đất thuộc vùng đồng Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy.

Cùng với việc xây dựng công trình Đại thủy nông La Ngà, Đảng ủy còn huy động một lực lượng lớn lao động đắp một hệ thống đê dài ngăn mặn, giữ nước ngọt ở cánh đồng các thôn: Tùng Luật, Cổ Trai, Di Loan, Phước Lý... Mạng lưới thủy lợi nhỏ cũng được xây dựng khắp nơi, đặc

1. Nổi bật trong giai đoạn này có Hợp tác xã Măng non Duy Viên trong Liên đội thiếu niên Duy Viên (Vĩnh Lâm), trở thành biểu tượng “hai tốt” của thiếu nhi toàn miền Bắc. Với tinh thần “tuổi nhỏ làm việc nhỏ”, “tuổi nhỏ - chí lớn”, yêu nước, hiếu học, sáng tạo... những đội viên thiếu niên của Hợp tác xã Măng non Duy Viên đã đóng góp nhiều hoạt động thiết thực trong chiến đấu (lấy lá ngụy trang cho bộ đội, chăm sóc thương binh, hạ máy bay địch bằng điểm 10...), trong lao động sản xuất (nuôi bèo hoa dâu, trồng cây điền thanh làm phân xanh, chăm sóc trâu bò gầy yếu cho hợp tác xã...). Thành tích của Hợp tác xã Măng non Duy Viên đã được Bác Hồ tặng Bằng khen, đồng chí Tôn Đức Thắng gửi tặng lẵng hoa.

biệt có mương thủy nông dài 30 km lấy nước từ đập thủy lợi Bàu Nhum¹ về tưới cho các cánh đồng thuộc vùng Vĩnh Cháp, Vĩnh Long, Vĩnh Hòa, Vĩnh Nam.

Tháng 4/1962, quán triệt Nghị quyết của Trung ương về việc thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Đảng ủy khu vực đã thành lập ban chỉ đạo cuộc vận động gồm 6 đồng chí, do đồng chí Hồ Sỹ Thản - Bí thư Khu ủy làm Trưởng ban, đồng chí Dương Tốn - Trưởng ban công tác nông thôn làm Phó ban. Cũng trong thời gian này, thấy rõ được địa bàn chiến lược vùng miền núi, năm 1962, Đảng ủy khu vực đã

1. Công trình đập thủy lợi là Bàu Nhum do đồng chí Nguyễn Ước - Tham sự công chính thời Pháp, về sau là Phó Ty Kiến trúc Thủy Lợi Vĩnh Linh thiết kế - được đắp bằng cát, lấy nước qua hệ thống ống xiphong vắt qua thân đập theo nguyên lý “bình thông nhau”. Công trình nằm sâu trên lãnh thổ tỉnh Quảng Bình 5km (Sen Thủy, Lệ Thủy). Diện tích mặt hồ rộng 80 ha, dung tích 1,5 triệu m³. Tháng 8/1962, hồ chứa nước Bàu Nhum bị vỡ. Loa truyền thanh của ngụy quyền Sài Gòn ở dọc sông Bến Hải suốt ngày đưa tin "vỡ đê ở Vĩnh Linh làm người chết, ruộng mất, cuộc sống người dân lâm than...". Trước tình hình đó, Khu ủy và Ủy ban Hành chính khu vực Vĩnh Linh quyết tâm khôi phục công trình trong thời gian ngắn nhất để thể hiện tính ưu việt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và làm yên lòng đồng bào bờ Nam giới tuyến. Ông Nguyễn Ty Niên, chuyên gia cao cấp, nguyên Cục trưởng cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão, nguyên Trưởng Ty Nông nghiệp - Thủy lợi Khu vực Vĩnh Linh, được giao thiết kế và sửa chữa công trình. Chỉ trong 5 tháng sửa chữa, nâng cấp (4/1963-9/1963), công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả, cung cấp nước cho 800 ha lúa hai vụ của các xã Vĩnh Cháp, Vĩnh Long, Vĩnh Nam, Vĩnh Hòa...

thành lập Ban chỉ đạo công tác miền Tây, gồm 6 đồng chí, với nhiệm vụ quan trọng: vận động đồng bào các dân tộc miền núi định canh, định cư, ổn định sản xuất, góp phần vào việc bảo vệ an ninh ở tuyến biên giới.

Vào thời điểm sôi động này, nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng và Chính phủ đã vào Vĩnh Linh để trực tiếp chỉ đạo phong trào. Năm 1962, sau trận lụt lớn, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị - đã vào Vĩnh Linh, kịp thời động viên, thăm hỏi và cùng với Đảng bộ bàn biện pháp khắc phục hậu quả. Đồng chí đã về Vĩnh Giang, Vĩnh Thành, đi kiểm tra sản xuất vụ Đông - Xuân ở Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Vĩnh Long, bàn biện pháp làm ăn với Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Kim, Nông trường Quyết Thắng... Đồng chí đã dành nhiều thời gian làm việc với Đảng ủy, Ủy ban Hành chính khu vực để nghe và duyệt quy hoạch, kế hoạch sản xuất năm 1963, xây dựng nhà cửa cho dân, trường lớp cho học sinh, đường sá đi lại và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong toàn khu vực.

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ III

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, đứng trước yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình cách mạng giai đoạn mới, ngày 03/6/1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ III được khai mạc.

Về dự Đại hội có 115 đại biểu thay mặt cho trên 3.500 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá tình

hình từ năm 1961 đến năm 1963. Báo cáo chính trị của Đại hội nhấn mạnh: “Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ khu vực, các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng đều có những tiến bộ nổi bật. Đặc biệt là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và củng cố tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Năm 1962 đã khai hoang, phục hóa, đưa tổng diện tích gieo trồng lên 16.824 ha, tăng gấp 2 lần so với năm 1955. Tổng sản lượng lương thực đạt 23.297 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 370,5 kg. Giá trị công nghiệp đạt 4.600.000 đồng, tăng 100% so với năm 1955. Công nghiệp địa phương năm 1962 tăng 42,7% so với năm 1961, thủ công nghiệp tăng 8%, các cơ sở điện lực, cơ khí, khai thác gỗ, gạch, vôi có nhiều cố gắng trong việc phục vụ sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân”.

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội nhất trí đánh giá: “Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong thời gian vừa qua, trước hết là nhờ trong mấy năm qua chúng ta đã biết chăm lo công tác xây dựng Đảng, nhất là luôn luôn đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng viên. Lê lối lãnh đạo của Đảng bộ luôn luôn được chú ý cải tiến, nội bộ Đảng đoàn kết, thống nhất nên đã làm cho Đảng bộ ta ngày càng vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo trong các phong trào, trên mọi lĩnh vực ở khu vực giới tuyến...”.

Đại hội đã dành nhiều thời gian để thảo luận, bổ sung và điều chỉnh lại Kế hoạch 5 năm 1961-1965 cho phù hợp với tình hình. Đại hội chỉ rõ: “... Từ năm 1961 trở đi, Mỹ - Diệm ngang ngược phá hoại Hiệp định Giơnevơ, phá hoại

Quy chế khu phi quân sự, bắn súng khiêu khích sang bờ Bắc với mức độ ngày càng tăng. Trước tình hình đó phải xác định nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân Vĩnh Linh, mà trước hết là lực lượng vũ trang, bán vũ trang phải làm tròn nhiệm vụ của mình là bảo vệ giới tuyến, bảo vệ hòa bình, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân. Đối với lực lượng dân quân tự vệ, vừa có nhiệm vụ tác chiến tại chỗ, vừa trực tiếp bảo vệ lao động sản xuất, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phòng thủ Vĩnh Linh về mọi mặt, phải tích cực xây dựng mạng lưới chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đối phó với kẻ thù. Phải nắm chắc lực lượng dân quân tự vệ và lãnh đạo tốt 4 mặt: Tổ chức, huấn luyện, trang bị và công tác. Đối với công tác quân sự, phải xem nhiệm vụ đấu tranh chính trị hết sức quan trọng nhằm tăng cường công tác giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, nhân dân để đẩy mạnh khí thế cách mạng sôi nổi, hăng say trong lao động sản xuất, xây dựng kinh tế. Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống mọi âm mưu của Mỹ - Diệm...”.

Về nhiệm vụ kinh tế, toàn khu vực chia làm 3 vùng:

- Vùng đất đỏ với diện tích trên 5.000 ha, trọng tâm là cây công nghiệp xuất khẩu như: tiêu, chè, cao su, dầu sỏ...

- Vùng đất đồng, tập trung thâm canh tăng năng suất cây lúa là chủ yếu (lúa: 73,7%; màu: 16,3%; các loại cây khác: 10%); coi trọng chăn nuôi trâu, bò ở vùng gò đồi.

- Vùng núi phát triển lúa nước, trồng và chế biến khoai, sắn, tích cực bảo vệ rừng đầu nguồn.

Để thực hiện kế hoạch trên, phải tiến hành điều chỉnh, phân bố lại dân cư, nhằm tạo sự cân đối và hợp lý giữa lao động, đất đai và tài nguyên. Trên cơ sở đó khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của mỗi vùng. Đó là, đưa một số đồng bào ở Vĩnh Tú, Vĩnh Giang là hai xã đất chật, người đông lên Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn người thưa, đất rộng nhằm mục đích vừa ổn định sản xuất, vừa đáp ứng yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại chỗ khi chiến sự xảy ra.

Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật vòng một thực hiện từ tháng 02/1963. Ở khu vực, sau khi triển khai làm thí điểm tại hai xã Vĩnh Kim và Vĩnh Long, toàn khu vực triển khai ra 11 xã, tiếp tục thực hiện đợt một và rút kinh nghiệm để thực hiện đợt 2 vào ngày 22/7/1963. Sau đó, Đảng ủy tổ chức triển khai cuộc vận động “nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”, gọi tắt là cuộc vận động “3 xây, 3 chống” vào đầu tháng 8/1963.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực gồm 17 ủy viên chính thức và 03 ủy viên dự khuyết. Đại hội bầu đồng chí Hồ Sỹ Thản làm Bí thư Khu ủy, đồng chí Trần Đồng làm Phó Bí thư Khu ủy - Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực.

Tiếp sau Đại hội, thực hiện Chỉ thị số 66-CT/TW ngày 11/9/1963 của Trung ương về việc tiến hành khẩn trương các công tác để sẵn sàng đập tan âm mưu của Mỹ - Diệm tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại miền Bắc nước ta. Ngày 03/10/1963, Đảng ủy khu vực mở hội

nghị nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị. Căn cứ vào đặc điểm của khu vực Vĩnh Linh lúc này, Đảng ủy đã ra Nghị quyết: “... Sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại miền Bắc, phá hoại Vĩnh Linh...”.

Vào cuối năm 1963, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh lại vui mừng đón Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào thăm và làm việc. Thủ tướng đã nghe các hợp tác xã báo cáo việc làm giàu qua chủ trương trồng tiêu xuất khẩu. Thủ tướng đã về thăm vườn tiêu xã Vĩnh Thạch, khảo sát vùng ruộng thâm canh lúa ở Vĩnh Long, vườn cây cao su ở nông trường Quyết Thắng. Thủ tướng cũng đã vào thăm và nói chuyện với các chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ giới tuyến. Thủ tướng khen ngợi thành tích của cán bộ, chiến sĩ và căn dặn: “Các đồng chí là những chiến sĩ làm nhiệm vụ ở tuyến đầu của Tổ quốc, cho nên phải luôn luôn đề cao tinh thần cảnh giác và thường trực chiến đấu, phải bình tĩnh và dũng cảm, phải cố gắng học tập quân sự, chính trị, nghiệp vụ và văn hóa, phải đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, vì đoàn kết là sức mạnh”. Những tình cảm cao quý, sự quan tâm ưu ái mà Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho Vĩnh Linh đã thực sự tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ, quân và dân khu vực trên mặt trận sản xuất và chiến đấu.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới đang đặt ra một cách khẩn trương và cấp bách, ngày 26/3/1964, Đảng ủy khu vực đã ra Nghị quyết về công tác tư tưởng năm 1964. Sau khi đánh giá tình hình tư tưởng của toàn Đảng, toàn dân trong khu vực trong thời gian qua, Hội nghị đã đề ra

công tác tư tưởng năm 1964, là: “Phải làm cho toàn Đảng, toàn dân trong khu vực nhận thức sâu sắc và có hệ thống đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trên cơ sở đó, củng cố quan điểm, lập trường cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức làm chủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Khắc phục tư tưởng chủ quan, chuẩn bị đối phó với mọi âm mưu và hành động của địch. Đảng viên và thanh niên phải là lực lượng nòng cốt trong dân quân, tự vệ để bảo vệ quê hương Vĩnh Linh”. Nghị quyết khẳng định: “Bất cứ trong tình huống nào Vĩnh Linh cũng phải giữ vững vị trí đầu cầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm được nhiệm vụ chặn đứng âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Chính trị đặc biệt ngày 27 và 28/4/1964: “Mỗi người làm việc bằng hai, vì miền Nam ruột thịt”, Đảng ủy khu vực đã phát động phong trào thi đua sản xuất, công tác, học tập rầm rộ trong toàn khu vực, nhằm mục đích hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước đề ra. Ra sức thi đua lao động sản xuất, công tác, học tập, chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong tình hình mới.

3. Những kết quả nổi bật sau 5 năm thực hiện kế hoạch lần thứ nhất

Vĩnh Linh thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) sau khi đã có những sự điều chỉnh từ Đại hội

Đảng bộ Khu vực lần thứ III nhằm phù hợp với tình hình vùng giới tuyến. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất được triển khai trong bối cảnh đặc biệt: Từ ngày 05/8/1964, đế quốc Mỹ tiến hành ném bom phá hoại trên diện rộng toàn miền Bắc. Trên thực tế, việc triển khai Kế hoạch 5 năm 1961-1965 nhưng Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh mới thực hiện được 4 năm đầu (riêng năm 1965, do bom đạn quá ác liệt nên phải chuyển sang tình thế vừa sản xuất vừa chiến đấu để phù hợp với thực tế). Tuy vậy, bằng những nỗ lực vượt bậc, Vĩnh Linh đã tiến lên từng bước vững chắc, khắc phục được nhiều khó khăn do thiên tai, mất bằng nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu và âm mưu phá hoại thường xuyên của kẻ địch bên kia giới tuyến. Hơn 4 năm triển khai kế hoạch (1961-1964), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhiều phong trào thi đua được quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ và đạt được kết quả đáng tự hào. Hoàn thành cơ bản việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng nông thôn mới. Trong nông nghiệp, đến năm 1964, Vĩnh Linh đã hoàn thành xây dựng hợp tác xã cao cấp trong toàn khu vực, không còn ai ở ngoài hợp tác xã (toàn khu vực lúc này có 33 hợp tác xã cao cấp). Đến năm 1964, đưa tổng diện tích gieo trồng toàn khu vực lên 16.460 ha, năng suất bình quân cả năm đạt 20,14 tạ/ha, với tổng sản lượng 18.624 tấn. Một số hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha, nhiều hơn thời kỳ trước như: Hợp tác xã Vĩnh Kim, Hợp tác xã Tiên Phong, Hợp tác xã Minh Khai... Đảng bộ rất coi trọng tổ chức lao động hợp lý và cải tiến kỹ thuật, cải tiến nông cụ. Nhờ đó, năng suất lao động ở Vĩnh Linh không ngừng

được nâng cao, thu nhập ngày công từ 0,18 đồng lên 0,85 đồng, việc cải tiến nông cụ được chú ý đúng mức. Khẩu hiệu “giải phóng đôi vai” được đề ra, nhờ vậy Vĩnh Linh sớm có phong trào “cày trâu đôi”, “bừa cải tiến”, “xe vận chuyển”, “trục đập lúa”... Trong cải tiến công cụ sản xuất, nông nghiệp đã xuất hiện gương Anh hùng Lao động nông nghiệp Lê Văn Ánh. Một thành công lớn trong nông nghiệp là đã phá được thế độc canh. Ngoài sản xuất lương thực là chủ yếu, Vĩnh Linh còn trồng được 450 ha cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: hồ tiêu, chè, cao su, cà phê, cây dầu sỏ... Nhiều loại đã cho thu hoạch về sản lượng và xuất khẩu.

Chăn nuôi cũng phát triển khá, bình quân mỗi héc-ta diện tích gieo trồng đã có 3 loại gia súc chính. Các hợp tác xã, các đội sản xuất đều có đàn trâu bò béo tốt, khỏe mạnh. Lợn thịt bình quân mỗi hộ nuôi được 2 con, đủ cung cấp thịt cho nhân dân và đóng góp thêm một phần cho nhu cầu của Nhà nước, chưa kể các loại gia cầm như gà, vịt, ngan... Bình quân nhân khẩu hàng năm đạt 400 kg lương thực. Miền núi thu nhập còn cao hơn, có nơi như Hướng Lập bình quân đầu người có năm đạt 800 kg lương thực.

Nghề đánh bắt cá ở các địa phương vùng biển trước đây rất khó khăn, qua mấy năm thực hiện kế hoạch đã mua sắm, đóng mới và sửa chữa hàng trăm thuyền, xэм lưới, đầy đủ các loại dụng cụ, thuận tiện cho việc đánh cá theo mùa vụ quanh năm. Mặc dù địch ráo riết phá hoại, đánh đuổi, cướp thuyền, bắt người... nhưng kế hoạch xuất quân bám biển làm nghề cá vẫn được thực hiện, sản lượng đánh bắt hải sản đều tăng hằng năm.

Không chỉ chăm lo phát triển nông nghiệp và nghề cá, Đảng ủy còn chủ trương phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, lâm nghiệp, tài chính, mậu dịch và các ngành kinh tế khác nhằm phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ việc xuất khẩu. Năm 1963, Vĩnh Linh đã xuất được 300 tấn dầu sỏ, 500 tấn bột sắn. Toàn khu vực Vĩnh Linh đã có hàng chục xí nghiệp công nghiệp và thủ công nghiệp đủ sức phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Mạng lưới thương nghiệp được rải đều khắp nơi. Hệ thống giao thông vận tải do dân tự làm đã nối liền các xã với thị trấn, từ hợp tác xã ra tận đồng ruộng, thuận tiện cho việc vận chuyển phục vụ sản xuất và chiến đấu. Các loại hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng đều phát triển. Kinh tế phát triển đã đẩy các mặt văn hóa, giáo dục, y tế cùng phát triển. Bình quân 6 người dân khu vực có 1 người đi học. Toàn khu vực có hơn 30 trường cấp I, cấp II và 1 trường cấp III. Năm học 1964-1965, số học sinh các cấp học của toàn khu vực là 11.824 em. Ngoài nhiệm vụ học tập, học sinh khu vực Vĩnh Linh đã tích cực tham gia lao động sản xuất và chiến đấu. Ngày 28/6/1963, có 34 học sinh lớp 10 tham gia lực lượng công an vũ trang bảo vệ giới tuyến. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, có 12 người đã anh dũng hy sinh, trong đó anh Phan Hữu Sính được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Vĩnh Linh lúc này đã có tương đối đầy đủ các thiết chế văn hóa như: câu lạc bộ, thư viện, nhà triển lãm, nhà hát nhân dân và bảo tàng, tòa soạn báo *Thống Nhất*, đài truyền thanh, nhà in, đoàn văn công. Các phong trào văn

hóa văn nghệ sôi nổi, hoạt động thể thao phát triển đều khắp. Trước đây, cả Vĩnh Linh chỉ có 1 trạm y tế, sau 10 năm hòa bình lập lại thì tất cả các xã trong khu vực đều có trạm xá y tế, có nhà hộ sinh, y tá, y sĩ phụ trách. Toàn khu vực có bệnh viện lớn với các khoa chuyên môn và đội ngũ bác sĩ, y sĩ, dược sĩ, y tá tận tình phục vụ người bệnh.

Đời sống nhân dân thay đổi không chỉ ở đồng bằng, miền biển mà cả ở miền núi. Trước đây, người dân tộc Vân Kiều phải đóng khố thay quần, lấy vỏ cây làm chân, chiếu, sống du canh, du cư. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, người Vân Kiều ở Vĩnh Linh đã có cơm ăn, áo mặc, biết canh tác theo phương pháp ở đồng bằng, sống định canh, định cư, biết giữ vệ sinh trong ăn, ở; làm nhà cao ráo, sạch sẽ, mọi người đều được học hành tiến bộ. Nhiều người còn đảm nhận công tác quan trọng của Đảng và Nhà nước, từ khu vực đến xã, hợp tác xã, có người còn được nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu Quốc hội.

Quyết tâm của Đảng bộ khu vực lãnh đạo việc cải thiện đời sống nhân dân đã trở thành hiện thực. Các đồi hoang cỏ dại biến thành rừng tiêu, bãi sắn; những đồng khô cỏ cháy biến thành đồng ruộng phì nhiêu, quanh năm mượt lúa hai mùa. Khu đồi Hồ Xá vốn tiêu điều đã trở thành thị trấn với phố xá đông vui như các thị trấn khác trên toàn miền Bắc. Con người đói khổ xưa kia nay thành người làm chủ, lạc quan, tin tưởng, hăng hái góp sức xây dựng quê hương ở đầu cầu miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo

của Đảng bộ, trở thành các phong trào sâu rộng như: phong trào “xây dựng Đảng bộ và Chi bộ 4 tốt”, phong trào “3 xây, 3 chống”, phong trào “mỗi người lao động bằng hai, vì miền Nam ruột thịt”. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - Diệm, nêu cao quyết tâm, xây dựng lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ đã chủ động tăng cường giáo dục tính giai cấp, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên, lấy nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền nhiệm vụ đấu tranh thống nhất để nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tạo nên không khí mới trong toàn khu vực. Từ thực tế sản xuất và chiến đấu, trong 4 năm, Đảng bộ đã kết nạp thêm 2.000 đảng viên, đưa tổng số đảng viên trong toàn khu vực đến năm 1964 lên 4.459 đồng chí với 59 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 30 chi bộ cơ sở, 27 đảng bộ cơ sở 2 cấp và 2 đảng bộ cơ sở 3 cấp. Các tổ chức chi bộ đã gắn liền với cơ sở sản xuất, công tác phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng. Các buổi sinh hoạt chi bộ đã lấy kiểm điểm lãnh đạo sản xuất, xây dựng hợp tác xã, xây dựng đơn vị làm nội dung chính để giáo dục, rèn luyện đảng viên. Từ đó, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tiến bộ nhanh chóng, xứng đáng với vai trò tiên phong, gương mẫu trong mọi phương diện.

Ngày 28/8/1964, Đảng ủy khu vực mở Hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương về tình hình và nhiệm vụ mới. Tham gia Hội nghị có

đại diện Đảng ủy Quân khu 4, Chỉ huy Sư đoàn 341. Đồng chí Nguyễn Lộc - Ủy viên dự khuyết Trung ương đã vào truyền đạt Nghị quyết. Một lần nữa Hội nghị khẳng định vị trí Vĩnh Linh trong tình hình mới, xác định rõ hơn nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, quân và dân khu vực đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Vĩnh Linh vẫn phải tiếp tục thực hiện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với các mục tiêu kinh tế, văn hóa đã đề ra, song, công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến phải thường xuyên được coi trọng.

Hội nghị đã bàn các biện pháp cụ thể và triển khai công tác phòng thủ toàn diện, xây dựng lực lượng vũ trang, gắn lực lượng tại chỗ với các lực lượng cơ động chủ lực, công tác quốc phòng - an ninh, củng cố các cơ quan quân sự. Chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, đưa dần các cơ sở kinh tế tại thị trấn Hồ Xá về các vùng nông thôn và rừng núi, giảm bớt mật độ cán bộ ở các cơ quan về các vùng lân cận. Phát động phong trào toàn dân đào hầm, hào, công sự ẩn nấp. Phát động chiến tranh nhân dân, dùng súng trường bắn máy bay địch, sử dụng các loại vũ khí hiện có để đánh trả kẻ địch nếu chúng liều lĩnh xâm phạm bầu trời, mặt đất và hải đảo, biên giới trong bất cứ tình huống nào.

Từ đây, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh thực sự chuyển mọi trạng thái từ thời bình qua thời chiến, khắp các thôn xóm trong khu vực đều sôi nổi đào hầm, hào giao thông, các trường học và các trụ sở công cộng đều có hầm trú ẩn. Dọc đường quốc lộ 1, trên đường từ nhà đến đồng

ruộng đều có hầm trú ẩn; trụ sở làm việc chìm bằng bê tông cốt thép vững chắc, kiên cố của Đảng ủy và Ủy ban Hành chính khu vực cũng được gấp rút xây dựng, đồng thời xây dựng công trình bố phòng quân sự ở đồi 74, tiến hành đào thủ địa đạo ở Vĩnh Giang.

Cả Vĩnh Linh bình tĩnh, tự tin, sẵn sàng đón đợi mọi thách thức, sẵn sàng mặt đối mặt với kẻ thù trong cuộc chiến đấu mới, một cuộc chiến đấu gay go, gian khổ và ác liệt nhất trong lịch sử chiến tranh của đất nước.

Chương IX

ĐẢNG BỘ KHU VỰC LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN VĨNH LINH ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1971)

I. VĨNH LINH THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC: CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến; xây dựng vùng miền núi thành hậu cứ của cuộc kháng chiến

Sau thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế, nhất là sau khi thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc từng bước được củng cố và dần hoàn thiện. Tình hình kinh tế - xã hội ngày càng ổn định, sản xuất phát triển mạnh, đời sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao. Miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc, là nơi chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam.

Ở miền Nam, sau khi chiến lược “chiến tranh đặc biệt” bị thất bại, nguy quyền Sài Gòn có nguy cơ sụp đổ, đế quốc Mỹ hốt hoảng đưa quân trực tiếp vào miền Nam, thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đồng thời, huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Chúng đánh phá ác liệt các cơ sở kinh tế, văn hóa, giao thông, cầu cống, kho tàng, bến bãi ở các thành phố lớn, thị trấn, kể cả khu vực dân cư hòng uy hiếp tinh thần nhân dân miền Bắc, buộc nhân dân miền Bắc phải từ bỏ nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với miền Nam; làm cho nền kinh tế ở miền Bắc suy sụp, ngăn chặn sự chi viện về mọi mặt để dễ bề đàn áp cách mạng miền Nam và tiến công xâm lược miền Bắc lúc có điều kiện.

Vĩnh Linh có vị trí lịch sử đặc biệt, là đầu cầu giới tuyến, hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam, của Trị Thiên ruột thịt, mà cận kề là 3 huyện Gio Linh, Cam Lộ và Hướng Hóa. Đây cũng là nơi tập trung quân, kho tàng, đạn dược từ miền Bắc chi viện vào chiến trường miền Nam, là cửa ngõ dẫn vào chiến trường bắc Quảng Trị. Vĩnh Linh là địa bàn đứng chân của các đơn vị chủ lực trước khi vượt sông sang bờ Nam chiến đấu, rồi trở lại củng cố, nghỉ ngơi, tập luyện, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Do đó, khi phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, Vĩnh Linh trở thành mục tiêu hủy diệt trọng điểm của địch.

Trưa mừng 6 Tết Ất Tỵ (tức ngày 08/02/1965), Mỹ tiến hành chiến dịch “Mũi lao lửa 1”, huy động hàng trăm máy bay các loại đánh phá 700 mục tiêu trên dải đất hẹp

từ Vĩnh Linh đến Quảng Bình, trong đó trọng điểm là thị trấn Hồ Xá và thị xã Đồng Hới. Mục tiêu số một trong giai đoạn này là hủy diệt Hồ Xá - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, thành tựu tiêu biểu 10 năm xây dựng xã hội chủ nghĩa của Vĩnh Linh, nơi có các cơ quan đầu não của khu vực, từ đó làm tê liệt cả khu vực Vĩnh Linh, thủ tiêu ảnh hưởng chính trị, làm mất chỗ dựa của chiến trường Trị Thiên, trực tiếp là vùng bắc Quảng Trị. Mục tiêu thứ hai là hủy diệt hoặc chiếm bằng được đảo Cồn Cỏ, vì Cồn Cỏ là vọng gác tiền tiêu, là con mắt lợi hại của Vĩnh Linh nói riêng và Khu 4 nói chung. Chiếm được Cồn Cỏ địch sẽ dễ dàng cắt đứt con đường biển tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam, đồng thời, dùng Cồn Cỏ làm bàn đạp, tiến tới chiếm Vĩnh Linh và nam Khu 4. Ngoài 2 mục tiêu trên, trong giai đoạn này địch đánh mạnh vùng miền Tây, các doanh trại quân đội, kho tàng, trận địa pháo, trạm radar, đài quan sát, quốc lộ 1 và một số trục đường chính trong khu vực nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc qua đường mòn Hồ Chí Minh và tiêu diệt quân chủ lực cũng như các kho dự trữ chiến lược của ta. Kết hợp với đánh bằng quân sự, Mỹ tăng cường chiến tranh tâm lý: thả đài bán dẫn, các vật dụng gia đình, đồ chơi trẻ em, truyền đơn chiêu hồi, tung biệt kích xuống miền núi và miền biển, tung gián điệp con thoi qua giới tuyến, cùng với gián điệp nằm vùng điều tra lực lượng quân sự, cơ quan lãnh đạo, kho tàng, nắm tình hình lực lượng của quân đội ta.

Để thực hiện âm mưu đó, từ ngày 08/8/1964, chúng đánh phá đảo Cồn Cỏ. 01 giờ sáng 30 Tết Ất Tỵ, tức ngày

01/02/1965, lợi dụng lúc nhân dân ta đón giao thừa, chúng cho tàu biệt kích lén vào vùng biển xã Vĩnh Thái khiêu khích. Đại đội 13 pháo binh cùng với sự giúp đỡ của nhân dân địa phương đã phối hợp chiến đấu hiệu quả. Tàu biệt kích của địch chưa kịp gây tội ác thì đã bị bắn cháy và chìm xuống biển.

Sau loạt đánh phá có tính chất thăm dò, 14 giờ 30 phút ngày 08/02/1965, 82 lần chiếc máy bay chia thành 14 tốp, với phản lực F4H do Mỹ chỉ huy tăng trên, máy bay AD6 của ngụy ở tầng dưới, ô ạt đánh phá các mục tiêu ở thị trấn Hồ Xá như: Doanh trại Sư đoàn 341, Xí nghiệp chế biến chè hương Bến Hải, Xưởng gỗ Lê Thế Hiếu, Trường phổ thông cấp 3 Vĩnh Linh, Đài anh hùng..., giết hại nhiều đồng bào, đồng chí của ta, trong đó có thầy giáo Lê Duy Minh, giáo viên dạy văn giỏi miền Bắc, cùng 8 em học sinh đang trong giờ lên lớp. Với tinh thần cảnh giác cao, sẵn sàng chiến đấu tốt, quân và dân Vĩnh Linh đã kịp thời giáng trả bọn xâm lược những đòn trừng trị đích đáng. Ngay sau những vòng liệng đầu tiên của hàng chục máy bay AD6 trên bầu trời, hàng trăm tay súng của dân quân Nam Hồ, tự vệ các cơ quan, xí nghiệp, pháo cao xạ của Đại đội 25 thuộc Tiểu đoàn 6 đã đan thành lưới lửa, vây bọc lấy chúng. Trong cơn bão tố của tiếng máy bay, tiếng bom đạn gầm rú, khói lửa ngút trời, Đài truyền thanh Vĩnh Linh vẫn truyền đi lời kêu gọi đồng dục của đồng chí Hồ Sỹ Thản - Bí thư Đảng ủy khu vực: “Hỡi đồng bào, đồng chí! Kẻ thù đang thất bại ở miền Nam, chúng liều lĩnh cho máy bay ra đánh phá miền Bắc. Hãy bình tĩnh, nhằm thẳng quân thù mà bắn!”. Kết quả,

ngay trận không kích đầu tiên của địch, lực lượng phòng không khu vực đã bắn tan xác 6 máy bay địch, nhiều chiếc khác bị thương. Tên tướng không quân ngụy Nguyễn Cao Kỳ trực tiếp chỉ huy cuộc oanh tạc ở Vĩnh Linh đã suýt bỏ mạng. Ngày 14/02/1965, Bác Hồ gửi thư khen lực lượng vũ trang và đồng bào Vĩnh Linh, Bác biểu dương “Cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Quảng Bình, Vĩnh Linh, Nghệ An, đã chiến đấu dũng cảm, liên tục chống những hành động xâm lược của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc nước ta. Đã bắn chìm 1 tàu biệt kích Mỹ ngày 01/02/1965 và trong những ngày 7, 8, 11/02/1965 đã bắn rơi 22 máy bay Mỹ và bắn bị thương nhiều chiếc khác, bắt sống 1 tên thiếu tá phi công Mỹ. Thắng lợi đó đã làm nức lòng nhân dân ta trong cả nước. Một lần nữa chúng ta tỏ rõ cho đế quốc Mỹ biết rằng nếu chúng cứ liều lĩnh tiếp tục khiêu khích miền Bắc, chúng sẽ bị thất bại nhục nhã. Bác rất vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi các đơn vị và các cá nhân đã lập được chiến công. Bác thân ái gửi lời thăm hỏi tất cả bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, dân quân, tự vệ, cán bộ và đồng bào các vùng bị giặc bắn phá đã đoàn kết chiến đấu tốt”¹.

Từ sau trận mở màn đánh phá đầu tháng 02/1965, đế quốc Mỹ tạm ngừng các cuộc oanh kích cho đến hết tháng 2/1965 để chuẩn bị dư luận và thực hiện học thuyết rắn đe, gây sức ép, buộc Chính phủ ta phải nhượng bộ. Nhưng chúng không thu được kết quả. Tháng 3/1965, đế quốc Mỹ

lại đánh phá ồ ạt liên tục Vĩnh Linh và các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An. Riêng khu vực Vĩnh Linh, từ tháng 3 đến tháng 6/1965, Mỹ đã huy động 615 tốp, với 1.421 lần chiếc máy bay đánh phá nhiều mục tiêu, trong đó thị trấn Hồ Xá, Nông trường Quyết Thắng, Bến Quan và một số vùng lân cận bị chúng tập trung đánh phá rất ác liệt, đánh đi đánh lại nhiều lần. Đặc biệt, ở đảo Cồn Cỏ, trung bình cứ 2 ngày địch đánh phá một lần. Trên mặt biển phía ngoài Cửa Tùng cùng thời gian trên, 18 lần tàu chiến Mỹ bắn vào đất liền, trong đó có 9 lần địch tập trung pháo kích vào các mục tiêu ven biển thuộc xã Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, 6 lần bắn vào đảo Cồn Cỏ, 3 lần bắn đuổi ngư dân trên biển.

Cũng như ở Cồn Cỏ, trên các tuyến biên phòng, địch tập trung đánh phá có tính hủy diệt với khối lượng lớn bom đạn. Trong hoàn cảnh bị đánh phá khốc liệt đó, nổi lên có nhiều đồn, trạm đã kiên cường đánh trả địch, bám trụ, bảo vệ biên giới. Tiêu biểu là 2 đồn biên phòng Cù Bai, Cù Bạc (Hướng Lập). Ở đây có nhiều trục đường giao thông từ miền Bắc vào miền Nam và chiến trường Lào; là nơi hành quân, trú quân, đặt nhiều kho tàng, vũ khí và lương thực, thực phẩm. Từ lâu, địch rất chú ý địa bàn này, chúng thường xuyên tung gián điệp, biệt kích thăm dò, phá hoại. Nổi bật là trận đánh ngày 21/3/1965 của đồn Biên phòng Cù Bạc. Chỉ trong 1 ngày, với tinh thần chiến đấu liên tục, ngoan cường, dũng cảm, các chiến sĩ biên phòng đã bắn tan xác 3 máy bay địch. Tiếp đến, ngày 05/4/1965, đồn Biên phòng Vĩnh Mốc và Đại đội 2 cơ động miền Bắc kết hợp với dân quân địa phương bắn rơi 1

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.487.

máy bay F1H và 1 chiếc AD6. Ngày 17/4, dân quân, du kích thôn Minh Phước, Đồn công an Hải Cù, tổ biên phòng Phát Lát phối hợp với bộ đội tổ chức trận đánh chỉ với 3 loạt đạn của 3 khẩu súng trường và trung liên, đã bắn rơi tại chỗ 1 máy bay trinh sát L19, bắt sống tên đại úy giặc lái Mỹ Storonal, thu một số tài liệu quan trọng. Chưa đầy 2 tuần sau, trong trận đánh phối hợp với dân quân địa phương tại đồi 18 chợ Huyện (Hồ Xá), Đại đội 1 cơ động lại bắn rơi tại chỗ 1 máy bay Mỹ. Tên giặc lái không kịp nhảy dù, chết cháy trên máy bay của y.

Trong các ngày 25, 26, 27/3/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 (đặc biệt), ra nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Hội nghị đề ra những nhiệm vụ của miền Bắc là kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình mới, nhằm đảm bảo nhu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu ở mức cao nhất, giành thắng lợi ngày càng lớn hơn ở cả hai miền; bảo đảm phù hợp với phương hướng lâu dài về công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và những nhu cầu thiết yếu về đời sống nhân dân¹. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, căn cứ vào vị trí, đặc điểm của địa phương và nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh đặt 2 nhiệm vụ: chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến và lao động sản xuất ngang nhau, quện chặt vào nhau. Trước hết, gấp rút củng cố và

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.111.

tăng cường các lực lượng vũ trang, đặc biệt là lực lượng dân quân tự vệ. Đi đôi với công tác tăng cường huấn luyện và trang bị hậu cần là tích cực xây dựng hệ thống công sự, hầm hố, giao thông hào, tổ chức mạng lưới cấp cứu chiến thương đến tận cơ sở. Lập ra các tổ cứu sập, cứu cháy cho nhân dân và sơ tán tài sản của nhà nước, tăng cường công tác an ninh với khẩu hiệu “làm trong sạch địa bàn” để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt hơn. Đồng thời, tranh thủ thời cơ ở những nơi, những lúc tương đối yên ổn để xây dựng thêm cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, giữ vững và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng. Phân tán nhanh chóng các xí nghiệp về các địa phương để bảo vệ và duy trì năng lực sản xuất; sơ tán các cơ sở thủ công nghiệp của thị trấn về nông thôn, dần chuyển hướng hoạt động của các ngành kinh tế trong khu vực nhà nước. Mạng lưới thương nghiệp, cung ứng vật tư, xăng dầu, các điểm cung cấp lương thực, thực phẩm được sắp xếp, bố trí lại. Xây dựng các kho dự trữ phân tán nhằm đối phó với việc đánh phá của địch bằng bom, pháo, vừa cung ứng kịp thời cho các lực lượng.

Hai cơ quan đầu não của khu vực là Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Ủy ban Hành chính sơ tán về hai thôn Liêm Công Tây (Vĩnh Hòa) và Liêm Công Đông (Vĩnh Hiền), đóng trụ sở ở hai bên bờ của Rú Lịnh.

Về giáo dục: Toàn bộ hệ thống trường, lớp các cấp được phân tán nhỏ, hình thành các lớp ghép, lớp treo.

Hầm học tập trung, hầm học gia đình được đào khắp nơi. Học sinh đi học trong giao thông hào, phải có mũ rơm chống mảnh bom pháo, học ban đêm phải có đèn phòng không.

Đối với vùng miền núi phía tây Vĩnh Linh, dù diện tích lớn (chiếm gần 2/3 diện tích toàn khu vực) nhưng dân số chỉ chiếm 10% so với 6 xã dân tộc ở Vân Kiều là: Vĩnh Hà, Vĩnh Trường, Vĩnh Thượng, Vĩnh Khê, Vĩnh Ô, Hướng Lập và một nông trường quốc doanh. Đây không chỉ là nơi cất giấu kho tàng, lương thực, vũ khí, nơi các quân, binh chủng triển khai đội hình chiến đấu mà còn là nơi đặt trụ sở cơ quan mặt trận B5 ở Cù Bạc, đồng thời có nhiều trục đường chiến lược đi qua như: đường mòn Hồ Chí Minh, đường Khe Hó qua Hướng Lập, đường 9 đến với nước bạn Lào... Do đó, vị trí miền tây Vĩnh Linh vốn đã quan trọng lại càng quan trọng hơn trong địa bàn chiến lược của mình. Vì vậy, ngay từ những năm hòa bình, Đảng ủy khu vực đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết về xây dựng miền núi thành hậu cứ vững chắc của Vĩnh Linh. Thành lập ban chỉ đạo miền núi, xây dựng một căn cứ ở Khe Sanh với một hệ thống hầm hào kiên cố. Có lúc Đảng ủy, Ủy ban Hành chính khu vực lên tổ chức hội nghị và đã mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ, dân quân ở đây.

Về tổ chức: 6 xã miền núi có 1 ban chỉ đạo, trụ sở đặt tại Bãi Hà. Đảng ủy đã cử những đồng chí có kinh nghiệm về công tác dân tộc và các cấp ủy viên thay nhau lên chỉ đạo miền núi như các đồng chí: Hồ Thanh, Phan Văn Toàn, Trần Đắc, Phan Ngọc Chương và Hồ Ray

(người dân tộc Vân Kiều). Khu vực còn thành lập Đảng ủy miền tây do một đồng chí Thường vụ Đảng ủy khu vực phụ trách. Tổ chức chính quyền và các đoàn thể đều phối hợp với ban chỉ đạo miền núi để triển khai các hoạt động của mình. Từ khi xảy ra cuộc chiến đấu, bản chất tốt đẹp của bà con dân tộc Vân Kiều miền núi Vĩnh Linh ở Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê, Vĩnh Trường, Hướng Lập không ngừng được phát huy. Từ việc đấu tranh thắng lợi chống bọn gián điệp, biệt kích, thám báo, bà con dân tộc ngày càng siết chặt đội ngũ, mưu trí, dũng cảm trong sản xuất, chiến đấu, phục vụ tiền tuyến. Chiến tranh ngày càng ác liệt, hầu hết các làng bản đều bị tàn phá nhưng Đảng bộ và nhân dân các xã miền núi mà tiêu biểu nhất là xã Hướng Lập vẫn kiên trì chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, không ngừng củng cố để giữ vững phong trào. Bộ đội, thanh niên xung phong từ miền xuôi lên dựa hẳn vào dân, sống chết với dân, với ban chỉ đạo để chiến đấu, vận chuyển hàng hóa, cáng thương, tải đạn phục vụ đắc lực cho chiến trường.

Cả khu vực sống trong không khí sục sôi cách mạng, kiên quyết bảo vệ làng mạc quê hương Vĩnh Linh - mảnh đất tiên tiêu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc đối đầu lịch sử này, Đảng bộ và nhân dân khu vực Vĩnh Linh luôn luôn nhận được sự quan tâm theo dõi, chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự động viên khích lệ và chi viện kịp thời, hết lòng và hiệu quả của bạn bè trong nước và quốc tế.

Ngay sau những trận ném bom bắn phá của đế quốc Mỹ ở Cẩm Ly và Kim Thủy, Lệ Thủy (thuộc tỉnh Quảng

Bình), đồng chí Lê Văn Lương thay mặt Trung ương đã trực tiếp điện, cho ý kiến chỉ đạo việc chuẩn bị đánh địch và kế hoạch tổ chức phòng tránh ở Vĩnh Linh.

Ngày 03/6/1965, Ban Bí thư Trung ương Đảng có cuộc họp riêng bàn việc chuyển hướng phát triển kinh tế ở Vĩnh Linh. Tham gia cuộc họp có các đồng chí Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Tố Hữu, Hoàng Anh, Nguyễn Văn Trân và một số Bộ, ngành có liên quan. Sau khi nghe đồng chí Hồ Sỹ Thản - Bí thư Khu ủy Vĩnh Linh - báo cáo tình hình sản xuất, chiến đấu 6 tháng đầu năm 1965 và một số mục tiêu, phương hướng 6 tháng cuối năm 1965, Hội nghị biểu dương thành tích sản xuất, chiến đấu của Vĩnh Linh và nhắc nhở Vĩnh Linh không được chủ quan, mất cảnh giác. Cần phải tổ chức tốt hơn nữa công tác phòng tránh để bảo đảm chiến đấu tốt, sản xuất tốt, chủ động hậu cần tại chỗ.

Ngày 31/7/1965, Thường vụ Đảng ủy khu vực họp ra Nghị quyết thực hiện nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Nghị quyết nêu rõ: “Tiếp tục cải tạo địa hình, xây dựng làng chiến đấu, nhất là các xã tuyến biển. Đi đôi với xây dựng làng chiến đấu, cần phát triển mạnh các loại vũ khí thô sơ có chọn lọc, nâng cao nhằm tăng khả năng sát thương địch, phù hợp với tính chất quần chúng để phát triển rộng rãi. Có kế hoạch cụ thể về sơ tán dân, kho tàng. Tiếp tục củng cố lực lượng dân quân tự vệ, bộ đội phục viên chuyển ngành vào dân quân để tăng sức mạnh và kinh nghiệm chiến đấu”.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy khu vực, đến tháng 5/1965, phần lớn dân cư thị trấn đã được sơ tán về

nông thôn. Một bộ phận lên lập làng mới ở miền tây Vĩnh Thủy tìm hướng làm ăn lâu dài¹.

Các cơ quan, ban, ngành của khu vực phân tán theo những địa phương mà Đảng ủy đã quy định, ban đêm trở về cơ quan làm việc. Riêng 2 cơ quan: Quân sự và Bưu điện, mỗi cơ quan chia làm 2 bộ phận; một trực tại chỗ, một chuyển về nơi sơ tán. Cả 2 có nhiệm vụ như sau: Bộ phận ở lại tổ chức trạm phòng không, báo động khi có máy bay và chỉ đạo lực lượng phòng không đánh trả máy bay địch. Khi cường độ đánh phá của địch càng tăng hơn thì thị trấn sơ tán triệt để. Do đó, địch đánh vào Hồ Xá lúc này là đánh vào địa bàn trống không. Các ngành kinh tế quốc dân đã kịp chuyển sang phục vụ chiến tranh. Chợ huyện họp về đêm, về sau địch đánh phá ác liệt, thì giải tán chợ. Hợp tác xã nông nghiệp và mua bán đảm nhiệm khâu phân phối nên giá cả thị trường lúc này vẫn ổn định. Hầu hết lực lượng lao động khỏe đều được kết nạp vào dân quân tự vệ. Tuy nhiên, tiêu chuẩn vẫn hết sức chặt chẽ, phải có phẩm chất đạo đức tốt, chính trị rõ ràng. Đây cũng là cơ sở quan trọng để phát triển lực lượng Đoàn và Đảng trong các xã, hợp tác xã².

Tuy lúc này địch chưa đánh hủy diệt toàn bộ khu vực Vĩnh Linh nhưng Hồ Xá là vùng trọng điểm đánh phá của

1. Đến giai đoạn sau khi địch đánh phá hủy diệt khu vực này thì dân thị trấn cũng ở xen kẽ với dân nông thôn.

2. Tuy nhiên, do quan điểm “lập trường giai cấp” và “cảnh giác cách mạng” cũng nhắc nên buổi đầu có hạn chế trong việc tập hợp lực lượng quần chúng vào công cuộc kháng chiến toàn dân chống Mỹ, cứu nước.

chúng. Trong đạn bom ác liệt, để thích ứng với tình hình vừa lao động sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, đánh trả máy bay địch, Hợp tác xã nông nghiệp Nam Hồ thuộc thị trấn đã nêu 3 phương châm và cũng là 3 bài học quan trọng: (1) Thực hiện triệt để việc bám đất, bám hợp tác xã, bám địch để sản xuất và chiến đấu. (2) Tổ chức sản xuất như tổ chức chiến đấu. Ra đồng sản xuất phải có chỉ huy, có bộ phận cứu thương, tải thương, có hầm hào phòng tránh. (3) Trong bất cứ tình huống nào vẫn giữ được 3 quản (quản lý lao động, quản lý sản xuất, quản lý tài vụ) và 3 khoán (khoán công điểm, khoán chi phí, khoán sản lượng) để vận dụng phù hợp với tình hình mới.

Người đề xướng và gương mẫu tổ chức thực hiện là đồng chí Đinh Như Gia - Đội trưởng Đội sản xuất của Hợp tác xã nông nghiệp Nam Hồ. Với những thành tích xuất sắc đã đạt được, năm 1969, đồng chí Đinh Như Gia được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Đảng ủy Khu vực phát động phong trào thi đua học tập Hợp tác xã Nam Hồ theo khẩu hiệu “ruộng đồng là chiến trường, cuộc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ” để nhân điển hình thành phổ biến. Khí thế sản xuất sôi nổi trong thời chiến được nâng cao ở Vĩnh Linh. Trên đà khí thế đó, toàn khu vực đẩy mạnh tiến công vào khoa học kỹ thuật, cải tiến công cụ, tiếp tục hoàn thành cải tiến quản lý hợp tác xã vòng 2. Tuy mật độ bom đạn ngày càng dày nhưng nông nghiệp vẫn cố gắng thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật, đưa giống mới vào đồng ruộng với tỷ lệ ngày một tăng.

Cuối năm 1965 và đầu năm 1966, toàn khu vực mở hội nghị khoa học kỹ thuật bàn về thâm canh tăng năng suất, chuyển mùa vụ của một số hợp tác xã vùng đồng bằng. Đồng thời phát triển mạnh công cụ sản xuất, đưa cơ khí nhỏ vào nông nghiệp như: máy xát gạo, máy bơm nước, xây dựng cơ sở ngâm ủ giống tại hợp tác xã. Trong 2 năm 1965-1966, toàn khu vực phát triển từ 8 đến 13 cơ sở sản xuất nông cụ, kể cả ở vùng miền núi.

Về cơ sở vật chất, kỹ thuật: Đảng ủy chủ trương đổi ruộng xen kẽ, kiến thiết lại đồng ruộng, làm bờ vùng, bờ thửa, làm hầm để hợp từng đội sản xuất, không hợp toàn hợp tác xã, không làm nhà kho, sân phơi, nhất là ở vùng đất đỏ. Các đội sản xuất làm hầm trú ẩn cho trâu, bò tại ruộng, giảm bớt khâu gánh phân, bớt công đi lại, tránh thương vong cho người và trâu, bò. Mặt khác, đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm, phát triển mạnh đàn lợn. Trên cơ sở phát động quần chúng nâng cao tinh thần làm chủ của xã viên, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Năm đầu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, toàn khu vực không để một tấc đất bỏ hoang, bom Mỹ thả xuống ruộng thì lấp lại để sản xuất. Nơi nào không lấp được thì trồng khoai sắn lên miệng hố bom. Trồng cây này hết thời vụ lại trồng cây khác.

Đối với vùng biển, do bà con chưa quen làm nghề ruộng, phụ nữ chủ yếu dựa vào lao động của chồng, hoàn toàn bị lệ thuộc. Khi chiến tranh xảy ra ác liệt, nghề đánh cá, đi khơi, đi lộng bị hạn chế. Thực hiện Nghị quyết của

Đảng ủy khu vực, bà con tích cực khai phá đất trồng khoai sắn để tự túc 30% màu. Chị em phụ nữ giữ vai trò chủ yếu trong việc chuyển hướng sản xuất. Nhờ đó, phụ nữ vùng biển thực sự được giải phóng, bình quyền với nam giới.

Đồng thời với kinh tế, về quân sự, Đảng ủy chủ trương: (1) Xây dựng lực lượng vũ trang mạnh về tư tưởng, vững về tổ chức, đủ sức đánh bại chiến tranh phá hoại của địch. (2) Tích cực tiêu diệt địch, bảo vệ các mục tiêu chính trị, quân sự, kho tàng và giao thông. (3) Đẩy mạnh đánh địch, kết hợp phòng tránh, bảo vệ dân, chống chiến tranh phá hoại gắn liền phòng thủ, chống bộ binh địch đổ bộ.

Trước hết, Thường vụ Đảng ủy khu vực xây dựng mục tiêu chiến lược: “Giữ bằng được đảo Côn Cỏ và sẵn sàng đùm bọc, che chở cho đồng bào bờ Nam bị địch khủng bố tràn qua. Đảm bảo giữ vững liên lạc thông suốt các mối quan hệ giữa hai miền”.

Để thực hiện triệt để 3 nhiệm vụ trên, Đảng ủy Khu vực trực tiếp chỉ đạo khu đội, dân quân và công an vũ trang giới tuyến, tăng cường lực lượng huấn luyện và trang bị, tổ chức diễn tập bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa chủ lực, bộ đội địa phương với dân quân du kích và lực lượng tự vệ cơ quan khi xảy ra chiến đấu lớn. Ban Thường vụ Đảng ủy khu vực và Thường trực Ủy ban Hành chính khu vực đã làm việc không kể giờ giấc, bám sát cơ sở nắm tình hình để bàn bạc, bổ sung giải quyết dứt điểm những vướng mắc cụ thể.

2. Đấu tranh bảo vệ giới tuyến khi đế quốc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc

Tại khu vực giới tuyến lúc này, mặc dù đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm trắng trợn chà đạp lên Hiệp định Giơnevơ, nhưng chúng ta vẫn kiên trì đường lối hòa bình, đấu tranh buộc chúng phải thực thi Quy chế khu phi quân sự. Đây là một cuộc đấu tranh không tiếng súng nhưng đầy khó khăn, phức tạp và quyết liệt dọc hai bờ sông Bến Hải, kéo dài đến giữa năm 1967.

Để phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa mà trực tiếp là khu vực Vĩnh Linh, Mỹ - ngụy gia tăng hoạt động tình báo và thám báo đối với miền Bắc. Đồng thời lập Ty cảnh sát đặc biệt ở Gio Linh gồm các chi sở cảnh sát Gio Linh và quận Trung Lương, “biệt đoàn cảnh sát 333” phụ trách giới tuyến và đại đội “cảnh sát Bến Hải”. Các tổ chức này đều có nhiệm vụ phản gián và trực tiếp tung người ra miền Bắc. Bước vào giai đoạn “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, đi đôi với việc tiến hành hủy diệt khu vực Bắc giới tuyến, Mỹ - ngụy có âm mưu dùng bộ binh tập kích đánh chiếm một số vùng xung yếu thuộc địa bàn nam Quân khu 4. Trước tình hình đó, khu vực Vĩnh Linh đã được Trung ương chỉ đạo chặt chẽ, sớm chuyển sang tư thế sẵn sàng đối phó với những bước leo thang chiến tranh của địch. Nhiều biện pháp phòng thủ và an ninh đã được triển khai từ thời bình. Công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng, làm trong sạch địa bàn giới tuyến đã được rà soát nhiều lần. Phong trào bảo vệ trị an ở các xã giới tuyến và biên phòng đã phát huy được

sức mạnh quân chúng, mang lại tác dụng thiết thực. Công tác bảo vệ cửa khẩu qua các hành lang chi viện cho miền Nam được bố trí chặt chẽ từ những ngày đầu thành lập đường dây 559.

Bước vào thời kỳ chiến tranh, công an vũ trang Vĩnh Linh chuyển 986 cán bộ, chiến sĩ bổ sung cho lực lượng quân đội, trong đó chi viện cho chiến trường Trị - Thiên là 256 đồng chí. Đơn vị giải thể 3 tiểu đoàn, rút bớt quân số ở 4 đồn, thực hiện biên chế tổ chức lại toàn tuyến khu phi quân sự phía Bắc thành 9 đồn và 3 trạm miền núi. Nhiệm vụ đánh địch bàn giao sang cho khu đội Vĩnh Linh, nhiệm vụ bảo vệ nội địa giao cho các đơn vị công an. Việc điều chỉnh nhiệm vụ và tổ chức đã được tiến hành đúng theo mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh. Nghiêm chỉnh, khẩn trương chấp hành nghị quyết nhưng không được để sơ hở giới tuyến, tích cực đưa đơn vị đi sâu vào nghiệp vụ chính.

Năm 1965, mặc dù đã chuyển qua thời chiến, ta vẫn tận dụng và đẩy mạnh công tác đấu tranh công khai với cảnh sát ngụy để phục vụ yêu cầu bảo vệ giới tuyến. Đế quốc Mỹ tuy đã trắng trợn ném bom miền Bắc, đánh phá vùng phía Bắc khu phi quân sự nhưng vẫn buộc phải duy trì các đội cảnh sát dọc sông Bến Hải, vẫn chưa dám bỏ việc kiểm soát liên hợp ở đồn Cửa Tùng và sự tiếp xúc giữa 2 bên ở đồn Hiền Lương. Địch vẫn phải chấp nhận sự hoạt động của Tổ Quốc tế 76 trong các năm 1965-1966. Thực ra, địch có ý đồ sử dụng các đồn cảnh sát dọc tuyến để tung tình báo gián điệp sang miền Bắc, phát hiện mục tiêu cho phi pháo đánh phá khu phi quân sự bờ Bắc, đồng thời để duy trì lực lượng thường trực kìm kẹp hàng vạn

đồng bào khu phi quân sự ở bờ Nam mà chúng chưa thể đưa vào các khu tập trung, áp chiến lược.

Trước tình hình ấy, năm 1965, Bộ Tư lệnh có chỉ thị đặc biệt cho 2 đồn công an vũ trang Hiền Lương và Cửa Tùng tích cực đẩy mạnh đấu tranh chính trị, nâng cao cảnh giác, chủ động tiến công địch toàn diện, kết hợp công tác binh vận với biện pháp nghiệp vụ làm tan rã hàng ngũ cảnh sát ngụy. Vì vậy, người chiến sĩ giới tuyến phải có lập trường chính trị vững vàng, không những tinh thông về nghiệp vụ mà còn có sự hiểu biết sâu rộng, lý luận sắc bén và khả năng ứng đối nhanh nhạy, kịp thời. Bước vào thế trận mới, các chiến sĩ giới tuyến gặp nhiều khó khăn trước việc máy bay và pháo binh Mỹ - ngụy đánh phá liên tục các đồn, trạm của ta, buộc người chiến sĩ giới tuyến vừa phải phòng tránh, đánh trả địch, vừa phải đảm bảo công tác giao tiếp liên tục với cảnh sát ngụy. Bọn cảnh sát này từ ngày có chiến tranh phá hoại luôn tỏ ra xác xược, thái độ hung hăng, luôn có những cử chỉ, hành động khiêu khích. Thậm chí lúc máy bay địch ném bom bên bờ Bắc, nhiều tên trèo lên nóc lô cốt bờ Nam vỗ tay hoan hô. Trước nghịch cảnh ấy, các chiến sĩ giới tuyến vẫn phải bình tĩnh kiềm chế, dựa vào các điều khoản của Hiệp định để đấu tranh với địch.

Càng ngày máy bay địch càng đánh mạnh vào khu vực cột cờ và đồn trạm Hiền Lương. Ngày 17/9/1965, 6 chiếc máy bay AD6 đến ném bom nhằm phá cột cờ bên ta nhưng vấp phải hỏa lực của dân quân Liêm Công Phường (Vĩnh Thành) và các chiến sĩ công an vũ trang, chúng hoảng hốt ném chệch mục tiêu, bom rơi hết xuống sông.

Có một loạt rơi trúng đồn cảnh sát cùng khu gia binh ngụy, làm chết và bị thương 52 người, trong đó có 28 tên cảnh sát ngụy. Đáng chú ý là có cả bọn chỉ huy đại đội và nhân viên tình báo nằm vùng. Sau trận này, bọn chúng hoang mang thực sự. Các chiến sĩ ta nhân dịp ấy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tấn công chính trị vào số lính mới đến thay thế, đạt được một số kết quả về xây dựng cơ sở trong hàng ngũ địch.

Mỹ - ngụy dội bom phá hủy cột cờ với cường độ ngày càng ác liệt. Với quyết tâm không một ngày nào, thậm chí là một giây phút nào để lá cờ Tổ quốc ngừng tung bay trên bầu trời Hiền Lương, trong suốt giai đoạn từ 1965-1967, 11 lần cột cờ bị bom đánh gãy, 11 lần ta lại dựng lên. Lá cờ rộng 108 m² bị rách và thủng liên tục, có ngày phải thay 8-10 lần (lúc bom đạn ác liệt ta thay thế lá cờ nhỏ hơn, rộng 4-5 m²). Ta có một cơ sở gia công đặt tại xã Vĩnh Nam chuyên may cờ phục vụ cột cờ Hiền Lương nhưng vẫn không kịp và không đủ để thay. Đúng lúc đó thì Vĩnh Linh xuất hiện mẹ Ngô Thị Diễm¹ (người làng Liêm Công Phường, về làm dâu tại làng Hiền Lương, xã Vĩnh Thành), mẹ xin không đi sơ tán mà ở lại bám trụ mảnh đất quê hương để tự nguyện làm một việc hết sức thiêng liêng: vá cờ Tổ quốc. Sau mỗi trận mưa bom bão đạn, khi lá cờ Tổ quốc bị rách, thủng chưa thay thế kịp, mẹ lại chong đèn dưới hầm sâu, cẩn thận vá lành để lá cờ Tổ quốc tiếp tục kiêu hãnh tung bay. Mỹ -

1. Năm 2007, mẹ Ngô Thị Diễm được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

ngụy biết ý nghĩa sâu sắc của lá cờ đối với đồng bào bờ Nam, chúng càng quyết đánh gục cột cờ Hiền Lương. Mỗi ngày, hàng chục tấn bom đạn địch dội xuống, song cán bộ, chiến sĩ đồn Hiền Lương vẫn không tiếc máu xương, quyết giương cao lá cờ Tổ quốc trên tuyến đầu của miền Bắc. Mãi đến ngày 02/8/1967, Mỹ - ngụy huy động tối đa bom đạn mới đánh sập được cột cờ của ta. Đáp trả hành động của địch, ngay đêm hôm đó các chiến sĩ an ninh của ta đã vượt sông, đặt bộc phá đánh sập cột cờ của bọn ngụy ở bờ Nam¹.

Cột cờ Hiền Lương gây báo hiệu giai đoạn chiến tranh đã bước vào thời kỳ ác liệt nhất. Cuộc leo thang ném bom phá hoại miền Bắc của Mỹ - ngụy bước vào giai đoạn đỉnh điểm, không có điểm dừng. Bối cảnh ấy đã hoàn toàn đặt khu vực Vĩnh Linh vào vị trí mảnh đất đầu cầu giới tuyến, đứng mũi chịu sào, là tiền đồn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nơi trực diện đối mặt với dã tâm xâm lược của kẻ thù hung bạo.

3. Đẩy mạnh lao động sản xuất và chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến miền Nam

Tình hình bom đạn diễn ra đúng như dự đoán của Trung ương và Khu ủy. Từ chỗ đánh có trọng điểm, đến

1. Trong 11 năm tồn tại (1956-1967) của cột cờ Hiền Lương, ta sử dụng hết 264 lá cờ. Riêng năm 1967 có 42 lần lá cờ bị bom Mỹ xé rách nhưng liền được thay thế và vá lại. Tính chung trong thời gian 10 năm bảo vệ ngọn cờ Tổ quốc ở Hiền Lương đã có 13 chiến sĩ ngã xuống ngay dưới chân cột cờ và 50 người khác bị thương.

cuối tháng 12/1965, máy bay Mỹ ném bom cả vào khu dân cư, trường học, hồng làm lung lay quyết tâm chiến đấu đến cùng của Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh. Tính đến ngày 27/12/1965, máy bay địch đã 1.080 lần trinh sát và ném bom xuống Vĩnh Linh suốt cả ngày lẫn đêm. Có ngày chúng đánh phá một lúc nhiều địa điểm, có nơi chúng quần đi quần lại, ném bom hủy diệt như ở thị trấn Hồ Xá, xã miền núi Hướng Lập. Trên biển, tàu chiến địch xâm phạm 125 lần và pháo kích 36 lần vào đất liền. Sự đánh phá bừa bãi với cường độ ác liệt đó đã gây cho Vĩnh Linh nhiều thiệt hại¹. Nhưng quân và dân Vĩnh Linh vẫn kiên cường bám trụ và dũng cảm chiến đấu. Tính đến ngày 27/12/1965, đã có 95 máy bay và 6 tàu chiến của địch bị bắn cháy, bắn chìm trên bầu trời và mặt biển Vĩnh Linh. Song song với chống chiến tranh phá hoại bằng máy bay và tàu chiến, quân và dân Vĩnh Linh còn chuẩn bị các phương án đánh địch đổ bộ bằng đường không, đường biển, chống tập kích, biệt kích từ bờ Nam. Công tác xây dựng làng chiến đấu với 4 nội dung “Tổ chức Đảng mạnh, tổ chức lực lượng vũ trang mạnh, tổ chức đoàn thể quần chúng mạnh, tổ chức kinh tế tập thể mạnh” được phát động trong toàn khu vực. Khắp nơi dấy lên phong trào phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, lấy máu mình viết đơn xin được đi chiến đấu, phục vụ tiền tuyến, xin được vào Đảng,

1. Đến cuối năm 1965, có 109 người chết, 98 người bị thương, 700 nhà bị cháy, bị sập, 136 con trâu bò và 141 con lợn bị chết... (Trích *Báo cáo của Khu ủy Vĩnh Linh năm 1965*, tài liệu lưu tại Huyện ủy Vĩnh Linh).

Đoàn, dân quân tự vệ. Mạng lưới hào giao thông, hầm trú ẩn, trận địa bắn máy bay được xây dựng ngày càng nhiều. Đặc biệt, lực lượng dân quân tự vệ trưởng thành nhanh chóng, nhất là các đơn vị trực tiếp đánh địch như: thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Thủy, Vĩnh Nam, Vĩnh Cháp, Vĩnh Thái, Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Thành, Hướng Lập, Vĩnh Khê và các xã thuộc vùng phi quân sự như Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Sơn. Lực lượng dân quân tự vệ đã độc lập tác chiến và đánh 247 trận phối hợp, bắn cháy 5 máy bay địch. Súng trường, súng bộ binh hạ được máy bay phản lực Mỹ không còn là cá biệt. Điển hình là trận ngày 13/11/1965 của dân quân xã Vĩnh Cháp, bằng 23 viên đạn súng 12 ly 7, đã bắn hạ 1 máy bay F4H của giặc Mỹ. Thuyền nan của dân quân vùng biển Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Thạch, Vĩnh Thái trên đường tiếp tế cho đảo Cồn Cỏ cũng chiến đấu quả cảm với tàu chiến địch, buộc địch phải tháo chạy.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, sản lượng lúa cả năm 1964 đạt 18.136 tấn, tăng 7,5% kế hoạch và vượt 13% so với năm 1963, là năm được mùa nhất trong 10 năm qua. Sản lượng hoa màu tăng 11%. Toàn khu vực Vĩnh Linh đã nộp nghĩa vụ cho Nhà nước 5.300 tấn thóc, 1.000 tấn màu, tăng 13% kế hoạch mà Nhà nước giao.

Các mặt khác như công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, bưu điện, giáo dục, y tế, văn hóa, thương nghiệp vẫn được giữ vững. Qua một năm thử thách, Vĩnh Linh càng trưởng thành về mọi mặt, có 40 đơn vị đạt danh hiệu quyết thắng (trong tổng số 360 đơn vị quyết thắng của toàn miền Bắc), được nhận nhiều phần thưởng

cao quý của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ: 1 lá cờ Cờ Cỏ anh hùng, 22 Huân chương Quân công và Huy chương Chiến công, 12 Huy hiệu của Bác Hồ, 735 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư lệnh và Quân khu 4.

Năm 1965, Vĩnh Linh có số lượng đảng viên được kết nạp cao nhất: 350 đồng chí, trong đó có 29 nữ, đưa tổng số đảng viên toàn khu vực đến cuối năm 1965 lên 4.457 đồng chí. Đồng thời, thành lập thêm 2 Đảng ủy cơ sở gồm: Đảng ủy Khu đội và Đảng ủy Bưu điện - Truyền thanh; xây dựng thêm 2 chi bộ hợp tác xã ở Vĩnh Sơn, tiếp nhận thêm một chi bộ Liên hợp khu phi quân sự. Như vậy, đến cuối năm 1965, toàn Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh có 231 Chi bộ, 30 Đảng ủy cơ sở trực thuộc.

Ngày 18/01/1966, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh tổ chức Hội nghị, ra Nghị quyết về việc tiếp tục một bước cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bằng. Nghị quyết nêu rõ: "... Vĩnh Linh ta là vị trí tiền tiêu của miền Bắc, đồng thời là hậu phương trực tiếp của miền Nam. Địch có thể phá hoại ta ngày càng ác liệt, tình hình mới đòi hỏi sản xuất nông nghiệp phải tăng gấp đôi, gấp ba để bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm cần thiết cho nhân dân và quân đội đủ ăn để chiến đấu, chiến thắng và chi viện một phần cho miền Nam. Đưa sản xuất nông nghiệp lên thành cao trào, đưa toàn bộ hợp tác xã lên thành hợp tác xã tiên tiến và xây dựng chi bộ thành chi bộ 4 tốt". Thường vụ Đảng ủy khu vực quyết định lấy Cờ Cỏ và Hợp tác xã Nam Hồ làm 2 ngọn cờ tiêu biểu cho các đơn vị trong toàn khu vực Vĩnh Linh noi gương học tập: Ngọn cờ

Cờ Cỏ tiêu biểu cho tư tưởng bám đất, bám làng, quyết chiến đấu và chiến thắng; Ngọn cờ Nam Hồ tiêu biểu về kinh nghiệm tổ chức sản xuất và chiến đấu trong điều kiện địch đánh phá ác liệt.

Từ giữa tháng 02/1966, mức độ đánh phá của địch càng ác liệt hơn. Ngoài Cờ Cỏ, địch tập trung đánh phá mạnh miền tây Vĩnh Linh, nhất là vùng Hướng Lập. Đến tháng 6/1966, địch lại đánh mạnh vào khu đông với phạm vi rộng, nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não của khu vực đang sơ tán ở đây và ngăn chặn, phá hủy các nguồn tiếp tế và dự trữ của ta cho tiền tuyến. Đến đầu tháng 7/1966, địch đánh phá 106 lần ở đất liền, 368 lần vào đảo Cờ Cỏ. Các xã vùng giới tuyến, trọng pháo địch 5 lần bắn qua bờ Bắc. Ở vùng biển, tàu chiến địch tiếp tục uy hiếp, bao vây. Toàn khu vực có thêm 38 người hy sinh, 98 người bị thương, 248 ngôi nhà bị cháy, bị sập, 68 con trâu bò và trên 200 con lợn bị chết.

Thực hiện triệt để các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Khu ủy, các địa phương, đơn vị tăng cường các biện pháp phòng tránh và đánh địch. Toàn khu vực đào mới và tu sửa 344 km giao thông hào, đưa tổng số giao thông hào đã có đến cuối tháng 6/1966 lên 1.300 km. Làm mới gần 13.000 hầm trú ẩn các loại, rào 7,5 km và trồng 7 vạn cây dọc tuyến sông, tuyến biển. Việc trực gác phòng không, trực chiến đấu của dân quân được tăng cường. Công tác hướng dẫn quần chúng nhân dân chống bom bi, bom sát thương, phòng chất độc và hơi độc được đẩy mạnh, tủ thuốc cấp cứu được trang bị. Mỗi người khi lên khỏi hầm phải có vũ khí, túi cứu thương và 1 túi

phòng chống chất độc. Khẩu hiệu lúc này là “tay cày tay súng, tay búa tay súng, tay bút tay súng”, “giặc đến - chiến đấu, giặc đi - sản xuất”.

Vụ Đông - Xuân 1965-1966, diện tích lúa toàn khu vực Vĩnh Linh vẫn đạt 99% kế hoạch, ngô đạt 82,7% kế hoạch, khoai lang tăng 14,2% so với vụ Đông - Xuân 1964-1965. Chăn nuôi cũng phát triển khá, tăng so với cùng kỳ năm trước: trâu tăng 1,2%, bò tăng 4% và vượt kế hoạch cả năm là 1,7%; lợn tăng 10,4% và tăng 3,5% so với cả năm 1965. Cuộc vận động cải tiến việc quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đồng bằng đã thắng lợi một bước hết sức quan trọng.

Từ phong trào thi đua chiến đấu, phục vụ chiến đấu và lao động sản xuất, công tác phát triển Đảng có bước chuyển biến lớn, đúng với phương hướng nghị quyết đã đề ra. Sáu tháng đầu năm 1966, đã kết nạp 457 đảng viên mới, tăng 130% so với cả năm 1965. Trong đó, thanh niên chiếm 80%, phụ nữ chiếm 18%, đảng viên vùng miền núi chiếm tỷ lệ 3,6%. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đều là những chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, cá nhân xuất sắc trong phong trào sản xuất, chiến đấu và các mặt công tác khác. Đi đôi với phát triển kinh tế, công tác củng cố Đảng cũng được chú trọng. Ngoài việc bồi dưỡng nhận thức, quan điểm, lập trường, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, đề cao kỷ luật của Đảng cũng được chú ý. Đầu năm 1965 đến cuối tháng 6 năm 1966, Đảng ủy khu vực đã thi hành kỷ luật 39 vụ, trong đó: khai trừ 9 trường hợp, lưu Đảng 10 trường hợp, cách chức 5 trường hợp, khiển trách và cảnh cáo 15 trường hợp.

Tháng 6/1966, do yêu cầu của tình hình, đồng chí Hồ Sỹ Thản - Bí thư Đảng ủy Khu vực - được Trung ương điều tăng cường cho chiến trường B. Đồng chí Trần Đồng - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính Khu vực - giữ chức vụ Bí thư Khu ủy. Đồng chí Lê Thanh Liêm giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực.

Ngoài việc sắp xếp và phân công lại nhiệm vụ đối với một số đồng chí trong Khu ủy và Ủy ban Hành chính, toàn khu vực đã đề bạt 30 cán bộ trưởng, phó phòng và sở để tăng cường cho các ngành như: nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế, bưu điện, khoa học kỹ thuật, thương nghiệp, lương thực. Điều động, bổ sung một số cán bộ cho các ngành khác. Các tổ chức: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc được quan tâm hơn trước. Đáng chú ý, phong trào phụ nữ đã có bước chuyển biến mới, nhất là trong công tác cải tiến quản lý hợp tác xã vòng 2, đã đưa 29,8% phụ nữ lên làm cán bộ trong các hợp tác xã và 31% làm đội trưởng sản xuất trong 31 hợp tác xã. Ở 17 xã đồng bằng có 17 xã đội phó là nữ.

Âm mưu, thủ đoạn của địch đã thất bại. Chúng không lung lạc được tinh thần của Đảng bộ và nhân dân khu vực Vĩnh Linh, không chiếm được đảo Cồn Cỏ, thậm chí là không bao vây, cô lập được đảo. Ở đất liền, chúng không phá hủy được các kho tàng, cơ sở vật chất quốc phòng, kinh tế của ta, không diệt được các cơ quan đầu não khu vực. Ở miền núi, việc lấn chiếm đất đai, thả biệt kích, thám báo, tuyên truyền, dụ dỗ đồng bào Vân Kiều không mang lại kết quả. Các vị trí địch chiếm giữ ở các bản làng miền núi đã bị lực lượng cách mạng đánh bật.

Khí thế cách mạng của quần chúng lên cao, sản xuất vẫn được giữ vững, có mặt phát triển khá, đảm bảo tốt nhu cầu tại chỗ. Chiến đấu và phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến vẫn được quân và dân Vĩnh Linh quán triệt, thực hiện hiệu quả. Tư tưởng “quyết chiến quyết thắng” qua thử thách càng được khẳng định. Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh có thêm kinh nghiệm về các mặt chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sản xuất, quản lý hợp tác xã trong điều kiện chiến tranh ác liệt và kéo dài.

*

* *

Sau thất bại trong cuộc phản công chiến lược mùa khô, để gỡ thế bí, đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh ác liệt hơn. Chúng ồ ạt đưa gần 40 vạn quân viễn chinh vào miền Nam, đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, đỉnh điểm là bắn phá Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố, thị xã.

Ở khu vực Vĩnh Linh, Mỹ - ngụy thực hiện nhiều thủ đoạn chiến tranh với mức độ ngày càng ác liệt hơn. Chúng đánh liên tục suốt ngày đêm, có nơi kéo dài nửa tháng, dùng nhiều loại bom đạn hủy diệt dần từng điểm. Điển hình là trận đánh phá lúc 22h15 ngày 02/7/1966 tại xã Vĩnh Tú. Tại đây, ta cất giấu một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm. Đêm đêm, hàng đoàn xe chở hàng từ miền Bắc theo quốc lộ 1 rẽ vào Cầu Khay (Vĩnh Cháp) về Vĩnh Tú. Tuyến vận tải này đã bị địch theo dõi, phát hiện. Vì vậy, trong suốt hơn 6 tiếng đồng hồ, giặc Mỹ đã huy động nhiều máy bay phản lực như F4H, C130, B57 có máy bay trinh sát L19 chỉ điểm. Chúng thả pháo sáng,

rải bom bi xung quanh như một hàng rào rồi ném bom phá và bom cháy vào giữa, giết hại 13 người, làm bị thương 24 người, hầu hết các hầm ẩn nấp đều bị trúng bom, pháo. Hàng trăm nóc nhà bị thiêu rụi. Sau trận mở đầu này, suốt trong tháng 7, cả ngày lẫn đêm, địch liên tục đánh phá Vĩnh Tú, gây nhiều tội ác với đồng bào ta.

Ở phía tây, chúng đánh phá quyết san bằng từng cụm đồi kéo từ Bến Quan đến Vĩnh Thủy, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, nhằm vào các điểm cao, rừng cây chúng nghi ngờ là nơi đặt căn cứ, cụm pháo, kho tàng của ta. Đồng thời, máy bay Mỹ tập trung đánh liên tục dọc tuyến quốc lộ 1 từ Dốc Sỏi (Lệ Thủy, Quảng Bình) vào dốc 6 độ (Hồ Xá) để ngăn chặn các phương tiện vận chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược, bộ đội từ các tỉnh miền Bắc tập kết vào Vĩnh Linh để từ đó vào chiến trường miền Nam.

Ngoài chiến thuật bỏ nhào quen thuộc, thì từ giữa tháng 6/1966, địch còn áp dụng chiến thuật ném bom tọa độ. Đó là việc từng đoàn máy bay phản lực kết thành tốp 3-6 chiếc, bay ở độ cao 4.000-5.000 m, khi đến tọa độ đã được chấm sẵn trên bản đồ, cả tốp cùng một lúc bấm nút thả bom xuống mục tiêu rồi bay thẳng. Với kiểu ném bom này, máy bay địch có thể thực hiện trong mọi điều kiện thời tiết và tránh được các loại súng phòng không thông thường của ta. Một loạt bom ném theo kiểu này ít nhất là 10 quả, có khi lên đến 40 quả. Càng về cuối năm, mật độ bom tọa độ càng dày hơn. Chúng dội bom vào tất cả các thôn xóm, các điểm cao có ý nghĩa về mặt quân sự, những nơi cây cối rậm rạp chúng nghi đặt sở chỉ huy, cất giấu xe pháo, kho tàng lương thực, đạn dược.

Tuy nhiên, thiệt hại từng trận của bom tọa độ đối với lực lượng chiến đấu của ta không quá lớn. Người ở đã có hầm, kho tàng vũ khí được phân tán và để ở những nơi chúng ít nghi ngờ. Tuy vậy, do chúng ném bom rất bừa bãi nên số thương vong có cao hơn trước. Đặc biệt, kiểu ném bom tọa độ này tạo ra trong cán bộ, bộ đội và nhân dân một trạng thái tâm lý phập phồng, lo sợ, luôn cảm thấy không an tâm. Bởi máy bay bổ nhào còn nhìn hướng bom rơi để tránh, để ẩn nấp; còn với bom tọa độ thì con người hoàn toàn bị động để đối phó.

Đi đôi với việc đánh phá trên không, trên biển, địch ráo riết tung biệt kích, thám báo để do thám, nắm tình hình và phá hoại ở khu vực giới tuyến, nhất là đối với vùng rừng núi miền Tây khu vực. Mặt khác, địch không ngừng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý như dùng máy bay rải truyền đơn xuyên tạc, đe dọa, dùng hàng tâm lý chiến lôi kéo, mua chuộc: từ chiếc đài bán dẫn bằng hộp thuốc lá đến áo quần, giày dép, búp bê cho trẻ em từ máy bay rải xuống, từ tàu chiến thả xuống để sóng biển đánh dạt vào bờ.

Trước tình hình địch dùng nhiều thủ đoạn leo thang chiến tranh mới, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc: "... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng

lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn..."¹.

Ngày 20/7/1966, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc mở một đợt vận động chính trị hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, biến lời dạy của Người thành tư tưởng, tình cảm và hành động cách mạng của hàng chục triệu cán bộ, đảng viên, quần chúng ở hậu phương cũng như tiền tuyến.

Ở Vĩnh Linh, Thường vụ Đảng ủy khu vực trực tiếp chỉ đạo báo *Thống Nhất* (đặt tại thôn Tây, Vĩnh Tú), Đài truyền thanh Vĩnh Linh (đặt tại Hợp tác xã Nam Phú, Vĩnh Nam) phát đi toàn văn Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị của Ban Bí thư tới tận các địa phương, đơn vị và các trận địa chiến đấu trong khu vực. Đồng thời, phát động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị của Ban Bí thư bằng mọi khả năng của mình trên mọi cương vị công tác, sản xuất, chiến đấu. Hàng ngàn lá đơn từ khắp mọi nơi gửi lên Đảng ủy Khu vực bày tỏ quyết tâm xin được bám trụ, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến. Lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ nêu cao khẩu hiệu "nhằm thẳng quân thù mà bắn". Anh chị em công nhân trong các xí nghiệp, công trường "chắc tay búa, tay súng"; cần cù, sáng tạo trong sản xuất, dũng cảm, mưu trí trong chiến đấu. Đâu đâu cũng phát động phong trào "làm thêm giờ chống Mỹ, cứu nước". Ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.131.

lao động, cải tiến quản lý. Quyết tâm đạt 3 điểm cao (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều); thanh niên nông thôn với phong trào “3 sào, 5 việc”; phụ nữ với phong trào “3 đảm đang”. Lực lượng vũ trang, bán vũ trang và an ninh được khu vực chỉ đạo rất chặt chẽ, bất kể trong tình huống nào cũng chủ động đánh địch. Nhằm thống nhất lãnh đạo và chỉ huy, đầu tháng 7/1966, được sự đồng ý của Bộ Chính trị và Bộ Quốc phòng, Bộ Chỉ huy quân sự khu vực Vĩnh Linh được thành lập do đồng chí Hoàng Đuồm làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Vũ Kỳ Lân làm Chính ủy. Cùng lúc đó, một số đơn vị lực lượng vũ trang của Vĩnh Linh cũng được thành lập như: Tiểu đoàn 47 bộ binh với các Đại đội trực thuộc gồm: C.18 thông tin, C.19 công binh, C.20 quân y, C.12,7 ly bảo vệ đập La Ngà, C.24 đặc công. Lệnh tổng động viên từng phần, huy động một số sĩ quan, hạ sĩ quan đã chuyển ngành và điều động thanh niên ở hầu hết các xã trong khu vực được thực hiện. Chỉ trong 5 ngày đã tổ chức củng cố xong các đơn vị, tiến hành huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Sự ra đời của các tổ chức vũ trang mới càng tăng thêm sức mạnh chiến đấu cho toàn khu vực. Ngoài nhiệm vụ chống chiến tranh phá hoại, Đảng ủy Khu vực từng bước xúc tiến việc đối phó với các loại chiến tranh khác của địch. Các phương án tác chiến mới, các chương trình huấn luyện kỹ, chiến thuật tổng hợp chiến đấu, bắn máy bay, bắt giặc lái được Bộ Chỉ huy quân sự khu vực triển khai triệt để đến từng tiểu đội. Cuối tháng 8/1966, qua kiểm tra kỹ năng sử dụng 5 loại súng bộ binh của chiến sĩ đã đạt 98,95% yêu cầu, có 69,71% đạt loại giỏi. Không chỉ

bộ đội, dân quân, thanh niên mà các em nhỏ, cụ già cũng tham gia học tiếng Anh để bắt giặc lái Mỹ.

Thực hiện Nghị quyết đầu năm của Đảng ủy Khu vực về phát triển lực lượng dân quân tự vệ, đến cuối năm 1966, toàn bộ khu vực Vĩnh Linh đã hoàn thành việc thành lập tổ chức dân quân trong 17 xã đồng bằng và 1 thị trấn. Dân quân chiếm 21% dân số, tăng 3,6% so với năm 1965. Phần lớn ban chỉ huy xã đội và trung đội đều có nữ tham gia. Ở vùng đồng bằng, mỗi hợp tác xã sản xuất được tổ chức thành lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu riêng. Có xã tổ chức thành tiểu đoàn. Ở cơ sở, ban chỉ huy xã đội phân công nhau trực chiến với một tổ liên lạc 24/24 giờ trong ngày để trực tiếp chỉ huy và nắm tình hình báo cáo về Bộ Chỉ huy quân sự khu vực. Các đơn vị công trường, nông trường, xí nghiệp sản xuất tập trung được tổ chức thành một tiểu đoàn tự vệ. Đối với các xã miền núi, do đặc điểm địa bàn rộng, dân số ít, nên lực lượng ở đây được tổ chức thành một trung đội ở mỗi xã. Ở vùng biển, trên mỗi thuyền sản xuất được hình thành một tiểu đội chiến đấu. Mỗi xã, mỗi đơn vị có một trung đội bộ binh hoặc hỏa lực cơ động, được trang bị gọn nhẹ, để thay nhau vào phối hợp chiến đấu chống bộ binh địch, diệt ác ôn ở khu vực phía Nam như Cam Lộ, Gio Linh (những đơn vị “ăn cơm Bắc - đánh giặc Nam”). Ngoài ra, theo tính chất nhiệm vụ và đặc điểm từng xã, từng đơn vị mà tổ chức các đội chuyên môn như đặc công, công binh, thông tin, cứu thương... Căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất chiến đấu, lực lượng dân quân tự vệ được trang bị súng trường đến các loại pháo phòng không và mặt đất.

Thời gian cao điểm nhất, Vĩnh Linh đã tổ chức được một tiểu đoàn trực thuộc, 39 đại đội dân quân du kích, 20 đại đội tự vệ, 108 trung đội cơ động, 64 trung đội hỗn hợp, tổng quân số lên tới hơn 1 vạn người. Để đối phó với tình hình khẩn cấp, toàn khu vực còn tổ chức được 5 đại đội cơ động gồm 405 người, 1 đại đội bộ binh và 1 đại đội pháo binh 85 ly. Không những xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ vững mạnh, đủ sức chiến đấu giữ vững địa bàn, nhân dân khu vực Vĩnh Linh còn tiến đưa hàng trăm thanh niên trẻ, khỏe tham gia các lực lượng vũ trang chính quy, đóng góp một phần máu thịt của mình vào các chiến thắng ở chiến trường miền Nam.

Ngày 02/8/1966, Thường vụ Đảng ủy Khu vực ra Nghị quyết số 15 về chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Nghị quyết đề cập cả hai mặt: chiến đấu, phòng tránh và tranh thủ mọi thời cơ đẩy mạnh sản xuất.

Về phòng tránh, ngoài việc củng cố và phát triển rộng khắp mạng lưới hầm hào công sự, toàn khu vực tiến hành đào địa đạo, xúc tiến việc xây dựng hậu phương an toàn.

Đối với đảo Cồn Cỏ, Nghị quyết nhấn mạnh: quán triệt hơn nữa quyết tâm của Trung ương, tăng cường sức chiến đấu và chi viện của đất liền để bất luận trong tình huống nào cũng quyết tâm giữ được đảo.

Đối với nhiệm vụ sản xuất, Nghị quyết khẳng định: khu vực Vĩnh Linh ở trong hoàn cảnh là đầu cầu giới tuyến, xa Trung ương, dễ bị chia cắt, nên phương châm nhất quán là phải tự lực cánh sinh; đồng thời, Vĩnh Linh là huyện duy nhất được giải phóng của tỉnh Quảng Trị, trong lúc tỉnh và các huyện, thị trong tỉnh

Quảng Trị đang trực tiếp chiến đấu chống Mỹ - nguy, rất cần sự chi viện tích cực về mọi mặt nhân lực, vật lực. Vĩnh Linh phải là hậu phương trực tiếp của chiến trường Trị - Thiên. Sản xuất trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt cũng có thể đổ máu như chiến đấu. Tranh thủ mọi thời cơ, tập trung cao độ mọi năng lực và trí tuệ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải, bưu điện, truyền thanh.

Tháng 8/1966, khu vực Vĩnh Linh thành lập Ty Văn hóa - Thông tin Vĩnh Linh, đồng thời kiện toàn mạng lưới văn hóa thông tin từ khu vực xuống cơ sở nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hăng hái thi đua bước vào cuộc chiến đấu, sản xuất trong giai đoạn mới.

Về giáo dục: ngoài ngành học phổ thông, võ lòng và mẫu giáo, Khu ủy chủ trương đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa. Tất cả cán bộ chủ chốt của xã, hợp tác xã, các cơ quan, đoàn thể phải có trình độ văn hóa từ lớp 7 trở lên. Do đó, một phong trào bổ túc văn hóa được phát động sôi nổi, đều khắp từ nông thôn, thị trấn đến các cơ quan, nông trường, xí nghiệp. Các lớp học được tổ chức dưới các căn hầm vững chắc, kiên cố, 1 tuần 2 tối hoặc vào ngày chủ nhật.

Về y tế: để phù hợp với công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất, bệnh viện trung tâm phần lớn chuyển về Vĩnh Tú, phần còn lại chuyển qua Hợp tác xã Tiên Lai (Vĩnh Lâm). Đồng thời, củng cố và nâng cấp các trạm xá xã, bệnh xá nông trường, hạn chế tối đa bệnh nhân thông thường không cần thiết phải vào bệnh viện để

ưu tiên chăm sóc, chữa trị cho thương binh từ chiến trường miền Nam chuyển ra.

Toàn khu vực Vĩnh Linh trong tư thế sẵn sàng, vững vàng, tự tin để đương đầu với bom đạn Mỹ trong giai đoạn ác liệt nhất của cuộc chiến tranh. Khi bom đạn đã lên đến đỉnh điểm, Vĩnh Linh trở thành tuyến lửa. Cũng bắt đầu từ đây, cả nước và bạn bè năm châu biết đến một Vĩnh Linh gan góc, kiên trung; quyết tâm bám trụ “một tác không đi, một ly không rời” để giữ vững từng tấc đất quê hương và chi viện hết lòng cho tiền tuyến miền Nam. Từ Hạ Cờ đến Hiền Lương, từ núi rừng Cù Bai ra đảo Cồn Cỏ; làng mạc, ruộng đồng, đồi núi, rừng cây, bờ biển... tất cả được dựng thành công sự, xây thành lũy thép, sẵn sàng đối mặt với đạn bom quân thù. Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh; nỗ lực bám trụ, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và lao động sản xuất, giương cao ngọn cờ bách chiến bách thắng của Tổ quốc kiêu hãnh tung bay nơi đầu cầu giới tuyến.

II. VĨNH LINH LŨY THÉP

1. Quân sự hóa, công sự hóa toàn khu vực và sự ra đời hệ thống làng hầm, địa đạo Vĩnh Linh

Đế quốc Mỹ với âm mưu chia cắt vĩnh viễn đất nước ta thành hai miền Nam - Bắc, cắt đứt mọi sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam. Chúng đã tiến hành một chiến lược đánh phá mang tính hủy diệt hết sức dã man và chưa từng có trong lịch sử

chiến tranh thế giới đối với miền Bắc nước ta. Đặc biệt, vùng giới tuyến Vĩnh Linh là nơi phải hứng chịu sự khốc liệt của đạn bom ở mức đỉnh điểm. Mỹ - ngụy đã huy động 60.000 lượt máy bay các loại, trong đó có gần 4.000 lượt máy bay B52, dội xuống Vĩnh Linh 560.000 tấn bom. Hàng trăm nòng pháo cỡ lớn từ 105 mm, 175 mm đến 406 mm đặt ở căn cứ ở bờ Nam sông Bến Hải và các hạm đội tàu ở biển Đông đã bắn 727.000 quả đại bác vào Vĩnh Linh. Trên mảnh đất Vĩnh Linh rộng 820 km², bình quân mỗi km² hứng chịu 600 tấn bom và 800 quả đại bác. Với hơn 7 vạn dân Vĩnh Linh lúc này, bình quân mỗi người phải chịu 7 tấn bom và 80 quả đại bác. Rõ ràng, đế quốc Mỹ muốn biến Vĩnh Linh “trở về thời kỳ đồ đá”, thành một vùng đất không tồn tại sự sống.

Để đối phó với sự tàn bạo của kẻ thù, với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Một tác không đi, một ly không rời”; dưới sự lãnh đạo của Khu ủy và Ủy ban Hành chính khu vực, quân và dân Vĩnh Linh đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, chịu đựng bao mất mát, hy sinh để kiên cường bám trụ, giữ vững vị trí tiền tiêu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm chỗ dựa cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam.

Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ngày càng ác liệt. Vấn đề phòng tránh là yếu tố then chốt, có tính chất quyết định để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên giao. Thực tế, ngay từ những năm 1958-1960, nhận thấy vị trí chiến lược của địa bàn Vĩnh Linh trong cuộc đấu tranh trực diện với đế quốc Mỹ và ngụy quyền miền Nam, Đoàn

cán bộ cấp cao của Bộ Tổng tư lệnh do đồng chí Vương Thừa Vũ dẫn đầu đã vào Vĩnh Linh nghiên cứu, khảo sát địa bàn và quyết định cho triển khai xây dựng một hệ thống hầm ngầm, gồm 6 căn hầm, được đúc bằng bê tông cốt thép, đặt tại Vĩnh Tiến và Nam Hồ (thị trấn Hồ Xá) và xây một đường hầm dài 1.000 m trong lòng đồi 74 thuộc xã Vĩnh Thủy. Ngoài ra, còn xây dựng một hệ thống hầm bán lộ thiên, cũng được đúc bằng bê tông cốt thép, dùng làm pháo đài chiến đấu, bố trí dọc vùng phi quân sự từ tây sang đông, nằm trên các dãy đồi đất đỏ bazan kéo từ làng Đơn Duệ, xã Vĩnh Hòa xuống xã Vĩnh Thành, Vĩnh Giang. Tổng số có 20 hầm.

Quán triệt sâu sắc chủ trương lớn đồng thời là nhiệm vụ hàng đầu của Vĩnh Linh lúc này là làm tốt công tác phòng tránh bom đạn, lấy đây làm tiền đề, cơ sở để thực hiện tốt các nhiệm vụ khác; Đảng ủy Khu vực đã phát động một cuộc vận động quần chúng rộng lớn để mỗi người dân Vĩnh Linh hiểu sâu sắc rằng: làm tốt công tác phòng tránh mới phục vụ được tiền tuyến và chiến đấu sản xuất tốt. Nhiệm vụ bức thiết đó cũng xuất phát từ thực tiễn ở Vĩnh Linh lúc này. Trong trận đầu, khi địch đánh phá ác liệt vào xã Vĩnh Thái, một phụ nữ có thai tuy đã xuống hầm nhưng vẫn bị chết vì một mảnh bom pháo của địch, nguyên nhân là do hầm không có nắp. Đảng ủy Khu vực đã chỉ đạo ngay cho Vĩnh Thái kiểm điểm thiếu sót đó một cách sâu sắc và kịp thời rút kinh nghiệm, phổ biến cho tất cả các xã, hợp tác xã trong khu vực và chỉ thị cho các địa phương, đơn vị phải vận động nhân dân, cán bộ làm hầm đúng quy cách.

Khẩu hiệu đặt ra lúc này là “Nhà che nắng che sương - hầm che xương che thịt”, “Đảng vững, dân vững, hầm vững”. Với tinh thần “Đào hầm, đào hầm nữa! Chừng nào bên kia sông Bến Hải còn Mỹ - nguy, Vĩnh Linh ta còn phải đào hầm!”. Chủ trương nhất quán được Thường vụ Khu ủy đưa ra: Triệt để loại trừ các loại hầm vuông, hầm lộ thiên, nhất là khi địch tăng cường dùng bom bi, pháo bi, pháo đỉnh, pháo chơm và các loại bom lân tinh, bom cháy. Phát triển hầm chữ A, hầm rọ, hầm lán và tổ chức cuộc sống trong lòng đất. Trong công tác phòng tránh, Đảng ủy Khu vực đã giải quyết tốt việc tổ chức cứu sập và cấp cứu cho người bị nạn. Các ban phòng không, các vọng gác quan sát, các đội chuyên làm nhiệm vụ cứu thương và cứu sập được thành lập, thường trực cả ngày và đêm, có đầy đủ dụng cụ, thuốc men và phương tiện cần thiết. Các quy định về việc ăn ở, gọi cấp cứu cũng được đề ra cụ thể và các tuyến cấp cứu từ cơ sở lên tuyến trên được tổ chức chu đáo. Rút kinh nghiệm các trận đánh phá của địch từ trước, các hầm chữ A khi đào đều làm vật chuẩn, có vẽ sơ đồ, đề phòng khi bị bom san phẳng mặt bằng, cây cối thì biết cách cứu nhau. Ban đêm, trước lúc ngủ phải kiểm tra đầy đủ dụng cụ như cuốc, xẻng, que sắt, đề phòng khi hầm bị lấp kín đất thì lập tức chọc que xuống cho nạn nhân có không khí thở, sau đó mới đào. Đồng thời, cứ 3 hầm có quy định tín hiệu riêng với nhau: sau một loạt bom pháo thì báo cho nhau biết. Hầm nào không có tín hiệu thì lập tức các hầm khác lao đến cứu. Những biện pháp tích cực đó đã thực sự tránh cho nhân dân nhiều tổn

thất và làm cho mọi người yên tâm chiến đấu, sản xuất, bám trụ trên mảnh đất thường xuyên hứng chịu bom đạn của kẻ thù.

Chủ trương chiến lược và hiệu quả nhất để đối mặt với đạn bom lúc này là "quân sự hóa toàn dân, công sự hóa toàn khu vực", biến khu vực Vĩnh Linh thành mảnh đất của hầm, hào, địa đạo với tinh thần "Một tắc không đi, một ly không rời; mỗi làng xã là một pháo đài chiến đấu".

Bước sang năm 1965, với cường độ bom đạn ác liệt, thực hiện chủ trương "quân sự hóa toàn dân, công sự hóa toàn khu vực", hệ thống hầm hào Vĩnh Linh đã phát triển mạnh mẽ và không ngừng thay đổi để phòng tránh bom đạn và chống trả một cách hiệu quả hơn. Đảng ủy Khu vực chỉ đạo các thôn, xã đào hầm cho người dân trước, đào hầm cho súc vật và tài sản sau. Hầm cho người thì ưu tiên trước hết cho gia đình thương binh, liệt sĩ, người neo đơn. Các loại hầm được xây dựng tương đối vững chắc và được kết nối bằng một hệ thống giao thông hào chằng chịt. Cửa hầm chỉ được mở về hướng Bắc hoặc hướng Tây nhằm tránh pháo địch từ bờ Nam hoặc từ biển bắn vào. Qua thực tiễn sinh động của phong trào, độ vững chắc cũng như thẩm mỹ của các loại hầm không ngừng được nâng lên đủ loại: hầm hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; hầm làm bệnh viện; hầm làm trường học; hầm làm nhà trẻ, hầm làm nhà tắm; hầm cho gia súc trú ẩn... Hầm tại đồi nường, hầm tại đồng ruộng. Ngoài ra còn có hầm

lưu động¹ nhằm tránh bom bi, mảnh pháo chơm, mảnh pháo cao xạ của ta khi bắn trả máy bay địch. "Mỗi cái hầm thực sự là một ngôi nhà thu nhỏ được xây dựng bên dưới mặt đất. Hầu hết nhân dân đã dỡ nhà làm hầm. Mỗi gia đình không chỉ có một hầm mà cả một hệ thống hầm liên hoàn... Vách hầm ken ván, nóc hầm lát gỗ cột tròn sát nhau... Bên trên đổ đất dày hàng thước, nện chặt, bom bi, đạn pháo nổ trên nóc hầm coi như gãi ngứa, vẫn ngủ ngon..."². Theo thống kê, từ năm 1965-1968, chỉ với số lao động khoảng 20.000 người, toàn khu vực Vĩnh Linh đã đào được 91.840 căn hầm³.

Giao thông hào cũng được đào chằng chịt thay cho mọi nẻo đường trên mặt đất để thôn nối thôn, xóm nối xóm, nhà nối nhà, hầm nối hầm. Cấu trúc giao thông hào có tính chất liên hoàn. Với khối óc, bàn tay và sự nỗ lực phi thường của mình, nhân dân Vĩnh Linh đã đào được nhiều hệ thống hào giao thông khá hoàn chỉnh, thay thế hoàn toàn mọi đường đi trên mặt đất. Giao thông hào sâu bình quân từ 1,5 đến 1,7 m, rộng 1 m. Đây không chỉ là nơi ẩn nấp, di chuyển khi bom đạn mà còn là nơi bộ đội xuất kích, là trận địa như thiên la địa võng và cũng chính

1. Là những bộ khung bằng tre gọn nhẹ nhưng chắc chắn, kết cấu theo hình chữ A được mang theo khi cây cấy, thu hoạch lúa tại đồng ruộng. Hầm được dựng gần chỗ làm, bên trên đắp một lớp bùn đất mỏng, khi xong việc thì dỡ hầm mang về.

2. Nguyễn Huy: *Vĩnh Linh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1982, tr.9-10.

3. Vũ Kỳ Lân, Nguyễn Sinh: *Ký sự miền đất lửa*, tuyển tập *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011, tr.163.

là công sự đánh bộ binh địch nếu chúng liều lĩnh tràn qua. Bộ đội, dân quân, người dân từ hầm, địa đạo theo giao thông hào để ra trận, ra đồng. Thương binh từ mặt trận miền Nam ra, qua sông Bến Hải là đã theo giao thông hào về hầm, đến bệnh viện quân y K24 (ở Vĩnh Long). Hệ thống giao thông hào không chỉ dùng cho người đi bộ mà kể cả các phương tiện như xe đạp, tuyến giao thông cho trâu, bò. Tổng chiều dài hệ thống giao thông hào ở Vĩnh Linh lúc này đã lên đến 2.098 km¹.

Việc đào hầm, giao thông hào được triển khai khẩn trương, liên tục, cả ngày lẫn đêm. Không có đèn dầu thì chẻ tre làm đuốc, thiếu cuốc xẻng thì lấy mảnh bom, mảnh đạn thay cuốc xẻng. Thiếu tre, gỗ thì dỡ nhà lấy tre, gỗ. Song, dù hầm vững chắc đến mấy thì cũng chỉ chống được các loại bom sát thương cỡ nhỏ của địch, không thể chịu đựng nổi sức công phá của bom đào, bom lùn và các loại bom cỡ lớn. Đã có không ít trường hợp bom trúng hầm bằng, hầm chữ A, giết chết một lúc cả gia đình. Do đó, việc nghiên cứu tìm ra một kiểu hầm mới, độ an toàn cao hơn càng trở nên bức thiết. Đó chính là yêu cầu và cũng là tiền đề cho việc ra đời hệ thống làng hầm, địa đạo sau này, chuyển hình thái cơ bản về thực trạng bám trụ, chiến đấu ở Vĩnh Linh từ “hầm trong làng” sang “làng trong hầm”.

1. Với chiều dài giao thông hào này, trên thực tế nếu kéo dài ra sẽ đúng bằng khoảng cách từ Thủ đô Hà Nội đến thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Dẫn theo: *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Sdd, tr.163.

Khởi đầu việc đào địa đạo ở Vĩnh Linh bắt đầu từ năm 1963, khi đế quốc Mỹ chưa đánh phá miền Bắc nói chung và Vĩnh Linh nói riêng. Song, ở một địa bàn cách kẻ thù chỉ trong gang tấc thì Vĩnh Linh vẫn luôn luôn mài sắc cảnh giác. Tuy nhiên, chưa một ai ở Vĩnh Linh, kể cả bộ đội công binh biết hình dạng, kích thước và cách đào địa đạo như thế nào. Cuối năm 1963, đồng chí Trần Nam Trung¹ từ Trung ương Cục miền Nam ra miền Bắc công tác, đến thăm làng chiến đấu ở xã Vĩnh Giang, đồng chí đã giới thiệu kiểu đào địa đạo ở huyện Củ Chi để tham khảo. Tiếp thu kinh nghiệm trên lý thuyết, Đảng ủy xã Vĩnh Giang cùng Đoàn công an vũ trang 53 họp bàn, hỏi kinh nghiệm các thợ đào giếng, thợ đấu; sau đó, đồng chí Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Giang bổ nhát cuốc đầu tiên triển khai việc đào địa đạo ở thôn Tân Trại Hạ. Công trình thí điểm kéo dài 2 tháng, hình thành nên một địa đạo dài 50 m, sâu 7 m. Tiếp đó, Đoàn công an vũ trang 53 đào một địa đạo dài 300 m ở thôn Tùng Luật. Ngày ấy, mô hình địa đạo tuy còn đơn giản nhưng đã bổ sung vào hệ thống làng chiến đấu một hình thức phòng tránh mới. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, việc đào địa đạo ở Vĩnh Linh bước đầu chỉ dừng đến đó. Đến tháng 5/1966, trước cường độ đánh phá ác liệt của địch, Đảng ủy khu vực thành lập Ban Chỉ đạo đào địa đạo, gồm 5 đồng chí, do đồng chí

1. Đồng chí Trần Nam Trung nguyên là cán bộ của tỉnh Quảng Trị, sau đó vào miền Nam công tác, đảm đương nhiều chức vụ quan trọng; sau này đồng chí giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Nguyễn Khiếu - Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực làm Trưởng ban¹; đồng thời giao cho Bộ chỉ huy quân sự Khu vực tiếp tục tổ chức nghiên cứu, hướng dẫn các địa phương đào địa đạo. Đến cuối năm 1966, hầu hết các xã trong vùng đất đỏ bazan đều triển khai đào địa đạo như: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Thạch, Vĩnh Thành, Vĩnh Hiền, Vĩnh Hòa, Vĩnh Nam, Vĩnh Trung, Vĩnh Kim, Vĩnh Tân... Tuy nhiên, do chưa có kinh nghiệm nên hệ thống địa đạo này chỉ là loại tiểu đạo, trung đạo được khoét vào lòng đất, chỉ có tác dụng tránh được bom pháo chứ chưa thể dùng để ăn ở, sinh hoạt trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, dai dẳng. Thậm chí, khi Mỹ sử dụng các loại bom cỡ lớn, bom khoan, bom lùn đánh trúng địa đạo hoặc trúng cửa, lỗ thông hơi vẫn gây tổn thất lớn về người, đặc biệt trong thời gian nửa cuối năm 1967².

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (tập 2 - 1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.283.

2. Các vụ đánh bom sập địa đạo gây thiệt hại lớn về sinh mạng, gồm: Địa đạo Ủy ban Hành chính khu vực (tại xã Vĩnh Hòa) bị bom đánh sập, làm chết 28 người; địa đạo 61 (Xóm Cửa, Vĩnh Quang) bị bom đánh sập cửa ra vào ngày 20/6/1967, làm chết 61 người; địa đạo Tân Mỹ (Vĩnh Giang) bị bom đánh sập ngày 10/7/1967, làm chết 23 người; địa đạo xóm Bọc (Vĩnh Thạch) bị bom đánh sập ngày 27/7/1967, làm chết 22 người; địa đạo Hương Nam (Vĩnh Kim) bị bom đánh sập ngày 02/8/1967, làm chết 36 người; địa đạo Bình Minh (Vĩnh Hiền) bị bom đánh sập ngày 10/9/1967, làm chết 39 người... (Theo số liệu điều tra của Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh Quảng Trị năm 1999).

Đầu năm 1968, sau khi tổ chức hợp kiểm điểm những thiếu sót, hạn chế và rút kinh nghiệm, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh tiếp tục phát động quân và dân đào địa đạo. Những tiểu đạo, trung đạo được phát triển thành những địa đạo có quy mô lớn hơn, vững chắc hơn, kết nối với nhau bằng hệ thống đường hầm, giao thông hào. Những xã có nền đất yếu không được phép đào địa đạo như Vĩnh Thủy, Vĩnh Lâm, Vĩnh Chấp, Vĩnh Thái thì liên hệ với các xã khác để có phần đất cho dân đào địa đạo. Từ đây, chuỗi hầm - hào - địa đạo Vĩnh Linh được hoàn chỉnh và trở thành hệ thống “làng hầm”. Đây chính là hình ảnh thu nhỏ của làng quê Vĩnh Linh, nhưng điều đặc biệt là những ngôi làng ấy được ẩn sâu dưới lòng đất. Địa đạo chính là đường hầm lớn nhất và cũng chính là đường làng, mỗi nhánh nhỏ là các tiểu đạo, cũng chính là mỗi ngõ dẫn ra đường làng, mỗi ngách chính là mỗi hộ gia đình. Đường hầm chính được thiết kế có hội trường để sinh hoạt, hội họp, biểu diễn văn nghệ, có nhà hộ sinh, trạm phẫu thuật, giếng nước, nhà tắm, kho tàng, trạm gác ở các cửa vào, ra. Toàn bộ sinh hoạt thường ngày và bám trụ chiến đấu của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và người dân được diễn ra trong lòng đất. Hệ thống 70 làng hầm được phân bố khắp 15 xã, thị trấn ở Vĩnh Linh, ngoài chức năng chính là phòng tránh thì tùy đặc điểm từng vùng, từng xã mà có những thay đổi về công dụng của địa đạo; có thể là một làng hoàn chỉnh hoặc chỉ là nơi trú ẩn nhất thời khi bom đạn, nơi làm việc, kho tàng, là trạm trung chuyển hàng hóa, nơi dừng chân của bộ đội... Tính đến cuối năm 1966, toàn Vĩnh Linh đã đào được 20 km địa đạo, 1.500 km hào giao thông cùng

hàng vạn hầm trú ẩn¹. Trong hệ thống 70 làng hầm - địa đạo, với tổng số 114 địa đạo lớn nhỏ khác nhau, đặc biệt có các địa đạo lớn về quy mô và chiều dài, điển hình và tiêu biểu nhất trong hệ thống làng hầm, địa đạo Vĩnh Linh là địa đạo Vĩnh Mốc².

Vĩnh Mốc là một làng chài thuộc xã Vĩnh Thạch, cũng là một trong hai địa điểm chính tập kết sức người, sức của chi viện cho đảo Cồn Cỏ, cũng là nơi triển khai trận địa pháo bờ biển 85 ly và 130 ly để chi viện cho đảo. Từ khi Mỹ tiến hành ném bom miền Bắc, Vĩnh Mốc là nơi đầu tiên ở đồng bằng Vĩnh Linh bị địch đánh phá. Ngày 27/11/1964, tàu chiến Mỹ bắn đại bác từ ngoài biển vào thiêu hủy một lúc 72 nóc nhà của làng chài Vĩnh Mốc. Đến tháng 6/1965 thì toàn bộ nhà cửa của thôn bị máy bay dội bom đốt trụi. Do vậy, bám trụ được trên mảnh đất này để tiếp tục làm tròn trách nhiệm đối với đảo Cồn Cỏ, Vĩnh Mốc chỉ còn cách dựa vào đất mà sống và chiến đấu với kẻ thù. Cuối năm 1966, theo gương xã Vĩnh Giang,

1. Từ năm 1965 đến năm 1968, chỉ bằng những công cụ thô sơ, tự tạo, để hình thành nên hệ thống làng hầm này, quân và dân Vĩnh Linh đã đào và vận chuyển 3.759.270 m³ đất đá. Tính trung bình mỗi ngày công đào được khoảng 0,5 m³ đất đá thì người dân Vĩnh Linh đã bỏ ra 7.518.540 ngày công để tạo thành công trình này.

2. Ngoài ra còn có thể kể đến: Địa đạo Công an nhân dân vũ trang ở thôn Hiền Dũng (Vĩnh Hòa) dài 2.301 m, địa đạo đội 7, 8, 9 thôn Thủy Trung (Vĩnh Trung) dài 2.100 m, địa đạo Mỹ - Tú (Vĩnh Tú) dài 3.500 m đi qua 2 làng Thủy Tú và Mỹ Duyệt, địa đạo thôn Hòa Lý (Vĩnh Quang) dài 1.500 m...

Đồn công an vũ trang Vĩnh Mốc cùng nhân dân địa phương tiến hành đào địa đạo. Sau khi cân nhắc, xem xét và nghiên cứu mọi địa hình, Đồn công an Vĩnh Mốc quyết định chọn quả đồi đất đỏ bazan cuối thôn, sát ngay mép biển để đào địa đạo¹. Sau khi chọn được vị trí thích hợp, việc đầu tiên là đào những cái giếng như giếng nước, đường kính 2 m, chiều sâu của giếng cũng chính là độ sâu của địa đạo. Mỗi cái giếng cách nhau khoảng 100 m (ở một số nơi như Vĩnh Hiền, Vĩnh Tân, Vĩnh Kim, người ta phải đào những giếng địa đạo sâu 20 đến 24 m). Đến độ sâu đã định thì đào xuyên vào lòng đất theo chiều ngang để nối những cái giếng lại với nhau, từ đó hình thành đường hầm địa đạo xuyên suốt. Không la bàn hay một thứ công cụ, máy móc nào hỗ trợ, những người đào nghĩ ra một cách là “nhằm chừng”, tức là hoàn toàn chỉ dựa vào kinh nghiệm và cảm nhận để vừa đào vừa định hướng sao cho từ hai phía tiến tới gặp nhau tại một điểm để hình thành một đường hầm. Vừa đào vừa lắng nghe, khi hai người đến gần nhau thì người nọ đã nghe rõ tiếng cuộc của người kia mà tiến tới “hợp long”. Một tổ đào đường hầm có 20 người, nhưng một kíp làm chỉ có 2 người xuống giếng. Hai người xuống giếng thì cũng chỉ có một người đào, người kia chuyển đất từ phía trong ra ngoài miệng giếng cho người ở trên quay tời kéo lên. Đất đỏ đào

1. Quả đồi đất đỏ bazan chạy dọc theo bờ biển, với độ cao lớn, có thể đào sâu hàng chục mét. Mép ngoài quả đồi tạo với mặt biển một góc gần như thẳng đứng nên vừa dễ dàng thoát nước, vừa hạn chế tầm nhìn và sự chính xác của việc ném bom từ máy bay địch.

lên phải được những người còn lại di chuyển ra xa, dùng cây cối ngụy trang hoặc đổ xuống biển lợi dụng triều lên và sóng đánh tan để giữ bí mật. Khi ở gần miệng giếng còn có ánh sáng lọt vào, càng đi xa ánh sáng càng yếu. Cuối cùng chỉ còn lại bóng đêm thăm thẳm. Khi Vĩnh Giang làm thí điểm, Ty Thương nghiệp Khu vực còn cung cấp được vài đôi pin để làm đèn soi sáng. Đến lúc tất cả các xã đều đào địa đạo thì Ty Thương nghiệp chẳng còn pin để phân phối. Phải dùng đèn dầu hỏa, đuốc mũ cao su nhưng không chịu được lâu vì muội than và khói độc ngột ngạt. Nhiều nơi phải dùng mỡ lợn hoặc bình đất đèn thay cho dầu hỏa. Tất cả những khó khăn, thiếu thốn đó không thể làm họ chùn bước để tạo dựng nên một cuộc sống trong lòng đất thật kỳ vĩ. Từng nhát cuốc chim một, những người đào địa đạo cứ cần mẫn cuốc, đào trong lòng đất; ngày qua ngày, tuần qua tuần, tháng qua tháng, năm nối năm... Không có la bàn để định hướng, họ lấy dây thép uốn thành những vòng cung mô tả theo hình dạng thực tế trên mặt đất, rồi đào theo đường cong đó. Không có máy ngắm, họ găm que trên mặt đất xuyên xuống dưới để xác định hướng đào. Không có máy đo mặt phẳng, họ lấy nước đổ vào chai làm thước cân bằng. Không có máy đo độ sâu, họ lấy dây buộc vào hòn cuội làm dây dọi. Không có cần trục để trục đất lên từ độ sâu 15, 20 m thậm chí là 25 m, họ làm trục quay tay, bện thừng làm dây tời, gò ống pháo làm gàu xúc đất. Cứ vậy, với hàng vạn ngày công, chỉ bằng sức người cùng những phương tiện thô sơ; giữa thăm thẳm bóng đêm, trong lòng đất âm u đầy ẩm thấp và ngột ngạt vì thiếu dưỡng khí,

sau 3 tháng kiên trì và khổ công, làng địa đạo Vĩnh Mốc đã hình thành, với một hệ thống gồm đường hầm chính và 4 nhánh phụ. Trục địa đạo chính có chiều dài 768 m, chiều cao từ 1,5-1,8 m, rộng 1-1,2 m. Từ trục chính tỏa ra nhiều nhánh, mỗi nhánh thông với một cửa ra vào. Địa đạo Vĩnh Mốc có tất cả 13 cửa, trong đó 7 cửa thông ra biển, 6 cửa thông lên đồi. Cửa chính địa đạo hướng ra biển. Hai bên trục đường hầm chính cứ cách 3-5 m có những ô được khoét sâu vào lòng đất, tạo thành những vách nhỏ hình chữ nhật. Đó chính là các căn hộ, nơi ở và sinh hoạt của các gia đình. Địa đạo được chia làm 3 tầng. Tầng 1 ở độ sâu từ 8-10 m, là nơi sinh sống của người dân. Tầng 2 ở độ sâu 12-15 m, là nơi đóng trụ sở của Đảng ủy, Ủy ban và Ban Chỉ huy lực lượng vũ trang. Tầng 3 ở độ sâu 18-23m, chủ yếu là nơi cất giấu hàng hóa, vũ khí phục vụ chiến đấu và chi viện cho đảo Cồn Cỏ. Có hai lối đi thông ra 2 cửa chính, với 8 lỗ thông hơi, thông khói. Trong địa đạo có 3 giếng nước dùng để ăn uống và tắm giặt. Kho chứa gạo cũng chia làm 2 tầng. Lúc đầu, việc vận chuyển gạo từ mặt đất xuống địa đạo mất nhiều công sức. Đồng chí Lê Xuân Vy - Đồn trưởng đồn biên phòng Vĩnh Mốc - có sáng kiến dùng ống dẫn dầu dựng đứng thông từ mặt đất để chuyển gạo xuống địa đạo. Khi gạo đầy ở tầng 1 thì mở van cho gạo xuống tầng 2. Cách làm này đã tiết kiệm được nhiều công sức và thời gian. Khi địch đánh phá ác liệt và liên tục, đồng bào và chiến sĩ ta có thể chuyển mọi hoạt động xuống tầng 2. Các lỗ thông hơi được đặt ở vị trí bí mật. Địa đạo giống như một làng Vĩnh Mốc thu nhỏ dưới lòng đất. Trong địa đạo

có chỗ hội họp và sinh hoạt văn nghệ, với hội trường có sức chứa 50 người. Rộng và đẹp hơn cả là bệnh xá và nhà hộ sinh với 2 hầm có ngách lớn, trần và vách lót vải dù trắng, có bàn làm việc và tủ thuốc. Lúc đông nhất, có 1.200 người sống ở địa đạo Vịnh Mốc. Tại địa đạo Vịnh Mốc trong những năm tháng đạn bom khốc liệt đã có 17 đứa trẻ ra đời. Cùng với Vịnh Mốc, nhiều địa phương, đơn vị trong khu vực, kể cả các xã vùng đồng bằng và vùng miền núi (xã Vĩnh Hà) cũng đào địa đạo; trong đó có địa đạo của các cơ quan trọng yếu như Đảng ủy Khu vực, Ty Công an khu vực.

Từ chủ trương “quân sự hóa, công sự hóa toàn khu vực” đến việc ra đời hệ thống làng hầm, địa đạo Vĩnh Linh (ở 15 xã, 70 làng và 114 địa đạo lớn nhỏ) là một minh chứng thể hiện rõ ý chí chiến đấu quật cường, nghị lực phi thường của quân và dân Vĩnh Linh. Làng hầm địa đạo Vĩnh Linh là hình thức phòng tránh bom, pháo độc đáo trong suốt chiều dài lịch sử chiến tranh Việt Nam. Để tạo nên kỳ tích này, quân và dân Vĩnh Linh đã dồn tất cả sức lực, trí tuệ, quyết tâm, tài sản và cả tính mạng của mình để thực hiện. Mỗi mét hầm hào, địa đạo được làm nên bởi biết bao công sức, mồ hôi và máu của những người dân tuyến lửa, trở thành một biểu tượng về sức mạnh chiến tranh nhân dân Việt Nam, khiến bạn bè trong nước và quốc tế ngưỡng mộ, khâm phục¹.

1. Ngày 31/12/2014, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2408/QĐ-TTg về việc xếp hạng di tích Quốc gia Đặc biệt, trong đó xếp hạng Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh là Di tích Quốc gia Đặc biệt.

“Chưa kể đến những chiến công bắn máy bay, tàu chiến, tiêu diệt giặc Mỹ, chỉ nguyên việc đào hầm, hào, địa đạo, bám trụ mấy năm liền trong lòng đất để giữ lấy bàn đạp cho mặt trận Đường 9, Vĩnh Linh đã xứng đáng là đất Anh hùng rồi”¹.

2. Cuộc chiến đấu bảo vệ đảo Cồn Cỏ

Đảo Cồn Cỏ nằm vắt ngang vĩ tuyến 17, có diện tích 2,3 km² cách bờ biển làng Vịnh Mốc, xã Vĩnh Thạch 13 hải lý (gần 24 km), cách Cửa Tùng 15 hải lý (gần 28 km) với độ cao trung bình từ 12-15 m, điểm cao nhất ở đảo (đồi 64) là 63,4 m so với mực nước biển. Đảo Cồn Cỏ có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, là vọng gác tiền tiêu, “con mắt thần” canh giữ biển khơi, nơi trấn giữ một vùng biển, vùng thêm lục địa rộng hàng chục ngàn kilômét vuông. Với vị trí yết hầu quan trọng ấy nên ngay từ giữa thế kỷ XV, khi định lại địa giới hành chính trong cả nước, triều đình phong kiến nhà Lê đã rất chú trọng vị thế đặc địa của hòn đảo nhỏ này “... Ở phía đông cửa Minh Lương (Hiên Lương, Cửa Tùng) còn có Thảo Phù Phong (tức đảo Cồn Cỏ)... Ở cửa này có lập đồn phòng ngự vì là một nơi rất xung yếu”².

Đảo Cồn Cỏ như một Vĩnh Linh thu nhỏ giữa biển khơi. Trong chiến tranh, nếu Vĩnh Linh là tuyến đầu của

1. Nguyễn Huy: *Vĩnh Linh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1982, tr.136.

2. Theo Dương Văn An: *Ô châu cận lục* (Phan Đăng - Phan Thanh dịch và chú giải), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.28.

miền Bắc xã hội chủ nghĩa thì Côn Cỏ chính là tiền đồn của Vĩnh Linh tuyến lửa. Mất Côn Cỏ, Vĩnh Linh sẽ mất đi một phần máu thịt vô cùng quan trọng, cả vùng biển rộng lớn sẽ bị khống chế, đường vận chuyển Bắc - Nam trên biển bị chặt đứt, miền Bắc sẽ trực tiếp bị uy hiếp và ngược lại; giữ vững được Côn Cỏ chính là tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến lâu dài.

Tuy là một đảo nhỏ nhưng Côn Cỏ hội tụ đầy đủ các yếu tố của một quần thể sinh thái. Trên đảo có rừng cây, đất đai màu mỡ, bãi cát, núi đá, đồi tranh. Quanh đảo là ngư trường với trữ lượng lớn về hải sản, rộng đến 9.000 km², nơi đánh bắt quen thuộc của ngư dân các xã Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang. Sau Hiệp định Giơnevơ, một thời gian dài trên đảo vẫn chưa có người ở. Đảo lúc này chỉ là nơi ngư dân đi khơi đi lộng vào nghỉ ngơi, tiếp nước ngọt và trú ẩn khi biển động. Giữa năm 1959, biệt kích có ý định chiếm Côn Cỏ, ngày 08/8/1959, Tư lệnh và Chính ủy E270 (trung đoàn bảo vệ giới tuyến) lệnh cho một trung đội bộ binh hỗn hợp (thuộc C6, E270), do thiếu úy Dương Đức Thiện chỉ huy, vượt biển tiến ra đảo. Đúng 11 giờ ngày 08/8/1959, lá cờ đỏ sao vàng được cắm lên đảo Côn Cỏ, khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hôm sau, nguy quyền Ngô Đình Diệm đưa tàu chiến đến vây đảo. Bộ đội nổ súng cảnh cáo buộc chúng phải bỏ chạy.

Sau khi khẳng định chủ quyền, ta đưa lực lượng khẩn trương xây dựng, khai phá hòn đảo hoang sơ. Sau một thời gian lao động cật lực, bộ mặt của đảo đã hoàn toàn biến đổi. Hệ thống nhà cửa, đường sá đi lại được

hình thành, với khu trung tâm được đặt tên là Hà Nội. Từ khu trung tâm với tuyến đường chính đã mở ra các tuyến đường nhỏ để hình thành các khu khác, được đặt tên với các địa danh quen thuộc như: Hải Phòng, Hà Nam, Hà Đông... Các loại cây trồng được bộ đội đem từ đất liền ra nhanh chóng phủ xanh hòn đảo. Chỉ một năm sau, vùng đất hoang vu trên đảo đã chứng kiến những “vườn chè Nghệ - Tĩnh”, “vườn dừa Thanh Hóa”, “vườn dưa Bình - Trị - Thiên”... mọc lên thật tốt tươi. Đến vụ, thu hoạch rau củ quả, bộ đội ăn không hết, phải “xuất cảng” về đất liền.

Từ năm 1965, khi đế quốc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, Côn Cỏ trở thành mục tiêu hủy diệt hàng đầu của chúng. Từ đây, cùng với Vĩnh Linh, đảo Côn Cỏ đi vào lịch sử, trở thành biểu tượng sáng chói của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời đại Hồ Chí Minh. Trong cuộc đương đầu với bom đạn ác liệt của đế quốc Mỹ, khắp nơi ở miền Bắc lúc ấy, ở nơi nào diễn ra cuộc chiến đấu giữa ta và địch quyết liệt nhất, nơi ấy được đặt tên là “Côn Cỏ”. Có hàng chục “Côn Cỏ” như vậy ở Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Trường Sơn... Xã miền biển Vĩnh Quang nêu khẩu hiệu “Vĩnh Quang còn thì đảo còn”, phát động rộng rãi trong cán bộ và nhân dân thực hiện các phong trào “ngày Côn Cỏ”, “làng Côn Cỏ”, “việc làm Côn Cỏ”... Để hủy diệt Côn Cỏ, chặt đứt sự chi viện từ đất liền, đế quốc Mỹ đưa tàu chiến bao vây bốn mặt đảo. Tuần dương hạm, khu trục hạm, tàu biệt kích, tàu đổ bộ... cắt ngang, chẻ dọc mặt biển, máy bay tập trung hàng trăm chiếc các loại ném bom bắn phá. Có ngày chúng đánh vào

Cồn Cỏ 10-12 trận. Tất cả các công trình nhà cửa, đường sá vừa mới được xây dựng trên đảo đều bị san phẳng. Dịch dội bom, pháo cả ban ngày lẫn ban đêm, đánh cả lúc mưa to gió lớn. Đất bị đào lên quật xuống, nổi thành gò đồng bên cạnh những hố sâu hình phễu chi chít, cây cối ngã rạp. Lớp bom mới chồng lên lớp bom cũ, nhiều ngày khói bom phủ kín mặt đảo, đứng ở đất liền nhìn ra chỉ thấy Cồn Cỏ là một cột khói màu cam. Không một ngày nào ở đảo Cồn Cỏ vắng tiếng máy bay quần thảo. Ngoài những trận đánh chính, máy bay của Mỹ đi ném bom bất cứ đâu ở miền Bắc, khi bay ngang qua đảo cũng thả vài loạt bom hoặc trên đường đánh phá trở về đều để trút hết bom đạn còn lại xuống đảo. Cồn Cỏ - hòn Cỏ thân thương và bé nhỏ của Vĩnh Linh thực sự trở thành mục tiêu hủy diệt hàng đầu của máy bay, tàu chiến Mỹ.

Đảo sống nhờ đất liền. Khi cuộc chiến đấu với cường độ ngày một tăng, hầu như ngày nào ở đảo cũng có thương vong. Những nhu cầu mới xuất hiện: bổ sung người, vũ khí, vật liệu xây dựng hầm hào công sự từ đất liền ra, đưa thương binh, tử sĩ vào. Tất cả những việc đó trong ngày thường đã khó, giờ đây giữa mưa bom bão đạn của kẻ thù càng khó khăn gấp bội. Ban đầu, Bộ Tổng tư lệnh giao cho lực lượng hải quân lo việc tiếp tế cho đảo Cồn Cỏ. Bộ Tư lệnh hải quân cử một đồng chí Tham mưu phó vào nghiên cứu, quyết định đặt trạm radar chỉ huy ở Mũi Si - Vĩnh Thạch và dùng tàu phóng lôi từ căn cứ sông Gianh để làm phương tiện chở hàng ra đảo. Tàu phóng lôi có tải trọng lớn, di chuyển nhanh nhưng lại không thể cập được gần bờ, cả bến ở đất liền lẫn bến ngoài đảo. Vì vậy,

việc chuyển hàng lên, xuống phải dùng thuyền thúng của ngư dân để bốc dỡ. Nhưng thuyền thúng bé nhỏ, vận hành khó khăn giữa sóng to gió lớn, chưa chở hết hàng thì trời đã sáng, tàu phải quay về đất liền để ẩn giấu. Việc tiếp tế cho Cồn Cỏ bằng tàu hải quân vì vậy không thể tiếp tục được. Cuối tháng 4/1965, tình hình trên đảo khá nguy ngập, gạo ăn dè sẻn cũng chỉ đủ trong vòng một tuần lễ, đạn tính từng viên... Nhưng bức thiết nhất là khan hiếm nước ngọt. Trên đảo chỉ có một mạch nước ngọt chảy ri rỉ, bộ đội dùng bọc phá nổ để mở rộng mạch nước này, nhưng sau tác động đó mạch nước đã bị tắc hoàn toàn. Lượng nước ngọt còn ở đảo chỉ trông nhờ vào bể dự trữ từ đất liền chuyển ra cộng với lượng nước mưa ít ỏi mà bộ đội hứng được. Trong trận đánh phá đầu tiên, một quả bom Mỹ lại rơi trúng vào bể chứa nước, thế là đảo hết sạch nước ngọt. Toàn đảo có lúc chỉ còn đúng 1 bidông nước và 1 hộp sữa ở ban chỉ huy. Các đồng chí lãnh đạo nhường cho bộ đội ngoài trận địa, bộ đội không uống lại chuyển từ trận địa về cho thương binh. Lúc nguy cấp nhất, bộ đội phải chặt chuối rừng vắt lấy nước uống. Dịch biết điều đó, một mặt chúng cho dội thật nhiều bom, phá hết những gì còn lại trên đảo. Mặt khác, dùng tàu chiến bao vây thật chặt, bịt kín mọi lối vào, ra giữa đảo với đất liền. Xảo quyết hơn nữa, chúng thả lên đảo 50 đồng bào là ngư dân đánh cá bị bắt, nhằm làm cho nguồn lương thực, nước uống trên đảo cạn kiệt nhanh hơn. Dịch hy vọng chỉ một thời gian ngắn, đội quân nhỏ bé trên đảo nếu không đầu hàng thì cũng chết gục vì đói khát. Những bức điện khẩn cầu cứu từ đảo đánh về đất liền mỗi lúc

một đồn dập. Đầu tháng 5/1965, Đảng ủy phát lời kêu gọi “Tất cả vì đảo” và phổ biến, quán triệt rộng rãi đến toàn Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các xã vùng biển để xác định rõ sự mất còn của Côn Cỏ có ảnh hưởng như thế nào về mặt quân sự, kinh tế, chính trị và tư tưởng đối với Vĩnh Linh. Tất cả đi đến phương châm nhất quán: Quyết tâm giữ đảo đến cùng! Quyết tâm đó được báo cáo lên Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và được Trung ương Đảng, Bộ Chính trị động viên, giúp đỡ, khích lệ. Một phong trào “Tất cả vì đảo” được dấy lên sôi sục trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân khu vực Vĩnh Linh. Ở đảo nêu khẩu hiệu: “*Còn người, còn đảo!*”, đất liền đáp lại “*Còn đất liền, còn đảo!*”. Hàng ngàn lá đơn của ngư dân các xã ven biển như Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Thạch, Vĩnh Thái gửi lên Đảng ủy khu vực xin được đi tiếp tế cho Côn Cỏ. Có những cụ già 60-70 tuổi cũng lấy máu mình viết đơn xin cùng ra đảo với thanh niên. Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang đầu tiên làm nhiệm vụ tiếp tế cho đảo thuộc Trung đoàn 270 được hình thành (C27), các phương án vận chuyển nước ngọt, lương thực, vũ khí, đạn dược cứu đảo được vạch ra...

Giữa tháng 5/1965, đoàn thuyền đầu tiên gồm 11 chiếc (của các xã Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang và C27) tiếp tế cho đảo Côn Cỏ, lặn lẽ rời làng biển Vĩnh Mốc (Vĩnh Thạch). Chuyển đi và về của đoàn thuyền đều an toàn, đúng kế hoạch. Nước ngọt, lương thực, vũ khí, nhu yếu phẩm đã đến được với những người giữ đảo. Con đường ra đảo đã mở nhưng đặt trong bối cảnh lúc ấy thì đó là một nhiệm vụ ẩn chứa đầy khó khăn, thử thách, hy

sinh. Tiếp tế cho Côn Cỏ lúc này thực sự là một “con đường máu” đúng nghĩa mà quân và dân Vĩnh Linh đã thực hiện. Nói ngắn gọn nhưng rất đúng với thực tế, đó chính là việc “tiếp máu” cho Côn Cỏ¹.

Phát hiện được sự cứu trợ từ đất liền cho Côn Cỏ, một mặt, Mỹ - ngụy tiếp tục dội bom hủy diệt đảo, mặt khác, chúng tăng cường lực lượng vây chặt bốn phía biển quanh đảo, bịt kín mọi lối ra, vào. Ban đêm, tàu chiến địch dàn hàng ngang, bắn pháo sáng và nã đại bác vào bờ, bố trí tàu biệt kích mai phục, đón lõng ở các tuyến tiếp tế của ta. Ban ngày, chúng dùng máy bay trinh sát sục sạo khắp mặt biển, thấy thuyền xuất hiện liền gọi máy bay phản lực ném bom, pháo hạm ngoài khơi bắn phá. Đồng thời, cho tàu vồéc đan lượn ngoài khơi hoặc đột kích gần bờ, nhằm ngăn chặn mọi đường chi viện của đất liền. Việc tiếp tế cho đảo gặp vô vàn khó khăn. Con đường tiếp tế mới mở đã bị chặn đứng. Tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên lúc ấy đã có những sự dao động nhất định. Đã có ý kiến đề nghị Trung ương quay lại thực hiện phương án chi viện cho Côn Cỏ bằng lực lượng hải quân. Song xét thực tế lúc này, Khu ủy Vĩnh Linh

1. Tròn 40 năm sau cuộc chiến oanh liệt giữ đảo (1967-2007), ngày 04/4/2007, một phái đoàn M.I.A (văn phòng tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh của Mỹ) gặp và phỏng vấn Đại tá Trần Văn Thà - nguyên Đảo trưởng đảo Côn Cỏ giai đoạn 1965-1968, nguyên Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh. Phía Mỹ hỏi: “*Các ông tiếp tế cho đảo Côn Cỏ bằng loại hạm tàu nào?*”. Đại tá Trần Văn Thà trả lời danh thếp: “*Hạm đội tiếp tế cho đảo là máu của nhân dân Vĩnh Linh*”. (Ghi theo lời kể của Đại tá Trần Văn Thà).

xác định rõ: tiếp tục tổ chức lực lượng tiếp tế cho Côn Cỏ bằng mọi giá và phải dựa vào lực lượng của Vĩnh Linh là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của trên. Thuyền nan của ngư dân trở thành phương tiện chủ yếu và lợi hại nhất đối với việc tiếp tế đảo, vì loại phương tiện này gọn nhẹ, di chuyển cơ động, dễ luồn lách. Để bảo vệ lực lượng thuyền vận chuyển trên đường đi tiếp tế đảo, một cơ sở hỏa lực pháo các loại được điều ra sát bờ biển để xây dựng trận địa pháo đặt ở một số điểm cao thuộc Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim, Vĩnh Thái sẵn sàng bắn chi viện. Đội thuyền tiếp tế đảo được trang bị thêm các loại vũ khí như ĐKZ, B40, B41, trung liên và huấn luyện cách đánh cho những người đi biển. Tổ chức hợp đồng tác chiến giữa pháo ở đất liền và pháo ở đảo với quân, dân tiếp tế đảo, nhằm bảo vệ các đoàn thuyền tiếp tế. Trong tình huống xấu nhất nếu không tránh được thì sẵn sàng đánh trả tàu giặc. Cứ mỗi chuyến hàng ra đảo, các thuyền viên được thực hiện lễ “truy điệu sống” cho những người ra đi. Vượt biển đến với Côn Cỏ những tháng ngày này chính là hành động cảm tử, những ngư dân trên những con thuyền ấy chính là những cảm tử quân. Con đường “tiếp máu” cho Côn Cỏ được nối lại giữa vòng vây khốc liệt đạn bom của kẻ thù. Bằng quyết tâm sắt đá, vượt bom đạn Mỹ, hàng ngàn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực, nước ngọt và vật dụng thiết yếu đã được những chiếc thuyền gỗ chạy buồm, chèo tay đơn sơ luồn lách giữa mưa bom bão đạn và tàu chiến của giặc, đập bằng sóng to gió lớn để đến với Côn Cỏ. Vì vậy, số người hy sinh khi làm nhiệm vụ tiếp tế cho đảo cao hơn

nhiều so với số người hy sinh khi chiến đấu, bám trụ trên đảo.

Ngày 30/5/1965, một chuyến tiếp tế lớn với 30 tấn hàng hóa, vũ khí các loại cho Côn Cỏ được tiến hành. Đoàn thuyền gồm 12 chiếc (2 thuyền Vĩnh Thái, 3 thuyền Vĩnh Quang, 2 thuyền Vĩnh Thạch, 2 thuyền Vĩnh Giang và 3 thuyền của C27) với lực lượng 84 chiến sĩ, dân quân, ngư dân của 4 xã và của C27, do đồng chí Trương Văn Bút - Đại đội trưởng C27 - Chỉ huy, xuất bến tại Vịnh Mốc lúc trời tối. Trong chuyến quay về đất liền, lúc cách đảo chừng 10 hải lý thì đoàn thuyền bị 6 tàu khu trục Mỹ bao vây. Pháo sáng địch bắn sáng rực, đèn pha quét loang loáng cả vùng biển, loa kêu gọi đầu hàng rồi đại liên, pháo 20 ly và cối từ tàu địch bắn như vãi trấu vào đoàn thuyền. Từ các thuyền ta, B40, B41, trung liên, AK cũng lên tiếng bắn trả tàu địch, pháo ở đảo bắn chi viện nhưng không hiệu quả vì cự ly xa... Cuộc chiến quyết liệt nhưng không cân sức diễn ra suốt 3 giờ đồng hồ trên biển đêm. Kết quả, 11 thuyền của ta bị bắn chìm và mất tích, hàng chục người hy sinh và bị thương, 9 người bị bắt (sau này bị địch giam tại nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai, đến giữa năm 1970 địch mới trao trả), chỉ 1 thuyền thoát được về đất liền. Sau thiệt hại này, đơn vị C27 tan rã. Việc tiếp tế cho Côn Cỏ rơi vào khoảng lặng mà chưa tìm được hướng đi sáng hơn. Không để việc tiếp tế đảo bị gián đoạn, đồng thời tiến hành kiểm điểm, phân tích, rút kinh nghiệm sau những thiệt hại, ngày 03/6/1965, Thường vụ Khu ủy Vĩnh Linh họp, nêu quyết tâm: Bất chấp gian khổ, hy sinh phải nối lại bằng được việc tiếp tế. Người này

ngã xuống, người khác xông lên, thuyền này bị đắm, thuyền kia lướt tới. Lấy biển làm hầm, lấy mạn thuyền làm công sự, “đánh địch mà đi, vượt qua bom đạn mà đưa hàng tới đảo, quyết tâm giữ đảo đến cùng”¹.

Đội thuyền tiếp tế đảo, ngoài lực lượng nam thanh niên khỏe mạnh còn có lực lượng phụ nữ, tiêu biểu như 3 chị em: Võ Thị Khiêm, Võ Thị Lý, Võ Thị Kiều và nhiều cụ ngư dân cao tuổi. Xã Vĩnh Thái có các cụ Nguyễn Văn Trí, Võ Đăng, Hồ Văn Liêu; xã Vĩnh Giang có các cụ Trần Cử, Trần Phú Tụ; xã Vĩnh Quang có cụ Hồ Quy, Hồ Ngọc Bót, Phạm Chung; xã Vĩnh Thạch có các cụ Hồ Mò. Cụ nào cũng dày dặn kinh nghiệm mấy chục năm trong nghề đi biển. Theo đề xuất của các cụ, thiếu úy Trần Hải Đăng thuộc C22 tiếp tế Côn Cỏ² đã thành lập “Tổ thời tiết” với nòng cốt là các lão ngư dân này. “Tổ thời tiết” có nhiệm vụ: nhận định tình hình biển, triều, con nước và hướng gió để đưa ra quyết định chính xác cho việc chọn thời điểm nào để thuyền xuất bến³. Thời điểm gặp nhiều khó

1. Trần Đồng: *Vĩnh Linh kiên cường, bất khuất*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr.34.

2. Sau khi C27 tan rã, C22 là đơn vị thuộc Trung đoàn 270 được thay thế để làm nhiệm vụ tiếp tế Côn Cỏ. Biên chế của C22 lúc này có 40 cán bộ, chiến sĩ cùng 80 dân quân thuộc 3 xã Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang (Xem *Lịch sử huyện đảo Côn Cỏ*, xuất bản năm 2019). Năm 2014, C22 được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

3. “Tổ thời tiết” có 6 cụ: Nguyễn Văn Trí, Võ Đăng, Hồ Văn Liêu (Vĩnh Thái), Hồ Ngọc Bót, Phạm Chung (Vĩnh Quang), Hồ Mò (Vĩnh Thạch) cùng 2 đồng chí thuộc C22 là Lê Thanh Bường và Trần Hải Đăng (phụ trách tổ).

khăn do tàu địch biết được lộ trình và thời điểm đi và về của đoàn thuyền Vĩnh Linh, chúng cho tàu vây chặt mặt biển vào ban đêm, nhiều chuyến vượt biển tiếp tế Côn Cỏ vì thế đã thất bại. Ngày 23/6/1965, tại cuộc họp của Ban Chỉ huy để bàn phương án tiếp tế Côn Cỏ, đoàn viên Lê Thanh Dự (Vĩnh Quang) đã đề xuất một phương án táo bạo: “Vượt biển vào ban ngày”. Điểm mấu chốt của phương án này là cần tính toán chính xác thời điểm. Thuyền sẽ xuất bến lúc chiều muộn, chạy tốc độ chậm, đến gần tối, nghĩa là chỉ còn cách Côn Cỏ 6-7 hải lý, lúc đó căng buồm tăng tốc, nếu gặp tàu địch thì đã nằm trong tầm chi viện của pháo ở Côn Cỏ, thuyền vẫn có thể vừa chiến đấu, vừa cập bến ở đảo an toàn. Lê Thanh Dự là người tiên phong thực hiện phương án táo bạo này. Anh đã đi về trót lọt nhiều chuyến, được bộ đội đảo gọi là “người mở đường máu ra đảo”, được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì. Ngày 15/4/1966, các lão ngư dân trong “Tổ thời tiết” (gồm cụ Nguyễn Văn Trí, Võ Đăng, Hồ Ngọc Bót, Phạm Chung, Hồ Mò) đích thân cầm lái vượt biển đi tiếp tế. Chuyến đi của các cụ thành công, 5 cụ được Đoàn Thanh niên Lao động C22 kết nạp làm “đoàn viên danh dự”.

Cụ Hồ Mò (Vĩnh Thạch) có 2 con trai là Hồ Văn Triêm và Hồ Văn Tỷ. Cả 3 cha con đều hăng hái xin ra đảo. Đầu năm 1965, 2 người con của cụ Mò là anh Tỷ và anh Triêm cùng đi một chuyến. Gặp tàu địch, anh Tỷ hy sinh, thuyền anh Triêm bị bắn chìm nhưng anh bơi vào bờ được. Mất một đứa con, cụ Mò nén đau thương, lên Ủy ban xã xin đi tiếp tế đảo thay con. Kế thừa truyền thống

gan dạ, mưu trí của cha, Hồ Văn Triêm dù trẻ tuổi nhưng đã tỏ rõ bản lĩnh trong những chuyến vượt biển đầy hiểm nguy. Ngày 29/6/1965, thuyền của Hồ Văn Triêm, Hồ Xuyên, Phạm Toàn (Vĩnh Mốc) và Võ Thị Lý, Võ Thị Khiêm (Vĩnh Quang) vinh dự được chọn để thực hiện một chuyến tiếp tế đặc biệt cho đảo Côn Cỏ. Ngoài lượng vũ khí, hàng hóa thông thường, thuyền tiếp tế lần này còn mang theo một phần thưởng vô cùng ý nghĩa mà Bác Hồ dành tặng cho những người giữ đảo, đó là chiếc radio (đài bán dẫn hiệu National), là món quà do Đảng Cộng sản Nhật Bản tặng Bác nhưng Bác không dùng mà để dành tặng cho Côn Cỏ. Với quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng và cao quý này, đúng như lời Tư lệnh Mặt trận đã chỉ thị trước khi ra Côn Cỏ “Chỉ trừ khi anh mất thì chiếc radio này mới được mất. Anh sống mà chiếc radio này mất thì sẽ bị kỷ luật nặng”, Hồ Văn Triêm cùng đồng đội đã mưu trí vượt qua vòng vây của kẻ thù, mang chiếc đài đến đảo trao tận tay cho Trung úy Nguyễn Hữu Tú - Trung Đội trưởng súng phòng không 14,5 ly - thay mặt Ban Chỉ huy đảo tiếp nhận món quà của Bác Hồ, tại khu vực Bến Nghè, trong niềm vui hân hoan và đầy xúc động của cán bộ, chiến sĩ toàn đảo.

Cụ Nguyễn Văn Trí (Vĩnh Thái) góa vợ từ năm 30 tuổi, một mình nuôi 2 người con: 1 trai và 1 gái. Năm 1965, cả 3 cha con cùng viết đơn tình nguyện xin đi tiếp tế Côn Cỏ. Cụ Trí được chọn đi chuyến đầu tiên vì đội cần một tay lái giỏi, thông tỏ mọi luồng lạch. Cụ Trí nhận nhiệm vụ, đi về thông suốt 3 chuyến, trong đó có 2 chuyến gặp địch nhưng bằng bản lĩnh, kinh nghiệm, thuyền của

cụ vẫn đến được Côn Cỏ an toàn. Ra đến đảo, trong lúc mọi người nghỉ ngơi thì cụ Trí suốt ngày làm việc, lúc đào hầm với công binh, lúc hái rau kiếm củi, bắt cua đá với anh nuôi, anh em ở đảo rất quý cụ. Cuối tháng 7/1965, cụ Trí về đất liền. Hai ngày sau, đến lượt Nguyễn Văn Trái (hay còn gọi là Nguyễn Hữu Trái), con trai cụ lên đường. Trái đi chuyến thứ nhất trót lọt. Đến chuyến tiếp theo, ngày 04/8/1965, 2 thuyền của Nguyễn Văn Trái và Nguyễn Văn Đủ lúc quay về giữa đêm tối thì gặp tàu địch. Thuyền của Nguyễn Văn Đủ bị bắn chìm, đồng đội đi cùng thuyền là Nguyễn Văn Trí hy sinh. Thuyền của Nguyễn Văn Trái cũng bị trúng một quả cối vào khoang lái, nước ào ạt tràn vào, thuyền chìm dần, một chiến sĩ trên thuyền hy sinh. Những người khác như Sum, Toàn bị thương... Bình tĩnh nhận định tình hình, Trái cùng Võ Thị Lý (Vĩnh Quang) tháo cột buồm và cột chèo 2 đồng đội đã hy sinh vào thành phao bơi, vai phải dìu Sum, Toàn đang bị thương, vai trái khoác AK, tay kéo thi thể hai đồng đội... Giữa mênh mông biển đêm mịt mù, Trái vừa bơi vừa hát bài “giải phóng miền Nam”, cứ thế mà dìu đồng đội vượt cả chục cây số vào đất liền¹. Vĩnh Thái còn có anh Nguyễn Quang Soá - một tấm gương tiêu biểu về sự gan góc và thông minh trong việc vượt biển tiếp tế Côn Cỏ. Từ 1965-1968, anh đã thực hiện 58 lần chuyển hàng ra đảo thì 54 lần gặp tàu địch nhưng thuyền anh vẫn mưu trí, dũng cảm vượt qua, đưa hàng tới đích.

1. Xem *Côn Cỏ - 50 năm những sự kiện lịch sử 1959-2009*, Quảng Trị, 2009, tr.70.

Nhiều lần thuyền bị bắn chìm, Nguyễn Quang Sóa bơi giữa biển 6-8 giờ đồng hồ, diu được 8 đồng đội bị thương vào đất liền. Toàn chiến dịch, Vĩnh Thái huy động 110 lượt thuyền, với hàng trăm lượt đi về, vận chuyển được 2.100 tấn hàng cho Côn Cỏ (riêng 2 cha con cụ Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Văn Trái thực hiện 42 chuyến vượt biển). Thực hiện nhiệm vụ hiểm nguy này, xã Vĩnh Thái đã có 27 người hy sinh, 13 người bị thương nặng, 7 người bị bắt tù đầy.

Cụ Hồ Ngọc Bớt (Vĩnh Quang) phục vụ tiếp tế đảo từ đầu đến cuối. Thuyền cụ có 14 người, sau những chuyến đi về Côn Cỏ đã có 6 người đã hy sinh trên biển. Toàn xã Vĩnh Quang chỉ qua mấy tháng giữa năm 1967, đã có 150 cán bộ và dân quân, xã viên đã xung phong đi tiếp tế cho Côn Cỏ. Với những chuyến đi về đây hiểm nguy ấy, một nửa số cán bộ, dân quân đã nằm lại giữa biển. Anh Đắc hy sinh nhưng tay vẫn ghì chặt tay lái, cố hướng cho thuyền cập đảo. Những ngư dân can trường, gan góc như các anh Bồi, Sắt, Dưỡng, Từ... và nhiều người khác nữa đã hiến thân vì Côn Cỏ, mãi không trở về...

Lê Văn Ban (xã Vĩnh Giang) là một thuyền trưởng đầy mưu trí và dũng cảm, nhiều lần thuyền gỗ của anh đã thắng tàu sắt của giặc. Đêm 29/5/1965, Lê Văn Ban chỉ huy một đoàn thuyền ra đảo, trên đường về đất liền bị 2 tàu biệt kích tấn công. Cuộc chiến đấu ác liệt giữa tàu sắt và thuyền gỗ diễn ra trên biển đêm. Khi thuyền Lê Văn Ban thoát khỏi vòng vây tàu địch thì cũng là lúc gió bão ập tới. Thuyền của anh lạc vào vùng biển vùng giải phóng phía Nam, anh bình tĩnh cử người lên bờ tìm bắt

liên lạc với cơ sở của ta, sáng hôm sau cùng với du kích địa phương tổ chức chống địch càn thẳng lợi, sau đó tặng lại toàn bộ vũ khí cho du kích địa phương, rồi theo đường mòn Hồ Chí Minh trở ra Bắc an toàn. Đó là một trong hàng chục lần làm thuyền trưởng chỉ huy tiếp tế đảo, với hơn 30 chuyến đi và về. Những chuyến tiếp tế quan trọng hoặc nhiệm vụ chuyển thương binh, tử sĩ, cán bộ từ đảo về luôn là những chuyến đi khó khăn nhất, Lê Văn Ban luôn được cấp trên tin tưởng giao phó. Không phụ lòng tin, anh đã gan góc, mưu trí, lần nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Với những chiến công hiển hách, anh được Chính phủ và Quốc hội tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Vũ khí, lương thực, vật dụng thiết yếu... đã được bộ đội, dân quân, ngư dân Vĩnh Linh can trường, anh dũng, mưu trí tiếp tế để cán bộ, chiến sĩ giữ đảo sống không đến nỗi thiếu thốn và có thể chiến đấu liên tục hàng tháng. Song, cái giá của mỗi khẩu súng, viên đạn, bát gạo, bi đông nước ngọt từ Vĩnh Linh đưa được đến đảo đều phải đổi bằng máu và tính mạng của biết bao bộ đội, dân quân, ngư dân Vĩnh Linh. Hàng trăm gia đình ở tất cả các thôn xóm thuộc 4 xã ven biển là Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang, Vĩnh Giang đều có người hy sinh, bị thương hoặc bị địch bắt đem đi mất tích. Có đội sản xuất ở Vĩnh Quang gần như tất cả mọi người trong đội đều quần khăn tang... Tổng toàn chiến dịch “tiếp máu cho Côn Cỏ” (chỉ tính trong khoảng thời gian 5 năm 1965-1969); cán bộ, chiến sĩ và những ngư dân quả cảm của 4 xã miền biển Vĩnh Linh đã hơn 300 lần giáp mặt và đánh nhau trực

diện trên biển với tàu chiến Mỹ. Gần 200 người đã anh dũng hy sinh, 202 người khác bị thương, 86 người bị bắt giam, tù đầy. Hàng trăm thuyền bị bắn chìm và mất tích, hàng chục ngàn tấn vũ khí, lương thực, nhu yếu phẩm... đã nằm lại giữa biển khơi.

Xúc động trước sự hy sinh, đùm bọc của đất liền, của Vĩnh Linh; cán bộ, chiến sĩ bám trụ đảo càng gan góc, kiên cường quyết tâm giữ đảo. Nhờ nguồn tiếp tế, chi viện đặc lực từ đất liền Vĩnh Linh, nhân lực, vật lực của Côn Cỏ phát triển mạnh. Về vũ khí, trước kia cả đảo chỉ có 2 khẩu ĐKZ sau tăng lên 4 khẩu, cối 75 ly từ 2 khẩu tăng lên 7 khẩu, pháo 85 ly trước chỉ có 1 khẩu sau tăng lên 7 khẩu, các loại súng phòng không như 12,7 ly, 14,5 ly, 43 ly, kho đạn các loại được trang bị đầy đủ. Về lực lượng, bộ đội trên đảo được huấn luyện đa năng. Lính binh chủng này có thể thành thạo kỹ năng chiến đấu của binh chủng khác, sẵn sàng hỗ trợ nhau để trong mọi tình huống khó khăn không để một ụ súng, một ổ công sự nào bỏ trống. Côn Cỏ đã trưởng thành về mọi mặt, trở thành một đơn vị toàn năng với những chiến sĩ dũng cảm, sử dụng giỏi nhiều loại vũ khí. Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, Côn Cỏ đã đánh thắng ngay loạt đạn đầu. Những tấm gương anh dũng trong chiến đấu, bảo vệ đảo xuất hiện ngày một nhiều.

Ngày 31/5/1968, máy bay Mỹ ném bom xuống đảo suốt 8 giờ đồng hồ. Trong trận này, bộ đội đảo đã bắn rơi 4 máy bay. Ngày 11/3/1965, địch huy động 14 chiếc máy bay F100 và F4, 20 chiếc AD6 đánh vào đảo. Trong lúc máy bay đầy trời, bom rơi dày đặc, chiến sĩ Thái Văn A vẫn đứng trên chòi cao theo dõi từng chiếc máy bay bổ

nhào hướng nào, bom rơi ở đâu để báo cho đồng đội. Bom đạn dữ dội, chỉ huy cho phép xuống đài quan sát nhưng Thái Văn A vẫn không chịu rời vị trí. Người anh đau ê ẩm, cánh tay bị tê dại, chân bị thương, Thái Văn A nghiêng rỗng rút mảnh đạn ra rồi tiếp tục làm nhiệm vụ. Khi trận chiến đấu kết thúc, vết thương ra nhiều máu, anh ngất đi. Xạ thủ súng máy Đinh Ngọc Vân 6 lần bị bom đánh sập ụ súng, song vẫn cùng đồng đội kiên cường bám trụ trận địa, tạo ụ súng mới, tiếp tục bắn trả quân thù. Một quả rốc két bắn xuống trận địa, cắt cụt hai chân, Vân nói với chỉ huy “Chắc tôi sẽ hy sinh, không cùng chiến đấu tới cùng. Song, tôi muốn hy sinh với danh hiệu người đảng viên Côn Cỏ”. Nguyện vọng của Vân được đề đạt lên cấp trên. Xét thấy quá trình sống và chiến đấu Vân có nhiều thành tích, Chi bộ đảo quyết định kết nạp anh vào Đảng ngay tại trận địa. Đinh Ngọc Vân trút hơi thở cuối cùng trong niềm vui toại nguyện. Chiến sĩ Nga bị thương, ruột đứt làm 8 đoạn, không mổ thì chết. Không có thuốc gây tê, Nga nghiêng rỗng chịu đựng. Ca mổ thành công, y sĩ Lê được đồng đội phong làm bác sĩ trước khi anh vào trường lấy bằng bác sĩ. Chiến sĩ Trần Văn Thực 8 lần bị thương, lên bàn mổ đã nghiêng rỗng động viên quân y làm nhiệm vụ. Cao Văn Khang nguyên là chiến sĩ bộ binh song đã tháo gỡ an toàn hàng trăm quả bom nổ chậm. Hoàng Văn Trác là xạ thủ số 4 (tiếp đạn) súng 14,5 ly. Khi cả khẩu đội hy sinh, một mình anh thao tác các vị trí để nổ súng bắn cháy máy bay. Lê Văn Đoàn mưu trí dùng pháo mặt đất 85 ly bắn cháy một thủy phi cơ ngày 08/8/1965. Hoàng Văn Quý không quản hiểm nguy giữa

bốn bề bom đạn để lấy mũ sắt che máy ngấm cho đồng đội liên tiếp bắn rơi 4 máy bay. Chiến sĩ pháo binh Bùi Thanh Phong bị bom nổ khiến 2 tai điếc đặc và ngất xỉu trên mâm pháo, khi tỉnh lại vẫn tiếp tục chiến đấu. Nguyễn Văn Đơ, Nguyễn Văn Hòa dù bị thương nặng, vẫn kiên quyết xin bám trụ để tự điều trị, đợi hồi phục để tiếp tục chiến đấu. Hà Xuân Tràng - bộ đội thông tin, Nguyễn Xuân Hưởng - pháo binh, Vũ Kỷ - công binh, bác sĩ Huỳnh Lê cùng 2 y sĩ Thành Lê, Lầu của trạm phẫu thuật đảo, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Tăng Mật, Cao Tất Đắc, Bùi Hạnh... là những tấm gương sáng trong chiến đấu, lao động, lập nên chiến công xuất sắc. Cán bộ chỉ huy đảo, điển hình có Nguyễn Hữu Tứ đã chỉ huy các đơn vị pháo phòng không đánh 58 trận, bắn rơi 14 máy bay địch. Đảo trưởng Trần Văn Thà với 940 ngày (từ năm 1965 đến năm 1967) kiên cường bám trụ, trực tiếp chỉ huy đồng đội dũng cảm chiến đấu, bảo vệ đảo trong giai đoạn bom đạn ác liệt nhất...

Suốt 1.440 ngày đêm, Côn Cỏ đã đánh 841 trận đánh lớn nhỏ, bắn rơi 48 máy bay (trong đó có 29 chiếc rơi tại chỗ, có ngày bắn rơi 4 chiếc, có trận chỉ trong 2 giờ chiến đấu bắn rơi 3 chiếc), bắn cháy và bắn chìm 17 tàu chiến các loại (có trận chỉ bằng 2 phát đạn pháo mặt đất 85 ly đã bắn chìm 1 thủy phi cơ). Vừa chiến đấu với máy bay, tàu chiến Mỹ, vừa tranh thủ những thời khắc bình yên hiếm hoi, các chiến sĩ Côn Cỏ vẫn tăng gia sản xuất được hàng tấn rau, quả các loại, đánh cá để cải thiện bữa ăn hàng ngày. Các hoạt động văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí vẫn được tổ chức với niềm tự hào lạc quan của

người chiến thắng. Với thành tích đánh Mỹ giỏi, giữ đảo kiên cường, Côn Cỏ đã vinh dự là đơn vị đầu tiên trong toàn miền Bắc xã hội chủ nghĩa được Quốc hội, Chính phủ 2 lần tuyên dương Đơn vị Anh hùng, 3 lần được Bác Hồ gửi thư khen, được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Độc lập hạng Ba và hàng trăm Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công cho các tập thể, đơn vị và cá nhân xuất sắc. Nhiều cán bộ, chiến sĩ ưu tú của Côn Cỏ được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân như: Thái Văn A, Nguyễn Tăng Mật, Cao Văn Khang, Cao Tất Đắc, Bùi Hạnh... Côn Cỏ còn được Bác Hồ gửi tặng ảnh chân dung và đề tặng Côn Cỏ 2 câu thơ:

“Côn Cỏ nổ đầy hoa thắng trận

Đánh cho tan xác giặc Hoa Kỳ”¹

3. Vĩnh Linh thực hiện chiến dịch sơ tán dân ra các tỉnh miền Bắc theo Kế hoạch 8 (K8) và Kế hoạch 10 (K10)

Mặc dù đã tiến hành công sự hóa toàn bộ khu vực, với hệ thống hầm, hào, địa đạo rộng khắp nhưng do mật độ đánh phá của bom đạn Mỹ ngày càng ác liệt nên ngày nào cũng có đồng bào, chiến sĩ bị thương vong. Trước tình hình ấy, Khu ủy Vĩnh Linh xác định: Sơ tán cũng là một mặt của công tác phòng tránh. Tuy nhiên, giữa ác liệt đạn bom, vấn đề tiến hành sơ tán ở Vĩnh Linh hết sức phức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.460.

tạp và khó khăn. Trong giai đoạn đầu từ ngày 08/02/1965 đến tháng 6/1966, xã Vĩnh Tú là địa phương đầu tiên thực hiện sáng kiến “3 tuyến sơ tán”. Khi tình hình địch chưa căng lắm thì tổ chức cho dân sơ tán ở tuyến 1 (rìa làng). Căng thẳng thêm thì sơ tán ra tuyến 2 (ngoài đồng). Căng thẳng hơn nữa thì sơ tán tuyến 3 (tức là các xã phía sau). Cứ thế, tùy vào tình hình bom đạn kẻ thù mà “lộn nước cẩu”¹ ngay trong địa phương để thực hiện “3 bóm”. Từ chủ trương sơ tán theo 3 tuyến đã nảy ra kinh nghiệm chốt lại giữa đồng để chiến đấu và sản xuất, vừa đảm bảo kế hoạch sản xuất, vừa đảm bảo lực lượng. Nhưng lúc này mật độ bom đạn dày đặc mà địa bàn khu vực, nhất là vùng đồng bằng thì lại quá hẹp, cho nên nhân dân không thể “lộn nước cẩu” để thực hiện “3 tuyến sơ tán” như giai đoạn đầu. Trung ương cũng đã thấy được sự ác liệt này ở Vĩnh Linh. Yêu cầu bức thiết là phải tìm mọi cách giảm mật độ dân cư trong khu vực chiến sự, vừa tránh tổn thất, thương vong cho nhân dân, vừa tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thế trận chiến đấu, đề phòng trường hợp địch tấn công bằng bộ binh từ bờ Nam ra. Lực lượng ở lại bám trụ sản xuất và chiến đấu là người lớn, người khỏe mạnh. Trẻ nhỏ, già yếu, mất sức, phụ nữ có con nhỏ dưới 2 tuổi phải có kế hoạch di chuyển ra các tỉnh phía Bắc, lập hậu cứ ở những nơi an toàn chuẩn bị cho cuộc chiến tranh có thể kéo dài. Sau khi bàn bạc và thống nhất, Đảng ủy Khu vực đã đề nghị “kế hoạch sơ tán” lên

1. “Nước cẩu” là phương ngữ địa phương Vĩnh Hoàng, tức nước đục, là một cách nói hình tượng.

Trung ương và được Trung ương đồng ý cho Vĩnh Linh và Quảng Bình thực hiện.

Kế hoạch 8 được Trung ương phê duyệt, gọi tắt là K8. Đây là chủ trương sơ tán 3 vạn cháu nhỏ từ 7 đến 15 tuổi của khu vực Vĩnh Linh cùng một số con em 2 huyện Gio Linh và Cam Lộ (sơ tán ra Vĩnh Linh sau trận càn “bạch hóa” tháng 5/1967 của Mỹ) ra các tỉnh Thanh Hóa, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Hà, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hà Bắc, Quảng Ninh để được nuôi dưỡng, học hành, ươm mầm hạt giống cách mạng cho giai đoạn sau. K8 bắt đầu từ tháng 8/1966, trước mùa mưa lũ và kết thúc vào tháng 10/1967. Theo kế hoạch, tất cả các địa phương lập danh sách tập trung các cháu trong độ tuổi về Ủy ban Hành chính khu vực. Ban K8 và Ty Giao thông vận tải cùng các ban ngành, địa phương liên quan tổ chức đưa các cháu đi từng chuyến một.

Kế hoạch 8 do đồng chí Trần Hữu Dực - Phó Thủ tướng Chính phủ - làm Trưởng ban, chỉ đạo chung. Bộ Nội vụ thành lập “Vụ 8” chuyên trách K8, do Thứ trưởng Lê Tấn Đắc điều hành. Bộ Giáo dục, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Lao động cử lực lượng tham gia. Tỉnh Quảng Bình cũng thành lập Ban K8 do đồng chí Lại Văn Ly - Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh - làm Trưởng ban. Các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An cử cán bộ tỉnh, huyện để phối hợp, giúp đỡ Vĩnh Linh thực hiện K8. Tại Vĩnh Linh, Ủy ban Hành chính Khu vực ra quyết định thành lập Ban K8 đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Đảng ủy khu vực. Ban K8 Vĩnh Linh do đồng chí Hoàng Thị Mễ - Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực - làm Trưởng ban, đồng chí

Trần Đức Hạnh - Ủy viên thư ký Ủy ban hành chính khu vực - làm Phó ban trực (về sau đồng chí Trần Đức Hạnh thay đồng chí Hoàng Thị Mễ làm Trưởng ban); đồng chí Nguyễn Văn Tu - Phó Trưởng Ty Giáo dục - làm Phó ban. Các ngành: y tế, lương thực, tài chính, khu đội, công an, giao thông, tổ chức lao động... đều có đại diện lãnh đạo làm thành viên.

Tháng 7/1966, đồng chí Trần Hữu Dục vào Vĩnh Linh phổ biến chủ trương của Trung ương và truyền đạt lời căn dặn của Bác Hồ: “Di chuyển học sinh đợt này phải xem như việc trồng cây. Đưa từ chỗ đất này sang chỗ đất kia, phải làm sao cho cây tốt tươi hơn”. Lời căn dặn của Người đã hiện tất cả tình cảm, sự quan tâm, lo lắng của Trung ương đối với K8 của Vĩnh Linh lớn lao và quan trọng như thế nào.

Sau một thời gian chuẩn bị chu đáo mọi mặt, nhất là thông tin từ những chuyến đi tiền trạm, làm việc với các địa phương thuộc các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An nằm trên lộ trình di chuyển của K8¹, đến tháng 8/1966, Ban K8 Vĩnh Linh tổ chức đi chuyển đầu tiên ra trường Nguyễn Bá Ngọc và Võ Thị Sáu (thuộc huyện Thọ

1. Tháng 02/1967, Ban K8 Vĩnh Linh cử đoàn 3 người (2 người thuộc công an, 1 người thuộc ngành giáo dục) ra làm việc với Ban K8 Quảng Bình. Sau đó, cử tiếp 1 đoàn 12 người gồm đủ các thành phần trong Ban đi tiền trạm ra Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An. Tại địa phận giáp giới Hà Tĩnh và Quảng Bình, đồng chí Nguyễn Cát - giáo viên trường cấp III Vĩnh Linh - bị bom từ trường hy sinh. Dẫn theo: *Đôi điều về K8 - tuyển tập Thép từ ngàn độ lửa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014, tr.22.

Xuân, tỉnh Thanh Hóa) với 2.446 cháu nhỏ. Chuyến đi đợt 1 này diễn ra khá suôn sẻ và thuận lợi. Rút kinh nghiệm đợt đi đầu tiên này, ngày 17/6/1967, Ủy ban Hành chính Khu vực gồm các đồng chí Lê Thanh Liêm, Hoàng Thị Mễ, Trần Đức Hạnh cùng các ngành: công an, giáo dục, khu đội, giao thông vận tải, lương thực, tổ chức lao động... họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm và bàn kế hoạch tiếp theo. Đồng thời, thống nhất phương châm đi đợt 2 là “nơi nào ác liệt được ưu tiên di chuyển trước”. Căn cứ tình hình các xã ở Vĩnh Linh lúc này, thứ tự đi lần lượt sẽ là: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Tân, Vĩnh Sơn..., tiếp đến là các xã vùng đồng bằng: Vĩnh Thủy, Vĩnh Lâm, Vĩnh Long... Sau cùng là xã Vĩnh Cháp và 3 xã miền núi¹.

Chiều ngày 19/6/1967, Ủy ban Hành chính khu vực đã giao nhiệm vụ cho Ban K8 và các ngành giao thông vận tải, công an, khu đội thực hiện chuyến đi thứ 2. Di chuyển đợt này gặp vô vàn khó khăn vì đây là thời điểm Mỹ tăng cường ném bom phá hoại, đặc biệt là bom tọa độ và B52 rải thảm với mật độ dày đặc. Ác liệt nhất là đoạn đường từ Vĩnh Linh ra Hà Tĩnh. Đoạn đường này địch thường xuyên bắn phá cả ngày lẫn đêm, đường bị cắt thành từng đoạn, đầy rẫy những bãi bom nổ chậm... Đặc biệt là những trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ như:

1. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, lợi dụng những quãng thời gian Mỹ ngừng ném bom, Ủy ban Hành chính khu vực và Ban K8 quyết định đưa học sinh ra khỏi Vĩnh Linh càng sớm càng tốt, nên việc di chuyển các đoàn học sinh K8 ở các địa phương có thể không theo tuần tự đã sắp xếp như phương án ban đầu.

Dốc Sỏi, Quán Hàu, sông Gianh, đường 22b qua ngã 3 Kỳ Lâm (Kỳ Anh), chợ Tràng, Đồng Lộc... thường được gọi là những “cửa tử”. Đưa học sinh vượt qua chặng đường này được ví như một người “đội rổ trứng đi trên sợi dây thép”, nghĩa là chỉ cần một sơ suất thì “rổ trứng sẽ đổ nhào xuống đất và vỡ tan tành”. Trung ương và Vĩnh Linh cũng đã xác định “chấp nhận đổi mạng 10 em để giữ lấy 90 em” (dự kiến tỷ lệ thương vong lên đến 10%).

Theo chỉ đạo và kế hoạch di chuyển được Trung ương phê duyệt, quãng đường từ tuyến lửa Vĩnh Linh ra đến bờ bắc sông Gianh, được tổ chức thành lộ trình “3 cung 4 trạm”¹, thực hiện theo trình tự: di chuyển - tiếp nhận - nghỉ - chuyển giao. Mỗi cung, trạm phải chuẩn bị đầy đủ

1. “3 cung 4 trạm” cụ thể như sau:

Cung 1: Từ Vĩnh Linh, ô tô chuyển các cháu ra trạm Võ Xá (phía nam Quán Hàu), sáng sớm hôm sau đưa các cháu đi men theo sông Nhật Lệ về xã Bảo Ninh, ăn nghỉ ở trạm. Tiếp đến, từ trạm Bảo Ninh sẽ dẫn các cháu đi dọc bờ sông đến bến đò Mẹ Suốt, vượt sông Nhật Lệ, qua xã Phú Hải rồi vòng lên Cộn.

Cung 2: Từ Cộn, ô tô đưa các cháu qua đường Ba Trại, đến xã Mỹ Trạch ăn nghỉ. Hôm sau, vượt sông Gianh sang xã Minh Lệ. Từ đó, các cháu đi bộ 10 km lên xã Quảng Trung, vượt qua bến đò xã Quảng Trường.

Cung 3: Từ xã Quảng Trường (phía bắc sông Gianh), ô tô tiếp tục chuyển các cháu đi theo đường 22b ra thị trấn Kỳ Anh (Hà Tĩnh). Từ Kỳ Anh, xe của Ty Giao thông Hà Tĩnh chuyển tiếp các cháu ra cầu Bùng. Từ cầu Bùng, xe của Bộ Giao thông vận tải đón và chuyển tiếp các cháu ra các tỉnh phía Bắc. Thực hiện kế hoạch bố trí, tiếp nhận của Bộ Nội vụ, học sinh K8 đến tỉnh nào tỉnh đó nhận và phân bổ các cháu về các huyện, các xã và phân công từng gia đình nhận các cháu về nuôi dưỡng, học hành.

công tác hậu cần, ăn, nghỉ; xây dựng hệ thống hầm, hào kiên cố cho các cháu trú ẩn, đảm bảo an toàn.

Chiều ngày 19/6/1967, cuộc di chuyển đợt 2 bắt đầu được thực hiện¹. Ở một số xã có đông học sinh, việc sơ tán lần 2 này được thực hiện thành 3-4 đợt, song chủ yếu trong nửa cuối năm 1967 và có kéo sang năm 1968 (tháng 9/1968, xã Vĩnh Thành là đơn vị thực hiện đợt sơ tán cuối cùng với 34 em tới huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình).

Ngày 13/7/1967, đồng chí Lê Thanh Liêm - Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực gửi thư cho toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh cấp 1, 2 toàn khu vực đề động viên, kêu gọi lực lượng tham gia chiến dịch K8, nỗ lực, quyết tâm thực hiện kế hoạch với tình cảm thiết tha, xúc động.

Để đảm bảo bí mật, mọi thông tin của từng chuyến đi chỉ được thông báo cho các thành phần liên quan trước 1 ngày. Đề phòng rủi ro, các chuyến đi không thực hiện đồng loạt mà tùy thời điểm, tranh thủ lúc địch ngừng ném bom để xuất phát. Mỗi chuyến di chuyển trung bình 400-500 học sinh, sử dụng 10-12 xe, mỗi xe chở 40 em; trên mỗi xe bố trí một cán bộ hộ tống (là dân quân xã), 1 y tá

1. Với 452 học sinh xã Vĩnh Thái và 500 học sinh xã Vĩnh Giang. Đầu tháng 7/1967, đoàn 1.480 học sinh xã Vĩnh Sơn di chuyển. Ngày 30/7/1967, đoàn 650 học sinh thị trấn Hồ Xá di chuyển. Ngày 03/8/1967, đoàn 673 học sinh xã Vĩnh Quang di chuyển... Ngày 22/8/1967, đoàn học sinh và cán bộ, giáo viên trường cấp III Vĩnh Linh di chuyển. Ngày 08/10/1967, đoàn 700 học sinh xã Vĩnh Chấp di chuyển; và cuối cùng là đoàn 302 em học sinh 3 xã miền núi Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà di chuyển vào tháng 01/1968.

kiêm bảo mẫu, 1-2 giáo viên phụ trách để quản lý các em. Việc di chuyển chủ yếu bằng ô tô. Một số đoàn học sinh do yêu cầu gấp rút và đảm bảo an toàn ở mức cao nhất nên phải đi bộ từ Vĩnh Linh đến hết huyện Lệ Thủy, cá biệt có đoàn phải đi bộ hết tỉnh Quảng Bình, phải lội suối, qua đò, có lúc phải leo đèo, leo núi cao trên ngàn mét (thời gian đi mất đúng 1 tháng), đến chân Đèo Ngang mới có ô tô của Trung ương đón. Đối với các em nhỏ 7-10 tuổi, sức khỏe yếu thì đây thực sự là những trở ngại, các thầy cô, bảo mẫu phải dìu, cõng, bồng, đỡ dành... rất vất vả. Trên đường đi, nhiều đợt máy bay địch đến oanh tạc, người hộ tống, giáo viên, bảo mẫu nhanh chóng đưa các em vào ẩn nấp trong các hầm mà nhân dân các địa phương trên lộ trình đi của K8 đã đào sẵn. Dọc theo đường hành quân gian khổ của học sinh K8 của Vĩnh Linh, các em đã được đón nhận sự quan tâm, giúp đỡ, chăm sóc tận tình, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, nhường cơm sẻ áo hết lòng của lãnh đạo và nhân dân các xã, huyện thuộc các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh. Học sinh K8 đi đến đâu cũng được nhân dân các địa phương đón chào nồng hậu, hỏi han, quan tâm, chăm sóc như con cháu mình. Có nhiều bà mẹ ở Võ Ninh, Võ Xá, Phú Hải, Bảo Ninh (huyện Lệ Thủy, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình) đã nhường hầm cho các cháu, còn mình ngồi ngoài miệng hầm để theo dõi bom đạn, che chở cho các cháu. Nhiều bà mẹ ở Quảng Trạch khi máy bay đến bắn phá, trạm đón tiếp không nấu cơm được, các bà mẹ đã đưa cơm nhà cho các cháu ăn, đỡ dành từng bữa như con cháu mình vậy. Lúc qua đò ở xã Quảng Trường, máy bay đến thả pháo sáng,

rải bom bi, nhiều mẹ vừa tiễn các cháu về đến nhà đã nghe bom nổ, cứ nằm thấp thỏm chờ tin, đứa nào chết, đứa nào còn sống, mãi đến khi nhận được tin của các cháu đã an toàn mới chịu đi ngủ.

Việc vận chuyển các cháu bằng ô tô trên đường đi cũng có nhiều tấm gương sáng đáng ca ngợi. Xí nghiệp ô tô Vĩnh Linh có đồng chí Trần Chí Thành - công nhân lái xe - một người dẫn đường dũng cảm và gan dạ, với bản lĩnh và kinh nghiệm dày dạn. Có lần, Thành dẫn một đoàn 10 xe chở 400 cháu nhỏ qua Dốc Sỏi (thuộc Lệ Thủy, Quảng Bình, là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt nhất của máy bay Mỹ), máy bay địch thả pháo sáng, cả đoàn xe trở thành mục tiêu của máy bay, Trần Chí Thành đã vòng xe, bật đèn pha chiếu sáng và chạy đánh lạc hướng máy bay Mỹ. Với hành động thông minh và quả cảm ấy, Trần Chí Thành đã cứu hàng trăm em học sinh thoát chết¹. Công ty ô tô Quảng Bình có đồng chí Trần Văn Hón, cũng là một tấm gương sáng trong việc phục vụ chiến dịch K8. Đêm 22/7/1967, xe đồng chí chở 30 cháu nhỏ qua vùng Ba Trại, bị máy bay địch phát hiện, thả bom lân tinh. Xe bốc cháy, đồng chí Hón đã bình tĩnh trèo lên xe gạt thuốc phốt pho, cởi áo dập tắt lửa, rồi tiếp tục cho xe chạy ra trạm Mỹ Trạch an toàn.

1. Sau này, cùng nhiều thành tích nổi bật khác trong quá trình phục vụ chiến dịch K8, K10 và vận chuyển vũ khí, đạn dược từ miền Bắc vào Vĩnh Linh, năm 1973, đồng chí Trần Chí Thành được tuyên dương Anh hùng Lao động.

Suốt 2 năm thực hiện chiến dịch K8, trên chặng đường hàng trăm kilômét từ tuyến lửa Vĩnh Linh ra các tỉnh bạn phía Bắc, ngày đi bộ, đêm đi xe, len lỏi trong đạn bom, vượt núi, băng rừng; đến ngày 10/10/1967, 3 vạn cháu nhỏ của Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ cùng con em đồng bào miền Nam tập kết đã được đưa ra khỏi vùng chiến sự ác liệt. Song, cũng có những trường hợp bị thương vong. Tổn thất lớn nhất là tại Mỹ Trung (huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình), đoàn xe 10 chiếc chở học sinh các xã vùng đông lúc vượt trọng điểm bị máy bay địch oanh tạc; một xe chở 40 cháu nhỏ của xã Vĩnh Hiền bị trúng bom tọa độ, xe văng xa hơn 30 mét khỏi đường. Mặc dù đã tập trung lực lượng cứu hộ song 39 cháu nhỏ đã thiệt mạng, chỉ còn sống sót 1 thầy giáo và 1 học sinh. Tính chung, tổng thiệt hại về sinh mạng toàn chiến dịch K8: 70 người đã vĩnh viễn nằm lại bởi bom đạn ác liệt của giặc Mỹ (trong đó: 59 học sinh, 6 giáo viên, 2 cán bộ khu vực và 3 người dẫn đường). Đặc biệt, tỉnh Quảng Bình có 3 đồng chí hy sinh, tỉnh Hà Tĩnh có 2 đồng chí bị thương nặng trong khi phục vụ chiến dịch K8, trong đó có đồng chí Bí thư Huyện ủy huyện Kỳ Anh. Nỗi đau bởi hy sinh, mất mát ấy đã trở thành nỗi căm hờn, tạo thành sức mạnh để Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh cùng đồng bào chiến sĩ cả nước trút lửa lên đầu quân thù, đập tan cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp phần vào thắng lợi của công cuộc cứu nước.

Khi chiến dịch K8 vừa kết thúc, Vĩnh Linh lại tiếp tục thực hiện Kế hoạch 10 (gọi tắt là K10), cũng là một cuộc “thiên di lịch sử” gian khổ và vĩ đại không kém. Sở dĩ

K10 phải gấp gáp chồng lên khi K8 vừa xong, bởi ở Vĩnh Linh lúc này sự đánh phá ác liệt của địch đã lên mức đỉnh điểm, đặc biệt là B52 rải thảm đã gây ra cho Vĩnh Linh những tổn thất rất nặng nề. Mức thiệt hại về người trong 3 tháng cuối năm 1967 bằng 2 năm rưỡi trước đó cộng lại. Việc cấp bách là phải sơ tán hơn 2,2 vạn người già yếu, trẻ nhỏ dưới 6 tuổi, phụ nữ có con nhỏ dưới 2 tuổi và có từ 2 con trở lên đang nằm trong vùng chiến sự ác liệt ra hậu cứ ở huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An và 2 huyện Thạch Hà, Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. K10 được vạch ra và nhanh chóng được Trung ương đồng ý, chỉ đạo thực hiện. Để lãnh đạo thực hiện K10, đảm bảo việc sơ tán dân đi xây dựng hậu cứ tốt, Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh quyết định biệt phái 5 đồng chí là Khu ủy viên cùng cán bộ lãnh đạo K10 để thành lập “Đảng ủy hậu phương”.

Đầu tháng 11/1967, K10 được thực hiện. Từng đoàn người già yếu, tàn tật, phụ nữ có con nhỏ và trẻ em dưới 5 tuổi bồng bế, dìu dắt nhau, đêm đi ngày nghỉ dưới tiếng gầm rú của máy bay, bom tọa độ và pháo địch. Người ra đi cũng như người ở lại đều cắn môi, nuốt nước mắt, kìm nén mọi xúc động, thầm hứa với nhau sẽ làm hết sức mình để góp phần rút ngắn khoảng cách chia ly, mau chóng đến ngày đoàn tụ. Từng đội sản xuất cắt cử những dân quân, thanh niên khỏe mạnh mang vác, gánh đỡ đồ đạc, hành lý và bồng trẻ nhỏ cho những người già yếu, phụ nữ có con mọn. Tương tự lộ trình K8, từ Vĩnh Linh, từng nhóm bà con được bố trí cách quãng, đi bộ vượt Dốc Sỏi, qua Sen Thủy, tạm nghỉ ở Hồng Thủy, Tân Ninh (Quảng Bình). Một thời gian sau đó được ô tô chuyển tiếp.

Trung ương Đảng, Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông vận tải và các tỉnh trên lộ trình có nhiệm vụ hộ tống, bảo vệ cho bà con Vĩnh Linh ra các tỉnh phía Bắc. K10 cũng được Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Quảng Bình mà trực tiếp là các huyện, xã, hợp tác xã nơi bà con K10 đi qua tận tình giúp đỡ, quan tâm từ chỗ ăn, nghỉ và nhường lán, nhường hầm trú ẩn. Đêm đêm, dân quân, thanh niên các xã còn cắt cử nhau mang vác, dìu dắt những người già, trẻ nhỏ qua sông, qua cầu như dìu dắt những người thân của mình. Đưa trẻ nhỏ đi đã khó, việc sơ tán hàng vạn người già yếu, chị em phụ nữ có con nhỏ trên một chặng đường hơn 300 km trong điều kiện đạn bom ác liệt, thiếu thốn mọi thứ lại càng phức tạp hơn. Vì người lớn còn mang theo quang gánh, thúng mủng, nồi niêu linh kỉnh. Các mẹ già lại hay hoảng hốt khi qua sông, qua đò hoặc khi có máy bay địch oanh tạc. Nhưng cuối cùng, vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, tất cả đồng bào K10 đều được đưa ra tuyến sau an toàn.

Với tổng số 21.420 người, gồm 18.812 người dân Vĩnh Linh, 2.336 đồng bào Gio Linh, Cam Lộ (sơ tán ra Vĩnh Linh sau trận càn "bạch hóa" của Mỹ - ngày tháng 5/1967) và 947 học sinh cấp II, III từ các địa phương miền Bắc (số học sinh đi K8, được đưa về học tại trường cấp 3 Tân Kỳ). Số đảng viên trong kế hoạch sơ tán xây dựng hậu cứ là 615 đồng chí.

Đối với hậu cứ Tân Kỳ, đây là vùng đồi núi trung du thuộc miền tây Nghệ An, cách thành phố Vinh 100 km về phía Đông - Nam, cách Lào 300 km về phía Tây - Bắc.

Huyện Tân Kỳ được thành lập năm 1963 (theo Quyết định số 52-CP ngày 19/4/1963 của Hội đồng Chính phủ). Khi tiếp nhận đồng bào K10 Vĩnh Linh, Tân Kỳ có 16 xã, dân số là 2,1 vạn người, gồm 4 dân tộc: Thái, Thổ, Thanh, Kinh. Đồng bào K10 Vĩnh Linh được sắp xếp trong 14/16 xã của huyện Tân Kỳ¹. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tân Kỳ rất vinh dự được Trung ương giao nhiệm vụ đón đồng bào K10 của Vĩnh Linh, đúng như lời một lãnh đạo tỉnh Nghệ An đã nói "Tân Kỳ thay mặt quê hương Xô Viết tiếp đón nhân dân lữ thép"; dù rằng, việc tiếp nhận và sắp xếp nơi ăn, chốn ở, công việc, sinh hoạt... cho hơn 2 vạn người là một nhiệm vụ hết sức nặng nề trong điều kiện Tân Kỳ là một huyện mới thành lập. Bằng sự cảm thông với những gian lao, vất vả của đồng bào Vĩnh Linh đã vượt bom đạn trên chặng đường hàng trăm kilômét để đến với hậu cứ, Tân Kỳ đã dốc sức, dốc lòng, ưu tiên những gì tốt nhất cho đồng bào sơ tán, sẽ chia những gì đang có cho đồng bào Vĩnh Linh.

Dựa vào điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, nhiều diện tích đồi, bãi chưa được khai phá, đồng bào K10 Vĩnh Linh đã sớm thích nghi với hoàn cảnh mới. Chỉ trong mấy ngày sau khi dừng chân, được sự giúp đỡ tận tình của tỉnh Nghệ An mà trực tiếp là Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện Tân Kỳ và bà con ở quê mới, các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất Vĩnh Linh được thành lập, gấp rút bắt tay vào phát rẫy, làm nương, xây dựng nhà cửa. Với đức tính siêng năng, cần cù, chịu

1. Đến nay, Tân Kỳ có 22 xã, thị trấn, dân số 140.000 người.

thương chịu khó, chẳng bao lâu, bà con K10 Vĩnh Linh đã có cuộc sống ổn định. Nhiều hộ gia đình còn có của ăn của để, giảm bớt gánh nặng trợ cấp của Nhà nước.

Sản xuất phát triển, đời sống tinh thần không ngừng được nâng cao. Nhiều đội sản xuất, nhiều hợp tác xã có nhà trẻ, mẫu giáo, trường cấp I, II, III, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của con em. Phong trào văn hóa, văn nghệ dấy lên khắp nơi. Mối quan hệ giữa cán bộ và nhân dân địa phương với bà con K10 ngày càng bền chặt. Bà con thực sự thương yêu, giúp đỡ nhau trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống. Nhiều kinh nghiệm trong canh tác, chế biến hoa màu của Vĩnh Linh được bà con các dân tộc huyện Tân Kỳ học tập, ứng dụng có hiệu quả thiết thực. Thịnh vượng, các đoàn đại biểu dân - chính - đảng của Khu vực Vĩnh Linh cũng như các xã, hợp tác xã ra thăm, mang theo quà và nhiều thư từ, tin tức ở tuyến lửa quê nhà càng cổ vũ động viên bà con K10 yên tâm phấn khởi xây dựng quê hương mới và thắt chặt thêm mối quan hệ thủy chung, trong sáng giữa Đảng bộ và nhân dân Tân Kỳ với Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh. Trong cuốn *Tân Kỳ - truyền thống làng và xã* (Nxb. Khoa học - Xã hội xuất bản năm 1992), cũng có đoạn viết: “Hơn 2 vạn bà con Vĩnh Linh ra sơ tán đã được nhân dân Tân Kỳ nhiệt tình đón tiếp và giúp đỡ. Đây là hình ảnh đẹp về tình nghĩa đồng bào, về sự chia sẻ ngọt bùi, cứu mang đùm bọc của những người cùng giống nòi, cùng một Tổ quốc trong lúc đất nước đang toi bởi khói lửa. Nhường nhà, nhường giường, nhường cả những phương tiện sinh hoạt thiết yếu khác và cả lương thực phẩm giữa “chủ” và “khách”; gần

bó với nhau như những người ruột thịt, người thân quen. Cho đến bây giờ, nhân dân Tân Kỳ còn nhớ sâu sắc hình ảnh người phụ nữ Vĩnh Linh, thân hình thon nhỏ, mặc bộ quần áo đen bạc màu, đầu tóc búi củ, miệng ngậm điếu thuốc lá vắn, quần xắn quá đầu gối, để lộ đôi ống chân khẳng khiu, tay cầm cuốc lom khom, cần mẫn suốt ngày, hết đời nọ đến bãi kia. Chính bà con đã khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích canh tác cho nhân dân Tân Kỳ...”.

Để chỉ đạo hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của hơn 2 vạn đồng bào K10, ngoài việc lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính, huyện Tân Kỳ còn thành lập Phòng K10 chuyên trách theo dõi, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của đồng bào K10 của Vĩnh Linh, Gio Linh. Ở cấp xã đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy, Ủy ban Hành chính các xã; riêng cấp thôn và hợp tác xã thì thành lập chi bộ riêng cho K10 để thuận lợi trong vấn đề chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng và lao động sản xuất, phát triển kinh tế.

Trong công tác xây dựng Đảng: số đảng viên K10 khi ra Tân Kỳ là 815 đồng chí (trong đó có 615 đảng viên của Vĩnh Linh, 200 đảng viên của Gio Linh, Cam Lộ). Trong 5 năm đã phát triển thêm 148 đảng viên mới, cộng với đảng viên các nơi khác chuyển về, đến thời điểm ngày 30/4/1973, đảng viên thuộc K10 ở Tân Kỳ có 1.056 đồng chí. Ngay khi K10 ra sơ tán và dần ổn định nơi ăn chốn ở cũng như sinh hoạt, để thuận lợi trong chỉ đạo, ngày 17/5/1968, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tân Kỳ (khóa III, nhiệm kỳ 1967-1969) đã họp, bầu bổ sung 4 đồng chí Huyện ủy viên phụ trách K10, trong đó có 03

đồng chí người Vĩnh Linh (Hồ Phan, Trần Thị Cam, Ngô Thị Nguyên) và 1 đồng chí người Nghi Lộc, Nghệ An (Lê Văn Chiu). Tại Đại hội Đảng bộ huyện Tân Kỳ lần thứ IV nhiệm kỳ 1969-1971, có 03 đồng chí người Vĩnh Linh là: Thái Thị Chiêu, Trần Thị Cam và Phạm Thị Hương được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (trong tổng số 25 Ủy viên Ban Chấp hành), được phân công là Huyện ủy viên phụ trách K10. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V nhiệm kỳ 1971-1972, có 02 đồng chí Trần Thị Cam và Thái Thị Chiêu tái cử Huyện ủy viên. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI nhiệm kỳ 1972-1973, đồng chí Thái Thị Chiêu tái cử Huyện ủy viên, đồng chí Trần Thị Cam là Ủy viên dự khuyết, phụ trách K10¹.

Cùng thời gian trên, gần 5.000 bà con các xã miền biển Vĩnh Quang, Vĩnh Giang (thôn Tùng Luật), Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch (thôn Vĩnh Mốc) vừa đi bộ, vừa đi thuyền, vượt chặng đường hơn 200 km, sơ tán ra 2 huyện Can Lộc và Thạch Hà (tỉnh Hà Tĩnh). Cũng như Tân Kỳ, Đảng bộ và nhân dân 2 huyện Can Lộc và Thạch Hà đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ bà con K10 Vĩnh Linh sớm ổn định nơi ăn chốn ở, sản xuất, xây dựng cuộc sống mới nơi sơ tán. Các xã như Kim Lộc, Thượng Lộc, Hậu Lộc (huyện Can Lộc) đã làm nhà cho đồng bào Vĩnh Linh không lấy một đồng tiền của Nhà nước. Một số xã như Thạch Lâm, Thạch Hương, Thạch Điền (huyện Thạch Hà) đã xây

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tân Kỳ: *Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Kỳ, tập 1 (1963-2005)*, Nxb. Nghệ An, 2008, tr.121, 263-266.

dựng nhà ở cho đồng bào Vĩnh Linh khá rộng rãi, thoáng đãng. Tính chung cả hai huyện đã giúp Vĩnh Linh làm được 521 ngôi nhà (Can Lộc là 241 ngôi, Thạch Hà là 280 ngôi). Ngoài ra, còn giúp đồng bào tu sửa gần 400 nóc nhà khác, đồng thời ân cần hướng dẫn, giúp đỡ bà con về kỹ thuật làm ăn, nhất là đối với chị em phụ nữ miền biển; từ chỗ không quen, không biết làm ruộng đến chỗ biết cày, cấy, gặt hái và chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà giỏi. Nhờ đó, chỉ tính từ năm 1970-1972, bà con K10 ở cả 2 huyện đã sản xuất được 300 tấn lương thực, 120 tấn rau quả các loại và chăn nuôi được hàng ngàn con lợn. Trong 3 năm, bà con đã đánh bắt gần 1.200 tấn cá, bán cho Nhà nước trên 70% sản lượng hải sản khai thác được.

Quá trình sống và công tác của đồng bào K10 Vĩnh Linh trên quê hương Hà Tĩnh mà trực tiếp là 2 huyện Can Lộc và Thạch Hà đã để lại nhiều tình cảm tốt đẹp, nhiều kinh nghiệm quý báu, nhiều kỷ niệm thân tình, sâu sắc... góp phần tạo điều kiện cho Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh - Hà Tĩnh vốn đã gắn bó nay lại càng gắn bó hơn, sẵn sàng giúp đỡ nhau trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Tháng 4/1973, sau khi Hiệp định Pari được ký kết; 25.000 đồng bào K10 của Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ ở Tân Kỳ (Nghệ An); hơn 5.000 đồng bào Vĩnh Linh ở Thạch Hà, Can Lộc (Hà Tĩnh) thực hiện cuộc “hồi hương”, kết thúc 5 năm sinh sống, sản xuất, chiến đấu trên quê hương thứ hai - mảnh đất Tân Kỳ, Thạch Hà, Can Lộc

mến khách và giàu lòng nhân ái¹. Ngày 16/4/1973, chuyến xe đầu tiên xuất phát chở đồng bào K10 từ Tân Kỳ trở về Vĩnh Linh. Đến 15/6/1973, sau tròn 2 tháng thực hiện cuộc “hồi hương” về Vĩnh Linh, đã hoàn thành với 817 chuyến xe vận chuyển. Đồng bào K10 Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ khi về quê đã để lại cho Tân Kỳ 1.785 ha đất đồi bãi đã khai hoang thuận thực, 155 ha sắn, khoai mới trồng cùng hàng trăm hécta tiêu, cam, mít, rau xanh tốt ở các vườn nhà.

Chủ trương sơ tán người dân ở tuyến lửa Vĩnh Linh (K8 và K10) ra các tỉnh miền Bắc là một cuộc “thiên di vĩ đại” có một không hai trong lịch sử, đồng thời là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn và kịp thời. Nếu chần chừ, do dự, không những Vĩnh Linh không làm tròn nhiệm vụ Trung ương giao phó mà thiệt hại về người không thể lường hết được. Một điều quan trọng nữa là ở một vùng bị chiến tranh hủy diệt như Vĩnh Linh nhưng nhờ sự cứu

1. K10 sơ tán ra Tân Kỳ đợt đầu gần 22.000 người, sau đó đồng bào sơ tán thêm cùng với số học sinh cấp 3 đi K8 ở Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Thái Bình được dồn về Tân Kỳ. Trong 5 năm ở Tân Kỳ, các phụ nữ K10 đã sinh thêm 2.612 cháu. Như vậy, tổng cộng đồng bào K10 ở Tân Kỳ thời điểm đầu năm 1973 có 31.000 người. Trước tháng 4/1973, đã có 4 đợt đồng bào K10 về quê với 1.877 người; đồng bào chuyển đi nơi khác 300 người. Tháng 4/1973, có 25.008 người về quê, 125 người xin ở lại, 50 người xin về sau. Có 5.540 người về quê thuộc diện nằm ngoài kế hoạch “hồi hương” (về tự do).

Số liệu trích từ *Báo cáo tổng kết 5 năm K10*, ngày 19/6/1973, của Ủy ban Hành chính huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

mang, đùm bọc, chăm sóc của nhân dân miền Bắc; được các thầy cô giáo ở hậu phương tận tình dạy dỗ; con em tuyến lửa Vĩnh Linh đã học hành đến nơi đến chốn, tạo nên một lớp người có trình độ, học vấn để trở về xây dựng quê hương. Với K8, K10, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh mãi mãi ơn sâu nghĩa nặng với Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ; với đồng bào, đồng chí các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Hà, Thái Bình, Hà Bắc, Quảng Ninh... trong khó khăn, gian khổ, thiếu thốn vẫn cứu mang, đùm bọc, nhường cơm sẻ áo, chia sẻ, động viên, giúp Vĩnh Linh vượt qua mọi thử thách hy sinh, chiến đấu và chiến thắng.

4. “Ăn cơm Bắc - đánh giặc Nam”, dốc sức phục vụ chiến trường

Hơn 5 vạn đồng bào đã sơ tán ra các tỉnh miền Bắc với 2 chiến dịch K8, K10 vĩ đại, ở Vĩnh Linh giai đoạn 1967-1973 chỉ còn lại 20.327 người (trong đó có 10.216 nam và 10.111 nữ). Đây là những người khỏe mạnh, là những người dân đồng thời cũng là chiến sĩ bám trụ trên tuyến lửa, cùng một lúc phải gánh trên vai nhiều trọng trách: vừa lao động, sản xuất, vừa vận chuyển, tiếp tế phục vụ chiến đấu cho các chiến trường và đảo Cồn Cỏ; đồng thời cũng là lực lượng trực tiếp cầm súng chiến đấu với máy bay, tàu chiến Mỹ. Làng xóm Vĩnh Linh lúc này không còn nhà cửa, mọi sinh hoạt đều ẩn sâu dưới lòng đất với một hệ thống hầm hào chằng chịt. Không ngõ xóm, làng quê, không chợ búa, trường học, nhiều vùng

không còn tồn tại gia đình theo truyền thống cũ mà chỉ có gia đình kiểu mới, đó là những gia đình - tổ dân quân.

Dưới mưa bom bão đạn, chịu đựng bao gian khổ, hiểm nguy nhưng Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh vẫn không quên trách nhiệm, bổn phận của mình đối với vùng đất bên kia sông Bến Hải. Bởi một lẽ, Vĩnh Linh và Gio Linh, Cam Lộ có mối quan hệ tự nhiên máu thịt, là một phần đất của Quảng Trị thân yêu. Sau Hiệp định Giơnevơ, Vĩnh Linh là huyện duy nhất được giải phóng. Dù là mảnh đất phải chịu bom đạn ác liệt nhất trong cơn cuồng nộ của đế quốc Mỹ hòng biến dòng Bến Hải thành biên giới vĩnh viễn cắt chia hai miền Nam - Bắc đất nước; nhưng Vĩnh Linh vẫn luôn ý thức rằng dù khó khăn, thiếu thốn, mất mát, hy sinh đến đâu cũng phải dốc hết sức lực cho miền Nam, trực tiếp là Gio Linh, Cam Lộ trong cuộc chiến đấu đánh đuổi ngoại xâm, thống nhất đất nước. Thực hiện nhiệm vụ vẻ vang ấy, trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Đảng bộ, nhân dân và Lực lượng vũ trang Vĩnh Linh đã nỗ lực để chi viện cho tiền tuyến với tất cả khả năng của mình. Riêng đối với các xã thuộc hai huyện Gio Linh, Cam Lộ, dựa trên cơ sở các tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền, Lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng đã được gây dựng ở bờ Nam từ trước, được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, Khu ủy Vĩnh Linh đã chủ trương: một mặt đưa những cán bộ chính trị, cán bộ quân sự có nhiều kinh nghiệm của Vĩnh Linh vào các địa bàn để cùng với cơ sở ở đó củng cố và xây dựng phong trào, tổ chức đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang cho phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Mặt

khác, giúp tỉnh tổ chức đưa một số cán bộ chủ chốt ở Gio Linh, Cam Lộ ra hậu cứ Vĩnh Linh để huấn luyện, học tập, bồi dưỡng thêm mọi mặt, sau này trở về làm nòng cốt trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng. Sự chuẩn bị ấy đã được tiến hành từ trước khi Mỹ vào miền Nam hất cẳng Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, làm bàn đạp tấn công miền Bắc. Cho nên, khi Mỹ - ngụy gây tình hình căng thẳng ở vùng giới tuyến và ném bom phá hoại miền Bắc thì ta đã có sẵn cơ sở và lực lượng tại chỗ để đối phó với kẻ địch, làm nòng cốt xây dựng phong trào.

Thời kỳ đầu, lực lượng cơ động này của Vĩnh Linh hoạt động chủ yếu với phương châm hỗ trợ cho nhân dân bờ Nam tiến hành đấu tranh chính trị, chống càn quét và chính sách dồn dân lập ấp chiến lược, xức dân khỏi vùng thuộc khu vực giới tuyến để lập vành đai trắng của địch, sau này là hàng rào điện tử McNamara. Về sau, theo chỉ đạo của Khu ủy Vĩnh Linh, những đội quân “ăn cơm Bắc - đánh giặc Nam” của các xã thuộc Vĩnh Linh ra đời, hình thành các đơn vị chuyên biệt với kỹ năng chiến đấu cao để trực tiếp chiến đấu; điển hình có thể kể đến như đội quân thuộc lực lượng đặc công của Công an vũ trang Vĩnh Linh, dân quân các xã: Vĩnh Trung, Vĩnh Nam, Vĩnh Giang, Vĩnh Tú, Vĩnh Thái, Vĩnh Thủy, Vĩnh Cháp, Vĩnh Long... Đó là những dân quân gan dạ, ngày lao động sản xuất, tiếp lương tải đạn phục vụ chiến đấu trên tuyến lửa, đêm tổ chức thành những phân đội nhỏ, trang bị vũ khí gọn nhẹ, bí mật vượt sông Bến Hải đánh phá các cơ sở chính trị, kinh tế, diệt sĩ quan, binh lính Mỹ ở các đồn,

bốt, cứ điểm; trừng trị ác ôn, tay sai có nhiều nợ máu với nhân dân, phối hợp với lực lượng cách mạng tại chỗ để phá thế kìm kẹp của địch, chống dồn dân lập ấp, phá áp chiến lược; một bộ phận khác thực hiện công tác địch vận... Đến mờ sáng, họ lại vượt sông Bến Hải trở về Vĩnh Linh, cũng có khi bị kẹt lại, phải ngụy trang ẩn giấu, đợi đêm sau. Những đội quân này không có phiên hiệu và không thuộc một đơn vị lực lượng vũ trang chính quy nào. Họ có thể là đơn vị phối hợp trong các chiến dịch nhưng đa phần là đánh độc lập, sử dụng lối đánh du kích, bắn tỉa táo bạo, bất ngờ, khiến bọn sĩ quan và binh lính Mỹ - ngụy ở bờ Nam khiếp vía. Ở Gio Linh, Cam Lộ thời kỳ này là một vành đai dày đặc các đồn bốt, cứ điểm của Mỹ - ngụy như: điểm cao 31, các cứ điểm Mai Xá, Nhĩ Hạ, Nhĩ Trung, Xuân Lâm, Hoàng Hà, chốt Phò Cam, chi khu Cam Lộ, áp chiến lược Ba Trắng... Ra vào, luồn lách những vùng này chính là việc đang đi trên một “hành lang lửa”. Vượt qua mọi hiểm nguy, những đội quân “ăn cơm Bắc - đánh giặc Nam” của Vĩnh Linh tỏ rõ bản lĩnh để lập nên những chiến công vang dội. Trong các năm 1963-1966, thể theo nguyện vọng của nhân dân vùng giới tuyến, quân và dân bờ Bắc đã cử các đồng chí trinh sát, đặc công thuộc công an vũ trang vào tận sào huyệt địch, diệt những tên sĩ quan Mỹ, bọn ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân như tên đại tá tình báo Mỹ đội lốt cha xứ truyền đạo Hankin khi y đang ẩn nấp ở áp chiến lược Ba Trắng; đánh sập Đài phát thanh quận Trung Lương, diệt tên ác ôn Ngô Phương ở Gio Linh, tử hình tên Cử ở Cam Lộ, tên Quây ở Đông Hà; đánh sập cầu Đuôi ở Cam Lộ cắt

đứt đường chuyển quân, vũ khí của địch từ Đông Hà, Cam Lộ lên Đầu Mầu, Khe Sanh cũng như tuyến địch hành quân đánh phá vùng phía tây Gio Linh... Nhân dân huyện Gio Linh sẽ còn nhớ mãi trận đánh ngày 25/3/1968 của một tiểu đội thuộc trung đội dân quân xã Vĩnh Trung vào phối hợp chiến đấu diệt chốt Phò Cam thuộc xã Gio Mỹ. 14 tay súng Vĩnh Trung kết hợp với một tổ dân quân của Gio Linh đã anh dũng chiến đấu trong 9 giờ liền, bẻ gãy 9 đợt tấn công của 4 tiểu đoàn bộ binh ngụy, có 21 xe tăng, xe bọc thép và pháo binh chi viện, giữ vững trận địa chốt. gương hy sinh oanh liệt của liệt sĩ Nguyễn Sư Xinh sống mãi trong lòng nhân dân. Khi 6 tên địch đột nhập vào vị trí tiền tiêu của trận địa chốt, định bắt sống, Nguyễn Sư Xinh đã chụp lựu đạn rút chốt, cùng tan xác với 6 tên địch. Cũng trong trận này, Trần Mậu Sỹ vốn chỉ là y tá của trung đội, trước tình hình đơn vị nhiều người bị thương vong, quân địch dồn sức tiến công chiếm lại chốt, anh gom các loại vũ khí của đồng đội đã hy sinh, dựng công sự đánh trả các đợt phản công của địch đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh (hiện khẩu thương liên anh dùng để đánh trả địch đã được đưa vào Viện Bảo tàng Quân đội nhân dân Việt Nam). Kết thúc trận đánh, 4 tiểu đoàn ngụy phải tháo chạy, bỏ lại 150 xác chết và nhiều vũ khí. Sau một tháng tham gia phối hợp ở bờ Nam, Trung đội dân quân xã Vĩnh Trung đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất cho tập thể đơn vị, 2 Huân chương Chiến công hạng Nhất và 13 Huân chương Chiến công hạng Ba cho 15 cán bộ, chiến sĩ đã có thành tích chiến đấu xuất sắc. Những

gương mặt tiêu biểu khác trong đội quân đặc biệt này có thể kể đến như anh Võ Văn Vấn (Vĩnh Quang) với 19 viên đạn diệt 18 tên Mỹ ở Gio Linh; nữ dân quân Trần Thị Buối (Vĩnh Tú), để lại con nhỏ cho mẹ già ở quê, chị gia nhập đội quân bắn tỉa, trở thành một nữ xạ thủ giỏi, có lần đánh địch ở Cửa Việt, với 12 viên đạn chị đã tiêu diệt 11 tên Mỹ. Sau này, cùng với nữ anh hùng Trương Thị Khuê, chị Trần Thị Buối vinh dự được ra Hà Nội gặp Bác Hồ.

Thời kỳ cao điểm, ngoài các đội quân “ăn cơm Bắc - đánh giặc Nam”, Vĩnh Linh đã đưa thêm nhiều đơn vị vũ trang bộ binh chính quy và địa phương; trang bị trung liên, cối 82 ly, ĐKZ... sang bờ Nam phối hợp với lực lượng tại chỗ, tổ chức các trận đánh lớn đánh chiếm các cứ điểm của địch, chiến đấu chống càn quét, bảo vệ vùng giải phóng, bám phương châm “tiến về phía trước, bảo vệ phía sau”. Thực hiện chỉ đạo của Tư lệnh Mặt trận B5, Tiểu đoàn 47 (tên gọi khác của Tiểu đoàn Lê Hồng Phong) - đơn vị bộ binh chủ công của Vĩnh Linh - dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Trần Văn Thà (nguyên Đảo trưởng đảo Côn Cỏ) đã vượt hiểm nguy, luồn vào tận Cửa Việt, chiếm cứ điểm Hoàng Hà, khống chế cửa biển, bịt chặt con đường thủy từ biển theo sông Hiếu vào đất liền, vốn là tuyến vận chuyển vũ khí, binh lính chủ lực của Mỹ - nguy cho các căn cứ ở Đông Hà, Cam Lộ, Khe Sanh. Cuộc chiến đấu ác liệt giành giật từng mét công sự diễn ra ở Cửa Việt, nơi được Mỹ - nguy xem là “cuống họng, yết hầu” của vùng chiến thuật Quảng Trị. Hơn 2 tháng chiến đấu, dẫu quân số thiệt hại hơn một nửa, các chiến sĩ Tiểu đoàn 47 vẫn ngoan cường bám trụ, đánh bật hàng chục

đợt phản kích của những tiểu đoàn tinh nhuệ nhất mà Mỹ tung vào để giải cứu; tiêu diệt và làm bị thương hàng ngàn tên, bắn chìm, bắn cháy hàng trăm tàu, thuyền, xe bọc thép. Để tăng cường lực lượng, bổ sung hỏa lực cho Tiểu đoàn 47 chặn địch ở Cửa Việt, vừa tiêu hao sinh lực, vật lực của địch, vừa cầm chân để tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Đường 9 đang mở ra ở Khe Sanh - Hướng Hóa, Bộ Chỉ huy quân sự khu vực Vĩnh Linh điều thêm 3 đại đội ĐKZ thuộc dân quân các xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Thủy, Vĩnh Thái, Vĩnh Cháp và tự vệ Nông trường Quyết thắng vào phối hợp để đánh tàu, diệt bọc thép. Lực lượng đóng chốt đã tuyên truyền, vận động để kết hợp với việc nổi dậy của nhân dân bên bờ sông, thực hiện chặt tre, đan hàng ngàn sọt đựng đất, đá dựng thành một hàng rào dày 50 m chắn ngang sông, cài mìn, thủy lôi dày đặc. Với hỏa lực mạnh và thế trận như sợi dây thông lộng thắt chặt, thời gian này, tàu, xuồng của Mỹ di chuyển từ cảng Cửa Việt lên Đông Hà hầu hết đều bị lực lượng của đơn vị tấn công, có ngày không một chiếc tàu, xuồng nào của địch lọt qua nổi quãng sông này để lên Đông Hà¹.

Cuộc chiến đấu giữa ta và địch ở miền Nam mà trực tiếp là chiến trường bắc Quảng Trị càng quyết liệt thì việc

1. Ngày 06/3/1968, một phóng viên của Hãng thông tấn UPI (Mỹ) viết: “... Chỉ riêng khúc sông Cửa Việt đến Đông Hà dài 13 km cũng đủ khủng khiếp cho tàu và xuồng chiến đấu của Mỹ... Chẳng biết còn xoay sở thế nào được vì đại bác đã bắn phá, máy bay đã ném bom nhưng quân đội cộng sản vẫn ở đấy, với lực lượng ngày càng tăng và các cuộc tấn công của họ ngày càng táo bạo...”. Dẫn theo: Tuyển tập *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Sdd.

tiếp lương, tải đạn từ ngoài vào và đưa đón thương binh, tử sĩ từ trong ra càng trở nên khẩn thiết. Từ cuối năm 1965, toàn khu vực thành lập một trung đoàn, mỗi xã thành lập một trung đội chuyên túc trực phục vụ các hoạt động của tiền tuyến. Tổ chức hàng vạn lượt người vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ chiến đấu, tải thương cho chiến trường miền Nam, nhất là chiến trường Trị - Thiên. Tiêu biểu nhất là hoạt động và chiến công của Đại đội thanh niên xung phong 771 của khu vực Vĩnh Linh.

Nhằm thống nhất sự chỉ đạo và nâng cao hiệu quả trong việc phối hợp, giúp đỡ của 2 huyện Gio Linh, Cam Lộ; Thường vụ Đảng ủy khu vực thành lập Ban B do đồng chí Phan Du, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy khu vực phụ trách. Trụ sở Ban B đóng tại xã Vĩnh Hiền. Đây là cơ sở đảm bảo vật chất trực tiếp cho Tỉnh ủy Quảng Trị và các huyện Gio Linh, Cam Lộ. Tất cả lương thực, đạn dược được vận chuyển dưới các đường hào, tập kết lại một số điểm bờ Bắc, đội chập choạng tối mới vận chuyển vượt sông qua bờ Nam. Thương binh, tử sĩ từ Nam ra cũng phải đợi trời tối mới vượt sông Bến Hải. Các địa điểm nổi bật lúc này có bến đò Tùng Luật (Vĩnh Giang), bến đò Vĩnh Tiên (Vĩnh Sơn). Tại các bến đò này có đêm đã vận chuyển hàng trăm chuyến gồm người và hàng từ Bắc vào Nam và thương binh, tử sĩ từ Nam ra Bắc (ban ngày, thuyền phải nhấn chìm hoặc giấu ở một nơi kín đáo). Riêng với việc chuyển thương binh, tử sĩ từ chiến trường ra, quy trình thực hiện theo tuần tự: Ở khu Đông, từ Vĩnh Quang chuyển lên Vĩnh Giang, Vĩnh Tân. Sau khi tiếp nhận, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân có nhiệm vụ chuyển

tiếp cho các đơn vị phía sau như Vĩnh Hiền, Vĩnh Hòa; rồi Vĩnh Hiền, Vĩnh Hòa chuyển tiếp cho Vĩnh Nam, Vĩnh Long. Từ Vĩnh Nam, Vĩnh Long chuyển đến các bệnh viện dã chiến ở Vĩnh Tú, Quảng Xá... Ở khu Tây, từ Vĩnh Sơn chuyển qua Tiên Lai (Vĩnh Lâm) nơi có trạm trung chuyển cấp cứu, sau đó chuyển ra Vĩnh Thủy. Trường hợp trạm xá Vĩnh Thủy quá tải thì phải vượt sông Sa Lung qua Quảng Xá Phường để đến Bệnh viện quân y dã chiến đóng ở đây. Một số thời điểm quá tải, thương binh còn phải chuyển ra mãi địa phận Quảng Bình, vì bệnh viện Quảng Xá không còn chỗ.

Địch biết các trục vận chuyển của ta nên ban ngày các loại máy bay trinh sát như L19, OV10 thường xuyên dòm ngó. Phát hiện có dấu hiệu khả nghi là lập tức phóng đạn khói, gọi phản lực ném bom hoặc pháo hạm bắn. Chúng rất chú ý đến các bến đò, đặc biệt là bến đò Tùng Luật (bến đò B), nơi luôn hứng chịu bom đạn của phi pháo địch nhiều hơn cả. Pháo chúng đã lấy sẵn phân tử, bom tọa độ đã chấm sẵn trên bản đồ, ngày cũng như đêm chúng có thể bắn pháo và dội bom bất cứ lúc nào theo ý muốn. Ở Vĩnh Giang, chỉ có đoạn đường dài 500m qua cánh đồng nổi hai thôn Cổ Trai Đông và Cổ Trai Tây. Đây là khúc ruộng lầy lội, trống trải, chỉ có một ít hầm lộ thiên đắp nổi để tránh mảnh bom, pháo. Đây cũng là đoạn đường duy nhất nối liền Vĩnh Giang với các xã phía nam. Nhắm vào địa thế hiểm yếu và bất lợi này, kẻ địch bắn phá suốt ngày đêm, gây cho ta không ít tổn thất khi phải vận chuyển hàng hóa và thương binh, liệt sĩ khi qua đây. Vì vậy, đoạn đường này được mang tên là "Cồn Cỏ".

Vượt được đoạn đường "Cồn Cỏ" là một quyết tâm lớn, một chiến thắng lớn của đội quân phục vụ tiền tuyến. Song do yêu cầu cấp thiết, việc vận chuyển phục vụ chiến trường của quân và dân Vĩnh Linh chưa một lần bị gián đoạn. Có khi chỉ cần huy động dân quân, thanh niên một vài xã, hợp tác xã, nhưng cũng có thời điểm gấp rút phải huy động hàng ngàn nhân lực từ nhiều xã, nhiều xí nghiệp, cơ quan, đơn vị trong toàn khu vực. Tính bình quân 2 năm 1965-1966, mỗi dân quân thanh niên Vĩnh Linh đều có ít nhất 2 lần vượt sông Bến Hải phục vụ tiền tuyến, chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở các địa phương thuộc Cam Lộ, Gio Linh. Nhiều người đã anh dũng hy sinh hoặc suốt đời mang thương tật vì phải vượt qua hàng rào bom, pháo dày đặc của địch.

5. Ngày đen tối nhất của không lực Mỹ và trận bão lửa của pháo binh bờ Bắc dội xuống căn cứ Cồn Tiên - Dốc Miếu

Giai đoạn cuối năm 1965 đầu năm 1966, sau những thất bại ngày càng nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược đối với cuộc chiến ở Việt Nam, tiếp tục leo thang chiến tranh, đẩy mức độ ác liệt lên đỉnh điểm với tên gọi là "chiến tranh cục bộ". Cùng với việc tăng vọt chi phí cho cuộc chiến tranh xâm lược, tăng thêm quân cho chiến trường, tăng số phi vụ đánh phá bằng các loại máy bay, dùng tuần dương hạm, khu trục hạm thuộc Hạm đội 7 - Thái Bình Dương bắn pháo vào đất liền suốt dọc dải đất từ Vĩnh Linh - Quảng Bình

ra các địa phương miền Bắc, dùng tàu biệt kích thâm nhập sâu vào vùng biển gần bờ để đánh phá.

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy và Bộ Chỉ huy quân sự khu vực Vĩnh Linh, các lực lượng vũ trang trên địa bàn và dân quân các xã nêu cao cảnh giác, sẵn sàng đánh trả, đập tan âm mưu của kẻ thù.

9 giờ sáng ngày 04/11/1966, 2 tàu lớn của địch đi từ hướng Quảng Bình vào với âm mưu đánh phá các địa phương thuộc vùng biển Vĩnh Linh. Song, tại đây, ta bố trí cụm pháo binh đã ém sẵn ở Vĩnh Kim, gồm 4 đại đội pháo 57 ly, 85 ly và 100 ly. Cụm pháo binh Vĩnh Kim đợi tàu địch vào thật gần bờ rồi tập trung hỏa lực đánh vỗ mặt, khiến 1 tàu khu trục bị trọng thương. Máy bay đến cứu nguy cho tàu bị pháo phòng không của ta bắn hạ tại trận. Ngược lại, bên ta vẫn an toàn cả người lẫn pháo do phòng tránh tốt và nghi binh giỏi.

Thi đua với pháo mặt đất, pháo phòng không cũng hạ quyết tâm bắn rơi máy bay địch ngay từ loạt đạn đầu. Mặc dù cả khu vực Vĩnh Linh lúc này chỉ có một tiểu đoàn pháo cao xạ 37 ly và 2 trung đội súng 12,7 ly. Tiểu đoàn cao xạ 37 ly có 3 đại đội thì một đại đội có nhiệm vụ bảo vệ đập nước La Ngà, một đại đội thường xuyên cơ động ra vùng rừng núi tây Quảng Bình để bảo vệ tuyến giao thông ở đây, trở lại địa bàn một thời gian thì phải ra Bắc để tăng cường thêm trang thiết bị và huấn luyện tân binh. Vì vậy, thực chất chiến đấu tại Vĩnh Linh lúc này chỉ có một đại đội pháo 37 ly, với 4 khẩu. Ở địa bàn Vĩnh Linh lúc này, đâu cũng là trọng điểm đánh phá của máy

bay Mỹ. Đại đội 37 ly phải cơ động khắp nơi để bảo vệ dân, xua đuổi máy bay Mỹ. Hỏa lực mỏng nhưng có ngày đánh liên tục 8 trận, di chuyển ngược xuôi rất vất vả. Quyết không để máy bay địch ngang nhiên tàn sát nhân dân, cuối tháng 10/1966, trước tình hình ngày một ác liệt, Quân khu IV điều thêm một tiểu đoàn pháo cao xạ 37 ly từ bắc Quảng Bình vào tăng cường cho Vĩnh Linh. Với hỏa lực đã dày lên, Đảng ủy Khu vực và Bộ Chỉ huy quân sự khu vực quyết định dùng cả 2 tiểu đoàn bố trí một trận phục kích diệt máy bay Mỹ, với tổng số 24 khẩu pháo 37 ly cùng hàng chục nòng súng phòng không 14 ly, 12,7 ly, kết hợp với các loại súng bộ binh. Có 4 địa điểm được đưa ra để xây dựng trận địa phục kích gồm: Vĩnh Cháp, Vĩnh Nam, thôn Cầu Điện (Vĩnh Long) và vùng phía tây xã Vĩnh Thủy. Sau khi bàn bạc, thảo luận, Đảng ủy khu vực quyết định chọn khu đồi phía tây xã Vĩnh Thủy làm trận địa phục kích diệt máy bay Mỹ. Đây là một vùng đồi thấp, có cây cối mọc lúp xúp, xạ giới rộng, quan sát được xa, lại dễ ngụy trang. Điều quan trọng là ở vùng này, ngoài đại đội pháo 37 ly bố trí cố định để bảo vệ đập nước La Ngà thì lực lượng phòng không của ta chưa bao giờ đưa pháo cao xạ vào đây, vì vậy máy bay địch rất chủ quan khi bay qua vùng đồi này.

Tối ngày 30/10/1966, dân quân xã Vĩnh Thủy bắt đầu đào công sự theo sự hướng dẫn của bộ đội. Để giữ bí mật, công việc này chỉ được phép làm về đêm. Đào đến đâu ngụy trang đến đó. Công sự vừa xong thì tập trung nhân lực kéo pháo vào trận địa. Đây là quãng thời gian rất gian

khổ cho cả bộ đội lẫn dân quân và nhân dân xã Vĩnh Thủy. Những ngày tháng này như để thử thách quyết tâm, ý chí của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Vĩnh Linh. Trời đổ mưa to và kéo dài, đường lầy lội, lại vận hành mọi thứ vào ban đêm khiến xe pháo sa lầy, có nơi nhân dân phải tháo cả nhà để lót đường cho xe kéo pháo vào. Trên trời, máy bay phản lực các loại quần thảo ném bom, máy bay trinh sát L19, OV10 lượn lơ, dòm ngó... Kiên trì và nhẫn nại, khắc phục mọi gian khổ, thiếu thốn; chỉ bằng sức người nhưng với quyết tâm cho một trận phục kích bất ngờ, bộ đội cùng với dân quân xã Vĩnh Thủy đã hoàn thành việc xây dựng trận địa phục kích trước dự kiến. Các ngày 7, 8, 9 và 10/11/1966, máy bay địch không đánh phá vùng này. Trận địa vẫn giữ được bí mật tuyệt đối. Bộ đội, dân quân được dịp nghỉ ngơi lấy sức.

6 giờ sáng ngày 11/11/1966, máy bay địch xuất hiện trên vùng trời trận địa. Bộ đội các tiểu đoàn pháo vào báo động cấp 1.

07 giờ, Tiểu đoàn 6 pháo cao xạ Vĩnh Linh và Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 218 bắn rơi một chiếc máy bay trinh sát L19 tại Hói Cụ (Vĩnh Sơn).

07 giờ 30 phút, 2 chiếc máy bay phản lực AD6 từ biển lao vào trận địa cất bom. 24 khẩu pháo 37 ly đồng loạt khai hỏa. Chiếc đi đầu bốc cháy, rơi cách trận địa pháo 2 km. Tên giặc lái nhảy dù và bị dân quân Vĩnh Thủy bắt ngay khi vừa rơi xuống vùng đồi.

Phát hiện có pháo cao xạ, địch phản ứng mạnh. Máy bay phản lực từ các hướng kéo đến vây tròn trên vùng

trời trận địa, đan dọc ngang nhưng không dám sà xuống thấp hoặc chỉ lảng vảng ở vòng ngoài. Không một chiếc nào dám đi vào trận địa để cắt bom, chỉ lượn lơ cót để thăm dò lực lượng và cỡ pháo phòng không của ta. Trận địa vẫn được ngụy trang kỹ, không lộ dấu vết, 24 nòng pháo im lìm dưới tán lá ngụy trang, kiên nhẫn chờ đợi thời cơ.

Đến 08 giờ, sau một hồi thăm dò, 2 tốp gồm 4 chiếc máy bay phản lực F4 từ hướng biển bay vào bờ nhào, cắt bom xuống trận địa. Pháo bộ đội và súng phòng không của dân quân Vĩnh Thủy phối hợp nổ đồng loạt, bắn rơi tại chỗ 2 chiếc. 4 tên giặc lái nhảy dù, 1 tên chết, còn 3 tên khác bị dân quân xã Vĩnh Thủy và Vĩnh Trung bắt sống. Ngay sau đó, một chiếc trực thăng HU1A từ bờ Nam bay ra cứu giặc lái đã bị đại đội súng cối của dân quân Vĩnh Thủy đang huấn luyện cách trận địa 2 km, bắn trọng thương tại Lai An, phải bay trở lại.

09 giờ 30 phút, một chiếc phản lực F8U từ hướng tây bay tới, chệch ngang một đường thẳng qua trận địa. Một lưới lửa pháo và súng phòng không trùm lên nó. Chiếc máy bay cháy và rơi xuống địa bàn xã Vĩnh Hòa. Tên giặc lái cũng bị dân quân và người dân ở đây bắt sống.

12 giờ 30 phút, địch tiếp tục đánh mạnh vào trận địa. 2 chiếc phản lực A4D lao tới. Chiếc đi đầu thả bom ào ạt nhưng bay ở tầm cao, pháo ta không bắn, chờ đợi. Chiếc bay sau chủ quan, sà xuống thấp để cắt bom nhưng chưa kịp hành động đã trúng đạn. Tên giặc lái không kịp nhảy dù đã chết thiêu với máy bay của hắn.

12 giờ 50 phút, thêm 1 chiếc phản lực F4H đến bắn phá bị trúng đạn, bốc cháy và rơi xuống vùng đất thuộc xã Vĩnh Nam, 2 tên giặc lái nhảy dù bị dân quân xã Vĩnh Hiền bắt gọn.

13 giờ 8 phút, một chiếc trực thăng A3J trúng đạn rơi xuống Vĩnh Lâm, tên giặc lái nhảy dù, nhờ gió thổi mạnh nên thoát qua được bờ Nam.

Máy bay địch lòng lộn đánh trả quyết liệt, kéo đến đen đặc bầu trời nhưng sau những tổn thất liên tiếp, chúng đã sợ, không dám liều lĩnh bay vào vùng trời của trận địa mà chỉ thả bom các làng mạc xung quanh.

Đến 18 giờ, nắng tắt, sương xuống phủ mờ núi rừng. Một hồi kèn báo lệnh cấp 3 vang lên. Bộ đội nhảy từ mâm pháo xuống, dân quân khắp trận địa kéo về reo hò mừng chiến thắng. Nhân dân các làng quanh trận địa ùn ùn kéo ra chung vui cùng bộ đội.

Trận đánh ngày 11/11 thành công vang dội. Một trận hiệp đồng tác chiến tuyệt vời giữa các lực lượng: Bộ đội cao xạ, dân quân và nhân dân; một sự phối hợp nhuần nhuyễn và chặt chẽ giữa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tổ chức bắt giặc lái, nghi trang, ngụy trang đánh lừa địch rất ngoạn mục. Suốt 1 ngày chiến đấu, qua 9 đợt liên, với 2.637 viên đạn cao xạ 37 ly, 2.454 viên đạn 14,5 ly, 3.838 viên đạn 12,7 ly cùng đại liên, AK, CKC; bộ đội cao xạ cùng quân và dân Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh đã bắn rơi tại chỗ 6 máy bay phản lực Mỹ (chưa kể các loại máy bay trinh sát khác), 1 giặc lái chết, bọn còn lại đều bị bắt sống.

Đây là trận đánh đạt hiệu suất cao nhất trong chiến tranh phá hoại ở Vĩnh Linh nói riêng và trên toàn miền Bắc nói chung: bắn rơi nhiều máy bay tại chỗ nhất, bắt sống nhiều giặc lái nhất, quân ta tổn thất ít nhất (có 1 bộ đội hy sinh).

Tại Sài Gòn, lúc 20 giờ ngày 11/11, người phát ngôn Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ đọc bản thông báo thường lệ về tình hình quân sự trong ngày: “... Những tổn thất về phi cơ và người lái phía trên Vĩ tuyến 17 hôm nay được coi là nặng nhất trong cuộc chiến tranh Việt Nam”. Trước báo giới của phương Tây và Sài Gòn, y rầu rĩ nói thêm “Đây là một ngày đen tối của không quân Mỹ”¹.

Sau chiến thắng ngày 11/11/1966 vang dội ở khu vực Vĩnh Linh, ngày 15/11/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen quân và dân Vĩnh Linh đánh giỏi, thắng lớn, Bác viết: “... Đó là chiến công oanh liệt của một địa phương trong một ngày. Giặc Mỹ đã phải thú nhận đó là ngày đen tối cho không quân chúng... Các địa phương hãy ra sức thi đua đánh giỏi, thắng lớn như Vĩnh Linh...”².

Ngày 01/01/1967, thêm một phần thưởng cao quý đến với Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh: Quốc hội và Hội đồng Chính phủ quyết định tặng Vĩnh Linh danh hiệu Anh hùng vì đã có công lớn trong chiến đấu, sản xuất, phục vụ tiền tuyến và giữ vững địa bàn. Vĩnh Thủy,

địa phương trực tiếp có nhiều công trạng nổi bật, cùng với nữ Xã đội phó dân quân Trương Thị Khuê được phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Báo *Nhân Dân* số ra ngày 01/01/1967 đã đăng trang trọng trên trang nhất dòng tít lớn “Vĩnh Linh lũy thép anh hùng”.

Trước những thất bại liên tiếp và tổn thất nặng nề, đế quốc Mỹ càng điên cuồng cho máy bay ném bom, bắn pháo từ bờ Nam, pháo hạm tàu từ biển bắn phá vào. Chỉ tính trong tháng 11/1966, máy bay địch đã 754 lần ném bom xuống Vĩnh Linh. Tập trung nặng nhất vào các xã: Vĩnh Trường 91 lần, Vĩnh Sơn 63 lần, Vĩnh Kim 82 lần, Vĩnh Tú 73 lần. Về tàu thủy, thường xuyên có từ 4-6 chiếc, đã 24 lần xâm phạm bờ biển Vĩnh Linh pháo kích vào đất liền. Có lúc như đêm 10/11/1966, chúng đã bắn 508 quả pháo lớn vào các xã Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Trung, Vĩnh Tú... gây cho ta nhiều thiệt hại: 94 người chết, 63 người bị thương, trên 200 gia súc bị sát hại và 100 ngôi nhà bị cháy, sập. Song, tinh thần của quần chúng nhân dân vẫn lên cao, tin tưởng tuyệt đối ở sự lãnh đạo của Đảng, hợp đồng chặt chẽ giữa quân và dân. Những địa phương bị địch đánh phá ác liệt như: Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, Vĩnh Tú, Vĩnh Thái... tinh thần chiến đấu của quân và dân vẫn rất dũng cảm, quyết tâm bám trụ.

Cuối năm 1966, sau thiệt hại lớn về máy bay và người lái, đặc biệt từ trận đánh ngày 11/11 trên vùng đồi núi Vĩnh Thủy; địch thay đổi chiến thuật ném bom vào khu vực Vĩnh Linh, chúng không tập trung máy

1. *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Sđd, tr.79.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.199.

bay đánh phá ô ạt như giai đoạn trước mà chuyển qua đánh từng tốp lẻ, phân tán, đánh nhiều vùng, nhiều hướng, đánh nhanh rút nhanh. Rõ ràng, cách đánh của ta trong giai đoạn trước đã làm thất bại chiến thuật tập trung sức mạnh ô ạt về không quân của địch. Từ chỗ bay thấp để bổ nhào cất bom, địch phải bay cao là chính, đồng thời kết hợp chặt chẽ các loại binh chủng máy bay, pháo hạm tàu và pháo từ các căn cứ ở bờ Nam đánh phá ác liệt, đánh liên tục và dai dẳng gần như suốt 24 giờ trong ngày. Ở mặt biển, địch cũng hạn chế dùng tàu Vơéc đột kích, phục kích và không dám tiến sát gần bờ. Đặc biệt, càng ngày chúng càng tăng cường kiểu ném bom tọa độ. Vào lúc Mỹ triển khai chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đổ quân viễn chinh với các sư đoàn lính thủy đánh bộ thiện chiến nhất thay thế nguy quân để chiếm đóng vùng bắc Quảng Trị thì cường độ đánh phá của chúng càng ác liệt hơn.

Đêm ngày 17/01/1967, chưa bao giờ người dân Vĩnh Linh thấy bom tọa độ dày đặc đến mức ấy. Cứ 15 phút lại có một loạt bom tọa độ, trải từ miền biển đến đồng bằng lên vùng rừng núi. Đồng thời, từ các chiến hạm ngoài khơi và các căn cứ trên đất liền, trọng pháo Mỹ dựng một hàng rào lửa dọc bờ sông Bến Hải. Các loại pháo cỡ lớn 105 ly, 155 ly, 203 ly từ hạm đội 7 liên tục rót vào đất liền Vĩnh Linh những quả đạn với sức công phá tương đương những quả bom từ máy bay thả xuống. Từ phía tây Quảng Trị, máy bay B52 rải thảm với mật độ dày đặc, từ xa nghe tiếng bom B52 vọng về từng chuỗi như những hồi trống ngũ liên đánh trong lòng đất.

Sau một đêm B52 rải thảm dọn đường, sáng ngày 11/01/1967, sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ bắt đầu triển khai lực lượng đóng chốt, hy vọng tạo thành một hàng rào bất khả xâm phạm dọc ranh giới quân sự tạm thời phía Nam. Sư đoàn 3 này, từng được mệnh danh là “Sư đoàn Bắc tiến”, là con cưng của quân lực Việt Nam Cộng hòa, bị đẩy lùi lại phía sau, làm công việc đồn dân bình định. Đông Hà trở thành một căn cứ quân sự lớn của quân viễn chinh Mỹ. Những phương tiện chiến tranh hiện đại ô ạt đổ xuống các căn cứ như: miếu Bái Sơn, Cồn Tiên, Dốc Miếu, điểm cao 241.

Đối mặt với Vĩnh Linh lúc này là 25.000 quân Mỹ.

Ngày 06/02/1967, Mỹ bắt đầu dùng hóa chất độc nhằm phát quang khu phi quân sự phía Nam sông Bến Hải. Ngày 10/02/1967, Mỹ tăng cường lực lượng pháo binh trên toàn bộ các cứ điểm ở Mặt trận Đường 9. Dốc Miếu, Cồn Tiên trước kia mỗi căn cứ chỉ có 1 đại đội với 4 khẩu pháo 105 ly, nay tăng lên mỗi căn cứ 1 tiểu đoàn 12 khẩu 105 ly và 155 ly. Đáng chú ý là sự xuất hiện của tiểu đoàn pháo 175 ly ở Đông Hà. Đây là loại pháo hạng nặng, được mệnh danh là “vua chiến trường”, có tầm bắn xa đến 33 km, đạn nổ gây sát thương trong bán kính 90 m. Pháo 175 ly là loại vũ khí địch chuyên dùng để bắn sâu vào hậu phương ta. Cho đến lúc ấy, cả chiến trường miền Nam, Mỹ mới đưa sang 2 tiểu đoàn pháo 175 ly. Ngày 16/02/1967, Mỹ đưa 1 đại đội với 4 khẩu pháo 175 ly ra Dốc Miếu, 1 đại đội chuyển lên cao điểm 241 (Carroll),

còn 1 đại đội vẫn để lại Đông Hà¹. Ngày 24/02/1967, từ căn cứ Dốc Miếu, những khẩu pháo “vua chiến trường” khai hỏa với những viên đạn pháo 175 ly mang đầu nổ nặng 68 kg, tương đương với một quả bom. Thôn Cổ Trai (Vĩnh Giang) là địa phương đầu tiên hứng chịu loạt đạn này. Một quả pháo nổ xuyên vách hầm đã làm chết 2 mẹ con gia đình anh dân quân Lê Ngọc Bái và 2 đứa con nhà bác Trọng. Tội ác này đánh dấu cho một thủ đoạn chiến tranh tàn bạo mà đế quốc Mỹ gây ra trên mảnh đất Vĩnh Linh². Nếu như trước đây 2 tháng, bom tọa độ được coi là ghê gớm nhất, thì bây giờ mối nguy ấy đã xuống hàng thứ hai. Pháo mới là đáng sợ hơn hết. Cũng như bom tọa độ,

1. Để khuếch trương sức mạnh của loại vũ khí này, đêm 13, rạng ngày 14/02/1967, máy bay Mỹ rải xuống Vĩnh Linh loại truyền đơn mới: ảnh chụp khẩu pháo 175 ly có tên lính Mỹ đội mũ sắt ngồi trên nóc xe với câu chú thích phía sau: “Những súng đại bác cực nhanh này đã bắn chưa? Chưa. Nếu đã bắn thì các bạn đâu còn đọc được truyền đơn này!”. Ngày 27/02/1967, từ cao điểm 241 mà bọn Mỹ đặt tên là trại “Carôn” (Camp Carroll), một phóng viên Hãng thông tấn Anh Roitơ (Reuters) đã phát đi bản tin sau đây: “Các đại bác lớn nhất của Mỹ đã hoàn thành ngày thứ nhất cuộc tiến công liên tục vào Bắc Việt Nam. Các đại bác này bắn thường xuyên qua khu phi quân sự vào đêm chủ nhật. Những quả đại bác nặng 68 kg, được đặt trên một cao nguyên trống trải ở ngay phía Nam khu giới tuyến quân sự. Các loại đại bác hạng nặng này không bị cản trở vì thời tiết xấu và đêm tối như máy bay”.

2. Sau sự kiện này, tại Nhà Trắng, một phóng viên chất vấn Tổng thống Mỹ Johnson về mục tiêu mà “vua chiến trường” hướng tới phải chăng là phụ nữ và trẻ em vô tội. Y vội vàng xua tay lấp liếm: “Không, không, tôi nghĩ rằng đó chỉ là một biện pháp tự vệ...”.

Dẫn theo: *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Sdd, tr.94.

cái chết do pháo gây ra không hề được báo trước, dù một tích tắc, vì chúng có thể ập xuống bất cứ khi nào. Khu vực Vĩnh Linh vốn đã hẹp, phần lớn dân cư tập trung ở 12 xã đồng bằng, ngang dọc không quá 20 km. Các trận địa pháo địch ở Gio Linh và pháo ở Hạm đội 7 dễ dàng bắn suốt chiều ngang, từ bờ biển lên đến chân núi Hướng Lập và suốt chiều dọc từ Hiền Lương ra đến Hạ Cờ (Vĩnh Cháp). Riêng các khẩu pháo 175 ly ở căn cứ Dốc Miếu có thể bắn ra tận Sen Thủy (Lệ Thủy, Quảng Bình). Tuy hiệu quả của pháo binh Mỹ rất thấp, nhưng chúng có nhiều pháo, nhiều đạn, bắn vô tội vạ, bắn suốt đêm ngày, nên đã gây ra mối đe dọa thường trực. Cái chết luôn hiện hữu trước mắt mọi người. Thương vong về người do pháo ở các xã ngày một tăng, nhất là các xã nằm trong vùng phi quân sự.

Không thể để địch tiếp tục làm mưa làm gió, Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho Vĩnh Linh tìm cách đánh trả pháo địch ở Dốc Miếu, Cồn Tiên. Đại tá Đàm Quang Trung - Tư lệnh Mặt trận B5 - thay mặt Bộ Tư lệnh trực tiếp truyền đạt mệnh lệnh chiến đấu cho Đảng ủy, Bộ Chỉ huy quân sự khu vực Vĩnh Linh. Liên sau đó, Thường vụ Đảng ủy khu vực và Bộ Chỉ huy quân sự khu vực Vĩnh Linh họp bàn với lãnh đạo Trung đoàn 270, bàn và chốt phương án tác chiến. Vấn đề mấu chốt là làm sao giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ về trận địa và hỏa lực. Trận địa pháo chính được lựa chọn, đặt trên vùng đất thuộc Vĩnh Thủy và Vĩnh Sơn; đồng thời ta tiến hành xây dựng hàng loạt trận địa giả ở các địa phương Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim, Vĩnh Quang để ngụy trang, đánh lừa địch.

Ngày 04/3/1967, theo chỉ đạo của Khu ủy, Bộ Tư lệnh quân sự khu vực Vĩnh Linh giao nhiệm vụ cho Đại đội 4 pháo mặt đất dùng súng cối áp chế địch ở Dốc Miếu. Chấp hành mệnh lệnh, ngay trong đêm hôm ấy, Đại đội 4 luồn lách dưới làn pháo địch, vượt đèo Tùng Luật đưa cối vào áp sát hàng rào, bắn 36 quả. Những dàn pháo các cỡ ở Dốc Miếu cùng 4 khẩu 175 ly bị bất ngờ, chỉ bắn vài loạt phản ứng yếu ớt. Thấy cối phát huy được hiệu quả, Bộ Tư lệnh quân sự khu vực lệnh cho Đại đội trưởng Đại đội 11 kéo pháo 85 ly ra sát bờ sông Bến Hải bắn trả pháo địch ở Dốc Miếu nhằm đánh lạc hướng phán đoán của địch. Sau khi dựng xong trận địa chính, để rà soát lần cuối, ta dùng 2 khẩu ở Vĩnh Thạch và 1 khẩu ở Vĩnh Giang bắn để nhận định phản ứng của địch. Pháo 175 ly của địch được mệnh danh là "vua chiến trường", nghe thì ghê gớm nhưng kỳ thực không có gì đáng sợ. Mỗi lần nạp đạn, chúng phải hạ nòng xuống, nạp xong, lại ngóc đầu lên để bắn. Vì thế rất chậm chạp, chỉ 2-3 phút mới bắn được một phát. Pháo của Đại đội 11 đã nạp đạn sẵn sàng, hễ thấy nòng 175 ly của địch ở Dốc Miếu nhô lên là bắn liền. Vì thế bọn pháo thủ rất sợ, chỉ dám bắn vào ban đêm.

Ngày 20/3/1967, Trung đoàn 164 (còn gọi là Trung đoàn pháo binh Bến Hải), đơn vị pháo binh thuộc Quân khu IV, có vinh dự nhận nhiệm vụ dùng pháo có xe kéo vào trận địa đã chuẩn bị ở Vĩnh Linh để đánh trả căn cứ pháo binh địch ở Dốc Miếu. Để chốt phương án tác chiến cho trận bão lửa xuống Cồn Tiên, Dốc Miếu, Trung đoàn 164 vạch ra kế hoạch cụ thể: dùng Tiểu đoàn 1 pháo 100 ly và Tiểu đoàn 11 pháo 105 ly, với 24 khẩu, đặt trận

địa chính đặt ở điểm cao 13, ngay sát bờ sông Bến Hải. Đưa 2 đơn vị: Đại đội 13 và Đại đội 11 pháo binh về phía đông bảo vệ bờ biển. Các đại đội súng cối 1, 2, 4 cùng với các đơn vị súng cối của dân quân 3 xã: Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm hợp thành 2 đơn vị tác chiến. Khi pháo hành quân chiếm lĩnh trận địa, 2 đơn vị tác chiến này có nhiệm vụ vượt sông, luồn vào sát các căn cứ Cồn Tiên, Dốc Miếu bắn suốt đêm gây náo động để bịt tai địch. Khi pháo bắn, cối sẽ áp chế pháo địch, không để chúng bắn trả sang bờ Bắc. Ngoài ra, cử Đại đội cối 82 ly thuộc Trung đoàn 270 bí mật áp sát căn cứ Dốc Miếu tổ chức đánh bồi. Ở khu tây, bốn trận địa giả do dân quân 3 xã: Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy xây dựng làm nhiệm vụ nghi binh. Khu đông, một loạt các trận địa giả do dân quân các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim, Vĩnh Quang xây dựng để đánh lừa địch tương tự như ở khu tây. Toàn bộ lực lượng phòng không của khu vực Vĩnh Linh lúc này gồm: một tiểu đoàn cao xạ 37 ly, một tiểu đoàn 12,7 ly, một đại đội AM có 5 xe bọc thép gắn súng máy hai nòng 14,5 ly sẽ dốc hết sang Vĩnh Thủy để bảo vệ trận địa pháo. Toàn bộ hoạt động chuẩn bị, phương án tác chiến, hỏa lực, địa điểm, thời điểm đánh... đặt dưới sự chỉ đạo của Sở chỉ huy dã chiến Mặt trận B5 đóng ở Mỹ Lộc (Vĩnh Cháp), do đồng chí Lê Ngọc Hiền - Phó Tư lệnh trực tiếp chỉ huy.

Để đưa 24 khẩu pháo có xe cơ giới vận hành cùng một lượng vũ khí, phương tiện, khí tài phức tạp khác vào trận địa là một công việc vô cùng gian nan. Việc hành quân phải vào ban đêm, đường nhỏ và lầy lội, xe cơ giới và pháo

công kênh rất khó di chuyển, lại phải vượt sông Sa Lung bằng phà dã chiến. Trên trời, như đánh hơi được sự dịch chuyển lớn về lực lượng, khí tài của ta ở vùng này nên máy bay trinh sát các loại của địch như OV10, L19 lượn lơ nhòm ngó suốt ngày đêm, bom tọa độ đánh liên tục, pháo địch nện cấp tập xuống hai bờ các bến vượt sông... Dưới mưa bom bão đạn, cuộc hành quân chiếm lĩnh trận địa vẫn được thực hiện gấp rút. Góp sức cho cuộc hành quân gian khổ của bộ đội, bà con xóm Bàu, Thủy Ba Tây (Vĩnh Thủy), Duy Viên, Tiên Mỹ (Vĩnh Lâm) đã đem gỗ, ván, chặt hàng ngàn bó bồi ra lót đường, chống lầy cho xe pháo hành quân suốt đêm. Ban chủ nhiệm Hợp tác xã Thủy Ba Hạ đã cho người mang trâu ra kéo pháo giúp Đại đội 1 và Đại đội 2 vào chiếm lĩnh trận địa ở những địa hình quá hẹp, ô tô không vào được. Đồng chí Thuộc, công nhân Ty Giao thông Vĩnh Linh, đưa máy húc ra kéo khẩu pháo 100 ly của tiểu đoàn bị chìm xuống sông khi qua phà Sa Lung. Cứu được pháo, đồng chí đã anh dũng hy sinh vì một loạt pháo địch từ bờ Nam ập xuống.

Tròn 20 ngày chuẩn bị nhân lực, vật lực, xây dựng trận địa, hành quân kéo pháo vào chiếm lĩnh trận địa; bộ đội pháo binh, quân và dân Vĩnh Linh đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và hy sinh.

Chiều ngày 20/3/1967, Lê Quý Tương, Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 1, đã dẫn một tổ trinh sát mang khí tài đo đạc, vượt sông Bến Hải, luồn vào Tân Bích, cách Dốc Miếu chừng 1,5 km, dùng máy vô tuyến điện chỉ huy pháo bắn. Đài quan sát chính của trận địa đặt trên điểm cao 94 ở Vĩnh Hiền cùng các đài quan sát khác đặt trên các điểm

cao ở Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Thủy và cột cờ Hiền Lương. Hàng chục ống nhòm có bội số lớn chĩa vào Dốc Miếu, bám chặt từng cử động nhỏ của địch.

Ngày 21/3/1967, trận bão lửa của pháo binh bờ bắc dội xuống Cồn Tiên, Dốc Miếu bắt đầu. Đến 14 giờ cùng ngày, địch đổ quân xuống Dốc Miếu. Từng tốp máy bay lên thẳng từ phía Đông Hà bay tới tập ra đổ quân Mỹ (thuộc Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến). Đúng 18 giờ 16 phút, 24 quả đạn đầu tiên của ta chụp trúng nhóm lính Mỹ đang nghênh ngang trên Dốc Miếu. Tiếp sau đó là một trận bão lửa ào ạt đổ xuống đầu lính Mỹ ở cứ điểm. Lửa cháy sáng rực cả vùng trời. Từ các đài quan sát liên tiếp báo tin về thiệt hại của địch. Toàn bộ căn cứ Dốc Miếu rộng 6 mẫu, pháo của ta chủ trương không bắn rộng, chỉ tập trung vào 3 mẫu phía Nam, bắn theo kiểu cày đi cày lại, đảm bảo tiêu diệt sạch sinh lực, vật lực và hỏa lực địch ở đó.

Các trận địa pháo địch ở Cồn Tiên bắn trả sang bờ Bắc đúng 3 quả, lập tức từ 4 phía, đạn cối của các đơn vị ập xuống áp chế. Pháo địch chịu không thể khai hỏa cho đến tận sáng hôm sau.

30 phút sau, địch tiếp tục đổ quân bằng trực thăng. Lưới lửa pháo 100 ly, 105 ly từ trận địa bờ Bắc và cối 82 ly tiếp tục rót xuống cứ điểm. Những cột lửa bùng lên nhập vào đám cháy khổng lồ đang ngày một lan rộng trên Dốc Miếu. Theo kế hoạch, 2 tiểu đoàn sẽ bắn 1.200 viên đạn trong nửa tiếng đồng hồ, nhưng mới 10 phút đã hết 1.000 viên. Kết quả, ta diệt 1.070 tên địch, hầu hết là lính thủy đánh bộ Mỹ, phá hủy 22 xe tăng và xe M113, 37 xe

vận tải, 5 máy bay lên thẳng, tiêu hủy một kho xăng, 2 kho đạn.

19 giờ 45 phút, trận đánh kết thúc. Hai tiểu đoàn pháo rút lui an toàn.

Ngày 27/7/1967, pháo binh cơ giới Vĩnh Linh lại tiếp tục trận bão lửa lần 2 bắn phá căn cứ Dốc Miếu. Lần này, uy lực của pháo ta còn lớn hơn lần trước. Đánh ngay giữa ban ngày, mới 16 giờ 13 phút, pháo binh ta đã nổ súng. Trong nửa tiếng đồng hồ, Trung đoàn pháo binh Bến Hải đã bắn 1.500 viên đạn pháo HA12 (CACHIUSA), dân quân tự vệ bắn 400 quả đạn cối. Pháo binh, không quân, hải quân địch không kịp phản ứng. Ta tiêu diệt 300 tên Mỹ, tiêu hủy 2 xe M113, 2 kho đạn, 2 kho xăng, 11 khẩu pháo 105 ly, 155 ly và 175 ly, 13 xe ô tô.

Cũng từ sau trận pháo kích lần 2 này, toàn bộ cảnh sát nguy ở đồn Xuân Hòa quá sợ phải xin phép ta ôm cò ba sọc chạy vào Nam. Mười ngày sau, Mỹ đưa một chiến đoàn nguy hộ tống một đại đội cảnh sát ra chiếm lại Xuân Hòa. Mục đích của chúng là tiếp tục treo cò nguy ở bờ Nam. Tuy nhiên, trên đường hành quân, chúng đã vấp phải một trận pháo kích dữ dội của ta dội xuống Cao Xá. Cả chiến đoàn nguy và cảnh sát đạp nhau bỏ chạy vào Đông Hà. Từ đây, trên bầu trời 2 bờ dòng Bến Hải chỉ còn một lá cờ đỏ sao vàng kiêu hãnh tung bay.

Ngày 02/5/1967, cùng với các lực lượng trên toàn chiến trường, bộ binh và pháo binh Vĩnh Linh phối hợp vây ép Cồn Tiên, đồng thời đánh phá liên tục các căn cứ của địch trên toàn chiến trường Bắc Quảng Trị như: Đông Hà, Dốc Miếu, Gio Linh, điểm cao 241, Bái Sơn, Hồ Khê,

Khe Sanh... làm cho 25.000 lính thủy đánh bộ Mỹ đóng ở Dốc Miếu, Cồn Tiên rơi vào thế tuyệt vọng. Hãng thông tấn AP đưa tin, trong cuộc chiến tranh ở phía Nam khu phi quân sự, lính thủy đánh bộ Mỹ bị thương vong lớn hơn bất cứ lực lượng nào đóng ở nước này. Các máy bay ném bom của Mỹ không thể nào bịt miệng các khẩu đại bác hạng nặng, rốc két và súng cối của Cộng sản - chính các loại vũ khí này đã gây ra phần lớn thương vong trong số 8.000 quân Mỹ đóng ở vùng này...

Cũng thời gian trên, các lực lượng phòng không khu vực Vĩnh Linh cũng đã lập được chiến công xuất sắc: bắn rơi máy bay thứ 100 của giặc Mỹ. Nhân sự kiện này, ngày 12/5/1967, Bác Hồ gửi thư khen: "... Bác rất vui lòng được tin Vĩnh Linh bắn rơi 100 máy bay Mỹ... và trừng trị đích đáng pháo binh Mỹ. Sản xuất và phòng không nhân dân Vĩnh Linh cũng tốt... Nhiều địa phương đang ra sức học tập, thi đua với Vĩnh Linh..."¹.

Mặc dù thất bại nặng nề nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ mục tiêu. Giữa năm 1967, ngoài ném bom rải thảm, pháo kích từ bờ Nam và hạm tàu suốt ngày đêm xuống Vĩnh Linh, đế quốc Mỹ bắt đầu một thủ đoạn mới: dùng máy bay rải chất độc hóa học xuống địa bàn Vĩnh Linh. Trước hết là 5 xã dọc sông Bến Hải, từ Cửa Tùng lên Vĩnh Sơn. Ngoài cây cối, hoa màu, các rừng cây bị hủy hoại, đã có 390 người bị nhiễm độc tại chỗ, hàng ngàn người bị ảnh hưởng chất độc. Ngoài ra, địch tăng cường hoạt động biệt kích thám báo ở vùng rừng núi phía tây

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.342.

Vĩnh Linh để nắm tình hình lực lượng vũ trang của ta trên tuyến chi viện Bắc - Nam cho chiến trường miền Nam. Ngày 04/5/1967, địch dùng 5 trực thăng đổ xuống nam Cù Bai 50 tên thám báo. Ngày 05/5/1967, chúng lại cho 2 trực thăng hạ xuống đồi PaTăng (bắc Cù Bai). Cả 2 lần địch xuống quan sát nhanh rồi bốc đi nhanh, đồn Cù Bai không kịp đối phó. Trước tình hình mới, Đại tá Tham mưu trưởng Huỳnh Thủ đã chỉ thị cho Công an vũ trang Vĩnh Linh điều một trung đội cơ động do đồng chí Tham mưu phó phụ trách, trực tiếp chỉ huy lên Cù Bai để cùng hiệp đồng với lực lượng địa phương tăng cường bảo vệ vùng này. Để phối hợp với lực lượng công an, Khu đội đã tăng cường cho Hướng Lập một số hỏa lực như cối 82 ly, súng phòng không 12,7 ly và cử một số cán bộ tham mưu trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo lực lượng dân quân xã Hướng Lập tăng cường hoạt động cảnh giác. Đồng thời, các đơn vị vũ trang giới tuyến tổ chức rút kinh nghiệm, khẩn trương bổ sung phương án chiến đấu.

Ngày 06/7/1967, máy bay trực thăng địch lại đổ xuống 3 toán thám báo ở nam Cù Bai. Các chiến sĩ công an vũ trang và dân quân đã đánh tan 1 toán, thu 1 trung liên và 2 đài vô tuyến điện. Địch bỏ chạy để lại 1 xác chết. Sau đó, địch cho đổ tiếp 1 toán thám báo hỗn hợp Mỹ - ngụy lên vùng Tà Tình, đối diện với đồn Cù Bai. Một tổ công an vũ trang phối hợp với dân quân Hướng Lập tiêu diệt 8 tên, trong đó có 1 tên Mỹ. Một toán thám báo khác đổ xuống PaTăng, một vùng hẻo lánh phía tây Cù Bai, cũng bị ta bao vây truy kích, tiêu diệt 3 tên, thu 1 máy thông tin.

Đầu tháng 5/1967, tướng Westmoreland trình lên Tổng thống Mỹ và Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân một đề nghị kèm theo bản kế hoạch chi tiết về một cuộc hành quân lấy tên là "Hích-cơ-ri Lam Sơn 58" (gọi tắt là Lam Sơn 58) nhằm giải tỏa khu vực Cồn Tiên, đánh phá hậu phương và chặt đứt con đường tiếp viện, vận chuyển lương thực, vũ khí của ta từ miền Bắc vào, đẩy lực lượng của ta ra khỏi vùng này. Đồng thời, tiến hành xúc dân trong khu phi quân sự phía Nam, biến vùng này thành vành đai trắng. Để làm được điều ấy, mục tiêu đầu tiên là tăng cường ném bom và bắn phá Vĩnh Linh. Được sự chấp thuận của Johnson, 18 giờ ngày 17/5/1967, theo đúng kế hoạch, máy bay từ nhiều căn cứ của địch đã ném 400 tấn bom xuống các vùng thuộc khu vực Vĩnh Linh suốt đêm. Cùng lúc, 6 tiểu đoàn pháo binh trên bộ đóng ở các căn cứ bờ Nam cùng pháo ở các tuần dương hạm, khu trục hạm ngoài khơi... tất cả 70 nòng bắn suốt đêm dọc xuống các làng mạc theo hai bờ sông Bến Hải.

6 giờ sáng ngày 18/5/1967, 7.000 quân thuộc Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ tiến vào khu phi quân sự phía Nam. Cuộc hành quân "Lam Sơn 58" chính thức bắt đầu. Máy bay dội bom, pháo bắn dọn đường, lính thủy đánh bộ từ trên trời ập xuống, từ 24 tàu đổ bộ dưới biển ào lên, bộ binh từ Đông Hà, Gio Linh cưỡi xe tăng, xe bọc thép tràn tới. Chúng được lệnh quét sạch, đốt sạch vùng này, hốt 10.000 dân vùng phi quân sự phía Nam vào các khu tị nạn. Chúng xông vào từng nhà, dí súng vào từng người dân, bắt phải rời bỏ quê hương, ruộng đồng, theo chúng vào khu tập trung Tân Trường (Triệu Phong). Một bộ

phận người dân buộc phải đi theo địch nhưng một số không ít nhân dân lợi dụng lúc pháo binh ta nện trúng đầu giặc, liền bỏ chạy, vượt sông Bến Hải ra Bắc. Từ Tunnel Luật (Vĩnh Giang) đến Giang Phao, Hối Cự (Vĩnh Sơn), hàng ngàn bà con từ bờ Nam bồng bế, dìu dắt nhau hốt hải ào xuống các bến sông, mặt hướng sang bờ Bắc kêu cứu. Sự việc xảy ra quá đột ngột, phương án tác chiến chưa hề có dự kiến tình huống này. Song, chỉ trong phút chốc, tất cả những gì có thể làm phương tiện vượt sông đều được đưa xuống nước. Thuyền gỗ, thuyền nan, cây chuối... không còn gì nữa thì bơi bộ sang đìu đồng bào. Hàng trăm dân quân, thanh niên, xã viên Tunnel Luật, Cổ Trai (Vĩnh Giang), Phan Hiền, Huỳnh Hạ, Huỳnh Thượng, Vĩnh Tiên (Vĩnh Sơn) đã lao xuống nước, trong khi trên trời máy bay L19 vòng liệng, nghiêng ngó chỉ điểm cho đạn pháo từ ngoài khơi, từ phía Nam bắn vào cấp tập. Máu của người dân vô tội ở bờ Nam đã đổ xuống đỏ dòng Bến Hải nhưng điều đó không ngăn nổi hàng ngàn người vượt tuyến ra Bắc, trốn chạy khỏi trận càn "bạch hóa" man rợ của địch. Tiếp đó là những ngày bà con Vĩnh Giang, Vĩnh Sơn, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy và nhiều xã khác trong khu vực phải san sẻ, nhường nhịn từng căn hầm, từng cân lương thực, từng cái chăn, tấm áo cho bà con ruột thịt bờ Nam ra lánh nạn. Mục đích của cuộc hành quân "Lam Sơn 58" là dồn dân, đốt phá, cào trắng vùng đất phía Nam từ bờ sông Bến Hải đến đường 9 để xây dựng phòng tuyến chống thâm nhập, được gọi là "hàng rào điện tử McNamara" (công trình phòng thủ mang tên vị Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ). Phòng

tuyến này chạy dài từ thôn 8 xã Gio Hải lên đến Cồn Tiên và kéo dài đến tận biên giới Việt Nam - Lào, tổng chiều dài gần 100 km. Yêu cầu của việc xây dựng phòng tuyến là không còn người và súc vật, không có màu xanh của lá cây, kể cả cỏ dại. Trận càn "bạch hóa" khu phi quân sự phía Nam tháng 5/1967 đã thiêu hủy nhà cửa và xức hết dân các làng mạc thuộc nửa huyện phía bắc Gio Linh.

Đối với Vĩnh Linh, từ ngày 18/5/1967, Mỹ và tay sai suốt ngày đêm cho máy bay, tàu chiến, đại bác tầm xa bắn phá ác liệt ở khắp các xã trong khu vực. Đặc biệt là đối với các xã nằm trong khu phi quân sự phía Bắc như: Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành và các xã khác như Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy. Điển hình là đợt đánh phá có tính hủy diệt bằng máy bay, tàu chiến và đại bác vào các thôn xóm đông dân của Vĩnh Quang. Vĩnh Quang là một xã nhỏ thuộc vùng biển, chiều dài 2 km, chiều rộng 1 km, mật độ dân cư tập trung ở 12 thôn xóm, được tổ chức thành 3 hợp tác xã. Địch nhận định, đây là một trong những điểm xuất phát của quân ta trong các trận đánh lớn ở bắc Quảng Trị và cũng là điểm chủ yếu thứ hai, sau Vĩnh Mốc, trong việc tiếp tế đảo Cồn Cỏ, có bến đò Xóm Cửa (bến đò A) là cửa ngõ lợi hại trong việc đi lại và vận chuyển vũ khí, lương thực, đạn dược cho quân ta từ Bắc vào Nam... Suốt gần một tuần lễ, từ ngày 19/6 đến ngày 26/6/1967, máy bay ném bom và pháo của Mỹ trút xuống các thôn xóm Vĩnh Quang với trên 3.700 quả bom loại lớn từ 250 kg trở lên, cùng hàng ngàn quả đại bác 105 ly, 175 ly đến 203 ly và hàng vạn quả bom bi, đạn phốt pho... Trên 90% nhà cửa của đồng bào 12 thôn

xóm Vĩnh Quang bị phá hủy. Toàn bộ vườn cây, hoa màu đều bị san phẳng, 124 đồng bào ta bị chết và hàng trăm người bị thương¹. Đây là tổn thất lớn của nhân dân Vĩnh Quang nói riêng và của khu vực Vĩnh Linh nói chung.

Ngày 01/7/1967, Thường vụ Đảng ủy Khu vực mở hội nghị bất thường. Hội nghị khẳng định, sự bắn phá của địch đến giai đoạn này là cao nhất từ trước đến nay. Nhưng chúng không đạt được ý đồ chiến lược là hủy diệt Vĩnh Linh, làm lung lay quyết tâm chiến đấu đến cùng của Đảng bộ và nhân dân toàn khu vực. Chúng tập kích Vĩnh Linh là để gỡ thế bí ở chiến trường Đường 9, để xây dựng cái gọi là phòng tuyến chiến lược McNamara. Thực tế cho thấy chúng hoàn toàn bị động, nên chúng có lực mà không có thế. Trái lại, ta vừa được thời, vừa có thế nên trước hỏa lực dày đặc của địch, ta vẫn chủ động và liên tục giữ thế tiến công. Tư tưởng tích cực tiến công là tư tưởng chỉ đạo chiến lược, xuyên suốt của chiến tranh nhân dân mà Đảng và Bác Hồ chỉ đạo thực hiện. Đảng ta chủ trương tiếp tục động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phát huy mọi khả năng, xây dựng các lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng ở địa phương vững

1. Trong đó: địa đạo Xóm Cửa bị sập bởi một quả bom rơi đúng lỗ thông hơi, chôn vùi một lúc 61 người, phần lớn là cụ già, phụ nữ và trẻ em. Nhiều gia đình bị bom Mỹ giết hại gần hết, như gia đình cụ Hoàng Kế ở Xóm Mội (thôn An Đức), gồm 26 người, chỉ còn 3 người sống sót. Gia đình anh Phan Cương, 10 người thì bị chết 9 người (trong đó gồm bố, mẹ, vợ và 6 người con). Đồng chí Hồ Thanh, Khu ủy viên, Phó Ban Tổ chức khu ủy, người trực tiếp chỉ đạo xã Vĩnh Quang đã hy sinh anh dũng trong khi làm nhiệm vụ.

mạnh. Đặc biệt là đẩy mạnh xây dựng làng chiến đấu, đi đôi với công sự hóa toàn khu vực lên một bước cao hơn nữa, tổ chức hiệp đồng tác chiến giữa các thứ quân. Khẩn trương hoàn chỉnh các phương án tác chiến của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Về cách đánh, tư tưởng chỉ đạo của Đảng ủy là đánh tập trung, đánh phân tán phải hết sức linh hoạt, khi tập trung thành từng cụm hỏa lực mạnh, khi phân tán phải tạo nên một lưới lửa rộng khắp. Có đánh nhỏ, có đánh vừa tạo điều kiện để đánh lớn. Kết hợp đánh thường xuyên với đánh từng trận, vừa hoặc lớn. Tiêu diệt địch kết hợp với bảo vệ mục tiêu, bảo vệ sản xuất. Kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến đánh hạm tàu, đánh máy bay, đánh pháo bờ Nam, nghi binh một cách mưu trí, sáng tạo, bí mật, bất ngờ. Thực hiện chiến thuật "lộn nước cáu" kết hợp cơ động cao với chốt.

6. Diệt pháo đài bay B52, bám trụ trên tuyến lửa để lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống thời chiến

Ngày 02/7/1967, một trận đánh lớn xảy ra tại Gio An, cách bờ sông Bến Hải chừng 5 km. Lần đầu tiên trong chiến tranh chống Mỹ, bộ binh và pháo binh cơ giới đặt trên đất Vĩnh Linh hiệp đồng chặt chẽ, dồn lính Mỹ vào các bẫy đã bố trí từ trước để tiêu diệt. Từ 13 giờ đến 16 giờ, bộ đội chủ lực của Mặt trận B5 diệt gọn 3 đại đội của tiểu đoàn 1, trung đoàn 9 lính thủy đánh bộ Mỹ. Trận này ta bắt sống 38 tù binh, nhưng bọn này sau đó bị máy bay Mỹ ném bom napan giết sạch.

13 giờ ngày 13/7/1967, đế quốc Mỹ tung con bài cuối cùng là dùng máy bay B52 ném bom rải thảm xuống một vùng rộng lớn từ Phước Sơn ra vùng Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy, những nơi chúng nghĩ là đặt trận địa pháo của quân ta trong những trận tập kích vào Cồn Tiên, Dốc Miếu mấy ngày trước đó. Kết hợp với B52, còn có pháo cỡ lớn 400 ly, pháo chơm (nổ trên không), pháo lùi (nổ dưới lòng đất) để phá hầm, địa đạo, pháo lân tinh gây cháy, gây bỏng, pháo chứa bi, sát thương người và vật trên mặt đất, từ Hạm đội 7 ngoài khơi bắn vào.

Trong gần 1 tiếng đồng hồ, 37 lần chiếc B52 đã ném xuống Vĩnh Thủy 700 tấn bom. Một vùng khói và bụi khổng lồ bốc lên và lan dần sang khu đông, chỉ một lúc sau đã che kín cả 12 xã vùng đất đỏ. Chiến sĩ đảo Cồn Cỏ, đồng bào ở Lệ Thủy (Quảng Bình), Gio Linh, Cam Lộ bên kia bờ sông Bến Hải đều hướng về Vĩnh Linh trong niềm thấp thỏm, lo âu, mong ngóng tin tức. Đến 13 giờ mới có điện đàm từ Vĩnh Thủy về Đảng ủy Khu vực: “B52 ném bom một vùng rộng chừng 4 km², bao gồm 9 xóm của xã Vĩnh Thủy và một số ngọn đồi đặt các trận địa pháo mặt đất. Hơn 2.000 người sống trong vùng bị ném bom, song nhờ có hầm tốt và báo động sớm nên thương vong không đến chục người. Đại đội 11 pháo binh đặt tại đây cũng không bị thiệt hại, không những thế còn xin cấp trên cho bắn ngay để trả lời cho kẻ địch biết”. Đồng chí Hoàng Đuôm - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự khu vực đồng ý chủ trương. Lập tức những quả đạn pháo của Đại đội pháo binh 11 cấp tập rót trúng đầu giặc ở Cồn Tiên, Dốc Miếu. Những quả đạn được bắn ra trên những ngọn đồi

mà chỉ mấy giờ trước đó chúng nghĩ đã bị B52 ném bom hủy diệt.

Bắt đầu từ Vĩnh Sơn, đỉnh điểm ở Vĩnh Thủy, B52 rải thảm sang các xã vùng đông như: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thạch, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hiền, Vĩnh Nam, Vĩnh Tú... Các trận B52 rải thảm bao trùm lên toàn khu vực Vĩnh Linh kéo dài từ đầu tháng 7/1967 đến tận tháng 12/1968. Những thiệt hại do bom đạn giặc gây ra không hề nhỏ. Chỉ 2 tháng của năm 1967, khu vực phải chịu 32 trận ném bom với 400 lần chiếc máy bay B52 và phản lực các loại. Vĩnh Thủy có 11 xóm thì có 9 xóm bị B52 cày xới, 800 nóc nhà bị bom đốt trụi, hủy hoại mất 623 nhà. Đàn trâu bò 1.200 con chỉ còn lại 300 con, phải gửi ra Vĩnh Chấp chăn giữ. Tính bình quân mỗi người dân Vĩnh Thủy phải chịu 223 quả bom và 408 quả đạn pháo. 923 ha ruộng đất không còn một mẫu, một sào nào nguyên vẹn. Khu vực Vĩnh Linh lúc này chỉ còn 2 vạn người ở lại (gần 5 vạn đồng bào đã sơ tán ra miền Bắc), song vẫn phải giãn thưa mật độ để tiếp tục chiến đấu, phục vụ chiến đấu và lao động sản xuất. Trên mặt đất không tồn tại làng mạc, xóm thôn, cơ quan, trường học, không có đường sá và những sinh hoạt thường ngày của người dân. Chỉ hố bom tiếp nối hố bom, cái mới chồng lên cái cũ, dày đặc, chi chít. Nói riêng về Vĩnh Giang, một nhà báo viết: “Ở Vĩnh Giang lúc này, đất chỉ còn 1 phần, 3 phần còn lại là sắt thép”.

Không thể để B52 mặc sức làm mưa làm gió trên vùng trời giới tuyến Vĩnh Linh, giết hại đồng bào vô tội,

tàn phá xóm thôn, làng mạc ở Vĩnh Linh rơi riêng, ở khu 4 nói chung, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng chỉ thị phải đưa tên lửa vào Vĩnh Linh tìm cách diệt pháo đài bay B52¹.

Trung đoàn tên lửa 238 (đoàn Hạ Long), dưới sự chỉ huy của Trung đoàn trưởng Nguyễn Văn Hội đang chiến đấu ở Vinh (Nghệ An) là đơn vị thực hiện chỉ thị từ Bộ Tổng tư lệnh. Cuối tháng 7/1967, Tiểu đoàn 81 và Tiểu đoàn 83 được lệnh rời “làng Đỏ” cấp tốc hành quân vào Vĩnh Linh, Tiểu đoàn 82 và Tiểu đoàn 84 vẫn ở lại Nghệ An. Để đưa được những quả tên lửa SA-75 (thường gọi là SAM2) cùng một hệ thống phương tiện khí tài nặng hàng chục tấn và rất công kềnh, vượt 300 km dày đặc bom đạn từ Nghệ An vào tuyến lửa Vĩnh Linh, bộ đội Đoàn tên lửa Hạ Long cùng quân và dân các tỉnh Khu 4 đã trải qua muôn vàn khó khăn, gian khổ và hy sinh. Trên đường vào

1. B52 là loại máy bay ném bom hạng nặng, sải cánh dài 65,4 m (gấp 5 lần máy bay F105), thân dài 47,5m, trang bị 8 động cơ phản lực. Bay ở độ cao lớn nhất là 16.000m, bay xa nhất 18.000km, có khả năng mang đến 30 tấn bom, 20 quả tên lửa. Thời gian hoạt động 18 tiếng, có khả năng tiếp dầu trên không. Giá thành sản xuất một chiếc B52 thời điểm ấy là 53,4 triệu USD. Báo chí Mỹ rêu rao “B52 sẽ đánh gãy xương sống Cộng sản bằng những loạt bom sát”, giới quân sự Mỹ nhận định: “Lực lượng B52 làm nghiêng hẳn cán cân, cung cấp cho phía đồng minh một lực lượng không gì thay thế nổi. Một tốp 3 máy bay B52 có thể tiêu diệt hoàn toàn một “ổ mục tiêu”. Muốn có được hiệu quả như vậy phải huy động từ 30-40 máy bay cường kích và tiêm kích. Trên thực tế không thể nào tập trung một lực lượng đông như thế trên một diện tích 2 km² và khoảng thời gian dưới 1 phút”.

Vĩnh Linh, khi đến xã Hồng Thủy (nam Quảng Bình), đoàn tên lửa bị sa lầy bởi hàng loạt hố bom do máy bay địch đánh hôm trước, cả đoàn xe kéo tên lửa phơi mình dưới pháo sáng. Đồng chí Trần Chí Thành chỉ huy đoàn xe vận tải Vĩnh Linh đã cùng với anh em lái xe đưa xe vào giúp sức. Khi máy bay phát hiện mục tiêu và ném bom, Trần Chí Thành bật đèn pha làm mục tiêu kéo máy bay địch về phía mình, cứu được tên lửa vượt khỏi khu vực nguy hiểm. Vượt qua những gian khổ, hiểm nguy, Tiểu đoàn 81 và Tiểu đoàn 83 đến Vĩnh Linh an toàn. Tên lửa được giấu vào những khu rừng nhỏ, cả trong vườn cây của bà con các xã Vĩnh Tú, Vĩnh Trung. Lực lượng dân quân các địa phương thay nhau chặt cây để ngụy trang hằng ngày. Ròng rã mấy tháng sau đó, hàng ngàn dân quân, dân công hỏa tuyến các xã Vĩnh Thủy, Vĩnh Long, Vĩnh Tú... đã đội đạn bom để làm trận địa giả, đào công sự ngụy trang tên lửa, phương tiện khí tài che mắt địch. Đến tháng 8/1967, thêm Tiểu đoàn 82 và Tiểu đoàn 84 cũng hành quân vào đến Vĩnh Linh an toàn. Rừng cao su Nông trường Quyết Thắng thuộc địa phận xã Vĩnh Khê ở vùng miền tây khu vực Vĩnh Linh được chọn làm trận địa chính đặt tên lửa SAM2 để tiêu diệt máy bay B52.

Sau những ngày tháng chuẩn bị cực kỳ khó khăn, gian khổ, ngày 15/8/1967, những quả tên lửa SAM2 được phóng lên nhưng không trúng mục tiêu. Trận đầu ra quân thất bại. Trận địa tên lửa đã bị lộ. Biết SAM2 đã có mặt tại tây Vĩnh Linh, máy bay B52 và các loại máy bay chiến thuật tập trung ném bom ác liệt cùng pháo các cỡ từ Dốc Miếu, Cồn Tiên, từ Hạm đội 7 tập trung dội vào

trận địa. Trung đoàn 238 bị thiệt hại nặng nề, gần 500 cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Vũ khí, khí tài, phương tiện máy móc bị thiệt hại lớn. Một bộ phận của tiểu đoàn 81, 83 phải trở ra Bắc để củng cố, trang bị lại. Nhưng sự hy sinh, mất mát của bộ đội tên lửa Trung đoàn 238, của quân và dân Vĩnh Linh không uổng phí. Từ trận ra quân thất bại phải đánh đổi bằng máu xương này, kinh nghiệm, cách đánh B52, việc lọc nhiễu, tìm mục tiêu từ tín hiệu của radar, cách ngụy trang... đã được tích lũy ngày một dày dặn thêm. Đặc biệt, niềm tin về việc chắc chắn sẽ tiêu diệt được “pháo đài bay bất khả chiến bại” B52 được củng cố vững chắc trong toàn Đảng và toàn quân. Vấn đề còn lại là chọn thời điểm thích hợp cùng sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, nhất định tên lửa và hệ thống phòng không mặt đất của ta sẽ tiêu diệt được.

Sau hơn 01 tháng củng cố lại phương tiện, khí tài và chuẩn bị chu đáo mọi mặt (kể từ sau thất bại trận đầu ra quân ngày 15/8/1967), chiều ngày 17/9/1967, mặc dù lúc này trên bầu trời Vĩnh Linh có mưa gió lớn, điều kiện thời tiết bất lợi khiến việc vận hành vũ khí, khí tài và tầm quan sát khá khó khăn, song khi B52 xuất hiện dễ rả rắm, Bộ tư lệnh Trung đoàn hạ lệnh tiêu diệt. Chỉ trong vòng 30 phút, những quả tên lửa SAM2 của Tiểu đoàn 82 và Tiểu đoàn 84 thuộc Trung đoàn tên lửa 238 đã phóng trúng mục tiêu, bắn rơi cùng lúc 2 chiếc B52 của Mỹ. Mốc son này ghi dấu sự kiện lịch sử: Lần đầu tiên kể từ khi đưa B52 vào tham chiến, “pháo đài bay bất khả chiến bại” của không quân Mỹ đã bị bắn hạ trên chiến trường Việt Nam. Một kỷ tích được xác lập trên mảnh đất Vĩnh Linh

tuyến lửa. Đây cũng là chiếc máy bay Mỹ thứ 999 và thứ 1.000 bị các lực lượng phòng không của ta bắn rơi trên đất Quân khu 4. Với chiến công xuất sắc này, ngày 19/9/1967, Bộ Tư lệnh gửi điện khen các đơn vị chiến thắng và đồng bào cán bộ chiến sĩ Vĩnh Linh. Ngày 20/9/1967, Bác Hồ gửi thư khen quân và dân Vĩnh Linh "Bác rất vui lòng được tin ngày 17/9/1967, Vĩnh Linh đã lập công xuất sắc, lần đầu bắn rơi hai máy bay B.52 của giặc Mỹ... Vĩnh Linh thật xứng đáng là tiền tuyến anh hùng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa"¹. Trung đoàn tên lửa 238 được vinh dự đón nhận Huân chương Quân công hạng Nhì. Pháo đài bay B52, niềm tự hào về sức mạnh vô địch của không quân Mỹ tồn tại suốt 15 năm, đã bị tiêu diệt ngay trên bầu trời Vĩnh Linh. Từ chiến thắng này, kinh nghiệm đánh B52 đã được bộ đội tên lửa đúc rút, bổ sung khá hoàn chỉnh và phát triển rất nhanh, đặc biệt phát huy hiệu quả trong trận “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12/1972. Trận thắng ngày 17/9/1967 từ tuyến lửa Vĩnh Linh đã tạo dựng nên một niềm tin thiêng liêng và sắt đá, rằng, không một sức mạnh nào, dù tối tân, hiện đại đến mấy có thể khuất phục được tinh thần, quyết tâm và ý chí của dân tộc Việt Nam.

Trong những năm bom đạn ở mức đỉnh điểm, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh vẫn ngoan cường chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lập nên những chiến công rạng ngời. Bên cạnh đó, nhiệm vụ sản xuất và đảm bảo duy trì các hoạt động văn hóa - xã hội cũng được đặc biệt coi trọng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.368.

Nghị quyết của Đảng ủy khu vực trước sau vẫn nhấn mạnh: “Bất luận tình huống nào, Vĩnh Linh vẫn xây dựng chủ nghĩa xã hội và không ngừng đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để không những đủ tự túc mà còn phải thừa để chi viện cho tiền tuyến”.

Nghị quyết của Đảng ủy biến thành quyết tâm của quần chúng. Khẩu hiệu “ruộng đồng là chiến trường, cuộc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ” tiếp tục được phát động rộng rãi, trở thành phong trào thi đua sôi nổi trong toàn khu vực. Quyết tâm sắt đá ấy biến thành lúa, khoai, sắn, thành rau xanh tươi tốt bốn mùa. Hằng năm, diện tích gieo trồng bình quân mỗi lao động vẫn đảm bảo 0,87 ha, bằng năm 1964. Năm 1968 bị địch đánh phá ác liệt nhất, diện tích gieo trồng vẫn đạt 101% so với kế hoạch, trong đó lúa đạt 105,7%, hoa màu 95%.

Suốt mùa cày cấy, thanh niên xã Vĩnh Thủy vừa sản xuất vừa đánh địch với trên 300 trận thắng lợi, đảm bảo đạt diện tích cày cấy, thời vụ kỹ thuật, đạt năng suất cao thứ hai trong khu vực, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Địch đánh phá hủy diệt, tàn phá hết nhà cửa, các hợp tác xã nông nghiệp ở Vĩnh Long, Vĩnh Lâm tổ chức ăn ở tại đồng ruộng suốt 3 tháng để cày cấy. Đội xung kích xóm Xuân (xã Vĩnh Kim) đã quần nhau với địch suốt 15 ngày trên hai cánh đồng để cày cấy. 10 cô gái Nam Phú, 7 cô gái Nam Cường (Vĩnh Nam) suốt mùa vụ đã hơn 10 lần chịu bom đạn vùi lấp nhưng vẫn không rời tay mạ, vẫn sản xuất, vẫn hát hò hăng say, động viên nhau sản xuất. Đội 3 Hợp tác xã Đơn Thạnh (xã Vĩnh Hòa) có ruộng dọc đường quốc lộ, ngày đêm địch

đánh phá như đổ lửa nhưng toàn đội sản xuất đã bám sát ruộng đồng, địch đánh thì đánh trả địch, địch đi lại sản xuất. Kết quả, họ luôn cày cấy xong trước thời vụ, đảm bảo diện tích đồng thời vận động đội khác cùng ra làm, năng suất lúa lại đạt cao nhất hợp tác xã. Trạm vật tư nông nghiệp khu vực đã lẫn lộn cùng bà con xã viên, vượt qua bom đạn, quyết hoàn thành nhiệm vụ tiếp sức cho nông dân về sức kéo, nông cụ, phân bón, các loại giống cây, con, góp phần cải tạo đất, tăng năng suất cây trồng, xây dựng cơ sở vật chất cho các hợp tác xã nông nghiệp ngày càng mạnh mẽ, hoàn thiện.

Một cân thóc, một cân khoai, cân sắn làm ra trên mảnh đất tuyến lửa Vĩnh Linh lúc này là mồ hôi và xương máu của bao người. Thêm được một cân thóc, sắn, khoai là giành thêm một thắng lợi. Ngay trên những cánh đồng đầy bom đạn, Vĩnh Linh đạt năng suất lúa ngày càng tăng. Năm 1967, Hợp tác xã Vĩnh Kim đạt năng suất 48,63 tạ/ha, năm thấp nhất cũng đạt 34,20 tạ/ha. Hợp tác xã Thủy Ba Hạ (xã Vĩnh Thủy) đạt năng suất 36 tạ/ha và nhiều hợp tác xã khác hàng năm đều tăng cả về năng suất lẫn sản lượng.

Bên cạnh nông dân là những người trực tiếp bám ruộng đồng, công nhân, cán bộ, bộ đội cũng chung lưng gánh vác gian khổ, sống chết có nhau, cùng bà con nông dân các hợp tác xã, vừa chiến đấu vừa thu hoạch. Trên cánh đồng Nam Hồ, Đơn Thạnh, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy... nhiều lần cả người lẫn lúa chìm trong bom đạn nhưng không bao giờ vắng mặt anh bộ đội, chị công

nhân bên anh chị nông dân. Một người ngã xuống lập tức người khác thay thế. Một người hy sinh, năm bảy người khác xuống ruộng. Trên những cánh đồng các xã Vĩnh Giang, Vĩnh Thành, Vĩnh Long..., máy bay Mỹ nhòm ngó, chỉ điểm cho pháo bắn, bom tọa độ, bom bi rải hết cánh đồng này đến cánh đồng khác nhưng những đội gặt lúa của nông dân vẫn bám ruộng hết ngày này sang ngày khác, cho đến lúc thu hoạch xong. Thực hiện tốt khẩu hiệu “Mỗi người dân là một dũng sĩ diệt Mỹ, đồng thời là một chiến sĩ xung kích trên ruộng đồng”, căn cứ vào phương án tác chiến và phương châm sản xuất mới, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh chủ trương thống nhất tổ chức dân quân và hợp tác xã thành một đơn vị hỗn hợp. Mỗi hợp tác xã đồng thời cũng là một đại đội dân quân. Ban chủ nhiệm hợp tác xã đồng thời là Ban Chỉ huy dân quân. Mỗi xã viên dân quân, với hai loại vũ khí: súng đạn trên vai và nông cụ sản xuất trên tay. Mỗi nhóm sản xuất là một tổ dân quân và hình thành một hộ gia đình kiểu mới và chỉ riêng có ở Vĩnh Linh: hộ gia đình - dân quân. Một hộ mới gồm từ 3-5 xã viên dân quân (phần lớn là những người độc thân sau khi bố, mẹ, vợ, con đã đi sơ tán theo các kế hoạch K8, K10 ra các tỉnh miền Bắc). Mỗi hộ sống trong một căn nhà hầm. Trường hợp nếu anh em ruột trong một gia đình hoặc có họ hàng thân tộc gần gũi thì phải bố trí ở những hộ khác nhau để tránh thương vong vào một gia đình, một dòng tộc. Đồng thời, nhà hầm giữa các hộ phải giữ khoảng cách nhất định để vừa bảo đảm thưa mật độ, vừa tập trung nhanh chóng và phân tán

linh hoạt. Nhiều nơi, bộ đội chủ lực cùng sống chung nhà hầm với xã viên, dân quân, cùng ăn, cùng ở, cùng chiến đấu trên một trận tuyến. Với cách tổ chức như vậy, nhân dân Vĩnh Linh đã bám trụ và giữ vững được địa bàn, sẵn sàng đánh trả địch trong mọi tình huống. Song, sống trong hầm dù tốt đến mấy cũng không tránh khỏi sự tù túng, thiếu ánh sáng, sức khỏe bị giảm sút, nên phải tổ chức đời sống văn hóa, tinh thần sôi nổi để tạo khí thế. Nhiều địa phương phát động phong trào các hộ, các nhà hầm, các đường hầm thi đua nhau trang hoàng chỗ ở của mình và kịp thời biểu dương những hầm đẹp, sạch sẽ, mọi người sống với nhau đầm ấm, thương yêu nhau như ruột thịt. Ở đây, sách báo, tranh ảnh, lời ca, tiếng hát đã làm nên sức mạnh cho nhân dân Vĩnh Linh tiếp tục chiến đấu với khẩu hiệu đầy lạc quan “tiếng hát át tiếng bom”. Giữa những đợt bom B52, những trận pháo kích của kẻ thù, Đài tiếng nói Việt Nam và Đài truyền thanh Vĩnh Linh vẫn truyền đi tiếng nói thân thiết, tin yêu của Tổ quốc, của Đảng và nhân dân cả nước, mang đến cho nhân dân khu vực Vĩnh Linh một niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi cuối cùng. Báo Đảng được truyền đến từng thôn, xóm, bản, làng, kể cả những nơi xa xôi, hẻo lánh. Các đồng chí cán bộ thông tin tranh thủ mọi thời điểm để kịp thời tuyên truyền những tin tức thời sự mới nhất. Cứ 2 ngày Vĩnh Linh ra 1 số báo *Thống Nhất* (mỗi số có 1.200 đến 2.500 tờ). Các xã đều xây dựng tổ đọc tin. Các phòng đọc sách báo, phòng thông tin xã chuyển xuống sinh hoạt dưới hầm. Hàng trăm tờ báo tường, bản tin, khẩu hiệu,

tranh ảnh, áp phích được căng, dán, trang trí ngay dưới hào giao thông, hầm ỏ. Các xã đều đào tạo được người viết, vẽ, xây dựng phòng truyền thống, bia căm thù, sổ vàng để ghi những thành tích của địa phương và ghi tội ác giặc Mỹ. Tiếng hát không chỉ vang lên lúc vui chơi, hội họp mà cả lúc chiến đấu, sản xuất đầy gian khổ, khó khăn. “Tiếng hát át tiếng bom” thực sự đã đem lại cho quân và dân Vĩnh Linh một cuộc sống đầy lạc quan, tin tưởng. Ngoài 2 đội văn công chuyên nghiệp của Ty Văn hóa và Bộ Tư lệnh, Vĩnh Linh đã tổ chức ở các xã nhiều đội văn nghệ nghiệp dư. Tiêu biểu là đội văn nghệ của 2 xã Vĩnh Giang, Vĩnh Thủy với một đội ngũ diễn viên nhiều năng khiếu, tự sáng tác và biểu diễn nhiều tiết mục tốt, nhiều lần về cơ quan Đảng ủy Khu vực để biểu diễn cho các đoàn trung ương, các tỉnh bạn và quốc tế tới thăm Vĩnh Linh, được đồng chí Tố Hữu khen ngợi. Các đội chiếu phim điện ảnh vượt qua bom đạn để có mặt khắp xóm làng phục vụ nhân dân. Hàng trăm nam nữ thanh niên còn tham gia sôi nổi các môn bơi lội, chạy, nhảy, võ dân tộc. Đặc biệt là môn bắn súng được phổ cập trong hàng ngũ thanh niên và dân quân tự vệ. Hai đội bắn súng nghiệp dư nam và hai đội bắn súng nghiệp dư nữ, trong 4 năm liên dự Đại hội thi đấu bắn súng toàn miền Bắc thì hai năm 1967-1968 được xếp thứ 2, được thưởng 8 Huy chương Bạc, 5 Huy chương Đồng và nhiều giải thưởng khác. Đặc biệt, trong những năm chiến tranh, nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhạc sĩ, các đoàn làm phim được Trung ương cử vào Vĩnh Linh công tác, đã kịp thời có những tác phẩm có giá trị, ca ngợi,

động viên cuộc chiến đấu kiên cường của quân và dân Vĩnh Linh như: nhà báo Hữu Thọ, Nguyễn Sinh; nhạc sĩ Hoàng Vân, Hoàng Hiệp; nhà văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Khải, Phùng Quán; nhà thơ Xuân Quỳnh, Tế Hanh, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Tố Hữu...

Trong bom đạn ác liệt, cái sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc, điều ước muốn cao nhất của quần chúng là quyền lợi chính trị, được vinh dự đứng trong hàng ngũ Đảng Cộng sản và Đoàn Thanh niên hoặc có hy sinh thì được phong danh hiệu liệt sĩ, được công nhận chiến đấu tốt. Thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, Đảng ủy khu vực hết sức chăm lo việc giải quyết thỏa đáng quyền lợi chính trị của quần chúng nhân dân. Không những thế, Khu ủy còn đề nghị Trung ương cho phép Vĩnh Linh thực hiện một số chính sách đặc biệt nhằm đáp ứng nguyện vọng chính đáng của quần chúng. Từ tháng 01/1967, những người tham gia lao động sản xuất cho tập thể, nếu hy sinh cũng được công nhận là liệt sĩ. Những người bị thương thì thời gian nằm điều trị tại trạm xá hay bệnh viện vẫn được hợp tác xã trả công, được trả mọi phí tổn và được xét chế độ như thương binh. Nhờ vậy, ở mọi cơ quan, đơn vị, ban, ngành trăm người như một đều có chung một chí hướng: bằng mọi khả năng góp phần cao nhất, hiệu quả nhất cho cuộc chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ở miền núi, bà con dân tộc Vân Kiều từ Hướng Lập đến Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Thượng, Vĩnh Trường, Vĩnh Hà... đâu đâu cũng có phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước. Từ năm 1965 đến năm 1968, năm nào dân quân

các xã miền núi cũng hạ được máy bay giặc, xã nào cũng lập được thành tích bắn rơi 1-2 chiếc. Đặc biệt, chỉ với 2 viên đạn súng trường, anh Hồ Đức ở xã Hướng Lập đã bắn cháy một máy bay Mỹ, diệt gọn một toán biệt kích. Giặc Mỹ đánh phá ác liệt, bà con Vân Kiều vẫn bám nương rẫy. Giặc đến thì đánh, giặc đi thì sản xuất. Bà con còn tận tình giúp đỡ bộ đội, chăm sóc thương binh, phục vụ tiền tuyến, nhường cơm sẻ áo cho đồng bào miền Nam ruột thịt. Ngoài ra, các xã miền núi còn tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ các tuyến hành lang đường vận chuyển Bắc - Nam, các cơ sở kho tàng, bệnh viện của quân đội và của địa phương, trong đó có sở chỉ huy của Bộ Tư lệnh Mặt trận B5.

Hai nông trường Quyết Thắng và Bến Hải đã chịu đựng trên 4.526 trận đánh phá của địch. Tính ra, mỗi hécta đất sản xuất phải gánh chịu 200 quả bom. Song, các nông trường vẫn bám chắc phương hướng hoạt động của mình là “tăng cường chiến đấu về mọi mặt, không ngừng củng cố và thâm canh cây công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh sản xuất cây lương thực và chăn nuôi để tự túc và làm nghĩa vụ nhà nước”. Các nông trường vừa chiến đấu vừa sản xuất, liên tiếp giành thắng lợi về vang. Năng suất hồ tiêu của Nông trường Quyết Thắng đạt từ 15-18 tạ/ha, Nông trường Bến Hải đạt từ 10-13 tạ/ha. Tự vệ của hai nông trường đã bắn cháy và bắn rơi 3 máy bay Mỹ, đồng thời còn huy động hàng vạn ngày công, đóng góp hàng trăm tấn rau, thịt để phục vụ chiến đấu, phục vụ bộ đội, nuôi dưỡng thương binh.

Bộ Tư lệnh khu vực Vĩnh Linh đã tổ chức chỉ đạo chiến đấu kịp thời và chặt chẽ cho các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân du kích. Các ban chỉ huy xã đội luôn năng động, sáng tạo trong nhiệm vụ tại chỗ và nhiệm vụ vượt tuyến. Đặc biệt là các xã Vĩnh Thái, Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Thạch còn đứng mũi chịu sào trước một nhiệm vụ hết sức nặng nề nhưng rất đổi vinh quang, là đảm bảo tiếp tế mọi mặt để bảo vệ đảo Cồn Cỏ.

Công an khu vực, bao gồm công an nhân dân, công an biên phòng và công an giới tuyến đã thống nhất một ban chỉ đạo chung, gọi là Khu công an, do đồng chí Vân Hùng phụ trách. Cán bộ, chiến sĩ Khu công an vừa đối đầu với địch ở giới tuyến, ở biên giới Việt Nam - Lào, vừa chiến đấu với máy bay địch, bảo vệ địa bàn, vừa sẵn sàng chi viện đắc lực cho tiền tuyến. Nhiều cán bộ, chiến sĩ dũng cảm, ngoan cường luôn luôn nêu cao tinh thần “trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Tiêu biểu là chiến sĩ biên phòng Đào Xuân Hường (xã Vĩnh Cháp) đã lập được những thành tích nổi bật, vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Các ngành nông nghiệp, thương nghiệp vừa chỉ đạo sản xuất, vừa lo tiếp tế, vận tải, đảm bảo lưu thông hàng hóa đến tận chiến hào và đội sản xuất cho từng hộ dân cư. Vừa phát triển sản xuất, vừa động viên sức dân để tự trang trải, giải quyết tại chỗ. Ngành tài chính đã tiết kiệm mọi nguồn thu, đáp ứng kịp thời nhu cầu địa phương và phục vụ tiền tuyến, trực tiếp là hai huyện

Gio Linh, Cam Lộ. Cơ quan tài chính đóng ở thôn Liêm Công Tây (xã Vĩnh Hòa) bị bom san phẳng, đồng chí Trần Cỏi, Trưởng ty, cùng nhiều cán bộ đã anh dũng hy sinh khi làm nhiệm vụ. Trước những hy sinh, mất mát ấy, cán bộ, nhân viên của Ty vẫn nỗ lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Ngành y tế hoạt động dũng cảm phục vụ kịp thời chiến sĩ và nhân dân. Từ một bệnh viện được Cộng hòa Dân chủ Đức trang bị, do hoàn cảnh bom đạn ác liệt nên đã thực hiện việc phân tán, bổ sung cho trạm y tế, trạm cứu thương, trạm hộ sinh ở các thôn, xã. Dù vậy, Bệnh viện vẫn giữ được một bộ khung nòng cốt, đưa y bác sĩ và phương tiện, máy móc, thuốc men các loại cơ động nhiều vùng, phục vụ đắc lực cho bộ đội và nhân dân hai bờ Nam - Bắc. Có lần máy bay địch đánh vào Bệnh viện, làm chết và bị thương một số bệnh nhân, nhân viên và y bác sĩ, trong đó có vợ, con của đồng chí Bệnh viện trưởng Lưu Trọng Huỳnh. Nén đau thương, căm giận, đồng chí Huỳnh tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp cứu, cứu chữa người bị nạn.

Ngành giao thông vận tải do đồng chí Hoàng Công Thiêm làm Trưởng ty, (sau này đồng chí Lê Xảo thay thế) đã tổ chức việc đảm bảo giao thông trên các tuyến hiểm yếu như: Vĩnh Linh - Bến Quan, Bãi Hà, phà Châu Thị, đường lên Khe Hó nối đường mòn Hồ Chí Minh và các trục đường quốc lộ 1, Cáp Lài, 70. Cầu, phà, đường bộ bị địch đánh phá thường xuyên, nhưng đánh hôm trước hôm sau đã được anh chị em công nhân làm lại. Toàn ngành thực hiện với khẩu hiệu “địch phá, ta cứ đi”. Các tuyến đò

ngang vượt sông Bến Hải không lúc nào bị tắc. Đó là những nam, nữ thanh niên kiên cường dũng cảm dưới mưa bom bão đạn, pháo sáng dày đặc, với sức trẻ và lòng nhiệt huyết, quyết tâm để đưa hàng đến đích, cáng thương binh đến nơi an toàn.

Xí nghiệp xe vận tải khu vực Vĩnh Linh với lực lượng thường xuyên 40-50 chiếc túc trực. Suốt mấy năm ác liệt đã vận chuyển hàng chục vạn tấn hàng hóa và hàng vạn người già, phụ nữ, trẻ em ra các tỉnh phía Bắc trong các chiến dịch K8, K10 đi xây dựng hậu cứ và ăn học. Nhiều cán bộ, công nhân đã anh dũng bám đường, bám xe để hoạt động, nêu cao khẩu hiệu “yêu xe như con, quý xăng như máu”, tiêu biểu là Anh hùng Lao động Trần Chí Thành.

Trên mặt trận thông tin, liên lạc, ngành bưu điện đã đem hết sức mình giữ vững mạch máu giao thông. Thông tin liên lạc nhanh chóng, kịp thời, bí mật và chính xác, nối liền tiền tuyến với hậu phương, Trung ương với khu vực và cơ sở. Với khẩu hiệu “đứt dây như đứt ruột, gãy cột như gãy xương”, cán bộ, nhân viên ngành bưu điện, truyền thanh luôn luôn bám máy, bám dây, không quản ngại gian khổ, hy sinh để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Tiêu biểu là Tổ máy dây vinh dự được Quốc hội tuyên dương đơn vị Anh hùng.

Trên mặt trận giáo dục, được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, sự đùm bọc, che chở của nhân dân các tỉnh miền Bắc, các cháu học sinh K8 Vĩnh Linh đã được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, không ngừng lớn lên về mọi mặt. Các thầy giáo, cô giáo ở hậu cứ đã tận tình dìu

dắt, dạy dỗ các cháu để bố mẹ các cháu yên tâm công tác, chiến đấu và sản xuất, bám trụ trên tuyến lửa. Hàng năm, lãnh đạo khu vực cử đoàn cán bộ ra thăm, động viên các cháu học sinh K8 và đồng bào K10 ở các địa phương miền Bắc. Tại khu vực Vĩnh Linh, phong trào bổ túc văn hóa cũng được đẩy mạnh. 3/4 số xã trong khu vực được tổ chức các lớp học từ cấp I đến cấp II.

7. Phối hợp với các chiến trường, lực lượng vũ trang Vĩnh Linh lập công xuất sắc

Những thắng lợi liên tiếp của quân và dân ta đã làm thất bại hai chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đẩy Mỹ vào một tình thế bế tắc cả về chiến lược lẫn chiến thuật. Nắm rõ tình hình, Trung ương chủ trương chỉ đạo các chiến trường khắc phục mọi khó khăn, tích cực mở các đợt hoạt động của các lực lượng quân sự kết hợp đấu tranh chính trị nhằm đẩy địch vào thế bị động, sa lầy hơn nữa, tạo thế và lực, đón thời cơ giành thắng lợi quyết định. Chấp hành chủ trương của Trung ương, quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công địch và giành những thắng lợi giòn giã trên các chiến trường.

Ở miền Bắc, càng về cuối năm 1967, nhằm cứu vãn sự sa lầy ở chiến trường miền Nam, Mỹ tăng cường đánh phá với mức độ điên cuồng hơn. Địa bàn khu vực Vĩnh Linh trở thành một trọng điểm. Địch tập trung đánh phá hủy diệt suốt đêm ngày, bằng đủ các loại máy bay và trọng pháo, chất độc hóa học, nhất là máy bay B52. Chỉ

tính từ tháng 9/1967 đến tháng 12/1967, B52 đã dội bom liên tục 100 ngày xuống Vĩnh Linh với hơn 1.500 lần chiếc. Máy bay chiến thuật trút hàng vạn tấn bom. Pháo từ các hạm đội ngoài biển và từ bờ Nam bắn trên 20 vạn quả, gây thương vong về người và thiệt hại về cơ sở vật chất cả năm 1967 cao gấp 5 lần năm 1966. Nhà cửa bị cháy và sập trên 1.000 ngôi nhà, trâu bò chết 1.300 con, lợn chết trên 1.000 con. Thiệt hại nặng nhất là các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Vĩnh Nam... Đây là những địa bàn gần như bị bom pháo hủy diệt hoàn toàn. Nhiều kênh mương thủy lợi, bờ vùng bờ thửa bị phá đi phá lại nhiều lần. Riêng diện tích lúa vụ Đông - Xuân 1966-1967 đã bị bom pháo phá hoại trên 23%. Năm 1967, theo thống kê, toàn khu vực Vĩnh Linh có 2.519 người bị chết, hàng ngàn người bị thương.

Song, trước những hy sinh, mất mát, thiệt hại to lớn ấy, khí thế cách mạng của Đảng bộ và nhân dân toàn khu vực vẫn vững vàng. Quân chúng vẫn bình tĩnh, tin tưởng, liên tục tiến công trên cả hai mặt trận sản xuất và chiến đấu; giữ vững địa bàn trong mọi tình huống¹.

1. Khí thế cách mạng ấy đã được Giônvit Iven, đạo diễn điện ảnh người Hà Lan, ghi nhận trong dịp đến Vĩnh Linh để quay những thước phim về cuộc sống, chiến đấu ở tuyến lửa Vĩnh Linh. Ông viết: “... Tôi vào Vĩnh Linh quay được bộ phim là một thành công vĩ đại. Nhưng cái vĩ đại hơn, hạnh phúc hơn đối với tôi là người dân Vĩnh Linh, mà đặc biệt là phụ nữ Vĩnh Linh, đã cảm hóa được vợ tôi, từ chỗ luôn ỷ lại, bắt người khác phục vụ mình, thì giờ đây đã biết tự lực cánh sinh, biết làm những công việc bình thường của người phụ nữ”.

Về chiến đấu: 6 tháng cuối năm 1967, bộ đội, dân quân khu vực phối hợp với các lực lượng chủ lực đã bắn rơi 29 máy bay, bằng 2/3 năm 1966. Chỉ riêng tháng 7/1967, đã bắn rơi 14 chiếc, bắn cháy và bắn chìm 9 tàu chiến Mỹ. Pháo binh tập kích nhiều trận vào các căn cứ địch ở Cồn Tiên, Dốc Miếu và một số nơi khác, tiêu diệt 3.000 tên Mỹ - ngụy. Bộ đội địa phương cũng có nhiều đơn vị hoạt động xuất sắc như Tiểu đoàn bộ binh 47, Đại đội 24 đặc công. Đại đội 13 (C13 pháo binh mặt đất) là ngọn cờ đầu của pháo binh toàn khu vực. Tiểu đoàn 6 (D6) cao xạ ngoan cường trong đánh trả máy bay địch. Đặc biệt, dân quân du kích đã trưởng thành vượt bậc. 6 tháng đầu năm 1967, ngoài sự phối hợp cùng bộ đội chủ lực, riêng lực lượng dân quân du kích các xã đã độc lập hạ 11 máy bay, bằng gần cả 2 năm 1965 và 1966 cộng lại. Nhiều xã, dân quân du kích sử dụng cả cao pháo để bắn máy bay. Trong đó, xã Vĩnh Kim trong ngày 27/6/1967 đã độc lập bắn rơi tại chỗ 1 máy bay trinh sát OV10 của Mỹ, tên giặc lái bị chết thiêu cùng máy bay của hắn. Không chỉ chiến đấu tại chỗ, dân quân du kích còn phối hợp với các lực lượng khác vượt sông Bến Hải, đột kích vào các vị trí của địch ở bên kia bờ Nam. Đến giữa năm 1967, lực lượng dân quân đã chiếm đến 13,6% dân số khu vực Vĩnh Linh. Dân quân cùng các lực lượng an ninh tham gia công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự trị an và tham gia phục vụ chiến đấu rất đắc lực.

Về sản xuất: cả 2 vụ Đông - Xuân và Hè - Thu, các hợp tác xã vẫn cày cấy đảm bảo trên 70% kế hoạch diện tích. Tuy không bằng năm 1965 nhưng có mặt cao hơn

năm 1966, như hồ tiêu đạt sản lượng 6 tấn, gấp 2 lần năm 1966; chè trên 80 tấn, gấp 1,5 lần năm 1966...

Ở miền núi, do tập trung nhiều con đường huyết mạch và là nơi dự trữ nhiều kho tàng lương thực, vũ khí chi viện cho chiến trường Trị - Thiên, nên bị địch tập trung đánh phá hết sức ác liệt. Một số đồng bào miền núi phải giãn ra sinh sống ở vùng rừng núi Quảng Bình và qua Lào; một số khác từ các địa bàn Gio Linh, Cam Lộ chạy ra vùng miền tây Vĩnh Linh. Trước tình hình đó, Đảng ủy đã kịp thời chỉ đạo ổn định số đồng bào còn lại, tổ chức phòng tránh và ăn ở cho số đồng bào miền tây Gio Linh, Cam Lộ di chuyển. Kịp thời huy động lực lượng dân công hỏa tuyến đưa lên vùng miền núi 150 tấn gạo cứu đói. Giúp đỡ, động viên bà con tranh thủ mọi thời cơ để sản xuất, trồng trọt được trên 500 ha lúa và gần 400 ha ngô và sắn.

Ở miền biển, do thuyền lưới và phương tiện đánh bắt bị hư hại nặng, ngoài biển lại luôn bị tàu chiến Mỹ rình rập, khống chế, nên việc đánh cá và vận chuyển gặp rất nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, các hợp tác xã chuyển hướng sản xuất lương thực. Xã Vĩnh Thái trồng 120 mẫu khoai lang, xã Vĩnh Quang trồng 50 mẫu sắn. Chăn nuôi được duy trì và phát triển. Đặc biệt, việc vận chuyển tiếp tế cho đảo Cồn Cỏ, tuy chịu nhiều tổn thất, hy sinh nhưng các xã Vĩnh Thái, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang, Vĩnh Giang vẫn đảm bảo tốt.

Giữa lúc tiếng súng vây ép Khe Sanh đang giòn giã, ngày 31/01/1968 (tức mừng 1 Tết Mậu Thân), quân và dân toàn miền Nam đã thực hiện cuộc tập kích chiến lược

vào tất cả các thành phố, thị xã. Phối hợp với Tiểu đoàn bộ binh 47 Vĩnh Linh, đơn vị chủ lực đang chốt giữ ở khu vực Hoàng Hà để khống chế, diệt tàu địch từ Cửa Việt, quân và dân Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ đã dỡ nhà, chặt tre, đẽo hàng ngàn cọc nhọn cắm cừ, gài mìn, chặn sông Cửa Việt, ngăn tàu địch qua lại. Đoàn đặc hải 126 và 31 từ Vĩnh Linh luôn theo mép biển, đưa chất nổ vào sông Cửa Việt, kết hợp với pháo binh cao xạ, quân và dân Gio Linh, Cam Lộ liên tục quần nhau với địch ở ngã tư Sông, bắn cháy, bắn chìm 35 tàu, 82 xuống của địch. Trong thời gian này, Khu ủy Vĩnh Linh và Bộ Tư lệnh quân sự khu vực đã cử 6 đại đội hỏa lực của dân quân các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Lâm, Vĩnh Thái, Vĩnh Thành vượt sông Bến Hải vào Cửa Việt, phối hợp cùng dân quân các xã ở Gio Linh phục kích săn tàu, bắn chìm 12 xuống, bắn cháy 4 tàu vận tải và 2 xe tăng địch. Dân quân các xã Vĩnh Nam, Vĩnh Tú, Vĩnh Giang tổ chức các đội bắn tỉa mai phục quanh cứ điểm 31. Trong 10 ngày cuối tháng 2 đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch. Được nhân dân giúp đỡ, ngày 20/3/1968, Tiểu đoàn 47, Trung đoàn 270 bất ngờ tiến công căn cứ hậu cần Cửa Việt, diệt 140 tên Mỹ, đốt cháy 5 nhà kho chứa đầy hàng hóa, phá hủy 29 xe quân sự. Trong 20 ngày chiến đấu, các lực lượng vũ trang Vĩnh Linh đã góp phần cùng các lực lượng vũ trang Đường 9, Bắc Quảng Trị và dân quân Gio Linh, Cam Lộ loại khỏi vòng chiến đấu hơn 10.000 tên địch, bắt 233 tên, phá gần hết ấp chiến lược ở 2 huyện Gio Linh, Cam Lộ, giải phóng 20.000 dân, thu

hút, giam chân 29 tiểu đoàn địch, trong đó có 19 tiểu đoàn lính Mỹ.

Ở miền Bắc, quân và dân ta liên tiếp đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đã lập được nhiều chiến công vang dội. Tính đến thời điểm giữa năm 1968, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi trên 3.000 máy bay các loại của đế quốc Mỹ, bắn chìm, bắn cháy hàng trăm tàu chiến địch. Quân và dân ta còn giành nhiều thắng lợi trong nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tình thế cả nước có chiến tranh.

Bị thất bại nặng nề ở cả 2 miền Nam - Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống Johnson buộc phải tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc và chấp nhận thương lượng về một hiệp định đình chiến với Chính phủ ta tại Pari (Pháp). Tuy vậy, với thủ đoạn hai mặt, Mỹ vẫn tập trung lực lượng không quân, hải quân đánh phá từ vĩ tuyến 19 trở vào, Trọng tâm là đánh phá Quân khu 4 nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam, gây sức ép để kiềm chế cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở các chiến trường miền Nam, Tây Nguyên. Vĩnh Linh nằm trong chiến trường chung với vùng Bắc Quảng Trị và Nam Quân khu 4, nên là địa bàn địch quyết phá hoại mọi cơ sở vật chất, mọi lực lượng chiến đấu, sản xuất ở đây.

Ngày 31/5/1968, không quân và hải quân Mỹ đánh phá đảo Cồn Cỏ suốt 8 giờ liền. Bộ đội đảo Cồn Cỏ kiên cường bám trụ, chiến đấu dũng cảm, bắn rơi 4 máy bay. Thi đua với Cồn Cỏ, ngày 05/8/1968, quân và dân đất liền bắn rơi 2 chiếc F4H, trong đó có chiếc thứ 200 ở Vĩnh

Linh. Trong niềm vui chiến thắng, ngày 10/8/1968, đồng bào và chiến sĩ Vĩnh Linh hân hoan đón nhận Thư khen quân và dân Vĩnh Linh của Bác Hồ:

“... *Đánh cho giặc Mỹ tan tành,*

Năm châu khen ngợi Vĩnh Linh anh hùng”¹

Để tăng cường uy lực bắn phá vùng ven biển của ta, hải quân Mỹ đưa thiết giáp hạm Niugiodi² vào tham chiến. Những quả đạn pháo bắn ra từ thiết giáp hạm này đã gây không ít tội ác trên đất Vĩnh Linh, Quảng Bình. 5 giờ ngày 27/10/1968, thiết giáp hạm Niugiodi vào bắn phá khu vực Vĩnh Linh, liền bị Đại đội 25, Tiểu đoàn 21, pháo 130 ly bố trí trận địa trên đất Vĩnh Linh bắn trọng thương, từ đó không thấy trở ra đánh phá ở vùng biển Vĩnh Linh nữa.

Trong những tháng đầu năm 1968, máy bay chiến thuật của Mỹ đã đánh gần 9.000 lần, gấp 3 lần 6 tháng đầu năm 1967. Chúng cũng đã bắn 27 vạn quả pháo, gấp 3 lần 6 tháng đầu năm 1967. Máy bay B52 đánh 19 lần với trên 200 lần chiếc. Đặc biệt, từ đầu tháng 7/1968, để hỗ trợ cho việc rút chạy khỏi Khe Sanh, địch đã đánh phá khu vực Vĩnh Linh với cường độ cao chưa từng có trong vòng 3 năm chiến tranh phá hoại (1965-1976). Chỉ trong 1 tuần, máy bay chiến thuật đã đánh bằng 10%, pháo bắn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.482.

2. Tàu chiến có tải trọng 100.000 tấn, dài 270 m, rộng 33 m, vỏ thép dày 40,3 ly, trang bị 9 đại bác 406 ly, loại pháo mới lần đầu thí điểm sử dụng tại chiến trường Việt Nam với quả đạn pháo nặng 86,2 kg, tầm bắn 32 km, cùng 20 khẩu pháo vạn năng 127 ly, 94 khẩu trung liên từ 20 đến 40 ly, quân số trên thiết giáp hạm này là 1.500 tên.

bằng 20%, B52 đánh bằng 120% so với 6 tháng đầu năm 1967. Với cường độ đánh phá ác liệt như vậy, địch đã gây thương vong lớn cho toàn khu vực. 6 tháng đầu năm 1968, số người chết bằng 1/5, bị thương bằng 1/3 so với năm 1967. Riêng tuần đầu tháng 7/1968, số người chết đã bằng 2/5, người bị thương bằng 1/4 so với 6 tháng đầu năm 1968.

Trong 4 ngày, từ ngày 02 đến ngày 05/7/1968, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác quân sự địa phương. Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới là: “... Dựa hẳn vào hợp tác xã, luôn luôn củng cố hợp tác xã, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của chi bộ, lấy việc xây dựng chi bộ “4 tốt” thành “chi bộ thép” làm hạt nhân. Biến khu vực Vĩnh Linh thành lũy thép vững chắc. Làm tốt công tác bảo vệ trị an và phục vụ tiền tuyến, để bất cứ tình huống nào cũng đánh thắng địch”.

Hội nghị được nghe đồng chí Trần Đồng, Bí thư Đảng ủy khu vực, cùng một số đồng chí trong Thường vụ Khu ủy vừa dự Hội nghị Trung ương về kể lại những lần được gặp Bác Hồ và các đồng chí trong Bộ Chính trị, được Bác và các đồng chí ân cần thăm hỏi đồng bào, cán bộ và chiến sĩ Vĩnh Linh. Bác nói: “... Bác rất xúc động khi nghe tình hình Vĩnh Linh trong thời gian vừa rồi bị địch đánh phá hủy diệt và quyết tâm giáng trả kẻ thù xâm lược của đồng bào và chiến sĩ Vĩnh Linh”. Bác hỏi nhiều về sản xuất và đời sống, về phân phối lưu thông. Bác dặn phải công bằng và hợp lý. Việc phòng chống bão lũ, Bác dặn phải chú ý vì nhà cửa hư hỏng hết phải ở hầm hào là chủ yếu. Về phòng

không, sơ tán, Bác dặn đừng trông chờ gì nhiều ở Hội nghị Pari, mà phải chuẩn bị cho thật tốt. Bác nhắc phải chăm lo sức khỏe cho các cháu, Bác nói nhân dân và bộ đội Vĩnh Linh làm tốt là Bác khỏe mạnh. Bác còn nói ở bất cứ nước nào có chiến tranh là thị trường hỗn loạn, mà thị trường Vĩnh Linh các cô, các chú làm được như vậy là rất tốt...

Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, là người thường xuyên theo dõi tình hình Vĩnh Linh, đã chỉ đạo rất cụ thể: "... Vĩnh Linh làm được, không ai làm được và cũng không ai vào đó để làm thay...". Đề cập đến dân quân, đồng chí nói "dân quân ở tuyến lửa thì phải coi họ như người của Nhà nước. Phải chăm lo ăn, mặc, ở, chữa bệnh cho họ. Không có họ, Nhà nước phải điều hàng vạn người đến làm". Đồng chí Lê Duẩn hỏi: "các đồng chí kết nạp được bao nhiêu thanh niên vào Đoàn?". Các đồng chí lãnh đạo khu vực ta trả lời là 60%. Đồng chí nói: "... Thanh niên ai ở lại Vĩnh Linh lúc này đã là đoàn viên rồi, nếu không như vậy các đồng chí đã thi hành kỷ luật họ. Đây không phải là do quan điểm lập trường mà do cá nhân chủ nghĩa". "Vĩnh Linh là tấm gương rất lớn cho miền Bắc, cần phải ghi lại bằng phim ảnh, viết lại bằng giấy tờ, đừng để một cái gì bị mai một...". Những lời biểu dương và căn dặn của Bác Hồ và đồng chí Lê Duẩn đã tiếp thêm sức mạnh mới cho Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh trong cuộc chiến đấu đầy hy sinh và gian khổ.

Giữa năm 1968, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh chủ trương mở một đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng và trong quần chúng nhân dân, với nội dung:

- Xác định lại một lần nữa địa bàn và vị trí của Vĩnh Linh trong tình hình có chiến sự đặc biệt. Người cán bộ, đảng viên và quần chúng sống và chiến đấu trên địa bàn ấy là vinh dự đồng thời là trách nhiệm nặng nề.

- Xác định việc sống và chết của mỗi người trong tình hình Tổ quốc lâm nguy, trong tình hình mất - còn của dân tộc, của địa phương mình.

- Xác định thêm địch còn có thể đánh phá ta ác liệt hơn nữa, ta còn tiếp tục chiến đấu, hy sinh, gian khổ hơn nữa.

Trên cơ sở đó mà mỗi đảng viên tự kiểm điểm những ưu điểm, khuyết điểm của mình để đề ra phương hướng khắc phục, sửa chữa.

Sau đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng đảng viên, quần chúng có chuyển biến rõ rệt. Phong trào phát triển mạnh hơn. Mỗi lần địch đánh ác liệt, ai nấy vẫn một lòng, một dạ quyết tâm sản xuất và chiến đấu đến cùng. Với khẩu hiệu "Biến Vĩnh Linh thành Cồn Cỏ, biến hợp tác xã thành pháo đài chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất"; hầu như toàn bộ hoạt động của quân và dân Vĩnh Linh lúc này thực sự đi sâu vào lòng đất. Một hệ thống hầm hào, địa đạo, công sự nối liền thôn, liên xã, từ trên rừng xuống biển, từ phía sau ra phía trước và được vẽ thành sơ đồ, do thôn đội trưởng, xã đội trưởng quản lý. Ở mỗi xã, có một đội cấp cứu dã chiến, lấy Đại đội 20 quân y và đội cứu nạn do bác sĩ Nguyễn Văn Quảng phụ trách làm nòng cốt, sẵn sàng cứu nạn sau mỗi trận bắn phá của máy bay, tàu chiến địch.

Thực hiện phương hướng nhiệm vụ đó, 8 tháng sau khi Mỹ tuyên bố ngừng ném bom, các đơn vị chủ lực trong toàn khu vực đã hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự, chính trị. Lực lượng dân quân tự vệ cũng được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng. Về số lượng, năm 1969 tăng 0,36% và chiếm 38% so với số dân ở lại Vĩnh Linh. 83% đảng viên và 78,8% đoàn viên tham gia dân quân tự vệ. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ chiếm 34,5%. Xã miền núi Hướng Lập đã thành lập một trung đội dân quân tập trung. Các xã miền núi vùng thấp cũng đã đưa lực lượng dân quân trở lại chốt những làng bản cũ để vừa sản xuất, vừa bảo vệ địa bàn. Ở miền biển đã có kế hoạch chống địch bắt cóc ngư dân khi lao động trên biển. Đi đôi với việc xây dựng lực lượng, nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu cũng được triển khai phù hợp với tình hình mới. Một số đơn vị chủ lực vẫn tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong toàn quân khu chiến đấu diệt địch phía trước. Tại địa bàn khu vực Vĩnh Linh, trong năm 1969, các lực lượng đã 25 lần nổ súng đánh trả máy bay đến bắn phá. Các đơn vị trực chiến xã Vĩnh Sơn đã hạ được 1 máy bay trực thăng. Riêng các xã miền núi và Hướng Lập đã tổ chức 24 lần lùng sục biệt kích, thám báo, tiêu diệt 8 tên, bắn bị thương 14 tên, bắt 3 tên, thu một số phương tiện điện đài.

Công tác phục vụ tiền tuyến, phục vụ chiến đấu vẫn được duy trì tốt. Năm 1969, Vĩnh Linh đã huy động 10.247 công phục vụ tiền tuyến, phục vụ các chiến trường. Các bến đò vận chuyển bộ đội, vũ khí, lương thực; các đội tải thương vẫn hoạt động đều đặn. Những xã có tuyến

đường tải thương đi qua đều xây dựng thêm hoặc mở rộng cơ sở cấp cứu, điều trị cho thương binh. Việc phục vụ các yêu cầu về mọi mặt cho các huyện Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa được bảo đảm.

8. Đại hội Liên hoan Anh hùng Chiến sĩ thi đua Vĩnh Linh và Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ IV

Với cuộc chiến ở Đông Dương nói chung và chiến tranh Việt Nam nói riêng, dù đã cố gắng đến mức cao nhất nhưng đế quốc Mỹ ngày càng sa lầy, bị nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ phản đối quyết liệt. Tổng thống Mỹ Johnson buộc phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hoạt động khác chống Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chấp nhận đàm phán với Chính phủ ta tại Pari. Ngày 03/11/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược: "Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt... nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc*. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi..."¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.15, tr.512.

Ngày 04/11/1968, Thường vụ Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh họp bất thường, quán triệt Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xác định nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn dân khu vực trong giai đoạn mới "... phát huy cao độ khí thế chiến thắng, tinh thần phấn khởi, liên tục tiến công địch, tập trung sức lực, trí tuệ, dồn sức liên tục, hoàn thành tốt nhiệm vụ chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, mà Vĩnh Linh là hậu phương trực tiếp. Đồng thời, tranh thủ mọi thời cơ đẩy mạnh sản xuất, nâng cao sức chiến đấu về mọi mặt. Chuẩn bị tốt hơn nữa công tác phòng thủ, sẵn sàng đánh địch tại chỗ trong mọi tình huống và sẵn sàng cơ động, chi viện cho tiền tuyến bất cứ lúc nào khi cấp trên yêu cầu...".

Cuối năm 1968 đầu năm 1969, quân và dân Vĩnh Linh còn trực tiếp cùng các địa phương miền Bắc tham gia một nhiệm vụ đặc biệt mà Trung ương giao, đó là việc vận chuyển 12 vạn tấn hàng hóa, vũ khí vào chiến trường nhằm chuẩn bị cho những kế hoạch tác chiến lớn ở chiến trường miền Nam. Đó là chiến dịch vận tải lần thứ 5 (viết tắt là VT5)¹. Ở Vĩnh Linh, ban chỉ đạo chiến dịch vận tải VT5 được thành lập, do đồng chí Lê Ngọc Uynh, Phó Chủ

1. Chiến dịch vận tải VT5 do đồng chí Đỗ Mười - Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách. Đồng chí Dương Bạch Liên - Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải trực tiếp chỉ đạo. Dưới Bộ có các ban chỉ đạo của các tỉnh tham gia. Chiến dịch vận tải VT5 diễn ra từ tháng 11/1968 đến tháng 01/1969, với nhiệm vụ chuyên chở 12 vạn tấn hàng hóa, vũ khí (chủ yếu bằng đường thủy) từ các tỉnh miền Bắc vào tập kết ở khu vực Vĩnh Linh, từ đó tiếp tục vận chuyển vào chiến trường miền Nam.

tịch Ủy ban Hành chính khu vực làm Trưởng ban. Khu vực Vĩnh Linh nhận nhiệm vụ vận chuyển 1 vạn tấn hàng, bao gồm đạn dược, gạo, thực phẩm, thuốc men và các nhu yếu phẩm khác để dùng cho quân chủ lực và dân quân du kích vượt tuyến. Suốt từ sông Gianh, Quán Hàu đến Lệ Thủy, vượt Dốc Sỏi vào Vĩnh Linh phải đặt 10 trạm chuyển tiếp, phương tiện vận chuyển vừa cơ giới, vừa thô sơ. Bất chấp B52 rải thảm, pháo chụp, pháo bầy; các xã bờ Bắc sông Bến Hải vẫn chèo thuyền đưa hàng đến đích, đưa bộ đội vượt sông vào Đường 9. Vừa chiến đấu, vừa bảo vệ quê hương, hàng ngàn nam nữ thanh niên Vĩnh Linh đã đảm đương việc vận chuyển, tiếp lương tải đạn không kể giờ giấc, bất chấp hiểm nguy. Cao điểm có đêm toàn khu vực huy động đến 1.200 dân quân vận chuyển hỏa tiễn A12 từ Vĩnh Tú vào tận Cửa Việt, kịp thời cho bộ đội đánh tàu địch. Kết quả chiến dịch VT5, toàn khu vực Vĩnh Linh đã giành thắng lợi cả về số lượng và thời gian quy định của Trung ương. Chính nhờ tiềm lực này mà cuộc chiến đấu của quân và dân Vĩnh Linh được đảm bảo cho cả năm 1969, tạo điều kiện tăng thêm sức lực cho cuộc chiến đấu vào thời điểm quyết liệt nhất.

Về sản xuất: khó khăn lớn nhất lúc này là thiếu nhân lực, trâu bò, nông cụ. Mọi cơ sở vật chất kỹ thuật hầu như đã bị bom đạn địch phá hủy. Ruộng đất hoang hóa, dày đặc hố bom, hố pháo và nhất là bom mìn, đầu đạn chưa nổ. Nhưng trước tình hình mới, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh đã kịp thời chuyển khí thế chiến thắng và tinh thần phấn khởi vào mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm. Nhờ quyết tâm đó nên những năm địch đánh phá, diện

tích lúa chiêm xuân ở đồng bằng dự kiến là 1.600 ha, nhưng các xã hợp xây dựng kế hoạch nâng lên 1.845 ha, khi thực hiện lại đạt đến 1.995 ha. Có vụ sản xuất toàn khu vực còn thực hiện đạt đến 2.346 ha, tăng 34,8% so với năm 1968. Trên mặt trận giao thông vận tải, tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển phục vụ chiến trường miền Nam năm 1969 là 2.004.873 tấn, đạt 178% kế hoạch năm. Công tác phòng tránh vẫn được chú trọng đúng mức. Tiến hành tu sửa và làm mới 330 km hào giao thông, trong đó làm mới 20 km. Nâng cấp 875 hầm chữ A, 1.655 hố cá nhân. Việc ăn, ở, sinh hoạt hầu hết vẫn được duy trì dưới các hầm lán và hầm lộ thiên.

Về văn hóa - xã hội: các hoạt động khám, chữa bệnh, vui chơi giải trí, giáo dục, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đều được quan tâm đẩy mạnh. Trong đó, y tế đã triển khai xây dựng Bệnh viện A và Bệnh viện B nhằm tập trung lực lượng khám và chữa bệnh cho nhân dân. Toàn khu vực có 4 cơ sở bệnh viện (Bệnh viện A, B cùng 2 bệnh xá của Nông trường Quyết Thắng và Ty Giao thông) gồm 215 giường điều trị, đã thực hiện khám, chữa bệnh cho 50.074 lượt người. Ngoài ra còn có 25 cơ sở trạm xá gồm 141 giường cấp cứu, 56 tổ y tế hợp tác xã. Công tác phòng hóa cũng được chú ý, đã cung cấp thêm 20.000 bao phòng độc cho nhân dân. Văn hóa thông tin cũng được phát triển mạnh. Hầu hết các xã đều có đội văn nghệ. Ty Văn hóa liên tục mở các lớp đào tạo viết, vẽ, bồi dưỡng về nhạc cụ, nhạc lý, cùng một trại sáng tác cho hơn 30 tác giả. Xuất bản một số tập sách về người tốt việc tốt và các loại hình văn hóa văn nghệ khác. Mạng lưới truyền thanh

được khẩn trương củng cố phục hồi. Báo *Thông Nhất*, cơ quan ngôn luận của Đảng bộ khu vực, được tăng thêm trang, ra thêm nhiều số và tin, bài vào các dịp lễ, Tết, sự kiện đặc biệt.

Về giáo dục: năm 1969, đã mở trường bổ túc văn hóa tập trung cho cả miền núi lẫn đồng bằng, hơn 400 người vào học. Đồng thời, phong trào bổ túc văn hóa được phát động đều khắp các địa phương. Năm 1968, chỉ có 2.050 học viên thì năm 1969 đã lên tới 6.250 học viên thường xuyên đến lớp. Các lớp mẫu giáo cho các cháu còn lại cũng bước đầu được tổ chức với 58 lớp, 1.067 cháu, 75 cô giáo. Riêng vùng miền núi, đã tổ chức được việc đưa trẻ đến tuổi đi học. Ngoài ra, khu vực Vĩnh Linh còn tổ chức được 1 trường trung cấp sư phạm (đóng tại huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Trường đã đào tạo trên 200 giáo viên cho khu vực để chuẩn bị cho giai đoạn hậu chiến.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang đi vào giai đoạn giành thắng lợi quyết định, thì ngày 02/9/1969, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tộc Việt Nam chịu một tổn thất vô cùng to lớn: Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Cha già của dân tộc, của quân đội; vị Lãnh tụ kính yêu của Đảng và Nhân dân Việt Nam qua đời. Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực đã họp để thành lập Ban tổ chức lễ tang và làm Lễ truy điệu Người trong toàn khu vực. Đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã để tang Bác với lòng kính yêu và tiếc thương vô hạn. Trong buổi Lễ truy điệu, Ban Chấp hành Đảng bộ đã phát đi lời kêu gọi gửi đồng bào, chiến sĩ, đảng viên và cán bộ trong khu vực, biến đau thương thành hành động cách mạng, thi

đưa lập nhiều thành tích xuất sắc hơn nữa trên mọi mặt chiến đấu, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, góp phần giải phóng quê hương, thống nhất đất nước, thực hiện thắng lợi trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Người.

Để tổng kết kinh nghiệm và kịp thời biểu dương, cổ vũ những thành tích vẻ vang qua 4 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1968), ngày 08/02/1969, Vĩnh Linh tổ chức Đại hội liên hoan Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn khu vực. Gần 500 đại biểu dự Đại hội là những đại diện tiêu biểu cho phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước của các đơn vị, các ngành, đoàn thể. Đây là những tấm gương sáng ngời trong hàng vạn tấm gương chiến đấu, phục vụ tiền tuyến, sản xuất và tổ chức đời sống; là những bông hoa đẹp nhất của vườn hoa chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên quê hương Vĩnh Linh “tuyến lửa anh hùng”.

Đại hội vô cùng cảm động và phấn khởi nhận quà của Chủ tịch Hồ Chí Minh do đồng chí Lê Thanh Nghị - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng mang vào trao tặng. Đến dự Đại hội liên hoan Anh hùng Chiến sĩ thi đua của khu vực Vĩnh Linh còn có các đoàn đại biểu đại diện Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 4, đại biểu các tỉnh: Ninh Bình, Nam Hà, Hà Tĩnh, Quảng Bình và huyện Tân Kỳ (tỉnh Nghệ An).

Đồng chí Lê Thanh Liêm, Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực đọc báo cáo tổng kết, biểu dương những thắng lợi to lớn của quân và dân Vĩnh Linh trong 4 năm qua, khẳng định sự đúng đắn của đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta, nói lên lòng biết ơn sâu sắc của

quân và dân khu vực Vĩnh Linh đối với Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính mến, đối với sự giúp đỡ hết lòng của quân và dân trong cả nước. Đại hội nghe 25 bản báo cáo điển hình của cá nhân và tập thể ở các cơ sở đã làm nổi rõ những thành tích và kinh nghiệm chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến, sản xuất, tổ chức đời sống trong 4 năm 1965-1968 của quân và dân khu vực Vĩnh Linh.

Phát biểu trước Đại hội, đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: “... Chiến công về mọi mặt của Vĩnh Linh là nguồn cổ vũ động viên rất lớn đối với đồng bào miền Nam, đặc biệt là đối với đồng bào Trị - Thiên, đối với cán bộ, chiến sĩ mặt trận Khe Sanh và Đường 9 anh hùng. Thắng lợi và thành tích rực rỡ của Vĩnh Linh trên cả 3 mặt trận: chiến đấu, sản xuất và tổ chức đời sống, là tấm gương sáng cho quân và dân miền Bắc ra sức thi đua chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Thay mặt Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bác Hồ, tôi nhiệt liệt khen ngợi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và đảng viên khu vực Vĩnh Linh sát cánh cùng đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và đảng viên ở các tỉnh Quân khu 4 đã hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang mà Đảng và Chính phủ giao phó...”.

Bước qua năm 1970, đế quốc Mỹ tuy đã bị thất bại nặng nề, nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến nên vẫn tìm cách kéo dài và mở rộng chiến tranh trên khắp bán đảo Đông Dương. Về chiến lược, Mỹ chuyển từ “chiến tranh cục bộ” sang “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Tháng 01/1970, Hội nghị Trung ương lần thứ 18 kiểm điểm tình hình năm 1969, đề ra nhiệm vụ mới để tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong đấu tranh cách mạng. Trung ương đã uốn nắn những khuyết điểm trong thời gian qua và nhấn mạnh là phải vận dụng đúng đắn phương châm đẩy mạnh tiến công toàn diện trên cả 3 vùng chiến lược, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính. Trung ương thấy cần chú ý trong khi tiếp tục đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải thực hiện cho được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh du kích ở địa phương. Trung ương nhấn mạnh công tác hậu cần có tầm quan trọng chiến lược. Tổ chức các tuyến hậu cần thật vững chắc và bảo đảm tốt hậu cần trong chiến dịch và chiến đấu, chú trọng phát huy khả năng hậu cần tại chỗ. Nghị quyết Trung ương lần thứ 18 tạo sự chuyển hướng hết sức đúng đắn về chỉ đạo quân sự sau Tết Mậu Thân năm 1968, đặt cơ sở cho những thắng lợi to lớn và sự chuyển biến cục diện chiến trường ngày càng có lợi cho ta.

Chấp hành Nghị quyết của Trung ương, trong 10 ngày từ ngày 25/4 đến ngày 05/5/1970, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực hợp, đề ra nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ tiền tuyến đối với Đảng bộ và nhân dân toàn khu vực Vĩnh Linh. Hội nghị xác định “xây dựng tinh thần kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn. Thường xuyên nâng cao cảnh giác, tinh thần cách mạng tiến công, ra sức nâng cao chất lượng và sự đồng đều của các lực lượng vũ trang nhằm đảm bảo yêu cầu chủ động đánh thắng địch

trong bất cứ tình huống nào, đồng thời hết sức phục vụ tiền tuyến, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu ở chiến trường phía trước khi có lệnh. Các lực lượng vũ trang, ngoài nhiệm vụ chiến đấu là chủ yếu cần tham gia một cách tích cực vào việc khôi phục và phát triển kinh tế ở địa phương”.

Về nhiệm vụ phục vụ tiền tuyến, Đảng ủy khu vực nêu rõ: “Các lực lượng quân sự và an ninh phối hợp với Mặt trận B5 và Gio Linh, Cam Lộ để tấn công một cách tích cực về mặt binh vận, địch vận. Công tác vận chuyển thương binh, vũ khí, lương thực phải có tổ chức, sẵn sàng đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong trường hợp đột xuất và thường xuyên. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa quân y và dân y về mặt cứu chữa. Phải đảm bảo đến mức tối đa theo khả năng của mình về các nhu cầu cần thiết chi viện cho các huyện Gio Linh, Cam Lộ và Hướng Hóa, góp phần tích cực của mình trong việc củng cố vùng giải phóng, đồng thời phải làm hết sức mình đối với nơi khác”.

Về nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh khẳng định “... tranh thủ mọi thời cơ, tập trung mọi khả năng, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, phát huy thuận lợi, ra sức khắc phục khó khăn, khôi phục và xây dựng kinh tế địa phương, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lương thực, thực phẩm, đủ tự túc và có dự trữ cần thiết. Tích cực khôi phục đàn gia súc, đặc biệt là đàn lợn và đàn trâu bò cày kéo, phát triển gia cầm và nuôi cá, phục hồi dân cây công nghiệp dài ngày, phát triển các loại cây ăn quả, trồng cây

gây rừng và bảo vệ rừng. Đồng thời cố gắng khôi phục công nghiệp địa phương, phát triển thủ công nghiệp, nhằm phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp địa phương, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, trên cơ sở khả năng của mình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân”.

Do thất bại dồn dập trên các chiến trường Đông Dương mà trực tiếp là Trị - Thiên - Huế và Đường 9, địch tiếp tục tăng cường các mặt hoạt động ở địa bàn Vĩnh Linh. Chúng liên tiếp cho máy bay trinh sát và bắn phá vùng núi rừng miền Tây và dọc tuyến vận tải đường Trường Sơn. Ác liệt nhất là các địa bàn như Cóc, Rạc, Tà Rúa, Cù Bai, Dốc Mèo, dốc Dân Chủ, đường 207, 3/2, đoạn từ cao điểm 700 đi bản Na và dọc sông Xê-Băng-Hiêng, Hướng Lập. Đồng thời, pháo ở các cứ điểm bờ Nam và pháo từ hạm tàu bắn hàng trăm lần, hàng vạn quả qua các thôn Mỹ Phước, Tân Trại (Vĩnh Giang), Tiên An (Vĩnh Sơn). Địch đôi với hoạt động quân sự, địch tăng cường điều tra tình báo, tung biệt kích, thám báo thu thập tin tức, thả truyền đơn dọa dẫm, mua chuộc, chiêu hồi.

Bước qua năm 1971, hồng chặn đứng sự chi viện của hậu phương từ gốc, Mỹ dốc sức phục dựng lại tinh thần cho quân ngụy. Địch mở 2 cuộc hành quân trọng điểm trên tuyến hành lang chiến lược của ta. Trong đó, cuộc hành quân Lam Sơn - 719 là cuộc hành quân lớn nhất. Kế hoạch và mục đích của địch là bịt chặt con đường tiếp tế trọng yếu này, nhất là đoạn Đường 9 - Nam Lào, thì cách mạng miền Nam sẽ tàn lụi dần, Việt Cộng phải quay về đánh du kích và “Việt Nam hóa chiến tranh” sẽ thành công.

Vùng nam Quảng Bình và Vĩnh Linh là nơi tập kết lực lượng, phương tiện vật chất kỹ thuật, là địa bàn xuất phát tiến công của các binh đoàn chủ lực ta. Với tinh thần “chiến trường cần gì, hậu phương sẵn sàng đáp ứng”, Đảng ủy, chính quyền khu vực Vĩnh Linh đã huy động, động viên nhân dân tham gia với hàng vạn ngày công phục vụ chiến đấu, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chuẩn bị bước vào chiến dịch. Đi đôi với củng cố và xây dựng lực lượng, toàn khu vực đã tranh thủ hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự cho các lực lượng vũ trang với các phương án chiến đấu mới phù hợp với đặc điểm của mỗi địa bàn, nhất là đối với các vùng trọng điểm.

Về phòng không, ngoài việc tu sửa hầm hố, hào giao thông, công sự chiến đấu, giãn thưa mật độ ăn ở của nhân dân và cơ quan Nhà nước, Đảng ủy khu vực chủ trương tiếp tục ổn định tư tưởng cho nhân dân đang sơ tán ở Tân Kỳ (Nghệ An), Hà Tĩnh, đảm bảo yêu cầu chiến đấu trước mắt và lâu dài.

Kết quả sản xuất vụ Đông - Xuân (1970-1971), toàn khu vực gieo cấy được 2.578 ha lúa, tăng hơn vụ Đông - Xuân (1969-1970) là 0,64%. Nhiều xã như Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Nam, Vĩnh Kim vượt kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng màu. Cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày cũng đạt khá. Tổng sản lượng lúa năm 1971 toàn khu vực Vĩnh Linh sản xuất được 4.753 tấn, tăng 832 tấn so với năm 1970. Tích lũy của các hợp tác xã nhờ đó tăng hơn năm trước 30%, nộp nghĩa vụ với Nhà nước hơn năm trước 200 tấn. Hợp tác xã

Duy Lâm (Vĩnh Lâm) làm nghĩa vụ với Nhà nước 100 tấn thóc. Hợp tác xã Vĩnh Kim trước đây phải mua thóc Nhà nước, vụ mùa này đã nộp nghĩa vụ với Nhà nước 50 tấn.

Trong niềm vui phấn khởi trước những thắng lợi to lớn của cách mạng cả tỉnh, cả nước, tối 08/11/1971, Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ IV khai mạc trọng thể. Hơn 140 đại biểu chính thức từ Côn Cỏ đến Hướng Lập, từ các xã đến các đơn vị bộ đội, từ nông trường, xí nghiệp đến các ngành, cơ quan, đoàn thể trong khu vực đã về dự Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt chào đón đồng chí Hoàng Tùng, đại diện Trung ương Đảng cùng đoàn đại biểu các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và huyện Tân Kỳ (Nghệ An) về dự Đại hội. Dự Đại hội còn có đại diện Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 4. Đặc biệt, sự có mặt của đại diện Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị, huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ đã vượt qua bom đạn địch đem đến cho Đại hội mối tình quê hương ruột thịt gần gũi, thân thiết.

Đồng chí Trần Đồng - Bí thư Đảng ủy khu vực trình bày báo cáo chính trị tại Đại hội. Báo cáo chính trị đã kiểm điểm, đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn 1963-1971 và phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1972-1973 với mục tiêu trọng tâm là nỗ lực cùng cả nước hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; trước mắt là tập trung cho mặt trận Trị - Thiên, giải phóng tỉnh Quảng Trị. Các định hướng lớn về phát triển kinh tế chủ yếu mà Đại hội đề ra, trọng tâm là trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm đảm bảo tự túc lương thực và chi viện cho các huyện phía Nam. Các

chỉ tiêu cụ thể là 4 tấn thóc, 8 tấn khoai, 2 con lợn/ha gieo trồng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực khóa IV gồm 19 Khu ủy viên chính thức và 4 Khu ủy viên dự khuyết. Đồng chí Trần Đồng tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy khu vực. Đồng chí Dương Tốn giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực.

Cũng trong năm 1971, vào dịp Tết Nguyên đán, nhân dân Vĩnh Linh vinh dự được đón tiếp Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng vào thăm và chúc Tết. Xúc động trước sự hy sinh mất mát quá lớn của mảnh đất tuyến lửa Vĩnh Linh, Thủ tướng nói: “Vĩnh Linh rồi phải được hưởng thụ xứng đáng”. Phát biểu với Ban Thường vụ Đảng ủy khu vực, Thủ tướng căn dặn: “Công việc sắp tới của các đồng chí còn nặng nề, gian khổ, cần đào tạo số cán bộ trẻ có tài năng để đảm đương thay các đồng chí”. Sự quan tâm, chia sẻ và thấu hiểu của các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng, Chính phủ và các Bộ, ngành đã tiếp thêm cho Đảng bộ, quân và dân khu vực một động lực tinh thần to lớn; là nguồn cổ vũ, khích lệ để Vĩnh Linh tiếp tục cùng quân và dân cả nước hoàn thành sự nghiệp đánh đuổi ngoại xâm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương X

VĨNH LINH THAM GIA CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN, GIẢI PHÓNG TỈNH QUẢNG TRỊ, CÙNG CẢ NƯỚC HOÀN THÀNH CÔNG CUỘC THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1972-1975)

Những thắng lợi từ chiến trường miền Nam trong 2 năm 1970-1971 đã tạo tình thế thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta. Đặc biệt, thắng lợi to lớn trên Mặt trận Đường 9 - Nam Lào mùa xuân năm 1971 đã làm rung chuyển cả bộ máy chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Sài Gòn, tác động mạnh đến tinh thần của ngụy quân, ngụy quyền miền Nam. Đối với Mỹ, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã triển khai được 3 năm (1969-1971) nhưng đã gặp những thất bại liên tiếp. Mục tiêu của chiến lược này là nhằm chuyển vai trò của quân Mỹ cho quân ngụy; đồng thời rút dần quân Mỹ ở miền Nam về nước nhằm xoa dịu phong trào đấu tranh ở nước Mỹ và tạo điều kiện để mặc cả với ta trên bàn đàm phán tại Hội nghị Pari. Song, với tinh thần hoang mang, rệu rã, ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn không thể thực hiện được kế hoạch của Mỹ.

Nhìn tổng thể, trên cả 2 mặt chính trị và quân sự, Mỹ - ngụy chẳng những không mạnh lên như dự định của chiến lược mà chúng vạch ra, mà ngày càng suy yếu cả về thế và lực. Ngược lại, tình thế cách mạng miền Nam đang ngày càng có lợi cho ta. Đầu tháng 6/1971, Hội nghị Quân ủy Trung ương nhấn mạnh, “Tình hình đang chuyển biến mau lẹ, đòi hỏi ta phải có sự cố gắng cao hơn, tranh thủ thời gian, khắc phục những nhược điểm khó khăn, xây dựng thế và lực của ta trên chiến trường nhanh hơn nữa, kịp nắm lấy thời cơ, hành động bất ngờ, giành lấy thắng lợi cao nhất...”.

Đầu tháng 4/1972, để cứu vãn tinh thần của quân ngụy và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đang trên bờ vực sụp đổ, Mỹ xé bỏ cam kết ngừng ném bom miền Bắc, gây lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở mức độ ác liệt hơn. Máy bay chiến thuật, bom mìn, đại bác, pháo đài bay B52 đánh hủy diệt với hàng vạn tấn bom đạn trút xuống Vĩnh Linh và Quảng Bình hòng cắt đứt con đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam của ta.

Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh họp, xác định lại vị trí địa bàn và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong tình hình mới là: “Khẩn trương tăng cường lực lượng mọi mặt cho chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ tiền tuyến là nhiệm vụ hàng đầu, đồng thời tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi đẩy mạnh sản xuất, bồi dưỡng sức dân, xây dựng từng bước cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết nhằm bảo đảm cho nhu cầu trước mắt và

tạo cơ sở cho nhiệm vụ lâu dài”. Nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là tập trung nhân lực, vật lực đang có của toàn khu vực để chi viện đặc lực cho các chiến trường, đặc biệt là trong chiến dịch giải phóng tỉnh Quảng Trị đầu năm 1972.

I. LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VĨNH LINH THAM GIA CHIẾN DỊCH GIẢI PHÓNG QUẢNG TRỊ (NĂM 1972)

Sau thất bại Đường 9 - Nam Lào, Mỹ - ngụy càng ra sức củng cố vùng chiến thuật 1, xây dựng Trị - Thiên thành khu vực phòng thủ mạnh nhất, được xem là “con đê ngăn chặn Việt Cộng rắn nhất của Việt Nam Cộng hòa”. Đầu năm 1972, địch đã bố trí tại đây phần lớn binh lực của Quân đoàn 1 ngụy, gồm 2 sư đoàn bộ binh, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến và 3 trung đoàn thiết giáp (184 xe bọc thép, 93 xe tăng), 15 tiểu đoàn pháo binh (258 khẩu), 2 đại đội giang thuyền. Số quân chủ lực ngụy trên chiến trường Trị - Thiên lúc này đã lên tới 35.200 tên. Địch tổ chức hệ thống phòng thủ trên 2 hướng Quảng Trị và Thừa Thiên, lấy Quảng Trị làm trọng điểm, triển khai ở đây 5/8 trung đoàn bộ binh, 7/10 tiểu đoàn thiết giáp (chiếm 2/3 lực lượng bộ binh và thiết giáp trên chiến trường Trị - Thiên).

Nếu so sánh cục diện chiến tranh rõ ràng dù quân ngụy đông, trang bị vũ khí, phương tiện đầy đủ nhưng điểm yếu là tinh thần hoang mang, rệu rã. Ta đang ở thế thắng, thế đi lên. Tuy vậy, đế quốc Mỹ vẫn đánh giá rất chủ quan, cho rằng ở miền Nam Việt Nam, chương trình

bình định nông thôn đã giành được thắng lợi; quân giải phóng miền Nam đang ở trong tình thế bị động nên hoạt động năm 1972 của quân giải phóng chỉ tương tự như năm 1971 mà thôi. Với bản chất ngoan cố và hiếu chiến cộng với tiềm lực chiến tranh lớn, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện những âm mưu và hành động chiến tranh phiêu lưu nhằm chống lại nhân dân 3 nước Đông Dương, thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, mặc cả với ta trên thế mạnh tại Hội nghị Pari. Đồng thời, xoa dịu phong trào đấu tranh yêu nước, tạo điều kiện cho Nixon tái cử Tổng thống trong cuộc bầu cử cuối năm 1972.

Trước tình hình đó, đầu tháng 3 năm 1972, Quân ủy Trung ương đã họp bàn triển khai kế hoạch tác chiến sắp tới. Quân ủy Trung ương khẳng định quyết tâm thực hiện chiến lược đã được xác định từ giữa năm 1971 của Bộ Chính trị. Hướng tiến công chính là chiến trường bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, hướng phối hợp là chiến trường Trị - Thiên; đồng thời, tăng cường chống “bình định” nông thôn của địch, đẩy mạnh phong trào chuẩn bị ở đô thị, phát huy thế chủ động chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam, tạo ra một bước chuyển biến cơ bản tiến lên thay đổi một bước cục diện chiến tranh. Nhưng qua diễn biến tình hình miền Nam lúc này, Quân ủy quyết định thay đổi hướng tiến công chiến lược sang chiến trường Trị - Thiên. Vì Trị - Thiên sát với miền Bắc, ta có thể tập trung lực lượng, tập trung chỉ đạo và bảo đảm vật chất hậu cần cho một chiến dịch quy mô lớn và dài ngày. Điều quan trọng khác là yếu tố bất ngờ, vì cho đến lúc này, giới

quân sự Mỹ - nguy vẫn cho rằng hướng tiến công chiến lược chính của ta sẽ là chiến trường Tây Nguyên nên đã điều động phần lớn sư đoàn dù (lực lượng tổng dự bị chiến lược) và các lực lượng dự bị của quân khu 2 lên hướng ấy.

Trên hướng tiến công chiến lược Trị - Thiên, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Bộ Tổng tư lệnh và Đảng ủy chiến dịch¹. Căn cứ nhiệm vụ của Quân ủy Trung ương giao, ngày 15/3/1972, tại Bãi Hà (Vĩnh Hà), Đảng ủy Bộ Tư lệnh Chiến dịch Trị - Thiên họp bàn triển khai kế hoạch tác chiến. Chiến dịch Trị - Thiên được mở với 4 cánh quân, tiến công theo 4 hướng. Lực lượng là các sư đoàn, trung đoàn chủ lực với đầy đủ các binh chủng tham gia. Đến ngày 26/3/1972, mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch đã cơ bản hoàn thành. Cục vận tải Đoàn 559 và Đoàn vận tải quân khu 4 cùng hàng ngàn thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến tỉnh Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh đã vận chuyển vượt cung, phá tuyến được 16.020 tấn hàng, gần đạt yêu cầu thời kỳ đầu của chiến dịch. Sư đoàn bộ binh 308 hành quân vào sau cùng cũng đã có mặt bên bờ sông Bến Hải.

Đối với lực lượng vũ trang Vĩnh Linh, Bộ Tư lệnh chiến dịch sử dụng Tiểu đoàn 47 - Tiểu đoàn bộ binh

1. Thiếu tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam làm Tư lệnh chiến dịch, thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Ngoài ra, còn có 9 thành viên khác, trong đó có đồng chí Hồ Sỹ Thản, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị, tham gia Ủy viên Đảng ủy chiến dịch.

Vĩnh Linh làm chủ công phối hợp với một số đơn vị¹ để tấn công, bao vây Dốc Miếu, Quán Ngang ở hướng đông, tiêu diệt căn cứ hải thuyền ở nam Cửa Việt, phối hợp với các lực lượng kim kẹp địch, hỗ trợ và phát động quần chúng Gio Linh nổi dậy giành quyền làm chủ. Đây là vùng có địa hình phức tạp, kéo từ Hoàng Hà, Mai Xá lên ngã 3 Gia Độ, là vùng đồng chiêm trũng quanh năm ngập nước. Đường cơ động cho bộ đội chủ lực rất khó, đặc biệt là triển khai binh khí, kỹ thuật cơ giới. Nơi đây, địch tập trung xây dựng một tuyến phòng thủ rất mạnh, thông thạo địa hình, giang thuyền nhiều, nhất là được pháo hạm chi viện vì gần biển. Ngoài lực lượng chủ lực, trong những tháng đầu năm 1972, với tinh thần “tất cả vì miền Nam ruột thịt, vì Quảng Trị thân yêu”, Vĩnh Linh đã huy động tới 15 vạn ngày công của hàng ngàn dân quân, dân công hỏa tuyến làm công tác phục vụ cuộc chiến đấu ở chiến trường bắc Quảng Trị.

Căn cứ vào diễn biến tình hình, đồng thời chuẩn bị các kế hoạch hành động của Vĩnh Linh khi Chiến dịch Trị - Thiên nổ súng, nhất là việc sẽ tiếp nhận hàng vạn đồng bào Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng sẽ sơ tán ra Vĩnh Linh khi chiến dịch đi vào giai đoạn ác liệt nhất, ngày 27/3/1972, Thường vụ Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh họp bất thường, ra Nghị quyết về một số nhiệm vụ đột

1. Lực lượng phối hợp gồm: 2 tiểu đoàn đặc công 31, 25; một tiểu đoàn pháo mang vác; 4 đại đội bộ đội địa phương; Đoàn 126 đặc công hải quân và lực lượng tự vệ thị trấn Hồ Xá.

xuất và một số công tác cần kíp trước mắt. Hội nghị đề ra 5 vấn đề cơ bản cần được quán triệt sâu sắc:

(1) Kiên quyết đập tan mọi cuộc phản kích của địch để bảo vệ và giữ vững vùng giải phóng và bảo vệ nhân dân. Đây là trách nhiệm, là tình cảm ruột thịt sâu đậm của Đảng bộ và nhân dân chúng ta mà từ lâu đã xác định.

(2) Bắn rơi tại chỗ nhiều máy bay, bắt gọn giặc lái. Bắn cháy, bắn chìm nhiều tàu chiến địch. Chuẩn bị tất cả về tư tưởng, tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật, công sự, trận địa để chiến đấu, chiến thắng liên tục trong điều kiện địch phản kích quyết liệt.

(3) Đối với Côn Cỏ, Bộ Chỉ huy quân sự Vĩnh Linh cử người ra kiểm tra, rút kinh nghiệm, phát huy thành tích đã đạt được để chiến đấu và chiến thắng tốt hơn nữa.

(4) Nghiêm chỉnh thực hiện chỉ thị của Thường vụ Đảng ủy Quân khu, chuyển mọi sinh hoạt trở lại thời chiến, từ ăn, ở, hội họp, đi lại, vui chơi, sản xuất, nhất thiết phải làm đúng kỷ luật phòng không.

(5) Đặc biệt quan tâm và có trách nhiệm đầy đủ đối với bà con Gio Linh - Cam Lộ sơ tán ra khi Chiến dịch thực sự đi đến giai đoạn ác liệt. Bằng cách đào hầm giúp bà con, vận động bà con cùng đào hầm, ăn ở phân tán, quyết hạn chế tối đa mọi thiệt hại. Trường hợp xảy ra thương vong phải tích cực giúp đỡ mọi mặt để nhanh chóng ổn định tư tưởng, đề phòng dao động.

11 giờ ngày 30/3/1972, chiến dịch tiến công Quảng Trị bắt đầu. Hàng chục trận địa pháo với hàng trăm nòng pháo các cỡ tập trung hỏa lực “bão táp số 1” bắn phá các mục tiêu. Bộ binh, xe tăng đột phá vào các khu vực phòng

thủ của địch trên toàn tuyến. Trong ngày đầu chiến dịch, Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh kết hợp chặt chẽ với bộ đội đặc công hải quân, dân quân du kích địa phương tiến công tiêu diệt các lực lượng vũ trang địch ở các thôn ấp, chi khu, đập tan hệ thống kim kẹp, giải phóng quận lỵ Gio Linh, khu tập trung Bến Ngự, Mai Xá Thị, Xuân Khánh, Hà Thượng, tạo điều kiện cho các xã Gio Lễ, Gio Mỹ, khu tập trung Quán Ngang nổi dậy diệt ác ôn, phá kim. Qua gần 6 ngày đêm tiến công, toàn bộ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch ở bắc Quảng Trị do 4 trung đoàn ngụy đóng giữ bị phá vỡ. Đến ngày 04/4/1972, toàn bộ các vị trí của địch trên 4 cánh cung đông, tây, nam, bắc của phòng tuyến bắc Quảng Trị đã bị ta xóa sổ. Hàng rào điện tử McNamara của Mỹ trở thành bàn đạp của để các lực lượng của ta tiến công. Ba huyện: Hướng Hóa, Gio Linh, Cam Lộ với 10 vạn dân được giải phóng. Từ đây, vùng giải phóng bắc Quảng Trị đã nối thông với hậu phương Vĩnh Linh, Quảng Bình. Giới tuyến quân sự tạm thời với vĩ tuyến 17, sông Bến Hải, cầu Hiền Lương vĩnh viễn không còn phải chịu nỗi đau chia cắt.

Vui mừng trước thắng lợi, khu vực Vĩnh Linh khẩn trương huy động hàng ngàn dân công ngày đêm khôi phục nối liền quốc lộ 1A, bắc cầu phao qua sông Bến Hải, chuẩn bị bến vượt cho xe pháo nặng của bộ đội chủ lực các binh chủng từ miền Bắc kịp chuyển lên phía trước, đón nhận chăm sóc thương binh, tiếp sức cho nhân dân Gio Linh, Cam Lộ các nhu cầu thiết yếu lúc đầu.

Bị mất tuyến phòng thủ vòng ngoài, Mỹ - ngụy vội vã tăng cường lực lượng đối phó. Tổng thống Nguyễn Văn

Thiệu lệnh cho Quân khu 1 và Sư đoàn 3 bộ binh tổ chức cụm phòng ngự Đông Hà - Ái Tử - La Vang và quyết tâm tử thủ tại đó¹. 15 giờ ngày 08/4/1972, ta nổ súng mở màn cho giai đoạn 2 của Chiến dịch Trị - Thiên. Bộ Tư lệnh lên chủ trương tác chiến, tập trung vào 3 hướng. Hướng tiến công chủ yếu là Đông Hà, Lai Phước do lực lượng của Sư đoàn 308 được tăng cường thêm Trung đoàn 48 và 3 tiểu đoàn thiết giáp, đặc công và công binh đảm trách. Hướng phối hợp quan trọng là Ái Tử do Sư đoàn 304 được tăng cường 2 tiểu đoàn thiết giáp và công binh đảm trách. Hướng chia cắt chiến dịch là đoạn cầu Nhùng đi Mỹ Chánh do Sư đoàn 324 đảm trách. Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh cùng Trung đoàn 27 (Mặt trận B5) được tăng cường một tiểu đoàn thiết giáp, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn đặc công có nhiệm vụ thọc sâu vào vùng đồng bằng ven biển Triệu Phong, Hải Lăng bao vây vu hồi, chia cắt chiến dịch, khóa đường rút về hướng đông của địch. Ngày 28/4/1972, cuộc tiến công quy mô toàn diện của 4 cánh quân vào sào huyệt cuối cùng của địch ở Quảng Trị bắt đầu. Các căn cứ của địch lần lượt thất thủ. 15 giờ 30 phút ngày 28/4, toàn bộ Đông Hà, Lai Phước được giải phóng. Ở phía đông, đội hình thọc sâu vu hồi chiến dịch do Trung đoàn 27, Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh và các đơn vị tăng cường

1. Ngày 04/4/1972, Mỹ - ngụy điều Lữ đoàn 369 lính thủy đánh bộ từ Sài Gòn ra Mỹ Chánh. Ngày 05/4/1972, điều tiếp ba liên đoàn biệt động quân số 4, 5, 6 từ Quân khu 2, Quân khu 4 ra tăng cường cho Đông Hà, Quảng Trị. Như vậy, chỉ trong 2 ngày, Mỹ - ngụy đã điều về chiến trường Quảng Trị một lực lượng lớn tương đương 9 sư đoàn.

(tiểu đoàn 66, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 202 xe tăng, Tiểu đoàn 75 pháo binh) vượt sông Thạch Hãn đứng chân ở đồng bằng Quảng Trị. Tại đây, cánh quân chia làm 3 mũi tấn công các vị trí trọng yếu. Ngày 28/4, Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh cùng Tiểu đoàn 3 tấn công giải phóng quận lỵ Triệu Phong. Ngày 01/5, giải phóng quận lỵ Hải Lăng. Trưa ngày 01/5, quân ta tiến vào thị xã Quảng Trị. Số quân địch còn lại ở La Vang, Tân Điền, Mỹ Chánh hoảng loạn, cõng bỏ quân phục, dày xéo lên nhau chạy thoát thân qua địa phận Thừa Thiên¹.

Như vậy, qua hai đợt tiến công và nổi dậy, từ ngày 30/3/1972 đến ngày 01/5/1972, trong 33 ngày đêm, các lực lượng vũ trang cùng quân và dân Quảng Trị đã quét sạch hệ thống phòng ngự kiên cố nhất và đập tan bộ máy kìm kẹp của Mỹ - ngụy từ sông Bến Hải đến sông Mỹ Chánh, từ Lao Bảo đến Cửa Việt. Chiến dịch Trị - Thiên giành kết quả thắng lợi: "... ta tiêu diệt và làm bị thương 8.150 tên địch, bắt sống 2.100 tên, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị với 12 vạn dân. Đây là tỉnh đầu tiên được giải phóng hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ"².

Bị bất ngờ trước cuộc tiến công chiến lược như vũ bão của ta ở miền Nam và trước tình hình nguy khốn của quân ngụy Sài Gòn, đặc biệt là thất thủ tuyến phòng ngự kiên cố ở Quảng Trị, chính quyền Nixon buộc phải "Mỹ

1. Nguyễn Huy Hiệu: "Giải phóng Quảng Trị 1972", Tuyển tập *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Sđd, tr.421.

2. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2 (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.529.

hóa” trở lại cuộc chiến tranh. Chúng vội vã đưa không quân và hải quân ồ ạt tham chiến ở miền Nam và ngang nhiên xóa bỏ mọi cam kết trước đó, quay lại ném bom, bắn phá miền Bắc, gây lại cuộc chiến tranh phá hoại mới tàn bạo và khốc liệt hơn.

Rạng sáng ngày 06/4/1972, tức đúng 1 tuần sau khi ta nổ súng tiến công vào tuyến phòng thủ Quảng Trị, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, Mỹ huy động một lực lượng rất lớn về không quân, hải quân để đánh phá miền Bắc, với 1.400 máy bay chiến thuật, 193 máy bay B52, 14 tàu chiến của Hạm đội 7, trong đó có 6 tàu sân bay. Ngày 09/5/1972, Nixon ra lệnh phong tỏa các cảng và vùng biển miền Bắc Việt Nam, từ Vĩnh Linh đến Hải Phòng, tăng cường ném bom hệ thống giao thông trên bộ và các cơ sở kinh tế, quốc phòng của ta. Mục đích là bóp nghẹt miền Bắc, cắt đứt nguồn tiếp tế từ nước ngoài vào nước ta và từ miền Bắc vào miền Nam. Chính quyền Nixon và giới quân sự Mỹ tính toán rằng, chậm nhất trong vòng 3 tháng, chính quyền Bắc Việt Nam sẽ kiệt quệ và buộc phải thương lượng với Mỹ trên thế yếu.

Từ 2 giờ sáng, tàu chiến Mỹ đã lần lượt bắn phá dọc bờ biển miền Bắc từ Vĩnh Linh đến Thái Bình. Tiếp đó, chúng huy động 300 lần chiếc máy bay ném bom ác liệt vùng từ sông Gianh trở ra. Cuộc leo thang chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với chủ lực là máy bay B52 nhằm vào các mục tiêu trọng điểm như Vinh, Bến Thủy, Thanh Hóa, Hải Phòng. Ngày 22/4, Mỹ tuyên bố ném bom hạn chế từ vĩ tuyến 19 (sông Gianh) trở vào. Tuy nhiên, đến ngày 09/5, chúng lại mở rộng đánh phá ra toàn miền

Bắc. Đỉnh điểm, trong những ngày cuối tháng 6, đầu tháng 7/1972, để chuẩn bị cho cuộc phản kích tái chiếm Quảng Trị, đế quốc Mỹ sử dụng hỏa lực không quân và hải quân phối hợp tấn công với mật độ cao, cường độ lớn chưa từng có. Tính riêng về đạn pháo hạm và pháo mặt đất, chúng bắn trên 10 vạn quả trong một ngày. Số lần xuất kích của máy bay B52 từ 11 lần chiếc/ngày trong tháng 5, lên 51 lần chiếc/ngày trong tháng 6, 7 và có ngày lên đến 100 lần chiếc. Chúng sử dụng hàng ngày loại máy bay chiến lược này đánh phá ác liệt hậu phương, chiến dịch của ta¹. Đối với Vĩnh Linh, đến ngày 13/4/1972, tức sau 1 tuần ném bom trở lại, máy bay Mỹ đã xâm phạm 245 lần chiếc. Pháo địch ở tàu biển bắn vào 61 lần với 2.608 quả từ loại 127 ly đến 203 ly. Ngoài chiến thuật cũ, lần này máy bay địch dùng tia laser điều khiển bom và tên lửa. Với kỹ thuật này, tất cả cầu cống và các mục tiêu khác còn lại trên đất Vĩnh Linh đã bị chúng phá hủy hoàn toàn.

Ngày 06/4/1972, Ban Chấp hành Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh ra lời kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết chiến đấu, chiến thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. “Trước giờ giã chết, địch điên cuồng, lòng lộn chống trả quyết liệt bằng mọi âm mưu và thủ đoạn cực kỳ dã man và tàn bạo. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch sẽ diễn ra vô cùng khốc liệt, gay go, quyết liệt, phức tạp và dài ngày,

1. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2 (1954-1975), Sđd, tr.535.*

song nhất định chúng ta sẽ thu nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa... Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực kêu gọi tất cả đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức, các lực lượng vũ trang và nhân dân toàn khu vực hãy thực hiện tốt nhất *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm chỉ thị của Đảng và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, bền gan, vững chí, nỗ lực vượt bậc, quyết cùng đồng bào miền Nam sát cánh kề vai, đồng cam cộng khổ với quê hương ruột thịt, đùm bọc lẫn nhau, xông lên phía trước, tiến công liên tục, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, đáp lời kêu gọi của Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực, quyết trừng trị đích đáng máy bay Mỹ, các lực lượng phòng không khu vực Vĩnh Linh nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đánh trả máy bay địch. Ngày 01/4/1972, dân và quân khu vực Vĩnh Linh đã anh dũng chiến đấu bắn tan xác 3 máy bay Mỹ khi chúng đến gây tội ác. Tiếp đó, ngày 02/4, bộ đội tên lửa cùng lực lượng pháo phòng không bắn rơi 1 máy bay B52. Tính đến ngày 02/4/1972, quân và dân khu vực Vĩnh Linh đã hạ 249 chiếc máy bay các loại của đế quốc Mỹ.

Sau khi ta giải phóng tỉnh Quảng Trị (ngày 01/5/1972), chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cay cú, quyết định dốc toàn lực lượng tái chiếm địa bàn đã mất. Vấn đề đặt ra lúc này là làm sao vừa tổ chức chiến đấu chống trả địch tái chiếm, vừa bảo vệ được tính mạng của nhân dân trong vùng giải phóng, nơi mà chiến sự sẽ diễn ra ác liệt bởi sự giao tranh từ hai phía. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy

Quảng Trị họp bàn về vấn đề: có nên để nhân dân các huyện Triệu Phong, Hải Lăng ở lại để tiếp tục thực hiện cuộc đấu tranh hay tổ chức cho nhân dân sơ tán ra vùng giải phóng phía sau, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang triển khai chiến thuật chống cuộc hành quân tái chiếm của địch. Tỉnh ủy Quảng Trị báo cáo lên Ban Bí thư Trung ương Đảng và được Ban Bí thư chỉ đạo: “Đồng ý cho nhân dân các huyện Triệu Phong, Hải Lăng sơ tán ra vùng giải phóng ở Gio Linh, Cam Lộ, Vĩnh Linh và Quảng Bình”¹.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Quảng Trị và các huyện Hải Lăng, Triệu Phong (địa phương di dân) cùng Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh (địa phương đón dân) khẩn trương thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh và huyện; đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai sơ tán dân mang tên Kế hoạch 15 (gọi tắt là K15). Ngày 24/6/1972, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị về việc sơ tán dân ra khỏi các trọng điểm đánh phá của địch, đảm bảo an toàn cho quần chúng. Đây là một chủ trương lớn nhưng lại đột xuất và rất khó khăn, bởi để đảm bảo cho cuộc hành trình, nơi ăn chốn ở, phòng tránh bom đạn cho 8 vạn dân sơ tán là nhiệm vụ không hề đơn giản. Theo kế hoạch, nhân dân huyện Hải Lăng sẽ sơ tán ra địa bàn 2 huyện Gio Linh, Cam Lộ. Nhân dân huyện Triệu Phong sơ tán ra địa bàn huyện Vĩnh Linh và các địa phương phía nam Quảng Bình.

1. Phan Chung: “Kế hoạch K15”, Tuyển tập *Người và đất quê hương*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr.209.

Đối với khu vực Vĩnh Linh, ngay trong giai đoạn ta mở Chiến dịch Trị - Thiên, giải phóng Quảng Trị, Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh họp, đã cân nhắc tính toán rất nhiều đến một nhiệm vụ rất mới. Đó là việc đảm bảo đón tiếp, tổ chức nơi ăn, ở, sinh hoạt, phòng tránh bom đạn, sản xuất... cho hàng vạn đồng bào huyện Triệu Phong sơ tán ra Vĩnh Linh đúng yêu cầu và nhiệm vụ mà tỉnh giao theo Kế hoạch K15 đã phê duyệt. Đây là một nhiệm vụ rất nặng nề, phức tạp. Để đảm bảo nhiệm vụ được giao, Thường vụ Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh ra Chỉ thị khẩn cấp gửi đến tất cả địa phương, đơn vị trong toàn khu vực: "... chúng ta phải tập trung làm thật tốt việc đón tiếp và sắp xếp nơi ăn ở cho bà con tỉnh nhà tạm thời sơ tán với số lượng sẽ rất lớn. Có thể bằng và lớn hơn số dân của ta lúc hòa bình. Số còn lại nếu tiếp tục sơ tán thêm với con số quá khả năng cố gắng cao nhất thì ta sẽ tổ chức chuyển ra Quảng Bình. Đảng bộ và nhân dân ta phải xem đây là công tác đột xuất số 1, đạt kết quả cao nhất và thắng lợi lớn nhất".

Theo Kế hoạch K15, 8 vạn đồng bào Hải Lăng, Triệu Phong vượt qua bom đạn của địch sơ tán ra Gio Linh, Cam Lộ, Vĩnh Linh, Quảng Bình. Nhân dân các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Sơn dùng tất cả thuyền bè, ván, chuối... xông pha dưới bom, pháo địch suốt 2 ngày 2 đêm, đưa đón hàng vạn người già, trẻ em, phụ nữ vượt sông Bến Hải. Ủy ban hành chính và Bộ Tư lệnh khu vực Vĩnh Linh huy động trên 1.500 cán bộ, dân quân các nơi vào tận bờ bắc sông Bến Hải, hướng dẫn bà con về từng xã. Ngoài số 4.113 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men,

phương tiện sinh hoạt, đồ dùng trong các gia đình mà Đảng ủy, Ủy ban hành chính Vĩnh Linh đã chuẩn bị sẵn trực tiếp cung cấp, phân phối cho đồng bào K15; bà con các xã của Vĩnh Linh còn bỏ ra 22.136 ngày công đào hầm, dựng lán; giúp trên 190 tấn lương thực, 5.012 chiếc áo quần, chăn chiếu, 96.000 cái tranh, 120.465 cây tre gỗ và nhường trên 5.000 hầm lán, góp phần tích cực ổn định sinh hoạt của bà con ra sơ tán. Ủy ban Hành chính khu vực nhường hẳn khu Giao tế để làm bệnh viện dã chiến phục vụ đồng bào K15 ra lánh nạn. Hàng ngàn bà con đủ mọi lứa tuổi bị thương bởi bom đạn Mỹ - ngụy nằm la liệt khắp các dãy nhà khu Giao tế. Hàng trăm y, bác sĩ, hộ lý khu vực được huy động, ngày đêm túc trực cứu chữa người bị nạn.

Khi tổ chức đưa đồng bào K15 sơ tán ra Vĩnh Linh, Huyện ủy các huyện phía trong đặt ra một yêu cầu: dân thôn, xóm, xã nào thì ở theo thôn, xóm, xã ấy để thuận lợi trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý. Tuy nhiên, trong cảnh ly tán, bà con gặp nhau ở đó. Có nơi, trong một hợp tác xã của Vĩnh Linh có bà con 2-3 xã cùng ở. Thậm chí trong một gia đình có đồng bào của 2-3 xã, thôn cùng ở. Để giải quyết yêu cầu trên, ban chỉ đạo K15 đi về từng xã nắm lại tình hình, lên danh sách, sắp xếp lại từng người, từng hộ gia đình theo đúng địa chỉ từng thôn, xã của địa phương sơ tán. Sau 5 ngày khẩn trương chuẩn bị, toàn khu vực đã hoàn thành việc điều chỉnh nơi ở gần 5 vạn bà con của hàng chục xã, thôn thuộc Triệu Phong, Hải Lăng, ai ở địa phương nào về với địa phương ấy. Khi gặp lại người thân, bà con ai nấy đều phấn khởi. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh

ủy Quảng Trị và lãnh đạo 2 huyện Triệu Phong, Hải Lăng cũng rất vui mừng¹.

Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh đã nhường những căn hầm, ngôi nhà tạm bợ, ruộng đất, nông cụ của mình góp phần nhanh chóng ổn định nơi ăn, chốn ở, sản xuất và sinh hoạt cho hàng vạn bà con miền Nam. Trong gần 1 năm (1972-1973) sinh sống và lao động trên vùng đất sơ tán Vĩnh Linh, bà con các huyện phía Nam cùng nhân dân Vĩnh Linh đã dựng xây nên mối quan hệ đặc biệt, gắn bó, đoàn kết, tương thân tương ái, thắm nghĩa đồng bào, giúp đỡ nhau chí nghĩa chí tình để cùng vượt qua hoạn nạn. Để ghi nhận mối quan hệ đặc biệt ấy trên miền quê sơ tán đầu nghèo khó nhưng hiếu khách, nhiều phụ nữ, bà mẹ Triệu Phong, Hải Lăng hy sinh con đã đặt tên đứa con chào đời trên vùng quê sơ tán như Gio, Cam, Vĩnh, Linh, Hiền, Lương, Long, Thành, Lâm, Sơn, Thủy... Ngày 27/01/1973, sau khi Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được chính thức ký kết, thể theo yêu cầu của các huyện phía Nam và bà con sơ tán, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh đã lưu luyến tổ chức tiễn bà con K15 trở về quê cũ. Nhiều bà con đã

1. Mặc dù theo Kế hoạch K15, nhiệm vụ của Vĩnh Linh là đón đồng bào huyện Triệu Phong, tuy nhiên, khi cuộc phản kích tái chiếm của địch diễn ra quá ác liệt, các vùng giải phóng ở Cam Lộ, Gio Linh không còn an toàn nên số dân sơ tán của huyện Hải Lăng ra hai huyện này phải sơ tán ra phía sau. Vĩnh Linh tiếp tục đón một số lượng lớn dân sơ tán từ Cam Lộ, Gio Linh ra. Như vậy, toàn Chiến dịch K15, khu vực Vĩnh Linh trở thành địa bàn tiếp đón phần lớn đồng bào các huyện miền Nam Quảng Trị ra sơ tán.

tiền đồng bào đến tận các làng xóm trở trụ Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, Gio Linh... Từng đoàn người tay bồng tay bế con cái, quang gánh đầy ngọn khoai, hom sắn, con giống, lúa giống về quê kịp bắt tay vào vụ sản xuất sau gần 1 năm sinh sống trên vùng sơ tán. Một rừng cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng cùng đi theo đoàn trở về quê hương. Khác với lần chạy ra Vĩnh Linh của 1 năm trước đầy máu và nước mắt, lần trở về này là khúc khải hoàn ca của những người chiến thắng. Vụ chiêm xuân 1972, sau khi thu hoạch, các ban quản lý hợp tác xã của Vĩnh Linh đã cử người mang tiền vào thanh toán sòng phẳng công điểm cho bà con trong những tháng ngày đã cùng xã viên Vĩnh Linh lao động, sản xuất.

Kế hoạch K15 sơ tán 8 vạn dân hai của huyện Triệu Phong và Hải Lăng ra phía sau trong cuộc chiến chống địch phản kích tái chiếm Quảng Trị là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, nhằm giảm thiểu thiệt hại về tính mạng của người dân trong cuộc giao tranh ác liệt giữa ta và địch; tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang triển khai kế hoạch chiến đấu, đỉnh cao là việc chống phản kích, bảo vệ thành cổ Quảng Trị qua 81 ngày đêm.

Cuối tháng 6, đầu tháng 7/1972, Mỹ - ngụy huy động lực lượng lớn tái chiếm tỉnh Quảng Trị, trọng tâm là chiếm bằng được Thành cổ Quảng Trị. Ngày 13/6/1972, sau khi được Mỹ hứa tặng viện trợ, Nguyễn Văn Thiệu quyết định mở cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị, lấy tên là “Lam Sơn 72”, huy động 4 sư đoàn mạnh nhất trong quân đội ngụy, 17 tiểu đoàn pháo binh, 5 thiết đoàn và được không quân, pháo hạm tàu Mỹ yểm trợ. Chúng

mở cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị qua 3 giai đoạn, trong đó mục tiêu trọng tâm là phải chiếm cho bằng được Thành cổ Quảng Trị để tạo sức nặng mặc cả với ta tại Hội nghị Pari. Trước tình hình đó, Quân ủy Trung ương hạ quyết tâm “Chỉ có một khả năng giữ vững Quảng Trị là đánh bại cuộc hành quân của địch”. Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương tăng cường và chi viện cho lực lượng giữ Thành cổ.

Cuộc chiến đấu, chốt giữ Thành cổ với 81 ngày đêm (từ ngày 28/6 đến ngày 16/9/1972) diễn ra cực kỳ ác liệt.

Lực lượng vũ trang của Vĩnh Linh tham gia cuộc chiến khốc liệt này là Tiểu đoàn bộ binh 47. Với quyết tâm và chủ trương chiến đấu đặt ra là “Kiên quyết giữ vững tuyến trận địa ở hướng đông Quảng Trị. Tổ chức chặn đánh địch ở phía trước, luồn sâu đánh mạnh vào sau lưng địch, bắt chúng lui về đối phó với ta... tiến công vào những điểm quân địch co cụm, lấy tiêu diệt sinh lực địch làm chính”. Cùng các đơn vị chủ lực (thuộc Trung đoàn 27 - Mặt trận B5, Trung đoàn 64 và Trung đoàn 18), cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh đã chiến đấu ngoan cường, đánh bật mọi cuộc tiến công của địch ở hướng đông Thành cổ. Cũng trong thời gian giao tranh ác liệt này, tại Tân Kỳ, quê hương hậu cứ của Vĩnh Linh, 181 học sinh đang học lớp 10 đã viết đơn bằng máu, tình nguyện lên đường vào Nam chiến đấu, trực tiếp là vào bảo vệ Thành cổ. Đáp ứng nguyện vọng, Tiểu đoàn K8 được thành lập. Những chàng trai trẻ của tuyến lửa Vĩnh Linh nơi hậu cứ đã gác bút để cầm súng vào chiến trường nóng bỏng. Tại đây, Tiểu đoàn K8 cùng các đơn vị chủ lực

khác đã anh dũng chiến đấu để giữ vững từng tấc đất của Thành cổ. Trong cuộc chiến khốc liệt này, 70 học sinh, chiến sĩ của Tiểu đoàn K8 đã ngã xuống¹.

Cùng với việc huy động lực lượng mở cuộc phản công tái chiếm Thành cổ Quảng Trị và dồn sức tìm kiếm một thắng lợi quân sự để mặc cả với ta trên bàn Hội nghị ở Pari, đế quốc Mỹ tiếp tục huy động máy bay, tàu chiến đánh vào các khu vực phía nam Quân khu 4 hòng bóp nghẹt chi viện từ miền Bắc vào mặt trận, trọng tâm là Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh. Riêng Vĩnh Linh trong quý III/1972, địch đánh 1.514 loạt bom, trong đó có 404 loạt bom B52; bắn 2.321 quả pháo, làm chết 361 người. Song, dù gian khổ hy sinh, quân và dân toàn khu vực với tư thế của người chiến thắng, vững vàng tự tin, phát huy tinh thần chiến đấu anh dũng, quả cảm để giáng trả kẻ thù những đòn đích đáng. Tính chung từ tháng 3/1972 đến ngày 30/10/1972, quân và dân Vĩnh Linh đã bắn hạ 10 máy bay, bắt sống 2 giặc lái Mỹ².

1. *Lịch sử trường THPT Vĩnh Linh 1959-2014*, Quảng Trị, 2014, tr.66-67.

2. Trong đó: xã Vĩnh Thủy trong ngày 04/3 và 15/3 bắn rơi 1 máy bay không người lái và 1 máy bay F4H. Nông trường Quyết Thắng ngày 6/4 và ngày 29/6 bắn rơi 2 máy bay F4. Xã Vĩnh Cháp ngày 03/5 đã bắt 2 giặc lái Mỹ. Ngày 8/6, xã Vĩnh Cháp và Vĩnh Long cùng phối hợp bắn rơi 1 máy bay F4H. Ngày 15/7, xã Vĩnh Trung bắn rơi 1 máy bay F4H. Ngày 09/8, xã Vĩnh Tân cùng Vĩnh Quang cùng phối hợp bắn rơi 1 máy bay F4 và cũng trong ngày 9/8 xã Vĩnh Tú bắn rơi 1 máy bay F4. Ngày 03/10, xã Vĩnh Thái đã độc lập bắn rơi 1 máy bay A6A.

Đặc biệt ngày 24/8/1972, Trung đoàn tên lửa 238 bắn tan xác chiếc B52 thứ 13 tại khu vực, cũng là chiếc thứ 1.700 bị quân và dân khu 4 bắn rơi. Ở đảo Côn Cỏ, cán bộ và chiến sĩ ta vẫn kiên cường giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Từ tháng 5 đến tháng 10/1972, bộ đội Côn Cỏ đã giáng trả nhiều trận quyết liệt với máy bay, tàu chiến địch. Tiêu biểu nhất là trận ngày 27/6/1972, lợi dụng thời tiết sương mù, B52 từ đất liền bay ra ném bom, cùng lúc gần 20 chiếc tàu đủ loại của địch dàn thành nhiều mũi, định tiến vào gây tội ác ở đảo. Song, chỉ sau 20 phút, bằng những loạt đạn chính xác, bộ đội bảo vệ Côn Cỏ đã bắn bị thương 1 chiếc.

Trên mặt trận sản xuất và đời sống, mọi hoạt động không ngừng được duy trì mà nhiều mặt còn phát triển khá. Mức bình quân lương thực mỗi nhân khẩu nông nghiệp là 216 kg. Nghĩa vụ đối với Nhà nước về các mặt đều vượt kế hoạch đề ra.

Bị thất bại ở cả hai miền Nam - Bắc và trên chiến trường Đông Dương, tháng 10/1972, Mỹ phải xuống thang thỏa thuận với ta tại cuộc đàm phán ở Pari, ký tắt bản Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, rút quân Mỹ về nước. Nhưng do phía Mỹ trì hoãn việc ký chính thức nên ngày 26/10, Chính phủ ta công bố nội dung bản dự thảo Hiệp định Pari. Đồng thời vạch rõ thái độ tráo trở, lật lọng phía Mỹ vốn đã thỏa thuận tạm thời với Phái đoàn ta tại Hội nghị Pari. Mục đích cốt để đối phó với dư luận nước Mỹ và lừa bịp nhân dân Mỹ trong cuộc bầu cử tổng thống nhiệm kỳ mới. Vì vậy, để đề phòng sự tráo trở của Mỹ, Đảng, Nhà nước và nhân dân

ta nêu cao cảnh giác, thực hiện những biện pháp khẩn cấp, chuẩn bị đánh trả một cách có hiệu quả mọi thủ đoạn leo thang chiến tranh cao nhất của Mỹ.

Ngày 07/12/1972, Thường vụ Đảng ủy khu vực ra Chỉ thị khẩn cấp bổ khuyết một số vấn đề về khẩn trương đối phó với mọi tình hình có thể xảy ra trong thời gian tới. Chỉ thị có đoạn nêu rõ: “Cũng như quân dân cả nước, quân dân Vĩnh Linh với tinh thần và quyết tâm mới, với sự nỗ lực và cố gắng cao nhất, vượt mọi khó khăn nguy hiểm, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn. Trong những tháng qua, dân quân du kích, bộ đội địa phương, tự vệ nông trường Quyết Thắng đã quật ngã nhiều máy bay địch, bắt sống giặc lái. Pháo binh bắn cháy nhiều tàu chiến địch. Chúng ta càng phải đẩy mạnh phong trào đánh máy bay, tàu chiến của địch, bắt nhiều giặc lái, bảo vệ tốt tài sản, tính mạng của nhân dân. Bộ đội địa phương, dân quân du kích phải luôn bổ sung phương án tác chiến, tăng cường huấn luyện, ngày đêm sẵn sàng tiêu diệt bọn tập kích bộ binh địch nếu chúng dám liều lĩnh đặt chân đến mảnh đất này. Quân và dân ta phải thấy hết vị trí địa bàn của mình mà luôn luôn nêu cao cảnh giác, làm tốt công tác phòng không sơ tán, củng cố vững chắc hầm hào... Bằng những hành động thiết thực và cụ thể của mình, Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh tích cực hưởng ứng tuyên bố ngày 26/10 của Chính phủ ta về bản dự thảo Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương tại Hội nghị Pari...”.

Tháng 11/1972, Nixon đắc cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ mới. Ngay sau khi nhậm chức, Nixon tiếp tục tiến hành chiến dịch leo thang chiến tranh Việt Nam bằng việc huy động lực lượng lớn không quân, trong đó chủ lực là máy bay chiến lược B52 đánh phá có tính hủy diệt thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác. Mục đích cuộc tập kích chiến lược này là nhằm làm suy yếu ý chí và quyết tâm giành thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta, buộc Chính phủ ta phải chấp nhận một số sửa đổi có lợi cho Mỹ trong dự thảo Hiệp định Pari. Mặt khác làm suy yếu tiềm lực kinh tế và quốc phòng quân sự của ta, để ngụy quyền Sài Gòn có thể đứng vững sau khi Mỹ rút quân khỏi miền Nam.

Ở Vĩnh Linh, từ ngày 28/10 đến ngày 28/12, máy bay Mỹ đã ném bom hàng chục loạt bom vào các vùng dân cư gây ra một số thương vong về người và thiệt hại tài sản¹. Đối với toàn miền Bắc, quân và dân ta đã bình tĩnh, vững vàng, sẵn sàng đối phó với bước leo thang chiến tranh cao nhất của Mỹ, quyết tâm đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng. Trong 12 ngày đêm anh dũng chiến đấu, quân và dân Hà Nội cùng với

1. Tại xã Vĩnh Cháp, đêm 28/10, máy bay Mỹ ném bom bi vào xóm Mỹ Hội, làm chết 5 dân thường, trong đó có 2 em bé, ở thôn Lai Bình làm chết một cụ ông, bị thương nhiều người khác. Đêm 31/10, máy bay B52 ném bom vào Cháp Lễ gây nhiều thiệt hại về hoa màu và tài sản. Trưa và chiều ngày 3/11, máy bay B52 rải bom đúng lúc đồng bào Vĩnh Quang, Vĩnh Giang và Vĩnh Thái vừa đi biển về, làm chết và bị thương nhiều đồng bào, phá hủy nhiều thuyền lưới, nhà cửa...

quân dân miền Bắc bắn rơi 81 máy bay Mỹ trong đó có 34 máy bay B52 và máy bay F111A, bắt sống nhiều giặc lái. Thất bại thảm hại trong chiến dịch tập kích Hà Nội, Hải Phòng, ngày 30/12/1972, Nixon buộc phải tuyên bố kết thúc cuộc tập kích chiến lược ở miền Bắc Việt Nam. Ngày 27/01/1973, đại diện Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn phải cùng với đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ký chính thức bản Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 30/01/1973, khu vực Vĩnh Linh tổ chức cuộc mít-tinh trọng thể nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ. Đoàn đại biểu Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc vào thăm địa phương ta và cùng đến dự mít-tinh. Đồng chí Trần Đăng Khoa - Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Nguyễn Xuân Linh - Ủy viên Thư ký Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đồng chí Phan Tư Nghĩa - Ủy viên Thư ký Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng tham gia chủ tịch cuộc mít-tinh. Tiếp đó, một vinh dự lớn đến với Đảng bộ quân khu và nhân dân khu vực là nhân dịp đón Xuân đại thắng, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào thăm Vĩnh Linh. Chiều 30 Tết Quý Sửu năm 1973, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban Hành chính khu vực, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc khu vực, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang và an ninh, các đồng chí Thủ trưởng và Bí thư Đảng ủy các ngành, các cơ quan, đơn vị, các

Anh hùng Lực lượng vũ trang và Anh hùng Lao động đã họp mặt tại hội trường khu vực (Nam Phú, Vĩnh Nam) nồng nhiệt đón tiếp đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn. Nhiều đồng chí cán bộ Quảng Trị và huyện Triệu Phong đang công tác ở khu vực Vĩnh Linh cũng có mặt trong buổi đón tiếp này. Sau buổi nói chuyện thân mật tại hội trường khu vực, đồng chí Bí thư thứ nhất đã về thăm nhân dân và Đảng bộ xã Vĩnh Giang, gặp gỡ và thăm hỏi nhiều đồng chí và đồng bào Vĩnh Linh và Quảng Trị đang công tác và sinh sống tại Vĩnh Linh. Sau cuộc viếng thăm của đồng chí Lê Duẩn, Vĩnh Linh lại được đón tiếp đồng chí Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng vào thăm bộ đội và nhân dân toàn khu vực. Đồng chí đã ân cần gửi lời thăm hỏi các gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội, anh chị em thương binh, bệnh binh, gia đình có người đi phục vụ và chiến đấu xa. Đồng chí Đại tướng, Tổng tư lệnh chúc lực lượng vũ trang nhân dân ta tiến vào thời kỳ mới thành công tốt đẹp.

Quán triệt tình hình mới, Ban Chấp hành Đảng bộ Khu vực ra Nghị quyết số 14-NQ/TVĐU ngày 15/02/1973 về tăng cường công tác trước mắt. Nghị quyết khẳng định: “Quyết tâm chung của Đảng bộ và quân, dân toàn khu vực là: sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động ngoan cố, liêu lĩnh của địch, bảo vệ tốt địa bàn, kho tàng, tính mạng và tài sản của nhân dân. Làm tốt công tác giao thông vận tải phục vụ kịp thời cho tiền tuyến”. Để biến Nghị quyết thành hiện thực, Ban Thường vụ Khu ủy Vĩnh Linh mở hội nghị hiến kế xây dựng và phát triển

kinh tế, văn hóa, củng cố và tăng cường quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Đây là hội nghị lớn, rộng rãi bao gồm nhiều cán bộ lãnh đạo các ngành kinh tế, quân sự, an ninh và khoa học kỹ thuật. Nổi bật là chủ trương thực hiện quy hoạch lại vùng dân cư, vùng sản xuất và hệ thống giao thông vùng nông thôn và thị trấn. Thực hiện việc vận động, chuyển các hộ dân đang sống phân tán, dần trải về vùng tập trung, chuyển việc định cư ở vùng đất đỏ bazan lên vùng cát để tận dụng quỹ đất phục vụ sản xuất, nhất là trồng cây công nghiệp dài ngày. Đặc biệt là việc đón đồng bào, học sinh từ Tân Kỳ và các tỉnh phía Bắc về an toàn, thuận lợi, sớm ổn định nơi ăn, chốn ở, học tập đã trở thành một nhiệm vụ lớn, trọng tâm của năm 1973.

Các xã vùng đất đồng, đất đỏ, các xã miền núi, hai nông trường quốc doanh và Đảng bộ Lâm nghiệp mở hội nghị bàn biện pháp thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế trong tình hình mới. Một chiến dịch làm thủy lợi, khai hoang, phục hóa ruộng đất và làm phân bón được phát động sôi nổi và đều khắp trong toàn khu vực. Trẻ già, trai gái nào nức tham gia chiến dịch. Thành tích đạt được vượt ngoài dự kiến của ban lãnh đạo. Tổng kết chiến dịch, các công trường đã huy động 112.179 ngày công và đào được 175.669 m³ đất, đá. Nhiều đập chắn nước mặn, nhiều con đê, kênh, mương bị bom đạn hư hỏng đã được tu bổ lại. Chiến dịch này có 15 công trường làm thủy lợi kéo dài trên 24 km. Hàng ngày có trên 5.000 lao động tham gia. 1.000 ha ruộng đất hoang hóa đã được đưa vào gieo cấy và 46.000 tấn phân

bón được sản xuất kịp thời bón cho lúa Đông - Xuân và Hè - Thu.

Tiếp sức với những người bám trụ xây dựng lại quê hương, đầu tháng 5/1973, được sự giúp đỡ tận tình của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Hà Tĩnh và của 2 huyện Thạch Hà và Can Lộc cũng như các cấp ủy chính quyền các xã có đồng bào sơ tán, trên 5.000 bà con các xã miền biển của ta đã trở về quê hương trong tình lưu luyến, thương yêu của đồng bào, cán bộ nơi sơ tán. Trước khi đồng bào ta lên đường trở về, nhiều cán bộ tỉnh, huyện, xã và đông đảo đồng bào địa phương đã tổ chức những cuộc họp mặt thân mật, ân cần thăm hỏi và mạn đàm trao đổi chân tình giúp nhau giải quyết nhiều khó khăn. Bà con địa phương tổ chức đưa đồng bào ta đến chỗ tập kết gần nhất để lên xe. Bà con mang giúp cho đồng bào tất cả những đồ dùng cần thiết như giường, chăn, chiếu, dụng cụ sản xuất, dụng cụ sinh hoạt gia đình. Ủy ban Hành chính tỉnh, huyện còn tổ chức những chiếc tàu đánh cá kéo theo những thuyền của đồng bào ta và chở theo những thuyền lưới dụng cụ đánh cá. Những nếp nhà của đồng bào cũng được tháo ra đưa về tận các địa phương.

Cùng thời gian trên, với sự giúp đỡ tận tình của Bộ Giao thông vận tải, hơn 22.000 đồng bào sơ tán ở Tân Kỳ (Nghệ An) và trên 4 vạn học sinh K8 cũng lần lượt trở về. Tuyệt đại bộ phận bà con ta trở về đều phấn khởi, hồ hởi, liền bắt tay vào sản xuất và ổn định đời sống. Bà con đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tự mình lo liệu là chính, cùng với sự giúp đỡ của tập thể, tìm kiếm tranh

tre, xây dựng lại nơi ăn, chốn ở. Nhiều nơi như Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Thạch, Vĩnh Sơn... phải tốn mỗi nơi hàng trăm ca máy san ủi mới có đất bằng để xây dựng lại nhà cửa. Toàn huyện đã huy động trên 12.000 công ra phá bom mìn, san lấp hố bom, khai hoang phục hóa trên 5.000 ha ruộng đất. Một lần nữa Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh lại vượt lên đau thương, mất mát, khó khăn; nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống, bắt tay sản xuất, xây dựng. Nhờ vậy, chỉ 2 tháng sau khi chiến tranh kết thúc, trên 2.000 ngôi nhà mới và nhiều trạm xá, trường học trong toàn huyện được mọc lên, đảm bảo nơi ăn ở, học hành, chữa bệnh cho phần lớn đồng bào từ các tỉnh phía Bắc trở về. Cũng trong những tháng ngày hào hùng và sôi động này, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh vinh dự được cử 6 đoàn viên, thanh niên tiêu biểu tham gia công trình xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội. Đây là nghĩa vụ, là tình cảm thiêng liêng của người dân Vĩnh Linh đại diện cho Quảng Trị, đại diện cho cả đồng bào miền Nam thân yêu đối với Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Sau gần 3 năm lao động miệt mài, công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoàn thành. Ngày 29 tháng 8 năm 1975, lễ khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn ra tại Hội trường Ba Đình. Ngày 02/9/1975, sau lễ kỷ niệm 30 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức mở cửa đón đồng bào cả nước vào viếng Bác.

Trải qua những tháng ngày lao động miệt mài, gian khổ, các đồng chí đại diện cho tuổi trẻ Vĩnh Linh anh hùng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng và nhân dân tin tưởng giao phó, đóng góp cùng nhân dân cả nước thực hiện được nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng dâng lên Bác Hồ kính yêu.

Năm 1973, nhân dân Vĩnh Linh vinh dự đón đồng chí Trường Chinh vào vui Tết, nói chuyện với cán bộ và đồng bào Vĩnh Linh. Đồng chí Trường Chinh khẳng định: “Vĩnh Linh có tài nguyên phong phú, có ruộng nước, có vùng đất đỏ phì nhiêu, có đồi, núi, rừng, biển. Nhân dân Vĩnh Linh cần cù lao động, gan góc và dũng cảm...”. Đề cập đến nhiệm vụ sắp tới của Vĩnh Linh, đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh hai điểm: *Một là*, xây dựng nhanh chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Làm cho Vĩnh Linh thực hiện tiêu biểu cho chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, tích cực phục vụ cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào miền Nam hiện nay, đồng thời không ngừng đề cao cảnh giác, tích cực tăng cường củng cố quốc phòng và công tác trị an. Về kinh tế, phải phát triển toàn diện cả nông nghiệp, nghề cá, nghề rừng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, nâng cao trình độ của Đảng bộ và cán bộ, đảng viên để đủ sức làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, cần khiêm tốn, không chủ quan, thỏa mãn.

Ngày 14/9/1973, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản và Chính phủ cách mạng Cuba do đồng chí Fidel Castro dẫn đầu đến thăm khu vực Vĩnh Linh. Thủ tướng Phạm Văn

Đông cùng đi với đoàn. Đồng chí Fidel Castro đã dành tình cảm đặc biệt nồng thắm đối với Vĩnh Linh. Trong thời gian ngắn ngủi ở lại địa phương, các đồng chí Cuba đã đi thăm nhà Bảo tàng khu vực, thăm đường hầm chiến đấu, thăm bà con lao động sản xuất. Khi đoàn từ Quảng Trị ra đến Hiền Lương thì gặp 4 xã viên thôn Hiền Lương (xã Vĩnh Thành) đang làm ruộng bị thương nặng vì cuộc phá bom bi chưa nổ của địch. Đồng chí Fidel Castro trực tiếp thăm hỏi và ân cần chăm sóc, cấp cứu người bị nạn. Một tháng sau khi về nước, đồng chí Fidel Castro còn gửi quà và động viên thăm hỏi. Ủy ban Hành chính xã Vĩnh Thành đã tổ chức lễ trao quà của Chủ tịch Fidel Castro (đường, vải...) cho 4 xã viên bị thương.

Ngày 14/11/1973, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp do đồng chí Tổng Bí thư Giócgior Mácse dẫn đầu vào thăm khu vực Vĩnh Linh. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh và đồng chí Xuân Thủy cùng đi với đoàn. Đồng chí Giócgior Mácse nhiệt liệt chúc Đảng bộ và nhân dân ta giương cao ngọn cờ chiến đấu, phát huy truyền thống vẻ vang tiến lên giành nhiều thắng lợi mới. Trong thời gian thăm Vĩnh Linh, Đoàn đã đi thăm Hiền Lương. Tại đây, đồng bào ta cả bờ Bắc lẫn bờ Nam đều phấn khởi nhiệt liệt chào đón Đoàn. Cũng trong thời gian này, Vĩnh Linh đã đón tiếp nhiều đoàn khách trong nước và nước ngoài đến thăm và làm việc. Trong đó có Phó tổng biên tập hãng thông tấn AP (Mỹ), nhà báo Bócséc (Australia), nhiều nhà báo Áo, Nhật Bản, Thụy Điển, Đan Mạch cùng đại diện các nước xã hội chủ nghĩa.

II. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ KHU VỰC VINH LINH LẦN THỨ V

Ngày 22/11/1974, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 22, ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ, phương hướng khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc trong hai năm 1974-1975.

Ngày 01/12/1974, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có cuộc họp riêng bàn về hướng phát triển kinh tế, văn hóa Vĩnh Linh sau chiến tranh. Trên cơ sở đó, tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực lần thứ V và kiện toàn lại bộ máy lãnh đạo khu vực. Ý kiến của Ban Bí thư nêu rõ: Sau chiến tranh, cả nước khó khăn, Vĩnh Linh càng khó khăn hơn vì hậu quả chiến tranh nặng nề và nhu cầu tiêu dùng của địa phương tăng nhanh. Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh cần phấn đấu cao hơn nữa, để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế (kể cả nông nghiệp, nghề rừng, nghề biển, giao thông vận tải, công nghiệp và thủ công nghiệp), phát triển mạnh văn hóa, thực sự nêu cao được tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở vùng đầu cầu nối liền Bắc - Nam, đồng thời không ngừng đề cao cảnh giác, làm tốt công tác an ninh và quốc phòng để sẵn sàng chủ động đối phó với mọi tình thế bất trắc có thể xảy ra.

Về kinh tế và đời sống, Vĩnh Linh cần tập trung giải quyết tốt vấn đề lương thực cho nhân dân địa phương, cố gắng tới mức tối đa cung cấp thực phẩm cho nhu cầu của Trung ương và trên địa bàn. Kiên quyết sắp xếp lại bộ máy khu vực đảm bảo gọn, mạnh, thực sự có hiệu lực

trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội hiện nay và sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu khi cần thiết. Cần mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, khỏe, thực sự có năng lực về kinh tế vào Ủy ban hành chính khu vực để nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước của chính quyền khu vực.

Đề cập về Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực sắp tới, Ban Bí thư lưu ý cần kiện toàn Đảng ủy trên cơ sở tiêu chuẩn có năng lực, tầm nhìn bao quát, nghiên cứu vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng, xác định các chủ trương, kế hoạch xây dựng và củng cố Vĩnh Linh lâu dài và trong từng thời gian.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 22/6/1974, Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ V chính thức khai mạc. Đồng chí Bùi Quang Tạo, thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo Đại hội.

Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đã khẳng định: “Sau khi hòa bình lập lại, nhu cầu về tiêu dùng, lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng và các nhu cầu khác tăng lên đột ngột. Nhưng việc khôi phục và phát triển kinh tế của ta tăng chậm. Việc chỉ đạo sản xuất mà trọng tâm là sản xuất nông nghiệp thiếu đồng bộ, thiếu tinh thần cách mạng tiến công cao, do đó sản xuất năm 1973 sút kém hơn năm 1971 và kém xa trước chiến tranh. Trong nông nghiệp, diện tích gieo trồng tuy có tăng, song mức tăng chưa tương ứng với các khả năng sẵn có với điều kiện lao động và sự tăng lên nhanh chóng của số dân. Lương thực năm 1973 mới chỉ bằng 2/3 năm 1965 và bằng 4/5 năm 1962, kém hơn năm 1971. Công

nghiệp, thủ công nghiệp năm 1973 cũng chỉ bằng 2/3 năm 1972, đời sống nhân dân khu vực còn thấp. Bộ mặt Vĩnh Linh vẫn còn mang nặng vết tích chiến tranh”.

Đại hội đã khẳng định vai trò to lớn của quần chúng trong cách mạng và những chiến công, thành tích của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, những cố gắng lớn về các mặt ổn định đời sống, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, giữ vững trị an, củng cố quốc phòng từ sau khi hòa bình lập lại của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, nghiêm khắc kiểm điểm những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác lãnh đạo chiến đấu, sản xuất, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, trong công tác vận động quần chúng và công tác xây dựng Đảng (chủ yếu là thời kỳ sau chiến tranh). Đại hội cũng rút ra những kinh nghiệm, bài học cần thiết cho sự lãnh đạo của cấp ủy cũ cũng như mới sau này. Đại hội đã thảo luận sôi nổi, dân chủ, đề ra những chủ trương, phương hướng và biện pháp lớn nhằm nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, trước hết là tập trung giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển văn hóa, chăm lo đời sống mọi mặt cho nhân dân. Đồng thời, không ngừng đề cao cảnh giác, tăng cường công tác trị an, củng cố quốc phòng vững mạnh. Sau 8 ngày làm việc nghiêm túc, đầy tinh thần trách nhiệm, Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ V đã thành công tốt đẹp.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 15 Ủy viên chính thức và 5 Ủy viên dự khuyết. Đồng chí Trần Đồng được bầu giữ chức Bí thư Ban Chấp hành

Đảng bộ, đồng chí Dương Tồn được bầu giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu vực, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước. Đồng chí Cao Văn Đàn được bầu giữ chức Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Tổ chức; đồng chí Trần Đắc được bầu giữ chức Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính khu vực; đồng chí Lê Văn Hiện được bầu giữ chức Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo; đồng chí Trần Kim Hồ được bầu giữ chức Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Kiểm tra Đảng.

Thực hiện các chủ trương và nghị quyết của Trung ương¹ và của Đại hội Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ V, năm 1975, Vĩnh Linh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đề ra. Kinh tế phát triển khá. Diện tích gieo trồng tăng 15,5%. Tổng sản lượng lương thực tăng 29% so với năm 1974. Đàn trâu, bò, lợn đạt kế hoạch. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 25%. Giao thông vận tải, lưu thông phân phối, ngân hàng, tài chính đều có tiến bộ. Trong 2 năm 1974 và 1975, toàn khu vực đã khai hoang phục hóa và kết hợp di chuyển mồ mả làm

1. Tháng 8/1974, Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị nông nghiệp đồng bằng - trung du (ở tỉnh Thái Bình) nhằm rút kinh nghiệm về tổ chức sản xuất và quản lý nông nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế. Ngày 12/01/1974, Bộ Chính trị ra nghị quyết về đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực. Nghị quyết đề cao việc tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ gìn trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm phục vụ đời sống nhân dân.

tăng thêm được trên 3.000 ha ruộng đất. Năm 1975 đã khôi phục trên 20 km đê chống mặn. Công trình đại thủy nông La Ngà được tôn cao, đã khoan thành công một số giếng nước ở vùng đất đỏ để phục vụ cho việc phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản. Đồng ruộng đã cơ bản hoàn chỉnh hệ thống thủy nông, kênh mương cấp 4 cấp nước cho gần 2.000 ha. Các cơ sở sản xuất giống lúa, giống lợn được khôi phục lại và phát triển thêm về quy mô ở khu vực và ở hợp tác xã. Đường sá, cầu cống đã khôi phục và phát triển; các công trình phúc lợi công cộng như trường học, bệnh viện, trạm xá đã được sửa chữa và làm mới thêm. Việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được tiến hành, bước đầu mang lại kết quả tích cực.

III. VĨNH LINH VỚI CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN - HUẾ NĂM 1975 VÀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Qua 2 năm 1973 và 1974, cục diện chiến trường miền Nam đã có những chuyển biến căn bản, so sánh lực lượng giữa ta và địch trên phạm vi cả nước, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương nhận định: thế và lực của ta đã có bước phát triển lớn mạnh, rõ ràng tương quan lực lượng trên chiến trường ta đã mạnh hơn hẳn địch về mọi mặt. Trên cơ sở điều kiện thuận lợi đó, từ ngày 18/12/1974 đến ngày 08/01/1975, Bộ Chính trị đã họp đánh giá tình hình và đề ra phương hướng đưa cách mạng miền Nam đến thắng lợi hoàn toàn. Bộ Chính trị nêu quyết tâm: ...động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân

ở cả hai miền trong thời gian hai năm 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam.

Đối với chiến trường Trị - Thiên - Huế, tháng 02/1975, Quân ủy Trung ương phê chuẩn kế hoạch hợp đồng chiến đấu của quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2, đồng thời ra mệnh lệnh chính thức về chiến dịch 1975 cho địa bàn Trị - Thiên - Huế. Phương án tiến công, lực lượng vũ trang, công tác hậu cần bảo đảm được chuẩn bị chu đáo kết hợp với việc nổi dậy đồng loạt của quần chúng nhân dân đã sẵn sàng.

Ngày 05/3/1975, Chiến dịch Xuân - Hè 1975 ở Trị - Thiên - Huế bắt đầu. Trong 3 ngày đầu chiến dịch, bộ đội chủ lực chỉ tổ chức đánh nhỏ kết hợp với nghi binh để phối hợp với chiến trường Tây Nguyên. Cùng thời gian này, Sư đoàn 325 bộ binh được điều từ Quảng Trị vào đội hình của Quân đoàn 2 ở tây nam Thừa Thiên để tiến công trên hướng chủ yếu của chiến dịch. Tiểu đoàn 47 Vĩnh Linh (D47) phối hợp cùng Tiểu đoàn 14 bộ binh thuộc Tỉnh đội Quảng Trị đảm trách hướng tấn công các địa bàn Như Lệ, Phước Môn, La Vang, Hải Thượng... Ngày 08/3, tiếng súng chiến dịch Trị - Thiên năm 1975

đồng loạt tấn công địch từ các hướng. Cùng các lực lượng khác, lực lượng vũ trang Quảng Trị tiến công vào các vị trí trọng yếu của địch vùng đông nam Quảng Trị như Thành cổ, tòa thị chính Quảng Trị, chi khu Mai Lĩnh, cảng Mỹ Thủy, Hải Thượng, Hải Sơn, Hải Tân, Mỹ Chánh, khu tập trung Phong Điền... Sau đợt 1 tiến công với những kết quả tích cực, đêm ngày 18, rạng ngày 19/3/1975, cuộc tiến công đợt 2 bắt đầu. Từ các hướng, các lực lượng vũ trang bất thần nổ súng tấn công vào toàn bộ các vị trí trọng yếu trên tuyến phòng thủ của địch ở Quảng Trị. Quân địch chỉ kháng cự yếu ớt và rút vũ khí bỏ chạy. 18 giờ 30 phút ngày 19/3/1975, tỉnh Quảng Trị hoàn toàn sạch bóng quân thù.

Trên đà tiến công, theo điện chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy Trị - Thiên - Huế "... chiều ngày 19/3, tỉnh Quảng Trị đã hoàn toàn giải phóng nhưng cần đề phòng tư tưởng "xả hơi", mà phải đôn đốc các lực lượng vũ trang cách mạng Quảng Trị phát triển tiến công vào phía Nam. Vị trí của Quảng Trị hiện nay là hậu phương trực tiếp của Thừa Thiên. Đồng thời, ra sức xây dựng vùng giải phóng..."¹. Ngày 23/3/1975, Tỉnh ủy Quảng Trị họp phiên khẩn cấp, đề ra chủ trương: Huy động hết lực lượng của tỉnh góp phần giải phóng Thừa Thiên.

Với khí thế như thác đổ, lực lượng vũ trang đã đập tan toàn bộ tuyến phòng ngự của địch bảo vệ thành phố Huế. Chiến dịch giải phóng Thừa Thiên - Huế nhanh

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập 2 (1954-1975)*, Sđd, tr.454-455.

chóng thu được thắng lợi. Ngày 25/3/1975, các đơn vị chủ lực tiến vào nội thành, lá cờ cách mạng tung bay trên đỉnh cột cờ Phú Văn Lâu. Thành phố Huế hoàn toàn được giải phóng.

Song hành cùng chiến dịch giải phóng Trị - Thiên, giải phóng miền Nam mùa Xuân năm 1975, đối với khu vực Vĩnh Linh, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ tình hình mới khi công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đang cận kề, Vĩnh Linh một mặt khẩn trương tăng cường công tác bố phòng sẵn sàng đánh trả mọi hành động phản công của địch khi chiến cuộc vào giai đoạn cuối; mặt khác, xúc tiến việc chuẩn bị lực lượng chi viện cho chiến trường, đảm bảo giao thông vận tải, vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ các binh đoàn chủ lực trên đường hành quân vào Nam.

Về lực lượng vũ trang của khu vực tham gia chiến dịch, ngoài các đơn vị chủ lực đã và đang tham gia chiến đấu trên các hướng tiến công của chiến dịch như D47 bộ binh, D6 cao xạ, C24 đặc công, E270 trong đội hình Sư đoàn 325, các đơn vị trong D27 thuộc Mặt trận B5... Sau khi có lệnh tổng động viên, hết thảy các địa phương, đơn vị trong khu vực sôi nổi tổ chức cho thanh niên đăng ký, khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Kết quả, chỉ sau một thời gian ngắn đã có hàng ngàn thanh niên Vĩnh Linh hăng hái lên đường phục vụ chiến dịch giải phóng Trị - Thiên - Huế, giải phóng miền Nam, diễn hình như các địa phương: Vĩnh Chấp, Vĩnh Thái, Vĩnh Long, Vĩnh Tú, Vĩnh Thủy... Lực lượng công an nhân dân khu vực Vĩnh Linh đã tăng cường 261 cán bộ, chiến sĩ cho miền Nam,

đặc biệt là cho địa bàn Trị - Thiên - Huế, bàn giao 257 cán bộ, chiến sĩ cho Bộ Tư lệnh chiến dịch. Đồng thời, với lực lượng ít còn lại, cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng an ninh Vĩnh Linh đã tiến hành kiểm tra, xử lý hết sức nghiêm ngặt, đảm bảo an ninh, trật tự trị an đối với việc đi lại, mua bán hàng hóa qua địa bàn của người dân¹.

Những ngày của tháng 4/1975, bằng niềm phấn khởi, tin tưởng vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sắp đến ngày thắng lợi và tấm lòng son sắt với cách mạng của mình, Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh đã dốc lòng, dốc sức cho tiền tuyến lớn miền Nam, cho Trị - Thiên ruột thịt. Đồng thời vẫn đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất, ổn định mọi mặt đời sống của nhân dân, nhất là việc tập trung thu hoạch lúa và hoa màu vụ Đông - Xuân 1975. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy khu vực, khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố và tăng cường; trật tự, an ninh khu vực được đảm bảo. Một bầu không khí phấn khởi, hồ hởi tràn ngập khắp thôn xóm, làng quê, cơ quan, đơn vị và trong mọi tầng lớp nhân dân.

Chỉ với 55 ngày đêm nhưng với sự chuẩn bị tích cực, chu đáo, khẩn trương và khí thế cách mạng như triều dâng thác đổ, với 3 đòn chiến lược then chốt, cuộc tổng tiến công thần tốc của các lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng ở miền Nam tháng 4/1975 đã giành thắng lợi hoàn toàn. Hơn 1 triệu quân nguy và toàn bộ bộ

1. Năm 1975, Công an nhân dân vũ trang Vĩnh Linh đã phát hiện 119 đối tượng phản động trà trộn xâm nhập trái phép trên địa bàn, trong đó có 25 đối tượng nguy hiểm cho cách mạng.

máy chính quyền miền Nam bị đập tan. Thành trì cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn sụp đổ.

11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 lá cờ bách chiến bách thắng của Tổ quốc ta đã kiêu hãnh tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, đánh dấu sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm mà quân và dân cả nước đã kiên cường thực hiện.

Vui mừng trước ngày đại thắng của toàn dân tộc, ngày 15/5/1975, hơn 2 vạn 5 ngàn cán bộ, bộ đội và nhân dân khu vực Vĩnh Linh sôi nổi tổ chức cuộc mít tinh chào mừng và gửi đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và quân, dân miền Nam lời chúc mừng thắng lợi và tấm lòng quý mến, thân thiết. Điện văn chúc mừng của Đảng bộ, quân và dân khu vực Vĩnh Linh gửi đến đồng bào miền Nam có đoạn viết:

“Hơn 20 năm qua, Vĩnh Linh là nơi Tổ quốc Việt Nam bị đế quốc Mỹ chia cắt làm đôi, nơi mà chúng tôi hàng ngày, hàng giờ đau lòng xé ruột thấy những cảnh đau thương, tang tóc mà đồng bào miền Nam, đồng bào Quảng Trị ruột thịt phải chịu đựng dưới sự áp bức tàn bạo, thâm độc, dã man của đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước. Những năm chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, Vĩnh Linh chúng tôi là một trong những nơi bị địch đánh phá ác liệt nhất, nhưng chúng tôi đã một lòng một dạ, kiên trinh, bất khuất, noi gương quân dân miền Nam, quyết bám trụ giữ vững địa bàn; chung lưng đấu cật, chia ngọt sẻ bùi, hạt muối chia đôi,

bát cơm sẻ nửa, cùng chia máu, chia lửa với đồng bào miền Nam, với quê hương Quảng Trị ruột thịt, đánh trả quyết liệt với kẻ thù, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của cả nước, xứng đáng với mảnh đất xã hội chủ nghĩa ở đầu cầu miền Bắc, nơi trực tiếp với cách mạng miền Nam.

Ngày nay, miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, đất nước ta đã sạch bóng quân thù xâm lược. Giang sơn Tổ quốc ta đã nối liền một dải, cuộc đời nô lệ tủi nhục đã vĩnh viễn xóa bỏ, nhân dân ta từ nay thực sự làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ giang sơn gấm vóc, Tổ quốc thân yêu của mình.

Song, trong giai đoạn cách mạng mới còn nhiều khó khăn, phức tạp của bước trưởng thành. Do đó, phần khởi trước thắng lợi to lớn của dân tộc, quân và dân Vĩnh Linh chúng tôi xin hứa: Tích cực thi đua lao động sản xuất để hàn gắn vết thương chiến tranh, làm tròn mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và hết lòng, hết sức với miền Nam, góp phần nhanh chóng xây dựng nước ta trở thành một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh mà Bác Hồ, vị Lãnh tụ vĩ đại kính yêu của dân tộc ta hằng mong ước.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 1930-1975

Vĩnh Linh là mảnh đất giàu bản sắc văn hóa, lịch sử, truyền thống yêu nước và cách mạng. Với lịch sử gần 1000 năm hình thành và phát triển, trải qua những thăng trầm, chia ly, loạn lạc, đất và người Vĩnh Linh vẫn thể hiện một sức sống mãnh liệt. Đây cũng là nơi sớm tiếp thu ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cứu nước của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Từ đó, phong trào yêu nước và phong trào cách mạng của Vĩnh Linh đã có bước chuyển biến căn bản về chất, đặc biệt là mốc son lịch sử về sự ra đời của 3 chi bộ cộng sản đầu tiên và thành lập Phủ ủy Vĩnh Linh năm 1931.

Từ khi có Đảng, phong trào cách mạng ở Vĩnh Linh đã diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp, nhất là trong giai đoạn 1930-1931, cao trào dân chủ 1936-1939 và đặc biệt là đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành chính quyền về tay nhân dân. Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ròng rã 9 năm (1946-1954) với bao khó khăn, gian khổ và đã giành thắng lợi vẻ vang.

Hơn 2 thập kỷ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kế thừa truyền thống cách mạng hào hùng, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh đã viết tiếp những trang sử mới vô cùng vẻ vang. Với vị trí là đặc khu trực thuộc Trung ương, tiền đồn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam, của Trị - Thiên ruột thịt, dù phải chịu đựng bao gian khổ, mất mát, hy sinh, song Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh đã ngoan cường bám trụ, anh dũng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam và bảo vệ đảo Cồn Cỏ. Với những thành tích, chiến công vẻ vang ấy, Vĩnh Linh vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng, được Bác Hồ 8 lần viết thư khen ngợi, được nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế ngợi ca, khâm phục. Nhiều tập thể, cá nhân được tặng thưởng huân, huy chương.

Có thể khẳng định, giai đoạn 1954-1975 là thời kỳ lịch sử oanh liệt nhất, hào hùng nhất, vẻ vang nhất của Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh trong tiến trình dựng xây quê hương.

Nhìn lại chặng đường 45 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (1930-1975), đi qua 2 cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, Đảng bộ Vĩnh Linh luôn nhận thức sâu sắc rằng: Mọi thắng lợi của cách mạng đều khởi nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, từ sự đồng lòng đồng sức, “quân và dân một ý chí”; từ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; từ sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh

ủy Quảng Trị. Những thắng lợi ấy còn do công sức, máu xương và trí tuệ của quân và dân trên mọi miền Tổ quốc, đã luôn kề vai sát cánh, cùng chung lưng đấu cật, chia ngọt sẻ bùi, cùng chiến đấu với Vĩnh Linh trong những tháng ngày đạn bom ác liệt; từ ơn sâu nghĩa nặng của các địa phương miền Bắc như: huyện Tân Kỳ (tỉnh Nghệ An), huyện Can Lộc, Thạch Hà (tỉnh Hà Tĩnh) và các địa phương khác như Quảng Bình, Thanh Hóa, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Quảng Ninh... đã dang rộng vòng tay, cứu mang, đùm bọc hàng vạn học sinh và bà con, nhân dân Vĩnh Linh ra sơ tán, học tập, xây dựng hậu cứ trong những năm tháng chiến tranh ác liệt.

Những nhân tố ấy không chỉ làm rõ những nguyên nhân thắng lợi mà quan trọng hơn là rút ra các vấn đề cần thiết làm bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương Vĩnh Linh hôm nay và mai sau. Đó là:

1. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Muốn đảm trách sứ mệnh vẻ vang và cao cả ấy, Đảng phải luôn chú trọng xây dựng vững mạnh cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức

Trải qua quá trình hình thành, lãnh đạo và đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, từ hơn 10 đảng viên đầu tiên của 3 chi bộ mới thành lập đến một đội ngũ gần 1.500 đảng viên trong kháng chiến chống thực dân Pháp và 6.500 đảng viên trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ; qua tôi luyện và thử thách, đội ngũ đảng viên ấy đã lớn

manh về mọi mặt, luôn tỏ rõ bản lĩnh chính trị và năng lực thực tiễn. Trong quá trình cách mạng đó, Đảng bộ Vĩnh Linh đã không ngừng trưởng thành và lớn lên về mọi mặt từ chính trị, tư tưởng đến tổ chức. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng là giáo dục cho đảng viên ý thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương để từ đó có chủ trương, biện pháp lãnh đạo đúng đắn, giành thắng lợi. 45 năm qua, thực tiễn cho thấy đã có lúc Đảng bộ lâm vào hoàn cảnh bị khủng bố trắng, tổn thất, hy sinh, đảng viên bị địch bắt bớ, tù đầy, đàn áp dã man... nhưng cũng chính trong những giai đoạn khó khăn ấy lại luôn ngời sáng niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng. Đó là thành quả của quá trình tôi luyện, giáo dục về chính trị, tư tưởng, lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật tồn tại và phát triển. Gìn giữ sự đoàn kết, nhất trí, xây dựng mối quan hệ đồng chí thủy chung cho cán bộ, đảng viên. Ở thời điểm có tính bước ngoặt hay khi tình hình có diễn biến phức tạp, Đảng cần nhạy bén, kịp thời có định hướng, tư tưởng đúng đắn, kiên định; như vậy, dù sự nghiệp cách mạng có lâm vào khó khăn đến mấy thì cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn giữ vững niềm tin, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, hy sinh để đưa phong trào cách mạng đi đến thắng lợi.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã có thời gian Đảng bộ gặp khó khăn về công tác tổ chức, cán bộ, luôn chịu những biến

động về cán bộ, nhất là những cán bộ chủ chốt. Rất nhiều lão thành cách mạng, cán bộ cốt cán đã hy sinh vì đạn bom, bị bắt bớ, tù đầy, tra tấn dã man. Song ở bất cứ thời điểm nào, dù trong ngục tù hay giữa chiến trường ác liệt đạn bom, luôn gương mẫu đầu tàu, luôn xả thân cống hiến, chịu đựng gian nan, đồng cam cộng khổ với nhân dân, được nhân dân tin yêu, mến phục. Vĩnh Linh còn là nơi sản sinh và nuôi dưỡng những thế hệ cán bộ, đảng viên ưu tú, trở thành nòng cốt lãnh đạo phong trào cách mạng của huyện, của tỉnh, thể hiện bản lĩnh chính trị và năng lực vượt trội trong lãnh đạo toàn diện, đưa phong trào cách mạng của địa phương đi đến thắng lợi vẻ vang.

2. Luôn tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, coi trọng công tác vận động, tập hợp và tổ chức quần chúng đi theo Đảng, tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước để thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa sống còn của Đảng bộ

Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với chân lý “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân”; phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng và bản sắc văn hóa của quê hương, trong tiến trình cách mạng hơn 4 thập kỷ qua, Đảng bộ Vĩnh Linh luôn chú trọng công tác vận động, tập hợp quần chúng tự nguyện đứng dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, tạo nên sức mạnh tổng hợp có thể vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chỉ với tay không nhưng với trái tim yêu nước và tinh thần cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh đã vùng lên đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành lại độc lập, tự do, cơm áo cho chính mình. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, bất chấp bom đạn và sự khủng bố ác liệt của kẻ thù, Đảng bộ luôn gắn bó chặt chẽ với quần chúng, được nhân dân đùm bọc, nuôi dưỡng và bảo vệ. Đảng bộ coi vấn đề xây dựng và củng cố mối quan hệ máu thịt với quần chúng nhân dân là một nguyên tắc có tính chất sống còn. Trong những ngày hoạt động bí mật (1930-1945), khi ở cương vị lãnh đạo chính quyền (1945-1975), cán bộ và đảng viên luôn luôn nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, chịu đựng gian khổ, cùng ăn, cùng ở, cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng hòa xương máu với nhân dân. Đặc biệt, trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhân dân Vĩnh Linh đã trăm người như một, bền gan vững chí, sát cánh cùng Đảng bộ chiến đấu, biến quê hương Vĩnh Linh thành lũy thép, thành biểu tượng chói ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Với một lực lượng quần chúng nhân dân trung thành như vậy thì không một nhiệm vụ khó khăn gian khổ, không một hy sinh ác liệt nào là không vượt qua để giành thắng lợi.

3. Không ngừng chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, làm tốt vai trò nòng cốt của chiến tranh nhân dân

Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh giành được thắng lợi còn do đã xây dựng được một lực lượng vũ trang nhân dân

địa phương trung thành vô hạn với Đảng và nhân dân, ngày một dày dặn trong chiến đấu và công tác. Lúc mới xây dựng cho đến lúc trưởng thành, dù chiến đấu để giữ vững địa bàn hay chi viện cho phía trước, với tinh thần "cơm Bắc - giặc Nam", lực lượng vũ trang Vĩnh Linh vẫn luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Quán triệt quan điểm chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, với đặc điểm, vị trí và nhiệm vụ chính trị của mình, Đảng bộ Vĩnh Linh đã xây dựng được một lực lượng vũ trang vững mạnh, mà dân quân tự vệ giữ một vai trò chiến lược cực kỳ lợi hại. Đó là một đội quân đông đảo, gang thép "động vi binh, tịnh vi dân"; giặc đến cầm súng chiến đấu, giặc đi cầm cuốc sản xuất. Suốt trong hai giai đoạn trường kỳ kháng chiến, ở bất cứ thời điểm nào; cấp ủy, chính quyền và nhân dân từ huyện đến xã đều dành sự quan tâm đặc biệt, thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức và tư tưởng cho mọi đơn vị, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang. Nhờ vậy, tuy tình hình cách mạng luôn biến động nhưng tổ chức lực lượng vũ trang ở thời điểm nào cũng đảm bảo vững mạnh và những thành viên của tổ chức ấy luôn kiên định lập trường giai cấp, tư tưởng vững vàng, ý chí chiến đấu cao, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương.

Tổ chức vững, thành viên của tổ chức kiên cường sẽ là chỗ dựa đáng tin cậy cho phong trào "toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến" trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Suốt mấy thập kỷ qua, dù gian khổ, ác liệt đến

đầu, dù phải hy sinh xương máu đến mấy, bất cứ lúc nào các lực lượng vũ trang Vĩnh Linh đều hoàn thành xuất sắc vai trò nòng cốt trong chiến tranh nhân dân, cùng với toàn dân đánh thắng mọi kẻ thù.

4. Phát huy ý chí tự lực tự cường, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ từ các nguồn lực bên ngoài, phối hợp với sức mạnh của các lực lượng vũ trang trong chiến đấu để giành chiến thắng

Trải qua 2 cuộc kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh đã phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường và sức mạnh nội lực để vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ. Trong chiến tranh, khi đối mặt với bom đạn ác liệt của kẻ thù, tất cả các nguồn lực đều được huy động để phục vụ chiến đấu. Bên cạnh đó, Vĩnh Linh còn đón nhận sự hỗ trợ, giúp đỡ, chi viện hết lòng của Trung ương và các bộ, ngành, của bạn bè xa, gần về vật chất và tinh thần, tạo thành sức mạnh to lớn để Vĩnh Linh vượt qua mọi gian nan, thử thách.

Trong chiến đấu với kẻ thù, một nhân tố quan trọng chính là sự giúp đỡ, phối kết hợp nhuần nhuyễn, hiệu quả trong chiến đấu giữa lực lượng vũ trang địa phương với các quân, binh chủng chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam để giành được những thắng lợi vẻ vang, lập những chiến công xuất sắc ngay trên mảnh đất tuyến lửa ác liệt đạn bom, viết nên trang sử vàng chói lọi của mảnh đất “Vĩnh Linh lũy thép anh hùng”.

Khi cuộc chiến đã đến đỉnh điểm của sự khốc liệt, ở Vĩnh Linh “một phần đất, ba phần sắt thép”, chiến dịch sơ tán để đảm bảo an toàn tính mạng và nuôi dưỡng những hạt giống cách mạng cho quê hương của 4,6 vạn người già, trẻ nhỏ, học sinh, phụ nữ theo 2 chiến dịch K8 và K10 đã nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ, cứu mang, đùm bọc đúng nghĩa hai tiếng “đồng bào” của Đảng bộ và nhân dân các tỉnh miền Bắc. Chính từ sự giúp đỡ lớn lao ấy, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh đã nỗ lực, quyết tâm bám trụ, giữ vững từng tấc đất quê hương, hoàn thành xuất sắc trọng trách mà Trung ương giao phó. Ôn sâu nghĩa nặng ấy, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Linh mãi mãi không bao giờ quên.

Chiến tranh đã lùi xa, song những bài học quý báu ấy vẫn còn nguyên giá trị. Với khí phách cách mạng và khí thế tiến công, với truyền thống yêu nước và cách mạng cùng nền tảng bản sắc, văn hóa, cốt cách con người Vĩnh Linh đã được hun đúc trong những năm tháng chiến tranh, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh quyết tâm cùng cả tỉnh, cả nước phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH PHỦ ỦY, KHU ỦY, BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ, BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

I. BÍ THƯ PHỦ ỦY TỪ NĂM 1931 ĐẾN 9/1945

Đầu năm 1931: Thành lập 3 Chi bộ Cộng sản đầu tiên:
Quảng Xá, Thượng Lập, Huỳnh Công

1. Tháng 5/1931: Thành lập Phủ ủy Vĩnh Linh

- Đoàn Bá Thừa : Bí thư Phủ ủy
- Trần Văn Ngoạn : Ủy viên
- Trần Công Khanh : Ủy viên

2. Đầu năm 1933: Lập lại Phủ ủy Vĩnh Linh

- Trần Văn Luận : Bí thư Phủ ủy
- Trần Đồng : Ủy viên
- Hoàng Hoàn : Ủy viên

3. Tháng 3/1937: Lập lại Phủ ủy Vĩnh Linh

- Trần Xuân Miên : Bí thư Phủ ủy
- Trần Giác : Ủy viên
- Nguyễn Mục : Ủy viên
- Lê Đăng : Ủy viên
- Nhạn : Ủy viên

4. Tháng 5/1937 - 6/1937:

- Lê Đăng : Bí thư Phủ ủy

5. Tháng 7/1940 - 11/1942:

- Trần Xuân Miên : Bí thư Phủ ủy

6. Tháng 12/1942 - 9/1945:

- Lê Ái : Bí thư Phủ ủy

7. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đổi tên Phủ
ủy Vĩnh Linh thành Huyện ủy Vĩnh Linh.

- Hoàng Xuân : Bí thư Huyện ủy
(10/1945-10/1948)

II. BÍ THƯ HUYỆN ỦY VĨNH LINH

(từ tháng 11/1948 đến tháng 5/1955)

1. Tháng 11/1948: Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I

- Hoàng Đức Sản : Bí thư Huyện ủy
(11/1948 - 02/1949)

- Phan Trọng Tịnh : Bí thư Huyện ủy
(3/1949 - 5/1951)

2. Tháng 5/1951: Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II

- Hoàng Đức Sản : Bí thư Huyện ủy
(5/1951 - 5/1955)

III. NGÀY 28/5/1955: BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG RA NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-TW VỀ THÀNH LẬP ĐẢNG ỦY KHU VỰC VĨNH LINH (5/1955-3/1959)

Ban Chấp hành Đảng bộ Khu ủy do Trung ương chỉ
định, gồm:

- Lê Thanh Liêm : Bí thư Khu ủy
- Hồ Sỹ Thản : Ủy viên
- Nguyễn Ngự (tức Nhơn) : Ủy viên

Cuối năm 1955, đồng chí Lê Thanh Liêm được Trung
ương điều động nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Hồ Sỹ Thản
được cử làm Quyền Bí thư Khu ủy.

IV. NGÀY 23/3 ĐẾN NGÀY 02/4/1959:
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ KHU VỰC VĨNH LINH LẦN THỨ I

Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh gồm 15 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết.

Ủy viên chính thức:

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| 1. Hồ Sỹ Thản | 9. Võ Văn Ái (tức Vân) |
| 2. Hoàng Đức Sản | 10. Nguyễn Văn Lương |
| 3. Trần Đồng | 11. Dương Tồn |
| 4. Vân Hùng | 12. Trần Chính Ngọ |
| 5. Hoàng Văn Đáo | 13. Trần Ngọc Báu |
| 6. Phan Ngô | 14. Lưu Đức Huân |
| 7. Phan An (tức Toàn) | 15. Trần Thị An |
| 8. Trần Hữu Quốc | |

Ủy viên dự khuyết:

1. Trần Kim Hồ
2. Trần Đắc (Nguyễn Thang)
3. Lê Cúc (tức Xích - Viết)
4. Hồ Văn Thanh (tức Hồng Hà)
5. Nguyễn Tạo

Ban Thường vụ Khu ủy Vĩnh Linh:

- | | |
|------------------|--------------|
| 1. Hồ Sỹ Thản | : Bí thư |
| 2. Hoàng Đức Sản | : Phó Bí thư |
| 3. Trần Đồng | : Phó Bí thư |

V. NGÀY 29/3/1961:
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ KHU VỰC VĨNH LINH LẦN THỨ II

Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh gồm 17 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết:

Ủy viên chính thức:

- | | |
|---------------------|------------------|
| 1. Hồ Sỹ Thản | 10. Dương Tồn |
| 2. Trần Đồng | 11. Trần Đắc |
| 3. Trần Hữu Quốc | 12. Hồ Văn Thanh |
| 4. Vân Hùng | 13. Phan Ngô |
| 5. Hoàng Văn Đáo | 14. Trần Kim Hồ |
| 6. Trần Chính Ngọ | 15. Phan An |
| 7. Nguyễn Văn Lương | 16. Nguyễn Minh |
| 8. Võ Văn Ái | 17. Nguyễn Khiếu |
| 9. Trần Thị An | |

Ủy viên dự khuyết:

1. Lê Cúc
2. Nguyễn Nước
3. Lê Thanh Vân

VI. NGÀY 03/6/1963:
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ KHU VỰC VĨNH LINH LẦN THỨ III

Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh gồm 17 ủy viên:

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 1. Hồ Sỹ Thản | 10. Dương Tồn |
| 2. Trần Đồng | 11. Trần Đắc |
| 3. Trần Hữu Quốc | 12. Hồ Văn Thanh |
| 4. Vân Hùng | 13. Hoàng Văn Đáo |
| 5. Phan Ngô | 14. Trần Kim Hồ |
| 6. Trần Chính Ngọ | 15. Phan An |
| 7. Trần Hữu Quốc | 16. Nguyễn Minh |
| 8. Võ Văn Ái | 17. Nguyễn Khiếu |
| 9. Trần Thị An | |

- Hồ Sỹ Thản: Bí thư (6/1963 - 5/1966)
- Trần Đồng: + Bí thư (6/1966 - 10/1971)
+ Phó Bí thư (6/1963 - 5/1966)
+ Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu vực (6/1963 - 5/1966)
- Lê Thanh Liêm: + Chủ tịch Ủy ban hành chính khu vực (6/1966 - 10/1971)

VII. NGÀY 08/11/1971:

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ KHU VỰC VĨNH LINH LẦN THỨ IV

Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh gồm 19 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết:

Ủy viên chính thức:

- | | |
|-----------------|-----------------------|
| 1. Trần Đồng | 10. Phan Văn Toàn |
| 2. Phan Du | 11. Cao Văn Đàn |
| 3. Dương Tốn | 12. Nguyễn Minh |
| 4. Vũ Kỳ Lân | 13. Trương Thị Khuê |
| 5. Hồ Ray | 14. Trần Kết |
| 6. Hoàng Thị Mễ | 15. Nguyễn Quang Đồng |
| 7. Trần Đắc | 16. Lưu Đức Huân |
| 8. Nguyễn Tích | 17. Hoàng Thị Thôn |
| 9. Hoàng Cân | 18. Đinh Như Gia |
| | 19. Trần Kim Hồ |

Ủy viên dự khuyết:

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1. Trần Đình Thạch | 3. Nguyễn Ty Niên |
| 2. Nguyễn Thắng | 4. Lê Văn Hiệ |

Ban Thường vụ Khu ủy:

- | | |
|--------------|----------|
| 1. Trần Đồng | : Bí thư |
|--------------|----------|

- | | |
|--------------|--|
| 2. Dương Tốn | : Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính |
| 3. Phan Du | : Ủy viên |

VIII. NGÀY 22/6/1974:

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ KHU VỰC VĨNH LINH LẦN THỨ V

Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh gồm 15 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết:

Ủy viên chính thức:

- | | |
|-------------------|----------------------|
| 1. Hồ Ray | 9. Trần Kim Hồ |
| 2. Dương Tốn | 10. Trần Thị Ngót |
| 3. Trần Đắc | 11. Nguyễn Quốc Tuấn |
| 4. Đinh Như Gia | 12. Trần Đình Thạch |
| 5. Trần Đồng | 13. Nguyễn Ty Niên |
| 6. Thái Văn Liên | 14. Hoàng Thao |
| 7. Cao Văn Đàn | 15. Lê Văn Hiệ |
| 8. Hoàng Thị Thôn | |

Ủy viên dự khuyết:

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1. Hoàng Cân | 4. Nguyễn Văn Hiệ |
| 2. Lê Chiêu Năm | 5. Nguyễn Hoa Nam |
| 3. Nguyễn Văn Hiếu | |

Ban Thường vụ Khu ủy:

- | | |
|----------------|--|
| 1. Trần Đồng | : Bí thư |
| 2. Dương Tốn | : Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính |
| 3. Trần Đắc | : Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính |
| 4. Cao Văn Đàn | : Ủy viên |
| 5. Lê Văn Hiệ | : Ủy viên |
| 6. Trần Kim Hồ | : Ủy viên |

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TUYÊN DƯƠNG ANH HÙNG

I. TẬP THỂ

1. Khu vực Vĩnh Linh
2. Nông trường Quyết Thắng
3. Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Kim
4. Lực lượng vũ trang khu vực Vĩnh Linh
5. Tự vệ Bệnh viện Khu vực Vĩnh Linh
6. Tự vệ Bưu điện Khu vực Vĩnh Linh
7. Tổ dây máy và điện thoại Ty Bưu điện Vĩnh Linh
8. Công an huyện Vĩnh Linh
9. Đảo Cồn Cỏ (tuyên dương 2 lần)
10. Đồn Công an vũ trang Cửa Tùng
11. Đồn Công an vũ trang Cù Bai (tuyên dương 2 lần)
12. Đại đội Lê Hồng Phong
13. Tiểu đoàn 6 pháo cao xạ Vĩnh Linh
14. Trạm Công an vũ trang Hiền Lương
15. Đại đội 13 pháo binh Vĩnh Linh
16. Đội chiếu bóng số 13 Vĩnh Linh
17. Ban Công an xã Vĩnh Giang (tuyên dương 2 lần)
18. Ban Công an xã Vĩnh Lâm
19. Ban Công an xã Vĩnh Sơn

20. Đại đội quân y 20 Khu đội Vĩnh Linh
21. Dân quân du kích xã Vĩnh Thủy
22. Dân quân du kích xã Vĩnh Quang
23. Dân quân du kích xã Vĩnh Chắp
24. Dân quân du kích xã Vĩnh Sơn
25. Dân quân du kích xã Vĩnh Giang
26. Dân quân du kích xã Hướng Lập
27. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Thành
28. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Thạch
29. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Thái
30. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Tân
31. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Tú
32. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Nam
33. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Trung
34. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Long
35. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Kim
36. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Hòa
37. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Hiền
38. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Hà
39. Nhân dân và Lực lượng vũ trang thị trấn Hồ Xá
40. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Lâm
41. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Ô
42. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã Vĩnh Khê
43. Đại đội 22 (C22) tiếp tế đảo Cồn Cỏ

II. CÁ NHÂN

1. Anh hùng Lao động Lê Văn Ánh
2. Anh hùng Lao động Đinh Như Gia
3. Anh hùng Lao động Trần Chí Thành
4. Anh hùng Lao động Lê Văn Phú

5. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Lê Văn Ban
6. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Cao Lương Bằng
7. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trương Chí Cường
8. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trương Văn Đo
9. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Đào Xuân Hường (tức Đào Xuân Phương)
10. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Cao Văn Khang (đảo Côn Cỏ)
11. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trương Thị Khuê
12. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Tăng Mật (đảo Côn Cỏ)
13. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trương Thành Nam
14. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Thái Văn A (đảo Côn Cỏ)
15. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Cao Tất Đắc (đảo Côn Cỏ)
16. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Bùi Hạnh (đảo Côn Cỏ)
17. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Liệt sĩ Lê Công Hiệu
18. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Liệt sĩ Phan Hữu Sính
19. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Liệt sĩ Lê Thanh Cải
20. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Ngô Thị Diệm
21. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Lê Hữu Trạc
22. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trần Hữu Lưu
23. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Quang Triêm

Phụ lục III

TỔNG HỢP CÁC DANH HIỆU KHÁC ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG THỜI KỲ CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

- + 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất
- + 03 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 03 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 02 Huân chương Quân công hạng Nhất
- + 02 Huân chương Quân công hạng Nhì
- + 650 Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba (giai đoạn 1965-1972)
- + 146 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba (giai đoạn 1965-1975)
- + 28.000 cá nhân được tặng Huân, Huy chương Kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ
- + 188 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- + 462 chiến sĩ được công nhận Chiến sĩ quyết thắng
- + Bác Hồ 8 lần gửi thư khen ngợi về thành tích chiến đấu và sản xuất giỏi
- + Đơn vị 3 lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Vĩnh Giang
- + Đơn vị lá cờ đầu phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc: Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Kim
- + Đơn vị nhiều Huân chương: Vĩnh Quang (với 6 Huân chương Chiến công tập thể và 55 Huân chương Chiến công cá nhân)

Phụ lục IV

MỘT SỐ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA QUÂN VÀ DÂN VĨNH LINH TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Suốt 10 năm, từ 1965-1975, Đảng bộ, quân và dân Vĩnh Linh đã lập nên những thành tích lớn lao:

1. Đã phục vụ kịp thời và có hiệu quả đối với các đơn vị bộ đội chủ lực trong chiến đấu trên địa bàn.

2. Độc lập tác chiến và phối hợp bắn rơi 293 máy bay Mỹ (trong đó có 7 chiếc B52), diệt và bắt sống nhiều giặc lái Mỹ.

3. Bắn chìm, bắn cháy 69 tàu chiến, tàu biệt kích Mỹ nguy, trong đó có chiến hạm Niugioldi trọng tải 100.000 tấn.

4. Cùng với các đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn tổ chức đánh 312 trận ở các xã bờ Nam, diệt và bắt sống 26.739 tên địch (trong đó có 1.415 tên Mỹ), bắn sập và bắn cháy 99 lô cốt, kho tàng, bắn hỏng 5 dàn radar và 83 khẩu pháo cỡ lớn.

5. Phụ nữ Vĩnh Linh trong giai đoạn chống Mỹ: 72% phụ nữ đạt danh hiệu “3 đảm đang”; 563 chiến sĩ Quyết thắng và chiến sĩ thi đua, được tặng thưởng 13 Huân chương Chiến công và Huân chương Lao động các loại. Đảng viên nữ chiếm 21%, giữ cương vị chủ tịch xã: 16% và phó chủ tịch xã: 52,2%.

6. Thanh niên Vĩnh Linh: đã đào tạo cho Đảng 2.498 cán bộ các cấp, 3.171 đoàn viên ưu tú được giới thiệu vào Đảng, chiếm 69,7% số đảng viên được kết nạp trong 8 năm. Thanh niên Vĩnh Linh vinh dự được nhận Cờ thưởng luân lưu của Trung ương Đảng “Thanh niên anh dũng tiên tiến, quyết tâm đánh giặc Mỹ xâm lược”.

Từ năm 1967-1968 đến năm 1973 được Chính phủ tặng 2 Huân chương Lao động hạng Nhất và hạng Nhì; 4 đơn vị cơ sở được tặng thưởng Huân chương Lao động từ hạng Nhất đến hạng Ba; 265 thanh niên được thưởng Huân chương Chiến công và Huân chương Lao động các loại; 45 đơn vị đoàn cơ sở và chi đoàn được Trung ương Đoàn tặng Cờ Nguyễn Văn Trỗi; 63 thanh niên được thưởng Huy hiệu Bác Hồ; hàng vạn Giấy khen, Bằng khen của các cấp cho đơn vị và cá nhân.

Phụ lục V

TỘI ÁC CHIẾN TRANH DO ĐẾ QUỐC MỸ GÂY RA TRÊN MẢNH ĐẤT VĨNH LINH (1954-1975)

1. Tổng số người chết trong chiến tranh: 5.117 người

Trong đó:

- Phụ nữ:	1.282 người
- Trẻ em dưới 15 tuổi:	1.056 người
- Người già trên 60 tuổi:	304 người
- Cán bộ, bộ đội:	1.189 người
- Nhân dân:	1.286 người

2. Tổng số người bị thương trong chiến tranh: 4.200 người

Trong đó:

- Thương tật suốt đời:	3.250 người
- Phụ nữ:	920 người
- Trẻ em dưới 15 tuổi:	456 người
- Người già 60 tuổi trở lên:	200 người
- Nhân dân:	2.897 người

3. Tổng số người bị thương sau chiến tranh: 687 người

4. Thiệt hại về kinh tế - xã hội và môi trường

- Lướt nhà cửa bị phá hủy:	15.656 cái
- Trâu bò bị chết:	10.762 con
- Số lần thôn, xóm bị hủy diệt:	531
- Số vụ giết người hàng loạt:	134

Trong đó:

- Số vụ chết trên 100 người:	2
- Số trẻ mồ côi cha:	1.474 cháu
- Số trẻ mồ côi mẹ:	1.006 cháu
- Số trẻ mồ côi cả cha và mẹ:	280 cháu
- Số gia đình bị chết cả hộ:	55

- Bình quân cứ 7 người dân Vĩnh Linh có một người thuộc diện chính sách xã hội.

- Số cơ sở giáo dục bị đánh phá:	68
- Số cơ sở y tế bị hủy diệt:	45
- Công trình thủy lợi lớn bị hủy diệt:	2
- Nhà thờ công giáo bị hủy diệt:	8
- Công trình văn hóa bị hủy diệt:	7

- Số lần thả chất độc hóa học:	231 vụ
- Số lần ném bom napan:	102 vụ

- Số bom đạn do đế quốc Mỹ ném xuống khu vực Vĩnh Linh giai đoạn 1964-1973:

668.876 tấn	- Số lần tốp B52 đánh phá:	707 tốp
	- Số trận đánh phá bằng B52:	1.353 trận

- Bình quân một người dân Vĩnh Linh phải gánh chịu: 7 tấn bom đạn và 10 quả đạn pháo.

Phụ lục VI

TỔNG SỐ LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH, BỆNH BINH, BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG, LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA, NGƯỜI THAM GIA KHÁNG CHIẾN, DÂN CÔNG HỎA TUYẾN, NGƯỜI CÓ CÔNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP HẰNG THÁNG*

1. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng:	405 mẹ
2. Cán bộ lão thành cách mạng:	289 đồng chí
3. Cán bộ tiền khởi nghĩa:	61 đồng chí
4. Liệt sĩ:	5.271 người
5. Thương binh:	2.773 người
6. Bệnh binh:	586 người
7. Người có công và thân nhân người có công đang được hưởng trợ cấp hằng tháng:	3.559 người

* Tính đến ngày 31/12/2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
3. *Nguyễn Trãi Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
4. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1991.
5. Dương Văn An: *Ô châu cận lục (Phan Đăng, Phan Thanh dịch và chú giải)*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2000.
6. *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Bản dịch của Viện sử học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969.
7. Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập II), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1967; *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập III), 1968.
8. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, 1994.
9. Nguyễn Đình Tư: *Non nước Quảng Trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2011.
10. Nguyễn Quang Ân: *Việt Nam - những thay đổi về địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1997*, Hà Nội, 1994.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị* (tập 1, tập 2), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

12. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tân Kỳ: *Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Kỳ, tập 1 (1963-2005)*, Nxb. Nghệ An, 2008.
13. *Lịch sử Đảng bộ huyện Cam Lộ (1930-2000)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
14. *Lịch sử Đảng bộ huyện Gio Linh - tập I (1930-1975), tập II (1975-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
15. *Lịch sử huyện đảo Côn Cỏ*, Nxb. Đại học Huế, Huế, 2019.
16. *Côn Cỏ - 50 năm những sự kiện lịch sử 1959-2009*, Quảng Trị, 2009.
17. *Hồ sơ Vĩ tuyến 17 (1954-1975)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011.
18. Trần Đông: *Vĩnh Linh kiên cường, bất khuất*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974.
19. Nhiều tác giả: *Thép từ ngàn độ lửa* (Tuyển tập), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2014.
20. *Tân Kỳ - truyền thống làng xã*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
21. Nguyễn Huy: *Vĩnh Linh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1982.
22. Vũ Kỳ Lân, Nguyễn Sinh: “Ký sự miền đất lửa”, *Một thời giới tuyến* (tuyển tập), Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2000.
23. Hùng Sơn, Lê Khai: *Đường Hồ Chí Minh qua Bình Trị Thiên*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1992.
24. Viện Lịch sử Quân sự Bộ Quốc phòng: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*, Hà Nội, 1988.
25. Phan Chung: “Kế hoạch K15”, *Người và đất quê hương* (tuyển tập), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015.
26. Tài liệu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Hà Nội, Phòng Bộ Nội vụ, Phòng Tổng cục Bưu điện.

27. Tài liệu Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bình - Trị - Thiên.
28. Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện Vĩnh Linh từ năm 1955 đến năm 1975, các nghị quyết, chỉ thị, báo cáo... lưu tại Phòng lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Văn phòng Huyện ủy Vĩnh Linh; Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh.
29. Lịch sử các ngành, đoàn thể huyện; Lịch sử Đảng bộ các xã, thị trấn thuộc huyện Vĩnh Linh.
30. Các tài liệu tham khảo khác:
 - Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 5/2001, số 7/2005, số 3/2009, số 5/2009.
 - *Phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất*. Tạp chí *Xưa và Nay*, Hà Nội, số 297, 2007.
 - *Luật Cải cách ruộng đất*, Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp.
 - *Hồ sơ cá nhân của ông Huỳnh Văn Trình*, nguyên Trưởng đoàn đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hợp DMZ giai đoạn 1961-1963. Địa chỉ: 26 Hàng Chuối, Hà Nội.
 - *Báo cáo tổng kết 5 năm K10*, ngày 19/6/1973 của Ủy ban Hành chính huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
 - Hồi ký cá nhân của các đồng chí: Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu, Vũ Kỳ Lân, Trần Đức Hạnh.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
Phần thứ nhất	
VĨNH LINH - MẢNH ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ	11
I. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên, xã hội	11
II. Lịch sử hình thành, tên gọi Vĩnh Linh và sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ	19
III. Phong trào yêu nước ở Vĩnh Linh trước khi có Đảng lãnh đạo	27
Phần thứ hai	
CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN ĐƯỢC THÀNH LẬP; PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN VĨNH LINH (1930-1945)	37
<i>Chương I: CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG ĐẦU TIÊN ĐƯỢC THÀNH LẬP - BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VĨNH LINH</i>	39
I. Sự ra đời của 3 Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Vĩnh Linh	39
II. Phủ ủy Vĩnh Linh được thành lập và lãnh đạo phong trào cách mạng chống thực dân, phong kiến	41
<i>Chương II: PHỦ ỦY VĨNH LINH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1936-1939)</i>	55
I. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng	55
	491

II. Hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội và biểu tình đưa bản dân nguyện đến Chính phủ Nhân dân Pháp	57
III. Đón Gôđa tại Hiền Lương	62
IV. Đấu tranh đòi hoàn thuế, giảm thuế kết hợp bầu cử Nghị viện dân biểu Trung Kỳ	67
Chương III: PHỦ ỦY VĨNH LINH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1939-1945)	
I. Đảng chuyển hướng vào hoạt động bí mật	71
II. Phong trào cách mạng được khôi phục và phát triển	78
III. Vĩnh Linh sau ngày Nhật đảo chính Pháp	83
IV. Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi	87
Phần thứ ba	
ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)	91
<i>Chương IV: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (9/1945 - 3/1947)</i>	93
I. củng cố và bảo vệ chính quyền, xây dựng lực lượng cách mạng	93
II. Xây dựng chiến khu Thủy Ba làm căn cứ địa, chuẩn bị kháng chiến	110
Chương V: ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “ĐÁNH NHANH THẮNG NHANH” CỦA THỰC DÂN PHÁP (1947-1949)	
I. Thực dân Pháp đánh chiếm Quảng Trị. Những khó khăn, thử thách bước đầu	118
	492

II. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, từng bước làm thất bại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp	126
III. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh lần thứ I	134
<i>Chương VI: ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC KHÁNG CHIẾN, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1949-1954)</i>	137
I. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân	137
II. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh lần thứ II	158
III. Phối hợp với các chiến trường, cùng cả nước đánh thắng hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược	162
<i>Phần thứ tư</i>	
ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)	171
<i>Chương VII: ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG KHU VỰC ĐẦU CẦU GIỚI TUYẾN (1954-1957)</i>	173
I. Vĩnh Linh sau Hiệp định Giơnevơ	173
II. Vĩnh Linh hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế	197
III. Đấu tranh đòi thực hiện hiệp thương Tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà	210
<i>Chương VIII: ĐẢNG BỘ VĨNH LINH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ - DIỆM PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH GIÖNEVƠ VÀ THỰC HIỆN</i>	221
	493

CÔNG CUỘC CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1958-1964)	
I. Đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm phá hoại Hiệp định Giơnevơ	221
II. Vĩnh Linh thực hiện Kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960)	231
III. Vĩnh Linh thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ I (1961-1965)	244
<i>Chương IX: ĐẢNG BỘ KHU VỰC LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN VĨNH LINH ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1971)</i>	263
I. Vĩnh Linh thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược: Chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến và lao động sản xuất	263
II. Vĩnh Linh lũy thép	297
<i>Chương X: VĨNH LINH THAM GIA CHIẾN DỊCH TRỊ - THIÊN, GIẢI PHÓNG TỈNH QUẢNG TRỊ, CÙNG CẢ NƯỚC HOÀN THÀNH CÔNG CUỘC THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1972-1975)</i>	421
I. Lực lượng vũ trang Vĩnh Linh tham gia Chiến dịch giải phóng Quảng Trị (năm 1972)	423
II. Đại hội đại biểu Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh lần thứ V	451
III. Vĩnh Linh với Chiến dịch Trị - Thiên - Huế năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước	455
<i>Kết luận giai đoạn 1930-1975</i>	462
<i>Phụ lục</i>	471
<i>Tài liệu tham khảo</i>	488
	494

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
ThS. TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH
Vẽ bìa: PHẠM DUY THÁI
Chế bản vi tính: MẠC THỊ TÌNH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí nghiệp in FAHASA. Địa chỉ:
774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Số đăng ký xuất bản: 2251-2020/CXBIPH/9-311/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 5137-QĐ/NXBCTQG ngày 24/7/2020.
Mã số ISBN: 978-604-57-5793-2.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2020.